

GABRIEL GARCIA
MARQUEZ



TRĂM
NĂM
CỜ
ĐÓN



VĂN HỌC NHÀ XUẤT BẢN QUỐC GIA

TRĂM NĂM CÔ ĐƠN

Tên tiếng Tây ban nha: Cien años de soledad

Tác giả : Gabriel Garcia Márquez

Dịch giả : Nguyễn Trung Đức

Thể loại : Văn học nước ngoài

Nhà xuất bản : Văn Học

Năm xuất bản : 2003

Số trang : 484

Kích thước : 13 x 19 cm

Trọng lượng : 530 g

Số quyển / 1 bộ : 1

Hình thức bìa : Bìa cứng

Giá bìa : 55.000 VNĐ

Nguồn : vnthuquan

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

LỜI GIỚI THIỆU

Tiểu thuyết đạt giải Nobel văn học năm 1982



Nhà văn Gabriel García Márquez

Cho đến nay *Trăm năm cô đơn* vẫn là cuốn tiểu thuyết lớn nhất của Gabriel García Márquez (1928), nhà văn Colombia, người được giải Nobel về văn học năm 1982. *Trăm năm cô đơn* ra đời (1967) đã gây dư luận sôi nổi trên văn đàn Mỹ Latinh và lập tức được cả thế giới hâm mộ. Theo số liệu của tác giả đến năm 1970, *Trăm năm cô đơn* đã được in bằng tiếng Tây Ban Nha hơn nửa triệu bản, chưa kể lần in ở Cuba xã hội chủ nghĩa (một lần hai vạn bản, lần sau tám vạn bản) và mười bảy hợp đồng xin phép tác giả được dịch tác phẩm này ra các thứ tiếng khác. Sau gần hai mươi năm, *Trăm năm cô đơn* đã có mặt ở khắp nơi trên hành tinh chúng ta để đến với mọi người và mọi nhà. Rõ ràng *Trăm năm cô đơn* là một cuốn sách ăn khách mặc dù tác giả của nó không viết với mục đích câu khách.

Cốt truyện và đề tài

Trăm năm cô đơn là câu chuyện về dòng họ Buendía tồn tại bảy thế hệ, người đầu tiên bị trói vào gốc cây và người cuối cùng đang bị kiến ăn, một dòng họ tự lưu đày vào cối cô đơn để chạy trốn tội loạn luân. Cái tội loạn luân này khởi sự từ việc tên cướp biển Francis Drake tấn công Riohacha khiến các cụ tổ của Úrsula Iguarán phải chuyển đến lập nghiệp ở một làng hẻo lánh. Tại đây các cụ tổ của José Arcadio Buendía đã lập nghiệp bằng nghề trồng thuốc lá. Qua ba thế kỷ, hai dòng họ này đã có quan hệ thâm giao, cháu chắt họ lấy lẫn nhau dẫn tới thảm họa đẻ ra một người đàn ông có đuôi lợn. Chính cái gương tày liếp này đã khiến cha mẹ José Arcadio Buendía và Úrsula Iguarán tìm mọi cách ngăn cản nhưng họ vẫn cứ lấy nhau. Khi đã là vợ chồng rồi và đầu José Arcadio Buendía tuyên bố “dù có đẻ ra kỳ đà anh cũng cóc cần”. Úrsula Iguarán vẫn sợ đẻ ra đứa con có đuôi lợn, nên khi đi ngủ bao giờ cô cũng mặc chiếc quần trinh tiết do mẹ may cho. Sự việc kéo dài hơn một năm khiến dân làng ngạc nhiên và đồn rằng anh chồng là kẻ bắt lực. Một hôm, bị thua José Arcadio Buendía trong một cuộc chơi gà, Prudencio Aguilar không kìm được lòng đã lờm bạ: “Tao mừng cho mày và để xem cái con gà này có làm phúc cho vợ mày không”. Vì lời nói lờm ấy anh ta phải trả cả tính mạng. Nhưng không vì thế, người chiến thắng được sống thanh thản, trái lại lúc nào cũng bị lương tâm dẫn dắt đến mức phải bỏ làng tìm đến một miền đất không được hứa trước để lập ra làng Macondo, để tự lưu đày trong cối cô đơn trăm năm. Rồi trong cối cô đơn ấy, những José Arcadio và những Aureliano, những Remedios và những Amaranta đã ra đời, sống cuộc đời với số phận bi đát dường như đã được định trước: lay lắt trong nỗi cô đơn và hoài nhớ, thấp thỏm lo phạm tội loạn luân.

Nhưng lo cũng chẳng được. Lúc còn đang thời sinh nở, sau mỗi lần đẻ Úrsula Iguarán đều cận kề xem con mình có mang bộ phận nào của con vật không. Về già, cụ luôn luôn nhắc nhở đám cháu con hãy mở to mắt để nhận mặt họ hàng, đừng chung đụng xác thịt mà sinh con có đuôi lợn. Nhưng cụ không thể sống đến hết chuyện để khuyên giải Amaranta Úrsula và Aureliano Babilonia. Vì không biết rõ gốc gác, không nắm được quan hệ ruột thịt, Amaranta Úrsula và Aureliano Babilonia đã yêu nhau mãnh liệt, ăn nằm với nhau và lấy nhau với hy vọng tình yêu sẽ cải tạo nòi giống mình. Nhưng họ đã đẻ ra đứa con quái thai có đuôi lợn và con vật huyền thoại này đã kết liễu dòng họ Buendía tồn tại bảy thế hệ. Rõ ràng trong thế giới cô đơn và hoài nhớ ấy, những người trong dòng họ Buendía đã phạm tội loạn luân dù cho họ cô ý chạy trốn tội loạn luân. Như vậy chúng ta thấy trong *Trăm năm cô đơn*, loạn luân là một đề tài đã mở và đóng lại một thiên truyện. Nhưng sự ra đời và tồn tại của dòng họ Buendía lại gắn rất chặt với số phận của làng Macondo. Lúc đầu Macondo là một làng quê hiền hòa. Tại đây

chưa một ai đã ngoài ba mươi tuổi. Macondo chưa có nghĩa địa, dân trí Macondo chưa được khai sáng. Đứng đầu làng là José Arcadio Buendía, một tộc trưởng. Ông chặn dất dân Macondo theo lệ thói của công xã nông thôn. Dân Macondo sống hiền lành, không phạm tội giết người nên không cần có quan cai trị (phần đời) và cha cố (phần hồn). Mặc dù sống biệt lập với thế giới bên ngoài, dân Macondo đã biết làm cho làng mình trở thành một làng quê trù mật và yên vui. Người Digan, theo tiếng chim hót và tiếng nhạc đồng hồ, đã tìm được đường đến với Macondo. Họ mang tới đây biết bao thứ mới lạ mà dân Macondo chưa hề biết tới. Họ mang tới làng nghề thủ công và nghề buôn bán. Họ lập ra phố Thổ Nhĩ Kỳ. Macondo từ một làng quê trở thành một thị trấn. Chính phủ trung ương phái tới làng một Quan thanh tra. Đó là ông Apolinar Moscote. Sự có mặt của Quan thanh tra đã làm cho cuộc sống vốn thanh bình của Macondo bỗng trở nên bị xáo trộn. Cuộc nội chiến triền miên và khốc liệt giữa hai phái Bảo hoàng và Tự do đã nhiều phen tàn phá Macondo, làm cho dân chúng phải nhiều phen điêu đứng. Tương ứng với thời kỳ này của Macondo là sự trưởng thành của thế hệ thứ hai dòng họ Buendía mà người tiêu biểu là đại tá Aureliano Buendía. Ngài đã phát động ba mươi hai cuộc chiến và ngài phải chịu thất bại hoàn toàn, buộc phải kí hiệp định đình chiến Neerlandia mà thực chất của bản hiệp định này là sự đầu hàng của lực lượng Tự do trước lực lượng Bảo hoàng.

Nhờ có đường xe lửa, Macondo thực sự giao lưu với thế giới bên ngoài. Phim ảnh, máy phát điện, máy hát, gái điếm, khách du lịch đã tràn ngập Macondo. Công ty chuối (thực chất là Công ty hoa quả Mỹ) cũng đến đây và lập đồn điền chuối. Dân tứ xứ đổ về Macondo. Cuộc sống Macondo sầm uất lên. Giai đoạn này của Macondo tương ứng với thế hệ thứ tư dòng họ Buendía mà người tiêu biểu là hai anh em sinh đôi: Aureliano Segundo và José Arcadio Segundo. Aureliano Segundo to khỏe đầy sinh lực, sôi nổi sống hết mình trong cõi đời thế tục. Ngược lại José Arcadio Segundo vóc người mảnh khảnh nhưng rất thông minh, đã tham gia lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân chuối đòi cải thiện sinh hoạt và tăng lương. Người Mỹ, ở đây là ngài Trao, rất xảo quyệt và tráo trở tìm mọi cách thoái thác những yêu cầu chính đáng của công nhân. Khi cuộc đấu tranh lên đến cao trào, người Mỹ đã thẳng tay tắm máu công nhân bằng một vụ thảm sát tất cả những ai có mặt ở sân ga và sau đó dùng đoàn tàu dài hơn hai trăm toa chở xác chết ném xuống biển như Công ty chuối vẫn đổ chuối thối. Công ty chuối rút khỏi Macondo. Bằng phép màu, Công ty chuối đã chìm chết Macondo trong một trận mưa lụt kéo dài bốn năm mười một tháng hai ngày và sau đó lại rang khô nó trong nạn hạn hán kéo dài mười một năm. Macondo tiêu điều xơ xác. Cỏ dại, sâu bọ sinh sôi nảy nở nhanh chóng và hung hãn tiến công con người ngày một quyết liệt hơn để đến một ngày kia một trận cuồng phong nổi lên xóa

Macondo khỏi mặt đất này.

Kết cấu và thời gian nghệ thuật

Khi đọc đến Aureliano Babilonia giải được mã của Melquíades viết trên những tấm da thuộc, chúng ta nhận thấy *Trăm năm cô đơn* là chuyện về dòng họ Buendía được viết tỉ mỉ đến từng chi tiết theo phương thức thời gian đồng hiện với một kết cấu phức tạp và chặt chẽ. Viết được như vậy chính là vì García Márquez đã khởi công viết cuốn sách này từ năm 1950. Khi ấy, ông mới mười bảy tuổi làm một nhà báo tập sự, từng có một ít truyện ngắn đăng trên các báo chí địa phương. Sống trên gác xép một tòa nhà bốn tầng, nhiều bữa phải ăn cơm của các cô gái điếm nghèo cùng trọ trong ngôi nhà ấy, García Márquez viết cuốn tiểu thuyết nhan đề Ngôi nhà (La Casa) bao gồm những chuyện về ngôi nhà có ma, ngôi nhà của chính ông bà ngoại mình. Đây là câu chuyện ông biết được qua miệng người bà ngoại có biệt tài kể chuyện. Và đây cũng là cuộc nội chiến giữa phái Bảo hoàng và phái Tự do qua miệng người ông ngoại, một cựu chiến binh của phái Tự do. Những chuyện này gắn bó với tuổi ấu thơ của nhà văn. Ông phải bỏ dở cuốn sách, có lẽ vì ông còn quá trẻ. Sau đó chúng ta thấy ông lần lượt cho ra mắt bạn đọc những tác phẩm như: *Đôi mắt chó xanh* (tập truyện, 1955), *Lá rụng* (tiểu thuyết, 1955), *Ngài đại tá chờ thư* (truyện, 1957), *Giờ xấu* (tiểu thuyết, 1962) và *Đám tang của bà Mẹ vĩ đại* (tập truyện, 1962). Chúng ta thấy những nhân vật này có mặt nhiều lần trong các tác phẩm trên và chúng có liên quan với nhau vì chúng đều ở làng Macondo hoặc có dịp qua lại làng Macondo. Hơn thế nữa, chúng ta thấy nhiều nhân vật đó lại có mặt trong *Trăm năm cô đơn*. Như vậy, ta có thể nói rằng qua các trang này, García Márquez đã rèn luyện, thử thách ngòi bút mình, đã tìm ra được cái giọng điệu độc đáo của mình trước khi bước vào viết cuốn sách ông từng ấp ủ nhiều năm, đó là *Trăm năm cô đơn*. Ông thuộc lòng câu chuyện đến mức có thể kể ngược rồi kể xuôi cho các bạn mình nghe. Vào một ngày tốt lành năm 1965, ông bảo Mercedes Barcha, vợ ông, rằng: “Từ nay em lo chuyện nhà cửa để anh chuyên viết sách”. Ông dành mười tám tháng, ngày nào cũng như ngày nào, sáng bắt đầu từ tám giờ, chiều kết thúc vào lúc ba giờ, cầm cùi viết. Khi viết được hai trăm trang, ông đọc tiểu thuyết *Thế kỷ ánh sáng* của nhà văn Alejo Carpentier. Vì nhận thấy lời văn cuốn sách mình đang viết na ná giống lời văn của *Thế kỷ ánh sáng*, ông xé bỏ bản thảo, bắt đầu viết lại từ đầu. Cuốn sách được phát hành, đã gây dư luận sôi nổi trên văn đàn Mỹ Latinh. Thành công ấy hoàn toàn không bất ngờ đối với García Márquez vì khi rời ghế nhà trường ông mang hai niềm tin lớn: chủ nghĩa xã hội và những cuốn tiểu thuyết hay, vì trách nhiệm của người cầm bút là phải viết cho thật hay. *Trăm năm cô đơn* là một trong những cuốn tiểu thuyết ông mơ ước và đã phấn đấu để có được.

Khi đọc xong *Trăm năm cô đơn* chúng ta thấy ở cuốn sách này có hai văn bản. Văn bản một là cái văn bản chúng ta đọc hết dòng này sang dòng khác chạy suốt từ đầu đến cuối sách. Văn bản hai là văn bản được Melquíades viết trên những tấm da thuộc. Văn bản hai làm nền cho văn bản một. Tương ứng với hai văn bản trên có hai người kể chuyện. Một là người kể chuyện ở văn bản một, chúng tôi gọi là người kể chuyện thứ nhất, và người kia là Melquíades kể chuyện ở văn bản hai, chúng tôi gọi là người kể chuyện thứ hai. Sau khi đã thuộc lòng câu chuyện về dòng họ Buendía do người kể chuyện thứ hai ghi trên những tấm da thuộc, người kể chuyện thứ nhất, với tư cách nhà thông thái, người hiểu biết tất cả, theo sở thích của mình kể lại cho chúng ta nghe chính những câu chuyện ấy. Rồi trong khi kể cho chúng ta nghe, người kể chuyện thứ nhất đã vận dụng kết cấu sự kiện để làm nổi bật tính cách một nhân vật hoặc bản chất một sự kiện bằng cách hội tụ các sự kiện, các tình tiết theo thứ tự biên niên sử. Tương ứng với hai người kể chuyện, trong tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* có hai thời gian sau đây:

a) Thời gian của người kể chuyện thứ nhất tương ứng với văn bản một, bắt đầu với việc giới thiệu một nhân vật, rồi đến thế kỷ, sau đó lại tiếp nối cùng với việc kể tiếp về nhân vật ấy. Thời gian của người kể chuyện thứ nhất dường như lấp kín mọi khoảng không gian trong đó nhân vật tồn tại và nó cho ta cảm quan về toàn bộ cuộc đời nhân vật ấy. Ví dụ: kể về cuộc đời đại tá Aureliano Buendía, cuốn sách mở đầu: *“Rất nhiều năm sau này, trước đội hành hình, đại tá Aureliano Buendía đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá”*. Trong sách cái thời điểm Aureliano Buendía sắp bị hành quyết nằm ở chương thứ bảy. Sự kiện cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá lại được kể ngay từ chương thứ nhất. Như vậy là trong suốt bảy chương đầu cuốn sách, tác giả nói về cuộc đời niên thiếu, trưởng thành cho đến khi đi trận của đại tá Aureliano. Tiếp đó thời gian của người kể chuyện thứ nhất mới vận động tiếp để kể cho chúng ta biết về những hành động, những thất bại chua cay sau này của đại tá Aureliano. Cuộc đời các nhân vật khác như Aureliano Segundo và Aureliano Babilonia cũng được trình bày tương tự. Như vậy, thời gian của người kể chuyện thứ nhất là thời gian tâm lý gắn với quá trình nhớ lại, quá trình hồi tưởng.

b) Thời gian của người kể chuyện thứ hai gắn với văn bản hai. Thời gian này là thời gian dòng họ Buendía ra đời, thịnh đạt và tuyệt diệt. Nhưng vì dòng họ này là một dòng họ đã được khẳng định, không phát triển tới một tương lai nào nên thời gian của người kể chuyện thứ hai chuyển động vòng tròn. Thời gian của người kể chuyện thứ hai là thời gian cốt truyện mang tính biên niên sử, nó là thời gian thực tại, tồn tại độc lập với ý thức của người kể chuyện thứ nhất.

Trong *Trăm năm cô đơn* chúng ta thấy hai loại thời gian này đan bện lẫn nhau, hòa quyện vào nhau, trong đó thời gian của người kể chuyện thứ hai, thời gian thực tại, giữ vai trò then chốt, tạo thành thời gian nghệ thuật của tác phẩm, phản ánh được đặc trưng trì động, chậm phát triển của Mỹ Latinh: “Xét về mặt hình thức mà nói thời gian của sự chậm phát triển thường vận động theo chu kỳ khép kín và về mặt kỹ thuật mà nói nó thường bị chia vụn thành các khoảnh khắc. Nó có tính chất vận động theo chu kỳ khép kín, là vì cái quá trình lịch sử không bao giờ được kết thúc. Khởi nghĩa không bao giờ có tác động đẩy sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc đi tới nền độc lập thật sự. Đất nước không bao giờ đi tới độc lập thực sự. Cá nhân không bao giờ đi tới sự tự ý thức hoàn toàn. Tất cả đều thay đổi đều chuyển hóa nhưng tất cả đều giẫm chân tại chỗ”^[1]. Thời gian đa chiều, thời gian nghệ thuật của *Trăm năm cô đơn* là một thành tựu của García Márquez. Nhưng thời gian nghệ thuật của tác phẩm chỉ đạt hiệu quả nghệ thuật cao khi García Márquez tạo ra được một Macondo, sản phẩm tuyệt vời của hư cấu nghệ thuật. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra Aracataca là nguyên mẫu của Macondo vì trong tác phẩm, nhất là phần cuối, chúng ta có thể nhận ra những người thật việc thật của Aracataca, quê hương của tác giả. Ví dụ theo Germán Vargas, nhà phê bình văn học Colombia, bạn thân của García Márquez, thì cụ già bán sách cổ người Catalunya chính là cụ Ramón Jiménez. Bốn người bạn trẻ chơi thân với nhau chính là tác giả (vai Gabriel) và các bạn của ông như Álvaro chính là nhà văn Álvaro Cepeda Samudio, Vargas chính là nhà phê bình văn học Germán Vargas và Alfonso chính là họa sĩ Alfonso Fuenmayor. Dù có thể đi nữa Macondo vẫn không phải là Aracataca mà ngược lại Macondo là bất kỳ một thành phố nào của Colombia nói riêng, của Mỹ Latinh nói chung. Macondo là một địa danh hư cấu đủ sức dung nạp mọi chuyện, từ chuyện có thực đến chuyện tưởng tượng - dù tưởng tượng theo nguyên tắc hư cấu nghệ thuật hay tưởng tượng theo nguyên tắc huyền thoại. Nhờ vậy, thực tại đời sống ùa vào tác phẩm một cách phong phú, đa dạng, không chỉ cái có thực mà còn có cả cái không có thực theo những cấp độ sau đây:

1. Cái có thực vốn là những sự kiện lịch sử từng xảy ra ở Colombia và Mỹ Latinh được tác giả tái hiện chính xác tới từng chi tiết. Đó là cuộc nội chiến triền miên và khốc liệt giữa phái Bảo hoàng và phái Tự do. Sĩ quan hai phái ban ngày đánh nhau kịch liệt, ban đêm làm bạn cờ bạc. Trong *Trăm năm cô đơn*, điều đó được phản ánh trong quan hệ bạn bè giữa đại tá Aureliano và tướng Raquel Moncada.

2. Cái có thực vốn là cái lạc hậu, cổ hủ của Mỹ Latinh được tác giả tái hiện trong tác phẩm theo phương pháp phóng dụ. Chính nhờ thế, giọng điệu hài hước đã nổi đậm trong *Trăm năm cô đơn*. Ví dụ: đá nam châm, kính lúp, thước đo góc, la bàn, nước đá (ở phần đầu), máy hát, máy nổ, phim ảnh, xe

lửa (ở phần cuối). Đó là những công cụ từng được sáng chế và sử dụng phổ biến trên thế giới nhưng vẫn là những thứ tân kì đối với dân chúng Macondo.

3. Cái có thực mang tính chất kì diệu được tác giả đưa vào tác phẩm. Đó là khả năng ngoại cảm tuyệt vời của đại tá Aureliano Buendía. Đó là sự đồng cảm tuyệt đối giữa hai chú bé sinh đôi khi người này uống nước chanh thì người kia, mặc dù không uống, vẫn cứ nói đúng trăm phần trăm là nước chanh không pha đường.

4. Cái có thực được nhà văn tưởng tượng theo nguyên tắc huyền thoại hóa đẩy nó tới mức phi thường hoặc quái dị. Đó là trường hợp Remedios - Người đẹp là một cô hầu người Anh-điêng. Cô ta vốn không đẹp. Cô ta vô cớ bỏ nhà chủ và chủ nhà không hay biết cô ta bỏ đi lúc nào và đi đâu. Trong *Trăm năm cô đơn*, cái cô người ở ấy đã trở thành người trong gia đình, người đẹp và cô ta đã bay lên trời vì cô ta là hiện thực là cái đẹp không thuộc cõi thế tục này. Ngược lại với trường hợp cô gái là vụ thảm sát hơn ba ngàn người là chuyện có thực từng xảy ra ở Colombia vào cuối những năm hai mươi thế kỉ này, nhưng đã được García Márquez huyền thoại hóa theo hướng quái dị để bộc lộ bản chất xấu xa, đê tiện, tàn nhẫn của tư bản Mỹ.

5. Cái không có thực do nhà văn căn cứ vào cảm quan của mình trước thực tại xã hội mà tưởng tượng ra rồi đưa vào tác phẩm theo nguyên tắc huyền thoại hóa. Mưa hoa trong đám tang của José Arcadio Buendía là cảm quan xót thương của tác giả trước một con người đầy nghị lực, đầy thông minh, luôn đam mê hiểu biết. Trận mưa lụt là cảm quan của tác giả trước thực tại trì độn đã đến ngày tận thế của xã hội Mỹ Latinh. Cái đuôi con lợn của thằng bé cuối cùng trong dòng họ Buendía là cảm quan của tác giả về loại người chưa thành người hoặc đã bị hạ cấp dưới mức người.

Nhân vật và thông điệp

Thành công của García Márquez trong việc tạo ra một không gian và thời gian nghệ thuật như trên đã mở ra một khả năng to lớn trong việc xây dựng các nhân vật có cá tính. Chúng ta dễ dàng nhận ra những nhân vật trong *Trăm năm cô đơn* là những nhân vật siêu mẫu, tức là những con người phi thường, dị hợm và quái dị. Nhờ tính chất siêu mẫu này, các nhân vật trong *Trăm năm cô đơn* đã gây hào hứng cho độc giả để rồi mãi mãi đọng lại trong tâm trí bạn đọc. Quả vậy, trong *Trăm năm cô đơn* có khoảng sáu mươi nhân vật, kể cả chính lẫn phụ. Nhân vật nào cũng có cá tính rất sống động trước mắt chúng ta. Thành công này có được là nhờ García Márquez đã vận dụng và nâng cao thủ pháp xây dựng nhân vật của truyện kể dân gian: chỉ chấm phá đôi nét còn nhường chỗ cho trí tưởng tượng của người đọc người nghe. Tùy từng nhân vật cụ thể, ông thấy cần nhấn mạnh nét cá tính nào thì ông tập trung miêu tả những biểu hiện của cá tính ấy. Cần phải làm nổi bật tư chất

thị dân của Pietro Crespi thì ông miêu tả và chỉ miêu tả cái bàn tay có nước da mai máng xanh của anh ta. Cần làm nổi bật trái tim yêu rạo rực của Pilar Ternera, García Márquez luôn nhấn mạnh đến cái mùi khen khét phả ra từ nách ả, đến cái tiếng cười khanh khách của ông như tiếng gù cù cù rục của con bò câu. Cần làm nổi bật tư chất rầu rĩ của đại tá Aureliano Buendía ông nhấn mạnh tiếng khóc từ trong bụng mẹ của đại tá. Cần làm nổi bật tư chất trác táng, đam mê rượu chè và hội hè của Aureliano Segundo ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần cái câu nói đầy khẩu khí của anh ta: “Hỡi những con bò cái hãy dạng háng ra kéo cuộc đời ngắn ngủi lắm” v.v... và v.v...

Như vậy chúng ta thấy mỗi nhân vật được khu biệt hóa với các nhân vật khác bởi chỉ một hoặc vài ba điểm. Trong nhiều trường hợp, những đặc điểm này được phóng đại đến mức quái dị như những chiếc mặt nạ. Và do đó nhân vật trở thành siêu mẫu gây ấn tượng sâu sắc trong người đọc. Chúng ta không thể quên được Babilonia, anh thợ cơ khí của Công ty chuối với đàn bướm vàng, không thể quên được Remedios Người đẹp với luồng khí độc có hiệu quả trong việc làm chết những kẻ đam mê cô do không biết cách chứng tỏ tình yêu của mình không thể quên được Melquíades với chiếc mũ cánh quạ không thể quên được Petra Cotes mà tình dục của cô ta có ảnh hưởng quyết định đến tính mắn đẻ của gia súc không thể quên được Rebeca, cô gái nặng hoai nhờ ăn đất, v.v... và v.v... Nhờ thủ pháp này García Márquez giúp chúng ta phân biệt những nhân vật cùng tên trong gia đình Buendía vốn có thói quen lấy tên cha mẹ đặt cho con.^[2] Chúng ta dễ dàng nhớ và phân biệt José Arcadio Buendía, người sáng lập ra làng Macondo với José Arcadio kẻ đi vòng quanh thế giới, với Arcadio José tên bạo ngược, với José Arcadio Segundo kẻ trầm tư lánh đời và José Arcadio kẻ đi tu không đắc đạo. Chúng ta nhớ và phân biệt ngài đại tá Aureliano Buendía, người phát động ba mươi hai cuộc chiến, với Aureliano Segundo kẻ trác táng, với Aureliano Babilonia người thông minh chịu học đã đọc được văn bản tiếng Phạn do Melquíades viết trên những tấm da thuộc và với Aureliano kẻ bị kiến tha. Dĩ nhiên ngoài những đặc điểm bên ngoài làm nổi bật tính cách nhân vật, những José Arcadio và những Aureliano còn được định vị bởi chức vụ nghề nghiệp và thế hệ. Nhưng nếu chúng không được đặc điểm hóa bằng những cá tính khác thường và dị thường, chúng ta sẽ dễ dàng nhầm lẫn bởi chúng giống nhau. Khi còn bé bao giờ họ cũng ngoan ngoãn, đôi khi nhút nhát, hay nghịch ngợm. Điển hình cho sự giống nhau này là trường hợp hai cậu bé sinh đôi Nhưng càng lớn họ càng khác nhau. Những Aureliano có trí thông minh tuyệt vời nhưng lại mắc chứng trầm tư, ủ dột và chán đời. Trong khi đó những José Arcadio bao giờ cũng khỏe mạnh, táo gan và sống chan hòa. Hai tuyến nhân vật này có lúc hoán vị tư chất cho nhau. Đó là trường hợp hai anh em sinh đôi: José Arcadio và Aureliano Segundo. Những đặc tính giống

nhau này là yếu tố di truyền của ông tổ José Arcadio Buendía. Ở ông tổ này, chúng ta thấy vừa có sức mạnh cơ bắp vừa có sức mạnh trí tuệ vừa mạnh động táo bạo, bốc đồng vừa có ý chí mạnh mẽ và kiên quyết. Nhưng đức tính ấy được di truyền lại cho đám cháu con theo hai nhánh: những José Arcadio và những Aureliano. Cái ông tổ này còn di truyền lại cho đám cháu con cả nỗi cô đơn hoài nhớ do lương tri bị dẫn vật trước cái chết của Anxiô Agliđa.

[3]

Tuy là những người khỏe mạnh, thông minh, có ý chí và nghị lực phi thường, nhưng những José và những Aureliano bao giờ cũng thất bại, cũng phải sống trong cảnh cô đơn. Chính sự giống nhau này đã gây cho Úrsula Iguarán luôn luôn có cảm giác thời gian quay tròn vì bà lão cứ nhận thấy các thế hệ sau giống hệt thế hệ trước. Khi về già, bà lão luôn luôn nhầm lẫn José Arcadio Segundo và Aureliano Babilonia mà với ngài đại tá Aureliano Buendía, con trai bà. Pilar Ternera cũng nêu ra những nét tương đồng giữa các thế hệ trong dòng họ Buendía. Hiển nhiên, chúng ta thấy rằng cái sự lặp lại ấy có được là do thời gian của người kể chuyện thứ hai chuyển động theo một đường tròn khép kín. Cái vòng tròn lớn nhất là cái vòng tròn dòng họ Buendía chạy tròn tội loạn luân - đi lập làng mới - phạm tội loạn luân và bị tuyệt diệt. Trong cái dòng tròn lớn này có các vòng tròn nhỏ, những mảnh vụn của thời gian, trong đó bảy thế hệ dòng họ Buendía tồn tại. Mỗi vòng tròn là một cuộc đời nhân vật. Tiêu biểu cho những vòng tròn ấy là vòng tròn - cuộc đời của đại tá Aureliano Buendía khi còn trẻ sản xuất những con cá vàng đi chiến trận về già lại sản xuất những con cá vàng, là vòng tròn - cuộc đời của hai anh em sinh đôi Aureliano Segundo và José Arcadio Segundo: lúc thiếu thời giống nhau như hình với bóng lớn lên, một người béo phì, sôi nổi dấn thân vào cuộc đời thế tục, người kia gầy cao, trầm tư và lánh đời - đến khi chết lại giống nhau như đúc. Những vòng tròn nhỏ này, những mảnh vụn thời gian này, đánh dấu những cố gắng của các thế hệ trong dòng họ Buendía muốn thoát khỏi cái cô đơn. Nhưng những cố gắng ấy thấy đều vô ích, thấy đều thất bại. Nguyên nhân tự đâu? Trước hết chúng ta thấy trong *Trăm năm cô đơn* những nhân vật trong dòng họ Buendía ngày càng tách mình khỏi cộng đồng xã hội và trong quá trình hiện hữu, họ ngày một trở thành những người sống trái tính trái nết. Và cái thói sống trái tính trái nết này đến lượt nó lại đào sâu thêm cái hố ngăn cách họ với cộng đồng xã hội. Bản thân hành động bỏ làng cũ đi lập làng mới (Macondo) của José Arcadio Buendía là bước đầu tiên dòng họ này tự tách mình khỏi cộng đồng xã hội, khỏi lịch sử và truyền thống văn hóa. Rồi ở làng Macondo, vì thèm khát những tiến bộ khoa học ở bên ngoài, José Arcadio Buendía say sưa và bùng bột lao vào những tìm kiếm khoa học. Ông tự giam mình trong phòng thí nghiệm, và công việc tìm kiếm những phát kiến đã ngày càng đưa ông tới bờ

vực của sự thất bại. Ông trở thành một kẻ điên dại và bị trói vào gốc cây dẻ. Đến người chắt José Arcadio Segundo, cái chân lý duy nhất mà anh ta muốn chứng minh cho mọi người biết: vụ thảm sát rừng rợn những người lao động ở sân ga thành phố là có thật, đã không thể nào đến với quần chúng. Nguyên nhân của thất bại trên là do anh ta quá hoảng sợ nên chạy trốn vào phòng Melquíades, tự giam mình trong đó, không chịu tiếp xúc, không chịu đối thoại với bất kỳ ai ngoại trừ người anh em sinh đôi và thằng cháu họ. Tự tách mình khỏi cộng đồng xã hội, sống cuộc sống dị thường còn là nguy cơ dẫn cá nhân đến cuộc sống độc đoán chuyên quyền. Khi cá nhân đã có quyền hành trong tay sẽ trở thành tên độc tài, tên bạo chúa khát máu hơn cả bạo chúa thời Trung cổ. Từ khi nhỏ đến khi đi trận, bị bắt làm tù binh, bị án tử hình, Aureliano Buendía là một nhân vật đáng yêu, thậm chí rất đáng yêu. Ấy là lúc anh ta còn gắn với đời thường, còn biết xuất phát từ thực tiễn mà hành động và suy nghĩ. Anh ta là một chàng thanh niên vừa thông minh, vừa dũng cảm. Nhưng khi trở thành một tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang vùng duyên hải, anh ta đã tự tách cá nhân mình khỏi đồng đội khỏi cộng đồng xã hội thậm chí còn đối lập với đồng đội, với xã hội bằng chính đội quân cấm vệ đông đúc, và cái vòng phấn trắng mà anh ta ngồi ở chính giữa để ban phát các mệnh lệnh và lệ luật, để chơi trò chơi chiến tranh. Anh ta chiến đấu không vì một lý tưởng nào, ngay cả đảng Tự do của mình. Anh ta chiến đấu cho bản thân mình, cho niềm kiêu hãnh của cá nhân mình. Với phương châm xử thế. “Người bạn tốt nhất là người bạn vừa chết”, anh ta sẵn sàng cho tay chân hoặc nhân danh cách mạng giết những người bạn tốt của mình một khi người bạn ấy đe dọa vị trí của anh ta ví dụ việc giết thủ lĩnh những người da đỏ Teófilo Vargas. Bất kể tình bạn keo sơn với đại tá Gerineldo Márquez, anh ta sẵn sàng kết tội tử hình người bạn mình. Anh ta không bạn. Anh ta cô đơn và càng cô đơn hơn nữa khi mà những người bạn cùng chiến hào tư tưởng những người thuộc đảng Tự do, quay lưng lại với anh ta, không chịu ra thông cáo bác bỏ những luận điệu của phái Bảo hoàng vu anh ta là một tên cướp: Rồi cũng vì niềm kiêu hãnh của cá nhân mình, vì danh tiếng của con người mình anh ta kí hiệp định đình chiến Neerlandia mà thực chất của nó là sự đầu hàng, là cú mua bán cuối cùng nhằm đem lại vinh quang cho bản thân anh ta và chính cái vinh quang này, tức là cái huân chương công huân mà Tổng thống nước Cộng hòa tặng, anh ta cũng phải đổi bằng biết bao sinh mạng của những chiến sĩ tự do, những con người cách mạng không tuân theo mệnh lệnh của anh ta, vẫn tiếp tục chiến đấu. Chính cái nổi nhục của một kẻ đầu hàng quay lại đi bắn giết những người cùng chí hướng với mình đã buộc anh ta phải từ chối tám huân chương công huân. Anh ta trở về đoàn tụ với gia đình, sống trong tình thương bao la của Úrsula Iguarán. Anh ta lại sản xuất những con cá vàng không nhằm mục đích kiếm lời mà nhằm mục đích được yên thân, đời sống không cần phải bận tâm, phải suy nghĩ. Nghĩa là

bằng cách sống này anh ta vẫn sống cho bản thân anh ta. Anh ta không yêu ai ngoài bản thân mình. Đó chính là bi kịch của đại tá Aureliano Buendía...

Người duy nhất hiểu được tư chất cá nhân ích kỷ của đại tá Aureliano Buendía là cụ Úrsula Iguarán, người mẹ của đại tá. Với trí minh mẫn của cụ già sống ngoài trăm tuổi, Úrsula Iguarán đã nhận ra cái tiếng khóc của đại tá ngay từ lúc còn trong bụng mẹ không phải là dấu hiệu của người có tài nói giọng bụng hay có tài tiên tri mà chỉ đơn thuần là dấu hiệu không thể nhầm lẫn được của sự bất lực trước tình yêu. Nó là dấu hiệu của cái cô đơn. Cũng nhờ sống lâu, nhờ trí minh mẫn, cụ điem duyệt lại những cháu con của mình và cụ thấy ra tất cả bọn họ, người nhiều người ít đều sống ích kỷ, đều sống trái thối trái nết, đều không thể hòa đồng với gia đình, với làng xóm, với xã hội. Cụ cũng nhận ra cái lối sống ích kỷ, cái lối sống trái thối trái nết ấy cũng đáng kinh tởm như cái đuôi con lợn từng ám ảnh suốt cả cuộc đời cụ. Và cái đuôi lợn của người cuối cùng dòng họ Buendía là sự vật chất hóa, là sự bản thể hóa của tác giả về thói sống ích kỷ của loại người đã đánh mất bản chất người - tổng hòa các mối quan hệ xã hội, của loại người thú vật. Bà cụ nhận thấy những người trong dòng họ không thiếu sức mạnh cơ bắp và trí tuệ, không thiếu lòng dũng cảm và ý chí kiên cường. Cái thiếu duy nhất của những José Arcadio và Aureliano là tình yêu, là trái tim yêu thương sôi nổi và mãnh liệt của Rebeca, người không hề bú dòng sữa của cụ. Tình yêu là cái cần cho dòng họ mình. Bởi chỉ có tình yêu thực sự và chân thành mới là động lực chính khiến cá nhân hòa đồng với gia đình, với làng xóm và cộng đồng xã hội. Tình yêu mới là cái cần thiết để thoát ra khỏi hoàn cảnh cô đơn. Chúng ta nhận ra tư tưởng triết mỹ này vào những lúc các nhân vật sắp đi sang cõi khác đã suy nghĩ về cuộc đời của mình. Chỉ khi đứng trước hòng súng đội hành hình, Arcadio José mới thấy yêu thật sự Rebeca, Remedios (vợ đại tá Aureliano). Chỉ đến khi chết, Amaranta, cô gái già, mới thật sự cởi mở lòng mình, thật sự sống cho người khác bằng chính cái việc chuyển thư và lời nhắn của người sống cho các vong hồn dưới âm ty. Chúng ta thấy rõ tư tưởng triết mỹ ấy ở linh động yêu cuồng say của Amaranta Úrsula và Aureliano Babilonia và nguyện vọng sinh ra một Aureliano chiến thắng cả ba mươi hai cuộc chiến, nghĩa là họ mong muốn bằng tình yêu sẽ cải tạo nòi giống mình. Nhưng cái tình yêu ấy diễn ra trong thế giới cô đơn đến cùng cực đã chỉ đẩy thêm dòng họ Buendía mau đến ngày tuyệt diệt mà thôi. Chúng ta thấy tư tưởng triết mỹ ấy còn được bộc lộ ở nhân vật Remedios - Người đẹp. Biết bao chàng trai si mê Remedios - Người đẹp và đã chết oan vì nàng. Kẻ chết gục ngoài chân song cửa sổ. Kẻ lao đầu từ mái nhà xuống chết tươi. Kẻ bị ngựa đá giập ngực mà chết. Có kẻ vì quá si mê nàng mà hóa rồ. Có phải vì Remedios đẹp mang theo mình mùi của tử thần như người ta vẫn đồn đại không không hẳn là như vậy. Bởi vì cái mà trái tim những người

đàn ông cảm thấy mỗi bận nàng đi qua chính là tình yêu chân thành và da diết do nàng kêu gọi và đánh thức trong trái tim họ. Nhưng những người đàn ông này không biết chọn chiếc chìa khóa tốt nhất để mở khóa tâm hồn nàng. Họ chỉ biết tỏ tình hoặc vụng dại ngây ngô như cái cách của viên sĩ quan, hoặc thô bạo như cái cách của anh chàng xem trộm nàng tắm, hoặc đều cẳng như cái cách của kẻ bị ngựa đá giập ngực, hoặc quá ư kiêu cách như cái cách của chàng công tử từ xa tới. Qua những cách tỏ tình này chúng ta thấy dù ít dù nhiều những trang nam nhi kia đều coi sắc đẹp của Remedios - người đẹp là một thứ cần phải hưởng thụ ngay trên thế gian này. Nhưng vì Người đẹp không thuộc cõi tục này. Vì thế nàng tỏ ra ngây thơ, hơn thế nữa, ngây ngô, nàng đứng dung với mọi thứ trên đời, nàng tỏ ra là người không biết yêu, là người thấy cuộc sống thế tục này không phù hợp với chính mình. Vì vậy, có thể nói cái chìa khóa tốt nhất để mở cửa tâm hồn nàng là tình yêu. “Có lẽ chỉ cần một thứ tình cảm nguyên thủy và giản dị như tình yêu là đủ để không chỉ chinh phục nàng mà còn tránh được mọi nguy hiểm. Từ đó chúng ta thấy thông điệp của *Trăm năm cô đơn* là lời kêu gọi mọi người hãy sống đúng bản chất người - tông hòa các mối quan hệ xã hội của mình, hãy vượt qua mọi định kiến, thành kiến cá nhân, hãy lấp bằng mọi hố ngăn cách cá nhân để cá nhân mình tự hòa đồng với gia đình, với cộng đồng xã hội. Vì lẽ đó García Márquez từng tuyên bố cuốn sách mà ông đề cả đời sáng tác là cuốn sách về cái cô đơn và thông qua cái cô đơn ông kêu gọi mọi người đoàn kết, đoàn kết để đấu tranh, đoàn kết để chiến thắng tình trạng chậm phát triển của Mỹ Latinh, đoàn kết để “*sáng tạo ra một thiên huyền thoại khác hẳn. Một huyền thoại mới, hấp dẫn của cuộc sống, nơi không ai bị kẻ khác định đoạt số phận mình ngay cả cái cách thức chết, nơi tình yêu có lối thoát và hạnh phúc là cái có khả năng thực sự, và nơi những dòng họ bị kết án Trăm năm cô đơn cuối cùng và mãi mãi sẽ có vận may lần thứ hai để tái sinh trên mặt đất này*”.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC

CHƯƠNG 1

Rất nhiều năm sau này, trước đội hành hình, đại tá Aureliano Buendía đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá. Thời ấy Macondo là một làng gồm vài chục nóc nhà tranh vách đất dựng bên bờ con sông nước trong như pha lê, ào ào chảy qua những tảng đá nhẵn thín, trắng bong, to như những quả trứng thời tiền sử. Thế giới lúc ấy còn ở buổi hồng hoang, chưa có tên gọi các đồ vật và để gọi chúng cần phải dùng ngón tay chỉ đích vào từng cái một. Cứ vào tháng ba hàng năm, một gia đình digan rách rưới dựng một túp lều bạt ngay cạnh làng, rồi với tiếng kèn trống om xòm quảng cáo những phát minh mới. Đầu tiên, họ mang tới đá nam châm. Một người digan lực lưỡng, hàm râu lởm chồm, bàn tay lông lá, tự giới thiệu mình tên là Melquíades, làm ngay một thí nghiệm kinh rợn trước công chúng về cái mà chính ông ta gọi là kỳ quan thứ tám của các thuật sĩ luyện đá giả kim uyên bác xứ Macedonia. Từ nhà này sang nhà khác ông ta kéo hai thỏi kim loại đã nhiễm từ, và thế gian kinh ngạc khi nhìn thấy xanh, chảo, vạc, kìm, bếp lò rơi đổ ngổn ngang, đồ gỗ kê cột kẹt bởi đinh, ốc vít đang như muốn tuột ra khỏi chúng, và hơn nữa, những vật bằng sắt bị mất từ lâu bỗng lại ló ra ở ngay nơi chủ nó từng mất công tìm kiếm. Rồi sau đó, mọi người bị lôi cuốn đổ ra đường, lũ lượt, ồn ã theo sau những trò ảo thuật đầy thích thú của Melquíades. “Mỗi một vật đều có cuộc sống”, người digan quảng cáo với giọng lạnh lạnh, “vấn đề là ở chỗ biết đánh thức tâm hồn nó”. José Arcadio Buendía, người có trí tưởng tượng thường đi xa hơn cả bản thể của giới tự nhiên và còn vượt quá rất xa những phép màu và trò huyền ảo, nghĩ rằng có thể sử dụng phát minh vô bổ ấy vào việc moi vàng từ trong lòng đất. Melquíades, vốn là người cao thượng, nói trước cho ông biết: “Đồ này không dùng vào việc ấy được” Nhưng José Arcadio Buendía lúc ấy vẫn không tin đức tính cao thượng của người dân digan, vì vậy đã đổi ngay một con lừa và một cặp dê đực để lấy hai thanh nam châm. Úrsula Iguarán, vợ ông, từng nghĩ tới việc dùng những gia súc này vào việc mở rộng ngôi nhà ở của họ vốn dĩ tồi tàn, đã không thuyết phục được ông. “Ôi dào, rồi chúng ta sẽ có ỏi vàng để xây nhà, lo gì mình ơi”, ông cãi lại. Trong vài tháng liền, ông trần lưng làm việc để biến những dự đoán của mình thành hiện thực. Ông đào bới cận kề khắp vùng, kể cả dưới lòng sông, rồi kéo rề hai thanh nam châm, khẩn rồ to lời cầu nguyện của Melquíades. Vật duy nhất mà ông đào bới được là một bộ giáp trụ từ thế kỷ XV, bị lớp han rỉ phủ kín, bên trong như một quả bí khổng lồ chứa đầy đá. Khi José Arcadio Buendía và bốn người đàn ông trong đội khai quật của mình tháo rời được bộ giáp trụ này, họ thấy một bộ xương người đã hóa vôi, cổ còn lủng lẳng đeo một hộp thánh tích bằng đồng đựng mớ tóc phụ nữ.

Những người digan trở lại làng vào tháng ba. Lần này họ mang theo một kính viễn vọng và một kính lúp có mặt gương to bằng mặt trống, họ trưng bày chúng như thể trưng bày phát kiến mới nhất của những người Do Thái ở Amsterdam. Họ cho một cô digan ngồi ở đầu làng và đặt cái kính viễn vọng ở ngay cửa vào của túp lều bạt. Sau khi trả năm đồng real, dân chúng ghé mắt vào kính viễn vọng và họ nhìn thấy cô digan ở ngay trong tầm tay mình. “Khoa học đã rút ngắn khoảng cách”, Melquíades quảng cáo: “Chẳng bao lâu, không cần phải ra khỏi nhà mình, con người đã có thể biết được bất kỳ điều gì xảy ra trên trái đất”. Một buổi trưa nóng bỏng, bọn họ làm một thử nghiệm khủng khiếp bằng chiếc kính lúp khổng lồ: chôn một đồng cỏ khô ở giữa đường rồi lấy kính lúp chiếu tia mặt trời vào, thế là cả đồng cỏ bùng cháy. José Arcadio Buendía, người vẫn chưa nguôi buồn về sự thất bại của việc dùng nam châm tìm vàng, lại nảy ra ý định sử dụng phát minh ấy như một thứ vũ khí. Một lần nữa, Melquíades lại khuyên can ông. Nhưng rồi chính Melquíades phải nhận lại hai thanh nam châm và nhận thêm ba đồng tiền thời thuộc địa để đổi cho José Arcadio Buendía chiếc kính lúp. Úrsula khóc lóc thảm thiết. Số tiền ấy là một phần của túi tiền vàng mà cha bà đã tích góp trong suốt cuộc đời ăn đói mặc rách và bà đã chôn chúng dưới gầm giường chờ dịp cần thiết mới tiêu đến. José Arcadio Buendía, ngay đến an ủi vợ cũng không có ý định, đã vùi dốc toàn lực vào những việc thí nghiệm với đam mê của một nhà khoa học và hơn thế nữa còn dấn thân vào những nguy hiểm chết người. Để làm rõ hiệu quả của kính lúp đối với quân địch, chính ông đã tự mình đứng ngay vào vùng ánh sáng là nơi kính lúp đã hội tụ tia nhiệt mặt trời, và ông bị bỏng, những vết bỏng này trở thành ung nhọt phải mất nhiều thời gian mới chữa lành. Suýt nữa ông đốt nhà vì không thể chịu nổi những lời rủa rới của bà vợ, người từng cảnh giác trước nỗi nguy hiểm của phát minh này. Ông ở lì trong phòng mình nhiều giờ liền, tính toán về những khả năng chiến lược của thứ vũ khí mới sáng chế, cho đến khi ông viết được một bản chỉ dẫn mạch lạc có tính sư phạm và đầy sức thuyết phục. Ông gửi nó cho nhà chức trách, có kèm nhiều bằng chứng của kinh nghiệm bản thân và vài bản vẽ thuyết trình. Ông giao nó cho một sứ giả mang đi. Người này đi xuyên rừng, bị lạc trong đầm lầy đáng sợ, vượt qua những con sông cuộn sóng, suýt nữa thì mất mạng vì thú dữ, vì thất vọng và dịch bệnh, trước khi tìm thấy con đường mà những con lừa của người đưa thư vẫn qua lại. Mặc dù đường đi đến thủ đô thời ấy là rất khó khăn, José Arcadio Buendía đã dự định sẽ chế tạo rất nhanh thứ vũ khí này nếu như chính phủ ra lệnh thử nó ngay trước mặt các nhà quân sự và ông sẽ đích thân hướng dẫn cho họ về nghệ thuật phức tạp của chiến tranh sử dụng năng lượng mặt trời. Trong nhiều năm liền ông chờ đợi thư phúc đáp của chính phủ. Cuối cùng, chán chường vì chờ đợi, ông đành phải than phiền với Melquíades về sự thất bại của công việc vừa ở bước khởi đầu. Vậy là người digan lại có dịp bày tỏ

tư chất cao thượng của mình: trả lại ông những đồng tiền Doblón để lấy lại chiếc kính lúp ngoài ra còn để lại một số tấm bản đồ của người Bồ Đào Nha, và một vài dụng cụ đi biển. Tự tay mình, Melquíades còn viết một bản tổng kết chặt chẽ về những nghiên cứu của thầy tu Hermann, rồi đặt vào vị trí của nó để ông có thể sử dụng kính thiên văn, la bàn và thước đo góc 60 độ. Trong những năm tháng mưa dài lê thê, José Arcadio Buendía ở lì trong cái phòng nhỏ làm ở cuối nhà để không một ai quấy rầy mình trong lúc làm thí nghiệm. Nhờ hoàn toàn bỏ thói quen ăn, ngủ đúng giờ, ông ở ngoài sân suốt đêm để theo dõi đường đi của các vì sao và suýt nữa mắc bệnh đau đầu vì ý muốn xây dựng một phương pháp chính xác để tìm phương Nam. Khi đã thành thạo sử dụng và điều khiển các dụng cụ, ông có ý niệm về một khoảng không gian mênh mông cho phép ông đi thuyền trên những biển xa lạ, đến những miền đất hoang vu không bóng người và kết bạn với những người hiền hách mà không cần phải ra khỏi bàn làm việc của mình. Đây là thời kỳ ông mắc tật nói một mình, đi dạo khắp nhà chẳng để ý tới ai trong lúc Úrsula và bọn nhóc nhỏ cỏ trong vườn, chăm bón chuối và khoai sọ sắn và củ từ, bí ngô và cà dái dê. Không một dấu hiệu báo trước nào, bỗng nhiên ông ngừng mọi hoạt động sôi nổi để chìm đắm trong suy tưởng. Vài ngày liền, ông cứ như người bị bỏ bùa mê, giọng thì thào nhắc đi nhắc lại cho chính mình nghe hàng loạt những phỏng đoán đầy kinh ngạc mà ông không cần tin vào sự hiểu biết của chính mình. Cuối cùng, vào giờ ăn trưa, một ngày thứ ba tháng chạp, ông xô tung tất cả nỗi căng thẳng trong tâm tưởng mình. Bọn trẻ cả đời sẽ nhớ mãi vẻ trang trọng của cha chúng khi ông ngồi vào đầu bàn, người run rẩy lên cơn sốt, gầy rộc đi vì công việc quan sát kéo dài và vì lòng chua xót bởi trí tưởng tượng. Ông đã công bố cho chúng biết phát kiến của mình: “Trái đất tròn như thể quả cam ấy?” Bà Úrsula không chịu được nữa. “Nếu ông có điên thì một mình ông điên thôi”, bà gào, “nhưng xin ông chớ có nhồi sọ bọn trẻ những ý nghĩ bông lông của mình nhét. José Arcadio Buendía lặng thinh, không để cho mình sợ hãi trước cơn thất vọng của bà vợ mà trong lúc bực mình bà đã quẳng kính thiên văn xuống sàn nhà làm nó vỡ toang. Ông làm cái khác và tụ tập những người đàn ông trong làng ở ngay trong phòng nhỏ rồi bằng thứ lý thuyết khó hiểu đối với bọn người này ông đã chứng minh cho họ thấy khả năng trở lại điểm xuất phát ban đầu nếu cứ nhằm hướng đông cho tàu thuyền chạy. Cả làng đều nhất loạt đồng ý với nhau rằng José Arcadio Buendía đã mất trí. Giữa lúc ấy, Melquíades trở lại để dàn xếp mọi việc. Ông công khai biểu dương trí thông minh của con người bằng việc đơn thuần nghiên cứu thiên văn, đã xây dựng được một lý thuyết từng được công nhận trong thực tiễn mặc dù cho đến lúc ấy ở làng Macondo vẫn chưa ai biết tới, và để bày tỏ lòng ngưỡng mộ của mình ông đã tặng lại José Arcadio Buendía một phòng thí nghiệm giả kim, một kỷ vật sẽ gây ảnh hưởng quyết định đối với tương lai của làng này.

Vào thời ấy, Melquíades già đi nhanh đến mức ai cũng phải ngạc nhiên. Trong những chuyến đầu tiên đến làng này hầu như ông cùng trạc tuổi với José Arcadio Buendía. Nhưng trong lúc ông này vẫn giữ được sức khỏe vạm vạp của mình, cái sức chỉ cầm hai tai con ngựa có thể quật ngã nó, thì người digan dường như đã bị suy nhược bởi những đau đớn khủng khiếp. Thực ra đó là hậu quả của rất nhiều thứ bệnh lạ lùng do ông nhiễm phải trong những chuyến du lịch vòng quanh thế giới. Theo như chính lời ông kể với José Arcadio Buendía trong lúc giúp ông này dựng phòng thí nghiệm thì thần chết đuổi theo ông khắp miền, nó cứ đánh hơi ông quần ông mà theo riết nhưng vẫn không tóm được ông. Cuộc đời ông là cả một cuộc trốn chạy trước không biết bao nhiêu thứ tai ương và hoạn nạn đã giông xuống đầu cái giống người. Ông qua khỏi bệnh phong ở Ba Tư, bệnh hoại huyết ở quần đảo Mã Lai, bệnh hủi ở Alexandria, bệnh phù thũng ở Nhật Bản, bệnh dịch hạch ở đảo Madagascar, nạn động đất ở Sicily và nạn đắm tàu xảy ra thường ngày ở eo biển Magallanes^[4]. Cái con người kỳ vĩ đó, người từng nói rằng mình nắm được các bí quyết của Nostradamus^[5], là một người mang vẻ buồn rầu, bởi mặt trời buồn bao quanh ông, với con mắt Á châu dường như đã biết được mặt trái của sự vật. Ông dùng một chiếc mũ rộng vành màu đen nom như cánh quạ xòe và một chiếc áo ni khoác ngoài bị rêu xanh hàng thế kỷ phủ lên. Nhưng dù có sức hiểu biết quảng bác là thế và có môi trường hoạt động bí hiểm là thế, ông vẫn có một tư chất người, một tư chất thế tục, là cái làm cho ông gắn bó với những vấn đề nhỏ nhất của cuộc sống thường ngày: ông than vãn về những mệt mỏi của tuổi già, do phải chịu đựng hoàn cảnh kinh tế túng thiếu, và từ lâu ông không mỉm cười vì bệnh hoại huyết đã nhổ hết răng. José Arcadio Buendía hiểu rõ rằng cái buổi trưa ngọt ngạt Melquíades đã bộc bạch những chuyện riêng tư của đời mình mãi mãi sẽ là ngọn nguồn của một tình bạn vĩ đại. Bọn trẻ đầy thán phục trước những câu chuyện huyền thoại của ông. Aureliano, lúc ấy chưa quá năm tuổi, sẽ phải nhớ suốt đời hình ảnh Melquíades mà cậu đã được nhìn thấy: ông ngồi để cho ánh sáng chói chang trắng bạc từ cửa sổ chiếu vào mặt, trong lúc mồ hôi ròn ròn chảy trên hai thái dương và với giọng nói trầm vang của cây đại phong cầm ông đã rọi ánh sáng vào những miền tối tăm nhất của trí tưởng tượng. José Arcadio, ông anh cậu có lẽ sẽ di lại cho con cháu mình cái hình ảnh kỳ diệu ấy như di lại một kỷ vật truyền đời. Trái lại, Úrsula lại giữ mãi kỷ niệm xấu về chuyến thăm viếng ấy, bởi vì bà bước vào phòng đúng lúc Melquíades do đang trí đã làm vỡ một chai thủy ngân.

- Đó là mùi của quý dữ phải không? - bà hỏi. - Hoàn toàn không phải, - Melquíades bào chữa. - Người ta xác minh rằng quý dữ có mìn diêm sinh còn thứ này chẳng qua chỉ có mùi thủy ngân thôi, bà ạ!

Lúc nào cũng với tác phong sư phạm, ông làm một cuộc trưng bày về

những đặc tính quái đản của chất ngân sa, nhưng Úrsula chẳng hề để ý mà trái lại mang bọn trẻ đi câu kinh. Cái mùi tử thần ấy, gắn rất chặt với kỷ niệm về Melquíades, sẽ mãi mãi lưu lại trong trí óc bà. Phòng thí nghiệm thô sơ - chưa kể tới hàng lô chiếc phễu, bình thí nghiệm, bình lọc và những chiếc rây - bao gồm một bình cơ bản vốn là những bình thủy tinh cổ dài và hẹp mô phỏng theo hình chiếc bình giả kim và một nồi cất được người digan làm theo đúng mẫu miêu tả hiện đại của chiếc nồi cất có 3 cánh tay của bà Maria, người Do Thái. Ngoài những thứ này Melquíades còn để lại bảy thứ kim loại tượng trưng cho bảy hành tinh, những hình mẫu về Moses và Zosimus; một cục vàng giả và một cuốn sổ trong đó có những lời chỉ dẫn và hình vẽ miêu tả các quá trình của thuật giả kim vĩ đại, những thứ này cho phép người nào biết giảng giải chúng sẽ có ý định hành nghề chế tạo đá giả kim¹⁶. Bị cách thức làm vàng giả tưởng như quá giản đơn này quyến rũ, trong vài tuần liền, José Arcadio Buendía tán Úrsula cho mình đào số tiền vàng để nhân số vàng này lên gấp bội. Trước tính gàn của ông, Úrsula phải nhượng bộ chồng như trước đây vẫn nhượng bộ. Thế là José Arcadio Buendía đổ ba mươi đồng Doblón vào chảo trộn lẫn chúng với bột đồng, bột diêm sinh và bột chì. Rồi ông để chúng trong một chảo sâu và đun cách thủy trên bếp lửa, cho tới khi chúng chảy ra biến thành một thứ nước xi-rô đặc quánh, nồng nặc mùi khét, giống kẹo cháy hơn là thứ vàng quý. Trong quá trình chưng cất vất vả đầy thất vọng, thất hợp kim này cùng với bảy thứ kim loại tượng trưng cho bảy hành tinh được ngâm trong dung dịch thủy ngân đặc và muối sun-phát, sau đó chúng lại được ngâm trong chảo mỡ lợn (vì không có dầu củ cải nên phải thay bằng mỡ lợn) để đun cách thủy trên bếp lửa. Cuối cùng, số vàng quý giá của Úrsula sau quá trình đun nấu công phu đã hóa thành một thứ giống như thứ cháo đặc sệt, cháy thành than, bết chặt lấy đáy chảo không tài nào gỡ ra được.

Khi những người digan trở lại làng này, Úrsula đã cố ngăn dân làng không đi xem họ. Nhưng tính hiếu kỳ bao giờ cũng thắng nỗi sợ sệt, bởi vì hôm ấy, những người digan chạy đi khắp làng thối kèn, khua trống inh ỏi, trong lúc người quảng cáo loan báo tin sẽ trưng bày thành tựu kỳ ảo nhất của những người Nacienceno¹⁷. Thế là cả làng đổ xô nhau đến lều của người digan. Trá một xu vào cửa, bọn họ nhìn thấy một Melquíades trẻ trung, khỏe mạnh, da dẻ căng bóng, với hàm răng mới trắng bong. Những ai nhớ hàm răng móm mém vì bệnh hoại huyết, đôi mà tóp và đôi môi thâm xịt của ông sẽ phải rùng mình kinh ngạc trước thí nghiệm đầy sức thuyết phục về những khả năng siêu việt của người digan. Dân chúng chuyển từ trạng thái kinh ngạc đến trạng thái sợ hãi khi nhìn thấy Melquíades moi hàm răng ra, mới nguyên, được cắm trên hai lợi, rồi chìa cho mọi người xem trong một lát - trong giây lát thoáng qua ấy, Melquíades lại trở thành chính cái con người

già lụ khụ của những năm trước đây - sau đó ông cắm chúng vào lợi rồi mỉm cười với tất cả sức trẻ trung vừa được khôi phục lại. Ngay đến cả José Arcadio Buendía cũng phải thừa nhận rằng hiểu biết của Melquíades đã đạt tới những đỉnh cao quá sức tưởng tượng, nhưng rồi ông cảm thấy một niềm vui lành mạnh hơn khi người digan giải thích riêng cho ông về cách thức trồng răng giả. Điều đó khiến ông thấy vừa đơn giản vừa kỳ diệu, khiến cho ông, chỉ từ đêm đến sáng, mất ngay hứng thú trong việc nghiên cứu thuật giả kim; ông trở nên lầm lỳ khó tính và lại ăn uống thất thường, lại suốt ngày chỉ đi lại trong nhà.

“Ngoài đường xảy ra biết bao điều kỳ lạ không thể tưởng được”, ông nói với Úrsula. “Ở bên kia sông, vâng, chính ở đó, có đủ loại máy móc kỳ diệu, trong khi đó chúng ta vẫn sống như những con lừa”. Hết thấy những ai quen biết ông từ thuở mới lập làng Macondo, đều ngạc nhiên thấy dưới ảnh hưởng của Melquíades ông đã thay đổi biết nhường nào.

Lúc đầu, José Arcadio Buendía là một vị trưởng giả trẻ tuổi người vẫn thường dạy dân việc trồng cây, khuyên nhủ cách nuôi dạy trẻ nhỏ và gia súc, cộng tác với mọi người, ngay cả trong công việc dùng đến sức mạnh cơ bắp, để đưa cuộc sống chung của làng đi lên, ngày một nhám nhá và yên bình hơn. Bởi vì ngôi nhà của ông ngay từ thuở ban đầu đã là ngôi nhà đẹp nhất làng còn những ngôi nhà khác đều được làm theo hình mẫu của nó: ngôi nhà có cửa ra vào rộng và sáng sủa, có một nhà ăn, làm theo kiểu hành lang vây xung quanh trồng hoa màu sắc sặc sỡ, có hai phòng ngủ, một cái sân rộng với cây dẻ không lồ, một vườn cây thẳng hàng và một vườn cỏ rộng mà ở đây nào dê, nào lợn, nào gà sống thành bầy vui vẻ. Những con vật duy nhất bị cấm nuôi không chỉ ở trong nhà này mà ngay cả trong làng là những chú gà chọi. Đức cần mẫn của Úrsula sánh ngang với đức cần mẫn của chồng mình. Bà năng nổ, mảnh khảnh, kiên nghị. Người đàn bà run rẩy mà chẳng một ai nghe thấy cất tiếng hát trong suốt cả cuộc đời mình, là người có mặt ở khắp chôn kẻ từ lúc trời vừa bừng sáng cho đến khi tối mịt, lúc nào cũng bận bịu với đàn gà kêu chíp chíp. Nhờ có bà, nền nhà đất nện không chút bụi, tường đất không vấy bẩn, bàn ghế giường tủ do chính bàn tay vợ chồng bà làm nên lúc nào cũng sạch sẽ, và những rương hòm cũ đựng quần áo lúc nào cũng dịu thơm mùi húng dũi.

José Arcadio Buendía, vốn là người tháo vát chưa từng có trong làng, đã bố trí các nhà theo hình thức sao cho từ mọi nhà đều có thể đi ra sông và không một nhà nào phải gánh nước vất vả hơn nhà nào, đánh những con đường chạy thật khéo để mọi nhà đều chịu nắng như nhau vào mùa nóng. Chỉ trong ít năm, Macondo là một làng ngăn nắp gọn gàng và chuyên cần hơn bất kỳ làng nào trong số những làng được ba trăm cư dân ở đây biết tới cho đến lúc bấy giờ. Thực tế, đó là một làng hạnh phúc, là nơi chưa một ai

ngoài ba mươi tuổi, và chưa hề có người chết.

Kể từ những ngày lập làng, José Arcadio Buendía đã làm bẫy và làm lồng chim. Chẳng bao lâu, không chỉ trong nhà ông mà trong tất cả các nhà của làng này đều đầy chim: nào chim tổ treo, chim hoàng yến, chim cổ đỏ, chim a-xu-lê-hô. Tiếng chim tổ treo inh ỏi khiến Úrsula phải lấy sáp ong bịt lỗ tai lại để khỏi mất cảm giác thực. Khi những người digan thuộc bộ tộc của Melquíades đến đây lần đầu tiên để bán những viên thuốc đau đầu, thì mọi người lấy làm kinh ngạc nhận thấy bọn người này làm sao có thể tìm đến làng mình, một cái làng chìm trong hơi mù của đồng lầy, và những người digan thú nhận rằng họ đến được là nhờ tiếng chim hót dẫn đường.

Những tập tục tốt đẹp nhưng còn sơ đẳng ấy, trong thời gian ngắn bị cuốn tuột đi bởi cơn đam mê đá nam châm, bởi những tính toán thiên văn, bởi những mơ mộng biến chì thành vàng và bởi những thèm khát được biết những kỳ quan thế giới của José Arcadio Buendía. Vốn là người hoạt bát và sạch sẽ, José Arcadio Buendía đã trở thành một người lười nhác, ăn mặc thì lôi thôi lếch thếch, râu ria thì xồm xoàm đến mức Úrsula phải dùng con dao thái thịt cạo cho nó gọn lại. Không thiếu người cho rằng ông là nạn nhân của một thứ bùa yểm quái quỷ nào đó. Nhưng những người tâm đầu ý hợp với cơn điên của ông đã bỏ công việc và gia đình để theo ông, khi ông đặt lên vai mình bộ đồ nghề thợ mộc và yêu cầu mọi người cùng giúp tay mở một con đường để làng Macondo có thể giao tiếp với những phát minh lớn của loài người. José Arcadio Buendía hoàn toàn không hiểu địa lý của vùng này. Ông biết rằng về hướng đông là dãy núi không thể vượt qua được và ở phía bên kia dãy núi là thành phố cổ Riohacha, nơi trong những thời đã qua - theo như lời ông nội Aureliano Buendía thứ nhất kể với ông - tên cướp biển Francis Drake rất ham mê môn thể thao dùng đại bác săn cá sấu sau đó lột da, nhồi rơm rồi đem chúng tiến dâng nữ hoàng Elizabeth. Trong thời trai trẻ của mình, ông cùng với những người bạn đã mang vợ, con cái, gia súc cùng nồi niêu bát ba vượt qua dãy núi này để tìm đường ra biển, nhưng sau hai mươi sáu tháng ròng rã, bọn họ đã phải bỏ cuộc và đành phải lập ra làng Macondo để khỏi phải trở về chốn cũ. Đó là con đường ông không thích vì nó chỉ có thể dẫn ông trở lại thời quá vãng. Ở phía nam là những hồ nước phủ kín thứ rong bèo lâu đời và cả một thế giới đầm lầy rộng mênh mông mà theo như lời chứng của những người digan thì nó không có bờ bến. Đầm lầy mênh mông ấy biến mất về phía tây với một mặt nước trắng xóa trải đến nơi sắc nước lẫn vào màu trời, là nơi có bộ cá kinh gồm những con vật có nước da mềm mại, có đầu và cổ của người phụ nữ. Với ma lực của bộ vú khổng lồ, chúng vẫn thường làm cho những người đi biển mất mạng. Những người digan phải mất sáu tháng trời đi thuyền trên con đường thủy ấy để cuối cùng gặp được một doi đất liền là nơi những con lừa của người đưa thư qua lại.

Theo tính toán của José Arcadio Buendía thì khả năng duy nhất để giao lưu với nền văn minh bên ngoài là con đường hướng bắc. Vậy là ông phân phát đồ nghề thợ mộc và khí giới sẵn thú cho chính những người từng đi với ông trong chuyến đi tìm và thành lập làng Macondo; rồi tự tay nhét la bàn, bản đồ vào ba lô và bắt đầu cú thám hiểm quá táo bạo này.

Trong những ngày đầu họ không gặp một trở ngại đáng kể nào. Họ men theo bờ đá lồi nhô, đi ngược dòng sông cho tới nơi mấy năm trước từng đào được bộ giáp trụ thế kỷ XV, rồi từ đó họ theo con đường mòn len lỏi qua những cây cam dại đi sâu vào rừng rậm. Cuối tuần thứ nhất, họ giết và quay thịt một con nai, nhưng họ bảo nhau chỉ ăn một nửa, phần còn lại ướp muối dành cho những ngày sắp tới. Với tính toán thận trọng ấy, để duy trì cuộc thám hiểm, bọn họ ăn thịt vẹt đuôi dài, một thứ thịt xanh lè có vị hạc của xạ hương. Sau đó, khoảng hơn mười ngày liền, họ không được nhìn thấy mặt trời. Đất dưới chân họ lại ẩm thấp và nhào nhoét giống như tro tàn của núi lửa, và cây cối ngày một rậm rạp, hiểm hóc hơn, tiếng chim kêu vượn hú ngày một xa dần và quang cảnh lại trở nên mãi mãi buồn tẻ. Những người trong đoàn thám hiểm cảm thấy buồn phiền vì những ký xe cổ xưa nhất của mình trôi dạt trong cái thiên đường ẩm ướt và quạnh hiu này, cái thiên đường còn xa xưa hơn cả cái thiên đường ở đó giống người đã phạm tội tổ tông, là nơi ửng ngập sâu trong thứ nước bùn giống như dầu bốc hơi và những con dao rựa phải hạ xuống chém ngang thân những cây hoa loa kèn trắng và những chú kỳ nhông vàng ươm. Trong suốt cả một tuần, hầu như không ai mở miệng nói lấy một lời, với bộ ngực tức thở bởi thứ không khí khô nóng tanh mùi máu, bọn họ đi như những kẻ mắc chứng mộng du trong một thế giới âm đạm, hầu như chỉ được soi sáng nhờ lửa đom đóm lập lờ. Họ không thể quay lui được vì con đường được mở ra theo dấu chân họ chẳng bao lâu đã bị thứ cây cỏ mới, lớn nhanh tưởng như nhìn thấy được, lấp mất lối. “Đừng sợ”, José Arcadio Buendía nói: “Cát nhất đừng để mất phương hướng”. Không lúc nào rời mắt khỏi la bàn, ông hướng đạo mọi người trong đoàn đi về phương bắc, cho tới khi họ ra tới một vùng đất thú vị. Đó là một đêm tối mịt mù, không một vì sao, nhưng lại là một đêm thoáng đãng nhờ không khí mới mẻ và trong trẻo. Qua chuyến xuyên rừng dài ngày, mọi người đều mệt phờ vội đi mắc võng và lần đầu tiên trong hai tuần liền họ say sưa ngủ. Khi thức dậy, mặt trời đã lên cao. Họ đều hào hứng. Trước họ là một chiếc tàu Tây Ban Nha khổng lồ, màu trắng và bụi bặm, nổi lên giữa những cây dương xỉ và chà là trong ánh sáng ban mai dịu dàng. Nó nằm nghiêng về mạn phải. Những mảnh buồm rách còn treo trên những cột buồm nguyên vẹn, nằm giữa những thừng chèo có kết hoa nguyệt quế. Thân tàu, được lớp vảy cá ép đã hóa đá và lớp rêu xanh phủ kín, hoàn toàn bị gắn chặt xuống nền đá. Toàn bộ cấu trúc của nó dường như chiếm cứ cả một khung

cảnh riêng, cái khung cảnh cô đơn và lãng quên, cái khung cảnh được bảo vệ trước sự phá phách của thời gian và chim chóc. Ở bên trong tàu mà những người thám hiểm đã khéo léo mở được cửa, không có gì khác hơn là một rừng hoa chen kín.

Việc bắt gặp con tàu này, dấu hiệu tỏ rằng biển đã gần kề, như một gáo nước lạnh dội vào ngọn lửa nhiệt tình của José Arcadio Buendía. Ông cho rằng việc này như một lời nhạo báng cái số phận trớ trêu của mình: khi đi tìm biển, dù phải trả giá đắt với biết bao hi sinh và khó nhọc, thì không thấy, còn giờ đây không đi tìm thì lại thấy nó lù lù hiện ra trên con đường của mình như một trở ngại không thể nào vượt nổi. Rất nhiều năm sau, đại tá Aureliano Buendía có dịp trở lại vùng này khi nó đã có một đường buro điện bình thường, vật duy nhất của chiếc tàu ấy mà chàng bắt gặp là một mạn tàu cháy nham nhở nằm giữa cánh đồng hoa mỹ nhân thảo, chỉ đến lúc này, chàng nhận ra rằng cái câu chuyện ấy chẳng qua chỉ là một sản phẩm của trí tưởng tượng của cha mình. Chàng tự hỏi làm sao con tàu ấy đã có thể tiến sâu vào cái địa điểm nằm ngay trên đất liền này. Nhưng José Arcadio Buendía không cần phải bận tâm như vậy khi mà sau bốn ngày đi bộ, ông đã gặp được biển cách chỗ con tàu khoảng mười hai kilômét. Những mơ ước của ông tan biến trước cái biển màu xám tro, ngàu bọt và bản tươi, thật không bỏ cái công ông đã khó nhọc trong chuyến mạo hiểm của mình. - Buổi rồi! - Ông gào -, Macondo đã bị nước vây quanh rồi. Cái ý niệm về một bán đảo Macondo cứ lớn lên trong thời gian dài, được thể hiện trên tám bản đồ nhiều sai lầm mà José Arcadio Buendía đã vẽ nó vào lúc đoàn thám hiểm của ông trở về ông vẽ nó mà lòng đầy giận dữ, do đó đã quá cường điệu những khó khăn giao lưu với bên ngoài. Ông làm thế như là để trừng phạt ngay chính mình vì tội thiếu cân nhắc cặn kẽ khi chọn địa điểm này để lập làng. “Sẽ chẳng bao giờ chúng ta đi tới đâu được”, ông thở than trước mặt Úrsula. “Chúng ta đến mục xác trong khi còn sống ở đây mà chẳng thể nào được hưởng những lợi ích của khoa học đem lại”. Cái ý nghĩ sáng tỏ ấy, được nung nấu vài tháng trong phòng thí nghiệm đã dẫn ông tới việc thai nghén một kế hoạch chuyển Macondo đến một địa điểm thích hợp hơn. Nhưng lần này Úrsula phản đối những kế hoạch vội vàng của ông. Trong quá trình vận động thềm lạng và khéo léo của một người đàn bà cần mẫn, bà chuẩn bị cho các bà phụ nữ trong làng chống lại mọi sự hời hợt của những ông chồng đã bắt đầu chuẩn bị để di chuyển. José Arcadio Buendía không biết từ bao giờ và vì sức mạnh chống đối nào mà các kế hoạch của ông cứ lộn nhào trong mớ bòng bong những nguyên cơ và mâu thuẫn để rốt cục chúng chỉ còn là một ảo tưởng đơn thuần. Úrsula chăm chú theo dõi ông, theo dõi ông cho đến khi bà mũi lòng thương. Ấy là buổi sáng bà gặp ông trong căn phòng ở cuối nhà. Trong lúc sắp xếp dụng cụ của phòng thí

nghiệm vào các hòm, ông lái nhải dự tính những mơ ước khi di chuyển được làng. Bà để cho ông làm xong. Bà để cho ông đóng đinh các hòm lại và dùng cành bài hương chắm mực viết tắt tên họ mình lên trên mà không hề than với ông một lời, nhưng bà hiểu rằng ông thừa biết (vì bà nghe thấy ông nói ra trong các cuộc độc thoại) rằng những người đàn ông trong làng sẽ không tham gia kế hoạch di chuyển. Chỉ đến khi ông gõ cánh cửa phòng ra, lúc ấy bà mới dám hỏi vì sao ông làm thế, và ông chua xót trả lời bà: “Bởi vì không ai đi thì chúng mình cứ đi”. Úrsula vẫn bình tĩnh: - Chúng mình cũng không đi đâu hết, - bà nói. - Chúng mình ở tại đây bởi vì ở đây chúng mình đã sinh hạ được một đứa con. - Một khi chúng ta chưa có người thân chết để chôn dưới đất thì chúng ta vẫn cứ là những kẻ không quê hương bản quán. Với lòng kiên nhẫn, bà nhẹ nhàng cãi lại: - Nếu cần thiết tôi phải chết để các người ở lại đây, tôi sẽ chết.

José Arcadio Buendía không tin rằng quyết tâm của vợ mình lại nghiêm túc đến thế. Ông cố thuyết phục bà bằng phép màu nhiệm của mình, bằng lời hứa về một thế giới huyền ảo nơi chỉ cần rỏ mấy giọt nước thần xuống đất là đủ để cây đơm trái theo ý nguyện của con người, nơi mọi thuốc men và phương tiện chữa bệnh cho con người được bán với giá rẻ. Nhưng Úrsula vẫn điềm nhiên trước những lời đường mật có sức thôi miên của ông: - Thôi đi, xin ông hãy bỏ những ý nghĩ viển vông ấy đi và hãy lo cho các con, - bà nói. - Hãy nhìn chúng kia, có thảm không! Ôi những đứa trẻ không được chăm sóc theo đúng ý lành của Thượng đế. Chúng chẳng khác gì những con lừa. Lần nữa, José Arcadio Buendía chăm chú nghe từng lời của vợ mình. Ông nhìn qua cửa sổ và thấy hai đứa trẻ đi chân đất ở ngoài vườn nắng và ông có cảm giác rằng chỉ đến lúc ấy chúng mới bắt đầu tồn tại. Ông để ý tới chúng nhờ lời khẩn cầu của Úrsula. Vậy là có một cái gì đó đã xảy ra trong tâm trạng ông, cái gì đó thiêng liêng và có thực đôi ông ra khỏi thời hiện tại của mình và đưa ông trôi dạt vào cõi nguyên sơ của dòng ký ức. Trong lúc Úrsula quét nhà, ngôi nhà mà giờ đây chắc chắn bà sẽ gắn cả đời mình với nó, ông ngồi đăm đăm nhìn những đứa trẻ cho đến khi mắt ông nhắm lại. Ông lấy mu bàn tay chùi đi, thở phào một cách nhẹ nhõm rồi đứng dậy nói: - Thôi được, nào bà hãy bảo chúng nó đến giúp tôi lôi các thứ trong hòm ra? José Arcadio, đứa lớn, đã lên mười bốn tuổi. Cậu có cái đầu vuông vức, tóc rẽ tưa và có đức tính làm theo sở thích riêng y hệt tính cha. Mặc dù cậu to lớn và có sức mạnh cơ bắp nhưng rõ ràng ở tuổi này cậu đã để mất trí tưởng tượng. Cậu được hoài thai và sinh ra trong lúc mọi người đang khó nhọc vượt núi, ấy là lúc trước khi thành lập làng Macondo. Cha mẹ cậu cảm tạ thượng đế khi xem khắp người cậu không thấy có bộ phận nào là bộ phận của con vật. Aureliano, người đầu tiên sinh ra ở Macondo, sẽ lên sáu tuổi vào tháng ba tới. Cậu bé lặng lẽ và cô ơn. Cậu đã khóc trong bụng mẹ và lọt lòng với đôi

mắt mở thao láo. Trong lúc người ta cắt rốn cho cậu thì cậu ngo ngoáy cái đầu từ bên này sang bên kia để làm quen với các vật bày trong phòng và với tính tò mò không sợ hãi, dò xét khuôn mặt của đám đông. Sau đó, mặc kệ những ai đến gần để xem mình, cậu bé cứ chăm chăm nhìn lên mái nhà ọp ẹp xuýt sập xuống dưới sức ép khủng khiếp của cơn mưa. Một ngày nọ, cậu bé Aureliano, mới lên ba tuổi, bước vào nhà bếp giữa lúc Úrsula lắc nồi canh ra khỏi bếp và đặt nó lên bàn, chính trong ngày ấy, bà mới nhớ lại sức nặng của cái nhìn ấy. Cậu bé thập thò ở hoài cửa, nói: “Nó sẽ đổ đấy”... Cái nồi đã được đặt che chắn trên bàn, nhưng bỗng nhiên, đúng như lời cậu báo trước, nó bắt đầu rung lên bần bật rồi lăn ra mép bàn như có sức đẩy từ bên trong, và nó vỡ toang từng mảnh trên sàn nhà. Úrsula hoảng sợ, kể lại câu chuyện với chồng mình, nhưng ông giải thích cái hiện tượng ấy như một hiện tượng tự nhiên. Ông vẫn thường như thế, luôn luôn không để ý đến sự có mặt của các con mình, phần vì coi tuổi thơ như một giai đoạn thiếu trí tuệ và phần vì lúc nào ông cũng quá đam mê trong những lý thuyết hư vô. Nhưng kể từ buổi sáng gọi bọn trẻ đến giúp mình tháo dỡ các dụng cụ của phòng thí nghiệm ra khỏi thùng, ông đã dành cho chúng những giờ quý nhất của mình. Trong căn phòng biệt lập mà trên các tường của nó ngày một dày đặc các bản đồ khó hiểu và các bức họa huyền thoại, ông dạy chúng đọc, viết, làm toán và ông nói với chúng về những điều kỳ diệu của thế giới không chỉ dừng lại trong khuôn khổ những hiểu biết mà nhiều khi còn vượt xa trí tưởng tượng của ông. Đây là điều mà bọn trẻ vừa học được: ở một miền đất tận cùng Nam châu Phi, có những người rất đổi thông tuệ và hiền lành đến mức niềm vui duy nhất của họ là được ngồi suy tư; và rằng người ta có thể lội qua biển Aegean^[8] bằng cách nhảy từ đảo này sang đảo khác cho đến tận cảng Thessaloniki^[9].

Những buổi học kỳ thú ấy đọng lại như khắc vào ký ức những đứa trẻ, đến mức nhiều năm sau này, một phút trước khi viên sĩ quan của quân đội Bảo hoàng ra lệnh cho đội hành hình nổ súng, đại tá Aureliano Buendía đã sống lại buổi chiều tháng ba êm đềm, cái buổi chiều cha chàng bỏ dở bài học vật lý, đầy hào hứng với một tay giơ lên không và đôi mắt lim dim để đón nghe từ xa vọng đến tiếng kèn, tiếng trống, tiếng lục lạc của người digan đã nhiều lần tới làng đang rùm beng quảng cáo phát minh mới nhất đầy kinh ngạc của các nhà thông thái xứ Memphis^[10]. Đó là những người digan mới. Những người đàn ông và đàn bà trẻ, chỉ biết chính thứ tiếng mẹ đẻ của mình. Họ là những vật mẫu khả ái về nước da bóng mịn và bàn tay thông minh, mà những điệu nhảy và âm nhạc của họ gieo niềm vui ồn ào trên mọi nẻo đường làng. Họ mang theo những chú vẹt lông nhuộm đủ màu có thể ngâm những bài dân ca Ý; con gà mái đẻ trăm quả trứng vàng theo nhịp trống pan-dê-rê-ta; con khỉ đã được dạy dỗ đoán điều anh đang suy nghĩ; cỗ máy vạn năng

vừa đơm cúc vừa làm hạ cơn sốt; chiếc máy để quên đi những ký ức buồn, dữ; lá cao để quên thời gian và hàng nghìn những phát minh khác, tất cả đều rất khéo léo và kỳ thú đến mức José Arcadio Buendía cũng muốn chế ra cái máy nhớ để có thể nhớ tất cả. Chỉ trong chốc lát, người digan làm cho làng thay đổi. Những người dân Macondo bỗng chốc cũng bị lạc đường ở ngay chính quê hương mình, vì họ đang ngầy ngật trước hội chợ phong phú này. Dắt tay từng đứa trẻ để chúng khỏi bị lạc trong đám đông hỗn độn, đựng hoài phải những người làm trò ảo thuật có hàm răng mạ vàng và những người múa rối có sáu cánh tay, ngọt ngào trong mùi dầu hôi và mùi bạc hà do đám đông phả ra, José Arcadio Buendía đi tìm Melquíades khắp nơi để ông ta giảng giải cho mình nghe những bí mật không lường hết được của nỗi trần trở huyền hoặc ấy. Đi mãi, đi mãi, rồi cuối cùng ông cũng đến nơi Melquíades vẫn thường dựng lều, nhưng ông lại gặp một người Armenia làm lý nói tiếng Tây Ban Nha đang quảng cáo một thứ nước xi-rô có phép tàng hình. Ông ta uống đánh ực một cốc nước pha hồ phách trong lúc José Arcadio Buendía rẽ đám đông đang trở mắt xem trò ảo thuật và ông đã đến tận nơi để hỏi thăm Melquíades. Người digan ngạc nhiên nhìn ông, trước khi tàng hình vào một vũng nước hắc ín đặc sánh và nóng hôi, từ đó vọng lên câu trả lời: “Melquíades đã chết rồi ị. Hoảng hốt trước cái tin dữ này, José Arcadio Buendía chết lặng người, cố vượt qua nỗi thống khổ, cho đến khi đám người xem bỏ đi theo lời mời chào của các trò ảo thuật khác, và vũng nước của người Acmêni hoàn toàn bay hơi. Sau đó những người digan khác cũng khẳng định với ông rằng quả đúng thế. Melquíades đã chết vì sốt rét tại những cồn cát ở Singapore và thi hài của ông ta đã được ném xuống vùng nước sâu nhất của biển Java. Bọn trẻ không để ý đến tin này. Chúng đang nũng nịu đòi cha dẫn đi xem phát minh mới lạ của các nhà thông thái xứ Memphis, được quảng cáo ở ngay cửa ra vào của quán hàng, theo như lời đồn, nó thuộc về hoàng đế Salomon. Chúng đòi da diết đến mức José Arcadio Buendía phải trả ba mươi đồng real vào cửa để dẫn các con mình vào ngay giữa quán hàng là nơi có một người khổng lồ thân thể lông lá có cái đầu cao nhẵn, mũi đeo một chiếc khuyên đồng, cổ chân đeo một chiếc xiềng sắt nặng trĩch, đang canh giữ một chiếc hòm bí mật. Khi người khổng lồ mở nắp, từ trong hòm phả ra một luồng hơi lạnh buốt. Trong hòm chỉ có một khối trong suốt với những lỗ nhỏ li ti mà khi ánh hoàng hôn chiếu vào bỗng lấp lánh đủ sắc màu như các vì sao. Lòng đầy hoang mang vì biết rằng bọn trẻ nhà ông đang đợi một lời giải thích ngay tức thì, José Arcadio Buendía chỉ dám thăm thì nói: - Đó là một viên kim cương lớn nhất thế giới. - Không phải, - người digan chữa lại, - đó là nước đá. Không hiểu gì, José Arcadio Buendía giơ tay định sờ vào tảng nước đá, nhưng gã khổng lồ gạt phất tay ông đi. “Muốn sờ nó, phải đưa thêm năm đồng real nữa!”, gã nói. José Arcadio Buendía đưa năm đồng real rồi đặt bàn tay lên tảng nước đá.

Ông để nguyên tay vài phút trong lúc tìm ông đập dồn dập đầy vẻ vừa lo sợ vừa thích thú khi được tiếp xúc với vật diệu kỳ này. Không biết nói gì hơn, ông móc túi trả thêm mười đồng real nữa để cho các con ông cũng được sống cái cảm giác diệu huyền này. Cậu bé José Arcadio không dám sờ tảng nước đá. Trái lại, Aureliano tiến lên phía trước một bước, đặt bàn tay vào tảng nước đá nhưng rút ngay ra. “Eo ơi, bỏng kinh”, cậu hét hoảng thốt lên. Nhưng cha cậu không để ý đến lời cậu. Lòng đầy cảm kích thước sự hiển nhiên của vật kỳ ảo, lúc này ông quên đi sự thất bại của những công việc viển vông của mình, quên đi cái tử thi Melquíades bị ném xuống biển làm mồi cho cá mực. Ông trả thêm năm đồng real nữa, rồi với bàn tay đặt trên tảng nước đá, như để trình bày một lời chứng trên Kinh Thánh, ông thốt lên: - Đây là một phát minh lớn nhất của thời đại chúng ta.

CHƯƠNG 2

Khi tên cướp biển Francis Drake tấn công Riohacha ở thế kỷ XVI, bà tổ của Úrsula Iguarán đã quá kinh ngạc trước tiếng chuông nhà thờ inh ỏi đổ hồi và tiếng đại bác chát chúa nổ rền, đến mức quần trí ngồi vào một bếp than hồng. Những vết sẹo cháy đã làm cho cụ trở thành một người vợ ăn bám suốt đời. Cụ chỉ có thể ngồi nghiêng một phía dựa lưng trên những chiếc gối đệm và đi đứng kỳ dị, bởi thế chẳng bao giờ cụ đi ra ngoài trước con mắt mọi người. Cụ từ bỏ mọi sinh hoạt xã hội vì bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ người mình phả ra mùi khét khó chịu. Ánh bình minh bắt gặp cụ ở ngoài sân. Cụ không dám ngủ bởi nằm mộng thấy bọn người Anh cùng với những con chó dữ tợn đã trèo qua cửa sổ phòng ngủ và làm cụ chết khiếp vì những cục hình ghê rợn bằng những thanh sắt nung đỏ. Chồng cụ, một thương nhân người vùng Aragon^[11], đã có hai con với cụ, tiêu tốn một nửa cửa hàng để thuốc thang và mua vui cho vợ, ngõ hầu làm giảm bớt nỗi sợ hãi. Cuối cùng, ông cụ bỏ nghề buôn, mang gia đình đi sống ở một miền xa biển, trong một xóm những người dân Anh-điêng hiền lành ở sâu trong núi. Tại đây cụ ông đã làm cho vợ một phòng ngủ không cửa sổ để bọn ướp biển, trong những cơn ác mộng kia, không có lối nhảy vào. Tại xóm vắng này, trước đó rất lâu có một nhà trồng thuốc lá người Âu, sinh ra trên châu Mỹ. Đó là Don^[12] José Arcadio Buendía người mà cụ tổ Úrsula cùng thành lập một tổ hợp sản xuất chỉ trong một thượng ngàn đã có vốn to. Vài thế kỷ sau, người cháu của ông tổ kết hôn với cô cháu gái của ông tổ Aragon. Vì thế mà mỗi bận Úrsula ra khỏi nhà theo tiếng gọi cuồng nhiệt của chồng mình, đã nhớ lại những ngẫu nhiên xảy ra cách đây ba trăm năm, và nguyên rủa cái giờ mà tên cướp biển Francis Drake tấn công Riohacha. Đó là cách đơn giản để giải phiền, bởi trên thực tế họ đã gắn bó với nhau cho tới khi chết bởi mối liên hệ còn bền chặt hơn cả tình yêu: đó là nỗi dằn vặt lương tâm chung cả hai người. Là anh em với nhau, họ cùng lớn lên trong một xóm cũ mà các bậc tiền bối của mình, bằng lao động và thuần phong mỹ tục, đã biến nó thành một cái làng tốt đẹp nhất trong số các làng thuộc tỉnh này. Mặc dù cuộc hôn nhân của họ đã thấy trước một cách hiển nhiên ngay khi trào đời, nhưng khi họ bộc lộ ý nguyện được lấy nhau thì cha mẹ hai bên đã định ngăn cản. Các cụ sợ rằng hai con người khỏe mạnh đó thuộc hai dòng họ hàng thế kỷ đã có tình thâm giao sẽ phải sống trong tủi hổ vì sinh ra những con kỳ đà. Trước họ đã có tấm gương tày liếp. Bà cô của Úrsula lấy ông chú của José Arcadio Buendía sinh ra một đứa con suốt đời mặc quần rộng thùng thình và chết vì bệnh chảy máu sau khi đã sống một cuộc đời bốn mươi hai tuổi luôn luôn trai tân, bởi vì y sinh ra và lớn lên với cái đuôi xoắn hình chiếc mở nút chai ở cuối có một túm lông. Đó là một cái đuôi lợn mà y không bao giờ để

cho bất kỳ người đàn bà nào nom thấy. Và y đã phải trả giá bằng cả cuộc đời mình khi một người làm nghề đồ tể dùng con dao phay chặt phắt luôn cái đuôi lợn ấy đi. José Arcadio Buendía với sự thanh thản của tuổi mười tám đã giải quyết vấn đề này bằng một câu gọn lỏn: “Có đẻ ra lợn anh cũng cóc cần, miễn là biết nói”. Thế là họ cưới nhau với tiệc tùng kéo dài ba ngày liền có pháo nổ và các ban nhạc giúp vui. Từ đó trở đi, bọn họ sẽ hạnh phúc biết bao nếu như bà mẹ Úrsula không đe dọa cô bằng tất cả những dị dạng đáng sợ của những đứa con sẽ sinh ra đến mức cô không dám cho động phòng. Vì sợ người chồng vâm vấp và ngang ngược sẽ cưỡng dâm trong lúc mình ngủ, Úrsula, trước khi đi nằm, đã mặc một chiếc quần do bà mẹ may cho. Đó là một chiếc quần vải gai được một hệ thống dây da chằng khéo làm cho bền hơn với một chiếc khóa sắt to sụ đóng kín lại. Bọn họ sống như vậy trong mấy tháng liền. Ban ngày, chàng đi chăn dắt những chú gà chọi của mình, còn nàng cùng với mẹ ngồi thêu bên khung thêu. Ban đêm cô phải chống cự trong vài giờ trước khát vọng cuồng nhiệt của chồng mà việc ấy dường như được làm là để thay thế cho sự chung đụng xác thịt, cho tới khi linh cảm của dân chúng đánh hơi thấy có một cái gì không bình thường đang xảy ra và họ liền tung tin đồn rằng Úrsula sau một năm cưới chồng vẫn tiếp tục trinh tiết là do chồng cô bắt lực. José Arcadio Buendía là người biết tin đồn sau cùng.

- Úrsula này, mình thấy đấy, người ta đang đồn âm lên, - anh bình tĩnh nói với vợ. - Thây kệ họ nói, - cô nói, - chỉ cần chúng ta biết với nhau rằng liều đó là không đúng sự thực.

Vậy là vợ chồng họ cứ sống trong tình cảnh ấy trong khoảng sáu tháng nữa, cho đến một ngày chủ nhật bi thương là ngày José Arcadio Buendía đã thắng Prudencio Aguilar một trận chọi gà. Giận dữ, điên tiết vì thấy máu con gà của mình, kẻ bị thua liền tách ra xa José Arcadio Buendía để mọi người trong sới chọi gà có thể nghe được lời mình sẽ nói: - Tao mừng cho mày, - anh ta gào, - để xem xem cuối cùng con gà ấy nó có làm ơn cho vợ mày không nào. José Arcadio Buendía nín thinh, ôm lấy gà mình. “Tôi sẽ trở lại ngay”, anh nói với mọi người, sau đó anh nói với Prudencio Aguilar: - Còn mày, liệu xác đấy, hãy trở về nhà và cầm lấy vũ khí đi, kéo tao sẽ giết mày. Mười phút sau anh trở lại với cây giáo sắc nhọn của ông nội mình. Ngay ở lối ra vào sới chọi gà, nơi có đến nửa làng đã tụ tập, Prudencio Aguilar đang đứng chờ. Anh ta không có thời gian để tự vệ. Cây giáo của José Arcadio Buendía được phóng đi với sức mạnh của con bò tót và với đường bay chính xác của chính cây giáo do cụ Aureliano Buendía Thứ nhất phóng đi từng kết liễu những con hổ trong vùng, đã xuyên qua cổ họng Prudencio Aguilar. Đêm ấy, trong lúc mọi người đang viêng tử thi ở ngoài sới chọi gà thì José Arcadio Buendía bước vào phòng ngủ giữa lúc vợ anh đang mặc chiếc quần trinh tiết. Hươ hươ cây giáo trước mặt cô, anh ra lệnh: “Hãy cởi thứ đó ra”.

Úrsula không nghi ngờ quyết định của chồng. “Minh sẽ phải chịu trách nhiệm về điều vừa xảy ra”, anh rên rỉ nói. José Arcadio Buendía cầm phật ngọn giáo xuống nền nhà. - Nếu mình đẻ ra kỳ đà thì chúng mình sẽ nuôi kỳ đà, - anh nói - Nhưng trong cái làng này sẽ không có thêm những người hết vì tội lỗi của mình.

Đó là một đêm tháng bảy đẹp trời, trăng thanh gió mát và bọn họ thức suốt đêm vằn nhau trên giường cho đến lúc rạng đông, không để ý tới gió lùa vào phòng mang theo tiếng than khóc của gia quyến Prudencio Aguilar. Đám tang này được liệt hạng đám tang danh dự, nhưng hai người dẫn vật lương tâm. Có một đêm mất ngủ, Úrsula ra sân ồng nước, đã nhìn thấy Prudencio Aguilar đứng ngay bên cạnh chum. Anh ta đứng đấy, xanh tái, vẻ rầu rĩ, đang muốn dùng ấm rơm cọ bát để nhét vào lỗ thủng nơi cổ họng. Cô không hãi nhưng mũi lòng thay. Cô trở vào phòng kể lại cho chồng nghe điều mắt mình nhìn thấy nhưng anh không tin. “Những người chết không đi ra khỏi phần mộ của mình”, anh nói. “Chẳng qua là chúng mình không chịu nữa sự giày vò của lương tâm mình thôi”. Hai đêm sau, Úrsula lại nhìn thấy Prudencio Aguilar ở trong nhà tắm đang dùng bã lau vết máu đọng lại ở cổ. Đêm khác cô lại thấy anh ta đang đi lại dưới trời mưa. Giận dữ trước việc vợ mình nhìn thấy ma, José Arcadio Buendía cầm giáo bước ra sân. Quả nhiên bóng ma rầu rĩ đang đứng ở đấy. - Cút con mẹ mày đi! - José Arcadio Buendía gào lên. - Mày mà cứ lảng vảng ở đây ông sẽ giết? Prudencio Aguilar không đi, mà José Arcadio Buendía cũng không dám phóng cây giáo. Từ đấy trở đi anh không thể ngủ ngon giấc. Anh bị dẫn vật bởi chính nỗi buồn mênh mang của người chết từ trong mưa nhìn anh, bởi chính nỗi thương cảm sâu sắc của người chết đối với những người sống, bởi chính cơn khát của người chết lục khắp nhà để tìm nước dập bã lau. “Có lẽ anh ta đau khổ lắm”, Úrsula nói với chồng: “Anh ta quá lẻ loi”. Cô càng cảm động hơn khi lần gần đây nhìn thấy bóng ma đang mở vung nồi bếp thì cô hiểu cái mà nó đang tìm và kể từ lần ấy, cô đặt những tô nước ở khắp nhà cho nó. Một đêm nọ, bắt gặp bóng ma đang rửa vết thương ở ngay trong phòng mình, José Arcadio Buendía không thể chịu được thêm nữa, đã nói: - Được rồi, Prudencio ạ, - anh nói với bóng ma, - chúng tôi sẽ đi khỏi làng này, đi đến nơi xa nhất mà chúng tôi có thể đi, và chúng tôi sẽ không bao giờ trở lại nữa. Bây giờ cậu hãy đi đi, hãy thanh thản mà đi đi. Đó là nguyên nhân bọn họ vượt núi. Vài anh bạn của José Arcadio Buendía, tất cả đều trai trẻ như anh, náo nức với chuyến đi mạo hiểm này, đã thu dọn đồ đạc rồi mang chúng cùng với vợ con để đi tới miền đất chẳng một ai đã hứa hẹn cho họ. Trước lúc khởi hành, José Arcadio Buendía đã chôn cây giáo ở ngay ngoài sân và lần lượt chặt cổ những con gà chọi tuyệt vời của mình mà lòng anh đinh ninh tin rằng làm như thế sẽ an ủi phần nào vong linh Prudencio Aguilar. Vật duy

nhất mà Úrsula mang theo là một chiếc rương trong đó đựng quần áo cưới một ít đồ ăn và một túi nhỏ đựng những đồng tiền vàng của cha cô để lại.

Đoàn người ra đi không đi theo một lộ trình nhất định. Họ chỉ mãi đi theo hướng ngược lại con đường dẫn tới Riohacha để không bỏ lại một dấu vết nào và để tránh chạm mặt người quen. Đó là một chuyến đi kì dị. Khi đoàn người đi được mười bốn tháng trời, với cái bụng quặn đau vì thịt khỉ và canh rắn, Úrsula đẻ ra một chú bé với tất cả các bộ phận người của chú. Cô đẻ rơi giữa đường ngay lúc nằm trên một chiếc võng hai người khiêng, bởi vì hai chân cô xuống máu sung vù lên mất cả hình thù, và các tĩnh mạch cứ phồng lên như những vấp rộp. Những đứa trẻ thật đáng thương hại với cái bụng lép và đôi mắt quàng thâm. Tuy vậy chúng lại tỏ ra dẻo dai hơn cha mẹ chúng trong chuyến đi gian truân này, và trong phần lớn thời gian còn thích thú là khác. Một buổi sáng nọ, sau gần hai năm ròn rã leo núi, họ là những người đầu tiên nhìn thấy sườn phía tây của dãy núi. Từ trên đỉnh núi mù mây phủ họ nhìn thấy mặt nước bằng bao la của một đầm lầy mênh mông trải tới tận bờ bên kia thế giới. Song chẳng bao giờ họ gặp biển. Có một đêm, sau vài tháng lạc lối giữa những đầm nước, những đả cách rất xa nơi cuối cùng họ gặp những người Anh-điêng trên con đường mình đi, họ nghỉ lại bên bờ một con sông nhiều đá, nước trong như một dải pha lê đông lạnh. Nhiều năm sau này, đại tá Arcadio Buendía định theo con đường ấy để đánh úp Riohacha và sau sáu ngày đi chàng hiểu rằng đó là một cơn điên. Tuy nhiên, cái đêm họ nghỉ lại bên cạnh sông ấy, những người đồng hành của cha chàng đều hoảng hốt như những người chết đuối không nơi bám víu, nhưng con số của họ đã tăng thêm trong cả quá trình vượt núi và tất cả bọn họ quyết sống (dĩ nhiên họ đã tìm cách) cho đến lúc đầu bạc răng long. Đêm ấy José Arcadio Buendía nằm mộng thấy ở ngay nơi đó một thành phố đông vui với những ngôi nhà có tường kính đã mọc lên. Ông hỏi đó là thành phố gì và ông được trả lời bằng một cái tên chưa bao giờ nghe thấy, một cái tên chẳng có ý nghĩa gì nhưng nó cứ vang động trong giấc mơ: Macondo. Ngay ngày hôm sau, ông thuyết phục các bạn mình rằng sẽ chẳng bao giờ bọn họ tìm thấy biển. Ông hạ lệnh cho họ phát quang một vùng bên cạnh sông, nơi thoáng mát hơn và tại đó họ lập làng. Trước hôm được biết nước đá, José Arcadio Buendía vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của giấc mộng về những ngôi nhà có tường kính. Sau hôm đó, ông những tưởng mình đã hiểu được ý nghĩa sâu xa của nó. Ông nghĩ rằng trong một tương lai không xa người ta có thể sản xuất hàng loạt các khối nước đá bằng vật liệu hết sức thông thường như nước lã, và dùng chúng để xây dựng những ngôi nhà mới cho làng. Lúc đó Macondo sẽ không còn là một nơi nóng bức đến mức bản lề và chốt cửa bằng sắt cũng phải quăn lại vì hơi nóng, và trở thành một thành phố quanh năm là mùa đông. Nếu như ông không nôn nóng tiến hành xây dựng một nhà máy nước

đá ngay là vì lúc ấy ông đang hào hứng với việc dạy dỗ các con mình, trước hết là Aureliano, cậu bé ngay từ đầu đã bộc lộ một năng khiếu đặc biệt về thuật làm vàng giả. Phòng thí nghiệm lúc nào cũng sạch bong không một vết bụi. Giờ đây, rất bình tâm, không náo nức trước điều kỳ ảo bằng việc xem lại những chỉ dân của Melquíades, ông cố tách vàng của Úrsula ra khỏi thứ hợp chất đóng chóc lại ở đáy chảo. Cậu thanh niên José Arcadio hầu như không tham gia công việc ấy. Trong khi cha cậu dốc toàn tâm toàn sức vào công việc trong ông nghiệm thì cậu cả, vốn là người thực làm theo ý mình, là người lớn trước tuổi, đã trở thành một chàng thanh niên lực lưỡng. Cậu võ giọng. Mép cậu đã lún phún mọc đầy lông tơ. Một đêm nọ, Úrsula bước vào phòng khi cậu đã cởi hết quần áo để đi ngủ. Bà thảng thốt cảm thấy vừa thẹn vừa thương. Đó là người đàn ông, sau chồng mình, bà thấy khỏa thân, và y đã được chuẩn bị chu đáo để vào đời và điều đó bà thấy không được bình thường. Lần thứ ba, Úrsula hoài thai, và lại sống lại những nỗi lo âu thuở mới lấy chồng.

Vào thời ấy, có một người đàn bà vui tính, ăn thô nói tục hay khơi chuyện, thường đến nhà, là người vẫn hay làm giúp các việc vặt trong nhà và biết bói bài. Úrsula đem chuyện con trai mình thô lộ với thị. Bà nghĩ rằng cái cơ thể quá cỡ của con trai mình là một sự không bình thường như cái đuôi lợn của người chú họ. Người đàn bà bật một tràng cười ha hả vang vọng khắp nhà giống như một dòng thủy tinh ào chảy. Trái lại, thị nói, “cậu cả sẽ là người hạnh phúc đấy, bà ạ”. Để khẳng định lời đoán số, vài ngày sau thị mang tới nhà một cỗ bài, rồi sau đó, một mình lên vào kho ngô ở gần nhà bếp với José Arcadio và đóng chặt cửa lại. Thị điềm nhiên đặt cỗ bài lên chiếc bàn thợ mộc cũ, rồi liền thoảng nói rất những chuyện không đâu, trong lúc đó chàng trẻ tuổi buồn chán hơn là thích thú ngồi bên cạnh thị chờ đợi. Bỗng nhiên thị giơ tay lên ôm choàng lấy anh. “Ôi tuyệt quá, thị nói một cách thảng thốt vẻ chân thành, và đó là điều duy nhất thị có thể nói được. José Arcadio cảm thấy gân cốt bủn rủn, sợ hãi và muốn khóc thét lên. Người đàn bà không hề dặn bảo anh điều gì. Nhưng suốt đêm ấy José Arcadio cứ lục tìm thị trong thứ mùi khói phả ra từ nách thị, và cái mùi ấy cứ bám lấy da thịt anh. Anh muốn lúc nào cũng được ở bên cạnh thị, muốn thị là mẹ mình. muốn rằng bọn họ, anh và thị không bao giờ sẽ ra khỏi kho ngô, muốn thị nói với mình ôi tuyệt quá, muốn thị lại ôm lấy mình rồi nói ôi tuyệt quá. Một ngày nọ, anh không thể chịu đựng thêm nữa và đã đến nhà thị để tìm thị. Anh đến chơi nhà không được tự nhiên lắm, ngồi đợi ở phòng khách, không nói không rằng. Trong thời khắc ấy anh không thêm khát thị. Anh thấy thị hoàn toàn khác với hình ảnh mà cái mùi của thị kêu gọi; lúc này thị như một người đàn bà khát. Anh uống cà phê rồi từ biệt ngôi nhà ọp ẹp. Đêm ấy, trong nỗi sợ hãi do mất ngủ, anh lại da diết khát khao thị, nhưng lúc ấy anh

không yêu thị như lúc ở trong kho ngô mà trái lại như trồng cái buổi chiều ấy. Mấy ngày sau, người đàn bà đột ngột gọi anh đến nhà mình vào lúc thị đang ở nhà với bà mẹ. Thị lôi anh vào buồng ngủ với cái cớ dạy anh chơi bài. Thế là thị tha hồ ôm anh, đến mức anh mất cả khoái cảm sau cú ngây ngất ban đầu, rồi anh cảm thấy sợ nhiều hơn là thích thú. Thị nũng nịu đòi anh phải đến tìm mình vào ngay đêm ấy. Anh đã trót đồng ý nhưng khi đi ra anh mới hiểu rằng không thể đi được. Song đêm ấy, trên cái giường nóng bỏng như than lửa, anh hiểu rằng cần phải đi tìm thị dù biết việc đó là không thể làm được. Anh sờ soạng mặc quần áo, tai lắng nghe trong bóng tối tiếng thở đều đều của cậu em, tiếng ho khan của cha mình ở phòng bên, tiếng hen khò khè của đàn gà mái ở ngoài sân, tiếng muỗi vo ve, tiếng thỉnh thỉnh của con tim mình đập và tiếng ồn ào của trời đất chưa bao giờ anh được nghe, rồi anh bước ra con đường đang im lìm ngủ. Anh thành tâm mong muốn cửa đã được cài then hẳn hoi chứ không chỉ khép lại như lời thị hứa với anh. Nhưng cửa vẫn chưa cài then. Anh lấy ngón tay khẽ đẩy cánh cửa và thế là các bản lề rít lên cọt kẹt nghe vừa buồn vừa âm vang khiến anh lạnh cả gáy. Kể từ lúc anh bước vào, bằng cách lách vai nhẹ nhàng để không gây tiếng động, anh vẫn cảm thấy cái mùi ấy. Anh vẫn còn ở trong phòng khách là nơi ba người em trai thị mắc võng ở những vị trí mà cho đến lúc này anh không biết và trong bóng tối không thể xác định được, vậy là anh chỉ còn thiếu sờ soạng mà bước vào, mà đẩy cánh cửa phòng và đi đến nơi ấy làm sao không bị nhầm giường thì nằm. Anh tìm nó. Anh vấp phải dây võng mắc ở tầm thấp hơn là anh tưởng, và cái người đàn ông đang ngáy khò khò cho đến lúc ấy vẫn đang mộng mị, nói về tỉnh khô: “Đó là ngày thứ tư”. Khi đẩy cánh cửa buồng ngủ anh đã không thể tránh được cú vấp phải mép sàn nhà nhô cao. Trong bóng đêm tối đen như mực, bỗng nhiên, với một nỗi nhớ nhưng không thể dùng được, anh hiểu rằng mình đã hoàn toàn mất phương hướng. Trong phòng chật hẹp này có bà mẹ, cô em, người chồng và ba đứa con của cô ta đang ngủ, và cả người đàn bà nữa, mà có lẽ thị không đợi anh, cũng đã ngủ rồi. Có lẽ anh sẽ không lần theo cái mùi ấy nếu như nó không nồng nặc khắp nhà. Cái mùi đàn bà ấy vừa có vẻ hư hư lại vừa có vẻ thực thực như thể lúc nào nó cũng ở ngay trên làn da anh. Anh đứng im như thằng phỗng trong một lúc lâu mà ngạc nhiên tự hỏi lòng mình đã làm thế nào để đi tới cái vực thăm thẳm trái này. Giữa lúc ấy có một bàn tay xò rộng các ngón cũng đang sờ soạng trong bóng tối, đã đụng phải mặt anh. Cái bàn tay ấy không ngạc nhiên, vì dù không biết đích xác là anh, nó đang đợi anh. Thế là anh tin cái bàn tay ấy và trong trạng thái mệt mỏi đến kinh khủng, anh đã để cho nó lôi tuột mình đến một chỗ không được tiện nghi lắm, là nơi nó lột trường anh ra, nó mân mê anh như mân mê củ khoai, nó vằn anh sang bên trái lại xoay anh sang phải, là nơi anh không nghĩ thấy mùi đàn bà nữa mà chỉ thấy mùi nước đá quý, và là nơi anh định nhớ lại gương mặt thị thì anh lại hình dung ra

gương mặt bà Úrsula; rồi anh hoang mang mà nhận ra rằng mình đang làm một việc mà từ lâu hằng mong muốn nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng trên thực tế sẽ có thể được làm, không hề biết đang là nó như thế nào bởi không biết đâu là chân, đâu là đầu và cũng chẳng biết chân ấy là của ai, đầu ấy là của ai và anh cảm thấy mình không thể chịu đựng được hơn nữa trước cơn nhói biết nơi thận mình, trước cơn đau quặn nơi bụng mình, anh đâm phát hoảng và cảm thấy nổi khao khát chệnh choáng vừa muốn được chạy trốn đồng thời vừa muốn được ở lại mãi mãi trong cái im lặng đầy thất vọng và cái cô đơn đáng sợ hãi này.

Người đàn bà ấy tên là Pilar Ternera. Thị là một thành viên của đoàn người di cư đã lập nên làng Macondo, bị gia đình lôi đi leo đẽ tách thị ra khỏi gã đàn ông từng cưỡng hiếp thị vào lúc thị mới mười bốn tuổi, và theo đuổi thị đến năm thị hai mươi một tuổi, nhưng không bao giờ quyết định công khai quan hệ của hai người trước công chúng vì gã là con người sở Khanh. Gã hứa sẽ theo thị đến cùng trời cuối đất, nhưng ngay sau đó, khi vấn đề đã êm đẹp đâu vào đó, thị cứ mòn mắt chờ trông, bằng cách đánh đồng gã với những người đàn ông cao lớn và cả với những người nhỏ bé thấp lùn, với những người đàn ông tóc hung và cả những người tóc đen, đó là những người mà quân bài hứa hẹn với thị rằng họ sẽ đến từ đường biển và từ đường bộ trong ba ngày, ba tháng hoặc ba năm. Trong lúc chờ đợi, thị đã đánh mất độ săn chắc của các bắp vế, độ căng phồng của bộ ngực, vẻ duyên dáng yếu điệu, nhưng lúc nào thị cũng giữ được con tim luôn bốc lửa tình. Cuồng nhiệt trước trò mê say ấy, đêm nào cũng vậy, José Arcadio đi tìm hơi thị bằng cách vượt qua cái mê cung ấy. Có những khi gặp cửa đóng then cài, anh đã gõ cửa vài lần, vì biết rằng đã có gan gõ lần thứ nhất ắt phải gõ tới lần chót, và sau khi đã dai dẳng chờ đợi, anh được thị mở cửa. Ban ngày, thiếp đi vì buồn ngủ, anh thắm ngậm nhấm khoái cảm đêm trước. Song khi thị bước vào nhà, vui vẻ, hồn nhiên, vẻ bông lơn, thì anh chẳng phải mệt sức để che giấu nỗi mệt mỏi của mình, bởi vì cái người đàn bà có tiếng cười giòn từng làm kinh động những con bò câu ấy rất mãn nguyện đã dạy cho anh biết thở thật sâu, biết giữ cho tim không đập quá dồn dập và đã cho phép anh biết vì sao những người đàn ông lại sợ chết đến thế. Anh quá mãi mê suy tư đến nỗi không hiểu niềm vui tràn trề của tất cả mọi người trước việc cha và em trai anh làm náo loạn cả nhà bằng cách loan tin đã nung chảy được chất hợp kim và đã tách được vàng của Úrsula. Quả nhiên, sau những ngày làm việc cần cù đầy hứng thú, cha con José Arcadio Buendía đã giành được kết quả. Úrsula rất sung sướng, đến mức bà phải cảm ơn Thượng đế về phát minh của thuật giả kim, trong lúc đó dân làng tụ tập trong phòng thí nghiệm và gia đình mời họ xơi mứt ôi với bánh qui để mừng kỳ tích, José Arcadio Buendía cho họ xem cái nồi nấu kim loại với số vàng đã được lấy lại, làm như thể ông

vừa chế được. Sau khi cho mọi người xem khắp lượt, cuối cùng ông mang nó đến trước mặt đứa con trai đầu lòng của mình, người trong thời gian gần đây hầu như không bước chân vào phòng thí nghiệm. Đặt trước mắt anh thứ kim loại khô khốc và vàng óng, rồi ông hỏi: “Con thấy thế nào?”. José Arcadio chân thành trả lời cha: - Cái đồ cứt chó ấy mà! Cha anh liền vả một cái tát trái vào miệng anh đến là đau, làm cho anh phải chảy máu và ứa nước mắt. Đêm ấy Pilar Ternera dán thuốc cao lên chỗ sưng, mò mẫm trong bóng tối tìm chai rượu và bông và làm tất cả những gì thị muốn nhưng không làm anh khó chịu, để yêu anh mà không làm anh đau đớn. Bọn họ trở nên thân thiết, chỉ ít phút sau, không ai bảo ai, đã thâm thì to nhỏ nói chuyện với nhau: - Anh muốn chỉ một mình em bên anh, - anh nói, - một ngày gần đây, anh sẽ kể hết chuyện chúng mình cho mọi người biết để kết thúc những trò vụng trộm luôn một thể. Thị không định ngăn cản anh. - Thế thì rất hay, - thị nói, - nếu chỉ có mình chúng mình với nhau thôi, chúng mình sẽ thấp đèn sáng để nhìn nhau cho sướng và em có thể gào to tất cả những gì em thích không còn lo một ai quấy rối, và anh sẽ thì thảo bên tai em tất cả những lời tục tĩu anh nghĩ ra được. Buổi trao đổi này, nỗi căm tức cha mình, và khả năng khẩn cấp của môi tình quá trốn, đã làm cho anh thêm bạo dạn rồi đột ngột, anh kể tất cả cho em trai mình nghe.

Thoạt đầu, Aureliano chỉ hiểu được nỗi nguy hiểm và những tai họa sẽ xảy ra do các cú liều mạng của anh trai mình gây nên, nhưng cậu vẫn chưa cảm nhận được cái khoái cảm đến mê mê của câu chuyện. Rồi niềm khao khát dần dần xâm chiếm cậu. Cậu bắt người anh kể tỉ mỉ những tình tiết li kì, đồng cảm với nỗi đau đớn ê chề và mềm lạt thú của ông anh, cậu cũng thấy bồi hồi lo âu và sung sướng. Cậu thức đợi ông anh mình cho đến gần sáng, cứ trần trọc bồi hồi trên cái giường như có ai bỏ than đỏ vào, và khi ông anh trở về, cả hai người đều tỉnh như sáo nói chuyện cho đến lúc dậy, vì vậy mà chẳng bao lâu cả hai anh em đều lử đử lử đừ, chán ngấy thuật giả kim và kiến thức uyên bác của cha mình và cả hai đều trốn vào cõi cô đơn.

“Bọn trẻ nhà này cứ như những thằng đàn, lúc nào cũng thần thờ”, Úrsula nói. “Có lẽ chúng bị giun quấy đấy”. Bà chuẩn bị cho họ một tô nước thuốc lá pai-cô^[13] và cả hai người điềm nhiên uống, rồi chỉ trong một ngày họ đã mười một lần ngồi vào bô, thải ra một vài con giun màu hồng hồng. Hai anh em thích thú chia cho mọi người xem vì chúng cho phép họ đánh lạc hướng Úrsula về căn nguyên cái bệnh buồn phiền của họ.

Lúc đó Aureliano không chỉ hiểu mà còn có thể cảm nhận những kinh nghiệm tình dục của ông anh như chính mình đã trải qua, bởi vì có một lần khi người anh kể rất tỉ mỉ về cách thức làm tình như thế nào, thì cậu đã ngắt lời hỏi: “Anh cảm thấy như thế nào?”... Không ngần ngại, José Arcadio trả

lời ngay: - Như thể trời rung đất chuyển ấy. Vào lúc hai giờ sáng một ngày thứ năm trong tháng Giêng, Amaranta đã ra đời. Trước lúc chưa có ai vào phòng, Úrsula xem xét khắp người đứa hài nhi. Nó nhẹ tênh và căng mọng như một con thằn lằn non, nhưng tất cả các bộ phận trên người nó đều thuộc giống người. Aureliano chỉ biết tin vui khi thấy mọi người kéo đến nhà mình rất đông. Để trốn tránh sự ồn ã này, cậu ra khỏi nhà đi tìm ông anh, người đã bỏ trống giường từ lúc mười một giờ, và đó là một quyết định đột ngột đến mức cậu không kịp tự hỏi làm thế nào để lôi được anh mình ra khỏi phòng Pilar Ternera. Cậu đi quanh nhà thị vài giờ liền, cứ huýt sáo làm hiệu liên tục cho đến khi buổi bình minh buộc cậu phải trở về. Trong phòng của bà mẹ, cậu bắt gặp José Arcadio với bộ mặt tỉnh bơ, đang chơi với cô em gái mới sinh.

Úrsula hầu như vừa kết thúc kì nghỉ để bốn mươi ngày thì những người digan cũng vừa tới làng. Đó chính là những người làm xiếc và những người múa rối từng mang nước đá đến đây. Khác với nhóm người của Melquíades, chẳng bao lâu bọn họ đã trưng bày các thứ hàng hóa tiêu xài chứ không như trước đây chỉ có những thành tựu của tiến bộ khoa học. Khi mang nước đá đến, họ đã không quảng cáo mặt ích lợi phục vụ cho đời sống con người mà chỉ quảng cáo nó như một trò ảo thuật đơn thuần. Lần này, bên cạnh các trò tiêu khiển khác, họ mang đến một cái thảm bay. Họ không giới thiệu nó như một đóng góp cơ bản cho sự phát triển giao thông mà giới thiệu nó như một thứ đồ chơi. Dĩ nhiên dân chúng moi nốt những mẩu vàng cuối cùng để thưởng thức cú bay vù vù trên các nóc nhà trong làng. Lợi dụng sự tha thứ đầy thú vị của công chúng đang ồn ào, José Arcadio và Pilar Ternera đã sống những giờ tự do. Họ là hai người tình ngây ngất hạnh phúc giữa đám đông đến mức tưởng rằng tình yêu còn sâu sắc và lắng đọng hơn cả cái khoái lạc tốt đỉnh và tức thời của họ trong những đêm vụng trộm. Tuy vậy Pilar Ternera lại phá tan cái niềm vui ấy. Phấn chấn hẳn lên trước đam mê của José Arcadio lúc đang tận hưởng hạnh phúc đôi lứa, thị nhảm lẫn cách thức nói và lúc cần nói, đã bỗng nhiên chụp lên đầu anh một trách nhiệm nặng nề bằng cả quả địa cầu. “Giờ đây, anh đã là một người đàn ông rồi đây”, thị nói với anh. Và vì anh không hiểu điều thị vừa nói, thị thông thả giải thích cặn kẽ: - Nghĩa là anh sẽ có một đứa con trai.

Trong vài ngày liền, José Arcadio không dám ra khỏi nhà. Chỉ cần nghe thấy tiếng cười khanh khách của Pilar Ternera là đã đủ để anh trốn vào phòng thí nghiệm, là nơi những thứ đồ thủ công mỹ nghệ, thành quả của thuật giả kim, đang sống lại nhờ lòng từ thiện của Úrsula. José Arcadio Buendía vồn vã đón đứa con lằm lạp và hướng dẫn anh tập sự trong công việc mày mò của thuật giả kim đã được ông hiểu cặn kẽ. Một chiều nọ, hai anh em rất phấn khởi trước tấm thảm bay ngang tầm cửa sổ phòng thí

nghiệm mang theo người digan lái và vài em nhỏ trong làng đang vui vẻ vẫy tay chào, và José Arcadio Buendía không thèm nhìn tâm tham bay. “Cứ để họ mơ mộng”, ông nói, “chúng ta sẽ bay cao hơn bọn họ với phương tiện khoa học hơn cái tham bay tham hại này”. Dầu đang phải giả vờ làm ra vẻ hứng thú với công việc, José Arcadio không bao giờ có thể hiểu được những khả năng kỳ vĩ của lò luyện đá giả kim mà đôi với anh nó chỉ đơn giản là một bình thủy tinh làm tồi quá. Anh biếng ăn, mất ngủ, cúi kính, giống hệt cha mình lúc ông phải đối mặt với những thất bại trong một số công việc và trạng thái thất thường ấy của anh đã buộc ông phải thay anh làm mọi công việc trong lò luyện đá giả kim vì nghĩ rằng công việc này làm anh quá lao lực. Aureliano dĩ nhiên hiểu rằng nỗi đau khổ ấy của ông anh mình không liên quan gì đến lò luyện đá giả kim, nhưng cậu không tài nào làm cho anh thổ lộ với mình điều sâu kín kia. José Arcadio không còn hiếu động như trước. Từ một người hóm hỉnh và cởi mở anh trở thành một kẻ kín đáo và khó tính. Quá ưa thích nội cô đơn, lúc nào cũng giận hờn xung quanh, một đêm nọ, như mọi bữa anh lại để trống giường bỏ đi ra ngoài, nhưng không đến nhà Pilar Ternera mà đi thẳng một mạch đến hội chợ. Sau khi dạo khắp các trò vui, không thích thú trước bất kỳ trò chơi nào, anh để ý đến một người không diễn trò, một cô gái digan rất trẻ, hầu như còn đang ở tuổi thơ, đeo dây cổ những hạt pha lê giả ngọc. Đó là một người đàn bà đẹp nhất cho đến lúc ấy anh được biết. Anh đang ở giữa đám người mãi mê xem trò diễn một người đàn ông biến thành con rắn vì không nghe lời bố mẹ. José Arcadio không để ý xem. Trong lúc diễn ra cuộc tra hỏi người đàn ông - con rắn, anh len lỏi giữa đám đông để đi tới nàng người đầu tiên là nơi anh gặp cô gái digan, dừng lại phía sau cô ta. Từ phía sau, anh ôm lấy thắt lưng cô ta. Cô ta cố vùng ra nhưng José Arcadio càng ôm chặt hơn. Vậy là cô đã rung động, đứng im nhưng vẫn quay lưng lại anh, run rẩy vì ngạc nhiên và sợ hãi mà không thể tin điều đó là sự thực, cuối cùng cô ngoảnh mặt lại, với nụ cười run rẩy cô nhìn anh. Trong lúc ấy hai người đàn ông digan lừa người đàn ông con rắn vào túi và mang vào bên trong quán hàng. Một người digan trưởng trò quay ra phía công chúng nói: - Thưa quý ông quý bà, bây giờ chúng tôi xin trình diễn tiết mục kinh rợn về một người đàn bà, đêm nào cũng như đêm này, đều bị chặt đầu vào đúng giờ này trong suốt một trăm năm mươi năm vì tội đã dám nhìn cái không nên nhìn.

José Arcadio và cô gái không xem tiết mục chặt đầu người đàn bà. Họ đi về quán của cô, là nơi với nỗi thèm khát tuyệt vọng họ thỏa sức hôn nhau trong lúc cởi quần áo. Cô gái digan cởi hết những chiếc áo ngoài, những chiếc váy lót, chiếc coóc-xê đệm nhiều lần vải, chuỗi hạt pha lê giả ngọc thì bộ ngực căng và đôi mông nở trước đây bỗng biến đi mất. Thực ra cơ thể cô giống như một cành khô, ngực lép, vế teo không bằng cánh tay của José

Arcadio, nhưng lại có được cái vẻ dạn dĩ và cái hơi nồng âm kéo lại. Tuy nhiên, José Arcadio không thể đáp ứng ngay cơn cuồng nhiệt của cô, bởi họ đang nằm trong một cái quán công, là nơi những người digan qua lại luôn, lúc thì mang các dụng cụ làm xiếc, lúc thì hóa trang, có lúc họ tụ tập bên cạnh giường chơi một ván xúc xắc. Ngọn đèn treo trên một cây cột ở giữa bãi soi sáng xung quanh. Lúc họ thôi không mân mê nhau, José Arcadio trần truồng nằm duỗi thẳng cẳng trên giường, không biết làm gì thêm, thì cô gái cô làm trò kêu gọi anh. Sau đó, có lúc có một ả digan da dẻ bóng mượt bước vào, theo sau là một người đàn ông, vốn không phải là người cùng gánh xiếc cũng không phải là người làng này. Và rồi cả hai cùng cởi quần áo ngay trước giường José Arcadio đang nằm. Không có ý định trêu ngươi anh, người đàn bà nhìn José Arcadio, với lòng đầy thèm khát, háo hức ngắm nghía con vật trứ tuyệt của anh đang nghỉ ngơi. - Ôi, anh bạn? - Ả reo lên. - Cầu Thượng đế sẽ che chở cô em cho anh bạn nhé. Người bạn gái của José Arcadio yêu cầu để cho họ được yên và cái đôi ấy nằm xuống nền nhà ngay cạnh giường. Nỗi đam mê của những người khác đánh thức cơn hăng của José Arcadio. Ngay từ phút đầu, các xương hóc cô gái dường như long ra kêu ràn roạt như những quân domino chạm vào nhau, trên da cô nhóp nhúa thứ mồ hôi nhờn nhờn vàng, đôi mắt cô giàn giụa lệ cả người cô phát ra tiếng kêu ư ừ và phát ra thứ mùi bùn cứ lẫn vẩn đây đó. Nhưng cô gái dai sức đã vượt qua cú chung đụng với một tính cách kiên cường và một sự dũng cảm đáng khâm phục. Lúc ấy José Arcadio cảm thấy mình bị nâng bổng lên đến trạng thái khó thở là nơi trái tim anh tan ra trong một cái giếng nhục dục êm dịu đang chảy vào cô gái theo các lỗ tai và chui ra qua lỗ miệng biến thành những lời được dịch sang ngôn ngữ của cô. Đó là thứ năm.

Đêm thứ bảy, đầu đội một chiếc khăn đỏ, José Arcadio bỏ nhà ra đi cùng với những người digan. Khi Úrsula thấy anh vắng mặt vội đi khắp làng tìm anh. Tại khu lán tan hoang, không có gì hơn là một dòng nước bắn giữa những đám tro còn nóng trong các bếp đã dập lửa. Một người đang tìm những hạt pha lê giả ngọc trong đồng rác, nói với Úrsula rằng đêm qua họ đã nhìn thấy con trai bà lẫn trong đám người digan ồn ào, tay đẩy chiếc xe cũ trong nhất người-rắn. “Thế là nó theo bạn digan rồi”, bà gào lên bên tai ông, người không tỏ một dấu hiệu lo lắng nào trước tin con trai mất tích. - Cầu Chúa đúng như thế, - José Arcadio Buendía nói và vẫn nghiền cái chất liệu đã được nghiền ngàn lần trong cối, đã được nung rồi lại nghiền. - Như vậy nó sẽ học để làm người. Úrsula hỏi mọi người bọn digan đi về hướng nào. Trên đường đi bà lại hỏi, người ta lại chỉ cho, bà tiếp tục đi vì nghĩ rằng vẫn còn thời gian để đuổi kịp con trai. Cứ như thế bà đi ngày một xa làng hơn cho đến khi nhận ra mình đã ở cách làng quá xa đến mức không nghĩ sẽ trở về. José Arcadio Buendía chỉ phát hiện ra sự vắng mặt của vợ mình vào lúc

tám giờ tối, khi ông đặt chất hợp kim được nấu lại trên một lớp mùn và đi xem vì sao bé Amaranta khóc đến khản tiếng. Ít giờ sau, ông tập hợp một nhóm đàn ông nai nịt gọn gàng, đặt bé Amaranta vào tay một bà nhận cho bú chực, rồi đi tìm Úrsula. Aureliano cũng cùng đi với họ. Những ngư dân người Anh-điêng, bằng điệu bộ, đã ra hiệu cho họ biết rằng không thấy ai đi qua kể từ sáng sớm đến giờ. Sau ba ngày tìm kiếm vô ích, những người đi tin trở về làng.

Trong vài tuần, José Arcadio Buendía hoàn toàn chịu thất vọng. Ông chăm nom bé Amaranta như một người mẹ. Ông tắm, thay quần áo cho bé rồi ban ngày, bốn lần mang bé đi xin bú, và ban đêm ông hát ru bé ngủ, vốn là việc Úrsula chưa từng làm. Có lần Pilar Ternera tự nguyện đến xin đỡ đàn công việc nội trợ cho đến khi nào Úrsula trở về. Aureliano, mà linh cảm kỳ lạ của cậu vốn đã cảm thấy thị là kẻ thủ phạm gây ra nỗi bất hạnh này, quắc mắt nhìn thị khi thị bước vào. Vậy là cậu biết rằng dù dưới hình thức nào đi nữa thị cũng là kẻ có tội trong việc ông anh trai bỏ đi và tiếp đó, bà mẹ cậu mất tích, rồi bằng cách đó cậu đã thâm lạng và kiên quyết kết tội thị khiến cho người đàn bà này không dám bén mảng tới nhà nữa. Với thời gian trôi đi mọi việc lại đầu vào đầu. José Arcadio Buendía và con trai ông không hay biết vào lúc nào họ lại làm việc trong phòng thí nghiệm, nào lau bụi, nào đốt lửa cho ống nghiệm, rồi lại mãi mê tiến hành công việc bào chế các chất hợp kim đã vài tháng nay ngủ yên trên lớp mùn. Ngay đến bé Amaranta, nằm gọn trong chiếc nôi mây, cũng tò mò quan sát công việc lạng lẽ của cha và anh mình trong căn phòng lạ kì hẳn đi vì hơi thủy ngân. Sau mấy tháng Úrsula biệt tích, có một lần đã xảy ra những sự việc lạ lẫm. Một bình thủy tinh rộng nằm trên tủ từ lâu từng bị người ta bỏ quên, bỗng nặng đến mức không thể xô dịch được. Một nồi đựng nước lọc đặt trên bàn làm việc, không hề có lửa đun ở dưới, cũng tự nhiên sôi sùng sục và chỉ trong nửa giờ đã cạn sạch nước. José Arcadio Buendía và con trai ông thảng thốt nhìn những hiện tượng đó mà không thể giải thích được, nhưng rồi họ cứ khăng khăng cho chúng là điềm báo trước của chất hợp kim sẽ ra đời.

Một ngày nọ, chiếc nôi của bé Amaranta tự nó quay tròn rồi đi xung quanh căn phòng trước nỗi hoảng hốt của Aureliano, người đã vội vàng chạy đến giữ lại. Nhưng cha cậu vẫn cứ điềm nhiên như không. Ông đặt chiếc nôi trở lại chỗ cũ rồi cột nó vào một chân bàn, lòng tin rằng cái sự kiện hằng mong đợi hẳn sẽ phải xảy ra nay mai. Đúng lúc ấy Aureliano nghe thấy cha mình nói: - Nếu không sợ Thượng đế thì hãy sợ kim loại vậy! Bỗng nhiên Úrsula trở về sau gần năm tháng mất tích. Bà trở về với vẻ hờn hờ, trẻ trung, mặc bộ váy áo lạ kiêu đối với người làng. José Arcadio Buendía mừng mừng tủi tủi hầu như không thể cưỡng lại cứ ôm hôn bà. “Chao ôi, ra thế cơ đấy!”, ông nói như gào: “Tôi biết sẽ xảy ra mà” và thực tình ông tin, bởi vì trong

những buổi ở lì trong phòng khi bào chế hợp chất, từ trái tim mình ông đã cầu cho sự kiện đang háo hức chờ đợi sẽ không phải là kết quả mỹ mãn của thuật giả kim, cũng không phải là sự giải thoát khỏi bể lò đang thổi lửa nung chảy kim loại, cũng không phải phép biến bản lẻ, khóa cửa ở nhà này thành vàng, mà là cái sự kiện vừa xảy ra: Cuộc trở về của Úrsula. Nhưng bà không chia sẻ niềm vui ồn ã của chồng mình. Bà hôn ông theo lệ như thể bà vắng nhà chưa quá một giờ đồng hồ, rồi bảo ông: - Mình hãy ra ngoài đi! Khi ra đường và nhìn ngấm đăm đông, José Arcadio Buendía mãi mới định thần được. Họ không phải là bọn digan. Họ là những người đàn ông và đàn bà y hệt dân làng này, cũng có mái tóc mềm và nước da nâu, cũng là những người nói chính tiếng nói của ông và cũng thở than về cạnh những nỗi đau khổ ấy. Họ mang theo những chú lừa thồ thức ăn, những chiếc xe bò chở bàn ghế và dụng cụ nấu ăn, vốn là những thứ hàng giản dị và thiết cốt được những người bán hàng bày bán không phải quảng cáo. Họ tới đây từ bờ bên kia của đầm lầy, cách Macondo khoảng hai ngày đường, là nơi các làng hàng tháng đều đặn nhận thư từ bưu điện và đã làm quen với các máy móc sản sinh nhiều lợi ích. Úrsula không đuổi kịp bọn digan, nhưng bà gặp được con đường mà chồng mình không thể phát hiện ra trong chuyến tìm kiếm những phát minh vĩ đại đã thất bại.

CHƯƠNG 3

Đứa con trai của Pilar Ternera được mang về nhà ông bà nó sau hai tuần cất tiếng chào đời. Úrsula miễn cưỡng thừa nhận nó, bởi lại một lần nữa bà phải nhượng bộ tính gàn của chồng mình, người kiên trì giữ ý nghĩ rằng không thể để cho con cháu ông cù bơ cù bất trong cuộc đời, nhưng bà đã đặt điều kiện là không bao giờ cho đứa trẻ biết rõ gốc gác của nó. Mặc dù đứa trẻ mang tên José Arcadio, nhưng ông bà quyết định để tránh nhầm lẫn sẽ chỉ gọi chộc lớn là Arcadio. Vào thời ấy ngoài làng có nhiều hoạt động xã hội và trong nhà có lắm công việc, cho nên việc chăm sóc trẻ lui xuống hàng thứ yếu. Những đứa trẻ được giao phó cho Visitación, một cô thôn nữ người Anh-điêng, vì phải chạy trốn bệnh dịch mắt ngu từ vài năm nay đang hoành hành ở bộ tộc mình đã đến làng này cùng với em trai. Cả hai chị em đều hiền lành, ngoan nết và chịu thương chịu khó, vì vậy bà Úrsula đã tin cậy giao cho họ giúp mình công việc trong nhà. Bởi thế mà Arcadio và Amaranta đã nói tiếng của người thổ dân trước khi biết nói tiếng Tây Ban Nha, tập húp nước súp thịt thăn lăn và ăn trứng nhện mà Úrsula không hay biết, bởi vì bà đang mải công việc kinh doanh kẹo nặn hình con giống, một nghề nhiều triển vọng. Macondo đã thay đổi hẳn. Những người cùng đến với Úrsula đã biết cách khai thác đất đai màu mỡ và vị trí địa lý nhiều ưu thế của Macondo so với vùng đầm lầy, do đó chẳng bao lâu cái làng xác xơ nhanh chóng trở thành một làng nhộn nhịp có các cửa hiệu và xưởng thủ công và một phố buôn bán thường xuyên ở nơi những người Á-rập đi giày păng-tup và tai đeo khuyên đầu tiên đến đây để đổi những chuỗi hạt pha lê giả ngọc lấy những con vẹt đuôi dài. José Arcadio Buendía không có lấy một lúc nghỉ ngơi. Hào hứng trước một thực tế mà lúc này đối với ông còn huyền ảo hơn cả cái thế giới bao la trong trí tưởng tượng của mình, ông mất luôn hứng thú với công việc ở phòng thí nghiệm giả kim, bỏ mặc cái chất kim loại đã được nung đi nấu lại trong nhiều tháng liền để trở lại con người năng nổ như trước đây từng quyết định vạch những con đường và xây cất các ngôi nhà sao cho không một ai được hưởng nhiều thuận lợi hơn những người khác. Ông có uy tín cao đối với những người mới tới làng, đến mức những người này muốn đào móng xây nhà hoặc muốn rào vườn đều phải đến xin ý kiến ông trước, và ông được mọi người bầu là người đầu tiên quyết định chia lại đất đai của làng.

Khi những người digan làm trò ảo thuật trở lại, lần này quây hàng di động của họ đã trở thành một cửa hàng khổng lồ có các trò chơi may rủi, thì bọn họ đã được đón tiếp nồng nhiệt vì người ta nghĩ rằng José Arcadio sẽ cùng trở về. Nhưng José Arcadio đã không trở về, và bọn người digan này cũng không mang theo người-rắn, mà theo như Úrsula nghĩ thì cái gã người-

rắn ấy sẽ là kẻ duy nhất có thể cho bà biết được sự thực về con mình, thế là bà đã không cho phép những người digan dừng lại mở cửa hàng và trong tương lai cũng sẽ không được đặt chân lên đất làng này bởi vì bọn họ đã bị lên án là những sứ giả của trò dâm dục và đồi bại. Nhưng José Arcadio Buendía lại tỏ ra rất sáng suốt trong ý nghĩ rằng bộ tộc của Melquíades, cái bộ tộc bằng những hiểu biết lâu đời và những phát minh kỳ diệu từng đóng góp rất nhiều vào sự trưởng thành của làng Macondo, lúc nào cũng được mở rộng cửa đón tiếp. Nhưng bộ tộc Melquíades, theo như lời những kẻ giang hồ, đã bị xóa khỏi lát đất này bởi tội dám cả gan vượt qua những giới hạn hiểu biết mà Thượng đế đã phán quyết cho con người. Thoát khỏi sự dẫn dắt của những ham muốn huyền hoặc, ít ra là trong thời gian này, José Arcadio Buendía đã ổn định được nếp sống của làng trong kỷ cương và lao động, và cho phép thả những chú chim từ thời thành lập làng đã làm vui nhộn bầu không khí với tiếng hót của chúng, thay vào đó ông cho lắp đồng hồ nhạc ở các nhà. Đó là những chiếc đồng hồ quý giá làm bằng gỗ được bào nhẵn mà những người Á-rập đổi cho dân làng để lấy những chú vẹt đuôi dài, và José Arcadio Buendía đã điều khiển cho không cùng chạy một cách chính xác đến mức cứ nửa giờ một, dân làng vui vẻ hẳn lên trong tiếng nhạc hòa đồng dường như phát ra từ một chiếc đồng hồ duy nhất. José Arcadio Buendía là người trong những năm ấy quyết định trồng những cây hạnh đào thay cho những cây keo dọc khắp các con đường và ông cũng chính là người phát hiện ra nhưng không bao giờ tiết lộ các biện pháp khiến chúng trường tồn. Rất nhiều năm sau này, khi làng Macondo trở thành một trại tập trung gồm những ngôi nhà tường gỗ mái lợp tôn, thì trên những con đường cổ kính vẫn còn những cây hạnh đào già cỗi phủ đầy bụi đường mặc dù lúc ấy không một ai biết người nào đã trồng chúng. Trong lúc cha lo sắp đặt công việc chung của làng và mẹ lo làm những chiếc kẹo hình con gà và con em cầm trên những chiếc que được mang ra chợ bán một ngày hai lần để tăng thu nhập gia đình, thì Aureliano say đắm ở lý trong phòng thí nghiệm bỏ không để nghiên cứu nghề mỹ nghệ vàng bạc. Cậu làm chỉ đơn thuần vì hứng thú riêng. Trong một thời gian ngắn Aureliano lớn ngồng lên, đến mức đã không mặc vừa quần áo cũ của anh trai và phải mặc quần áo của cha, nhưng Visitación lại phải chít nách áo và may hẹp ống quần lại vì cậu vẫn chưa có được thân hình vạm vạp của cha và anh mình. Tuổi thanh niên đã lấy đi mất của Aureliano giọng nói ngọt ngào và đã khiến cho cậu trở nên lầm lì ít nói và cô đơn, nhưng trái lại nó cũng trả cho cậu sức biểu cảm mãnh liệt vốn có từ thớ thịt lòng mẹ trong đôi mắt. Aureliano tập trung quá sức vào những việc thực nghiệm kim hoàn đến mức hầu như không ra khỏi phòng thí nghiệm để đi ăn cơm. Lo lắng trước sự tập trung trí tuệ đến cao độ của con trai, José Arcadio Buendía liền đưa cho cậu chìa khóa cửa và một ít tiền, vì ông nghĩ rằng có thể con trai mình thiếu gái ở bên cạnh. Nhưng Aureliano

dùng khoản tiền đó mua axit clohydric để tạo ra dung dịch axit clohydric rồi cậu làm cho những chiếc chìa khóa bóng lộn nhờ một lớp vàng mạ bên ngoài. Những tính nét khác thường ấy của Aureliano cũng phù hợp với Arcadio và Amaranta mà lúc này tuy đã thay răng nhưng đi đâu cũng bám lấy gấu quần những người Anh-điêng và rất ương bướng không chịu bỏ thổ ngữ để nói tiếng Tây Ban Nha. “Minh chẳng còn phải kêu ca gì nữa nhé”, Úrsula nói với chồng mình: “Con cái thừa kế tính điên khùng của cha mẹ chúng”. Trong lúc bà than vãn về số phận hẩm hiu của mình mà lòng tự thấy rằng những sự trái thối trái tính của các con trai mình quả thật cũng đáng kinh sợ như cái đuôi con lợn, thì Aureliano mơ màng nhìn bà: - Có người sẽ đến nhà mình đây! - cậu bảo mẹ. Vì lâu nay cậu vẫn thường nói về những điềm báo, nên Úrsula, với thứ lý lẽ thông thường của mình, định làm cậu hụt hững. Người đến nhà là chuyện bình thường. Hàng chục người lạ mặt vắng lai qua làng Macondo mà chẳng khiến ai ngạc nhiên cũng chẳng thông báo điều gì bí mật. Tuy nhiên, bất chấp những lý lẽ thông thường ấy, Aureliano vẫn khẳng định điều mình tiên đoán: - Con không biết là ai? - cậu nói, - nhưng người đến đây hiện đang trên đường đi. Quả nhiên, Rebeca đã đến vào một ngày chủ nhật. Cô bé chưa đến tuổi mười một. Cô bé đã phải vất vả đi từ Manaure đến đây cùng với những người buôn da là những người có nhiệm vụ giao lại cô bé và bức thư tại nhà José Arcadio Buendía, nhưng cũng chính những người này không thể giải thích rõ ràng ai là người đã nhờ cậy họ. Tất cả hành trang của cô bé gồm một cái hòm nhỏ đựng quần áo, một chiếc ghế xích đu gỗ và một bao tải gai trong đó đựng hài cát của bố mẹ nó, những thứ vẫn thường kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc khi va chạm vào nhau. Bức thư gửi cho José Arcadio Buendía được viết bằng những từ ngữ âu yếm thổ lộ tình cảm của người dù xa cách lâu ngày vẫn yêu thương ông và bởi một tình cảm rất thân ái, người đó tự thấy mình phải nhờ vả gia đình ông trông nom cô bé mồ côi không nơi nương tựa này và kể rằng cô bé là một người họ hàng tất gần với Úrsula và do đó cũng là chỗ thân tình của José Arcadio Buendía tuy có xa hơn chút ít, bởi vì cô bé là con gái của một người bạn không thể nào quên được tên là Nicanor Ulloa và người vợ cao quý của ông ta tên là Rebeca Montiel. Đó và những người đang được Thượng đế che chở trên thiên đường của Người, và hài cát của họ đã được thu lại để gia đình ông mai táng dưới phần mộ những con chiên của chúa Ki-tô.

Những tên tuổi được dẫn ra cũng như chữ ký trong lá thư đều hoàn toàn rõ ràng, nhưng cả José Arcadio Buendía lẫn Úrsula đều nhớ rằng mình không có ai thân quen có những tên ấy, kể cả tên người gửi thư và ở làng Manaure xa xưa ấy càng không thể có ai mang những tên ấy. Qua cô bé họ cũng không thể tìm được những tin tức đầy đủ hơn. Kể từ lúc đến, cô bé ngồi trên ghế xích đu, mút tay và với đôi mắt to sợ sệt quan sát tất cả mọi người,

không hề tỏ vẻ rằng mình có hiểu hay không hiểu những điều người ta hỏi. Cô bé mặc quần áo vải diagonal dệt sọc đen đã sờn rách và đôi ủng màu véc-ni đã thủng, tóc vén qua mang tai buộc bằng những chiếc nơ đen. Cô bé còn mặc một chiếc áo choàng thêu không tay bị mồ hôi làm phai bạc đi, và trên cổ tay phải đeo một chiếc răng thú dữ cắm trên đế đồng, nó tựa như một chiếc bùa hộ mạng. Nước da cô bé xanh tái, cái bụng tròn vo và căng phồng giống như mặt trống, tất cả đều chứng tỏ cô bé rất bệnh hoạn và đói ăn lâu ngày. Nhưng khi được người ta cho ăn thì cô bé ngồi yên, đặt bát thức ăn trên đùi mà không hề nếm thử. Mọi người cứ đinh ninh rằng cô bé bị bệnh câm điếc cho tới khi những người Anh-điêng dùng thổ ngữ hỏi cô bé có muốn uống nước không thì đôi mắt cô bé chom chớp làm ra vẻ hiểu họ và gật đầu xin nước. Không còn cách nào khác là gia đình buộc phải nhận nuôi cô bé. Mọi người quyết định gọi cô bé là Rebeca cho hợp với tên mẹ vì Aureliano đã đủ kiên nhẫn ngồi trước mặt nó đọc hết các tên thánh nhưng cậu không nhìn thấy một phản ứng nào, dù rất nhỏ, trên gương mặt cô bé. Trong thời gian ấy, ở làng Macondo chưa có nghĩa địa, vì cho đến lúc này vẫn chưa có ai chết và thế là gia đình buộc phải cất giữ chiếc bao tải đựng hài cốt cho tới khi nào có địa điểm xứng đáng để mai táng. Trong thời gian khá lâu chúng vương vãi khắp nơi, bị bắt gặp ở những nơi ít ngờ nhất thường kèm với tiếng kêu quang quác của chú gà hay bới. Phải mất một thời gian dài, Rebeca mới làm quen với cuộc sống ở nhà này. Cô bé ngồi trên ghế xích đu, mút tay chùn chụt ở trong xó nhà vắng vẻ nhất. Chỉ có tiếng nhạc phát ra từ đồng hồ là cái duy nhất khiến cô bé chú ý. Cứ nửa giờ một, với đôi mắt thẳng thốt, cô đón nghe như thể đang chờ đợi âm nhạc ấy ở một nơi trắng gió nào đó. Trong vài ngày liền, gia đình không làm sao mời cô ăn cơm được. Không một ai hiểu nổi làm sao cô bé không chết đói, cho đến khi những người Anh-điêng, những người biết tất cả vì họ nhẹ nhàng chạy đi chạy lại khắp nhà, đã phát hiện ra rằng Rebeca không thích ăn cơm mà trái lại chỉ thích ăn đất ẩm ngoài sân và đất vách do cô ta dùng ngón tay cạy ra từ các bức tường. Rõ ràng là cha mẹ cô hoặc bất kì người nào nuôi dưỡng cô bé từng quở mắng nó vì cái tật xấu ấy bởi thế cô bé đã ăn vụng với ý thức rõ ràng đó là một tội lỗi. Cô bé cứ lén lấy những mảng đất vách giấu đi để ăn khi không có ai nhìn thấy. Từ đó trở đi người ta càng để ý cô bé kỹ hơn. Người ta đổ mật bò cái xuống nền sân và tắm nước ớt cay lên các bức tường, đinh ninh tin rằng bằng những phương pháp này có thể trị được cái tật xấu nguy kịch. Nhưng cô gái lại tinh khôn và khéo léo tìm cách giấu đất để ăn, do đó buộc Úrsula phải sử dụng các biện pháp hữu hiệu hơn nữa. Bà lấy nước cam hòa lẫn với bột đại hoàng cho vào một cái mếu rồi phơi sương thâu đêm và sáng hôm sau vào lúc ăn sáng, bà cho cô bé uống một cốc nước ấy. Dù cho không ai bảo với bà rằng cái thứ này là một phương thuốc đặc hiệu dùng để trị bệnh ăn đất, bà nghĩ rằng bất kỳ thứ nước đắng nào vào

bụng lúc dạ dày đói meo có tác dụng đến buồng gan. Mặc dù mắc bệnh còi xương, Rebeca rất dữ tợn và rất khỏe đến mức phải vật ngựa cô bé như vật ngựa con bê để cho uống thuốc và hầu như người ta không thể ghìm được chân nó giầy đạp và không thể bung miệng nó lại để khỏi buột ra những âm thanh khó hiểu kèm với những cú cào cào và nhỏ nước bọt mà theo như những người Anh-điêng thì đó là những lời tục tằn nhất có thể nhận ra trong ngôn ngữ thổ dân. Khi biết điều đó, Úrsula phải dùng đến cả đòn roi trong lúc cho cô bé uống thuốc. Sẽ chẳng bao giờ xác định được bột đại hoàng hay những chiếc roi da, hoặc cả hai thứ cùng phối hợp là cái phương thuốc đưa đến hiệu nghiệm, nhưng thực tế cho thấy rằng trong ít tuần, Rebeca đã bắt đầu có những dấu hiệu chứng tỏ cô bé đang khỏi bệnh. Rebeca tham gia các trò chơi của Arcadio và Amaranta là những đứa trẻ đón nhận cô như đón nhận một người chị cả, và cô ăn rất ngon miệng bởi biết sử dụng thành thạo các đồ dùng ăn uống. Cô bé cũng nhanh chóng chứng tỏ rằng mình nói tiếng Tây Ban Nha cũng lưu loát như nói tiếng của những người Anh-điêng, rằng cô có khả năng thích hợp với công việc chân tay. Cô bé hát theo nhạc valse do đồng hồ phát ra với lời ca rất hay do chính cô ứng khẩu. Chẳng bao lâu cô được nhận là một thành viên nữa của gia đình. Úrsula yêu mến cô hơn cả chính các con mình và cô bé gọi Amaranta và Arcadio là các em, gọi Aureliano là chú, gọi José Arcadio Buendía là ông. Vậy là cuối cùng cô bé rất xứng đáng mang tên Rebeca Buendía, một cái tên duy nhất của cô và cô kiêu hãnh mang nó trong suốt cuộc đời mình cho đến hơi thở cuối cùng.

Có một đêm, ấy là vào thời kỳ Rebeca chữa khỏi tật ăn đất và được đưa vào ngủ cùng phòng với những đứa trẻ khác, cô gái Anh-điêng vẫn thường ngủ chung phòng với chúng bỗng nhiên thức giấc và nghe thấy có tiếng động khác thường. Cô gái thảng thốt ngồi dậy cứ nghĩ rằng có con vật nào đó đã chui vào phòng và lúc ấy cô ta nhìn thấy Rebeca ngồi trên ghế xích đu đang mút ngón tay với đôi mắt sáng như mắt mèo trong đêm đen. Hoảng hốt trước căn bệnh nguy hiểm, lo lắng cho nỗi bất hạnh của số phận mình, Visitación nhận ra trong đôi mắt ấy những triệu chứng của một thứ bệnh mà sự đe dọa của nó đã buộc họ, cô và em trai cô, mãi mãi phải vĩnh biệt cái vương quốc lâu đời, nơi họ từng là công chúa và hoàng tử. Đó là bệnh dịch mất ngủ. Cataure, em trai của Visitación, đêm ấy đã bỏ trốn khỏi nhà. Bà chị anh ở lại bởi vì trái tim định mệnh của chị đã chỉ cho chị biết rằng thứ bệnh nguy hiểm chết người ấy sẽ bằng mọi cách theo riết chị đến tận cùng trời cuối đất. Không một ai hiểu được nỗi lo lắng của Visitación. “Nếu chúng ta không ngủ được thì càng tốt”, José Arcadio Buendía vui vẻ nói, “như thế cuộc sống sẽ càng có ích đối với chúng ta hơn”. Nhưng cô gái Anh-điêng đã giải thích cho họ rằng điều đáng sợ nhất của bệnh mất ngủ không phải là khả năng không thể ngủ được, bởi vì cơ thể ta không cảm thấy mệt mỏi, mà là vì nếu

không chạy chữa kịp thời, nhất định sẽ dẫn tới bệnh còn nguy kịch hơn, đó là bệnh mất trí nhớ. Nghĩa là khi bệnh nhân đã quen với trạng thái mất ngủ thì những ký ức tuổi thơ sẽ bị xóa khỏi trí nhớ của anh ta, sau đó đến tên và ý nghĩa của các sự vật, rồi cuối cùng đến lượt bản thể của con người và hơn nữa ngay cả ý thức về chính bản thân mình, đều bị xóa khỏi trí nhớ của anh ta để rồi tất cả đều chìm đắm trong trạng thái đần độn chưa từng có trong quá khứ. José Arcadio Buendía cảm thấy chết cười được, đã nhận xét rằng cô gái đang nói về một trong những thứ bệnh do thói mê tín của những người Anh-điêng phía ra. Song, Úrsula, để đề phòng, đã cẩn thận cách ly Rebeca khỏi đám trẻ. Mấy tuần sau đó khi nỗi lo lắng của Visitación lắng dịu xuống thì José Arcadio Buendía trải qua một đêm trằn trọc trên giường không tài nào ngủ được. Úrsula, lúc ấy cũng đã thức giấc, hỏi ông làm sao vậy và ông đã trả lời bà: “Lại một lần nữa tôi nghĩ đến Prudencio Aguilar, bà ạ”. Cả hai vợ chồng đều không ngủ lấy một phút nhưng ngày hôm sau họ đều thấy khỏe mạnh đến mức quên luôn cái đêm mất ngủ. Vào giờ ăn cơm trưa, Aureliano thảng thốt kể rằng cậu vẫn thấy khỏe mạnh mặc dù đêm qua thức suốt để mạ vàng chiếc cặp tóc, một tặng phẩm cậu nghĩ sẽ tặng mẹ nhân ngày sinh của bà. Không một ai trong gia đình tỏ ra lo lắng cho mãi tới ngày thứ ba, vào giờ đi ngủ họ vẫn không cảm thấy buồn ngủ, và chỉ đến lúc ấy mọi người mới vỡ lẽ rằng đã hơn năm mươi giờ liền họ không hề chớp mắt. - Bọn trẻ con cũng tỉnh như sáo, - cô gái Anh-điêng nói với niềm tin chắc vào định mệnh không sao tránh khỏi. - Một khi bệnh dịch lây đến thì chẳng một ai thoát được cả. Quả nhiên bệnh mất ngủ đã lan tràn tới đây. Úrsula nhờ học mẹ mình mà biết được một số cây có tác dụng chữa lành bệnh, đã vò lá cây phụ tử lấy nước cho tất cả mọi người uống nhưng không công hiệu, không một ai ngủ được mà trái lại cả ngày hôm đó mọi người đều mơ trong khi thức. Trong trạng thái tỉnh táo mà mơ màng ấy, không những người ta chỉ nhìn thấy những bóng hình trong chính giấc mơ của mình mà còn nhìn thấy cả những bóng hình trong giấc mơ của người khác. Cứ như thể nhà này đông nghịt khách khứa. Ngồi trên chiếc ghế xích đu đặt ở trong xó bếp, Rebeca mơ thấy một người đàn ông rất giống nó, mặc bộ đồ lạnh trắng, nơi cổ gài một chiếc cúc vàng, mang đến cho nó một cành hoa hồng. Một người phụ nữ có đôi bàn tay nuột nà đi bên ông đã ngắt một bông hồng, rồi cài lên mái tóc cô bé. Úrsula hiểu rằng đó là cha mẹ của Rebeca, nhưng dẫu rằng đã cố sức để nhận mặt bà vẫn phải thừa nhận rằng chưa bao giờ nhìn thấy họ. Trong khi đó, do một sơ suất đáng tiếc mà José Arcadio Buendía sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho mình: những chiếc kẹo nặn hình con giống sản xuất trong nhà này vẫn tiếp tục được mang ra chợ bán. Trẻ con và người lớn thích thú mút những chiếc kẹo hình con gà béo màu xanh đã nhiễm bệnh mất ngủ, những con cá màu hồng đã nhiễm bệnh mất ngủ, những chú ngựa con màu vàng đã nhiễm bệnh mất ngủ, do đó buổi bình minh ngày thứ hai đã bắt gặp cả làng

đang thức. Đầu tiên không một ai hốt hoảng. Trái lại, tất cả đều vui sướng vì không ngủ được, bởi lúc đó có rất nhiều việc cần phải làm đến mức hầu như họ không có đủ thời gian. Họ làm lụng quá nhiều do đó lập tức chẳng còn gì để làm và vào lúc ba giờ sáng tất cả đều khoanh tay ngồi đếm từng nốt nhạc valse vang lên từ những chiếc đồng hồ. Những người muốn ngủ, không vì họ cảm thấy mệt mỏi mà chỉ vì nhớ giấc ngủ thường ngày thôi, đã phải vận dụng hết các phương thức cần thiết để gọi giấc ngủ đến với mình, nhưng thấy đều vô hiệu. Họ tụ tập lại để chuyện phiếm không hề ngừng nghỉ, để lặp đi lặp lại chỉ một câu chuyện gây cười trong hàng giờ và hàng giờ liền, để làm cho mọi người tức phát điên lên với câu chuyện về con gà Capon vốn là một trò chơi không bao giờ kết thúc, trong đó người kể chuyện hỏi các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon không và khi người nghe trả lời rằng có thì người kể chuyện nói rằng ông ta không yêu cầu bảo rằng có mà rằng các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon không và khi người nghe trả lời rằng không thì người kể chuyện nói ông ta không yêu cầu trả lời rằng không mà rằng các vị có muốn tôi kể chuyện con gà Capon chẳng và khi người nghe im lặng thì ông ta nói ông ta không yêu cầu im lặng mà rằng có phải các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon và không một ai có thể bỏ đi được bởi người kể chuyện sẽ nói rằng ông ta không yêu cầu bỏ đi mà rằng phải chẳng các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon, rồi cứ như thế lặp đi lặp lại trong cái vòng luẩn quẩn kéo suốt những đêm dài.

Khi José Arcadio Buendía nhận ra bệnh dịch đã lây lan khắp làng, ông liền họp các chủ hộ lại để giải thích về bệnh mất ngủ theo đúng như hiểu biết của mình. Các chủ hộ đều thống nhất sử dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn tai ương này khỏi tràn lan sang các cư dân khác ở vùng đầm lầy. Thế là người ta tháo khỏi cổ dê những quả chuông nhỏ mà những người Ả-rập mang đến đây đôi lấy những chú vẹt đuôi dài rồi để chúng ở ngay cổng làng chuẩn bị cho những ai không thềm để ý tới những lời khuyên, những lời van xin tha thiết của người gác cổng mà cứ một mực xin vào thăm làng Macondo. Tất cả những người lạ mặt đi lại trên các nẻo đường Macondo trong thời gian ấy đều phải rung chuông để báo cho những người bệnh biết họ là người khỏe mạnh. Trong thời gian ở lại đây, bọn họ không được ăn uống bất cứ thứ gì vì không còn nghi ngờ gì nữa dịch bệnh lây lan qua đường miệng, và hơn nữa đồ ăn thức uống đều đã nhiễm bệnh mất ngủ. Bằng hình thức này bệnh dịch đã bị thu hẹp lại trong phạm vi của làng. Biện pháp kiên quyết ấy chính là biện pháp dùng trong thời kỳ kiểm dịch, và nó được duy trì cho đến ngày tình trạng mất ngủ được xem như là một hiện tượng bình thường và cuộc sống được tổ chức sao cho công việc làm ăn lấy lại nhịp điệu vốn có của nó và không một ai phải bận tâm tới việc đi ngủ, coi đó như một thói quen vô tích sự. Aureliano là người đầu tiên tìm ra biện pháp chống

lại bệnh giảm trí nhớ. Ngẫu nhiên mà cậu tìm ra thôi. Vì là người mất ngủ lâu ngày nhất trong làng, cậu đã học tập để có được trình độ tinh xảo trong nghề kim hoàn. Có một hôm cậu đang tìm chiếc đe nhỏ để dát mỏng kim loại và bỗng nhiên cậu quên nó. Cha cậu bảo cậu nó gọi là tas. Aureliano liền lấy giấy viết chữ tas rồi đem tờ giấy ấy dán lên bề đe. Như vậy cậu tin rằng trong tương lai mình sẽ không quên tên nó nữa. Cậu cũng không ngờ rằng việc quên tên này là biểu hiện đầu tiên của bệnh đãng trí mà chỉ cho rằng chẳng qua đó là vì cái dụng cụ ấy có tên rất khó nhớ. Nhưng sau đó mấy hôm, cậu phát hiện ra rằng bản thân mình không thể nhớ nổi tên các dụng cụ trong phòng thí nghiệm. Thế là cậu viết tên chúng lên từng đồ vật một, do đó chỉ cần đọc tên là đã có thể nhận biết được chúng rồi. Khi cha cậu đem nỗi lo lắng về việc ông quên hết những kỷ niệm sâu sắc từ thời ấu thơ kể cho cậu nghe thì Aureliano đã giải thích phương pháp của mình cho cha hiểu, và José Arcadio Buendía liền áp dụng phương pháp này cho mọi người trong nhà, sau đó cho tất cả dân làng. Lấy cành bài hương đã chắm mực, ông viết lên từng vật thể tên của nó: bàn, ghế, đồng hồ, cửa, tường, giường, chảo rán. Rồi ông ra vườn viết lên từng con vật và từng cây một: bò cái, dê đực, lợn đực, gà mái, sắn, khoai sọ, chuối mấm. Do tìm hiểu những khả năng vô hạn của bệnh đãng trí, dần dần ông nhận thấy rằng có thể đến một ngày nào đó qua con chữ người ta sẽ nhận ra các sự vật nhưng sẽ không nhớ được công dụng của chúng trong đời sống. Vậy là cần phải viết cho rõ ràng hơn. Tám bảng viết treo trên cõ con bò cái là một bằng chứng tiêu biểu cho hình thức dân chúng Macondo đã sử dụng để chống lại bệnh đãng trí. Đây là con bò cái, tất cả các buổi sáng cần phải vắt sữa và đối với sữa cần phải đun sôi lên để pha với cà phê và làm cà phê sữa. Như vậy dân làng cứ sống trong một thực tại trơn chuôi chuôi không thể khắc vào trí nhớ, được nhận bắt thoáng qua bởi những từ ghi trên giấy nhưng nó sẽ biến đi khi người ta quên mất ý nghĩa của các từ. Ngay ở cổng vào làng Macondo, một tấm biển được dựng lên viết: Macondo và trên con đường trung tâm của làng cũng dựng lên một tấm biển còn to hơn nữa đề “Thượng đế tồn tại”. Để ghi nhớ các đồ vật cũng như các loại tình cảm của con người, trong các nhà cũng có treo các bảng đề tên từng đồ vật và từng loại tình cảm một. Nhưng hệ thống nhớ ấy đòi hỏi quá nhiều sự quan sát và quá nhiều sự nỗ lực của bộ óc đến mức rất nhiều người đã phải đầu hàng trước niềm vui của một thế giới tưởng tượng, được chính họ bịa ra mà đối với họ nó là một thế giới dễ an ủi hơn là một thế giới dễ hành động. Pilar Ternera là người đóng góp nhiều công sức hơn vào việc phổ biến trò phỉnh phờ này khi thị cảm nhận được cách đọc quá khứ trong những lá bài cũng như trước đây qua chúng thị đọc tương lai. Bằng thủ thuật này những người mất ngủ bắt đầu sống trong một thế giới được xây dựng bởi những hình ảnh mơ hồ không xác tín trong những lá bài, là nơi ông bố nhớ lại hầu như mình là một người đàn ông rám nắng vừa đến đây vào đầu tháng

tư và bà mẹ nhớ lại mình gần như một người đàn bà trẻ tóc đen tuyền, còn đeo nhẫn vàng trên bàn tay trái, và là nơi một ngày sinh nhích gắn lại đường như mới vừa hôm thứ ba còn văng vẳng tiếng chim chiền chiện hót trên cây nguyệt quế.

Bị thất bại trước những thủ thuật có tính chất an ủi ấy, José Arcadio Buendía đã quyết chí làm một cái máy nhớ ông từng ao ước để nhớ những phát minh kì diệu của những người digan. Vào tất cả các buổi sáng cái máy ấy phải có khả năng duyệt lại toàn bộ những hiểu biết thu được trong cuộc sống kể từ đầu cho đến cuối. Ông tưởng tượng nó giống như một cuộn từ điện tự quay tròn mà một người ngồi ở trục, nhờ một chiếc tay quay, có thể khiến cho những tri thức về đời sống sẽ lần lượt hiện ra ngay trước mắt họ chỉ trong ít giờ đồng hồ. Ông đã viết được một vạn bốn nghìn cái phích. Cũng chính lúc ấy trên đường từ đầm lầy vào làng, xuất hiện một cụ già quái dị tay cầm một quả chuông nhỏ rung lên những âm thanh buồn buồn của kẻ ngái ngủ, vai vác một va li căng phồng có đai thùng chằng buộc cẩn thận, đẩy một chiếc xe nhỏ phủ kín những mụn vải thâm. Cụ đi thẳng đến nhà José Arcadio Buendía. Khi mở cửa cho cụ, Visitación không nhận ra cụ và cô nghĩ rằng cụ già đến đây định bán thứ gì mà không biết rằng không thể bán được bất cứ thứ gì ở cái làng đang ghim trong bệnh đãng trí khủng khiếp vô phương cứu chữa này. Đó là một cụ già cao tuổi lắm. Mặc dù tiếng nói của cụ thều thào đứt quãng, bàn tay cụ run lẩy bẩy như không thừa nhận sự tồn tại của các vật thể nhưng rõ ràng cụ là người đến từ miền đất người ta vẫn có thể ngủ được và nhớ được. José Arcadio Buendía bắt gặp cụ ngồi trong phòng khách; tay quạt chiếc mũ rách đã vá lại, mắt đang mãi đọc những tờ giấy viết chữ dán trên các bức tường. Ông cung kính chào cụ để khỏi thất lễ vì sợ rằng đó là một người quen lâu ngày không gặp lại và hiện giờ ông chưa nhận ra. Nhưng vị khách đã nhận ra ông không thành tâm. Cụ cảm thấy mình bị chủ nhà quên nhưng đó không phải là sự lãng quên do vô tâm mà là một sự lãng quên quái ác và vô phương cứu chữa do không thể tập trung trí nhớ được, một sự lãng quên cụ từng biết rất rõ bởi vì đó chính là sự lãng quên của cái chết. Cụ mở chiếc va li chặt ních những thứ không thiếu được, rồi cụ lấy ra một chiếc túi đựng các chai lọ. Cụ cho José Arcadio Buendía uống tuốt thứ nước có mùi dễ chịu và lập tức trong trí nhớ của ông bừng sáng. Mắt ông nhòa đi vì lệ trước khi ông kịp nhìn ra mình đang ở trong căn phòng bừa bãi những đồ vật bị viết tên, trước khi ông kịp cảm thấy hồ thẹn vì những điều ngu ngốc được viết trên tường với tất cả lòng thành kính và hơn thế nữa, trước khi ông nhận ra người mới đến trong ánh sáng tươi hừng của niềm vui. Người đó là Melquíades. Trong lúc Macondo mở hội ăn mừng trí nhớ bình phục thì José Arcadio Buendía và Melquíades đánh bóng tình bạn cũ của họ lâu nay bị thời gian phủ bụi. Người digan quyết định ở lại làng này.

Đúng là cụ ở trong cũi chết và đã chạy trốn về đây vì không chịu nổi nỗi cô đơn. Bị bộ tộc mình ruồng bỏ, bị tước mất năng lực siêu phàm, tất cả những thứ đó như một sự trừng phạt đối với lòng trung thành của cụ trước cuộc đời, cụ đã quyết chí chạy trốn đến đây, một xó xỉnh của thế giới mà thần chết chưa phát hiện ra và cụ hiến thân cho nghề chụp ảnh Daguerre^[14]. José Arcadio Buendía chưa bao giờ nghe nói về phát minh này. Nhưng khi ông nhìn thấy chính mình và gia đình mình với giây lút đời đời hiện hình trên một tấm kim loại óng ánh, thì ông đứng thần người ra. Vẫn còn lại một bức ảnh trên tấm kim loại đã hoen rỉ thuộc thời kỳ ấy cho thấy José Arcadio Buendía xuất hiện với mái tóc xoắn điểm sương, một chiếc cúc đồng đóng kín cổ còn áo somi, và với vẻ nghiêm trang đầy sợ sệt khiến cho Úrsula cười ngặt nghẽo mà miêu tả ông như “một tướng quân đang hải hùng”. Quả nhiên là José Arcadio Buendía đang hoảng hốt trong buổi sáng tháng chạp khi người ta chụp ảnh, bởi vì lúc ấy ông nghĩ rằng dân chúng sẽ mất dần đi theo giây phút hình ông hiện trên tấm kim loại. Bởi một sự đảo lộn kì dị của thói quen, Úrsula là người đã khiến ông nảy sinh ý nghĩ ấy cũng như bà là người quên đi những mặc cảm khó chịu trước đây, đã đồng ý để cho Melquíades ở lại trong nhà mình mặc dù chẳng bao giờ cho phép ông chụp ảnh bà bởi (theo đúng như lời bà) bà không muốn cử tồn tại như thế để giễu các cháu mình.

Buổi sáng ấy bà mặc đẹp đến thăm đám trẻ, thoa phấn cho chúng rồi cho mỗi đứa uống một thìa cháo tủy để chúng có thể đứng yên không nhúc nhích trong hai phút đồng hồ trước máy chụp ảnh của Melquíades. Trong bức ảnh Daguerre chụp toàn gia đình đã mất từ lâu, Aureliano mặc đồ dạ đen đứng giữa) Amaranta và Rebeca. Cậu mang vẻ buồn buồn và đôi mắt nhìn sắc sảo mà nhiều năm sau này khi đứng trước đội hành hình chúng vẫn nguyên vẹn, những lúc đó cậu vẫn chưa có được dự cảm về số phận mình. Cậu đã là một thợ kim hoàn lành nghề được cả vùng ngưỡng mộ. Trong xưởng thủ công được đặt cùng với phòng thí nghiệm ồn ã của Melquíades, dường như cậu đã chạy trốn vào một thời đại khác để làm việc đến mức không còn nghe thấy tiếng cậu thở; trong khi đó cha cậu và Melquíades lớn tiếng tranh luận với nhau về những lời tiên tri của Nostradamus. Những lời ấy vang lên giữa những tiếng va chạm của bình và cốc đựng các dung dịch, và nỗi bất hạnh của axit đổ và muối bạc bị rơi vãi từng lúc từng lúc do những cú động cùi tay và trượt chân gây nên. Sự toàn tâm toàn sức hiến dâng cho công việc, cái quan niệm đúng đắn hướng dẫn mọi hứng thú của cậu, đã cho phép cậu trong một thời gian ngắn thu được khoản tiền lớn hơn khoản tiền của Úrsula thu được nhờ những chiếc kẹo nặn hình con giống rất ngon lành, nhưng cả bàn dân thiên hạ ai ai cũng lấy làm lạ rằng tuy cậu đã là một người đàn ông thực thụ thế mà vẫn chưa biết đến đàn bà. Thực tình cậu vẫn chưa hề cùng ai.

Mấy tháng sau đó, cụ Francisco - Con Người, một khách giang hồ gần hai trăm tuổi vẫn thường qua lại Macondo để phổ biến các bài hát do chính cụ đặt ra, đã trở lại làng. Trong các bài hát này, cụ Francisco - Con Người kể lại tường tận những điều xảy ra ở các làng trong hành trình của mình, kể từ làng Manaure đến các hang cùng ngõ hẻm thuộc vùng đầm lầy, vậy là nếu ai muốn nhắn gửi điều gì hoặc muốn loan báo một sự kiện nào đó thì cứ việc trả cụ hai xu để cụ đưa nó vào chương trình của mình. Nhờ vậy mà một đêm nọ Úrsula nghe các bài hát của cụ với hy vọng chúng sẽ nói về José Arcadio, đã biết tin mẹ mình quá cố một cách ngẫu nhiên thôi. Cụ được gọi là Francisco - Con Người là vì trong một cuộc thi hát đôi đáp cụ đã đánh bại con quỉ, vả lại cũng không một ai biết tên thật của cụ. Trong lúc dịch mất ngủ hoành hành ở làng Macondo, cụ lặng lẽ biến mất và bây giờ không một lời báo trước cụ lại có mặt ở đây trong cửa hàng của bác Catarino. Cả làng đều kéo đến nghe cụ để xem có gì mới xảy ra trên thế giới này. Trong dịp này, cùng đến với cụ còn có một người đàn bà béo mập ngồi trên ghế xích đu được bốn phu Anh-điêng khiêng và được một cô gái da lai vè cô đơn cầm ô che nắng cho. Đêm ấy Aureliano đến cửa hàng bác Catarino. Cậu thấy cụ Francisco - Con Người, như một con kỳ nhông hóa đá, ngồi giữa đám người tò mò đang nghe cụ kể tích... Với giọng hát thều thào được cây đàn phong cầm cũ kỹ đệm, cây đàn này cụ được ngài Walter Raleigh^[15] tặng cho ở đảo Guiana. Cụ hát để kể lại các tin tức, trong khi đó đôi bàn chân to, thô, nứt nẻ bởi phải cuốc bộ qua các mỏ diêm sinh, cùng giậm liên hồi để đánh nhịp. Mụ Tú bà ngồi trên ghế xích đu, tay phe phẩy quạt ở trước cửa phía cuối phòng nơi có một số người đàn ông vào ra. Với bông hồng nỉ giắt trên mang tai, bác Catarino bán những cốc nước Guarapo^[16] - gần từng người một đặt tay mình lên người họ vào đúng cái chỗ không nên. Đêm về khuya, nóng bức không thể chịu được. Aureliano ngồi nghe tin tức cho đến hết chương trình mà vẫn không thấy điều gì bổ ích đối với gia đình mình. Đang lúc cậu sửa soạn để về nhà thì mụ Tú bà chỉ tay ra hiệu, bảo cậu: - Cậu cũng vào đi, - mụ nói, - chỉ tốn kém có hai hào thôi! Aureliano bỏ đồng hai hào vào cái đĩa mụ kẹp nơi bẹn rồi bước vào phòng mà không biết để làm gì. Cô bé da lai đang trần truồng nằm trên giường với đôi vú hết như vú chó. Đêm ấy trước lúc Aureliano vào đã có sáu mươi ba người đàn ông qua phòng này rồi. Không khí trong phòng, vì đã có quá nhiều người qua lại và bị ngào trong mồ hôi và hơi thở, bắt đầu đông đặc lại nhuyển thành bùn. Cô bé lật chiếc ga trải giường ướt sũng và nhờ Aureliano cầm hộ một đầu. Nó nặng chình chịch. Hai người vặn hai đầu vắt tẩm vải trải giường cho đến khi kiệt nước. Hai người lật nghiêng chiếc giường, mồ hôi dòng dòng chảy về phía nghiêng để rơi xuống sàn nhà. Aureliano khao khát mong mỗi công việc này sẽ không bao giờ kết thúc. Về mặt lý thuyết cậu đã biết nghệ thuật làm tình, nhưng vì

gôi đã mỏi nên không thể đứng thẳng được, và mặc dù da mình đã nổi gai gà và nóng hầm hập cậu vẫn không thể tìm được những cú trung tiện đang đòi hỏi mau chóng được thoát ra ngoài. Khi sửa sang xong giường đệm, cô bé lệnh cho cậu cởi quần áo, thì cậu ngờ ngạc nhiên giải thích: “Người ta bảo tôi vào. Người ta bảo tôi hãy bỏ hai hào vào đĩa đựng tiền và không được chậm trễ”. Cô gái hiểu được nỗi lo lắng của cậu. “Nếu như anh bỏ thêm hai hào nữa ở cửa ra, anh có thể ở lại thêm ít phút nữa”, cô dịu dàng nói. Aureliano cởi quần áo, vẻ khổ sở vì xấu hổ, không tài nào rũ bỏ được ý nghĩ cho rằng cái thân xác lỏa lồ của mình sẽ không địch nổi cái thân xác cường tráng của ông anh mình. Mặc cho cô gái cố gắng khêu gợi, cậu vẫn cảm thấy đơn độc, đơn độc đến khủng khiếp. “Tôi sẽ bỏ thêm hai hào nữa” với giọng chán nản cậu nói thế. Cô bé lặng lẽ cảm ơn cậu. Lưng cô bé đỏ lừng lừng. Da cô bọc lấy xương để lộ từng cái xương sườn một và hơi thở của cô gấp gáp rối loạn đây về một mối. Hai năm trước đây, ở một làng xa tít mù, cô bé ngủ quên không tắt ngọn đèn nên và khi choàng tỉnh dậy cô đã ở ngay cạnh lửa cháy. Cái ngôi nhà nơi cô sống với bà nội, vốn là người nuôi cô từ tấm bé, đã biến thành tro tàn. Từ đó trở đi, người bà mang cô bé đi hết làng này sang làng khác, bắt cô phải ngủ với đàn ông với giá hai hào một lần để có một số vốn ngõ hầu bù lại toàn bộ giá trị ngôi nhà bị cháy. Theo những tính toán của cô gái, thì cô còn thiếu hơn mười năm mà đêm nào cũng phải hiến thân cho đủ số bảy mươi thặng đàn ông, bởi vì ngoài số tiền phải trả cho bà nội, cô còn phải kiếm đủ tiền để trang trải cho việc đi lại, cho việc ăn uống của hai bà cháu, và tiền công cho những người Anh-điêng khiêng chiếc ghế xích đu. Khi mục Tú bà gõ cửa lần thứ hai, Aureliano ra khỏi phòng mà vẫn chưa kịp hành sự, đau đớn đến muốn khóc lên được. Đêm ấy, cậu không ngủ, chỉ nghĩ đến cô gái trong tình cảm vừa yêu vừa thương hại. Cậu cảm thấy vừa yêu thương lại vừa muốn che chở cô gái. Đó là thứ tình cảm da diết không thể dùng được. Vào lúc trời rạng sáng, người mệt rũ rời vì mất ngủ và vì sốt, cậu quyết định một quyết định lạnh mạnh, sẽ cưới cô gái để giải phóng cô khỏi sự cai quản của người bà và để cùng cô hưởng trọn những đêm hoan lạc mà cô vẫn thường phải chia sẻ cho bảy mươi thặng đàn ông. Nhưng, vào lúc mười giờ sáng, khi cậu đến cửa hàng bác Catarino thì cô gái đã đi khỏi làng. Thời gian xoa dịu dần ý định ngây thơ của Aureliano nhưng nó lại khắc sâu thêm mặc cảm về sự thất bại của mình. Cậu trốn vào công việc. Cậu quyết chí ở vậy một đời để chôn vùi ý nghĩ hổ thẹn tự cho mình là đồ vô tích sự. Trong khi đó Melquíades đã làm xong công việc ghi lên các tấm phim của mình tất cả những gì có thể ghi hình ở làng Macondo và cậu đã bỏ mặc buồng tối cho những say mê của José Arcadio Buendía, người đã quyết định sử dụng nó để giành lấy một thí nghiệm khoa học về sự tồn tại của Thượng đế. Bằng một quá trình phức tạp trình bày những bức ảnh chụp được ở những địa điểm khác nhau trong nhà, ông tin chắc rằng sớm hay muộn sẽ có một

tám ảnh Thượng đế, nếu quả thật Thượng đế tồn tại, rồi cùng một lúc sẽ kết liễu tất cả những phỏng đoán về sự hiện hữu của Người. Melquíades ngày một nghiên cứu sâu những lời thuyết giảng của Nostradamus. Cụ làm việc cho đến chiều tối, phát ngột trong chiếc áo ni khoác ngoài đã bạc màu, với đôi bàn tay chim sẻ nhỏ xíu của mình mà những chiếc nhẫn đeo trên các ngón tay đã mất vẻ sáng bóng của các thời trước đây, cụ vẽ nguệch ngoạc lên những tờ giấy. Có một đêm cụ tưởng rằng mình đã bắt gặp được một lời tiên tri về tương lai của làng Macondo. Nó có thể sẽ là một thành phố sáng rực rỡ, với những tòa nhà pha lê đồ sộ, là nơi sẽ không còn một dấu tích nào của dòng dõi nhà Buendía. “Đó là một sự nhầm lẫn”, José Arcadio Buendía nổi giận nói. “Đó không phải là những tòa nhà pha lê, mà là những tòa nhà làm bằng nước đá, như chính tôi đã thấy trong mộng, và cho dù hàng bao nhiêu thế kỷ sau, luôn luôn và lúc nào cũng vẫn có một Buendía”. Trong ngôi nhà quái gỡ ấy, Úrsula là người cố gắng duy trì không khí bình thường nhờ việc khuếch trương nghề buôn bán những chiếc kẹo nặn hình con giống, với một lò nướng bánh trong một đêm đã sản xuất ra hàng sọt, hàng sọt bánh mì, và hàng lô những chiếc bánh pudding, bánh trứng, bánh bích qui mà chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ chúng đã tản mát đi khắp các nẻo đường mòn thuộc miền đầm lầy. Dù tới tuổi được quyền nghỉ ngơi, nhưng bà lại hoạt bát hơn. Quá bận rộn trong các công việc sinh nhiều lợi ấy, đến mức trong một buổi chiều nọ khi cô gái Anh-điêng giúp bà ngào mật vào bột, bà đã nhìn ra sân và bắt gặp hai thiếu nữ lạ, xinh đẹp đang ngồi thêu bên khung thêu dưới ánh hoàng hôn. Đó là Rebeca và Amaranta. Họ vừa đoạn tang bà ngoại, một cái tang được họ kiên trì để trở trong ba năm ròng và giờ đây bộ quần áo màu sắc sỡ dường như đã đặt họ vào một vị trí mới trong cuộc đời. Hoàn toàn trái với những gì có thể chờ đợi cô trong tương lai, Rebeca là cô gái đẹp nhất. Cô có nước da trắng như ngó càn, đôi mắt to và sâu thẳm, đôi bàn tay khéo léo dường như đang dệt những sợi chỉ vô hình trên một bức thảm thêu. Amaranta, cô gái bé hơn, tuy có kém phần duyên dáng tí chút, nhưng lại có vẻ cao nhã tự nhiên, một sự thanh thản nội tâm của bà ngoại đã quá cố. Bên cạnh hai cô gái là Arcadio. Mặc dù đã có được sức vóc của cha mình, Arcadio vẫn là một chú nhóc con. Cậu quyết định học nghề kim hoàn dưới sự hướng dẫn của Aureliano, người ngoài việc dạy nghề còn dạy chú bé học đọc và viết. Ngay lập tức Úrsula nhận ra rằng nhà bà rồi sẽ chật chội, rằng con cái của bà đã đến tuổi dựng vợ gả chồng và sẽ có con, do thiếu chỗ ở chúng sẽ buộc phải ly tán. Vậy là bà móc số tiền dành dụm được trong nhiều năm làm ăn vất vả, giao kèo hợp đồng với các khách hàng của mình, và khởi công mở rộng ngôi nhà. Bà quyết định sẽ xây hai phòng khách trong đó có một phòng đầy đủ tiện nghi và thoáng mát hơn để dùng vào công việc hàng ngày, một phòng ăn đủ rộng kê chiếc bàn ăn to với mười hai chỗ ngồi để gia đình và khách khứa cùng ăn một thể, chín phòng ngủ đều mở cửa sổ thông ra

sân và một hành lang dài có bao lơn đặt các chậu cây dương xỉ và chậu cây thu hải đường, bên ngoài là một vườn hồng che ánh nắng gay gắt buổi ban trưa. Bà cũng quyết định phá nhà bếp cũ để xây dựng hai lò bánh; phế kho ngô cũ nơi Pilar Ternera đã xem hậu vận cho José Arcadio qua những lá bài để xây một nhà kho lớn gấp hai lần đủ dự trữ lương ăn cho rất nhiều năm. Bà quyết định dựng một nhà tắm nam và một nhà tắm nữ và ở cuối sân, một tàu ngựa lớn, một chuồng gà thung lười thép, một chuồng vắt sữa bò, và một chuồng chim mở rộng cửa đón những chú chim không đường kiếm ăn có thể tùy thích đến ở. Được hàng chục thợ mộc và thợ nề theo sau, như thể bà nhiệm phải cơn sốt vàng của chồng mình, Úrsula sắp xếp vị trí cho ánh sáng và đường thông gió, phân chia các khoảng không mà vẫn không quên các ranh giới của chúng. Ngôi nhà khởi thủy của các bậc sáng nghiệp bỗng chật ních cửa đục và vật liệu xây dựng, và những người công nhân mệt mỏi vã mồ hôi đang yêu cầu tất cả những người khác đừng làm đảo lộn các đồ vật mà không hay biết rằng chính họ mới là những người đang làm đảo lộn hết thảy. Bọn họ phát điên lên vì chiếc tải đựng xương người với tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc lộc cộc cứ theo riết họ đi khắp nơi. Trong quang cảnh khó chịu cứ phải thở hít mùi vôi nồng nặc và mùi nhựa đường, không một ai hiểu được vì sao từ trong lòng đất lại nổi lên một ngôi nhà không chỉ lớn chưa từng thấy trong làng, mà còn là ngôi nhà hiếu khách và mát mẻ chưa từng có trong khắp vùng đầm lầy này. José Arcadio Buendía những tưởng sẽ làm cho Thượng đế chí tôn phải giật mình trước khung cảnh nhiều thay đổi to lớn ấy, lại là người hiểu được điều đó ít nhất. Khi ngôi nhà sắp sửa hoàn thành thì Úrsula đã lôi ông ra khỏi thế giới mơ mộng để báo cho ông hay rằng đã có lệnh buộc bức tường mặt tiền của mọi nhà đều phải quét vôi xanh chứ không được quét vôi trắng như dân làng vốn ưa thích. Bà chia cho ông xem mảnh giấy ghi cái mệnh lệnh chính thức ấy. José Arcadio Buendía, vẫn chưa hiểu điều bà vợ mình nói, đang cố đọc chữ ký: - Người này là ai vậy? - Ông hỏi. - Quan thanh tra đấy, - Úrsula buồn bã trả lời. - Người ta đồn rằng ông ấy là một nhà chức trách mới do chính phủ phái tới. Don Apolinar Moscote, Quan thanh tra, đã lặn lẽ đến làng Macondo. Ngài xuống xe và ở trong khách sạn Jacob do một trong những người Á-rập đầu tiên đến đây đổi đồ vật lấy vệt đuôi dài dựng nên. Ngày hôm sau ngài thuê luôn một phòng mở cửa ra đường chỉ cách nhà của Buendía hai ô phố. Ngài bày biện một chiếc bàn và một chiếc ghế mua của Jacob, treo tám quốc huy do ngài mang theo lên tường và trên cửa một chiếc biển đề: Quan thanh tra. Công việc đầu tiên của ngài là ra lệnh cho các nhà trong làng phải quét vôi xanh để mừng ngày độc lập. José Arcadio Buendía, tay cầm bản sao tờ lệnh, bắt gặp ngài ngủ trưa trên chiếc võng mắc trong một căn phòng bày biện và trang trí sơ sài. “Ngài là người đã viết tờ giấy này?”, ông hỏi. Don Apolinar Moscote, một người đàn ông chín chắn, vẻ hút nhát, mặt đỏ như, đã trả lời rằng đúng thế. “Nhân

danh cái gì mà ông viết nào?”, José Arcadio Buendía lại hỏi tiếp. Don Apolinar Moscote tìm một tờ giấy cất trong ngăn kéo bàn chìa cho ông xem: “Tôi vừa được phong chức Quan thanh tra của làng này”. José Arcadio Buendía không thèm nhìn tờ sắc phong, nói: - Ở làng này, chúng tôi không ra lệnh bằng giấy tờ - ông nói với vẻ bình thản, - và để ngài biết luôn một thể, chúng tôi không cần bất kỳ một Quan thanh tra nào, bởi vì ở đây chẳng có gì để mà phải thanh tra cả. Trước thái độ cứng rắn của Don Apolinar Moscote, người không lúc nào to tiếng, José Arcadio Buendía kể lại tường tận câu chuyện họ đã xây dựng làng như thế nào, chia ruộng đất như thế nào, rồi mở đường như thế nào, mở mang các nghề cần cho đời sống và sinh lợi như thế nào, không hề làm phiền lòng chính phủ và cũng chưa một ai đã làm phiền dân làng này. “Chúng tôi sống rất hiền lành đến mức làng chúng tôi chưa hề có người chết vì bệnh tật hay vì tuổi già”, ông nói: “Ngài thấy đây làng chúng tôi vẫn chưa có nghĩa địa mà!”. Ông không hề đau khổ vì chính phủ đã không giúp đỡ dân làng. Trái lại, ông lấy làm vui lòng nhận thấy cho đến lúc này chính phủ vẫn để cho dân làng tiếp tục sống như vậy, bởi vì bọn họ không tốn công hoài sức lập làng để cho kẻ khác đến lên mặt dạy họ phải làm thế này thế nọ. Don Apolinar Moscote mặc chiếc áo khoác vải chéo go, màu trắng như màu quần, không lúc nào để mắt cử chỉ bình tĩnh của mình. - Vậy là nêu như ngài muốn ở lại đây, như những cư dân bình thường khác, ngài sẽ được đón tiếp nồng hậu, - José Arcadio Buendía kết thúc, - bằng không, nếu như ngài đến để gây rối buộc dân làng phải quét vôi xanh lên tường nhà thì ngài có thể thu xếp hành lý và cút về nơi ngài khởi hành. Bởi vì, nhà tôi phải trắng như một con bò cừu. Don Apolinar Moscote tái người đi. Ngài giật lùi một bước, nghiêng răng lại với vẻ sượng sùng, nói: - Tôi báo cho ông biết rằng tôi có vũ khí. José Arcadio Buendía không biết tự lúc nào cái sức trai tráng bẻ gãy sừng trâu đã dòn lên hết đôi tay mình. Túm lấy ve áo bông Apolinar Moscote, ông xách ngài lên ngang tầm mắt mình, nói: - Cái này thì ta làm, - Ông nói, - bởi vì ta muốn xách sống nó và để khỏi phải ân hận suốt đời vì phải xách một xác chết. Cứ thế xách ngài đi giữa đường cái cho đến khi tay moi để tuột mất ve áo, ông mới đặt ngài đứng xuống. Lúc đó Quan thanh tra đã ở trên con đường ngoài đầm lầy.

Một tuần sau, ngài trở lại mang theo sáu người lính chân đất, ăn mặc rách rưới, tất cả đều mang súng hỏa mai, và một chiếc xe bò chở vợ cùng bảy cô con gái của ngài. Sau đó hai xe bò chở giường ghé bàn tủ, rương hòm và các dụng cụ nấu bếp cũng đến theo. Ngài để gia đình trọ tại khách sạn Jacob trong khi tìm mua một ngôi nhà và tiếp tục mở lại công sở có lính gác bên ngoài. Các bậc sáng nghiệp của làng Macondo sẵn sàng tống khứ bọn người xâm lược đi. Cùng với các con trai lớn của mình họ đã kéo đến để tiếp sức cho quyết tâm của José Arcadio Buendía. Nhưng ông phản đối bởi vì theo

như lời ông giải thích thì Don Apolinar Moscote đã trở lại đây cùng với vợ và các con gái ngài và đã là đàn ông thì không nên làm sượng mặt kẻ khác trước mặt gia quyến họ. Vậy là ông quyết định sẽ giải quyết công việc theo những thể thức êm đẹp hơn. Aureliano đi cùng ông. Lúc này cậu đã để bộ ria đen vênh lên ở hai bên mép và đã có giọng nói sang sảng mà sau này chúng là những đặc điểm khiến cậu nổi bật lên trong chiến tranh. Không mang theo vũ khí cũng không tuân lệnh bọn lính gác, cha con họ bước thẳng vào công sở của Quan thanh tra. Don Apolinar Moscote vẫn điềm tĩnh. Ngài giới thiệu với họ hai cô con gái ngẫu nhiên có mặt tại đó. Amparo, mười sáu tuổi, nước da rám nắng như nước da mẹ cô, và Remedios xấp xỉ chín tuổi, một cô bé kháu khỉnh với nước da trắng ngà và đôi mắt xanh. Cả hai đều duyên dáng và có nền nếp. Cũng chớp nhoáng như cha con họ bước vào, trước khi được cha giới thiệu, các cô đã mang ghế cho khách ngồi. Song cả hai cha con đều đứng.

- Tốt lắm? - José Arcadio Buendía nói. - Ngài sẽ ở lại đây, nhưng không phải vì ngài đã có bọn lính canh mang súng hỏa mai ấy mà vì lòng kính trọng của dân làng đối với bà nhà và các cô gái đây. Don Apolinar Moscote hoang mang, nhưng José Arcadio Buendía không cho ngài có thời gian để đối đáp: “Chúng tôi chỉ yêu cầu ngài hai điều thôi”, ông nói: “Trước tiên hãy để cho mỗi người được theo sở thích mình mà quét vôi nhà. Thứ hai là hãy để cho những người lính đi khỏi làng ngay lập tức. Chúng tôi sẽ đảm bảo an ninh cho ngài”. Quan thanh tra xòe rộng bàn tay phải, giọng lên: - Lời hứa danh dự chứ? - Lời nói của kẻ thù đây, - José Arcadio Buendía nói. Nhưng với giọng cay đắng ông nói rõ: - Bởi tôi muốn nói rõ để ngài biết: Ngài và tôi sẽ tiếp tục là kẻ thù của nhau. Ngay buổi chiều ấy, bọn lính đã phải bán xới đi. Mấy ngày sau, José Arcadio Buendía đã tìm cho gia đình Quan thanh tra một ngôi nhà. Tất cả đều sống thanh thản trong hòa bình, trừ Aureliano. Hình ảnh Remedios, cô gái út của Quan thanh tra, mà cứ theo tuổi tác để xét thì cô bé chỉ đáng tuổi con cậu, đã đọng lại trong tâm khảm làm nhứt nhối thân xác cậu. Đó là một cảm giác có tính chất cơ học giống như một viên sỏi lẫn trong giày làm nhói đau chân mỗi khi đi.

CHƯƠNG 4

Một buổi khiêu vũ được tổ chức để ăn mừng ngôi nhà mới trắng như một con bồ câu. Úrsula từng áp ủ ý nghĩ ấy ngay từ buổi chiều bà thấy Rebeca và Amaranta đã trở thành những thiếu nữ và hầu như có thể nói rằng cái lý do chủ yếu của việc xây cất nhà mới là niềm khao khát mong muốn cho các cô gái có một chỗ tiếp khách xứng đáng. Trong khi tiến hành công việc xây dựng lại ngôi nhà, Úrsula vất vả làm lụng như một tên tù khổ sai để không một trở lực nào có thể dim tắt cái mục đích rực rỡ ánh hào quang ấy. Do đó trước khi các công việc này hoàn thành, bà đã gửi mua sắm các đồ trang trí và đồ ăn thức uống, toàn là những thứ đắt tiền. Trong số đó có một vật kỳ diệu từng khiến cho cả làng ngạc nhiên và khiến cho tuổi trẻ phải sung sướng thích thú, đó là cây đàn dương cầm tự động. Người ta chở từng bộ phận của nó đến. Những bộ phận này được để trong mấy chiếc thùng và chúng được moi ra khỏi thùng cùng với bàn ghế giường tủ sản xuất tại Wien, gương kính sản xuất ở xứ Bohemia, bát đĩa do Công ty Tây Ấn sản xuất, khăn phủ bàn của Hà Lan và hàng loạt đèn dầu và đèn nến, bình hoa, màn lụa in hoa treo tường và thảm trải nhà. Công ty nhập khẩu đã phái một chuyên gia người Ý giàu kinh nghiệm, tên là Pietro Crespi, đến nhà để lắp và chỉnh cây đàn dương cầm tự động, để dạy cách sử dụng cho những người mua nó và nhất là dạy họ khiêu vũ theo âm nhạc hợp một thời đại được in trên sáu cuộn băng.

Pietro Crespi là một thanh niên trẻ, tóc hung, một người đẹp trai nhất và có học vấn nhất ở Macondo, là một người tự trọng trong cách ăn mặc đến mức mặc cho không khí nóng hầm hập anh vẫn mặc bộ quần áo bằng lụa bó sát người và một chiếc áo khoác ngoài bằng da thâm dày cộp. Người xâm xấp mồ hôi, cố giữ một khoảng cách rõ ràng giữa mình với các chủ nhân, anh đã ở lì vài tuần liền trong phòng đóng kín cửa, với sự say mê giống hệt sự say mê của Aureliano trong xưởng làm đồ kim hoàn. Có một buổi sáng nọ, không hề mở cửa, không cần cầu cứu một nhân chứng thần thánh nào, anh đặt một băng nhạc lên cây đàn dương cầm tự động, và thế là âm nhạc trong treo và du dương vang lên khiến cho những tiếng búa chát chúa và những tiếng va chạm thường xuyên của các tấm gỗ bồng ngừng bật trong cái thanh vắng đến thẳng thốt. Tất cả mọi người vội đổ xô tới phòng khách. José Arcadio Buendía hào hứng hẳn lên không phải do vẻ đẹp hấp dẫn của âm nhạc mà là do cây đàn dương cầm tự động gõ lấy phím đàn và ông đã đặt chiếc máy ảnh của Melquíades ở trong phòng khách với hy vọng sẽ chụp được bức ảnh người chơi nhạc vô hình. Ngày hôm ấy nhạc sư người Ý ăn trưa với gia đình. Rebeca và Amaranta giữ nhiệm vụ hầu bàn, đều có cảm tình trước cử chỉ nhẹ nhàng khoan thai của con người thanh tao ấy trong lúc

đôi bàn tay da má xanh không đeo nhẫn của anh sử dụng thìa mạ trên bàn ăn. Trong phòng chờ ăn thông với phòng khách, Pietro Crespi dạy hai cô gái khiêu vũ. Đánh nhịp bằng chiếc máy đo tiết điệu, anh dạy họ đưa chân mà tay không chạm vào thân thể họ trong sự canh chừng rất đáng yêu của Úrsula, người không lúc nào bỏ đi ra ngoài phòng khách trong lúc các con gái bà học nhảy. Trong những ngày đó, Pietro Crespi mặc những chiếc quần đặc biệt, mềm mại bó sát lấy cơ thể và đi một đôi giày múa. “Bà không tội gì mà cứ phải lo lắng thế”, José Arcadio Buendía nói với vợ. “Cái anh chàng này là một gã ái nam ái nữ thôi”. Song bà vẫn những thôi việc canh chừng một khi việc học khiêu vũ của các con gái chưa xong và anh chàng người Ý chưa đi khỏi Macondo. Vậy là bà bắt tay vào công việc chuẩn bị ngày vui. Úrsula lên danh sách những người được mời tới dự tiệc, trong đó những người duy nhất được chọn mời là con cháu của các bậc sáng nghiệp làng Macondo, trừ gia đình Pilar Ternera mà lúc ấy đã có thêm hai đứa con hoang. Thực ra đó là một sự lựa chọn độc đáo được quyết định bởi những tình cảm bạn bè, vì những người tước chọn không chỉ là những người bạn chí cốt đối với nhà José Arcadio Buendía kể từ trước khi tiến hành cuộc di cư đưa tới sự ra đời của làng Macondo, mà còn vì những con cháu của họ vốn là bạn nối khố từ thuở ấu thơ của Aureliano và Arcadio. Các con gái họ vốn là những cô gái duy nhất thường đến chơi thà để cùng thêu thùa với Rebeca và Amaranta. Don Apolinar Moscote, một quan chức tốt bụng mà hoạt động của ngài đã thu hẹp ở việc giữ lại hai viên cảnh sát chỉ vũ trang bằng dùi cui và nuôi họ trong điều kiện kinh tế eo hẹp của mình, chỉ là nhà chức trách trên danh nghĩa. Để đảm bảo chi tiêu hàng ngày, các cô gái của ngài đã phải mở một hiệu may vừa nhận làm thuê những bông hoa nỉ, vừa nhận làm cả mút ối lẫn viết thuê những bức thư tình cho các chàng trai cô gái trong làng. Mặc dù có đức khiêm tốn và ngoan nết, con gái ngài - những cô gái đẹp và nhảy các điệu vũ mới uyển chuyển nhất làng này - đã không tìm nổi cách nào để người ta mời mình đến dự ngày vui. Trong lúc Úrsula và các cô gái mở hộp lấy ra các đồ dùng, lánh bóng bát đĩa cốc tách và treo lên tường những bức tranh các bà quý phái đứng trên những chiếc thuyền chở đầy hoa hồng, và bằng những công việc ấy mẹ con bà đã truyền hơi thở cuộc đời mới cho các phòng nhẵn bóng do những người thợ nề cây nện thì José Arcadio Buendía từ bỏ việc truy tìm hình ảnh thượng đế, ông buộc phải thừa nhận sự không tồn tại của người, và đã bỏ cây đàn dương cầm tự động ra để tìm hiểu cái huyền bí của nó. Sau bao ngày lúng túng trước mở bòng bong những sợi dây duỗi ra ở một đầu để rồi lại cuộn lại ở đầu kia và một đống những chốt và cần đàn thừa ra, José Arcadio Buendía cũng lắp lại được cây đàn dương cầm tự động nhưng lắp rất tồi. Ông làm xong việc này hai ngày trước khi có cuộc vui. Chưa bao giờ ở nhà này có nhiều lo lắng với tất tả chạy vạy như những ngày ấy. Song những cây đèn mới thấp nhạ đường vẫn

cứ bừng sáng vào đúng ngày và giờ qui định. Nhà mở rộng toang cửa, vẫn còn thơm mùi nhựa thông và mùi vôi âm. Con cháu của các bậc sáng nghiệp làng Macondo làm quen với hành lang những chậu cảnh trồng cây dương xỉ và cây thu hải đường, những căn phòng thanh vắng, vườn hoa ngào ngạt mùi hoa hồng, rồi bọn họ họp mặt nhau trong phòng khách trước cỗ máy chưa từng biết đã được phủ một tấm vải trắng. Những ai từng biết đàn dương cầm thường dùng, rất phổ biến ở các làng quanh vùng đầm lầy đều cảm thấy chút ít thắc thom. Nhưng cay cú hơn cả vẫn là nỗi thất vọng của Úrsula khi người ta đặt một băng nhạc lên cây đàn dương cầm tự động để Rebeca và Amaranta mở đầu buổi khiêu vũ, nhưng máy móc đã không hề chuyển động. Melquíades, mà lúc này hầu như đã lòa mắt, cố nhớ lại các ngón nghề trong kho trí thức bác cổ của mình để vận dụng vào việc sửa chữa cây đàn dương cầm tự động. Cuối cùng, hoàn toàn ngẫu nhiên thôi, José Arcadio Buendía đã khiến cho một bộ máy chết bỗng quay được và do đó âm nhạc phát ra lúc đầu nghe rầu rĩ sau nghe tuôn chảy như dòng suối âm thanh gồm những nốt nhạc khó hiểu. Các cần đàn gõ loạn xạ. Chúng cứ đập hoài vào các dây cây đàn được bố trí bừa bãi, không theo một trật tự nào và do đó những dây đàn này rung lên run rẩy đầy vẻ sợ hãi. Nhưng những cháu con ương bướng của hai mươi một người bạo phổi từng đi xuyên rừng theo hướng tây để tìm biển, đã biết vượt qua những chỗ khó nhảy do sự thay đổi của âm nhạc gây nên, và do đó buổi khiêu vũ đã kéo dài cho đến sáng. Pietro Crespi đã trở lại để sửa chữa cây đàn dương cầm tự động. Rebeca và Amaranta giúp anh sắp đặt thứ tự các dây đàn và họ cùng phụ họa cười với anh vào những chỗ khó nhảy của các điệu van. Anh tỏ thái độ rất đáng kính trọng và có tư chất cao thượng đến mức khiến cho Úrsula không thấy cần thiết phải canh chừng các buổi học khiêu vũ của các con gái mình. Đêm trước ngày anh lên đường, một buổi khiêu vũ với cây đàn dương cầm tự động đã sửa sang tất được tổ chức gấp để tiễn anh. Anh đã cùng với Rebeca biểu diễn tuyệt hay các điệu vũ hiện đại. Arcadio và Amaranta cũng không kém họ trong những động tác duyên dáng và hoạt bát. Nhưng buổi biểu diễn buộc phải ngừng lại bởi vì Pilar Ternera, mà lúc ấy đang ở ngoài cửa cùng với những kẻ tò mò, đã ẩu đả với một người đàn bà dám bình luận rằng Arcadio có bộ môn đàn bà. Đến nửa đêm, Pietro Crespi đã chia tay gia đình bằng một bài phát biểu chan chứa tình cảm lưu luyến và hứa không lâu sẽ trở lại. Rebeca đưa tiễn anh đến tận cửa chính, và sau khi đã đóng kín các cửa và đã tắt đèn nhà thì cô vào phòng mình để khóc. Đó là một tiếng khóc nã nê kéo dài vài ngày mà về nguyên nhân của nó thì không ai biết kể cả Amaranta. Cô vốn là người khó hiểu và điều đó không có gì là lạ. Dù có cái vẻ bề ngoài dường như cởi mở và lễ mạo, nhưng thực ra cô vốn là người cô đơn và có trái tim thầm kín khôn lường. Cô là một cô gái đang tuổi dậy thì lộng lẫy, dáng người son sẻ và lại thích ngồi trên chiếc ghế xích đu gỗ cô đã mang theo đến nhà, từng được sửa chữa nhiều lần

và đã thiếu tay ngại. Không một ai phát hiện ra rằng vào tuổi ấy cô vẫn giữ thói mút ngón tay. Bởi thế cô không bao giờ bỏ lỡ dịp ở một mình trong buồng tắm và duy trì thói quen ngủ quay mặt vào tường. Trong những buổi chiều mưa, đang lúc ngồi thêu với một nhóm bạn gái ở hành lang đặt những chậu cây thu hải đường, bỗng dưng cô không chú tâm theo dõi mạch chuyện đang sôi nổi, để một giọt nước mắt nhớ nhung lăn trên gò má làm mẫn cuống lưỡi mình khi nhìn thấy những vĩa đất ướt và những viên sét mà giun đùn lên từng đống nhỏ trong vườn hoa. Khi cô bắt đầu khóc thì những thích thú vụng trộm ấy, từng bị nước cam hòa với bột đại hoàng đánh bại trong những năm trước đây lại trỗi dậy trong nỗi khao khát không thể kiềm chế được. Cô lại ăn đất như trước đây. Lúc đầu cô ăn hầu như chỉ vì tính tò mò bởi tin rằng mùi khó chịu của đất sẽ là phương thuốc hữu hiệu để cưỡng lại ý muốn của mình. Và quả nhiên là cô không thể chịu được đất ở trong mồm. Nhưng do cơn thèm khát đang ngày một lớn thêm khuất phục, cô đã cố gắng chịu đựng. Đó là cơn thèm khát trước đây, là sở thích ăn quặng mỏ, là niềm vui háo hức được ăn món ăn nguyên thủy. Cô nhét các mẫu đất vào túi rồi lén ăn từng mẫu một mà không bị ai nhìn thấy. Cô ăn chúng mà tự cảm thấy vừa sung sướng mãn nguyện vừa giận hờn ai oán trong lúc dạy các bạn gái học những mũi thêu học hiêm nhất và nói chuyện về những người đàn ông không xứng đáng với sự hy sinh mà vì họ cô phải ăn vôi tường. Những mẫu đất này ngày một ít xa xưa hơn và ngày một rõ nét hơn đối với người đàn ông duy nhất xứng đáng với sự tự hủy hoại ấy, cứ như thể mặt đất mà anh ta với đôi ủng véc-ni thanh nhã của mình giẫm lên ở một nơi khác nơi trần gian này sẽ truyền cho cô gái sức nặng và độ ấm nóng của máu anh ta trong mùi vị của quặng mỏ từng để lại một cảm giác chua chát ở miệng cô và một lớp cặn của sự bình yên đọng lại mãi mãi ở trái tim cô.

Một chiều nọ, không một duyên cớ gì, bỗng nhiên Amparo Moscote xin được đến thăm nhà. Amaranta và Rebeca bối rối trước chuyến đến chơi nhà không hẹn trước, đã phải miễn cưỡng đón tiếp. Họ dẫn cô đi xem ngôi nhà mới làm lại, cho cô nghe những băng nhạc phát ra từ cây đàn dương cầm tự động, mời cô ăn cam với bánh bích quy. Amparo tự thể hiện là cô gái danh giá vui vẻ và nền nếp khiến cho Úrsula cảm động trong những giây lát bà cùng ngồi tiếp khách. Sau hai giờ, khi buổi nói chuyện đã bắt đầu tàn, Amparo lợi dụng lúc Amaranta lơ đãng đã đưa cho Rebeca một bức thư. Cô gái chỉ kịp nhìn dòng chữ: gửi cô Rebeca Buendía trác việt được viết với một lối chữ ngay ngắn, một thứ mực xanh và lối để cách chữ vừa thoáng vừa đẹp mắt mà chúng vẫn được dùng để viết những lời chỉ dẫn cách thức sử dụng cây đàn dương cầm tự động, rồi bèn lấy ngón tay cẩn thận gấp và viết bức thư rồi cất vào trong yếm ngực. Cô đưa mắt nhìn Amparo Moscote hàm ý vừa cảm ơn khôn xiết, vừa thầm hứa thực hiện điều ước nguyện cho tới khi

chết. Tình bạn bỗng nhiên có giữa Amparo và Rebeca đã thức dậy những hy vọng của Aureliano. Nỗi nhớ nhung cô bé Remedios không ngừng giày vò nhưng anh không có dịp gặp lại cô bé. Khi cùng với những người bạn cố tri của mình như Magnífico Visbal và Gerineldo Márquez - những đứa con của những bậc sáng nghiệp cùng tên như vậy - đi dạo chơi quanh làng, bằng đôi mắt háo hức anh dò tìm cô bé ở trong hiệu may nhưng anh chỉ thấy các bà chị cô. Việc Amparo Moscote có mặt ở nhà mình giống như một điềm báo. “Em sẽ đến cùng với chị”, Aureliano tự nhủ thầm. “Cô em sẽ đến”. Anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần với tất cả niềm tin. Do đó một buổi chiều nọ khi đang làm con cá vàng trong xưởng kim hoàn, anh có niềm tin chắc chắn rằng cô bé đã đáp lại tiếng gọi của trái tim mình. Quả nhiên, sau đó ít lâu, anh nghe thấy tiếng nói trong trẻo ngây thơ và vào lúc ngẩng mặt lên với trái tim giật thót anh nhìn thấy cô bé mặc bộ váy áo bằng sa mỏng màu hồng, đi ủng trắng đứng ngay trước cửa. - Remedios ơi, em đừng vào đây nhé! - Amparo Moscote đứng ở hành lang gọi. - Người ta đang làm việc mà! Nhưng Aureliano đã không để cho cô bé kịp nghe lời chị mình: Anh chìa con cá vàng miệng ngậm một cái vòng nhỏ rồi nói với cô bé: - Vào đây! Vào đây! Cô bé bước lại gần và hỏi anh một vài câu hỏi mà Aureliano không thể trả lời nổi, bởi vì cơn hen bất thành linh đến đã ngăn cản anh. Anh muốn mãi mãi ở bên cô bé, gần kề với nước da trắng ngà, gần kề với đôi mắt xanh màu ngọc bích, gần kề với tiếng nói mà mỗi câu hỏi cô bé cứ gọi anh là “ngài” với tất cả lòng kính trọng cô vẫn dành cho cha. Melquíades ngồi ở xó phòng bên cạnh bàn viết, đang ghi lại những ký hiệu không thể nào đọc được. Aureliano cảm tức cụt. Anh không làm gì được ngoại trừ việc anh bảo Remedios là sẽ tặng cô một con cá vàng và cô bé hoảng hốt trước tặng vật đã vội vàng ù té chạy ra khỏi xưởng kim hoàn. Chiều ấy, Aureliano mắt bình tĩnh, cái bình tĩnh thâm trầm anh vẫn thường có để chờ đón dịp được nhìn cô bé. Anh sao lãng công việc. Trong những cố gắng tuyệt vọng để tập trung tư tưởng, đã nhiều lần anh gọi tên cô bé nhưng Remedios đã không đáp lời. Anh tìm cô bé ở hiệu may của các chị cô, trong các buổi đến chơi nhà cô, trong văn phòng cha cô, nhưng anh chỉ thấy cô trong hình ảnh thâm đậm nổi cô đơn khủng khiếp của chính mình. Hàng giờ và hàng giờ cùng với Rebeca anh ngồi trong phòng khách để nghe nhạc valse phát ra từ cây đàn dương cầm tự động. Rebeca nghe những bản nhạc valse là vì Pietro Crespi đã dạy cô nhảy với thứ nhạc đó. Còn Aureliano nghe những bản nhạc valse là vì, chỉ đơn giản thôi, chính thứ âm nhạc ấy gọi anh nhớ Remedios. Ngôi nhà đầy ứ tình yêu, Aureliano biểu hiện tình yêu của mình trong thơ, những vần thơ không đầu không cuối. Anh viết chúng trên những tấm da thuộc do cụ Melquíades tặng, trên tường nhà tắm, trên làn da hai cánh tay mình, và trong những vần thơ đó biểu hiện một Remedios méo mó: Remedios trong cơn gió vật vờ lúc hai giờ chiều, Remedios trong hơi thở trầm mặc của những bông

hồng, Remedios trong hơi bánh nghi ngút khói mới ra lò lúc ban mai, Remedios ở khắp mọi nơi và Remedios mãi mãi và mãi mãi. Đứng thêu bên cửa sổ, Rebeca ngóng mong tình yêu đến vào lúc bốn giờ chiều. Cô biết rằng con lừa của người đưa thư chỉ đến làng này nửa tháng một lần, nhưng lúc nào cô cũng mong ngóng mà lòng nhủ rằng do nhầm lẫn nó có thể đến bất cứ ngày nào. Nhưng đã xảy ra một việc trái lại hoàn toàn: có một lần con lừa không đến đúng cái ngày quy định. Thế là cô gái phát điên vì thất vọng. Đang lúc nửa đêm, cô thức dậy ăn những vốc đất bốc ở ngoài vườn hoa. Trong nỗi khao khát muốn tự tử, cô khóc lóc thảm thiết vừa đau khổ vừa giận hờn, mà nhai những con giun mềm mại, mà nghiền sụn những chú ốc sên. Cô nôn mửa cho tới sáng. Cô là đi vì kiệt sức. Cô mất trí khôn và trái tim cô bồi hồi đập không còn biết xấu hổ. Úrsula hoảng hốt mở khóa rương và bắt gặp ở dưới đáy mười sáu lá thư thơm lừng được buộc cẩn thận bằng những dải nơ hồng, cùng với những bộ xương lá và đài hoa ướp khô giấu trong các cuốn sách cổ và xác khô những con bướm, mà nếu khế chạm phải chúng sẽ biến ngay thành bụi. Aureliano là người duy nhất hiểu được nỗi thống khổ vô bờ. Buổi chiều ấy, trong lúc Úrsula cố gắng điều trị cho Rebeca khỏi cơn mê mẩn thì anh cùng với Magnífico Visbal và Gerineldo Márquez đến tiệm ăn của bác Catarino. Tiệm ăn đã được mở rộng với một dãy phòng gỗ, phòng của những người đàn bà son phấn sống độc thân. Một ban nhạc gồm trống và đàn phong cầm chơi các bài hát của cụ Francisco - Con Người đã biến mất khỏi làng Macondo từ mấy năm nay. Ba người bạn uống rượu goa-ra-pô. Magnífico và Márquez là những người cùng thời với Aureliano, nhưng lại thạo đời hơn anh về ngón ăn chơi. Cả hai đều xả láng uống rượu với các cô gái ngồi trên đùi mình. Một trong số những cô ấy, cái cô héo hon và cằm răng vàng ấy đã chủ động chài Aureliano. Nhưng anh không thích cô này. Anh nhận thấy rằng mình càng uống rượu càng nhớ Remedios da diết, nhưng nỗi nhớ nhưng dần vật lại dễ chịu hơn. Anh không biết từ lúc nào người mình lâng lâng bay bổng. Anh nhìn thấy các bạn mình cùng những người đàn bà trôi nổi bồng bềnh đang bơi trong ánh sáng phản chiếu rục rỡ, mà nói những lời dường như không phát ra từ miệng họ, mà làm những cử động thần bí dường như không ăn nhập với cử chỉ. Bác Catarino đặt tay lên ngang lưng anh, bảo: “Sắp mười một giờ rồi”. Aureliano quay mặt lại, nhìn thấy một gương mặt to bự, méo mó trên tai gài một bông hoa nỉ, và thế là anh mất luôn trí nhớ như trước đây anh từng mắc bệnh đãng trí, rồi sau đó anh lại nhớ được rằng: vào một buổi sáng sớm xa vời và ở trong một căn buồng hoàn toàn khác lạ đối với anh là nơi đang có mặt Pilar Ternera mặc đồ lót, chân không đi tất, đầu tóc bù xù, cầm cây đèn dầu soi tỏ mặt anh và thị sừng sốt nửa tin nửa ngờ: - Ôi trời, Aureliano đây à! Aureliano đứng vững trên hai chân, ngẩng đầu lên. Anh quên mất không biết làm thế nào mà mình đi đến đây nhưng vẫn nhận rõ mình đến với mục đích

gì rồi, bởi vì từ thuở còn thơ anh đã mang theo mình cái mục đích ấy và giấu kỹ nó trong cõi sâu kín nhất của trái tim mình. - Tôi đến để ngủ với chị đây! Anh mặc bộ quần áo vấy bẩn bùn đất và thức ăn nôn ra. Pilar Ternera, mà lúc ấy sống một mình với hai đứa con nhỏ nhất của thị, không hỏi anh một lời. Thị đưa anh tới giường nằm. Lấy giẻ lau ướt, thị chùi mặt cho anh, cởi quần áo cho anh, rồi sau đó thị tự mình lỏa lồ, buông màn để đám trẻ nhỏ nhỡ ra thức dậy khỏi nhìn thấy. Thị mệt mỏi đợi một người đàn ông ở lại, rồi trông chờ những người đàn ông đã bỏ đi, rồi mong tất cả đều nhằm lẫn do sự không chính xác của những quân bài. Trong lúc chờ đợi, da thị nhăn nheo, ngực thị mềm nhẽo, và trái tim thị không còn bốc lửa tình nồng say như xưa nữa. Thị mò tìm Aureliano trong bóng tối rồi hôn lên cổ anh với tình cảm âu yếm của người mẹ: “Ôi chú nhóc đáng thương của ta”. Aureliano bủn rủn rùng mình với ngón chơi thông thả, không gây tiếng động, anh để lại phía sau mình những bên bờ của nỗi đau và anh gặp Remedios đã biến thành một hồ nước rộng mênh mông không thấy đường chân trời, sức nức mũi con vật non và mùi quần áo vừa mới là. Khi thấy mình băng khuâng trôi nổi trên hồ nước ấy anh khóc lóc. Lúc đầu là những tiết nắc âm ức, tức tưởi. Rồi sau anh lúng túng bơi trong một nguồn nước không bờ mà cảm thấy cái gì đó vừa đau nhói nhói vừa tức anh ách vỡ tung trong bụng mình. Bằng cách lấy ngón tay quất đầu anh, thị đợi chờ cho tới khi cơ thể anh thải ra một chất xám xám khiến cho anh mệt lử. Lúc đó Pilar Ternera hỏi anh: “Ai thế vậy?”. Aureliano nói cho thị biết tên người ấy. Thị bật một tiếng cười, cái tiếng cười từng làm giật thót những chú chim bồ câu mà lúc này vẫn không hề làm đám trẻ thức giấc. “Thế thì anh phải nuôi con bé mất”. Thị giấu cợt anh. Nhưng trong sự giấu cợt ấy, Aureliano bắt gặp nơi yên tĩnh của dòng thông cảm. Khi ra khỏi phòng, anh đã lưu lại ở đó không chỉ sự không rõ ràng về sức cường tráng của mình mà còn cả sức nặng cay đắng từng bóp nghẹt trái tim mình nhiều tháng ròng rã. Pilar Ternera bỗng hứa với anh: - Ta hứa là sẽ đến nói chuyện với con bé, - thị nói, - và anh sẽ thấy là ta đưa nó đến cho anh chẳng khó khăn gì. Thị đã thực hiện lời hứa trong một thời điểm bất lợi vì ngôi nhà của Buendía đã mất đi không khí êm đềm của những ngày trước đây. Khi phát hiện ra nỗi đam mê của Rebeca, vốn không thể giữ kín được vì cô bé cử gào thét hoài, Amaranta cũng phát sốt. Cô gái cũng cảm thấy cái gai nhức nhối của tình yêu cô đơn. Tự giam mình trong nhà tắm, cô gái làm dịu nhẹ đi cơn giông tố của một nỗi đam mê không hy vọng để viết những lá thư nóng bỏng mà cô tự bằng lòng giấu kín dưới đáy rương. Úrsula hầu như không đủ sức để chăm sóc hai cô con gái ốm. Trong những lúc vắng an dài dòng và tẻ nhạt, bà vẫn không hiểu được nguyên nhân nào đã dẫn Amaranta đến tình trạng suy nhược. Cuối cùng, trong một thoáng bừng sáng trí thông minh, bà phá khóa rương và bắt gặp những bức thư được sợi nơ hồng buộc chặt, căng phồng những bông huệ tươi, vẫn còn nhòe nước mắt, để gửi

nhưng sẽ không bao giờ gửi cho Pietro Crespi. Uất ức mà khóc, bà nguyên rửa cái giờ mình nảy ra ý định mua cây đàn dương cầm tự động, cấm ngặt các buổi học thêu và tuyên bố để tang, một thứ tang không có người chết trong một thời kỳ dài cho đến khi các con gái bà vỡ mộng.

José Arcadio Buendía, mà lúc này đã dính chính được cảm nhận đầu tiên của ông về Pietro Crespi và thần phục nghệ thuật khéo léo sử dụng các máy âm nhạc của anh, đã can thiệp vào câu chuyện, nhưng mọi cố gắng của ông đều trở nên vô ích. Vậy là khi Pilar Ternera báo cho Aureliano biết rằng Remedios đã sẵn sàng lấy chồng thì anh hiểu rằng cái tin này sẽ kết thúc mọi day dứt cho cha mẹ mình. Nhưng chính tin ấy lại đặt anh đối mặt với hoàn cảnh thực tế. Được mời lên phòng khám tham dự một buổi tọa đàm thường lệ José Arcadio Buendía và Úrsula bình tĩnh nghe những lời bày tỏ của con trai. Khi biết tên người yêu của con trai, José Arcadio Buendía đỏ bừng mặt vì hổ thẹn. “Ái tình là một thứ dịch hạch”, ông nổi cáu giáng đòn sấm sét. “Có biết bao cô gái xinh đẹp và danh giá cho mày, thế mà mày lại đi lấy con gái kẻ thù của tao”. Song Úrsula lại tán thành sự lựa chọn của con trai. Bà bày tỏ cảm tình yêu quý của mình đối với bảy chị em nhà Moscote, tất cả đều xinh đẹp và chịu thương chịu khó, đều nết nết và được giáo dục tốt. Và bà chúc mừng sự sáng suốt của con trai mình trong việc lựa chọn người bạn trăm năm. Bị nhiệt tình của vợ thuyết phục, José Arcadio Buendía đặt một điều kiện: Rebeca, vốn là người thích hợp, sẽ lấy Pietro Crespi.

Trong một chuyến du lịch khi có thời gian, Úrsula sẽ mang Amaranta ra tỉnh để cho việc giao du với một công chúng khác hẳn sẽ làm cho cô khuây khỏa dần dần, rồi cô sẽ tỉnh mộng. Rebeca bình phục rất nhanh chóng khi được biết ý kiến thống nhất của gia đình và lập tức viết một bức thư vui báo tin cho người yêu biết quyết định chính thức của bố mẹ mình, rồi cô bỏ vào thùng thư mà không cần tới người trung gian nữa. Amaranta giả vờ tuân theo quyết định của cha mẹ và dần dần cũng khỏi sốt nhưng lòng vẫn nhủ rằng Rebeca muốn lấy được Pietro Crespi thì phải bước qua xác chết của mình. Ngày thứ bảy sau đó, José Arcadio Buendía mặc bộ dạ sẫm màu, áo sơ mi cổ cùn, đi đôi ủng da sơn dương từng được trưng diện trong đêm ăn mừng nhà mới đến hỏi Remedios Moscote cho con trai mình. Quan thanh tra và phu nhân ngài vừa mừng vừa lo đón tiếp ông, bởi vì họ chưa biết ngụ ý của chuyến đến thăm đường đột này, rồi sau đó họ lại nghĩ rằng ông nhầm lẫn tên người con gái được lựa chọn. Để tránh hiểu lầm, bà mẹ đánh thức Remedios và bế cô trên tay ra phòng khách. Cô bé vẫn còn đang ngái ngủ. Người ta hỏi cô bé rằng nếu quả thật là cô đã muốn lấy chồng và cô bé vừa khóc vừa trả lời rằng cô chỉ muốn được mọi người để yên cho mình ngủ. José Arcadio Buendía do đã hiểu được sự lúng túng của vợ chồng Moscote bèn về nhà nói rõ mọi chuyện cho Aureliano nghe. Khi ông trở lại nhà Quan

thanh tra, vợ chồng Moscote đã ăn mặc theo đúng lễ tân, sắp xếp lại bàn ghế và thay hoa mới vào bình. Một mỗi bởi phải làm chuyện miễn cưỡng và bởi cái cổ còn cài cúc chặt cứ riết lấy cổ đến khó chịu, José Arcadio Buendía đã khẳng định rằng quả thật Remedios là người được Aureliano chọn làm vợ. “Chẳng ra làm sao cả”, Don Apolinar Moscote buồn rầu nói. “Chúng tôi còn có sáu cô con gái nữa, tất cả đều chưa có nơi có chốn và đang ở tuổi lấy chồng, và đều lấy làm vui thích nếu được làm vợ chính chuyên của các chàng trẻ tuổi đứng đắn và chăm làm như cậu ấy bên nhà, nhưng tiếc thay Aureliano lại duy nhất ưng con bé hãy còn đái dầm”. Phu nhân ngài, một người phụ nữ vẫn giữ được vẻ son sẻ duyên dáng, có đôi mắt và điệu bộ hơi ử rữ đã phản đối những lời nói hồ đồ của ngài. Khi mọi người uống xong nước hoa quả, vợ chồng Moscote đã vui vẻ nhận lời cầu hôn của Aureliano. Chỉ có điều bà Moscote yêu cầu được nói chuyện riêng với bà Úrsula. Phần vì tò mò, phần vì tự than phiền rằng mình đã bị người ta làm rắc rối trong các vấn đề đàn ông, nhưng thực ra bà rất lo sợ và cảm động, Úrsula đã đến thăm phu nhân Moscote vào ngày hôm sau. Nửa giờ sau, bà trở về báo tin rằng Remedios chưa đến tuổi thành niên. Aureliano không coi đó là một trở ngại lớn. Anh đã đợi lâu rồi nên có thể đợi bao lâu nữa cũng được, cho tới khi cô gái đến tuổi dậy thì. Ngôi nhà lấy lại không khí yên vui đậm ấm và nó chỉ bị đảo lộn khi Melquíades qua đời. Mặc dù cái chết của cụ đã là một sự kiện hiển nhiên, song thời điểm xảy ra thì không ai đoán trước được.

Sau khi trở lại được mấy tháng, trong cơ thể cụ diễn ra quá trình già lão rất nhanh và rất mạnh, đến mức lập tức cụ bị coi như những cụ cổ già lụ khụ, đi lại vất vưởng như những chiếc bóng ở trong phòng, nặng nề kéo lê đôi chân, mồm lảm nhảm nói to những ký ức thuở oanh liệt của đời mình và trên thực tế các cụ già là những người không được mọi người quan tâm chăm sóc và nhớ đến cho tới một ngày kia, sáng ra các cụ đã chết còng queo trên giường nằm. Lúc đầu José Arcadio Buendía giúp đỡ cụ, thích thú cái tân kỳ của nghề ảnh, và những lời tiên tri của Nostradamus. Nhưng rồi dần dần ông bỏ mặc cụ trong thế giới cô đơn của riêng cụ, bởi vì sự giao tiếp giữa hai người ngày một khó khăn hơn. Cụ cứ ngày một loà và điếc hơn, dường như cụ nhầm lẫn những người hỏi chuyện mình với những người cụ quen trong các thời xa xưa của loài người và cụ trả lời những câu hỏi của họ bằng những câu nói rườm rà lẫn lộn các thứ tiếng với nhau. Như thể được linh cảm trực tiếp hướng dẫn, cụ sờ soạng không khí mà đi. Dù rằng phải len lỏi giữa các đồ vật vẫn không hề làm chúng rơi đổ. Một ngày nọ cụ quên lấp hàm răng giả, vẫn được ngâm trong ca nước để ở ngăn cạnh đầu giường. và cụ không dùng đến nó nữa. Khi Úrsula quyết định mở rộng ngôi nhà ở, bà đã làm cho cụ một căn buồng riêng ngay bên cạnh xưởng kim hoàn của Aureliano. Căn buồng này cách xa những tiếng ồn ào và công việc bếp núc, có một cửa sổ

ánh sáng chan hòa rọi vào phòng và một giá sách gồm các cuốn sách hầu như đã rách nát bởi bụi bặm và gián nhấm, những mẩu giấy vụn chi chít ghi những con chữ không thể đọc được và cả nước đọng hàm răng giả đã có những cây bèo trôi hoa vàng nhỏ li ti, tất cả đều do Úrsula tự tay sắp đặt. Căn phòng mới dường như khiến cụ Melquíades hài lòng vì không bao giờ thấy cụ ra khỏi phòng mình, ngay cả những lúc ăn cơm cũng không thấy cụ có mặt trong phòng ăn. Cụ chỉ đi sang xưởng kim hoàn của Aureliano và cụ vẫn ở lại đây hàng giờ, và hàng giờ đề viết thứ văn chương khó hiểu trên những tấm da thuộc. Hình như những tấm da này cứ rạn nứt ra bởi chúng được làm từ chất liệu khô khốc như bột làm bánh phồng. Tại đó, cụ xơi cơm do Visitación mang đến một ngày hai lần, mặc dù trông những ngày cuối đời cụ không thích ăn và chỉ ăn rau thôi. Ít lâu sau, cụ mang về cô đơn buồn tủi của những người ăn chay. Một lớp rêu non giống hết lớp rêu rậm rì phong trên chiếc áo khoác ngoài từ thời không bao giờ chịu cởi ra, đã phủ lên lớp da cụ, và hơi thở của cụ nồng nặc mùi rấm của con vật đang ngủ. Aureliano cũng quên cụ, vì anh mê mải viết những vần thơ của mình. Nhưng cũng có những lúc anh tưởng mình hiểu được đôi điều cụ nói trong lúc cụ đọc thoai băng quơ và anh đã chú tâm nghe. Thực ra, điều duy nhất anh có thể phân biệt được trong ngôn từ khó hiểu của cụ là sự lặp đi lặp lại không cùng của từ Equinoccio^[17] và tên Alexander von Humboldt^[18]. Arcadio gần gũi cụ hơn khi cậu bé giúp việc cho Aureliano ở trong xưởng kim hoàn. Melquíades đã đáp ứng lại sự cố gắng giao tiếp ấy bằng cách đôi lúc xô ra hàng tràng tiếng Tây Ban Nha rất ít liên quan đến thực tế cuộc sống. Tuy nhiên, cũng có một buổi chiều nọ, cụ bỗng bừng vui lên một lúc. Những năm sau này, đứng trước những họng súng của đội hành hình, Arcadio nhớ lại nỗi kinh hoàng của mình khi nghe cụ Melquíades đọc vài trang bản thảo. Dĩ nhiên cậu không hiểu ý nghĩa của chúng, nhưng khi nghe cụ đọc to thành lời cậu có cảm tưởng chúng giống như lời ngậm chỉ dụ của Giáo hoàng. Sau đó lần đầu tiên trong nhiều năm, cụ mỉm cười và nói bằng tiếng Tây Ban Nha: “Khi ta chết, hãy thiêu ta trên ngọn lửa thủy ngân ba ngày ở ngay trong phòng này”. Arcadio kể lại cho José Arcadio Buendía nghe điều ấy, và thế là ông cố gắng tìm mọi cách để có thể được Melquíades giảng giải rõ ràng hơn, nhưng ông chỉ nhận được một câu trả lời gọn lỏn: “Ta đã đạt tới trình độ bất diệt”. Khi hơi thở của Melquíades đã nặng mùi, Arcadio đưa cụ ra sông tắm vào buổi sáng ngày thứ năm hàng tuần. Dường như cụ khỏe lại. Cụ cởi quần áo và cụ lội xuống sông tắm cùng với lũ trẻ, và linh giác thần bí có khả năng dắt dẫn cụ đã giúp cụ tránh được những quãng sông nguy hiểm nhiều đá tảng. “Chúng mình thấy đều sinh ra từ nước”, có lần cụ nói vậy. Cụ sống như thế khá lâu mặc dù không ai nhìn thấy cụ ở trong nhà trừ cái độ cụ cố gắng hết sức để sửa lại cây đàn dương cầm tự động. Khi cùng Arcadio đi ra sông tắm, cụ mang theo gáo múc nước làm bằng vỏ quả bí, và một cục xà phòng gói

trong khăn tắm kẹp dưới nách. Có một ngày thứ năm, trước khi người ta gọi cụ đi ra sông, Aureliano nghe thấy cụ nói: “Ta đã chết vì sốt rét ở những cồn cát xứ Singapore”. Ngày hôm ấy, cụ lội xuống sông theo một lối đi nguy hiểm và người ta không tìm thấy cụ cho đến sáng hôm sau là lúc thi hài cụ giạt vào một cù lao rục rờ ánh nắng nằm ở phía hạ lưu khoảng vài kilômét, có một con diều hâu lẻ đàn đậu ngay trên bụng cụ. Cường lại những lời phản đối om xòm của Úrsula, người khóc cụ còn thảm thiết hơn cả khóc chính cha mình, José Arcadio Buendía chống lại việc dân làng định mai táng cụ ngay. “Cụ là đấng bất diệt, - ông nói - và chính cụ đã làm sáng tỏ cái cách thức hồi sinh”. Ông làm sống lại ông dẫn nước bị lãng quên, và đun sôi một chảo thủy ngân ở bên cạnh tử thi ngày một dày đặc những mụn phỏng xanh lè nước. Don Apolinar Moscote bạo dạn nhắc ông rằng người chết trôi không chôn ngay sẽ nguy hại cho sức khỏe chung của dân làng. “Không phải thế, vì cụ vẫn sống mà”. Đó là câu trả lời của José Arcadio Buendía, người đã thực hiện đầy đủ sáu mươi hai giờ đốt lửa thủy ngân bên tử thi và khi những mụn phỏng xanh lè nước của cái tử thi ấy bắt đầu bung ra như ngô nở với tiếng nổ lép lép đã làm cho căn nhà nồng nặc mùi khó chịu. Chỉ đến lúc ấy ông mới cho phép người ta chôn cụ, nhưng không phải dưới bất kỳ hình thức nào, mà phải với những lễ nghi trọng thể đối với vị ân nhân vĩ đại nhất của làng Macondo. Đó là đám tang đầu tiên và xúc động hơn cả mà người ta thấy trong làng này, và nó chỉ bị đám tang của Bà Mẹ vĩ đại sau gần một thế kỷ lẩn át thôi. Người ta chôn cất cụ trong một nấm mồ nổi lên ở chính giữa bãi đất mà làng đã dành làm nghĩa địa, với một bia mộ khác nổi điều duy nhất người ta đã được biết về cụ: MELQUÍADES. Người ta cử hành chín đêm tang lễ cho cụ. Trong đám đông tụ tập ở ngoài sân để uống cà phê, tán gẫu và đánh bài, Amaranta đã tìm được dịp để tự thổ lộ tình yêu với Pietro Crespi, người cách đây mấy tuần đã chính thức xin cầu hôn với Rebeca và đã dựng cửa hàng nhạc cụ và đồ chơi bằng dây da ở ngay địa điểm trước đây những người Á-rập đến ở để đổi các thứ hàng vật vĩnh lầy những chú vẹt đuôi dài, và dân làng vẫn quen gọi nó là đường Thổ Nhĩ Kỳ. Anh chàng người Ý, với mái tóc xoăn vàng óng trên đầu từng khiến cho các bà phụ nữ phải thờ dài thêm muốn, không cần phải nghĩ ngợi nhiều đã đối xử với Amaranta như với một cô bé nghịch ngợm. - Tôi còn có một người em trai nữa, - anh bảo cô gái, - cậu ấy sẽ đến để giúp tôi trông nom cửa hàng mà. Amaranta cảm thấy tủi thân, và cô nổi cơn giận dữ nói với Pietro Crespi rằng cô đã quyết chí ngăn cản đám cưới của chị mình, cho dù người ta phải lôi xác chết của mình ra khỏi nhà. Anh chàng người Ý cảm động trước sự đe dọa bị thương đó đến mức không dám nói lại với Rebeca. Chuyến du chơi của Amaranta, lúc nào cũng bị Úrsula thúc giục, đã được chuẩn bị trong vòng một tuần. Amaranta không cưỡng lại, nhưng khi hôn tạm biệt Rebeca, cô đã rỉ tai chị mình: - Đừng vội mừng nhé. Dù cho người ta mang em đến

tận gằm trời cuối đất em sẽ tìm được cách để ngăn cản chị lấy chồng, như vậy thì em phải giết chị thôi. Ngôi nhà dường như to ra và trống trải hơn khi không có Ursula ở nhà và khi cụ Melquíades đã qua đời nhưng hình như hình bóng cụ vẫn thấp thoáng đi lại trong các phòng. Rebeca trông nom công việc nội trợ, còn cô gái Anh-điêng trông nom cửa hiệu kẹo bánh. Vào lúc chập tối, khi Pietro Crespi, mặc quần áo dịu thơm mùi oải hương đến, luôn luôn mang theo một thứ đồ chơi làm tặng vật, thì cô người yêu tiếp anh ngay trong phòng khách mở toang các cửa để tránh mọi ngờ vực. Đó là một sự cẩn thận không cần thiết bởi vì chàng thanh niên người Ý đã từng thể hiện mình là con người cao thượng đến mức không dám cầm tay người con gái sẽ là vợ mình trước khi cưới một năm. Những buổi đến chơi đó khiến cho ngôi nhà ngày một chật ních các đồ chơi. Những vũ nữ khiêu vũ nhờ lên dây cót, những hộp nhạc, những con khỉ làm xiếc trên dây, những con chiến mã đang tung vó phi, những thằng hề đánh trống, đó là cả một bộ sưu tập đồ chơi bán cơ khí phong phú và kỳ diệu và nó đã an ủi được José Arcadio Buendía đang âu sầu đau đớn trước cái chết của Melquíades và chúng lại đưa ông trở về với thời kỳ ông háo hức trước thuật giả kim. Vậy là ông sống trong một thế giới những con vật bị mổ bụng, những cỗ máy bị bỏ ra để nghiên cứu nhằm hoàn thiện hệ thống chuyển động liên tục dựa trên những nguyên tắc của quả lắc đồng hồ. Về phần mình, Aureliano đã bỏ mặc công việc trong xưởng kim hoàn để dạy cô bé Remedios học đọc và học viết. Lúc đầu cô bé vòi ông khách vẫn thường đến chơi vào các buổi chiều mang cho mình những cán búp bê, và cô bé sẽ là đứa trẻ đáng trách nếu người ta đẹp ngồi trong phòng cùng tiếp khách. Nhưng với đức tính kiên trì và tận tình, Aureliano đã cảm dỗ được cô bé đến mức nó ngồi với anh hàng giờ đồng hồ để lĩnh hội các bài học và dùng bút chì màu vẽ trên một tấm bảng con bức tranh những ngôi nhà nhỏ với đàn bò cái đang gặm cỏ ngoài vườn và ông mặt trời tròn gác trên đỉnh núi tỏa chiếu những tia nắng vàng. Chỉ riêng mình Rebeca đau khổ trước lời đe dọa của Amaranta. Cô hiểu rất rõ tính cách, thói ương bướng và lòng căm thù sâu sắc của cô em. Những thứ ấy đang làm cô lo sợ. Hàng giờ ngồi trong buồng tắm, cô mút ngón tay tự kiềm chế cơn thèm để khỏi ăn đất. Cô gọi Pilar Ternera đến nhà xem bói cho mình để dẹp bớt nỗi lo lắng trong lòng. Sau khi chương bài rồi sắp xếp các quân bài đầy hào hứng, Pilar Ternera xuất thần bói: - Em chưa được sung sướng khi mà cha mẹ em chưa được chôn cất tử tế! Rebeca rùng mình. Như một giấc mơ cô nhớ lại thấy mình còn bé bỏng lắm, bước vào nhà mang theo một cái rương nhỏ, một chiếc ghế xích đu gỗ và một bao tải chưa bao giờ biết trong đó đựng cái gì. Cô nhớ một công tử hói đầu, mặc vải lanh và trên cổ áo sơ mi đơm một chiếc cúc vàng, người ấy chẳng có liên quan gì với người đàn ông trong lá bài. Cô nhớ một thiếu phụ lộng lẫy rất trẻ, có đôi bàn tay mềm mại và thơm phức mùi nước hoa không hề giống với những bàn tay mốc chướng phong thấp của

người đàn bà trong lá bài, thiếu phụ ấy đã cài hoa lên tóc cô và dẫn cô đi dạo chơi quanh làng có những con đường xanh trong buổi chiều vàng. - Em không hiểu, - cô nói. Pilar Ternera bối rối: - Chị cũng thế, nhưng những quân bài đã nói vậy đấy. Rebeca hoảng hốt, ngày đêm không lúc nào yên khi nghĩ tới lời tiên đoán ấy, đã phải nói lại cho José Arcadio Buendía nghe và ông này lập tức mắng át đi, không chịu chứng thực lời đoán của cái lá bài. Nhưng trên thực tế, ông lại thăm lặn lục tìm cái túi tải đựng xương người ở khắp nhà: hết lục tủ rương hòm lại xoay chuyển bàn ghế, lật giường mà vẫn chẳng thấy. Ông nhớ ra từ ngày xây lại nhà mình không nhìn thấy nó nữa. Ông bí mật gọi những người thợ nề đến nhà và một người trong số họ khẳng định rằng anh ta đã đặt túi tải xương người ấy vào một cái hộc tường rồi trát vữa lại vì nó cứ quấy rầy, làm anh rối trí không làm được việc, nhưng lúc này anh không nhớ rõ bức tường ấy thuộc phòng nào. Sau vài ngày dò tìm, với lỗ tai áp sát vào tường, họ đã tìm thấy tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc thâm thì chìm trong tường. Họ đục bức tường và thấy những xương người trong túi tải còn mới nguyên. Ngay ngày hôm đó, người ta mai táng hai bộ xương người trong một nấm mồ không bia mộ ở ngay cạnh mộ cụ Melquíades.

José Arcadio Buendía trở về nhà lòng thanh thản như vừa trút bỏ gánh nặng y hệt như ký ức về Prudencio Aguilar trước đây từng đè nặng lên lương tri ông. Khi đi qua nhà bếp, ông hôn lên trán Rebeca rồi bảo: - Hãy rũ sạch những ý nghĩ tội nghiệp ấy đi, con ạ! - Ông nói - Từ đây trở đi con sẽ được hạnh phúc. Tình bạn của Rebeca đã mở cửa cho Pilar Ternera đến nhà. Thị đã bị Úrsula cấm cửa kể từ ngày đẻ Arcadio. Như sự chạy nhảy ồn ào của bầy dê cái thị đến nhà vào bất cứ giờ nào và thị hăng hái làm mọi việc nặng nhọc. Đôi lúc thị có mặt trong xưởng kim hoàn và bằng cử chỉ hoạt bát giúp đỡ Arcadio thoa mịn giấy ảnh trong tình cảm âu yếm. Cuối cùng thị đã làm cho cậu lúng túng. Người đàn bà ấy đã làm cậu hoang mang. Nước da rám nắng, mùi khét, tiếng cười khúc khích trong phòng tối của thị khiến cậu thờ rợn rã hồi hải, khiến cậu lúng túng hoài, cứ va vấp phải các đồ vật ở xung quanh. Cũng có những lúc Aureliano có mặt trong phòng, mãi mê làm việc và Pilar Ternera dựa người vào bàn mà thán phục anh làm việc cần mẫn và tỉ mỉ. Bỗng nhiên thị xuất thần. Aureliano nhận rõ rằng Arcadio đang ở trong phòng. Trước khi ngược mắt lên và bắt gặp đôi mắt của Pilar Ternera, để lộ ý nghĩ rất sáng rõ như thể chúng lộ ra môn một ngay ở dưới ánh mặt trời lúc đang trưa, anh hỏi: - Được! Chị hãy nói cho tôi biết cái gì vậy? Pilar Ternera liếm môi rồi nở một nụ cười buồn: - Anh thích hợp với chiến tranh, - thị nói, - anh đặt mắt ở đâu thì ở đó viên đạn do anh bắn sẽ tới. Aureliano nâng tay tán thành lời tiên đoán ấy. Anh tập trung tư tưởng trở lại với công việc như thể chẳng có chuyện gì vừa xảy ra và anh nói với một giọng bình thản mà rần rỏi: - Biết rồi, - anh nói, - cuộc chiến tranh ấy sẽ mang tên tuổi của tôi

mà. Cuối cùng José Arcadio Buendía thực hiện được cái mà ông muốn làm. Ông đã nối được vũ nữ nhảy múa nhờ dây cốt vào bộ máy đồng hồ và nó khiêu vũ theo nhạc suốt ba ngày liền. Chiến tích ấy khiến ông vui sướng hơn bất kỳ một công việc hao tâm tốn sức nào của ông trước đây. Ông không ăn. Ông không ngủ. Vì thiếu Úrsula ở bên cạnh để chăm nom và săn sóc, ông tự đề cho mình bơi trong thế giới tưởng tượng do đó dẫn ông đến tình trạng hưng phấn thường xuyên. Ông sống những đêm dài trần trở mà đi đi lại lại trong phòng, mà lảm nhảm tính suy mà tìm cách áp dụng những nguyên tắc của quả lắc đồng hồ cho những chiếc xe bò, cho những lưỡi cày, nghĩa là cho tất cả những gì hữu hiệu được đặt trong chuyển động. Con sốt vì mất ngủ làm cho ông mệt mỏi quá tới mức một buổi đêm về sáng nọ ông không thể nhận ra một ông già tóc bạc phơ có cử chỉ ngờ ngàng bỗng bước vào phòng ngủ. Đó là Prudencio Aguilar. Khi nhận ra Prudencio Aguilar, ông ngạc nhiên thấy rằng người chết cũng già theo năm tháng. José Arcadio Buendía cảm thấy rùng mình vì nỗi nhớ nhung. “A, Prudencio, - ông reo lên, - xa xôi thế mà bác cũng tìm đến đây được sao”. Sau rất nhiều năm ở trong cõi chết, nỗi nhớ nhung người sống mới da diết làm sao, sự cần thiết phải có bạn mới bức bối làm sao, sự gắn kết một cái chết khác vốn đã tồn tại ngay trong lòng cõi chết mà chính Prudencio Aguilar vừa rời mong cho kẻ thù tệ nhất của mình mới đáng sợ làm sao. Prudencio Aguilar đã tốn nhiều thời gian đi tìm ông. Prudencio Aguilar hỏi thăm ông qua những linh hồn chết ở Riohacha, qua những linh hồn chết ở thung lũng Uga, qua những linh hồn chết từ vùng đầm lầy tới, nhưng không một linh hồn chết nào đã trả lời đúng điều ông muốn hỏi, bởi vì Macondo thời ấy còn là một làng chưa được các linh hồn chết biết tới. Mãi cho tới khi cụ Melquíades đến và cụ chỉ cho ông biết một chấm đen trên những tấm bản đồ nhiều màu của thần chết. José Arcadio Buendía nói chuyện với Prudencio cho đến tận sáng. Sau đó ít giờ, người phờ phạc vì mất ngủ, José Arcadio Buendía bước vào xưởng kim hoàn của Aureliano và hỏi anh: “Hôm nay là thứ mấy?”. Aureliano trả lời cha là ngày thứ ba. “Ta cũng nghĩ như vậy”, José Arcadio Buendía nói. “Nhưng ngay lập tức ta hiểu rằng hôm nay vẫn cứ là ngày thứ hai như ngày hôm qua ấy mà. Con hãy nhìn bầu trời kia, hãy nhìn các bức tượng kia, hãy nhìn những chậu thu hải đường kia. Hôm nay cũng vẫn là ngày thứ hai”. Đã quen với những lời lẩn thẩn ấy, Aureliano không nghe lời ông. Vào ngày hôm sau, tức sáng ngày thứ tư, José Arcadio Buendía lại bước vào xưởng. “Đây là một thảm họa” - ông nói, “Con hãy nhìn gió kia, hãy nghe tiếng kêu vo vo của ông mặt trời kia, y hệt như hôm qua, hôm kia”. Đêm ấy Pietro Crespi gặp ông ở ngoài hành lang bang khóc lóc với tiếng khóc khô khốc của người già, khóc cho Prudencio Aguilar, khóc cho cụ Melquíades, khóc cho cha mẹ của Rebeca, khóc cho cha mẹ ông, khóc cho tất cả những ai ông nhớ được và lúc ấy họ đang cô đơn trong cõi chết. Pietro Crespi tặng ông một con gấu cừ

động nhờ dây cốt đi hai chân trên một dây sắt, nhưng với quà tặng này anh vẫn không làm ông vui lên được. Ông hỏi anh kế hoạch mà ông đặt ra cho anh từ những hôm trước như thế nào rồi, tức là công việc nói về khả năng xây dựng một cái máy dựa trên nguyên tắc quả lắc đồng hồ có thể nâng bổng bất cứ vật gì trong không trung, có thể giúp con người bay lên. Và anh đã trả lời ông rằng: không thể được, vì là quả lắc đồng hồ có thể nâng bổng bất kỳ một vật nào lên không trung nhưng nó lại không thể tự nâng mình lên được. Ngày thứ trăm ông lại có mặt trong xưởng kim hoàn với bộ dạng đau khổ của mặt đất bị chà sát. “Bộ máy thời gian đã hỏng rồi, - ông khóc nức nở, - còn Úrsula và Amaranta lại ở rất xa”. Aureliano mắng mỏ cha như mắng một đứa trẻ và ông lại ngoan ngoãn nghe theo. Sáu giờ liên tục ông kiểm tra các đồ vật cố tìm gặp một sự khác biệt về một phương diện nào đó mà ngày hôm qua chúng đã có nhằm phát hiện trong chúng một sự thay đổi chứng tỏ rằng thời gian vẫn trôi chảy tuần tự. Cả đêm ông nằm trên giường, mắt mở thao láo, mà gọi Prudencio Aguilar, gọi Melquíades, gọi tất cả những người đã chết để họ tới cùng chia sẻ với ông nỗi chán chường. Nhưng không một ai tới. Ngày thứ sáu, ngay trước lúc mọi người thức dậy, ông lại quan sát mọi biểu hiện bên ngoài của thiên nhiên, ông quan sát mãi cho tới khi ông không nghi ngờ rằng hôm ấy vẫn cứ là ngày thứ hai. Thế là ông vớ lấy thanh gỗ chèn cửa và với sức mạnh tàn bạo vốn có của mình ông đập phá tan tành các dụng cụ phòng thí nghiệm giả kim, xưởng kim hoàn, cỗ máy ảnh. Rồi như một con ác quỷ ông gào thét bằng một thứ ngôn ngữ có âm thanh sang sảng đồng thời lại thao thao bất tuyệt mà thực tế không thể nào hiểu được. Ông sẵn sàng đập phá nốt cả ngôi nhà cũng vừa hay Aureliano đã nhờ hàng xóm đến giúp mình. Phải nhờ tới mười người đàn ông lực lưỡng mới vật đổ được ông, mười bốn người trói ông, hai mươi người lôi ông tới cây dẻ ở giữa sân là nơi người ta bỏ mặc ông bị trói, tha hồ sửa những lời quái dị, thả sức nhổ phì phì thứ đờm xanh lè. Khi Úrsula và Amaranta trở về, ông vẫn bị trói chặt tay chân vào gốc cây, người ướt, đẫm nước và hoàn toàn ngây dại. Hai mẹ con nói chuyện với ông, nhưng ông không nhận ra người ruột thịt của mình. Ông nói với họ về một cái gì đó không thể hiểu được. Úrsula cởi dây trói nơi cổ tay và cổ chân cho ông, đó là những chỗ thịt đã thành chai do dây thừng thít chặt quá và chỉ để ông bị trói ngang thắt lưng thôi. Sau đó người ta dựng tạm một túp lều lá cọ để che mưa che nắng cho ông.

CHƯƠNG 5

Một ngày chủ nhật tháng Ba, Aureliano Buendía và Remedios Moscote làm lễ thành hôn trước bàn thờ Chúa do cha Nicanor Reyna sai dựng ngay trong phòng khách nhà Buendía. Đó là cả một thời kỳ rộn rã đến cao độ kéo dài bốn tuần liền trong nhà Moscote, là vì cô bé Remedios đến nổi dậy thì trước khi từ bỏ những thói quen của tuổi thơ. Đã được mẹ chỉ bảo cho những thay đổi đột biến của tuổi dậy thì, thế mà vào một buổi chiều tháng hai cô bỗng hoảng hốt kêu oang lên chìa cho đám chị em mình đang ngồi thêu xem chiếc líp vậy bản một thứ nước nhờn nhớt màu sô-cô-la. Ngày cưới được ấn định sau đó một tháng. Hầu như người ta không có đủ thời gian để dạy cô bé tự rửa ráy, tự mặc lấy quần áo, tự hiểu lấy những công việc thiết yếu của cuộc sống gia đình. Người ta cho cô đái vào những hòn gạch nung nóng để trị bệnh đái dầm. Vất vả lắm mới thuyết phục nổi để cô hiểu tính bất khả xâm phạm của buồng kín, bởi vì Remedios vừa rất hoảng sợ đồng thời lại rất hào hứng trước những lời chỉ dẫn đến mức cô cứ muôn mọi người nói về đêm tân hôn với tất cả tình tiết của nó. Đó là một cố gắng hết sức, song trong ngày được chọn làm ngày cưới, cô bé tỏ ra thạo đời y hệt như bất cứ bà chị nào của mình. Ông Apolinar Moscote khoác tay con gái dẫn đi trên những con đường làng trang hoàng hoa lá, dậy vang tiếng pháo nổ và tiếng hạc mừng vui. Cô bé vẫy tay chào và nhoẻn miệng cười cảm ơn những ai từ cửa sổ nhà mình chúc cô may mắn và hạnh phúc.

Aureliano, mặc bộ comple da màu đen, đi đôi ủng màu cánh dán có dính cựa thúc ngựa, đôi ủng mà ít năm sau này đứng trước đội hành hình chàng vẫn mang, da nhợt nhạt xanh tái và cổ họng như nghẹn lại khi đón cô dâu ngay ở cửa và đưa nàng đến trước bàn thờ Chúa. Cô bé cư xử hết sức tự nhiên, hết sức đúng mực đến độ không để mất sự hài hòa ngay cả khi Aureliano, vào lúc đeo nhẫn cho vợ, đã để rơi chiếc nhẫn. Trong không khí ồn ào những tiếng thì thầm bàn tán và trong phút đầu tiên khi các vị khách mời còn bờ ngõ, cô dâu vẫn giương cao bàn tay mang chiếc tất để hờ ngón và vẫn chìa nguyên ngón đeo nhẫn đợi cho tới khi chú rể lấy chân đi ủng chặn đứng chiếc nhẫn khỏi lăn ra cửa và nhặt lấy nó, mặt đỏ bừng trở về trước bàn thờ. Mẹ và các chị cô khổ sở lo lắng chỉ sợ con bé thất thố, dù chỉ là một cử chỉ nhỏ thôi trong lúc tiến hành lễ cưới, và đến khi buổi lễ kết thúc, chính họ là người đã chạy đến, bất chấp quan khách đông đủ, bế cô lên tặng cho những chiếc hôn nồng nàn. Kể từ ngày đó, cô đã tỏ rõ là người có ý thức phục tùng, ý nhị, điềm tĩnh trước những tình huống mâu thuẫn trong gia đình. Chính cô là người mở đầu tiệc cưới và là người xắn lấy miếng bánh cưới ngon nhất, đặt nó vào cái đĩa có để sẵn chiếc nĩa, mang đến cho José Arcadio Buendía. Bị trói vào thân cây dẻ, ngồi khom lưng trên chiếc ghế gỗ

trong túp lều lá cọ, ông già to béo, da bệch bạc vì mưa nắng mím một nụ cười lơ đãng mang vẻ biết ơn và tay cầm lấy miếng bánh ăn, miệng ngâm nga một bài nhã ca khó hiểu. Người duy nhất không hạnh phúc trong đám cưới linh đình kéo dài tới sáng sớm ngày thứ hai là Rebeca Buendía. Ngày vui của cô đã không thành. Theo sự thỏa thuận của Úrsula, hôn lễ của cô cũng sẽ được tổ chức cùng ngày với hôn lễ của Aureliano, nhưng ngày thứ sáu Pietro Crespi đã nhận được lá thư báo tin mẹ anh sắp chết. Đám cưới của họ bị đình lại. Sau một giờ nhận thư, Pietro Crespi đi ra tỉnh ngay và trên đường đi anh không gặp mẹ mình, người cũng đang trên đường đến làng Macondo cho kịp đêm thứ bảy và trong đám cưới của Aureliano đã hát một bài hát buồn do chính bà sáng tác với mục đích dành riêng cho đám cưới của con trai mình.

Pietro Crespi trở lại vào lúc nửa đêm ngày chủ nhật để quét dọn mẩu tàn thuốc lá của tiệc vui sau khi anh đã phi như gió làm cho năm chú ngựa phải ngã gục ở dọc đường, cố về cho kịp giờ làm đám cưới của mình. Kẻ viết thư ấy sẽ không bao giờ bị phát giác. Bị Úrsula rày la, Amaranta khóc lóc thảm thiết thề sống thề chết trước bàn thờ Chúa vẫn chưa được những người thợ mộc dọn đi.

Cha xứ Nicanor Reyna - người được Don Apolinar Moscote đưa về đây để làm lễ cưới - là một người nhẫn nại trong công việc quá ư tế nhị và nhàm chán của mình. Cha có nước da đến là buồn thảm cứ dán chặt lấy xương, có cái bụng ỏng tròn vo, mang dáng vẻ hiền quá hỏa đàn của một vị thần già. Cha định sẽ trở về giáo khu của mình ngay sau khi làm xong lễ cưới nhưng cha lấy làm ngạc nhiên trước vẻ thô kệch quá ư quê mùa của dân chúng Macondo vốn sinh sôi nảy nở đến là đông đúc, sống mù quáng tuân theo luật tự nhiên, không chịu làm lễ rửa tội cho con cái cũng như không đặt tên thánh cho các ngày lễ. Vì nghĩ rằng mảnh đất này cần hạt giống của Thượng đế hơn bất kỳ nơi nào, cha bèn quyết định ở lại thêm một tuần lễ nữa để giáo hóa làng này thành một làng của Chúa, để làm lễ cưới cho những đôi trai gái chung sống theo sở thích và làm lễ rửa tội cho những người ốm sắp tắt thở. Nhưng không một ai nghe cha. Họ trả lời đức cha rằng trong nhiều năm ròng họ sống không có sự chần dốt của cha xứ, rằng họ tự mình giải quyết một cách trực tiếp với Thượng đế những vướng mắc của linh hồn và họ đã hoàn toàn bỏ thói xấu gây tội ác. Một mỗi vì phải thuyết giảng ở vùng hoang mạc, cha Nicanor quyết định sẽ xây dựng một nhà thờ lớn nhất thế giới, có những bức tượng to bằng người thực, trên tường khảm những tấm kính nhiều màu. Một nhà thờ lớn như thế sẽ làm cho dân bốn đạo ở tận thành Roma cũng phải đến để thờ khiến Chúa được hiển vinh ngay tại trung tâm của xứ vô đạo này. Cha đi khắp làng với chiếc đĩa đồng trên tay để quyên góp. Dân chúng cho rất nhiều nhưng cha lại muốn nhiều hơn, bởi vì nhà thờ cần có một quả

chuông mà tiếng vang của nó có thể khiến cho xác những người chết đuối phải nổi lên trên mặt nước. Cha cầu xin quá sức đến nỗi khản cả tiếng. Xương hóc cha mỗi dừ như có kiến bò bên trong. Một ngày thứ bảy nọ, vì không xin được gì, ngay cả hoa quả hoặc thức ăn để sẵn ở cửa, cha đâm sợ hãi vì thất vọng. Cha làm vội một bàn thờ Chúa ở ngay giữa quảng trường và ngày chủ nhật, tay rung chuông như trong thời kỳ bệnh mất ngủ hoành hành, cha đi khắp làng để cô đọng mọi người tới dự buổi lễ mixa quê mùa. Rất nhiều người vì tò mò đã đến. Một số người khác vì nhớ nhung. Số khác đến dự lễ mixa để khỏi bị Thượng đế coi cái lập trường trung gian của mình như một sự chống đối cá nhân. Vậy là vào lúc tám giờ sáng, có đến một nửa làng đã tụ tập ở quảng trường xem cha xứ Nicanor với giọng khản vì cầu xin, đang tụng kinh Phúc âm. Đến cuối buổi lễ, khi những người dự lễ bắt đầu tản mác ra về, cha giương cao hai tay lên ra hiệu để mọi người chú ý nghe:

- Hãy khoan? Hãy khoan? - cha nói. - Giờ đây chúng ta sẽ xem một bằng chứng không thể tranh cãi được về sức mạnh vô biên của Thượng đế.

Chú bé ban nãy giúp cha cử hành lễ mixa, lúc này mang đến hầu cha một tách sô-cô-la đặc nghi ngút khói và cha đã uống liền một hơi không nghỉ. Sau đó cha rút chiếc mùi soa dặt trong ống tay áo thụng ra lau mồm, dang rộng hai cánh tay, nhắm nghiền mắt lại. Vậy là cha xứ Nicanor liền tự nâng bổng mình lên cách mặt đất mười hai xăngtimét. Đó là một thủ đoạn dễ chấp nhận.

Trong vài ngày cha đi khắp mọi nhà để nhắc lại thử nghiệm việc tự nâng bổng mình khỏi mặt đất nhờ sức kích thích thần kinh của sô-cô-la. Trong lúc ấy, chú bé hầu lễ đã quyen được rất nhiều tiền đựng trong túi tải đến mức không đầy một tháng đã tiến hành khởi công việc xây dựng nhà thờ. Không một ai nghi ngờ cội gốc linh thiêng của sự chứng minh ấy, ngoại trừ José Arcadio Buendía, người không hề cử động đã quan sát đám đông lộn xộn vây quanh gốc cây dẻ vào một buổi sáng để một lần nữa xem cha tự nâng mình khỏi mặt đất. Hầu như ông chỉ hơi duỗi chân trên ghế và nhún vai khi cha xứ Nicanor bắt đầu tự nâng mình khỏi mặt đất cùng với chiếc ghế cha ngồi.

- Hoc est simplicisimum - José Arcadio Buendía nói - hom iste statum quartum materiae invenit. [\[19\]](#)

Cha xứ Nicanor giơ tay lên và lập tức bốn chân ghế cùng hạ xuống đứng trên mặt đất.

- Nego - ông nói. - Faclum hoc existentiam Dei probat sinh dubio. [\[20\]](#)

Do đó người ta biết rằng thứ ngôn ngữ quỉ ám khó hiểu ấy của José Arcadio Buendía là tiếng Latinh. Cha xứ Nicanor liền tranh thủ dịp may

mình là người duy nhất có thể giao dịch được với José Arcadio Buendía để nhồi nhét đức tin Kitô giáo vào bộ não đã loạn trí của ông. Buổi chiều nào cũng vậy, cha xứ ngồi bên cây dẻ mà lái nhải thuyết giáo bằng tiếng Latinh nhưng José Arcadio Buendía khoái chí không thừa nhận những con đường mòn cũ rích cũng như sự thay màu của sô-cô-la và đòi xem một bức ảnh Thượng đế, coi đó như là một bằng chứng cuối cùng. Thế là cha xứ Nicanor mang đến cho ông những huy hiệu và những bức ảnh và ngay cả tấm phục chế một tấm da thêu ảnh thánh Veronica, nhưng José Arcadio không thừa nhận mà coi chúng là đồ thủ công mỹ nghệ không có cơ sở khoa học. Ông rất ương bướng, tới mức cha xứ Nicanor buộc phải từ bỏ ý định biến ông thành một tín đồ đạo Thiên Chúa. Nhưng về phương diện tình cảm giữa người với nhau cha vẫn thường xuyên tới thăm ông. Song lúc ấy, José Arcadio Buendía lại là người nắm thế chủ động tấn công và định bẻ gãy niềm tin của cha cố bằng những suy tính của người duy lý. Có lúc cha xứ Nicanor mang tới gốc cây dẻ một bàn cờ có đủ số quân để mời ông chơi cờ đam^[21]. José Arcadio Buendía không chơi, bởi chưa bao giờ ông có thể hiểu được ý nghĩa của một cuộc thi đấu trong đó hai đối thủ đã thỏa thuận với nhau về những nguyên tắc. Cha xứ Nicanor, người chưa từng thấy ai chơi cờ theo lối ấy, cũng không trở lại đánh cờ đam. Càng ngày cha xứ càng thán phục trí thông minh của José Arcadio Buendía. Cha đã hỏi ông làm sao ông lại có thể bị trói chặt vào gốc cây thế.

- Hoc est simplicissimum, - ông trả lời - là vì tôi bị điên rồ mà.

Từ đó trở đi, chăm lo cho đức tin của mình, cha xứ không đến thăm ông nữa, quyết chí khởi công ngay việc xây dựng nhà thờ. Rebeca cảm thấy hy vọng của mình đang sống lại. Tương lai của cô phụ thuộc vào việc hoàn thành công việc này. Cô nghĩ như vậy là vì kể từ ngày chủ nhật nọ cha xứ Nicanor ăn cơm trưa ở nhà này và cả nhà quây quần ngồi quanh bàn ăn nói chuyện về những nghi lễ trang nghiêm và huy hoàng trong các hoạt động tôn giáo khi nhà thờ được xây xong. “Người gặp may nhất ở đây là chị Rebeca”, Amaranta nói. Và vì thấy Rebeca không hiểu mình muốn nói gì, cô giải thích với một nụ cười ngây thơ:

- A, chả là vì lễ thành hôn của chị sẽ trùng với ngày khánh thành nhà thờ mà ị.

Rebeca vội vã chặn trước bất kỳ lời bình phẩm nào về chuyện này. Theo tiến độ xây dựng thì nhà thờ sẽ không thể hoàn thành trước mười năm. Cha Nicanor không đồng ý vì cha cho rằng với sự hảo tâm mới nảy sinh hiện nay của những con chiên trung thành cho phép cha sẽ làm những con tinh lạc quan hơn. Trước thái độ hờn dỗi thảm lạnh của Rebeca, người đã phải bỏ dở bữa ăn, Úrsula tán thành ý nghĩ của Amaranta, và bà đã góp một phần của

cải đáng kể để đẩy nhanh hơn tiến độ xây dựng công trình. Cha Nicanor cho rằng với một sự đóng góp nữa như sự đóng góp này, ngôi nhà sẽ được xây xong trước ba năm. Từ lúc đó trở đi, Rebeca không thềm nói chuyện với Amaranta mà lòng tự nhủ rằng thái độ khiêu khích của Amaranta không phải là quá ngây thơ như cô tưởng. “Đó là điều ít nghiêm trọng hơn có thể xảy ra”, Amaranta cãi lại Rebeca trong cuộc đấu khẩu ác liệt đã xảy ra đêm ấy. “Như vậy, trong ba năm tới đây, tôi chưa cần phải giết chị”. Rebeca chấp nhận lời thách thức ấy.

Khi Pietro Crespi biết được lễ thành hôn của mình lại bị hoãn, anh lâm vào tình trạng thất vọng. Trái lại Rebeca đã chứng tỏ lòng chung thủy của mình. “Chúng mình sẽ trốn đi khi nào anh quyết định xong”, cô nói. Tuy nhiên, Pietro Crespi không phải là người thích mạo hiểm. Anh đã thiếu tính cách sôi nổi của người yêu, lại còn quá câu nệ coi lời hứa như là một kho báu không thể nào phung phí được. Vậy là Rebeca vận dụng những thủ đoạn mạnh bạo hơn. Một ngọn gió kỳ lạ thổi tắt phụt ngọn đèn trong phòng khách và Úrsula bắt gặp quả tang hai người đang hôn nhau trong bóng tối. Pietro Crespi vụng về giải thích cho bà về sự kém phẩm chất của những cây nến hiện đại thấp nhựa đường và giúp bà đặt ở phòng khách một hệ thống đèn thấp sáng chắc chắn hơn. Nhưng lần khác, đèn lại bị đổ nhằm dầu hoặc bị tụt bậc. Úrsula lại bắt quả tang Rebeca ngồi trên đùi người yêu. Thế là bà không thềm nghe bất cứ một lời thanh minh nào nữa. Bà giao cho cô gái Anh-điêng trông coi cửa hàng bánh kẹo và chính bà ngồi ở ghế xích đu giám sát các buổi chuyện trò của đôi tình nhân, quyết không chịu thua những thủ đoạn cũ rích mà bà vốn quen hồi còn xuân trẻ.

“Khôn thân mẹ quá!”, Rebeca nói với tất cả sự hờn giận có pha chút hài hước lúc nhìn Úrsula đang ngáp dài trong không khí căng thẳng của buổi đến chơi. “Khi mẹ chết có lẽ mẹ sẽ ra đi trên chiếc ghế xích đu này mất”. Sau ba tháng sống trong tình yêu bị theo dõi khắt khe, nản lòng trước sự chậm trễ trong công việc xây dựng mà ngày nào anh cũng đến thăm, Pietro Crespi bằng lòng góp cho cha Nicanor số tiền cha cần để hoàn thành việc xây cất nhà thờ. Amaranta vẫn không thôi chí. Trong lúc ngồi nói chuyện với đám chị em vẫn thường đến nhà vào các buổi chiều để thêu hoặc đan ở ngoài hành lang, cô cố tìm những mưu mẹo mới. Một thiếu sót đã làm hỏng mất mưu mẹo mà cô cho là có hiệu lực hơn cả. Ấy là việc sẽ lấy trộm những viên băng phiến mà Rebeca để ở bộ quần áo cô dâu trước khi cất nó vào rương trong phòng ngủ. Amaranta sẽ làm khi nào chỉ còn không đầy hai tháng việc xây cất nhà thờ kết thúc. Nhưng Rebeca rất nôn nóng trước việc ngày cưới của mình ngày một đến gần cho nên cô muốn chuẩn bị quần áo cô dâu sớm hơn cả dự định của Amaranta. Vào lúc mở chiếc rương, rồi mở tờ giấy gói, sau cùng mở tấm lụa bọc ngoài, cô gặp bộ quần áo cưới sa tanh, một đầu

khăn voan, chiếc mũ miện gài hoa cam, tất cả đều bị gián nhảm thành bụi. Mặc dù cô chắc chắn rằng mình đã để vào gói quần áo hai gói băng phiến bọc trong mùi soa, nhưng vì nổi bất hạnh xem ra hoàn toàn ngẫu nhiên nên cô không dám đổ lỗi cho Amaranta. Chưa đầy một tháng sẽ đến ngày cưới nhưng không sao, vì cô có Amparo Moscote nhận may quần áo cô dâu chỉ trong vòng một tuần là xong. Một buổi trưa trời mưa, Amparo khoác áo tơ bước vào nhà để thử lần cuối bộ quần áo cô dâu cho Rebeca, Amaranta cảm thấy tức tối đến muốn chết được. Cô lạc cả giọng, và một dòng mồ hôi lạnh buốt chảy dọc theo sống lưng cô. Đã nhiều tháng nay cô sống trong pháp phòng mong đợi cái giờ ấy. Bởi vì nếu không mưu tính thành công một trở ngại quyết định ngõ hầu cản trở đám cưới của Rebeca, thì chắc chắn rằng, trong phút cuối cùng khi mà tất cả mọi thủ đoạn nghĩ ra được đều thất bại, cô sẽ có đủ dũng cảm để đầu độc Rebeca. Buổi chiều ấy trong lúc Rebeca chết ngót vì nóng do phải mặc chiếc áo sa tanh may thử mà Amparo đang bình tĩnh dùng kim ghim lại cho vừa với cơ thể người mặc, thì Amaranta đã vài lần nhảm lẫn những mũi móc và đâm cả kim vào ngón tay mình. Nhưng với nỗi lạnh lùng đáng sợ cô đã quyết định ngày đầu độc Rebeca sẽ là ngày thứ sáu gần kề ngày cưới và cách thức đầu độc sẽ là một giọt nha phiến hòa trong cà phê.

Một trở ngại lớn nhất, rất tàn bạo và cũng rất bất ngờ đã ập đến buộc đám cưới phải hoãn một lần nữa và không biết hoãn đến bao giờ. Chỉ còn một tuần nữa thì đến ngày cưới bỗng nhiên vào lúc nửa đêm Remedios thức dậy miêng nôn trôn tháo, người ướt sũng những thứ từ trong bụng thải ra còn nóng hôi hổi, và sau ba ngày thì chết vì nhiễm độc bởi chính thứ máu mình và trong bụng mang cái bào thai sinh đôi. Amaranta tự mình dẫn vật lương tâm. Cô đã quá nhiệt tâm cầu xin Thượng đế một cái gì khủng khiếp sẽ xảy ra để mình khỏi phải đầu độc Rebeca và do đó cô cảm thấy mình có tội trước cái chết của Remedios. Đó không phải là cái trở ngại mà cô cầu mong. Remedios đã mang về nhà này một luồng gió mới đầy vui vẻ. Cô cùng chồng chuyển ra ở trong phòng ngay cạnh xưởng kim hoàn và cô đã lấy tất cả búp bê và đồ chơi tuổi ấu thơ trang trí phòng ở và sức sống tươi trẻ của cô tràn ra ngoài bốn bức tường để như một luồng gió mát thổi qua hành lang bày những chậu thu hải đường. Ngay từ lúc thức dậy cô đã hát. Cô là người duy nhất trong nhà đã dám can ngăn những cuộc đấu khẩu giữa Rebeca và Amaranta. Cô đã gánh vác nhiệm vụ săn sóc cụ José Arcadio Buendía. Cô mang cơm cho ông bố chồng, tận tình có mặt hầu hạ lúc cụ ỉa đái tắm rửa cho cụ bằng xà phòng và bã cọ, giữ sạch bộ râu, mái tóc khỏi sự hành hạ của chấy rận, bảo vệ tất tưởi lều lá cọ và tu bổ nó vào thời kỳ mưa bão. Ở những tháng cuối cùng của đời mình, cô đã giao tiếp được với cụ qua những câu Latinh đơn giản. Khi đưa con trai của Aureliano với Pilar Ternera ra đời,

được mang về nhà và được làm lễ đặt tên là Aureliano José, thì Remedios quyết định công nhận chú nhóc là đứa con đầu lòng của mình. Tình cảm người mẹ của cô khiến Úrsula rất đỗi ngạc nhiên. Về phần mình, Aureliano gập ở cô lời biện minh tối cần thiết cho cuộc đời mình. Anh làm việc cả ngày trong xưởng và Remedios mang đến cho anh một tách cà phê không pha đường vào giữa buổi sáng. Đêm nào cũng vậy, bọn họ đến thăm vợ chồng Moscote. Aureliano mê mải đánh domino với bố vợ trong lúc đó Remedios nói chuyện vui với các bà chị và đàm đạo với mẹ về những vấn đề của người lớn. Môi quan hệ chặt chẽ với gia đình Buendía đã củng cố thêm quyền lực của Don Apolinar Moscote ở trong làng. Trong những chuyến lên tỉnh thường xuyên, ngài đã xin được chính phủ cho mở một trường học do Arcadio, người kế thừa được nhiệt tình sự phạm của ông nội, chăm nom. Bằng biện pháp thuyết phục, ngài đã vận động được phần lớn các ngôi nhà trong làng quét vôi màu xanh để đón mừng lễ kỉ niệm ngày Quốc khánh. Để đáp lại những đề nghị của cha Nicanor, ngài đã quyết định chuyển tiệm ăn của bác Catarino sang một con đường biệt lập và cho đóng cửa một số tụ điểm rộn rã đã mọc lên ở ngay trung tâm làng. Một lần lên tỉnh về ngài đã dắt theo sáu lính cảnh sát có súng ống. Đó là những người ngài trao cho nhiệm vụ giữ gìn trật tự. Thế nhưng, không một ai nhắc ngài nhớ lại lời ngài đã hứa với José Arcadio Buendía là sẽ không sử dụng cảnh sát vũ trang ở trong làng.

Aureliano rất thích thú ông bố vợ tháo vát của mình. “Cậu rồi lại béo phục béo phịch như ông ta thôi”, các bạn anh bảo anh vậy Nhưng sự an nhàn từng làm phính đôi má anh và tập trung ánh sáng trong con mắt anh vẫn không tăng thêm trọng lượng thân xác và cũng chẳng làm đảo lộn tính kiêu hãnh của anh mà trái lại nó chỉ tô đậm thêm cái đường hằn trên làn môi anh, dấu hiệu của sự suy nghĩ lao lung và của quyết tâm không gì lay chuyển nổi. Tình cảm vợ chồng anh thật là sâu sắc đã đánh thức tình cảm của gia đình hai bên, đến mức khi Remedios báo tin mình sẽ có con thì ngay đến cả Rebeca và Amaranta cũng phải làm lành với nhau để cùng dệt một tấm lanh xanh nếu như sinh con trai và một tấm lanh hồng nếu như sinh con gái. Cô là người cuối cùng được Arcadio nghĩ tới ít năm sau này khi đứng trước họng súng của đội hành hình.

Úrsula quyết định để tang cô trong một năm. Bà ra lệnh đóng hết các cửa, nội bất xuất ngoại bất nhập trừ trường hợp không thể đừng được, cấm nói to và tự tay bà treo bức ảnh Remedios ở nơi quán thi hài cô và đặt một ngọn đèn dầu sáng mãi không tắt trước tấm ảnh đó. Những thế hệ con cháu sau này, không bao giờ để cho ngọn đèn dầu bị tàn, đã lúng túng trước tấm ảnh cô bé mặc váy phòng, đi ủng trắng, trên đầu gài một chiếc nơ soa, mà không thể nào đồng nhất được bức ảnh ấy với sự tưởng tượng vốn có của họ

về một bà cô. Amaranta nhận nuôi Aureliano José. Cô nuôi dạy nó như một đứa con trai. Nó sẽ là người chia sẻ nỗi cô đơn và an ủi cô khỏi nỗi dần vật vờ những lời cầu khẩn cuồng nhiệt của mình đã khiến cho chất nha phiến vô tình rơi vào cà phê của Remedios. Tới đến, Pietro Crespi đội chiếc mũ mang vành khăn tang rón rén bước vào nhà để lặng lẽ thăm Rebeca, một Rebeca dường như đang chảy hết máu ngay trong bộ quần áo đen với tay áo chum kín mu bàn tay. Nguyên việc nghĩ chọn lại ngày cưới đã có thể là trái đạo lắm rồi, vì thế quan hệ yêu đương của hai người trở thành một quan hệ vĩnh hằng, một tình yêu mỗi một không một ai muốn lại chăm sóc nó, như thể những người yêu nhau, từng tắt đèn để hôn nhau trong bóng tối đã xa rời nhau theo ý nguyện của thần chết. Mất phương hướng hoàn toàn, mất luôn cả lý trí, Rebeca ăn đất trở lại.

Việc để tang tiến hành đã được khá nhiều thời gian đến mức gia đình buộc phải tổ chức lại các buổi cầu kinh tại gia. Vào lúc hai giờ chiều một ngày yên tĩnh, oi bức khủng khiếp, bỗng có một người đẩy cánh cửa ăn thông với đường cái và thế là các cánh cửa rên rỉ lên với sức mạnh làm rung chuyển cả nền ngôi nhà trong đó Amaranta cùng các bạn gái đang ngồi thêu ở hành lang, Rebeca đang mút ngón tay trong phòng ngủ, Úrsula đang bận bịu trong nhà bếp, Aureliano đang cặm cụi làm việc trong xưởng kim hoàn và José Arcadio Buendía đang cô đơn ngồi dưới gốc cây dẻ, tất cả mọi người đều cảm thấy rùng mình như có động đất. Một người đàn ông lực lưỡng đến nhà. Tấm lưng vuông vức của anh ta dường như không lọt được qua cửa. Trên cổ anh ta đeo một sợi dây chuyền có treo hình Thánh bà Đồng trinh Remedios. Ngực và hai cánh tay anh ta sẫm kín hình ảnh các nghĩa trang. Trên cổ tay anh ta đeo bức tượng đồng Chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút. Anh ta có nước da đen sạm bởi phong sương dải nắng, mái tóc ngắn và bờm xờm như bờm lừa, hàm răng bạnh ra cứng kêu, đôi mắt âu sầu. Thắt lưng của anh ta to gấp hai lần dây cương ngựa. Đôi ủng ngắn có cựa thúc ngựa và đóng cá sắt. Và sự có mặt của anh ta đem đến cho tất cả mọi người cái cảm giác rùng mình trước trận động đất. Anh ta bước qua phòng khách, rồi phòng đợi, tay mang những chiếc túi xách đã cũ. Rồi như một tiếng sấm, anh ta xuất hiện ở hành lang đặt những chậu thu hải đường, nơi Amaranta và các bạn gái đang ngồi khâu sừng sốt cứ giương cao bàn tay cầm kim lên. “Xin chào”, anh ta nói với các cô gái bằng giọng mệt mỏi, rồi ném những túi xách lên bàn làm việc. Sau đó, anh ta rảo cẳng bước vào nhà trong. “Xin chào”, anh ta nói với Rebeca đang hoảng loạn nhìn mình đi ngang qua cửa sổ phòng ngủ. “Xin chào”, anh ta nói với Aureliano ở trong xưởng kim hoàn, đang giông cả năm giác quan lên nghe ngóng. Anh ta đi thẳng vào nhà bếp và ở đây lần đầu tiên anh ta đã dừng lại ở điểm kết thúc một chuyến đi vòng quanh thế giới. “Xin chào”, anh ta nói. Úrsula đứng lặng đi một giây, miệng

há hốc, đã nhìn thẳng vào mắt anh ta. Bà ném ra một tiếng kêu rồi nhảy lên ôm lấy cổ anh ta mà gào mà khóc đầy sung sướng. Đó là José Arcadio.

Anh trở về vẫn nghèo túng như lúc ra đi đến nỗi Úrsula phải cho anh hai đồng peso để trả tiền thuê ngựa. Anh nói tiếng Tây Ban Nha có pha những từ lóng của dân thủy thủ. Người ta hỏi anh ở đâu thì anh trả lời: “Ở đằng ấy”. Anh mắc võng ở trong phòng dành cho mình rồi ngủ ba ngày liền. Khi thức dậy, sau lúc ăn liền mười sáu quả trứng luộc, anh đi thẳng ra tiệm ăn của bác Catarino. Tại đây, cơ thể đồ sộ của anh đã gây cho đám phụ nữ phải sôi nổi bàn tán đầy vẻ tò mò. Anh tổ chức một cú khao nhạc và rượu mạnh cho tất cả mọi người. Anh thách năm người đàn ông cùng một lúc vật tay với mình. “Chịu thôi”, họ nói vào lúc đều nhận thấy mình không thể lay chuyển được cánh tay của anh, “Vì anh có tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút phù trợ”... Bác Catarino, mà lúc ấy vẫn chưa tin vào nghệ thuật sử dụng sức mạnh của anh, đã thách anh mười hai đồng peso nếu nhắc nổi quây hàng của mình. José Arcadio nhắc bổng cái quây hàng, đội nó trên đầu rồi mang ra để ở giữa đường cái. Bác phải cần tới mười một người đàn ông lực lưỡng mới khiêng được nó vào vị trí cũ. Trong không khí sôi nổi vui như hội, José Arcadio đứng trên quây hàng trưng cho mọi người xem cơ thể cường tráng của mình không chỗ nào không sẫm hình nhặng nhít với những dòng chữ viết màu xanh và màu đỏ thuộc vài ngôn ngữ khác nhau. Hướng về những người đàn bà đang vây lấy mình, với lòng tham không đáy, anh hỏi họ xem ai trả thêm nữa. Người đàn bà giàu hơn cả đã cho anh vài chục đồng. Thế là anh tổ chức một cuộc bắt thăm với giá mười peso một phiếu. Đó là một cái giá cắt cổ bởi vì người đàn bà đông khách nhất cũng chỉ kiếm được tám đồng peso một đêm. Nhưng tất cả các cô đều chấp nhận giá ấy. Người ta viết tên mình trên mười bốn tờ phiếu rồi trộn lẫn, để tất cả chúng vào một chiếc mũ, sau đó mỗi cô nhập một phiếu. Khi chỉ còn lại hai tờ nữa, anh ta tiến lại gần những người đến lượt nhập phiếu.

- Hãy trả thêm mỗi phiếu năm đồng nữa, - José Arcadio thúc giục, - rồi tôi sẽ chia cho hai cô mà.

Anh sống bằng cách ấy. Đã sáu mươi năm lần anh đi vòng quanh trái đất, sống chung với những người thủy thủ vong quốc. Những người đàn bà đêm ấy ngủ với anh trong tiệm bác Catarino đã đưa anh trần như nhộng ra tận phòng nhảy để tất cả mọi người xem cái cơ thể không có lấy một milimét không sẫm: sẫm đằng trước, sẫm đằng sau, sẫm từ cổ cho đến tận ngón chân. Anh ta không hòa nhập được vào cuộc sống gia đình.

Cả ngày thì ngủ, tối đến anh ta thức trắng đêm kiếm ăn bằng trò may rủi, thi thố sức lực ở cái xóm thợ nghèo khổ. Trong những dịp hiếm có, Úrsula mời được anh ngồi vào bàn ăn. Anh tỏ ra là một người dễ mến, nhất là khi kể

về những chuyện mạo hiểm của mình ở những đất nước xa xôi. Anh từng bị đắm tàu và đã trôi giạt hàng vài tuần trên biển cả ở Nhật Bản và sống bằng cách ăn xác một người bạn chết vì bệnh cảm nắng mà thịt của anh ta được ướp muối rồi lại được ướp muối, được nấu chín dưới ánh mặt trời đã trở thành một thứ mắm ngấu có vị giòn ngọt. Một buổi trưa chói chang nắng ở vịnh Bengal, con tàu của anh đã chiến thắng một chú rồng biển mà trong ruột nó người ta thấy nạo mũ sắt, khóa thắt lưng và cả vũ khí của một người thám hiểm đại dương. Ở biển Ca-ri-bê anh từng nhìn thấy bóng ma chiếc tàu của tên cướp biển Victor Hugues với một cánh buồm bị gió thổi rách tả tơi, mũi thuyền bị dãn biển nhám thủng lỗ chỗ, mãi mãi nó bị lạc hướng trên đường tới đảo Guadeloupe. Ngồi bên bàn, Úrsula thôn thốc khóc như thể bà đang đọc những bức thư không bao giờ được gửi cho mình, trong đó José Arcadio kể cho bà nghe những chiến công cũng như những thất bại của anh. “Ở đây, nhà cửa rộng rãi đến như thế, con ta ạ”, bà nức nở nói: “Và cơm thì thừa mứa phải đồ cho lợn ăn. Mà nào con có ở nhà cho mẹ nhờ...”. Nhưng trong thâm tâm bà không thể nhận rằng cái thằng bé được những người digan mang đi theo giờ đây lại chính là kẻ phạm phu ăn hết một nửa con lợn sữa trong bữa ăn trưa và hơi thở của y nóng hôi làm héo úa hoa lá. Những người khác trong gia đình cũng nghĩ về anh tương tự như thế. Amaranta không thể giấu nổi sự kinh tởm mỗi bận anh ợ hơi ngay trong lúc ngồi ăn. Arcadio, người không bao giờ được biết mối quan hệ cha con giữa mình với José Arcadio, hầu như không trả lời những câu hỏi anh gọi ra với mục đích giành lấy tình yêu mến của con trai. Aureliano định làm sống lại những năm tháng trước đây họ cùng ngủ một phòng, định gọi lại những trò ranh ma của tuổi thơ giữa hai người, nhưng José Arcadio đã quên hết cả, bởi vì cuộc đời trôi giạt của thủy thủ với biết bao sự việc cần nhớ đã làm bão hòa trí nhớ của anh. Chỉ riêng một mình Rebeca thần phục anh ngay từ lần đầu. Buổi chiều nhìn thấy anh đi ngang qua cửa sổ phòng mình, cô đã nghĩ rằng Pietro Crespi chẳng qua cũng chỉ là một gã béo phúng phính đứng bên cạnh người đàn ông cực kỳ lực lưỡng mà hơi thở nóng như núi lửa của anh tràn ra khắp nhà chỗ nào cũng cảm thấy. Cô kiếm cớ để tiện gần anh. Có những lúc José Arcadio đã trơ tráo nhìn tâm thân cô gái và bảo: “Em rất đàn bà, em thân yêu ạ”. Rebeca không thể tự chủ được nữa. Cô ăn lại đất và vôi tường nhà với sự thèm khát trước đây và lại thèm thường mút ngón tay đến mức ngón cái phải lên chai. Cô nôn ra một thứ nước xanh lẫn những cục máu tím bầm. Cả đêm cô thao thức, người run lên vì cơn sốt hầm hập để vật lộn với cơn bồi hồi nhớ nhung, để chờ đợi cho đến khi trời sáng; cả ngôi nhà rung lên trong bước đi của José Arcadio trở về.

Một chiều nọ, khi cả nhà đang ngủ trưa, cô không thể nán chịu được nữa đã mò đến phòng ngủ của José Arcadio. Cô thấy anh thức, mặc quần đùi,

nằm dài trên chiếc võng được mắc vào những chiếc vòng sắt to với những sợi chấu buộc tàu. Cái cơ thể đẽ trôn lực lưỡng của anh khiến cô cảm động lắm đến mức cô tự nhiên dừng lại định quay ra. “Xin lỗi”... cô chống chế, “em không biết có anh ở đây”. Nhưng cô hạ giọng ngay để khỏi đánh thức người khác. “Vào đây nào”, anh nói. Rebeca ngoan ngoãn nghe lời. Cô đứng ngay cạnh chiếc võng, mà toát mồ hôi lạnh, mà cảm thấy trong bụng mình cứ nổi cục lên, trong lúc José Arcadio với năm ngón tay mon trón cò tay cô, rồi bẹn, rồi hông và miệng thì thào: “Ôi, em nhỏ bé. Ôi, em nhỏ bé”. Cô gái phải lấy hết sức bình sinh để khỏi chết khi một sức mạnh cuồng nhiệt như dông bão nhưng lại rất nhẹ nhàng đã cầm lấy thắt lưng bé cô lên, rồi cởi hết áo váy cô và dẫn ngựa cô ra như dẫn ngựa một con chim bé bỏng. Cô chỉ còn kịp cảm ơn Thượng đế đã sinh ra mình, trước khi lương tri bị chìm ngìm trong mềm khoái lạc đê mê át cả cái đau đớn để giãy giụa ở trong lòng chiếc võng bốc hơi nghi ngút. Cái võng như một tờ giấy thấm đã hút ráo ngay máu trinh của cô chảy ra.

Sau đó ba ngày, họ làm lễ cưới trong buổi lễ mixa lúc năm giờ chiều. Trước đó một hôm, Arcadio đã đến cửa hiệu Pietro Crespi. Anh gặp Pietro Crespi đang dạy đàn lục huyền cho học trò và anh không ý tứ gọi anh ta ra chỗ khác để nói. “Tôi lấy Rebeca đấy”, anh nói. Pietro Crespi tái xanh mặt, đưa cây đàn lục huyền cho một học trò, rồi cho họ nghỉ học giữa buổi. Khi chỉ còn lại hai người với nhau trong phòng bày đầy nhạc cụ và đồ chơi dây cót, Pietro Crespi nói:

- Rebeca là em gái anh mà!

- Với tôi điều ấy không quan trọng, - José Arcadio đáp lại.

Pietro Crespi rút chiếc mùi xoa thơm mùi oải hương lau mồ hôi trán.

- Lấy như vậy là trái với lễ tạo hóa, anh ta giải thích, - ngoài ra luật pháp cấm ngặt lối hôn nhân ấy.

- Ôi dào, tôi ngồi xồm lên cái lễ tạo hóa của nhà anh, - José Arcadio nói.

- Tôi đến đây để bảo cho anh biết và để anh khỏi rày rà Rebeca mà hỏi này hỏi nọ.

Song cách cư xử thô bạo của anh cũng phải mất đi khi anh nhìn thấy Pietro Crespi nước mắt vòng quanh.

- Bây giờ thế này nhé, - anh đổi giọng nói, - nếu cậu còn quyến luyến gia đình tôi thì còn Amaranta sẽ phân cậu đấy.

Trong bài thuyết giảng ngày chủ nhật, cha Nicanor đã chứng minh rằng José Arcadio và Rebeca không phải là anh em ruột. Úrsula không bao giờ tha thứ cho cái điều bà cho là vô lễ quá mức và khi họ từ nhà thờ trở về bà đã

cầm cửa đôi tân hôn. Đôi với bà, giờ đây họ như là những người đã chết. Thế là họ tậu một cái nhà nhỏ ở trước nghĩa địa và họ dọn về nhà mới không mang theo giường tủ gì ngoài chiếc võng của José Arcadio.

Đêm tân hôn, Rebeca bị một con bọ cạp chui vào giày păng-túp từ lúc nào cắn vào chân. Cô bị cứng lưỡi nhưng không vì thế mà tuần trăng mật của họ kém phần vui vẻ đi. Hàng xóm giật mình trước những tiếng la hét khiến cả xóm phải thức dậy một đêm tới tám lần, một buổi trưa tới ba lần và họ cầu khẩn cho cơn cuồng say quá trớn ấy không làm kinh động những người chết đang yên nghỉ trong cõi thanh tịnh ở ngoài nghĩa địa.

Aureliano là người duy nhất lo lắng cho họ. Anh sắm một số đồ dùng và trợ cấp tiền cho họ tới khi José Arcadio nhìn cuộc đời thực tế hơn và bắt tay khai phá đất đai vô chủ liền kề với sân nhà. Trái lại, Amaranta không bao giờ nguôi thù đối với Rebeca, mặc dù cuộc đời đã mang đến cho cô niềm vui chưa từng mong đợi. Đó là việc Pietro Crespi, vẻ bình thản, đầy cao thượng che giấu nỗi đau thất tình, vẫn đến ăn cơm trưa với gia đình vào ngày thứ ba hàng tuần theo gợi ý của Úrsula, người vẫn chưa biết làm thế nào để chữa thẹn. Vẫn giữ nguyên dải băng đen trên vành mũ như để biểu hiện sự thân tín đối với gia đình anh thích thú bày tỏ lòng mến phục của mình đối với Úrsula bằng cách mang đến biếu bà những tặng phẩm kỳ lạ: cá sac-đin Bồ Đào Nha, mút hồng Thổ Nhĩ Kỳ, và trong dịp cần thiết, cả một tấm khăn choàng vai Manila quý giá. Amaranta, với tình cảm âu yếm, chiều chuộng anh. Cô mò đoán cái sở thích của anh, tỉ mỉ nhặt từng sợi chỉ tuột ở ống tay áo cho anh và để mừng ngày sinh nhật của anh, cô viên và thêu lòng chữ tên hai người trên cả một tá khăn mùi xoa. Những ngày thứ ba, sau bữa cơm trưa, trong lúc Amaranta ngồi ở hành lang, anh luôn ở bên cạnh tán chuyện vui. Có một buổi chiều thứ ba, khi không một ai nghi ngờ chuyện sẽ xảy ra thì đã xảy ra: Pietro Crespi ngỏ lời muốn được cưới cô làm vợ. Cô gái vẫn điềm nhiên thêu. Đợi cho hết nóng tai, với giọng người lớn, cô bảo anh:

- Tùy thôi, Crespi ạ, nhưng hãy để khi nào chúng mình thật hiểu nhau đã. Vội vã thì chẳng tất đâu.

Úrsula đâm ra bối rối. Mặc dù rất nể vì Pietro Crespi bà vẫn chưa khẳng định được rằng nếu từ góc độ đạo đức mà xét, thì sự quyết định của mình là tốt hay xấu, nhất là việc này xảy ra ngay sau quan hệ tình yêu của Pietro Crespi với Rebeca kéo dài và ồn ã. Song, bà đã chấp nhận tình yêu ấy, coi như một sự kiện không cần phải hỏi han ý kiến người khác vì lúc ấy không một ai cùng chia sẻ những lo âu của mình. Aureliano, lúc này đã là người đàn ông có thẩm quyền trong gia đình, đã làm cho bà càng hoang mang hơn với ý kiến khẳng định và khó hiểu của anh:

- Bây giờ không phải là lúc bàn đến chuyện hôn nhân.

Mấy tháng sau này, Úrsula mới hiểu được ý kiến đó là câu trả lời duy nhất chân thành mà Aureliano đã có thể nói ra trong thời điểm ấy. Nó không chỉ là lời giải đáp đối với việc hôn nhân mà còn đối với bất kỳ vấn đề nào không liên quan đến chiến tranh. Khi đứng trước họng súng của đội hành hình, ngay chính anh cũng không hiểu thật rõ lắm vì sao hàng loạt những chuyện ngẫu nhiên trở trêu dồn mình đến tình trạng ấy. Cái chết của Remedios không dẫn anh tới sự kích động đáng sợ. Đúng ra, nó chẳng qua cũng chỉ là một cảm giác giận dữ thâm lặng dần dần thâm vào nỗi chán chường cô đơn và lạng lẽ, giống như sự chán chường trong những ngày anh quyết chí ở vậy.

Anh lại dấn thân vào công việc nhưng vẫn giữ nếp đến thăm bố vợ để chơi domino: “Aureliano, hãy lấy vợ đi”, ông bố vợ bảo anh. “Ta có sáu đứa con gái để cho anh kén rể”. Có một lần, có lẽ sự việc xảy ra trước ngày bầu cử, Don Apolinar Moscote từ trên tỉnh về làng đầy lo âu trước tình hình chính trị của đất nước. Những người thuộc phái Tự do đã sẵn sàng lao mình vào cuộc chiến. Vì lúc ấy, Aureliano còn có những nhận xét hồ đồ về sự khác biệt giữa những người Bảo hoàng với những người Tự do, ông bố vợ liền giảng giải cho anh những nét đại cương. Những người Tự do, ông ta nói, là những người Tam điểm, đám người xấu xa, ủng hộ việc treo cổ các cha cố, chủ trương hôn nhân bình quyền và ly hôn, công nhận quyền bình đẳng giữa con hoang và con trong giá thú, tán thành việc phân chia đất nước thành từng bang và các bang này liên kết trong thể chế liên bang nhằm tước bỏ các quyền lực địa phương để tập trung trong chính phủ tối cao. Trái lại những người thuộc phái Bảo hoàng, vốn đã nhận quyền lực trực tiếp của Thượng đế, bảo vệ trật tự công cộng đã được thiết lập và đạo đức gia đình, là những người bảo vệ Chúa Ki-tô, bảo vệ cơ sở của quyền lực và không cho phép chia đất nước thành các bang tự do. Do những tình cảm nhân đạo, Aureliano có thiện cảm đối với thái độ tự do công nhận các quyền lợi của con hoang, nhưng dẫu sao đi nữa, anh không hiểu nổi vì sao người ta phải đi tới một cuộc chiến tranh vì những sự việc không thể sờ mó được. Anh cảm thấy ông bố vợ mình là người quá khích khi ông ta yêu cầu cấp trên phái sáu người lính dưới sự chỉ huy của một thầy quản về Macondo, một làng không hề có những đam mê chính trị, để bảo vệ cuộc bầu cử. Bọn lính không chỉ về làng, chúng còn đi các nhà, từng nhà một, tịch thu khí giới săn thú, dao rựa và cả dao làm bếp, trước khi phân phát cho những người đàn ông từ hai mươi một tuổi trở lên một lá phiếu xanh ghi tên các ứng cử viên thuộc phái Bảo hoàng và một lá phiếu hồng ghi tên các ứng cử viên thuộc phái Tự do. Trước ngày bầu cử, chính Don Apolinar Moscote đã đọc một sắc lệnh cấm bán rượu mạnh và các cuộc tụ tập từ ba người trở lên nếu không phải là người cùng nhà trong bốn mươi tám giờ đồng hồ kể từ nửa đêm ngày thứ bảy. Cuộc bầu

cử được tiến hành êm thấm. Ngay từ lúc tám giờ sáng ngày chủ nhật, một thùng gỗ có sáu người linh canh giữ nghiêm ngặt đã được đặt ở quảng trường. Người ta tự do bỏ phiếu đúng như chính Aureliano đã có thể thấy tận mắt khi - anh cùng với bố vợ đứng cả ngày canh chừng không để cho bất kỳ một ai có thể bỏ phiếu hơn một lần. Đến bốn giờ chiều, một hồi trống vang lên trên quảng trường báo hiệu ngày bầu cử đã kết thúc, và Don Apolinar Moscote cầm chiếc băng chữ thập có mang chữ ký của ngài dán hòm phiếu lại. Đêm ấy, trong lúc chơi domino với Aureliano, ngài ra lệnh cho thầy quản mở hòm ra đếm phiếu. Số phiếu hồng và số phiếu xanh xấp xỉ bằng nhau, nhưng thầy quản chỉ để lại mười phiếu hồng và thay phiếu xanh khác vào cho đủ số. Sau đó thầy quản lại niêm phong hòm phiếu lại dưới nhãn mới và sáng ngày hôm sau người ta vội vàng mang nó lên tỉnh. “Phái Tự do sẽ nổi dậy làm nội chiến”, Aureliano nói. Don Apolinar vẫn không rời mắt khỏi các quân domino của mình. “Nếu anh nói vì việc thay đổi lá phiếu, thì họ sẽ không nổi dậy đâu”, ngài nói, “một số lá phiếu hồng vẫn được để lại để họ khỏi kêu ca”. Aureliano hiểu được những điều bất lợi của phe đối phương. “Nếu tôi thuộc phái Tự do”, - anh nói, “tôi sẽ nổi dậy chính vì việc thay đổi lá phiếu này”. Bố vợ anh ngược mắt qua gọng kính nhìn anh: - Ôi Aureliano, - ngài nói, - nếu anh là người thuộc phái Tự do, dù anh có là con rể ta, anh không thể nào được nhìn thấy việc thay đổi lá phiếu ở đây đâu.

Trên thực tế, điều gây nên nổi bất bình trong dân chúng không phải là kết quả cuộc bầu cử mà là việc bọn lính không trả lại vũ khí. Một nhóm phụ nữ nói chuyện với Aureliano để anh xin với bố vợ trả lại những con dao làm bếp. Don Apolinar Moscote, bằng những lời lẽ hết sức thận trọng đã giải thích cho anh rằng bọn lính đã mang theo những vũ khí tịch thu được để làm bằng chứng về việc những người thuộc phái Tự do đang chuẩn bị chiến tranh. Sự trợ trớn trong lời giải đáp ấy khiến anh kinh người. Anh không bình luận một lời, nhưng vào một đêm nọ, khi Gerineldo Márquez và Magnífico Visbal nói chuyện với một số bạn bè xung quanh chuyện rắc rối về những con dao, họ đã hỏi anh thuộc về phái nào: Tự do hay Bảo hoàng, thì không do dự, anh trả lời: - Nếu phải lựa chọn giữa hai phái, tôi sẽ đứng về phái Tự do, - anh nói, - bởi vì những người Bảo hoàng là những kẻ bịp bợm.

Ngay ngày hôm sau, theo yêu cầu của các bạn mình, anh đã đến thăm bác sĩ Alirio Noguera để ông ta khám bệnh đau gan cho mình. Anh cũng không biết làm như vậy để làm gì. Bác sĩ Alirio Noguera đã đến làng Macondo được mấy năm nay mang theo một tủ thuốc viên không mùi vị và một tấm biển quảng cáo thuốc không thuyết phục được một ai: Dĩ độc trị độc. Thực ra đó là một trò cười. Đằng sau cái vẻ ngoài hiền lành của một thầy thuốc loại xoàng, là bộ mặt của một tên khủng bố đi giày ống đến nửa

bẹn để che đi những vết sẹo trên cổ chân, dấu ấn của năm năm ngồi tù. Ngay từ cú mạo hiểm đầu tiên của những người có tư tưởng liên bang y đã bị bắt, y đã trốn đến Curaçao cải trang trong bộ quần áo y vốn thù ghét nhất trần đời: một chiếc áo thụng của cha cô. Sau một thời gian lưu vong dài đằng đẵng, lòng đầy náo nức trước các tin tức do những người lưu vong thuộc khắp vùng Ca-ri-bê mang đến Curaçao, y lại lên lên một chiếc thuyền buôn lậu và sau đó có mặt ở Riohacha mang theo một tủ thuốc viên, thực ra chỉ là những viên đường đã được tinh lọc, và một bằng bác sĩ của trường đại học Leipzig giả mạo do chính y làm ra: Y khóc lóc thảm thiết. Cái nhiệt tình cách mạng của phái liên bang, được chính những người lưu vong định nghĩa là một thứ thuốc nổ sắp bùng nổ, đã nguội tắt dần dần trong ảo tưởng tuyên cử viên vong. Cay đắng trước thất bại ấy, thèm khát một địa điểm an toàn để di dưỡng tuổi già viên bác sĩ dĩ bệnh liệu bệnh đã chạy trốn đến làng Macondo. Trong căn phòng chật hẹp xếp đầy chai không, những chiếc chai được thuê ở bên kia quảng trường, y đã sống vài năm trong căn bệnh không phương chữa chạy từng xác nhận rằng mình có thể tự an ủi với những viên đường. Cái tâm trạng nội loạn của y đã lắng đọng lại trong lúc Don Apolinar Moscote ngày một trở thành một nhà chức trách bù nhìn hơn. Thời gian cứ trôi đi và y cứ sống trong hồi tưởng và lo điều trị bệnh hen xuyên. Cuộc tuyên cử sắp đến là đầu mối để y lại tìm được biện pháp hành động nội loạn. Y đã có quan hệ mật thiết với đám thanh niên trong làng vốn là đám người rất kém cỏi về ý thức chính trị, và lẫn xả vào việc bí mật vận động nội loạn. Số đông phiếu hồng xuất hiện trong hòm phiếu là của đám thanh niên nhiệt tình Đó là một phần trong kế hoạch của y: buộc đồ đệ của mình bỏ phiếu để chứng tỏ cho họ thấy rằng tuyên cử là một trò hề. “Cái điều duy nhất có hiệu lực”, y nói, “là bạo lực”. Phần lớn cái bạn của Aureliano lòng dạ phơi phơi với ý nghĩ quét sạch cái thể chế của bọn Bảo hoàng, nhưng không một ai dám cho anh tham gia kế hoạch, không chỉ vì những mối quan hệ của anh với bố vợ mà còn vì tính cách cô đơn và phớt đời của anh. Ngoài ra họ còn được biết anh đã bỏ phiếu xanh theo sự chỉ dẫn của bố vợ. Vậy nó chỉ là một ngẫu nhiên đơn thuần bộc lộ những suy tư chính trị của anh, và nó là một sự thức đẩy hoàn toàn có tính cách tò mò đưa anh tới ý nghĩ viên vong đi thăm viên bác sĩ để ông ta điều trị cho mình cái bệnh vốn không đau. Trong căn phòng chật chội nồng nặc mùi long não rẻ tiền, có một người giống y hệt một con kỳ đà mốc meo đang khò khè thở. Chưa kịp hỏi anh điều gì, viên bác sĩ kéo anh ra cửa sổ vạch mi mắt dưới quan sát. “Không phải ở đây đâu”, Aureliano nói theo lời chỉ dẫn của các bạn mình. Lấy ngón tay ấn vào bụng ở chỗ bụng gan, anh nói: “Đây là nơi tôi đau không thể ngủ được”. Thế là viên bác sĩ Noguera đóng kín cửa sổ lại với có chói nắng quá và bằng từ ngữ mộc mạc ông ta giải thích cho anh vì sao việc tiêu diệt bọn Bảo hoàng là nghĩa vụ của người yêu nước. Trong vài ngày liền, Aureliano mang trong túi

áo somi một tuýp thuốc. Cứ hai giờ một lần, anh lại móc tuýp thuốc ra, dốc ba viên thuốc ra lòng bàn tay rồi vỗ tất cả vào mồm để chúng tan dần dần trên lưỡi. Don Apolinar Moscote chế giễu lòng tin của anh ở phương pháp dĩ bệnh liệu bệnh, nhưng những ai đang âm mưu nổi loạn thì đều nhận ra anh là người của họ. Hầu như gần hết con trai của các bậc sáng nghiệp Macondo đều ở trong tổ chức bí mật nhưng không một ai biết tường tận hành động do chính họ đang chuẩn bị sẽ xảy ra như thế nào. Tuy nhiên, trong ngày viên bác sĩ tiết lộ bí mật cho Aureliano biết, anh đã tình nguyện tham gia cuộc nổi dậy. Mặc dù lúc ấy anh tán thành phải nhanh chóng tiêu diệt chế độ Bảo hoàng song kế hoạch hành động của ông ta lại khiến anh kinh tởm. Bác sĩ Noguera là một kẻ rất thích khùng bố cá nhân. Cái cơ chế hành động của ông ta được thu lại trong việc phối hợp hàng loạt hành động cá nhân để rồi trong một vụ bạo động lớn có tầm toàn quốc sẽ tiêu diệt các quan chức của chế độ Bảo hoàng cùng với toàn bộ gia quyến họ, nhất là các con cái, nhằm triệt tận gốc cái nòi Bảo hoàng. Dĩ nhiên Don Apolinar Moscote, bà vợ, các cô con gái đều ở trong danh sách khùng bố.

- Ngài chẳng phải là nhà Tự do cũng chẳng phải là cái đêch gì - Aureliano thân nhiên nói, - ngài là một tên sát nhân, không hơn không kém.

- Vậy thì, trong trường hợp này, - viên bác sĩ cũng thân nhiên nói, - anh hãy trả lại tôi cái tuýp thuốc. Anh không cần đến nó nữa.

Sáu tháng sau, Aureliano mới biết rằng viên bác sĩ không tin anh là một người hành động, không hy vọng gì ở anh, một con người tình cảm chủ nghĩa, quá ư hiền lành và cô đơn. Họ tìm cách giám sát anh vì sợ anh tiết lộ kế hoạch nổi loạn. Để họ yên lòng, Aureliano hứa sẽ không mở miệng. Nhưng cái đêm bọn họ tới để hạ sát gia đình Moscote, đã gặp anh đứng bảo vệ ngay ở cửa vào. Anh thể hiện thái độ dứt khoát đến mức kế hoạch hạ sát phải hoãn không biết đến bao giờ. Chính trong những ngày này, Úrsula đã hỏi ý kiến anh về hôn nhân của Pietro Crespi và Amaranta và anh đã trả lời bây giờ không phải là lúc nghĩ đến việc đó. Từ hơn một tuần nay, lúc nào anh cũng giấu khẩu súng lục cõ lổ dưới áo somi, lúc nào cũng cảnh giác đối với các bạn mình. Buổi chiều anh đến uống cà phê với José Arcadio và Rebeca, lúc này vợ chồng họ bắt đầu trang hoàng nhà cửa, rồi từ lúc bảy giờ tối anh ngồi chơi domino với bố vợ.

Vào giờ ăn trưa, anh nói chuyện với Arcadio, lúc này đã là một thanh niên cường tráng, và nhận thấy chàng trai ngày một bộc lộ rõ nhiệt tình háo hức chờ đón cuộc nội chiến sắp xảy ra đến nơi. Arcadio đã nhen nhóm lòng nhiệt tình hâm mộ tư tưởng tự do trong trường học, là nơi anh đã tập trung không chỉ những học trò lớn tuổi mà còn cả trẻ nhỏ hầu như chưa biết nói. Chàng trẻ tuổi nói về việc bắn chết cha Nicanor, về việc biến nhà thờ thành

trường học, về việc công nhận tự do luyện ái. Aureliano lo lắng trước những tư tưởng bạo lực của cháu trai. Anh khuyên cậu cần phải thận trọng và kín đáo. Làm ngơ trước những lý lẽ chín chắn của anh, trước ý nghĩ thực tế của anh, Arcadio công khai phê phán tính nhu nhược của ông chú mình. Aureliano chờ đợi chờ đợi. Cuối cùng, vào đầu tháng Chạp, Úrsula bỗng hoảng hốt bước vào xưởng kim hoàn: - Nội chiến đã bùng nổ!

Quả nhiên nội chiến đã nổ ra được ba tháng. Luật giới nghiêm được thi hành trong toàn quốc. Don Apolinar Moscote là người duy nhất kịp thời biết tin chiến sự đã nổ ra nhưng ngài không để lộ ngay cả với vợ mình, trong khi đó một trung đội lính đã ập tới chiếm làng đóng đồn. Bọn lính lạng lẽ tiến vào làng trước lúc trời rạng sáng, mang theo hai cỗ pháo hạng nhẹ do lừa kéo, và lập đồn ngay tại trường học. Ngay từ sáu giờ chiều chúng đã thổi kèn giới nghiêm. Lần này chúng lục soát nhà từng nhà một khủng khiếp hơn lần trước, tịch thu cả từ cái liềm trở đi. Chúng lôi bác sĩ Noguera đi, trói vào một gốc cây rồi bắn không cần xét xử. Cha Nicanor muốn làm cho các nhà cầm quyền quân sự phải rùng rợn trước phép thần bí tự nâng mình lên khỏi mặt đất, nhưng một tên lính đã lấy báng súng nện bốp một cái làm chảy máu đầu cha. Niềm phẫn khích của những người Tự do bị dập tắt trong môi lo âu thảm lặng. Aureliano, da tái đi làm lý khó hiểu vẫn tiếp tục chơi domino với bố vợ. Anh hiểu rằng mặc dù mang danh là nhà lãnh đạo các vấn đề dân sự và quân sự trong làng, một lần nữa Don Apolinar Moscote vẫn chỉ là một quan chức bù nhìn. Mọi vấn đề trong làng đều do một đại úy quân đội quyết định. Các buổi sáng, viên đại úy này vẫn đích thân thu thuế ngoại ngạch để chi tiêu cho công việc giữ gìn an ninh chung. Bốn tên lính dưới sự chỉ huy của hắn ta đã cướp phá gia đình một người đàn bà bị chó dại cắn, và đã dùng báng súng đánh chết bà ta ngay giữa đường cái. Sau khi bọn lính chiếm đóng làng được hai tuần, một chủ nhật nọ, Aureliano bước vào nhà Gerineldo Márquez, với vẻ đờ đẫn thường có, anh xin một tách cà phê không pha đường. Khi chỉ còn lại hai người với nhau, khác hẳn với mọi ngày thường, Aureliano lên giọng quyền thế nói: “Hãy chuẩn bị các chàng trai đi chúng ta sẽ ra quân”. Gerineldo Márquez vẫn chưa tin, hỏi: - Lấy đâu ra vũ khí? - Lấy của chúng, - Aureliano trả lời.

Vào lúc nửa đêm ngày thứ ba, trong một trận đánh trộn trâu, hăm một người đàn ông chưa đầy ba mươi tuổi dưới sự chỉ huy của Aureliano, tất cả đều được vũ trang bằng dao ăn và các thanh sắt mũi nhọn, đã bắt thành lính đánh úp bọn lính gác, chiếm vũ khí và bắn chết ngay ở ngoài sân viên đại úy cùng bốn tên lính đã giết người đàn bà vô tội nọ. Đêm ấy, trong lúc vang lên lệnh tước vũ khí của đội hành hình, Arcadio được phong làm quan thống lĩnh các vấn đề quân sự và dân sự của làng. Những nghĩa quân có vợ hầu như không kịp chào từ biệt vợ mình đã ra đi để mặc các bà tự xoay xử lấy.

Họ ra đi vào lúc rạng sáng được cả làng, đã thoát khỏi nỗi kinh hoàng, reo hò tiễn biệt để gia nhập các lực lượng vũ trang của tướng Victorio Medina, một nhà cách mạng. Theo những tin tức mới nhận được, ông đang hoạt động ở phía Manaure. Trước lúc ra đi, Aureliano đã thả Don Apolinar Moscote ra khỏi cũi sắt. “Xin bố cứ ở yên cho”, anh nói với bố vợ, “chính quyền mới, với lời nói danh dự, sẽ bảo đảm an toàn tính mạng cho bố và toàn gia đình”. Don Apolinar Moscote khó khăn lắm mới nhận mặt được nhà khởi nghĩa đi ủng cao cổ, đeo súng ngang hông là người vẫn chơi domino với ông tới chín giờ đêm.

- Đây là một trò đùa phải không Aureliano? - ngài reo lên hỏi.

- Không đùa đâu, - Aureliano nói, - đó là chiến tranh thật sự. Xin bố đừng gọi Aureliano cộc lốc nữa, vì tôi đã là đại tá Aureliano Buendía rồi.

CHƯƠNG 6

Đại tá Aureliano Buendía đã phát động ba mươi hai cuộc vũ trang nổi dậy và thất bại hoàn toàn. Chung đụng với mười bảy cô gái ở những làng khác nhau, ngài sinh được mười bảy người con trai và tất cả bọn họ đều lần lượt bị giết hại chỉ trong một đêm trước khi người con cả vừa đúng ba mươi lăm tuổi. Ngài đã thoát nạn trước mười bốn vụ mưu sát, bảy mươi ba vụ phục kích và một đội hành hình. Ngài sống sót qua vụ đầu độc bằng bột mã tiền hòa trong cà phê với lượng đủ giết chết một con ngựa. Ngài từ chối Huân chương Công Huân do Tổng thống nước Cộng hòa tặng. Ngài trở thành Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng có uy quyền từ nước này sang nước khác và là người buộc chính phủ phải gồm, nhưng không bao giờ ngài cho phép người ta chụp ảnh mình. Ngài khước từ lương hưu trí dành cho mình sau chiến tranh và sống cho đến tuổi già nhờ những chú cá vàng được sản xuất trong xưởng kim hoàn của mình ở làng Macondo. Mặc dù lúc nào cũng dẫn đầu quân đội của mình trong trận mạc nhưng vết thương duy nhất trên người lại do chính tay ngài gây nên sau khi ký hiệp định đình chiến Neerlandia, kết thúc hai mươi năm nội chiến. Ngài tự bắn một phát súng lục vào ngực mình và - viên đạn chui ra ở phía lưng không hề gây tổn hại cho lực phủ ngũ tạng. Cái duy nhất còn lại trong hai mươi năm nội chiến là con đường ở Macondo mang tên ngài. Tuy nhiên, theo lời tuyên bố của ngài mấy năm trước khi chết vì già lão, ngay điều đó cũng không hề là điều ngài mong đợi trong buổi sáng ngài cùng với hai mươi một chàng trai khỏe mạnh lên đường gia nhập các lực lượng vũ trang của tướng Victorio Medina.

- Chúng ta để lại Macondo cho cháu đây, - đó là tất cả những gì chàng nói với Arcadio trước lúc lên đường. - chúng ta hài lòng để nó cho cháu. Vậy cháu hãy cố gắng lo cho nó để khi trở về chúng ta thấy nó tốt đẹp hơn.

Arcadio đã đáp lại lời khuyên như ấy theo cách riêng của mình. Cậu may một bộ quân phục với lon và tua ngũ cấp nguyên soái, mô phỏng theo hình vẽ trong cuốn sách của Melquíades và đeo vào thắt lưng mình thanh gươm có bao khảm vàng của viên đại úy bị hành hình. Đặt hai cỗ pháo ngay ở cổng làng, cho học trò cũ của mình - những kẻ điên khùng bởi những lời tuyên bố nẩy lửa của cậu - mặc đồng phục và cho chúng ngông nghênh mang vũ khí đi đi lại lại trên khắp nẻo đường làng để gây cho những người lạ mặt có cảm nghĩ đây là một vị trí quân sự bất khả xâm phạm. Đó là một trò chơi giống như con dao hai lưỡi bởi vì nhờ nó chính phủ không dám cho quân tấn công quảng trường liền trong mười tháng trời, nhưng cũng vì nó mà khi chính phủ ra lệnh tấn công quảng trường thì quân đội đã dùng một lực lượng lớn được vũ trang cực mạnh đến mức đã tiêu diệt lực lượng đề kháng chỉ trong vòng nửa giờ đồng hồ.

Ngay từ ngày đầu tiên thực thi quyền lực của mình, Arcadio đã lộ mặt là một kẻ hồng hách. Hàng ngày, cậu ta đọc lệnh cho tới bốn giờ chiều để ra lệnh và sắp đặt mọi việc theo ý muốn của mình. Cậu ta thi hành lệnh cưỡng bức quân sự đối với những người từ mười tám tuổi trở lên, tuyên bố trưng dụng những súc vật nào còn lang thang ngoài đường sau sáu giờ chiều và bắt buộc những người đàn ông lớn tuổi phải đeo băng đỏ ở cánh tay. Giam lỏng cha Nicanor trong tu viện với lời đe dọa sẽ đem bán và cấm cha làm lễ mixa và kéo chuông nếu không phải là để mừng thắng lợi của phái Tự do. Để không còn một ai nghi ngờ tính chất nghiêm túc ở những chủ trương của mình, cậu ta ra lệnh cho một đội hành hình tập bắn thẳng bù nhìn ở ngoài quảng trường ngay trước mắt thiên hạ. Lúc đầu chẳng một ai coi trọng điều đó. Chẳng qua là các cậu học trò chơi trò người lớn thôi. Nhưng có một đêm, khi Arcadio bước vào tiệm ăn của bác Catarino, nghệ sĩ thổi kèn trôm-pét đã chào cậu bằng một hồi kèn bông lơn khiến cho đám đông cười rộ lên, thế là cậu ra lệnh bắn chết anh ta vì tội không tôn trọng nhà chức trách. Đối với những ai dám phản đối mình, cậu ra lệnh còng tay nhất vào trại giam vốn là một phòng học và cho họ ăn bánh nhạt với nước lã. “Mày là đứa giết người”, Úrsula mắng cậu mỗi khi bà biết được một hành động bạo ngược mới của cháu mình. “Nếu Aureliano mà biết thì nó sẽ giết mày và tao sẽ là người đầu tiên trong cái làng này hả lòng hả dạ”. Song những lời la mắng ấy của bà đều vô ích. Arcadio vẫn điên khùng xiết chặt các ốc vít của bộ máy kim kẹp cho đến khi cậu ta trở thành tên khát máu nhất chưa từng có trong số những nhà chức trách ở làng Macondo. “Giờ đây mới khổ sở với sự tranh giành”, Don Apolinar Moscote nói ra miệng trong một số dịp: “Đó là Thiên đường của những kẻ Tự do mà”. Arcadio biết. Cầm đầu toán quân lùng sục, cậu đột nhập ngôi nhà ở, đập phá bàn ghế giường tủ, đánh đập các cô con gái và lôi xềnh xệch Don Apolinar Moscote đi theo. Ngay lúc Arcadio sắp sửa đích thân ra lệnh cho đội hành hình nổ súng vào Don Apolinar Moscote thì Úrsula, sau khi đã sượng sùng la hét và giận dữ huơ huơ chiếc roi da sơn hắc ín để rě đám đông, làm ồn cả sân trại lính: “Thằng đểu, mày hỗn vừa vừa chứ! ” Trước khi Arcadio kịp phản ứng, bà đã quất cho cậu một roi da, “Thằng giết người. Mày hỗn láo quá thể”, bà hét. “Mày giết cả tao nữa, đồ mất dạy. Như thế tao đờ phải khóc vì nhục nhã đã nuôi nấng một tên phản phúc”. Bà cứ thế quất lia lịa không thương tiếc, đuổi theo cậu ta đến tận cuối sân mà đánh, làm cho cậu ta phải lăn lộn như một con ốc sên. Don Apolinar Moscote đứng chết khiếp đi, bị trói ghì vào chiếc cột trước đây những thằng hình nộm tan xác pháo do đạn súng của đội hành hình tập. Các chàng trai của đội hành hình tản mát hết vì sợ Úrsula sẽ đánh chết họ. Nhưng bà không thèm nhìn họ. Để mặc Arcadio với bộ quân phục lôi thôi, lếch thếch, rên rỉ vì đau đớn và giận dữ, bà đi cời trói cho Don Apolinar Moscote rồi dẫn ngài về nhà. Trước khi đi khỏi trại lính, bà còn thả nốt các chính trị phạm.

Kể từ dạo ấy, bà là người cai quản làng Macondo. Bà khôi phục lễ mixa ngày chủ nhật, bãi bỏ việc đeo băng đỏ, bãi bỏ các đội tuần tra hung bạo. Nhưng vào lúc nghỉ ngơi bà vẫn khóc than cho số phận hẩm hiu của mình. Bà cảm thấy quá ư cô quạnh đến mức bà phải tìm đến người chồng bị lãng quên dưới bóng cây dẻ. “Minh ơi, mình hãy nhìn cảnh ngộ của chúng ta, có thảm không chứ”, bà nói với ông trong lúc những trận mưa rào tháng bảy đe dọa quật đổ túp lều lá cọ. “Mình hãy nhìn ngôi nhà hoang vắng, con cái chúng ta ly tán khắp thế gian, và một lần nữa chỉ có hai chúng ta với nhau như cái thuở ban đầu”.

José Arcadio Buendía triền miên trong bể thửm vô thức, cứ trơ như đá trước những lời thở than của bà. Vào lúc mới điên rồ, ông thường dùng những câu Latinh khó hiểu để thông báo cho mọi người biết những nhu cầu tối cần thiết hàng ngày của mình. Trong những lúc tỉnh táo ngắn ngủi, khi Amaranta mang cơm cho ông, ông đã báo cho cô biết những phiền toái nhất của mình, và ông ngoan ngoãn uống thuốc cao hạt cải và để cho cô giác máu. Nhưng ở thời kỳ Úrsula thở than bên ông thì ông hoàn toàn mất khả năng tiếp xúc với đời thực. Ông ngồi trên ghế để bà tắm từng bộ phận một cho mình. Trong lúc tắm bà kể cho ông nghe chuyện nhà chuyện cửa. “Đã bốn tháng nay, Aureliano đi trận, và chúng ta vẫn chưa nhận được tin tức gì về hắn”, bà nói trong lúc kỳ cọ xà phòng cho ông. “José Arcadio đã trở về, đó là một người đàn ông thực thụ, cao hơn cả ông ấy, và sẫm khắp người. Hắn trở về chỉ để mang nỗi nhục cho gia đình mình”. Tuy nhiên, bà quan sát thấy hình như chồng mình buồn trước những tin dữ ấy. Thế là bà đổi giọng khuyến sang nói dối ông “Mình đừng tin những điều tôi vừa nói nhé”, bà nói, trong lúc rắc tro xuống những bãi phân của ông để lấy mo hót đi. “Thượng đế muốn José Arcadio và Rebeca lấy nhau và giờ đây chúng nó sống rất hạnh phúc”. Rồi bà trở nên quá thành tâm trong khi nói dối đến nỗi ngay bản thân bà cũng cảm thấy được an ủi bằng chính những lời mình phỉnh phờ. “Arcadio đã trở thành một chàng trai đứng đắn - bà nói - rất dũng cảm và rất bánh bao diện bộ đồng phục và đeo kiếm bên hông”. Tất cả những lời ấy được nói ra như thể nói với người chết, bởi José Arcadio Buendía thanh thản, rất thanh thản ở ngoài mọi băn khoăn lo lắng. Những bà vẫn không thôi. Bà thấy ông hiền lành quá giống với mọi người quá, đến mức bà cõi trời cho ông. Ông vẫn nằm trên chiếc ghế, như thể những chiếc chạc không còn cần thiết nữa, bởi vì dường như đã có một sức mạnh còn mạnh hơn cả những nút trời buộc mà mắt thịt có thể nhìn thấy đã trời ghì ông vào gốc cây dẻ. Vào khoảng tháng tám, khi mùa đông bắt đầu dài lê thê, Úrsula đã có thể báo cho ông biết một tin:

- Nay ông, vận may vẫn đến với chúng ta đây, - bà bảo ông, - Amaranta và anh người Ý chữa cây đàn dương cầm tự động ấy sẽ cưới nhau đây.

Quả thật, Amaranta và Pietro Crespi đã có một tình bạn sâu sắc. Cả hai đều được Úrsula đùm bọc yêu thương. Lần này bà thấy không cần thiết phải ngồi canh chừng đôi trai gái chuyện trò. Đó là một mối tình trong buổi hoàng hôn. Anh người Ý với bông hoa dành dành trắng ngà nổi bật trên ve áo đến nhà vào buổi chiều, và dịch ra tiếng Tây Ban Nha cho Amaranta nghe những bài thơ sô-nê của Petrarca^[22]. Hai người ngồi ở hành lang nồng nặc mùi hoa hồng và hoa thu hải đường. Chàng đọc thơ, nàng dệt những tấm đăng ten, không hề biết những sự kiện kinh người và những tin dữ ngoài mặt trận, cho tới khi muỗi đốt dữ dội họ mới chạy vào phòng khách. Tình cảm dịu dàng của Amaranta với những lời âu yếm đầy ý nhị giống như một tấn mạng nhện vô hình ngày một bọc chặt lấy người yêu đến mức vào lúc tám giờ tối buộc anh phải lấy những ngón tay mai mái xanh đeo nhẫn gỡ nó ra để về nhà mình. Hai người đã làm một cuốn album tuyệt vời với những tấm bưu thiếp từ Ý gửi đến cho Pietro Crespi. Đó là những bức ảnh chụp những người yêu nhau trong những vườn hoa vắng vẻ, với hình vẽ trang trí trái tim bị mũi tên xuyên ngang và những dải vàng vương cánh những đôi bồ câu. “Anh biết công viên này ở Florence”, anh nói, trong lúc lần giở các tấm bưu thiếp. “người ta vừa chia bàn tay ra, lập tức chim đã sà xuống để ăn”. Đôi lúc, trước một nhà cây cảnh, nỗi nhớ nhung đã biến mùi bùn và mùi cá thối trong các kênh mương thành phố Venice thành một mùi hoa thơm dịu dịu. Amaranta thở dài, cười, mơ mộng đến một tổ quốc thứ hai gồm những chàng trai và những cô gái đẹp lộng lẫy nói thứ tiếng nói của trẻ thơ, trên những thành phố cổ kính mà thời huy hoàng oanh liệt xưa của chúng giờ chỉ còn lại những chú mèo lẩn quất bên những đồng gạch vữa đổ nát. Sau khi vượt qua trùng dương mê mông trong sự tìm kiếm của mình, sau khi đã nhàm lẫn nó với nỗi đam mê trong những lúc âu yếm mãnh liệt của Rebeca, giờ đây Pietro Crespi đã gặp được tình yêu. Niềm vui mang theo cả sự giàu có, lúc này cửa hàng của anh chiếm gần hết một ô phố. Đó là một tủ kính khổng lồ kỳ ảo nhận phục chế những chiếc đồng hồ báo thức xứ Florence mà mỗi bận điểm giờ chúng làm vang lên một bản hợp xướng những tiếng chuông, bày bán những hộp phấn Tàu khiến năm ngón tay thích thú khi mở nắp, và đủ loại nhạc cụ có thể tưởng tượng ra, đủ loại đồ chơi dây có thể mơ ước thấy.

Bruno Crespi, em út của anh, ngồi trông coi cửa hàng, bởi vì cậu chưa đủ khả năng đảm đương lớp học nhạc. Nhờ có Pietro Crespi đường Thổ Nhĩ Kỳ vội sự trưng bày lộng lẫy các thứ hàng quý giá đã trở thành một nơi yên tĩnh du dương để quên đi những hành động tàn bạo của Arcadio và không khí ảm đạm muôn thuở của chiến tranh. Khi Úrsula quyết định phục hồi các buổi lễ mixa ngày chủ nhật, Pietro Crespi đã hiến nhà thờ một cây đàn thiếu nhi, chuẩn bị một bài hát sẽ làm cho buổi lễ mixa trầm buồn của cha xứ Nicanor

vui hẳn lên. Không một ai còn nghi ngờ Amaranta sẽ là một người vợ hạnh phúc. Cứ để cho tình cảm lứa đôi mặc nhiên nảy nở từ trái tim của hai người, không cần phải thôi thúc, bọn họ đã đi đến đỉnh điểm của tình yêu chỉ còn thiếu việc định ngày làm lễ cưới. Bọn họ không gặp một trở ngại nào. Úrsula thậm chí trách mình với việc trì hoãn không thời hạn ngày cưới đã làm thay đổi số phận của Rebeca. Cho đến bây giờ bà vẫn chưa nguôi nỗi tủi hổ. Việc để tang Remedios thật nghiêm túc đã phải lui xuống hàng thứ, bởi sự chết chóc do chiến tranh gây nên, bởi sự vắng mặt của Aureliano, bởi hành động tàn bạo của Arcadio, bởi việc tống khứ José Arcadio và Rebeca ra khỏi nhà. Trước đám cưới sắp đến, chính Pietro Crespi đã khẩn khoản xin được coi Aureliano José vốn được anh quý như con đẻ, là đứa con đầu lòng của mình. Tất cả đều khiến cho mọi người nghĩ rằng Amaranta đang đi tới một hạnh phúc dễ dàng. Nhưng, khác hẳn với Rebeca, cô không hề để lộ sự thèm khát của lòng mình. Với chính cái tình cảm khi ngồi dệt những tấm khăn trải bàn, những diềm đăng ten kết những con công dính trên cây thánh giá chờ đợi cho Pietro Crespi không thể ghim được những đòi hỏi khẩn cấp của trái tim anh. Giờ tận số của anh đã đến vào những ngày mưa bất hạnh trong tháng mười. Pietro Crespi gỡ tay cô khỏi khung thêu và hai tay anh cầm thật lâu bàn tay cô. “Anh không thể đợi hơn được nữa”, anh nói với cô. “Chúng ta sẽ cưới nhau vào tháng tới nhé”. Amaranta không run rẩy khi tay cô chạm phải bàn tay lạnh buốt của anh. Cô từ từ rút tay mình ra khỏi hai tay anh. Giống như một con vật lẩn tránh, cô lại tiếp tục công việc.

- Thôi đi đừng có mà ngây ngô quá thế đi Crespi, - cô cười. - Dù có chết tôi cũng không lấy anh đâu.

Pietro Crespi không tự chủ được bản thân. Anh khóc nức nở không còn biết xấu hổ, gằn như bóp nát các ngón tay vì thất vọng. Nhưng anh vẫn không lay chuyển được cô. “Đừng chân chừ mất thời gian nữa”, đó là tất cả những gì mà Amaranta có thể nói. “Nếu quả tình anh yêu tôi tha thiết thì xin đừng bước tới nhà này nữa”. Úrsula tưởng như mình phát điên lên vì xấu hổ. Pietro Crespi trở hết tài van xin, tự hạ mình tới mức không thể tưởng tượng được. Suốt một đêm anh khóc như một đứa bé trên ngực Úrsula, người có lẽ phải bán cả linh hồn để an ủi anh.

Trong những đêm mưa người ta bắt gặp anh đội chiếc ô lụa lảng vảng quanh nhà cố lòng bắt gặp ánh sáng trong phòng Amaranta. Chưa bao giờ anh mặc diện như lúc ấy. Mái đầu đẹp lộng lẫy như của một vị hoàng đế qua cơn sóng lòng đã mang vẻ lả lẫm hẳn đi. Anh đón đường các bạn gái của Amaranta, những cô gái vẫn thường đến thêu ở hành lang, để nhờ họ khuyên giải Amaranta. Anh không còn lòng dạ nào chăm lo tiệm buôn. Suốt ngày anh ở nhà trong viết những bức thư nhằm chán để gửi đến Amaranta cùng với những cánh hoa và những con bướm ướp khô. Nhưng cô vẫn để nguyên

gửi trả anh. Đóng cửa phòng, anh ngồi lì ngày nọ qua ngày kia để chơi đàn lục huyền. Có một đêm anh hát. Macondo thức dậy trong nỗi thảng thốt đặc biệt mà tự cảm thấy mình được thần thánh lựa bởi tiếng đàn lục huyền vang lên rền rĩ không phải từ thế gian này mà bởi một giọng hát ni non chan chứa tình yêu thương dường như không thể có trên mặt đất này. Thế là lúc đó Pietro Crespi nhìn thấy ánh sáng ló ra từ cửa sổ khắp các nhà trong làng chỉ trừ cửa sổ phòng Amaranta. Ngày mồng hai tháng mười một, ngày lễ của tất cả các vong linh, em trai anh mở cửa hàng và bắt gặp tất cả các ngọn đèn đều thấp sáng, tất cả các hộp nhạc đều mở, tất cả đồng hồ đều dừng lại ở một giờ vô tận, và trong quang cảnh ngồn ngàng ấy cậu thấy Pietro Crespi ngồi bên bàn viết ở nhà trong với bàn tay các ngón đều bị dao cắt ngâm trong chậu cánh kiến.

Úrsula quyết định sẽ quản thi hài anh trong nhà mình để làm lễ viếng. cha Nicanor khước từ làm lễ rửa tội cho anh và mai táng anh ở đất thánh. Bà Úrsula đương mặt với cha. “Cả cha cả con, chúng ta không thể hiểu được rằng con người ấy là một vị thánh”, bà nói. “Trái với ý nguyện của cha, con sẽ chôn anh ta ở ngay cạnh ngôi mộ của Melquíades”. Bà làm đúng những điều mình nói. Được cả làng ủng hộ, bà tổ chức lễ tang thật trọng thể cho anh. Amaranta không bước ra ngoài phòng mình. Nằm trên giường cô nghe rõ tiếng khóc của Úrsula, tiếng chân đi lại và lời than thở sụt sùi của đám đông và tiếng rú rùng rợn của những người đàn bà khóc mướn vọng vào nhà và sau đó là khung cảnh yên tĩnh trầm mặc vương mùi hoa bị chà đạp. Úrsula từ bỏ cô. Ngay cái buổi chiều Amaranta vào bếp thọc tay vào bếp than đỏ rực để nguyện cho tới khi cô không còn biết đau đớn mà chỉ cảm thấy mùi khét lẹt của chính da thịt mình đang xèo xèo cháy, bà cũng chẳng thềm ngược mắt nhìn để thương xót con gái. Đó là rách chữa hiệu nghiệm những nỗi ăn năn dần vật. Trong vài ngày liền, với bàn tay bỏng ngâm trong một bát lòng trắng trứng gà, cô đi đi lại lại trong nhà và khi chữa khỏi những vết cháy bỏng thì dường như lòng trắng trứng gà cũng chữa lành những vết cháy bỏng trong trái tim cô. Dấu vết bên ngoài duy nhất còn lại của tấn bi kịch là tấm băng đen băng trên bàn tay bị bỏng và cô đã phải mang nó cho đến khi chết.

Qua việc ra lệnh chính thức để tang Pietro Crespi, Arcadio đặc biệt tỏ ra là người cao thượng. Úrsula giải thích hiện tượng đó như là sự trở về của một con chiên lầm đường. Song bà nhầm to. Bà đã để mất Arcadio không chỉ từ khi cậu ta mặc bộ quân phục mà đã từ lâu rồi. Bà những tưởng mình nuôi dưỡng nó như nuôi dưỡng một đứa con trai, như nuôi dưỡng Rebeca, không quá chiều chuộng cũng không quá tệ bạc. Tuy vậy, Arcadio vốn là một đứa trẻ đơn độc và hoảng sợ trong suốt thời kỳ dịch mất ngủ hoành hành, trong hoàn cảnh Úrsula mãi mê làm giàu, José Arcadio Buendía điên rồ, Aureliano

lầm lỳ ít nói, Amaranta và Rebeca thù nhau. Aureliano dạy nó học đọc và học viết, mà tâm tưởng anh cứ để ở tận đâu đâu ấy, cứ như thể anh biến nó thành một kẻ lạ lẫm. Anh cho nó quần áo sắp rách để Visitación chữa lại cho vừa. Arcadio khổ sở với những đôi giày quá rộng, với những chiếc quần chữa lại, với bộ móng đàn bà của mình. Chẳng bao giờ nó giải bày tâm sự với ai ngoại trừ với Visitación và Cataure qua ngôn ngữ của họ. Trên thực tế Melquíades là người duy nhất bận tâm tới nó. Cụ ngâm cho nó nghe những bài nhã ca khó hiểu cũng như giảng giải cho nó về nghề ảnh. Không ai biết nó đã khóc thầm trước cái chết của cụ như thế nào và nó đã cố lòng làm sống lại cụ qua việc nghiền ngẫm những trang viết của cụ mà không kết quả. Trường học, nơi cậu ta dốc lòng dốc sức làm việc và được mọi người kính trọng, sau đó là chức quyền được giao với những mệnh lệnh dứt khoát và bộ quân phục vinh quang, những thứ đó đã giải thoát cậu ta khỏi nỗi đắng cay trước đây. Có một đêm nọ, ngay trong tiệm bác Catarino, một ai đó đã dám nói thẳng với cậu ta: “Anh không xứng với tên họ của mình!”. Trái với điều mọi người mong đợi Arcadio đã không ra lệnh bắn người đó:

- Rất hân hạnh, - cậu ta nói. - May quá, tôi lại không phải là một Buendía.

Những ai biết gốc gác của cậu ta qua cuộc đấu khẩu này thấy đều nghĩ rằng cậu ta đã hiểu. Thực ra cậu ta vẫn không hay biết gì về gốc gác của mình. Pilar Ternera, bà mẹ cậu ta, người từng làm cho cậu ta nổi máu dê ở trong phòng làm ảnh, là một sự thèm khát không thể cưỡng lại nổi đối với cậu ta, cũng như thưở ban đầu đối với José Arcadio và sau đó đối với Aureliano. Mặc dù thị đã để mất đi vẻ duyên dáng và tiếng cười phấn khích trước đây, cậu ta vẫn tìm kiếm thị và đã gặp thị trong mùi khói khen khét phả ra từ thân xác thị. Nhưng trước ngày nổ ra chiến sự, có một buổi trưa thị đến trường muộn hơn cả để tìm thằng con út của mình thì Arcadio đang đợi thị tại phòng nghỉ và sau này là phòng giam. Trong lúc đưa trẻ đang nô đùa ở ngoài sân, cậu ta nằm trên võng chờ đợi thị mà người cứ run bắn lên vì thèm khát và biết rằng thị sẽ qua đây. Thị đến thật. Arcadio cầm lấy cổ tay thị định lôi lên võng với mình.

“Chịu thôi! Chịu thôi!”, Pilar Ternera run rẩy sợ hãi nói. “Cậu không biết rằng tôi cũng muốn chiều cậu lắm chứ. Nhưng có Thượng đế làm chứng cho: tôi không thể thỏa mãn cậu được”.

Với sức mạnh cha truyền, Arcadio đã quàng tay ôm lấy thắt lưng thị và cảm thấy trời đất ngã nghiêng khi chạm phải da thịt thị. “Thôi đi, đừng có mà làm bộ ta đây...”, cậu ta nói. “Cuối cùng cả bàn dân thiên hạ ai cũng biết tông mình làm điểm rồi”.

Pilar Ternera cố quất nổi nhục nhã mà số phận bi thảm đã dành cho

mình. - Bọn trẻ con sẽ biết mất, - thị nói. - Tốt hơn hết là đêm nay cậu hãy để ngõ cửa.

Đêm ấy, nằm trên võng người cứ nóng ran như có lửa tràm, Arcadio đợi thị. Cậu ta không ngủ để chờ đợi mà dõi theo tiếng trong đêm khuya và tiếng vạc ăn đêm. Cậu càng đợi cậu ta càng vô vọng và nghĩ rằng mình đã bị “một quả lửa”. Đương lúc sự thèm khát ngày một nguội dần và lúc cơn giận dữ ngày một bốc lửa, thì bỗng nhiên cửa mở. Sau đó mấy tháng, đứng trước họng súng của đội hành hình, Arcadio đã làm sống lại trong ký ức mình những bước chân chệnh choạng đi trong phòng học, những cú va chạm ghé băng, rồi cuối cùng một bóng hình nổi đậm trong phòng mờ tối và tiếng đập thình thình của một con tim vốn không phải là của mình. Cậu ta chìa tay ra và bắt gặp một bàn tay khác đeo hai chiếc nhẫn trên cùng một ngón tay của một người sắp chết chìm trong bóng tối. Cậu ta cảm thấy máu mình chảy giần giật trên các huyết quản, nổi bất hạnh của mình đang đập rối loạn và cảm thấy bàn tay mình, với đường đời bị thân chết chém ngang trên gò ngón tay cái, sẫm sấp ướt mồ hôi. Vậy là cậu ta hiểu ngay rằng người đàn bà ấy không phải là người mình đợi chờ, bởi vì người đàn bà ấy không phả ra mùi khen khét mà phả ra mùi bri-giăng-tin, bởi vì người đàn bà ấy có bộ vú chũm cau, có cái mông đóc cứng và tròn như hạt bồ đào và thân thể người ấy run run về hoảng loạn của người chưa từng trải mùi đời. Người ấy là một cô gái trinh và có cái tên đến là khó tin: Santa Sofía de la Piedad^[23].

Pilar Ternera trả cho cô năm mươi đồng peso, một nửa số tiền thị đã ki cốp trong cả cuộc đời, để cô làm cái việc đang làm. Arcadio từng nhìn thấy cô nhiều lần trong lúc trông nom cửa hiệu thực phẩm của cha mẹ, và chưa bao giờ cậu để mắt tới cô bởi vì cô chưa thực sự ở tuổi thanh xuân. Song kể từ ngày đó trở đi, cậu ta như một con mèo cứ rúc vào nách cô gái. Cô đến trường vào giờ nghỉ trưa trong sự đồng lõa của cha mẹ mình vốn là những người đã được Pilar Ternera cho nốt số tiền ki cốp được. Về sau này, khi quân chính phủ tổng khừ bọn họ ra khỏi trường học, thì hai người làm tình với nhau giữa những thùng bơ và những tải ngô trong kho hàng. Trong thời kỳ Arcadio được phong làm Quan Tổng trấn coi các vấn đề quân sự và dân sự ở làng Macondo, họ đã có chung một đứa con gái.

Những người thân duy nhất biết chuyện là José Arcadio và Rebeca. Họ là những người mà Arcadio lúc đó giữ được các quan hệ mật thiết không chỉ dựa trên tình ruột thịt mà cả trên sự đồng lõa. Cái ách vợ chồng buộc José Arcadio hoàn toàn phải quy phục. Tính cách cứng rắn của Rebeca, cái bụng háo ăn của cô sự tham lam vô độ của cô, đã hút cạn sức lực cường tráng của người chồng, buộc anh vốn là kẻ lười nhác và trai lơ phải trở thành một con vật khổng lồ chịu thương chịu khó làm lụng.

Anh có một ngôi nhà sạch sẽ và gọn gàng ngăn nắp. Cứ mỗi bận sáng dậy, Rebeca mở toang cửa và gió từ nghĩa địa qua các cửa sổ ùa vào rồi lại cuốn ra ngoài theo cửa canh để lại hơi diêm sinh của người chết làm cho những bức tường bệch bạc ra và khiến cho những bàn, tủ, giường xám đen lại. Con đói đất, tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc của hai bộ hài cốt của cha mẹ cô, sự nôn nóng của cô trước thái độ quá ư diêm tĩnh của Pietro Crespi đã lùi vào dĩ vãng. Cả ngày cô ngồi thêu bên cửa sổ, xa lạ trước mọi dư âm của chiến tranh. Cho tới khi các nồi sành bắt đầu rung lên trong chạn, cô mới đứng dậy đi hâm lại thức ăn. Cô làm việc ấy trước lúc xuất hiện những con chó bê bết lấm bùn hay khịt mũi đánh hơi và người đàn ông vạm vạp đi ủng có đinh thúc ngựa, khoác khẩu súng hỏa mai hai nòng: Người này có lúc vai vác một chú nai, còn hầu như lúc nào cũng mang về một xâu thỏ hoặc vịt trời... Có một buổi chiều nọ, đúng vào dịp năm quyền, Arcadio bỗng dừng đến thăm họ. Tất khi ra khỏi nhà, bọn họ không nhìn thấy cậu nhưng cậu đã biểu lộ một tình cảm nồng nhiệt và thân thiết đến mức vợ chồng họ đã mời cậu ở lại cùng nếm món thịt thú rừng vừa được xào nấu. Chỉ đến khi uống cà phê Arcadio mới nói rõ mục đích mình đến chơi: cậu đã nhận được một lá đơn tố cáo José Arcadio. Lá đơn nói rằng José Arcadio cày sân mình và cày lấn sang đất đai lân cận, phá đổ rào và lừa bò của mình vào chuồng người khác, dùng sức mạnh chiếm đoạt những trang trại trù mật nhất ở xung quanh. Đối với những người nông dân không bị tước đoạt vì ruộng đất của họ xấu, y buộc họ phải đóng thuế. Vào thứ bảy hàng tuần y dùng chó săn và khẩu súng hỏa mai hai nòng để thu thuế. Y không phản đối những lời ấy. Y khẳng định quyền lợi của mình trên những đất đai chiếm đoạt được từng bị José Arcadio Buendía phân chia từ thời lập làng và tin tưởng có thể chứng minh rằng cha mình đã diên rồ từ thời ấy, bởi vì cụ đã đem phân phát của cải trên thực tế thuộc về gia đình mình. Đó là một lý lẽ không cần thiết bởi vì Arcadio đến đây không phải để phân xử đúng sai mà chỉ đơn thuần mặc cả thôi. Về phần mình, cậu lập ra một văn phòng luật sư trông coi của cải tư hữu sẽ cấp cho José Arcadio các văn tự để y hợp pháp hóa những đất đai chiếm đoạt được và ngược lại y phải để cho chính quyền địa phương được quyền thu thuế. Hai người thỏa thuận với nhau. Những năm sau này khi đại tá Aureliano Buendía kiểm tra các văn tự ruộng đất, chàng đã thấy rằng tất cả đất đai kể từ sân nhà José Arcadio cho tới tận chân trời kể cả nghĩa địa của làng đều thuộc quyền sở hữu của ông anh mình; và rằng trong mười một tháng năm quyền bính, Arcadio đã thu không chỉ tiền thuế mà còn cả tiền của nhân dân muốn được chôn cất người thân của mình trên điền sản của José Arcadio.

Vài tháng sau Úrsula mới biết cái việc đã trở thành quyền lực công khai, bởi vì dân chúng giấu không cho bà biết để khỏi khiến bà đau khổ thêm. Bà bắt đầu nghi ngờ cậu ta. “Arcadio đang xây một ngôi nhà”, bà tự hào khẳng

định với chồng mình trong lúc cô nhét vào miệng ông một thìa canh bí. Tuy nhiên, bất giác bà lại thở dài: “Không hiểu vì sao tôi cảm thấy không yên lòng đối với tất cả những việc như thế”. Và sau này khi bà biết rằng Arcadio không những đã xây xong nhà mà còn mua sắm giường tủ bàn ghế sản xuất ở Viên thì bà càng khẳng định cậu ta đang biến thủ công quỹ, điều trước đây bà đã hồ nghi.

“Mày là nỗi nhục của dòng họ nhà tao”, bà chửi cậu ta như thế vào lúc kết thúc lễ mixa một ngày chủ nhật, khi bà thấy cậu đang chơi bài trong ngôi nhà mới. Arcadio không đếm xỉa tới lời bà. Chỉ đến lúc ấy Úrsula mới biết cậu ta đã có một đứa con gái sáu tháng và rằng Santa Sofía de la Piedad, người cậu ta cùng chung sống không làm lễ cưới, lại một lần nữa đang có thai.

Úrsula định bụng viết thư cho đại tá Aureliano Buendía, dù chàng ở đâu đi nữa, để chàng tỏ tường mọi chuyện trong nhà ngoài ngõ. Nhưng các sự kiện ồn ào lúc đó không chỉ cản trở mọi ý định của bà mà còn khiến cho bà ân hận vì đã lượm lặt được chúng. Chiến tranh, cho đến lúc ấy vẫn chỉ là một từ để chỉ một hoàn cảnh trống trải và trì độn, đã được cụ thể hóa trong một thực tại bi thương. Vào cuối tháng hai có một bà già tóc bạc cưỡi trên lưng một chú ngựa thô chổi đã đến làng Macondo. Nom bà quá ư hiền lành đến mức các đội tuần tra đã để bà vào làng mà không xét hỏi, như đã từng không xét hỏi những người bán hàng rong thường vẫn qua lại các làng quanh vùng đồng lầy. Bà đi thẳng đến trại lính, Arcadio tiếp bà ngay ở nơi trước đây là lớp học và hiện nay là lán nghỉ của quân lính trong đó những chiếc võng được cuộn lại và treo trên những chiếc móc, những ba lô chồng chất lên nhau ở các xó, và súng trường, súng cạcbin, súng săn ngỗng ngang khắp sàn nhà. Bà già giơ tay chào theo kiểu nhà binh trước khi tự giới thiệu mình: - Tôi là đại tá Gregorio Stevenson.

Ngài mang tới các tin dữ. Những ổ đề kháng cuối cùng của phe Tự do, theo như lời ngài nói, đang bị tiêu diệt. Đại tá Aureliano Buendía người đang bị quân đội Bảo hoàng truy kích ở ngoại vi thành phố Riohacha, đã giao cho ngài sứ mạng đến nói chuyện với Arcadio, khuyên cậu cần phải nộp lại quảng trường cho quân chính phủ bằng cách đặt điều kiện họ phải hứa danh dự đảm bảo tính mạng và tài sản cho những người Tự do.

Arcadio với đôi mắt nghi ngờ dò xét vị sứ giả kỳ dị ấy, người có thể nhầm lẫn với một bà già hoảng sợ đang chạy trốn.

- Vậy xin hỏi chẳng hay ngài có mang theo giấy tờ không? - cậu hỏi.

- Rất tiếc, - vị sứ giả trả lời, - tôi không mang theo. Dễ hiểu rằng trong điều kiện hiện nay thật khó mang theo trong người bất kỳ một thứ gì khiến

người ta khả nghi. Trong khi nói, ngài rút trong yếm ngực ra một con cá vàng và đặt nó lên bàn. “Tôi tin rằng với thứ này đã đủ lắm rồi”, ngài nói. Arcadio xác nhận rằng đó là một trong những con cá vàng được đại tá Aureliano Buendía làm ra. Nhưng một người nào đó đã mua nó trước lúc nổ ra chiến tranh hoặc đã ăn cắp được và thế là nó không còn giá trị của tờ giấy thông thành. Lúc này, vị sứ giả buộc lòng phải vi phạm bí mật quân sự để lộ chân tướng của mình. Ngài kể rằng mình có nhiệm vụ đi về Curaçao để chiêu mộ tất cả những người bị lưu đày của toàn bộ vùng Ca-ri-bê, tìm mua cho đủ vũ khí và quân trang quân dụng để mưu tính một cuộc đổ bộ vào cuối năm nay. Mặc dù tin tưởng kế hoạch ấy nhưng đại tá Aureliano Buendía không đồng ý cho rằng trong thời điểm ấy nên tiến hành những hoạt động xả thân vô ích. Nhưng Arcadio là kẻ nhân tâm. Cậu đã bỏ tù vị sứ giả để tiến hành công việc xác nhận gốc gác của ngài và quyết định sẽ bảo vệ quảng trường đến hơi thở cuối cùng.

Không cần phải đợi chờ lâu. Những tin tức về sự thất bại của phái Tự do ngày một xác thực hơn. Trong một buổi nửa đêm về sáng vào cuối tháng ba trời đổ những trận mưa sớm, không khí yên tĩnh nặng nề của những tuần trước đây bỗng nhiên tan biến cùng với tiếng kèn cornet rùng rợn và tiếng nổ dữ dội của một quả pháo đã làm sập đổ tháp chuông nhà thờ. Trên thực tế, ý nguyện kháng cự của Arcadio là một ý nghĩ điên rồ. Cậu chỉ có trong tay không quá năm mươi người vũ trang kém cỏi với cơ số đạn không quá hai mươi viên mỗi cây súng. Nhưng trong số những người kháng chiến, những học trò cũ của cậu từng náo nức trước những lời tuyên bố hoa mỹ đang quyết chí chiến đấu đến phút cuối cùng vì một sự nghiệp đã phá sản. Trong khung cảnh những tiếng ủng chạy nháo nhác, những mệnh lệnh mâu thuẫn trái ngược nhau, những tiếng đại bác làm rung chuyển mặt đất, những tiếng súng nổ loạn xạ, và những hồi kèn cornet không có ý nghĩa, ngài đại tá bị giam Stevenson xin được nói chuyện với Arcadio. “Hãy tránh cho ta nỗi nhục phải chết trong nhà tù mặc nguyên quần áo đàn bà đi”, ngài nói với cậu. “Nếu ta phải chết thì ta sẽ chết trong chiến đấu”. Arcadio ra lệnh phát cho ngài một cây súng với hai mươi viên đạn, và để cho ngài cùng năm người nữa bảo vệ trại lính, trong khi đó, cùng với bộ chỉ huy của mình cậu ta đi lên tuyến đầu của trận đê kháng. Những chướng ngại vật bị phá vỡ và những người chiến đấu bảo vệ làng phải chiến đấu trong một cuộc đọ súng không cân sức trên các đường phố. Đầu tiên họ dùng súng trường chiến đấu cho tới khi hết đạn, sau đó dùng súng lục chống lại súng trường và cuối cùng đánh giáp lá cà. Trước sự thất bại sắp xảy ra, một số chị em phụ nữ, người cầm gậy kẻ cầm dao thái thịt, cùng đổ ra đường. Trong khung cảnh hỗn độn ấy, Arcadio bắt gặp Amaranta mặc áo ngủ, tay cầm hai khẩu súng lục cũ kỹ của José Arcadio Buendía, đang hoảng hốt tìm cậu. Arcadio liền đưa khẩu súng của mình cho

một viên sĩ quan vừa bị mất súng trong trận chiến đấu, rồi cùng với Amaranta lần vào một con đường cạnh đó để đưa cô về nhà. Úrsula đứng ở cửa ra vào, đang đợi chờ, bất chấp những tiếng súng nổ đì đùng và một viên đạn lạc khoét một cái lỗ trên bức tường mặt tiền của ngôi nhà ngay cạnh. Mưa tạnh hẳn nhưng đường cái ngàu bùn như bột xà phòng và người ta phải dò tìm khoảng cách trong bóng tối Arcadio để Amaranta ở lại với Úrsula, và định bụng chiến đấu mặt đối mặt với hai lính chính phủ từ một góc phố đang đi vào lũng sục. Những khẩu súng lục để quá lâu trong ngăn kéo khô dầu không nổ đạn được. Lấy thân mình che cho Arcadio, Úrsula định kéo cậu về tận nhà mình.

- Về ngay! Vì Thượng đế hãy về nhà ngay - bà thét cậu ta. - Hãy bỏ thói điên khùng đi nào.

Bọn lính nhả đạn về phía họ.

- Bà già hãy buông người kia ra, - một tên lính thét, - nếu không chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm trước cái chết của bà.

Arcadio đẩy Úrsula về phía nhà, còn mình giơ tay đầu hàng. Sau đó ít lâu, tiếng súng ngừng bật và chuông nhà thờ bắt đầu đổ hồi. Cuộc đề kháng đã bị đè bẹp trong không đầy nửa giờ.

Không một người nào của Arcadio sống sót sau trận tấn công, nhưng trước khi chết bọn họ đều bị dẫn điếu qua trước mặt ba trăm lính chính phủ. Pháo đài bị tiêu diệt sau cùng là trại lính. Trước khi nó bị tấn công, đại tá bị giam Gregorio Stevenson, đã thả hết các tù nhân, ra lệnh cho những người dưới quyền ra ngoài đường chiến đấu. Sự thay đổi vị trí chiến đấu đến là linh hoạt của ngài, cũng như đường đạn chính xác của hai mươi viên đạn được ngài bắn đi từ các cửa sổ khác nhau đã đem lại cái cảm giác trại lính được phòng thủ rất tốt, và những kẻ tấn công đã phải dùng đại bác để câu vào phá sập nó. Viên đại úy chỉ huy cuộc chiến đấu phải ngạc nhiên trước quang cảnh những mảng tường nhà rơi đổ ngổn ngang, chỉ có một người đàn ông mặc độc một chiếc quần đùi đã chết và một khẩu súng hết đạn được một cánh tay bị chặt lia khỏi thân xác ôm lấy. Người ấy có bộ tóc dày cộm uốn súng ôm lấy vai và trên cổ đeo một sợi dây mang con cá vàng. Vào lúc lấy mũi ủng lật ngửa để nhìn cho rõ mặt người ấy, viên đại úy giật mình hoảng sợ: “Đồ cứt đái”, ông ta thốt lên. Một số sĩ quan khác cũng ào tới.

- Các vị hãy nhìn xem, cái con người này đến từ đâu vậy? - viên đại úy nói với họ. - Đó là Gregorio Stevenson.

Vào lúc rạng sáng, Arcadio bị bắn ở trước bức tường nghĩa địa sau khi hội đồng quân sự họp khẩn cấp. Trong hai giờ cuối cùng của đời mình, cậu vẫn chưa hiểu nổi vì sao cái nỗi sợ chết từng dẫn dắt mình ngay từ thuở thơ

ầu đã biến mất. Với vẻ bình thản lạnh lùng, không hề bận tâm tới việc chứng tỏ lòng dũng cảm mới nảy sinh, cậu nghe những lời luận tội dài dòng. Cậu nghĩ tới Úrsula mà giờ này có lẽ bà đang cùng ông cả phê với José Arcadio Buendía dưới bóng cây dẻ. Cậu nghĩ tới đứa con gái tám tháng vẫn chưa được đặt tên và tới đứa trẻ sẽ ra đời vào tháng tám tới. Cậu nghĩ tới Santa Sofía de la Piedad đêm qua đã ướp thịt một con hươu cho bữa cơm trưa ngày thứ bảy, nhớ mái tóc dài buông xõa xuống hai vai cô, nhớ những hàng mi dài của cô giống như những bờ mi được làm giả. Cậu nghĩ tới những người của mình không mấy may thương tiếc. Trong lễ công bằng cần phải trang trải với cuộc đời, cậu bắt đầu hiểu được trên thực tế cậu yêu biết nhường nào những người cậu từng căm ghét. Ngài chủ tịch hội đồng quân sự bắt đầu bài phát biểu cuối cùng của mình trước lúc Arcadio chợt nhớ rằng đã qua đi hai giờ đồng hồ rồi. “Mặc dù các chức vụ được giao cho y không có gì đáng kể, - ngài chủ tịch nói, - nhưng với thái độ hung hăng vô trách nhiệm và độc ác y đã đẩy những người dưới quyền của mình tới những cái chết vô ích thì điều đó cũng đủ để khép y vào tội tử hình”... Tại trường học rạn nứt vốn là nơi lần đầu tiên cảm nhận sự chắc chắn của quyền lực, cách mấy mét thì tới phòng học mà lần đầu tiên biết đến thứ tình yêu ngỡ ngàng, Arcadio bắt gặp hình thức nực cười của thần chết. Trên thực tế, đối với cậu lúc này, cái có tầm quan trọng không phải là cái chết mà là sự sống và bởi thế, cái cảm giác mà cậu cảm nhận khi người ta tuyên án tử hình mình không phải là cái cảm giác sợ hãi mà là cái cảm giác nhớ nhung. Cậu vẫn im lặng cho tới khi được hỏi nguyện vọng cuối cùng của mình là gì.

- Hãy nói với vợ tôi, - cậu trả lời với giọng nói sang sảng, - rằng đặt tên cho con gái tôi là Úrsula, - cậu nghĩ rồi khẳng định: đúng là Úrsula tên của bà nội. Và hãy nói với vợ tôi rằng nếu đứa trẻ sắp ra đời là con trai thì đặt tên là José Arcadio nhưng không phải lấy tên của ông bác mà là tên của ông nội nó.

Trước lúc người ta mang cậu tới bức tường ở nghĩa địa, cha xứ Nicanor định rửa tội cho cậu. “Tôi không có gì phải ân hận cả”, Arcadio nói, và làm theo lệnh của đội hành hình sau khi uống hết tách cà phê đen. Người chỉ huy đội hành hình, một người chuyên thi hành các bản án tử hình, có tên rất đúng với nghề của mình: đại úy Roque Carnicero^[24]. Trên con đường đi tới nghĩa địa, dưới trời mưa lất phất, Arcadio nhận thấy rằng một ngày thứ tư rạng sáng đang loé lên ở chân trời. Nỗi nhớ nhung hòa tan trong sương mờ và để lại một sự tò mò khủng khiếp. Chỉ đến khi người ta ra lệnh cho cậu dựa lưng vào tường, Arcadio mới nhìn thấy Rebeca với mái tóc ướt, mặc bộ váy áo hoa màu hồng đang mở toang cửa nhà. Cậu cố lòng thầm khẩn để Rebeca nhận ra mình. Quả nhiên, vừa lúc ấy Rebeca nhìn ra bức tường nghĩa địa và bỗng đứng đần ra vẻ hoảng hốt. Hầu như cô mới chỉ kịp ra hiệu để chào từ

biệt Arcadio. Arcadio đã đáp lại cũng bằng điệu bộ tương tự. Giữa lúc ấy những họng súng bốc khói nhả đạn vào Arcadio và cậu nghe rõ ràng từng lời từng lời một bản nhã ca được cụ Melquíades ngâm và cảm thấy những bước chân chênh choạng của Santa Sofía de la Piedad, cô thiếu nữ trinh tiết, vang trong phòng học và cảm thấy trên mũi mình có cái lạnh cứng của nước đá, cái mà cậu đã chú ý tới khi thấy nó trong hốc mũi của tử thi Remedios. “À, mẹ kiếp - cậu vừa kịp nghĩ ra, - ta quên mất không nói rằng nếu sinh con gái hãy đặt tên là Remedios”. Vậy là lúc ấy, cậu đã cảm thấy nỗi sợ hãi từng tra tấn mình suốt cả cuộc đời. Viên đại úy ra lệnh nổ súng. Hầu như Arcadio vừa kịp ưỡn ngực và ngẩng đầu lên mà không hiểu từ đâu chảy ra một dòng nước đắng đặc nóng bỏng đang thiêu đốt các cơ bắp mình:

- Đồ dê cụ, - cậu hét - Đảng Tự do muôn năm!

CHƯƠNG 7

Chiến tranh kết thúc vào tháng năm. Hai tuần trước khi chính phủ ra thông cáo chính thức và trong một lời tuyên bố huênh hoang, họ đã hứa, sẽ trừng trị không thương tiếc đối với những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa. Chính lúc ấy đại tá Aureliano Buendía bị bắt làm tù binh ngay trong lúc chàng đóng giả thầy mo Anh-điêng sắp vượt qua được biên giới phía tây đất nước. Trong số hai mươi một người theo chàng trong chiến tranh có mười bốn người chết trận, sáu người bị thương và chỉ còn lại độc một người ở bên chàng trong thất bại cuối cùng. Người đó là đại tá Gerineldo Márquez. Qua một sắc lệnh đặc biệt, tin chàng bị bắt được công bố ở làng Macondo.

“Nó còn sống... - Úrsula báo tin cho chồng mình. “Chúng ta cầu mong rằng kẻ thù của nó có lòng độ lượng”. Sau ba ngày khóc lóc một buổi chiều nọ đang khuấy nồi kẹo sữa trên bếp lửa, bà nghe rõ mồn một tiếng con trai mình ngay ở bên tai. “Đó là thằng Aureliano”, bà gào toáng lên trong lúc chạy ra gốc cây để báo tin cho chồng: “Tôi không biết điềm báo như thế nào nhưng nó sống và chúng ta được thấy nó ngay thôi mà”. Bà cho điềm báo ấy là sự thật. Bà sai lau sàn nhà và xếp đặt lại giường tủ bàn ghế. Một tuần sau, một nguồn tin không xuất xứ, không dựa vào sắc lệnh, đã đau lòng khẳng định điềm báo ấy. Đại tá Aureliano Buendía bị kết án tử hình, và bản án sẽ được thi hành ở làng Macondo để uy hiếp dân chúng. Vào lúc bảy giờ hai mươi phút sáng một ngày thứ hai nọ, Amaranta đang mặc quần áo cho Aureliano José thì nghe từ xa vẳng đến tiếng ồn ào và một hồi kèn cornet lạnh lạnh rộn người, và sau đó một phút Úrsula đẩy cửa phòng bước vào. “Người ta giải nó về” bà bảo thế. Quân lính cứ phải vất vả dùng báng súng nện vào đám đông lộn xộn. Úrsula và Amaranta chạy tới đầu phố, rẽ đám đông và thế là nhìn thấy Aureliano Buendía. Chàng giống như một gã ăn mày: quần áo rách tả tơi, râu tóc rối bù, đi chân đất, hai tay bị trói giật cánh khuỷu với chiếc thùng cột vào đầu yên con ngựa do viên sĩ quan đang cưỡi. Cùng với chàng, bọn lính còn giải theo đại tá Gerineldo Márquez, cũng lồi thoi rách rưới và thảm hại như chàng. Hai người không hề buồn. Nom họ dường như đang hồi hộp trước công chúng gào thét chửi bới đám lính đòi bại nhất hạng.

- Ôi con ơi! - trong khung cảnh ồn ào tiếng gào thét, Úrsula gọi con mình và bà tát vào mặt tên lính định ngăn mình lại.

Con ngựa của viên sĩ quan nhảy căng lên. Lúc này, đại tá Aureliano Buendía mới dùng chân, run rẩy và tránh hai cánh tay mẹ dang ra định ôm mình và dõng vào mắt bà một cái nhìn nghiêm khắc:

- Xin mẹ hãy về nhà đi, - chàng nói. - Mẹ hãy xin phép nhà chức trách

mà đến thăm con ở trại giam.

Chàng nhìn Amaranta đang đứng cách chàng hai bước chân ở sau lưng Úrsula, mỉm cười với cô, hỏi: “Tay em làm sao thế kia”. Amaranta giơ bàn tay cuộn băng đen lên. “Bị bỏng”, cô trả lời và kéo Úrsula về phía sau để khỏi bị ngựa giẫm phải. Bọn lính bắn súng chỉ thiên. Đội quân canh gác đặc nhiệm vây lấy hai tù nhân và phi ngựa kéo họ về trại lính.

Buổi chiều ngày hôm ấy, Úrsula đến trại giam thăm đại tá Aureliano Buendía. Bà đã định thông qua Don Apolinar Moscote để xin phép vào thăm nhưng ngài đã bị những quân nhân độc tài tước hết quyền lực. Cha xứ Nicanor đang bị cơn sốt đau gan đánh gục. Cha mẹ của đại tá Gerineldo Márquez, người không bị kết án tử hình, cố tình đến thăm con trai nhưng họ đã bị bọn lính lấy băng súng nện cho rồi đuổi đi. Trước nỗi vô vọng tìm kiếm những người trung gian giúp mình, hơn nữa lại tự nhủ lòng rằng chẳng nào con trai mình cũng sẽ bị bắn vào sáng sớm hôm sau, cho nên Úrsula gói một gói đồ dùng định mang cho chàng, rồi một mình bà đi thẳng đến trại lính.

- Tôi là mẹ của đại tá Aureliano Buendía, - bà tự giới thiệu.

Bọn lính gác chặn bà lại. “Muôn thế nào thì thế, tôi cứ vào”, Úrsula bảo bọn chúng.

“Nếu như các người được lệnh bắn, hãy bắt đầu cùng một thế đi”. Bà ấy một tên lính sang bên, bước vào lớp học cũ nơi một tốp lính để trần đang hí hục lau súng. Một viên sĩ quan mặc quân phục dã chiến, da hồng hào đeo một đôi kính mắt dày như đít chai, cử chỉ khoan thai, đã ra lệnh cho bọn lính gác rút đi.

- Tôi là mẹ của đại tá Aureliano Buendía, - Úrsula nhắc lại.

- Bà muốn nói rằng, - viên sĩ quan, với nụ cười đáng yêu sửa lại bà, - bà là bà mẹ đẻ ra ngài Aureliano Buendía.

Trong cách nói nhỏ nhẹ của viên sĩ quan, Úrsula nhận ra ngữ điệu mềm mại của dân vùng cao nguyên, những người đóm đáng.

- Thưa ngài, đúng như ngài nói. - Bà thành thực thú nhận. - Ngài sẵn lòng cho tôi vào thăm nó chứ.

Đã có lệnh cấp trên không cho phép bất kỳ một ai đến thăm các tù nhân bị án tử hình. Nhưng viên sĩ quan này đã dám chịu trách nhiệm về việc cho bà vào thăm con trai trong vòng mười lăm phút. Úrsula giở cho viên sĩ quan xem các thứ bà đựng trong gói: một bộ quần áo sạch để thay, đôi ủng con trai bà đi trong ngày làm lễ cưới, và kẹo sữa được để dành ngay từ cái hôm bà nhận điếm báo. Bà gặp đại tá Aureliano Buendía trong phòng giam, nằm

dài trên chiếc giường một, dang rộng hai cánh tay vì nách chàng sưng vù lên. Người ta đã cho phép chàng cạo râu. Bộ ria rậm vênh lên xoắn lại càng tô đậm hơn đôi gò má cao của chàng. Dường như Úrsula thấy rằng con trai mình da xanh hơn lúc ra đi, cao hơn và cô đơn hơn bao giờ hết. Chàng đã biết tường tận mọi chuyện xảy ra ở nhà mình: Pietro Crespi tự tử, Arcadio hồng hách và bị hành hình, José Arcadio Buendía ngày một yếu đi dưới bóng cây dẻ. Chàng biết rằng Amaranta đã quyết định suốt đời ở vậy để nuôi dạy Aureliano José và biết rằng đứa bé này rất ngoan, hơn nữa lại thông minh, học đọc và viết vào ngay lúc nó học nói. Kể từ lúc bước vào phòng giam, Úrsula cảm thấy mình bị khống chế bởi sự trưởng thành của con trai, bởi vẻ làm chủ của nó, bởi ánh hào quang quyền thế tỏa sáng trên làn da nó. Bà ngạc nhiên thấy chàng rõ mọi chuyện. “Mẹ đã biết rồi đấy, con đoán rất tài mà”, chàng nói đùa. Rồi với vẻ nghiêm trang chàng nói thêm: “Sáng nay, khi họ giải con đi, con có cảm giác tất cả mọi chuyện này đã xảy ra”. Quả có thể, trong lúc dân chúng gào thét giận dữ bên mình, chàng đã tập trung suy nghĩ và ngạc nhiên trước vẻ già cỗi của làng trong vòng một năm qua. Những cây hạnh đào xoè những tàu lá rách mướp. Các ngôi nhà, đã quét vôi xanh, rồi quét vôi đỏ sau đó lại quét vôi xanh, bắt đầu mang một màu sắc khó gọi được tên.

- Con đang đợi gì nào? - Úrsula thở dài. - Thời gian đang trôi đi.

- Đúng thế, - Aureliano thừa nhận, - nhưng không nhiều đâu mẹ ạ.

Dưới hình thức này, chuyện thăm viếng từng chờ đợi khá lâu, từng được cả hai chuẩn bị những câu hỏi và dự kiến cả những câu trả lời, lại một lần nữa trở thành cuộc nói chuyện thường ngày. Khi người lính gác báo buổi nói chuyện đã hết giờ được phép, Aureliano lật chiếu lấy ra một cuốn giấy nhòn mồ hôi. Đó là những vần thơ của chàng. Một số là những bài thơ chàng viết lúc yêu Remedios và đã mang theo khi ra đi và một số là những bài thơ chàng viết trong những lúc nghỉ ngơi sau trận đánh lòng đầy hoang mang.

“Mẹ hãy hứa với con là không để cho ai đọc chúng đi”, chàng nói, “ngay đêm nay mẹ hãy đốt chúng trong lò nướng bánh nhé”. Úrsula hứa với chàng, rồi bà sửa soạn hôn tạm biệt chàng.

- Mẹ mang cho con một khẩu súng lục đấy, - bà nói thêm.

Đại tá Aureliano Buendía ngó quanh thấy tên lính gác không ở đấy.

“Chẳng ích gì cho con đâu mẹ ạ”, chàng nói khẽ. “Thôi được, mẹ cứ để lại đấy, kéo chúng lại khám mẹ lúc đi ra”.

Úrsula rút từ trong yếm ngực ra một khẩu súng lục và chàng giấu nó dưới chiếu.

“Bây giờ thì không cần phải tiễn biệt”, chàng bình thản nói. “Mẹ chẳng cần phải van xin ai và cũng chẳng cần phải hạ mình trước ai. Mẹ cứ coi như là chúng đã bắn chết con từ lâu rồi”.

Úrsula bặm môi lại để khỏi bật ra tiếng khóc.

- Con hãy chườm gạch nóng vào những vết tấy sưng trong nách đi, - bà nói.

Bà quay nửa vòng rồi ra khỏi xà lim. Đại tá Aureliano Buendía đứng yên vẻ suy tư cho đến khi cửa đóng lại. Sau đó chàng nằm xuống giường dang rộng hai cánh tay: Ngay từ lúc bước vào tuổi thiếu niên, khi bắt đầu nhận thức được những điềm báo của mình, chàng đã nghĩ rằng cái chết phải được báo trước trong một dấu hiệu dứt khoát, không thể nhầm lẫn, và cũng không thể thay đổi được nhưng chẳng còn mấy giờ nữa chàng sẽ phải chết mà chưa có một dấu hiệu nào đến với mình.

Một lần nọ có một người đàn bà đẹp lộng lẫy bước vào doanh trại Tucurínca, xin phép những người lính gác cho phép mình vào thăm chàng. Bọn họ để cho cô gái đi vào bởi họ đã quen thói cuồng tín của một số bà mẹ vẫn thường cho con gái mình đến phòng ngủ của các chiến binh nổi tiếng nhất, theo đúng như lời những người này nói ra, để cải tạo nòi giống. Đêm ấy đại tá Aureliano Buendía vừa làm xong bài thơ nói về người đàn ông lạc lối trong mưa thì cũng là lúc cô gái bước vào phòng. Chàng quay lưng lại phía cô ta để đặt tờ giấy ấy vào ngăn kéo có khóa, là nơi chàng vẫn cất giữ các bài thơ của mình. Thế là chàng cảm thấy thần chết. Chàng vớ lấy khẩu súng trong ngăn kéo mà không hề quay mặt lại.

- Làm ơn, chớ có mà bắn! - Chàng nói.

Khi chàng quay lại, với bàn tay lăm lăm khẩu súng sắp nổ đạn, thì cô gái đã hạ súng xuống, luống cuống không biết làm gì. Bằng cách này chàng đã thoát được bốn trong số mười một trận phục kích. Trái lại có một kẻ không bao giờ lòng bắt được đã đột nhập vào doanh trại quân cách mạng đâm chết đại tá Magnífico Visbal, người bạn chí cốt của chàng, lúc đó đang nằm run trên giường đợi ra mồ hôi hạ cơn sốt. Chỉ cách mấy mét thôi, trong lúc ngủ trên chiếc võng mắc cùng phòng, chàng không hay biết gì. Những cố gắng của chàng nhằm hệ thống hóa lại các điềm báo đều trở nên vô ích. Bỗng nhiên, những điềm báo cùng hiện hiện một lúc trong ánh chớp rực sáng trí thông minh siêu việt, nhưng không thể nắm bắt được vì chúng giống như một niềm tin tuyệt đối nhưng thoáng qua. Có những lúc chúng rất hiển nhiên đến mức khi chúng đã ứng nghiệm rồi chàng mới coi là những điềm báo. Một vài lần khác chúng hiện ra rõ ràng nhưng lại không được ứng nghiệm. Thường thì chúng chỉ là những cú đấm bất chợt, thô thiên của sự mê

tín. Nhưng khi người ta tuyên án tử hình và khi người ta yêu cầu chàng bày tỏ những nguyện vọng cuối cùng của mình thì chàng không gặp một trở ngại nhỏ nào để khẳng định điềm báo mà chàng nhận ra trong câu trả lời của mình:

- Tôi yêu cầu bản án được thi hành ở Macondo, - chàng nói.

Viên chánh án khó chịu.

- Buendía, anh chớ mong thoát chết, - ngài nói với chàng, - đó chẳng qua là một thủ đoạn kéo dài thời gian thôi.

- Hình như các ngài không muốn thi hành bản án này ở Macondo, - ngài đại tá nói - nhưng đó là nguyện vọng cuối cùng của tôi.

Kể từ đó chàng không nhận được điềm báo nữa. Hôm Úrsula đến thăm chàng trong nhà tù, sau khi suy nghĩ lao lung, chàng đã đi đến kết luận: có thể lần này cái chết sẽ không được báo trước vì nó không phụ thuộc vào số phận mà phụ thuộc vào ý nguyện của những tên đao phủ. Đêm ấy chàng thức trắng vật vã với hai nách tấy mủ đau nhức nhối. Nhưng trước lúc trời rạng sáng, chàng nghe rõ những bước chân ngoài hành lang. “Chúng đến”, chàng nói với chính mình và bỗng nhiên chàng nghĩ tới José Arcadio Buendía, người lúc đó trong buổi sáng sớm buồn thảm ngồi dưới gốc cây dẻ cũng đang nghĩ tới chàng. Không cảm thấy sợ, cũng không thấy nhớ nhưng, chàng chỉ cảm thấy điên ruột rằng cái chết nhân tạo này đã không để cho mình tận mắt nhìn thấy kết quả cuối cùng của biết bao công việc còn bỏ dở. Cánh cửa mở, một tên lính gác bước vào phòng mang cho chàng một tách cà phê. Ngày hôm sau vào đúng giờ này, chàng vẫn sống trong cảm giác ấy, cúi tiết vì hai nách đau, và mọi chuyện lại xảy ra đúng như thế. Ngày thứ năm, chàng cũng chia sẻ niềm vui ăn kẹo sữa với những tên lính gác, chàng mặc bộ quần áo sạch hơi chật so với người chàng, và đi đôi ủng màu vécni. Ngày thứ sáu bọn họ vẫn chưa bắn chàng.

Thực ra bọn họ không dám thi hành bản án. Lòng bất phục tùng của dân chúng đã buộc các nhà chức trách quân sự phải nghĩ rằng việc bắn đại tá Aureliano Buendía sẽ gây ra những hậu quả chính trị nghiêm trọng không chỉ ở Macondo mà còn ở toàn vùng đầm lầy, do đó bọn họ phải xin ý kiến các nhà chức trách trên tỉnh. Đêm thứ bảy, đại úy Roque Carnicero cùng một số sĩ quan đến quán bác Catarino. Chỉ có một người đàn bà, hầu như bị bắt buộc, đã dám đón ngài về phòng mình. “Các chị em không ai dám ngủ với người đàn ông mà họ biết là sẽ chết”, cô gái thú nhận với ngài. “Không ai biết sự thể sẽ như thế nào nhưng cả dân làng đi đến đâu cũng nói rằng viên sĩ quan bắn đại tá Aureliano Buendía cũng như tất cả binh lính trong đội hành hình ấy sớm hay muộn từng người từng người một đều sẽ bị giết chết, dù cho

họ trốn chạy tới tận cùng trời cuối đất”. Đại úy Roque Carnicero đem chuyện đó nói với một số sĩ quan, và những người này lại thưa lên cấp trên.

Ngày chủ nhật, mặc dù không một ai đã chứng minh được thực rõ ràng, mặc dù không một hành động quân sự nào có thể làm đảo lộn không khí trầm mặc đến nặng nề trong những ngày ấy, cả làng đều biết rõ rằng các sĩ quan tìm mọi cách để thoái thác nhiệm vụ thi hành bản án. Ngày thứ hai trong một bức điện tín ghi rõ lệnh chính thức: “Vụ hành hình cần phải được thi hành trong hai mươi bốn giờ kể từ khi nhận điện”. Đêm ấy các sĩ quan nhét bảy lá phiếu ghi tên mình vào một chiếc mũ kê pi, và số phận hẩm hiu của đại úy Roque Carnicero đã run rủi ngài bốc trúng lá phiếu của người phải thi hành bản án: “Đã là vận rủi thì không tránh được”, với nỗi cay đắng chết lặng trong lòng ngài nói. “Đã sinh ra đời làm con một con điếm thì ta sẽ chết như con một con điếm...”. Vào lúc năm giờ sáng, bằng hình thức bốc thăm ngài thành lập đội hành hình, rồi tập hợp bọn họ lại ở trong sân trại, và đánh thức kẻ tù dẫy bằng câu nói có tính cách tiên định:

- Đi thôi, Buendía, - ngài giục chàng, - giờ của chúng ta đã điếm.

- À, ra là thế đấy, - ngài đại tá nói, - ta đang mơ thấy mình bị những vết tấy làm nổ tung ra.

Rebeca Buendía, kể từ khi biết tin Aureliano sẽ bị bắn, thường xuyên thức dậy từ lúc ba giờ sáng. Bà ngồi im trong phòng tối mà dõi nhìn bức tường nghĩa địa qua cửa sổ hé mở, trong lúc đó cái giường bà ngồi cứ rung lên theo nhịp tiếng ngáy của José Arcadio. Cả tuần bà kiên nhẫn ngồi đợi như trước đây đợi thư Pietro Crespi.

“Chúng sẽ không bắn chú ấy ở đây đâu”, José Arcadio nói với bà.

“Chúng sẽ bắn chú ấy ở ngay trong trại giam vào lúc nửa đêm để không ai biết ai là kẻ chỉ huy đội hành hình và rồi chúng sẽ chôn chú ấy ở ngay đấy”. Tuy vậy, Rebeca vẫn tiếp tục chờ đợi.

“Bọn chúng ngu muội đến mức nhất định chúng sẽ bắn chú ấy ở đây”, bà nói. Bà quá tin mình đến mức bà đã chuẩn bị sẵn cách mở cửa và cách giờ tay chào vĩnh biệt chàng.

“Chúng sẽ không dẫn chú ấy đi theo đường cái đâu, - ông vẫn một mực khuyên, - bởi vì chúng chỉ có sáu tên lính yếu bóng vía trong khi thừa biết rằng dân chúng đã sẵn sàng làm bất cứ điều gì”.

Không nghe cái lôgich của chồng mình, bà vẫn ngồi bên cửa sổ nhìn ra bức tường nghĩa địa.

- Rồi mình sẽ thấy chúng là những kẻ ngu dại như thế đấy, - bà nói.

Vào lúc năm giờ sáng ngày thứ ba, José Arcadio đã uống xong cà phê và

thả đàn chó săn ra thì cũng là lúc Rebeca đóng cửa lại và cố sức vịn thành một đầu giường để khỏi ngã.

“Chúng đã dẫn chú ấy ra đây rồi”, bà thở dài. “Ôi chú ấy đẹp làm sao”.

José Arcadio thò đầu qua cửa sổ, nhìn thấy chàng run rẩy trong ánh bình minh, mặc bộ quần áo vốn là quần áo của ông khi còn trẻ. Chàng đã đứng quay lưng vào tường, hai tay chống nạnh vì hai nách sưng tấy không để cho chàng buông thõng tay xuống. “Rõ thật là nực cười”, đại tá Aureliano Buendía lầm bầm. “Rõ thật là nực cười đến mức phải dùng tới sáu thằng đàn ông bệnh hoạn để giết một người tay không vũ khí”. Chàng cứ nhắc đi nhắc lại mãi với biết bao nỗi giận dữ đến mức dường như chàng đang sôi tiết, và đại úy Roque Carnicero cũng thấy mùi lòng vì ngài nghĩ rằng đại tá đang cầu Chúa. Khi đội hành hình chĩa súng vào chàng thì nỗi giận dữ của chàng đã vật chất hóa thành một chất nhầy có vị đắng đọng lại ở lưỡi ru chàng ngủ và buộc chàng nhắm mắt lại. Thế là lúc ấy ánh sáng huy hoàng của buổi bình minh biến mất, và chàng lại nhìn thấy chính mình còn rất nhóc con mặc quần cũn cỡn với chiếc nơ thắt nơi cổ, và chàng nhìn thấy tha mình trong một buổi chiều rực rỡ dẫn mình vào trong rạp và chàng nhìn tảng nước đá. Khi nghe thấy tiếng thét, chàng nghĩ ngay rằng đó là mệnh lệnh cuối cùng cho đội hành hình. Chàng mở choàng mắt. Với sự tò mò lạnh gáy, chàng đợi những viên đạn cắm phập vào mình nhưng chỉ thấy đại úy Roque Carnicero đang giơ hai tay lên, và thấy José Arcadio đang vượt qua đường cái lăm lăm khẩu súng sẵn sẵn sàng nhả đạn.

- Xin đừng bắn, - viên đại úy nói với José Arcadio - ngài đã tới theo lệnh phán truyền của đảng Toàn năng.

Từ đó, bắt đầu một cuộc chiến tranh mới. Viên đại úy Roque Carnicero cùng với sáu người dưới quyền mình đã theo đại tá Aureliano Buendía đi giải thoát cho các nhà cách mạng, tướng Victorio Medina, hiện đã bị kết án tử hình ở Riohacha. Họ nghĩ phải cướp lấy thời gian bằng cách nhanh chóng vượt qua dãy núi men theo con đường José Arcadio Buendía đã đi để lập ra làng Macondo nhưng chưa đầy một tuần họ thống nhất nhận định rằng đó là con đường không thể đi theo được. Thế là họ phải thực hiện một lộ trình đầy nguy hiểm men theo sườn các dãy núi với số đạn dược quá ít ỏi của những người lính trong đội hành hình. Bọn họ nghỉ lại ở ngoài bìa các làng. Một người trong bọn họ cải trang cầm con cá vàng, giữa ban ngày vào làng để tìm gặp những người thuộc phái Tự do hiện đang nằm chờ.

Sáng hôm sau những người này đi sẵn và sẽ chẳng bao giờ thấy họ trở về. Khi từ một khuỷu núi bọn họ nhìn thấy thành phố Riohacha thì tướng Victorio Medina đã bị hành hình. Những người dưới quyền đại tá Aureliano Buendía liền suy tôn chàng là Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng

miền duyên hải Ca-ri-bê với quân hàm cấp tướng. Chàng nhận chức nhưng từ chối quân hàm và tự đặt cho mình một điều kiện là chưa nhận quân hàm chừng nào quân đội của mình chưa đánh đổ được chế độ Bảo hoàng. Đúng ba tháng sau chàng đã tập hợp được hơn một nghìn quân nhưng lại bị quân chính phủ đánh cho tan tác.

Những người sống sót tháo chạy về biên giới phía đông đất nước. Một lần khác người ta được biết rằng bọn họ đã đổ bộ lên Cabo de la Vela từ phía quần đảo Antidat^[25] thế mà một thông cáo của chính phủ được truyền đi qua đường bưu điện và được in lại dưới hình thức những tờ thông báo vui mắt tung đi khắp đất nước loan tin về cái chết của đại tá Aureliano Buendía. Nhưng sau đó hai ngày một bức điện rắc rối khác gần như cùng một lúc với bức điện trước, đã báo tin một cuộc khởi nghĩa mới ở vùng đồng bằng phía Nam. Huyền thoại về tài xuất quỷ nhập thần của đại tá Aureliano Buendía bắt đầu như thế đây. Những tin tức giống nhau và khác nhau loan tin chàng thắng lợi ở Villanueva, tin chàng thất bại ở Guacamayal, chàng đã bị những người Anh-điêng ở Colombia và Venezuela làm thịt, chàng chết ở một làng nào đó thuộc vùng đầm lầy, và một lần nữa chàng lại nổi dậy ở Urumita. Những nhà lãnh đạo của đảng Tự do trong lúc ấy đang thương lượng để có sự tham gia của mình trong quốc hội, đã coi chàng như một kẻ phiêu lưu mạo hiểm không đại diện cho đảng. Chính phủ quốc gia liệt chàng vào hạng tướng cướp, và trao giải năm ngàn peso cho ai bắt được chàng. Sau mười sáu cuộc vũ trang nổi dậy thất bại, đại tá Aureliano Buendía với hai nghìn quân vốn là người Anh-điêng được vũ trang tạt từ vùng Goahira, đã xuất quân và đội cấm vệ Bảo hoàng bị đánh bất ngờ trong lúc ngủ, phải bỏ thành phố Riohacha tháo chạy. Tại đây chàng thiết lập sở Tổng chỉ huy của mình và tuyên bố cuộc chiến đấu toàn diện chống chế độ. Phản ứng đầu tiên của chính phủ mà chàng nhận được là sự đe dọa sẽ bắn đại tá Gerineldo Márquez trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ nếu chàng không rút hết lực lượng vũ trang của mình về biên giới phía đông. Đại tá Roque Carnicero, lúc này đã làm tham mưu trưởng của chàng, trình trọng đưa cho chàng bức điện. Nhưng chàng đã để lộ niềm vui khi đọc bức điện. - Tốt lắm, - chàng reo lên, - Macondo đã có trạm điện tín rồi.

Sự trả lời của chàng là dứt khoát. Trong ba tháng chàng đợi thành lập sở Tổng chỉ huy của mình ở Macondo. Nếu lúc đó chàng không được thấy đại tá Gerineldo Márquez còn sống thì chàng sẽ bắn không cần xét hỏi toàn bộ số sĩ quan đã bị bắt làm tù binh, bắt đầu từ các sĩ quan cấp tướng và đồng thời chàng sẽ ra lệnh cho những người dưới quyền để họ cũng theo chính cái cách thức ấy tiến hành bắn giết sĩ quan Bảo hoàng cho đến khi kết thúc chiến tranh. Ba tháng sau, khi chàng chiến thắng tiến quân vào Macondo thì cú ôm hôn đầu tiên mà chàng nhận được trên con đường từ đầm lầy vào làng là cú

ôm hôn của đại tá Gerineldo Márquez.

Ngôi nhà đông đúc trẻ nhỏ. Úrsula đã đón Santa Sofia de la Piedad cùng với đứa con gái đầu lòng và hai đứa trẻ sinh đôi chào đời năm tháng sau vụ hành hình Arcadio về nhà mình. Trái với nguyện vọng cuối cùng của người bị tử hình, cụ đã đặt cho đứa con gái đầu lòng của anh cái tên Remedios. “Ta tin rằng đó là điều Arcadio muốn nói”, cụ bảo. “Chúng ta sẽ không gọi nó là Úrsula bởi vì với cái tên này nó sẽ khổ cả một đời”. Còn hai đứa trẻ sinh đôi, cụ đặt một đứa tên là Arcadio Segundo và đứa kia là Aureliano Segundo. Amaranta nhận trách nhiệm trông nom cả bọn trẻ này. Cô kê những chiếc ghế nhỏ ở trong phòng khách rồi nhận thêm một số trẻ hàng xóm thành lập một lớp võ lòng. Khi đại tá Aureliano Buendía trở về làng, giữa tiếng pháo rền vang nổ và tiếng chuông nhà thờ gióng giả đồ hồi, có đội đồng ca trẻ nhỏ đến hát đón chào chàng ngay tại nhà mình. Aureliano José, cao kêu như ông nội, mặc bộ đồng phục sĩ quan cách mạng, đã giơ tay theo nghi thức quân sự chào chàng.

Trong lúc hàn huyên, chuyện vui xen lẫn chuyện buồn. Một năm sau khi đại tá Aureliano trốn thoát, José Arcadio và Rebeca dọn về ở trong ngôi nhà do Arcadio xây dựng. Không một ai biết chuyện ông đã phá đám vụ hành hình. Vợ chồng họ xây dựng một tổ ấm gia đình mên khách trong ngôi nhà mới nằm ở một góc đẹp nhất của quảng trường lớn, nép dưới bóng một cây hạnh đào cổ thụ có ba tổ chim cổ đỏ. Ngôi nhà có một cửa chính đón khách và bốn cửa sổ đón ánh sáng. Những bạn gái của Rebeca trong đó có bốn chị em nhà Moscote hiện vẫn ở vậy đã nối lại các buổi họp mặt để thù thù mà những năm trước đây không bao giờ bị đứt quãng ở hành lang bày những chậu thu hải đường. José Arcadio tiếp tục hưởng quyền lợi trên những đất đai chiếm đoạt với những văn tự đã được chính phủ Bảo hoàng thừa nhận. Buổi chiều nào người ta cũng thấy ông vai mang khẩu súng săn hai nòng cưỡi ngựa trở về, theo sau là những con chó săn dữ tợn, trên yên ngựa lưng lẳng một xâu thỏ rừng. Một buổi chiều tháng chín trước trận cuồng phong đe dọa đổ xuống, ông trở về nhà sớm hơn thường lệ. Ông chào Rebeca đang ở trong phòng ăn, buộc đàn chó ở ngoài sân, treo xâu thỏ vào nhà bếp để sau đó mổ và ướp thịt, rồi trước vào phòng nghỉ thay quần áo. Sau này Rebeca trình bày rằng khi chồng bà bước vào phòng ngủ thì bà đã ở trong nhà tắm và không hay biết gì hết. Đó là một lời giải thích khó tin được nhưng không có lời giải thích nào sáng tỏ hơn và không một ai có thể nghĩ tới một nguyên cơ nào khác để mà Rebeca đi giết người đàn ông đã mang lại hạnh phúc cho mình. Việc ấy có thể là một chuyện bí hiểm duy nhất không bao giờ được làm sáng tỏ ở làng Macondo.

José Arcadio vừa đóng cửa buồng lại thì lập tức một phát súng lục nổ vang làm rung chuyển cả căn nhà. Một dòng máu chảy ra từ dưới cánh cửa,

bò qua phòng khách, đi ra đường, tiếp tục chày dọc theo những con đường gập ghềnh, trèo lên những bậc đá và những vật cản, bò một mạch theo đường Thổ Nhĩ Kỳ, rẽ ngoặt sang trái vào một phố rồi lại ngoặt phải sang phố khác trước khi nó quay một góc vuông thước thợ ngay trước nhà Buendía rồi chui dưới cửa đóng kín vào nhà, cứ bám lấy tường mà vượt qua phòng khách để khỏi vấy bẩn những tấm thảm trải nhà, tiếp tục bò qua một phòng khác, lượn một vòng rõ rộng để tránh bàn ăn, bò theo dọc hành lang những chậu thu hồi đường và chui qua chiếc ghế Amaranta ngồi dạy toán cho Aureliano José mà không bị nhìn thấy, rồi biến mất khi chui vào kho ngô, rồi xuất hiện ở nhà bếp nơi Úrsula đang đập ba mươi sáu quả trứng để làm bánh.

- Lạy đức mẹ Đồng trinh Maria, - Úrsula gào toáng lên.

Dòng máu chảy ngược lại, và để đi tìm nguồn của nó, bà chui qua kho ngô, đi theo dọc hành lang những chậu thu hồi đường nơi cậu bé Aureliano José đang đọc to ba với ba là sáu với ba là chín, vượt qua các phòng ăn và hai phòng khách, rồi bà đi một mạch ra đường cái, rồi rẽ trái ngoặt phải để đổ vào đường Thổ Nhĩ Kỳ, mà không nhớ rằng mình vẫn mang theo chiếc tạp dề mặc khi làm bếp và hai chiếc dép lê đi trong nhà, rồi bà đi ra quảng trường chui qua cửa vào một ngôi nhà chưa bao giờ bà ở, rồi bà đẩy cánh cửa phòng ngủ và hầu như bà ngợp trong mìn thuốc súng, và bà gặp José Arcadio nằm sấp mặt xuống sàn nhà người đê lên đôi ủng vừa được tháo ra, và thấy dòng máu vừa rỉ ra từ lỗ tai phải của ông. Người ta không thấy một vết thương nào trên thân thể ông cũng như không thể tìm được khẩu súng đã bắn. Cũng không tài nào tẩy rửa được mùi khói súng khét lẹt trên thi thể. Đầu tiên người ta lấy xà phòng và bã cọ để tắm rửa, sau đó ngâm nó trong nước giấm và muối, sau nữa dùng tro và nước chanh, sau cùng người ta đặt nó vào trong một thùng nước tẩy quần áo ngâm suốt sáu giờ liền. Người ta kỳ cọ quá nhiều cho ông đến mức những hình xăm bắt đầu phai mờ. Khi người ta dùng tới biện pháp ướp xác ông với muối tiêu, rau thìa là, lá nguyệt quế và ninh tử thi trên bếp lửa âm ỉ trong một ngày rỗng, thì tử thi bắt đầu bung ra và buộc mọi người phải mai táng ngay tức khắc. Người ta liệm tử thi vào một cỗ áo quan ngoại cỡ dài hai mét rưỡi và rộng một mét mét, bên trong dát sắt lá và được vít chặt lại bằng những chiếc ốc thép. Mặc dù được tắm rửa và khâm liệm kỹ như vậy, tử thi vẫn phả ra mùi khét lẹt dọc đường khi đám tang đi qua.

Cha Nicanor, với cái bụng đau gan tròn vo như cái trống, đứng trên giường rẫy nước thánh cho ông. Mặc dù mấy tháng sau này người ta xây mộ với những tấm bê tông đặt ở trên và rắc tro, mùn cưa và vôi bột, nghĩa địa vẫn tiếp tục nồng nặc mùi khét thuốc súng, đến nỗi những năm sau này, những kỹ sư thuộc Công ty Chuối đã phải đổ một chiếc áo bê tông để úp lên ngôi mộ. Ngay sau khi người ta lôi cỗ quan tài đi, lập tức Rebeca đóng cửa

lại và bà đã tự chôn sống mình trong ngôi nhà, mặc một bộ quần áo vải thô nhàu nát mà không một ý muốn thế tục nào có thể làm rách nó. Trong thời kỳ xuất hiện quỷ dữ Judío Errante, ở Macondo xảy ra đợt oi nóng khủng khiếp khiến chim chóc cứ lao đầu qua lưới sắt để rúc vào phòng ngủ mà chết, bà có đi ra đường một lần, đã già lắm rồi, đi đôi ủng màu trắng bạc cũ kỹ và đội một chiếc mũ có gài những bông hoa nhỏ li ti. Lần cuối cùng có người đã nhìn thấy bà còn sống là dịp bà đã bắn chết tươi gã kẻ trộm định phá cửa nhà mình. Kể từ đó, không một ai ngoài Arhêmda^[26], người ở và người bạn tâm phúc của bà, tiếp xúc trực tiếp với bà. Có thời kỳ người ta được biết rằng bà đã viết thư cho đức Giám mục, người bà gọi là anh họ mình, nhưng người ta cũng đồn rằng bà không bao giờ nhận được thư trả lời. Dân làng đã quên bà.

Mặc dầu thắng lợi trở về, đại tá Aureliano Buendía vẫn không vui lòng với những kết quả trông thấy. Quân chính phủ rút khỏi các thị trấn không hề kháng cự và điều đó đã gieo trong đám dân chúng vừa được giải phóng một ảo tưởng về thắng lợi không thể đảo ngược được. Nhưng những người cách mạng, nhất là đại tá Aureliano Buendía đã hiểu đúng sự thật hơn. Mặc dù trong lúc ấy chàng duy trì được năm ngàn người dưới quyền mình, và giữ vững hai tỉnh thuộc miền duyên hải nhưng chàng ý thức rõ ràng rằng lực lượng của mình đang bị ép về phía biển và đang ở trong hoàn cảnh chính trị quá rắc rối đến mức khi chàng ra lệnh dựng lại tháp chuông nhà thờ bị đạn pháo phá đổ thì cha Nicanor nằm trên giường bệnh phải thốt lên: “Đây là một trò cười: những người bảo vệ đức tin Kitô giáo đã nã pháo phá nhà thờ còn những kẻ Tam điểm lại ra lệnh xây dựng nó”. Hàng giờ và hàng giờ chàng ở lì trong phòng điện tín nói chuyện với tư lệnh các thị trấn khác, để tìm một lối thoát. Nhưng mỗi bận ra khỏi phòng, chàng càng khẳng định cảm nghĩ cuộc chiến đang kết thúc. Khi những tin chiến thắng mới của những người Tự do được chuyển đến và được loan báo âm ỉ thì chàng suy tính những kết quả đã giành được trên các bản đồ và chàng hiểu rằng quân đội của mình đang ngày một rút sâu vào rừng để chống chọi với ho lao và muỗi rừng, đang rút ngày một xa thành phố “Chúng ta đang để mất thời gian”, chàng than thở trước các sĩ quan. “Chúng ta sẽ còn mất thời gian nữa trong lúc những tên chó má trong đảng Tự do đang xin xỏ một chỗ ngồi trên nghị trường”. Trong những đêm mất ngủ nằm ngửa trên chiếc võng mắc trong chính căn phòng từng là xà lim tử tù, chàng nhớ lại hình ảnh những vị luật sư mặc đồ đen cổ áo khoác dựng lên che kín tai và ống tay áo buông chùng che kín bàn tay từ trong dinh Tổng thống bước ra vào lúc giá buốt của buổi đêm về sáng, mà rét run cầm cập, mà lần nhanh vào những vườn cà phê ảo não lúc hừng đông để dẫn đo cân nhắc điều ngài Tổng thống muốn nói khi ngài bảo rằng được, hoặc giả điều ngài muốn nói khi ngài bảo rằng không và để

dò tìm điều ngài Tổng thống đang suy nghĩ khi ngài nói một chuyện hoàn toàn khác hẳn. Trong khi đó chàng đuổi muỗi, cô chịu đựng không khí oi nóng tới ba mươi năm độ, và cảm thấy ngày càng xích gần cái buổi mai đáng sợ khi chàng buộc phải ra lệnh cho quân sĩ của mình nhảy ào xuống biển.

Một đêm nôn nao nọ, Pilar Ternera hát cùng với đám lính ở trong sân. Chàng nhờ thị đoán tương lai cho mình qua những quân bài.

“Hãy giữ mồm giữ miệng”, đó là tất cả những gì Pilar Ternera thấy rõ sau khi sắp xếp các quân bài và thu chúng lại.

“Tôi không biết điều đó có nghĩa gì, nhưng điềm báo hiện rất rõ: hãy giữ mồm giữ miệng”...

Hai ngày sau, có một ai đó thay chàng ra lệnh cho một người cần vụ chuẩn bị một tách cà phê không pha đường, rồi người cần vụ này chuyển lệnh cho người khác, người này lại chuyển cho người khác cho tới khi tách cà phê không pha đường qua tay nhiều người được mang đến chỗ ở của đại tá Aureliano Buendía. Không hề gọi cà phê nhưng vì đã có sẵn ở đấy rồi nên đại tá uống luôn. Tách cà phê ấy có một lượng bột mã tiền đủ giết một con ngựa đực. Khi người ta mang chàng về nhà, chàng đã cứng đơ, co rúm, lưỡi thè ra giữa hai hàm răng. Úrsula chiến đấu với tử thần để cứu chàng. Sau khi làm cho chàng nôn oẹ hết để rửa ruột, bà dùng khăn trải giường hơi nóng đắp kín cho chàng và cho chàng uống lòng trắng trứng gà trong hai ngày liền, cho tới khi cái cơ thể yếu ớt lấy lại được nhiệt độ bình thường. Đến ngày thứ tư chàng thoát khỏi nguy hiểm. Trái với ý nguyện của mình, do bị Úrsula và các sĩ quan của mình ngăn cản, chàng nằm yên trên giường thêm một tuần nữa. Chỉ đến lúc này chàng mới biết các bài thơ của mình vẫn chưa được đốt. “Đêm ấy mẹ không muốn vội vàng”, Úrsula thanh minh với chàng. “Đêm ấy, khi đi nhóm bếp, mẹ nghĩ tốt hơn hết là hãy đợi cho tới khi tử thi con được mang về nhà”.

Sống giữa những con búp bê của Remedios vây quanh, trong điều kiện sức khỏe dần dần bình phục, đại tá Aureliano Buendía, qua các bài thơ của mình, đã hồi tưởng lại những thời kỳ sôi nổi nhất của đời mình. Chàng lại làm thơ. Trong nhiều giờ liền, bên lề những sự kiện nổi bật của một cuộc chiến tranh không tương lai, chàng khẳng định những kinh nghiệm của mình ngay bên bờ vực của cái chết. Vậy là trí não của chàng ngày một sáng tỏ hơn đến mức có thể lật trái lật phải để xem xét nó. Có một đêm nọ, chàng hỏi đại tá Gerineldo Márquez:

- Hãy nói với tôi đi, vì sao anh bạn chiến đấu?
- Vì sao anh lại hỏi tôi thế nhỉ, - đại tá Gerineldo Márquez trả lời. - Vì

đảng Tự do vĩ đại.

- Anh thật hạnh phúc vì đã biết mục tiêu chiến đấu của mình, - chàng trả lời. - Còn về phần mình, cho đến bây giờ hầu như tôi mới biết rằng mình chiến đấu vì lòng kiêu hãnh.

- Thế thì tôi quá, - đại tá Gerineldo Márquez trả lời.

Sự cảnh cáo của Gerineldo Márquez khiến đại tá Aureliano Buendía vui thích.

“Dĩ nhiên rồi”, chàng nói. “Nhưng trong mọi trường hợp, tốt hơn hết là chẳng nên biết vì sao mình chiến đấu” Chàng nhìn vào mắt bạn mỉm cười và nói rõ hơn: - Hoặc là như anh đã chiến đấu vì một cái gì đó chẳng có nghĩa gì với ai cả.

Chính niềm kiêu hãnh ấy đã ngăn cản chàng liên hệ với các nhóm vũ trang trong vùng nội địa, trong khi đó các nhà lãnh đạo của đảng Tự do lại không công khai đưa ra những tuyên bố nhằm đánh tan luận điệu cho chàng là một tên tướng cướp. Tuy nhiên, chàng biết rằng nếu gạt bỏ những trở ngại ấy thì ngay lập tức sẽ phá tan vòng vây chiến tranh nguy hiểm. Sức khỏe bình phục đã cho phép chàng suy nghĩ. Vậy là chàng xin được của Úrsula không chỉ số vàng còn lại mà cả số vốn liếng nhiều vô kể do bà tích lũy được, chàng phong cho đại tá Gerineldo Márquez làm Quan tổng trấn trông coi các vấn đề quân sự và dân sự ở Macondo, rồi chàng lên đường để thiết lập quan hệ với các nhóm khởi nghĩa ở vùng nội địa.

Đại tá Gerineldo Márquez không chỉ là người thân tín nhất của đại tá Aureliano Buendía mà còn là người được Úrsula coi là người trong nhà. Dù là người thanh lịch, e lệ, ngoan nết chàng vẫn là người được rèn luyện để thích hợp với trận mạc hơn là với công việc lãnh đạo. Những cố vấn chính trị của chàng dễ dàng lái chàng vào những mê cung lý thuyết. Nhưng chàng cũng đã ổn định được một không khí thanh bình kiểu thôn dã ở Macondo vốn là điều đại tá Aureliano Buendía mơ ước cho tuổi già chuyên sống bằng cách sản xuất những con cá vàng. Tuy sống chung với cha mẹ mình, nhưng chàng ăn cơm trưa ở nhà Úrsula một tuần tới hai hoặc ba bữa. Chàng dạy Aureliano José học sử dụng vũ khí, dạy bảo những kiến thức quân sự cơ bản và với sự đồng tình của Úrsula chàng mang nó đến sống trong doanh trại để rèn cặp nó thành người. Nhiều năm về trước dù hãy còn trẻ con, đã có lần Gerineldo Márquez ngỏ tình với Amaranta. Lúc ấy Amaranta còn đang thầm yêu trộm nhớ Pietro Crespi do đó đã giễu cợt chàng. Gerineldo Márquez vẫn chờ đợi. Có lần từ trong nhà tù chàng gửi cho Amaranta một bức thư nhờ cô thêu chữ cái mở đầu tên và họ của cha mình lên một tá khăn mùi soa. Chàng còn gửi tiền cho cô nữa. Trong vòng một tuần lễ Amaranta mang đến nhà tù cho chàng một tá khăn mùi soa đã thêu cùng với số tiền ấy, và cô đã ở lại vài

giờ liền để nói chuyện về quá khứ. “Khi ra khỏi nơi đây, anh sẽ cưới em làm vợ”, Gerineldo Márquez nói khi tạm biệt cô. Amaranta cười nhưng vẫn nghĩ về chàng trong lúc “day đăm trẻ nhỏ học đọc và muốn làm sống trở lại trong trái tim mình tình yêu bỗng bật thời trẻ vốn là nỗi đam mê đối với Pietro Crespi; để hiến dâng cho chàng. Những ngày thứ bảy, ngày vào thăm tù, cô qua nhà bố mẹ Gerineldo Márquez rồi cùng họ đến nhà tù. Có một ngày thứ bảy, Úrsula ngạc nhiên bắt gặp cô đứng ở nhà bếp đang đợi bánh quy ra lò để chọn những chiếc ngon nhất nhét vào một cái túi đã thêu sẵn chõ díp này.

- Con hãy lấy nó đi con ạ! - bà nói với cô. - Hãn hữu lắm mới có một người đàn ông như nó đấy.

Amaranta làm ra vẻ khó chịu:

- Con chẳng cần phải mồi chài ai cả - cô cãi lại mẹ. - Con mang cho Gerineldo những chiếc bánh quy này chẳng qua là vì thương anh ấy sớm muộn cũng sẽ bị người ta bắn chết.

Không hề đắn đo cô buột miệng nói ra. Nhưng lúc ấy chính phủ công khai đe dọa sẽ bắn đại tá Gerineldo Márquez nếu như các lực lượng khởi nghĩa không nộp Riohacha. Các buổi đến thăm người tù bị đình chỉ. Amaranta đóng cửa, một mình ở trong nhà khóc lóc tự khổ sở vì ý nghĩ cho mình là kẻ có tội giống như ý nghĩ đã day dứt cô khi Remedios chết, cũng như một lần khác những lời nói thiếu cân nhắc của cô đã là trách nhiệm đối với một cái chết khác, cái chết của Pietro Crespi. Úrsula an ủi cô. Bà đảm bảo với cô rằng đại tá Aureliano Buendía sẽ có hành động thực tế mạnh mẽ để ngăn cản vụ hành hình, bà hứa rằng chính bà sẽ đón Gerineldo Márquez về nhà khi nào chiến tranh kết thúc. Bà đã thực hiện lời hứa trước thời hạn dự định. Khi Gerineldo Márquez tới nhà với chức trách Quan tổng trấn trông coi các vấn đề quân sự và dân sự thì bà đón tiếp chàng như một người con, vuốt ve chiều chuộng chàng để chàng ở lại, và tự đáy lòng mình bà cầu khẩn chàng hãy nhớ lại ý định lấy Amaranta làm vợ. Những lời cầu khẩn của bà dường như được linh nghiệm. Những ngày tới nhà để ăn cơm trưa, đại tá Gerineldo Márquez lưu lại cả một buổi chiều để chơi cờ đam với Amaranta ở ngoài hành lang bày những chậu thu hải đường. Úrsula mang đến cho đôi trai gái nào cà phê sữa, nào bánh quy, trông nom đám trẻ nhỏ để chúng khỏi quấy rầy hai người. Trên thực tế, Amaranta cố nhóm lại tình yêu say mê thời trẻ của mình mà lúc này nó như một đám tro nguội lạnh bị lãng quên trong trái tim mình. Với niềm khát khao đã đạt tới độ không thể thay đổi được, cô chờ đón những ngày chàng sẽ đến nhà mình ăn trưa, chờ đón những buổi chiều chơi cờ đam và chờ cho thời gian đi trong lúc mình ngồi bên cạnh một chiến binh có tên gọi bao niềm lưu luyến mà những ngón tay của người ấy cứ run lên khi đi quân cờ. Nhưng trong ngày đại tá Gerineldo Márquez nhắc

lại nguyện vọng tha thiết của mình được cưới Amaranta thì cô đã từ chối:

- Em sẽ chẳng lấy ai, - cô nói, - lại cũng không lấy anh đâu. Anh yêu Aureliano quá tới mức anh sẽ lấy em vì anh không thể lấy anh ấy mà.

Đại tá Gerineldo Márquez là người điếm tĩnh. “Anh sẽ kiên trì chờ đợi”, chàng nói. “Sớm muộn gì anh cũng sẽ cưới em”.

Chàng tiếp tục đến chơi nhà. Tự giam mình ở trong phòng ngủ để khóc vụng, Amaranta lấy hai đầu ngón tay bịt kín lỗ tai để khỏi nghe thấy tiếng người theo đuổi mình đang kể cho Úrsula nghe những tin tức chiến sự mới nhất, và mặc dù thèm nhìn chàng đến chết được nhưng cô vẫn đủ nghị lực để không ra tiếp chàng. Lúc ấy, đại tá Aureliano Buendía đã sắp xếp thời gian để cử hai tuần một lần gửi một thông báo tỉ mỉ về Macondo. Nhưng chỉ có độc một lần, sau gần tám tháng ra đi, chàng mới viết thư riêng cho Úrsula. Một sứ giả đặc nhiệm đã mang đến nhà một phong thư được viết với lối chữ rất đẹp của đại tá: “Hãy trông nom cha thật cẩn thận vì cha sẽ mất”. Úrsula thảng thốt. “Nếu Aureliano nói thì Aureliano đã biết”, Úrsula nói, và nhờ người khiêng José Arcadio Buendía vào phòng ngủ. Cụ không chỉ nặng như trước đây vốn đã nặng mà còn nặng thêm lên rất nhiều trong suốt thời kỳ nằm dưới bóng cây dẻ đến mức bảy người đàn ông lực lưỡng không khiêng nổi, buộc họ phải kéo lê cụ vào nhà. Mùi rêu non lẫn mùi mộc nhĩ, thứ mùi của không khí ẩm lâu năm và đậm đặc, làm sực nức cả căn phòng khi cụ già lực lưỡng dầm mưa dãi nắng đã lâu ngày bắt đầu thở. Ngày hôm sau, cụ không thức dậy ở trên giường đặt trong phòng. Sau khi đi khắp các phòng tìm kiếm, Úrsula lại một lần nữa thấy cụ nằm dưới bóng cây dẻ. Thế là họ trói cụ vào giường. Dẫu khỏe mạnh nhưng José Arcadio Buendía đã bị loại ra ngoài vòng chiến đấu... Cụ bằng lòng với tất cả, không phân biệt được nữa. Nếu cụ trở lại nằm dưới bóng cây dẻ không phải vì sở nguyện mà vì thói quen của cơ thể. Úrsula chăm nom cụ, cho cụ ăn và kể cho cụ nghe những tin tức về Aureliano. Nhưng thực ra, người duy nhất mà cụ tiếp xúc từ đã lâu là Prudencio Aguilar.

Với dáng vẻ tiêu tụy vì tuổi già trong cõi âm phủ, Prudencio Aguilar cứ một ngày hai lần đến nhà nói chuyện với cụ. Hai người nói chuyện về gà chọi. Hai người hứa hẹn với nhau sẽ xây dựng một chuồng nuôi những chú gà chọi tuyệt vời, không chỉ để vui vẻ trước một số trận thắng mà còn để giải khuây trong những ngày chủ nhật man mát buồn ở cõi âm phủ. Prudencio Aguilar là người tắm rửa cho cụ, cho cụ ăn, kể cho cụ nghe những thắng lợi hiển hách của một người hoàn toàn xa lạ được gọi là Aureliano và người này là đại tá trong chiến đấu. Khi ở một mình, José Arcadio Buendía khuây khỏa đôi phần với giấc mơ trong căn buồng vô cùng tận. Cụ mơ thấy mình đứng dậy khỏi giường, mở cửa chính mà đi sang phòng bên có cái giường với đầu

giường làm bằng thép tôi, một chiếc ghế xích đu bằng gỗ liễu giỏ với chính một bức chân dung Thánh bà Đồng trinh Remedios treo trên bức tường cuối phòng. Từ phòng này cụ đi sang phòng khác giống y hệt, mà cửa của nó mở ra dẫn sang phòng khác giống y hệt, rồi sau đó sang phòng khác cũng giống y hệt, cứ như thế cho đến vô cùng tận. Cụ thích đi từ phòng này sang phòng khác, như đi trong một hành lang hai bên tường đều gắn gương, cho tới khi Prudencio Aguilar vỗ vai cụ. Thế là cụ trở về lần lượt đi qua các phòng, trong lúc quay lại mà tỉnh giấc dần, cụ chạy trên con đường ngược lại, để rồi lại gặp Prudencio Aguilar trong cái phòng của đời thực. Nhưng rồi có một đêm nọ, sau hai tuần Úrsula đưa cụ vào nhà, Prudencio Aguilar vỗ vai cụ ngay ở phòng trung gian giữa cõi thực và cõi mộng và cụ mãi mãi dừng lại ở đây, mà cứ tưởng rằng đó là phòng của đời thực. Sáng ngày hôm sau, khi mang bữa điểm tâm cho cụ, Úrsula bắt gặp một người từ ngoài hành lang đi lại phía mình. Người ấy béo lùn, mặc bộ quần áo đen, đội một chiếc mũ đen rộng vành chụp gần hết đôi mắt buồn rầu của ông ta. “Trời ơi”, - Úrsula nghĩ bụng. “Ai như là Melquíades... Người đó là Cataure, em trai Visitación, người tự bỏ nhà ra để tránh dịch mất ngủ và từ đó đến nay không có tin tức gì. Visitación hỏi em mình trở lại để làm gì thì ông ta dùng tiếng thổ dân trả lời:

- Em đến dự đám tang của hoàng đế.

Thế là mọi người đổ xô vào phòng José Arcadio Buendía dùng hết sức lay cụ, gào to lên để gọi cụ, lấy gương soi chiếu vào lỗ mũi cụ để gọi, nhưng không làm sao gọi cụ tỉnh được. Sau đó ít lâu, khi người thợ mộc đo cụ để đóng áo quan, qua cửa sổ, người ta thấy trời đổ xuống trận mưa hoa li ti màu vàng. Cả đêm ấy, những bông hoa nhỏ li ti màu vàng rơi xuống một cái làng đang trong nỗi âm thầm đau khổ. Hoa phủ kín các nóc nhà và hoa lấp kín các lối ra vào. Bầu trời sực nức mùi hoa khiến cho những con vật ngủ ngoài trời phải ngột thở. Hoa trời rơi xuống không biết cơ man nào mà kể, đến mức khi trời sáng các con đường phủ đầy hoa phẳng lì như một tấm chăn. Người ta buộc phải dùng gậy, sào mà hất hoa đi để lấy lối cho đám tang đi qua.

CHƯƠNG 8

Ngồi trên chiếc ghế xích đu làm bằng gỗ liễu giở, với đồ thêu thùa để trong lòng, Amaranta ngắm Aureliano José lần đầu tiên trong đời cạo râu. Cậu đang lia lưỡi dao cạo trên cái cằm đầy bọt xà phòng. Lưỡi dao cạo làm chảy máu những mụn nhọt, làm đứt môi trên do cậu cố ý tĩa bộ ria mép màu hung hung, nhưng dù cậu cố sức nó vẫn cứ y nguyên như trước. Cái công việc cạo râu quá tỉ mỉ của cậu khiến Amaranta có cảm giác trong lúc ấy cậu đã bắt đầu già.

- Nom cháu giống Aureliano như đúc khi anh ấy vào tuổi cháu - cô nói. - Cháu đã là người lớn rồi đấy.

Cậu đã là người lớn từ lâu rồi, từ cái ngày Amaranta tưởng rằng cậu hãy còn ranh con nên vẫn cứ khóa thân trong nhà tắm ngay trước mặt cậu như lâu nay cô vẫn thường làm kể từ ngày Pilar Ternera đem cậu trả cho gia đình, rũ bỏ trách nhiệm nuôi nấng của thị. Lần đầu nhìn thấy cô tắm, cậu bé chỉ chú ý đến cái rãnh sâu giữa hai núm vú trên ngực cô mình. Lúc ấy cậu còn ngây thơ lắm đến mức phải hỏi cô bị làm sao ở ngực thế thì Amaranta giả vờ lấy ngón tay gãi ngực rồi trả lời cháu mình: “Cô bị người ta róc, róc thịt đấy”. Sau đó, khi đã bình phục sau trận ốm vì Pietro Crespi tự tử, cô lại cùng tắm chung với Aureliano José trong nhà tắm. Cậu không để ý đến cái rãnh sâu mà trái lại run bắn người vì thích thú lạ lùng trước hai bầu vú hồng hồng căng mọng. Cậu vẫn dõi nhìn cô và nhờ vậy hiểu kỹ hơn cái kỳ lạ của tình thân mật giữa hai cô cháu, và cậu vẫn cảm thấy da mình nổi gai trong lúc ngắm nhìn cô, giống như da cô mình cũng nổi gai khi dội nước. Ngay từ lúc còn rất nhỏ tuổi, cậu đã có thói quen bỏ chiếc võng trống cả đêm để bưng tỉnh dậy trên giường Amaranta, chẳng là vì nằm bên cạnh cô, cậu đỡ sợ bóng tối hơn. Nhưng kể từ hôm có ý thức thích thú tắm thân ngà ngọc của cô mình, thì động lực thúc đẩy cậu bỏ võng để chui vào mùng của cô không phải là nỗi sợ bóng tối mà là sự thèm khát được cảm nhận hơi thở nồng ấm của Amaranta vào lúc trời hừng sáng. Trong thời kỳ cô cự tuyệt đại tá Gerineldo Márquez, có một buổi đêm về sáng nọ, với cảm giác nghẹt thở Aureliano José thức dậy. Cậu cảm thấy những ngón tay của Amaranta, giống như những con tằm, nóng ran và khao khát, đang lần tìm bụng mình. Giả vờ đang còn ngủ, cậu cự mình đổi tư thế để chúng khỏi gặp trở ngại trên con đường mò tìm, và lúc ấy cậu nhận ra năm ngón tay thuộc bàn tay không băng dải băng đen, như những con sên mù, đang lần mò giữa hai bẹn mình. Dù hai người giả vờ không biết điều cả hai cùng biết và điều mỗi người biết rõ rằng người kia đã biết, kể từ đêm đó họ gắn bó với nhau trong một sự ăn ý tuyệt vời. Aureliano José không thể ngủ được khi cậu chưa nghe thấy tiếng nhạc valse phát ra từ chiếc đồng hồ nơi phòng khách, và cô gái đứng tuổi, mà làn

da cô bắt đầu cảm thấy tê tái buồn, sẽ không một phút yên lòng nếu cô chưa cảm thấy kẻ mộng du trườn mình trong mùng. Đó là người cô đã nuôi nấng mà không nghĩ rằng người ấy sẽ là một nơi bám víu tạm thời cho nỗi cô đơn của mình. Vậy là bọn họ không chỉ ngủ chung một giường, cùng khóa thân, cùng thèm khát mê nhau mà còn lẳng nhặng theo nhau khắp các xó xỉnh trong nhà, cùng ở trong buồng đóng kín cửa vào bất kỳ giờ nào, lúc nào cũng hào hứng không biết chán. Có lần bọn họ suýt bị Úrsula bắt quả tang. Vào một buổi chiều nọ, cụ vào kho bột ngô, khi hai người sắp hôn nhau. “Cháu yêu cô lắm phải không?”, cụ hỏi Aureliano José vẻ hết sức ngây thơ. Cậu vâng để trả lời bà mình. “Cháu ngoan lắm”, Úrsula kết thúc, đong bột mì để làm bánh rồi trở về nhà bếp. Sự kiện này đã lôi Amaranta ra khỏi cơn cuồng si. Cô hiểu rằng mình đã vượt quá xa giới hạn, rằng mình không còn hôn hít nó như hôn hít một đứa trẻ nhỏ chơi đùa, trái lại cô đang bị bõm lợi trong một cơn đam mê bệnh hoạn vừa nguy hiểm vừa không có lối thoát, rồi cô kiên quyết dập tắt cơn đam mê này. Cũng lúc ấy, Aureliano José vừa kết thúc việc học quân sự, nhận ra sự thực và bỏ nhà để vào doanh trại ngủ. Mỗi thứ bảy đến, cậu đều cùng với đám lính đến tiệm bác Catarino. Cậu giải buồn với những người đàn bà son phấn mà cứ da diết tưởng tượng họ là Amaranta.

Sau đó ít lâu, những tin tức chiến sự trái ngược nhau bắt đầu được tung ra. Trong khi chính phủ thừa nhận những bước tiến mới của quân khởi nghĩa thì các sĩ quan ở Macondo nhận được những thông báo tin cậy về một cuộc đình chiến do hai bên thương lượng tất yếu sẽ xảy ra. Vào đầu tháng tư, có một sứ giả tin cậy đến ra mắt đại tá Gerineldo Márquez. Vị này khẳng định với đại tá rằng các lãnh tụ đảng đã bắt liên lạc với các tư lệnh quân khởi nghĩa ở nội địa, và đã sẵn sàng ký một hiệp định đình chiến với điều kiện chính phủ che phái Tự do ba ghế bộ trưởng, một số đại biểu tối thiểu trong nghị viện, và sẽ khoan hồng chung cho những nghĩa quân đã hạ súng. Vị sứ giả mang theo một mệnh lệnh hết sức bí mật của đại tá Aureliano Buendía, người không tán thành các điều khoản của hiệp định. Đại tá Gerineldo Márquez cần phải chọn năm người tốt nhất và chuẩn bị để trốn ra nước ngoài. Mệnh lệnh này đã được thực hiện trong thời hạn ngắn nhất. Một tuần trước khi bản thỏa ước được loan báo, và trong lòng khí hỗn độn những tin đồn khác nhau, đại tá Aureliano Buendía và mười sĩ quan tin cậy nhất của chàng, trong đó có đại tá Roque Carnicero, lặng lẽ trở về Macondo vào lúc quá nửa đêm, giải tán quân đội, chôn giấu vũ khí, đốt bỏ các tài liệu. Vào lúc trời hửng sáng, cùng với đại tá Gerineldo Márquez và năm người dưới quyền chàng, bọn họ đã rời khỏi làng. Đó là một chiến dịch được thực hiện rất nhanh chóng và bí mật đến mức Úrsula không hay biết gì cho đến giờ chót khi có người gõ nhẹ lên cửa sổ phòng ngủ của cụ và thăm thì nói: “Nếu cụ

muôn nhìn thấy đại tá Aureliano Buendía thì xin mời cụ ra ngay cửa ả”. Úrsula vùng dậy, mặc nguyên quần áo ngủ, bước ra cửa, và hầu như cụ mới chỉ kịp nhận ra tiếng vó ngựa của đoàn người đang lạng lẽ phi ra khỏi làng cuốn theo đám bụi mù mịt. Chỉ đến ngày hôm sau cụ mới được biết Aureliano José đã đi cùng cha mình.

Mười ngày sau kể từ khi một thông cáo chung giữa chính phủ và phái đối lập được công bố báo tin đình chiến, đã có những tin tức về cuộc vũ trang nổi dậy đầu tiên của đại tá Aureliano Buendía ở biên giới phía đông. Các lực lượng của chàng, không những ít quân lại còn trang bị kém, đã bị đánh tan tác chỉ trong thời gian không đầy một tuần. Nhưng trong suốt cả năm ấy, trong lúc phái Tự do và phái Bảo hoàng cố gắng làm cho đất nước sống trong sự hòa giải thì chàng mưu tính bầy cuộc nổi dậy. Một đêm nọ, từ một chiếc tàu chàng nã pháo vào thành phố Riohacha, và đội tuần tra đã phải dậy giữa đêm, bắn trả thù mười bốn nhà Tự do nổi tiếng bị giam giữ ở thành phố này. Chàng chiếm một sở hải quan ở biên giới trong hơn mười lăm ngày và từ đây chàng gửi đến quốc dân đồng bào lời hiệu triệu tổng khởi nghĩa. Một trong số những đạo quân của chàng đã lạc trong rừng liền ba tháng, vì đơn vị này có nhiệm vụ vượt qua hơn một nghìn năm trăm kilômét đường rừng để nhen nhóm các cuộc chiến đấu xung quanh thủ đô. Đôi lúc chàng chỉ ở cách Macondo chừng vài chục cây số nhưng chàng đã bị các đội quân tuần tra của chính phủ buộc phải đi sâu vào núi cách không xa địa điểm thú vị nơi nhiều năm trước đây cha chàng đã gặp được xác một chiếc tàu Tây Ban Nha.

Cũng trong thời gian này Visitación qua đời. Sau khi từ bỏ ngai vàng vì sợ dịch mất ngủ, bà muôn được chết già và nguyện vọng cuối cùng của bà là người ta sẽ đào số lương tích góp trong vài chục năm chôn ở dưới gầm giường rồi gửi nó cho đại tá Aureliano Buendía để chàng tiếp tục chiến đấu. Nhưng Úrsula không cho đào số tiền, bởi vì ngày ấy người ta đồn rằng đại tá Aureliano Buendía đã chết trong một vụ đổ bộ vào vùng ven tỉnh lỵ. Thông cáo chính thức, cái thông cáo thứ tư trong không đầy hai năm đã cho thấy điều đó là hiển nhiên vì gần như sáu tháng nay người ta không được biết gì về chàng. Bỗng nhiên, khi Úrsula và Amaranta đang để tang mới cho các vị tiền bối, thì có một tin lạ được chuyển đến. Đại tá Aureliano vẫn còn sống, nhưng rõ ràng chàng không theo chính phủ nước mình, do đó đã gia nhập các lực lượng liên bang đang thắng thế ở một số nước khác thuộc Ca-ri-bê. Chàng đến với những đất nước có những tên khác nhau ngày một xa lạ với tên quê hương mình. Sau đó người ta được biết rằng tư tưởng lúc ấy cổ vũ chàng là tư tưởng về sự thống nhất các lực lượng liên bang vùng Trung Mỹ để quét sạch các chế độ Bảo hoàng từ Alaska đến Patagonia.

Sau vài năm chàng ra đi, bức thư đầu tiên mà Úrsula nhận từ chàng là một bức thư đã nhàu nát lại nhờ nhoẹt được chuyển tay từ thành phố

Santiago de Cuba.

- Chúng ta đã vĩnh viễn mất nó rồi, - Úrsula thốt lên khi đọc lá thư bởi vì Lễ Noel trong ngày tận thế sẽ xuất hiện trên con đường ấy^[27].

Người được cụ nói điều đó, người đầu tiên cụ chia cho xem bức thư là tướng José Raquel Moncada, một người thuộc phái Bảo hoàng.

“Rất tiếc là - tướng Moncada bình luận - Aureliano này lại không phải là một người Bảo hoàng”. Ngài thật bụng khâm phục chàng.

Cũng như rất nhiều quan chức dân sự Bảo hoàng, José Raquel Moncada đã tiến hành cuộc chiến để bảo vệ đảng mình và trong chiến đấu đã leo lên quân hàm cấp tướng, mặc dù ngài không có tài thao lược. Trái lại, cũng như rất nhiều người trong đảng mình, ngài là người phản đối chế độ quân phiệt. Ngài coi giới võ biên là đám người lười biếng không có kỷ cương, thích mạo hiểm và tham lam, có kinh nghiệm chống đối các quan chức dân sự để làm giàu trong tình cảnh hỗn độn. Là người thông minh, nhã nhặn, da dẻ hồng hào, người thích ăn ngon và ham các cuộc chơi gà, thế mà đã có lúc ngài là kẻ thù đáng gờm nhất của đại tá Aureliano Buendía. Ngài đã thiết lập được quyền chỉ huy của mình với các nhà quân sự nhà nghề trong cả vùng duyên hải rộng lớn này. Có lần, theo những thỏa thuận chiến lược, ngài buộc phải rút quân khỏi một thị trấn để trao lại cho lực lượng của đại tá Aureliano Buendía, ngài đã để lại hai bức thư cho chàng. Trong một bức thư dài gửi cho đại tá, ngài mời chàng tham gia chiến dịch chung nhằm làm cho cuộc chiến đỡ khốc liệt hơn. Bức thư khác ngài nhờ đại tá chuyển đến cho vợ mình sống trong vùng kiểm soát của các lực lượng vũ trang thuộc phái Tự do. Từ đạo ấy, kể cả trong những lúc chiến sự xảy ra ác liệt nhất, hai vị tư lệnh này đã thỏa thuận ngừng bắn để trao đổi tù binh. Đó là những lúc hưu chiến với không khí vui vẻ đến mức tướng Moncada đã lợi dụng thời gian ấy để dạy đại tá Aureliano Buendía chơi cờ đam. Đã có những lúc cả hai người nghĩ đến khả năng phối hợp những yếu tố nhân dân có trong cả hai đảng để loại trừ ảnh hưởng của các nhà quân sự và các nhà chính trị nhà nghề, và thiết lập một thể chế nhân đạo nhờ khai thác triệt để những mặt ưu việt của từng học thuyết. Khi chiến tranh kết thúc, trong lúc đại tá Aureliano Buendía thường xuyên thất bại, phải chạy trốn theo những hẻm núi thì tướng Moncada được phong làm Quan thanh tra ở làng Macondo. Ngài ăn mặc dân sự, dùng cảnh sát không vũ trang thay cho đám dân lệ, ngài buộc mọi người phải tôn trọng mọi quy định của luật ân xá và giúp đỡ một số gia đình là thân nhân của những người Tự do tử trận. Ngài tìm mọi cách để Macondo được chọn là thị trấn huyện và do đó ngài được bổ nhiệm là thị trưởng và đã vun trồng được một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong dân chúng khiến cho họ nghĩ về chiến tranh như nghĩ về một nỗi cực khổ vô nghĩa lý của thời quá

khứ. Cha Nicanor, bị những cơn sốt đau gan hành hạ đã gày nhom và do đó đã bị cha Coronel - từng được mệnh danh là El Cachorro, một cựu chiến binh trong cuộc chiến tranh của những người thuộc phái liên bang tiến hành đến thay thế. Bruno Crespi đã kết hôn với Amparo Moscote. Nhờ cửa hàng đồ chơi và nhạc cụ của anh không ngừng phát tài, anh đã xây dựng một nhà hát từng được các gánh hát Tây Ban Nha liệt vào các lịch trình biểu diễn lưu động của họ. Đó là một phòng xa lông rộng ở ngoài trời với những chiếc ghế gỗ dài, một tấm phông ni có gắn các mặt nạ Hy Lạp và ba phòng bán vé hình đầu sư tử mà qua cái miệng há ra của nó người ta bán vé vào cửa cho khách. Cũng trong thời kỳ này nhà trường được xây dựng. Don Melchor Escalona, một thầy giáo già được phái từ miền đầm lầy tới trông coi trường học. Được sự đồng ý của các phụ huynh, ngài bắt các cậu học trò ương bướng phải quỳ gối đi trên nền sân lởm chởm đá sỏi và bắt những đứa trẻ lấm mồm phải ăn ớt cay. Aureliano Segundo và José Arcadio Segundo, những đứa con sinh đôi của Santa Sofía de la Piedad, là những học trò đầu tiên ngồi trong phòng học với bảng đen, phấn viết, ca nhôm có khắc tên mình. Remedios thừa kế được sắc đẹp đích thực của bà mẹ và bắt đầu được làm quen với cái tên Remedios - Người đẹp. Mặc dù tuổi cao, mặc dù phải chịu nhiều tang tóc và những hoạn nạn chồng chất, Úrsula vẫn trẻ khỏe như thường. Được Santa Sofía de la Piedad giúp đỡ, cụ lại kinh doanh nghề kẹo bánh và trong thời gian ngắn, cụ đã không chỉ thu lại tài sản bị con trai tiêu nhẵn trong chiến tranh, mà còn nhồi vàng ròng vào đầy các quả bí khô đem chôn trong phòng ngủ.

“Thượng đế còn cho ta sống, - cụ thường nói, - thì trong ngôi nhà những kẻ điên khùng này sẽ không bao giờ thiếu tiền bạc”.

Mọi chuyện đang diễn ra êm đẹp như thế, bỗng thỉnh linh Aureliano José rời bỏ hàng ngũ quân đội liên bang Nicaragua, trốn lên một chiếc tàu Đức, rồi xuất hiện ngay tại bếp ăn nhà mình. Cậu trở về người khỏe mạnh như một con ngựa, da sạm nắng và tóc rậm như người Anh-điêng với ý nghĩ thầm kín định cưới Amaranta làm vợ. Khi Amaranta nhìn thấy cậu bước vào, dù cậu chưa hề nói gì cả cô biết ngay vì sao cậu trở về. Cùng ngồi một bàn mà hai người không dám nhìn vào mặt nhau. Nhưng sau hai tuần trở về, dù Úrsula có mặt, cậu vẫn cứ nhìn thẳng vào mắt cô và nói: “Lúc nào cháu cũng nghĩ tới cô thân yêu”. Amaranta chạy trốn cậu. Cô dò đoán để tránh phải gặp cậu ở những nơi, những lúc bất thỉnh linh. Cô cứ bám lấy Remedios - Người đẹp, không rời nửa bước. Cô xấu hổ đỏ bừng hai má trong cái ngày thẳng cháu hỏi mình còn mang dải băng đen trên tay đến bao giờ, bởi vì cô hiểu câu hỏi đó như là một lời ám chỉ sự trinh tiết của mình. Khi cậu trở về nhà, cô liền cài chặt cửa buồng mình ngủ. Nhưng trong nhiều đêm nghe rõ tiếng ngáy đều đều hiền hậu của cậu ở phòng bên, cô yên lòng đến mức không đề phòng

nữa. Sau gần hai tháng Aureliano José trở về, có một buổi đêm về sáng, cô cảm thấy cậu vào phòng mình ngủ. Thế là, đáng lẽ phải chạy trốn, phải gào toáng lên như cô đã dự định trước, thì cô lại buông thả mình trong cảm giác nhẹ nhàng được nghỉ ngơi, được thỏa mãn. Cô cảm thấy cậu đang trườn trong mùng, như đã trườn từ lúc còn nhỏ, như xưa nay nó vẫn trườn thế, rồi cô không tài nào ghìm được mồ hôi lạnh túa ra và hàm răng run lập cập khi nhận thấy cậu đã hoàn toàn khóa thân. “Cút đi!”, cô thì thầm đuôi mà cảm thấy như mình đang chết ngạt vì tính tò mò. “Cút đi không tao sẽ kêu lên bây giờ”. Nhưng Aureliano José lúc ấy biết rõ điều mình cần phải làm, bởi vì cậu đâu còn là thằng nhóc sợ bóng đêm mà trái lại đã là một thằng lính chiến. Kể từ đêm ấy, bọn họ lại tiếp tục các cuộc vật lộn thâm lặng với nhau cho đến lúc trời hừng sáng. “Ta là cô mày”, Amaranta thì thào nói về mặt mỗi. “Ta gần như là mẹ mày, không chỉ vì tuổi tác mà còn vì ta đã nuôi dạy mày đủ điều chỉ còn thiếu cho mày bú thôi”. Vào lúc trời hừng đông, Aureliano linh đi và đến buổi đêm về sáng ngày hôm sau lại trở lại phòng ngủ cô mình, ngày một thích chí hơn bởi thấy rằng cửa phòng cô mình vẫn không cài then. Không lúc nào cậu không yêu da diết cô mình. Cậu thường gặp hình ảnh cô mình trong những phòng tối nơi các làng bị chiếm đóng, nhất là những phòng tối tàn nhất, và nhận ra nàng một cách vật chất qua mùi máu khô đọng trên những dải băng của người bị thương, trong nỗi sợ hãi chột đến trước tử thần. Ở đâu và lúc nào cậu cũng thấy cô mình. Cậu đã chạy trốn cô mình bằng cách cố tình xóa nhòa ký ức của mình không chỉ nhờ ở sự xa cách muôn trùng mà nhờ ở cả những trận đánh đẫm máu rừng rợn từng được các bạn đồng ngũ liệt vào hạng đáng sợ nhất, nhưng trong lúc cậu càng cố xóa nhòa hình ảnh cô mình ở nơi khủng khiếp của chiến tranh thì chiến tranh lại càng giống Amaranta hơn. Vì thế mà cậu đau lòng phải sống lưu vong, cố tìm cách giết cô mình bằng chính cái chết của mình cho đến khi cậu nghe một người lính kể câu chuyện cổ tích về một người đàn ông lấy người cô ruột đồng thời lại là cháu gái mình và người con trai của ông ta lại chính là ông trẻ của nó.

- Người ta không thể lấy cô ruột mình sao? - cậu hỏi về hoảng hốt.

- Không những có thể lấy được, - một người lính trả lời cậu, - mà còn hơn thế nữa. Chúng ta làm cuộc chiến tranh chống lại các thầy tu này cốt để người ta có thể lấy ngay chính mẹ đẻ của mình.

Mười lăm ngày sau, cậu đào ngũ. Cậu thấy Amaranta của đời thực mặn mà hơn Amaranta trong ký ức, thấy cô buồn và thanh tao hơn nhiều và mặc dù trên thực tế cô đã ở vào thời kỳ sắc đẹp tàn phai nhưng hơn bao giờ hết cô lại nồng nàn trong bóng tối nơi phòng ngủ, hơn bao giờ hết cô buông thả mình trong sự điên cuồng cự tuyệt.

“Cháu là một thằng dê tiện”, Amaranta bảo cậu khi bị cháu truy đuổi. “Cái việc cháu đang làm với người cô đáng thương của mình này là không đứng đắn đâu dù cho đức Giáo hoàng có đặc ân tha thứ đi nữa”. Aureliano José hứa sẽ đi đến thành Roma, hứa quỳ gối lê khắp châu Âu hôn dép đức Giáo hoàng chỉ để xin cô mình “tha cầu thành” cho mình vào.

- Không chỉ vì thế đâu, - Amaranta cô chống cự, - mà còn vì sẽ đẻ ra những đứa con có đuôi lợn.

Aureliano José cố tình làm ngơ trước mọi lý lẽ.

- Dù có đẻ ra những con tê tê đi nữa cũng cam lòng, - cậu van xin.

Một buổi đêm về sáng nọ, cậu đến tiệm bác Catarino sau khi không chịu nổi cơn đau vì nhức dục bị ức chế quá mức. Ở đây cậu bắt tình với một người đàn bà có bộ vú chảy, niềm nở dễ tính, là người đã làm nhuần cái bụng cậu trong một lúc. Cậu định sẽ đối xử tệ mạt với Amaranta. Cậu thấy cô ngồi ở hành lang, đang đập máy khâu, - một nghề cô học rất nhanh, - và cậu không chào hỏi cô mình. Amaranta cảm thấy mình trút bỏ được gánh nặng và chính cô cũng không hiểu nổi vì sao lúc này mình lại nghĩ đến đại tá Gerineldo Márquez, vì sao mình lại da diết nhớ những buổi chiều chơi cờ đam, vì sao mình lại muốn chàng làm chồng mình. Aureliano José vẫn chưa biết mình đã mất chỗ đứng trong trái tim cô mình, cho nên một đêm nọ do không thể tự kiềm chế nổi dục vọng, cậu lại mò vào phòng ngủ của Amaranta. Lần này cô đã cự tuyệt một cách dứt khoát và kiên quyết. Từ đó đêm nào cô cũng cài chặt cửa phòng mình lại.

Ít tháng sau ngày Aureliano José trở về, một người đàn bà vẻ cởi mở, vương mùi hoa nhài, bồng đứa bé năm tuổi đến nhà. Chị ta nói rằng đứa bé là con của đại tá Aureliano Buendía và rằng chị ta mang nó đến để Úrsula đặt tên. Không một ai nghi ngờ góc gác của đứa bé chưa có tên ấy: nó giống đại tá như đúc thời chàng được cha dẫn đi xem nước đá. Người đàn bà kể rằng cậu bé chào đời với đôi mắt mở thao láo nhìn những người xung quanh với vẻ dò xét của một người lớn, và rằng chính chị ta phải giật mình trước cái nhìn chăm chú không chớp mắt của nó.

“Đích thị rồi”, Úrsula nói. “Chỉ thiếu điều nó không làm cho ghế phải tự xoay quanh khi nó nhìn”. Cụ đặt tên cho nó với tên của Aureliano và họ của mẹ nó, bởi vì luật pháp không cho phép đứa trẻ mang họ cha một khi người cha chưa thừa nhận. Tướng Moncada nhận làm cha đỡ đầu. Mặc dù Amaranta yêu cầu bên nhà gái để cậu bé ở lại nhà nhưng người mẹ không đồng ý.

Lúc ấy Úrsula vẫn chưa biết tập quán của các bậc cha mẹ cho các cô trinh nữ vào phòng ngủ của các chiến binh như thế họ vẫn thường thả gà mái

vào chuồng những con gà trống đẹp mã. Nhưng qua một năm ròng cụ đã biết: chín đứa con trai nữa của đại tá Aureliano Buendía được mang đến nhà để xin cụ đặt tên. Đứa lớn nhất, da nâu với đôi mắt xanh hoàn toàn không giống với bên nội, đã lên mười tuổi. Họ mang đến nhà những đứa trẻ ở mọi tuổi, với đủ màu da, nhưng tất cả đều là con trai, và tất cả đều có vẻ cô đơn - đặc điểm buộc người ta phải thừa nhận nguồn gốc của chúng. Có một đứa lớn trước tuổi rất nhiều đã đập vỡ vài bình hoa và một số cốc tách, vì hình như tay nó hậu đậu đụng đến cái gì là làm vỡ cái đó. Đứa khác tóc hung, có đôi mắt ốc nhồi, y hệt mắt mẹ nó, để tóc dài búi lại thành từng mớ giống y hệt tóc phụ nữ. Cậu bé này rất tự nhiên bước vào nhà cứ như thể cậu từng được nuôi nấng ở đây, rồi cậu đi thẳng đến chiếc tủ cũ kê trong phòng Úrsula mà đòi: “Cho cháu cô vũ nữ có dây cốt đi”. Úrsula giật mình. Cụ mở tủ. Sau khi bắt gặp cô vũ nữ ấy được cuộn trong đôi tất. Đó là tặng vật của Pietro Crespi và không một ai nhớ đến nó. Trong không đầy mười hai năm, mười bảy đứa trẻ vốn là con của đại tá gieo rắc trên khắp các miền chàng đi qua trong chiến tranh đã được đặt tên Aureliano kèm với họ mẹ chúng. Lúc đầu, Úrsula nhét đầy tiền vào túi chúng và Amaranta muốn giữ chúng lại để nuôi dạy. Nhưng cả hai đều đi đến kết luận là chỉ nên tặng cho mỗi đứa trẻ một gói quà kỉ niệm và nhận làm mẹ đỡ đầu của chúng. “Chúng ta đặt tên cho chúng thôi”, Úrsula nói trong lúc cụ ghi lại tên và địa chỉ của các bà mẹ, nơi và ngày sinh của bọn trẻ vào một cuốn vở. “Chắc là Aureliano đã trù liệu, vậy thì hẳn sẽ là người quyết định tất cả khi nào trở về”. Trong lúc ăn trưa, qua việc bình luận với tướng Moncada về cái “sự sinh sôi nảy nở ấy”, cụ bày tỏ ý muốn đại tá Aureliano Buendía sẽ có dịp trở về để sum họp với các con ở ngay nhà mình.

- Xin cụ đừng lo, - tướng Moncada nói vẻ bí hiểm, - đại tá sẽ trở về nhanh hơn cụ tưởng đấy.

Điều tướng Moncada biết rõ và không muốn để lộ trong bữa cơm trưa là đại tá Aureliano Buendía đang chuẩn bị đi tới một cuộc khởi nghĩa trường kỳ, triệt để, đẫm máu nhất so với những cuộc khởi nghĩa từng được chàng mưu tính cho đến lúc này.

Không khí chính trị lại trở nên căng thẳng y hệt không khí chính trị của mấy tháng trước khi nổ ra cuộc chiến tranh đầu tiên. Các cuộc chọi gà từng được ngài thị trưởng khích lệ đã bị bãi bỏ. Đại úy Aquiles Ricardo chỉ huy trưởng đội quân đóng ở Macondo lên nắm quyền, điều hành mọi việc ở thị trấn. Những người thuộc phái Tự do tố cáo y là kẻ khiêu khích. “Sẽ xảy ra sự kiện khủng khiếp đấy”, Úrsula nói với Aureliano José. “Cháu chớ có ra đường sau sáu giờ chiều đấy, nghe chưa”. Những lời dặn dò ấy của cụ đều trở nên vô ích. Aureliano José, giống hệt như Arcadio trong thời kỳ trước, không chịu nghe lời bà mình.

Hình như điều đó là kết quả của sự trở về nhà của cậu, là kết quả của lối sống thờ ơ trước những công việc thô thúc hàng ngày. Chính những thứ này đã đánh thức trong cậu cái tài chơi gái và lười biếng của ông bác José Arcadio. Con sóng lòng đối với Amaranta của cậu đã tắt lịm không để lại một vết thương tổn nào. Cậu chơi bởi có phần phóng đãng, lúc chơi bia, lúc giải phiên với những người đàn bà ngẫu nhiên bắt gặp, lúc biền lận tiền bạc của Úrsula bỏ quên trong ngăn kéo bàn. Cậu chỉ trở về nhà để thay quần áo, “Con cái nhà đến lạ, tất cả đều giống nhau như hệt”, Úrsula thở than. “Lúc đầu, được nuôi dưỡng rất chu đáo, do đó tất cả đều ngoan ngoãn, nét na, hiền lành dường như đến con ruồi cũng không đủ can đảm để giết. Ấy thế mà râu vừa lún phún đã lại hư thân mất nét rồi”. Trái với Arcadio, người không bao giờ biết gốc gác của mình, cậu được biết riêng mình là con của Pilar Ternera, người đã mắc võng cho cậu để ngủ trưa ngay tại nhà thị. Trong nỗi cô đơn, bọn họ đã đi xa hơn quan hệ mẹ con để tư thông với nhau. Pilar Ternera đã hoàn toàn tuyệt vọng. Tiếng cười của thị ồm ồm như giọng cây đàn cóc. Đôi vú thị đã sệ trĩ xuống, bụng và vế thị đã mềm nhũn vì từng là nạn nhân của số phận người đàn bà chung chạ không thể thay đổi của thị. Nhưng trái tim thị cam chịu già đi không một chút đắng cay. Thị là người béo phì, lẩm lờ. Với sự trống rỗng của mẹ Tú bà bất hạnh, thị đã từ bỏ ảo tưởng vô vọng mà những con bài đem lại cho mình, và thị đã tìm thấy niềm an ủi trong ái tình của người khác. Trong ngôi nhà Aureliano José ngủ trưa, các cô gái láng giềng tiếp những người tình ngẫu nhiên bắt gặp.

“Bác Pilar, cho cháu mượn phòng nhé”, họ dễ dàng nói với thị như vậy khi họ đã ở trong nhà rồi.

“Tuỳ”, Pilar trả lời. Rồi nếu có ai đứng ở đây, thị giải bày:

- Tôi lấy làm hạnh phúc nếu được biết người khác đang mê mê trên giường.

Không bao giờ thị lấy tiền thuê phòng. Không bao giờ thị từ chối làm ơn cho người khác cũng như không bao giờ từ chối biết bao người đàn ông từng tìm đến thị ngay cả khi thị đã xế bóng về già. Thị chiều họ không vì tiền cũng không vì tình mà chỉ hi hữu đôi lần vì thích thú khoái lạc, thế thôi. Năm người con gái của thị, vốn thừa kế được hạt giống yêu nồng nàn của thị, đã phiêu bạt theo những con đường mòn gai góc của cuộc đời ngay từ tuổi dậy thì. Trong số hai đứa con trai thị nuôi thành người, một đứa tham gia quân đội của đại tá Aureliano Buendía và đã chết trong chiến đấu, còn đứa khác bị đánh thành thương tật và bị bắt bỏ tù vào lúc mười bốn tuổi khi nó định ăn cắp một chuồng gà mái ở một làng thuộc vùng đầm lầy. Xét về mặt hình thức, Aureliano José là người cao to, có nước da nâu hồng hào, là người trong nửa thế kỷ nay “quân bài” ông cụ đã báo cho thị biết, và rằng

cũng như tất cả những người đàn ông được các quân bài báo trước cho thị thì Aureliano José đã đến với thị khi cậu đã bị tử thần đánh dấu. Thị nhìn thấy điều đó trong những quân bài.

- Đêm nay con chớ ra đường, - thị nói, - con hãy ở lại đây mà ngủ kẻo Carmelita Montiel cứ nằng nặc đòi ta đưa cô ả vào phòng con đây.

Aureliano José không nhận bắt được ý nghĩa sâu xa ẩn trong lời mời như van xin ấy.

- Hãy bảo cô ấy đợi con đến nửa đêm nhé! - cậu nói.

Cậu đi đến rạp hát. Ở đấy một gánh hát Tây Ban Nha quảng cáo diễn vở Mũi dao găm của con cáo mà thực ra là kịch bản của Zorzilla nhưng nó đã phải thay tên theo lệnh đại úy Aquiles Ricardo, bởi vì những người Tự do đã gọi những người Bảo hoàng là “bọn mạnh”^[28]. Chỉ đến khi trình vé ở cửa vào, Aureliano José mới biết rằng đại úy Aquiles Ricardo, cùng với hai người lính mang súng dài, đang kiểm soát đám đông.

“Hãy liệu thân hồn, đại úy ạ”, Aureliano báo cho y biết. “Kẻ buộc ta phải giơ tay lên vẫn chưa xuất hiện đâu”.

Viên đại úy định dùng sức mạnh kiểm soát cậu, nhưng Aureliano José, vì lúc này không mang theo vũ khí, đã ù té chạy. Viên đại úy ra lệnh bắn nhưng bọn lính không tuân lệnh. “Đó là một Buendía đây”, một trong số họ nói với đại úy. Quá giận dữ, viên đại úy giằng lấy súng, chạy ra giữa đường rồi nổ súng.

- Đồ dê cụ! - đại úy vẫn kịp hét. - Cầu Chúa hẩn là đại tá Aureliano Buendía.

Carmelita Montiel; một cô gái tân tuổi đôi mươi, vừa tắm nước lá cam xong và đang lót lá hương thảo xuống giường Pilar Ternera, thì nghe thấy tiếng súng nổ. Aureliano José đã sẵn sàng cùng với Carmelita Montiel hưởng niềm hạnh phúc mà Amaranta từ chối cậu, sẵn sàng cùng với cô có bảy đứa con và chung thủy với cô cho đến khi chết trên đôi cánh tay cô, nhưng viên đạn đã xuyên qua lưng phá toang lồng ngực cậu. Đó là viên đạn được hướng đạo bởi một sự giải thích sai của những quân bài. Đại úy Aquiles Ricardo, vốn là kẻ phải chết vào đêm ấy quả nhiên đã chết trước Aureliano José bốn giờ. Hầu như vừa mới vang lên tiếng súng của mình bắn thì y đã bị hai viên đạn cùng một lúc quật ngã, và không bao giờ có thể phát hiện được nguồn gốc những viên đạn ấy. Tiếp theo đó là một tiếng hô râm ran làm rung chuyển cả trời đêm:

- Đảng Tự do muôn năm? Đại tá Aureliano Buendía muôn năm!

Vào lúc mười hai giờ đêm, khi Aureliano José tắt thở vì kiệt máu, và

Carmelita Montiel nhận thấy tương lai mờ mịt của mình trên những lá bài, thì hơn bốn trăm người đàn ông đã điếu qua trước cửa rạp hát và đã bắn đạn súng lục vào tử thi bị bỏ rơi của đại úy Aquiles Ricardo. Phải cần tới một đội tuần tra mới khiêng nổi cái thây ma bị ghim đầy đầu đạn và nhào ra như bánh ngâm trong súp của viên đại úy để đưa lên xe cút kít, mang đi.

Trái với những việc làm sai trái của quân chính phủ, tướng José Raquel Moncada sử dụng đến các ảnh hưởng chính trị của mình, trở lại mặc quân phục và nắm toàn quyền ở Macondo. Tuy nhiên ngài không hy vọng rằng thái độ hòa giải của mình lại có thể tránh được điều tất phải xảy ra. Tin tức tháng chín có nhiều mâu thuẫn. Trong học chính phủ tuyên bố mình đã kiểm soát được toàn bộ đất nước thì những người Tự do nhận được thông báo bí mật về các cuộc vũ trang nổi dậy ở vùng nội địa. Chế độ hiện hành không thừa nhận đất nước đang ở trong tình trạng có chiến tranh, do đó trong một công báo không dám tuyên bố rằng tòa án quân sự vẫn tiếp tục xử vắng mặt đại tá Aureliano Buendía và đã tuyên án tử hình vắng mặt chàng. Họ đã ra lệnh thực hiện bản án cho đơn vị quân đội nào đầu tiên bắt được chàng. “Điều này muốn nói rằng nó vẫn còn sống”, Úrsula tuyên bố trước mặt tướng Moncada. Nhưng chính ngài vẫn chưa biết. Thực tế cho thấy đại tá Aureliano Buendía đã có mặt ở trong nước được hơn một tháng rồi. Lúng túng trước những nguồn tin mâu thuẫn nhau, đồng thời bị lừa phỉnh bởi những hành động xuất quỷ nhập thần của đại tá Aureliano Buendía ở những miền xa xôi hẻo lánh của đất nước, tướng Moncada vẫn chưa tin đại tá đã trở về nước cho đến khi ngài được chính thức báo cho biết rằng đại tá đã làm chủ hai tỉnh duyên hải.

“Thưa cụ tôi thành tâm chúc mừng cụ”, ngài nói với Úrsula trong khi chìa cho cụ xem bức điện tín. “Con trai cụ sẽ có mặt ở đây nhanh thôi”.

Lần đầu tiên trong đời, Úrsula đâm lo. “Thế còn ngài sẽ làm gì?”, cụ hỏi.

Tướng Moncada cũng đã nhiều lần tự hỏi mình câu hỏi ấy.

- Tôi sẽ làm thình cái việc mà con trai cụ đã làm, cụ ạ! - ngài trả lời, - đó là thực hành phận sự của mình.

Vào lúc rạng sáng ngày mùng một tháng mười, đại tá Aureliano Buendía với một nghìn quân lính vũ trang cực mạnh tấn công Macondo và quân đội được lệnh kháng chiến đến cùng. Đến trưa, khi tướng Moncada cùng ngồi ăn với Úrsula thì phát đại bác của quân cách mạng làm rung chuyển cả thị trấn và phá tan bức tường mặt tiền kho bạc thị trấn.

“Bọn họ được vũ trang mạnh như chúng tôi, - tướng Moncada thở dài nói, - nhưng họ chiến đấu ngoan cường hơn chúng tôi”.

Đến hai giờ chiều, trong lúc trời rung đất chuyển dưới những làn đại bác

rền vang của cả hai bên chiến tuyến, ngài từ biệt Úrsula với cảm nghĩ mình đang bị đánh bại.

“Cầu Thượng đế rằng đêm nay cụ chưa đón Aureliano tại nhà này, - ngài nói, - nếu không như thế, xin cụ hãy ôm hôn ông ta thay cháu, bởi vì cháu không mong sẽ gặp mặt ông ta nữa”.

Đêm ấy ngài bị bắt khi định chạy khỏi Macondo sau lúc đã viết cho đại tá Aureliano Buendía một bức thư dài nhắc chàng nhớ lại những dự định chung của hai người nhằm làm cho cuộc chiến đỡ khốc liệt hơn và chúc chàng giành thắng lợi quyết định nhằm chống lại các quan nhân đòi bại và các chính khách tham lam của cả hai đảng. Ngày hôm sau đại tá Aureliano Buendía cùng ăn trưa với ngài tại nhà Úrsula, là nơi ngài đang bị giam giữ cho tới khi tòa án quân sự cách mạng quyết định số phận ngài. Đó là cuộc họp mặt gia đình. Nhưng trong lúc hai địch thủ quên cuộc chiến để cùng nhau nhớ lại những kỷ niệm cũ thì Úrsula có cảm giác u buồn rằng con trai cụ là một kẻ khác hẳn. Cụ có cảm giác ấy ngay từ lúc chàng bước vào nhà được cả một đội cảnh vệ ôn ã bảo vệ. Đội cảnh vệ này đã lục lọi khắp các phòng cho đến khi thấy rằng không có gì nguy hiểm. Đại tá Aureliano Buendía không những chỉ thừa nhận hành động càn quấy thô bạo ấy mà còn ra lệnh một cách dứt khoát và không cho phép bất kỳ ai, kể cả Úrsula được đến gần mình chưa tới ba mét trong lúc đội bảo vệ chưa bố trí xong lính gác quanh nhà.

Chàng mặc bộ quân phục vải sợi thô thông dụng, không mang quân hàm quân hiệu gì hết, đi ủng cao cổ với cựa thúc ngựa bê bết bùn và máu khô. Trên thắt lưng, chàng đeo một khẩu súng lục đựng trong bao da sờn, bàn tay luôn luôn tì vào báng súng, cử chỉ này hoàn toàn phù hợp với sự cảnh giác cao độ và kiên quyết trong đôi mắt chàng. Đầu chàng, giờ đây tóc xoắn tít lại dường như được sấy khô. Mặt chàng vốn sạm nắng gió biển Ca-ri-bê đã mang vẻ mặt sắt lạnh lùng. Bàng vẻ lạnh lùng thâm kín chàng đã sẵn sàng đối mặt với tuổi già không thể cưỡng lại nổi. So với lúc chàng ra đi, chàng cao hơn, xanh và gầy hơn, và đã để lộ những triệu chứng đầu tiên của bệnh buồn nhớ không nguôi. “Trời ơi”, Úrsula tự nói với mình vẻ hoảng hốt. “Giờ đây nó là kẻ đủ khả năng làm bất kỳ điều gì”. Đúng vậy, chàng là người như vậy. Không chỉ bằng lòng với việc ra lệnh chôn các xác chết trận trong cùng một hố chung mà chàng còn giao cho đại tá Roque Carnicero nhiệm vụ khẩn trương mở các phiên tòa quân sự, còn mình đích thân gánh lấy nhiệm vụ nặng nề: tiến hành các cuộc cải cách ruộng đất thật triệt để nhằm xóa bỏ tận gốc chế độ Bảo hoàng. “Chúng ta phải vượt lên một bước trước các chính khách của đảng”, chàng nói với các cố vấn của mình. “Khi mở mắt nhìn vào thực tại thì bọn họ đứng trước những việc đã rồi”. Đó là lúc chàng quyết định xét lại các văn tự ruộng đất, kể cả những cái đã được làm từ một trăm

năm về trước, và do đó đã phát hiện ra những văn tự giả mạo được hợp pháp hóa của ông anh José Arcadio. Bằng nét gạch chéo vào các văn tự ấy, chàng vô hiệu hóa chúng. Trong điệu bộ lịch sự cuối cùng, chàng nghĩ ngợi một giờ và đi thăm Rebeca để báo cho bà biết quyết định của mình.

Trong ngôi nhà tranh tối tranh sáng, chỉ có bà quả phụ cô đơn đã một thời là người bạn để chàng giải bày những tình cảm thầm yêu trộm nhớ của mình và là người ngồi ở nhà mình kiên trì theo dõi khi nào bọn lính đem bắn chàng, đã cứu chàng thoát chết. Giờ đây bà chỉ còn là bóng dáng của thời qua. Bà lẫn mình trong bộ đồ tang đen phủ kín đến ngón tay, ngón chân, và với trái tim nguội lạnh, bà hầu như không biết gì về chiến tranh. Đại tá Aureliano Buendía có cảm giác rằng chất diêm sinh từ xương cất hiện ra ngoài làn da bà, và rằng bà thấp thoáng hiện hình sau ngọn lửa ma trời trong cái không khí tù đọng hầu như vẫn còn sự nức mùi thuốc súng. Chàng bắt đầu khuyên bà hãy bớt thương nhớ chồng và hãy mở cửa sổ cho nhà thoáng đãng, rằng bà hãy tha thứ cho thiên hạ trước cái chết của José Arcadio. Nhưng Rebeca đã ở ngoài mọi cám dỗ phù hoa. Sau khi đã tìm kiếm chúng một cách vô ích trong dư vị của đất, trong những bức thư tâm hương của Pietro Crespi, trên cái giường rung lên trước sức nặng cuồng say của chồng mình, bà đã gặp được cái không khí thanh thản trong ngôi nhà ấy, nơi sự hồi tưởng khôn nguôi đã làm hiện hình những ký ức xưa và như người thực chúng lượn lờ đi lại trong các phòng đóng kín. Nằm dài trên chiếc ghế xích đu gỗ liễu gió, nhìn đại tá Aureliano Buendía như thể chàng là một bóng hình của thời xưa, Rebeca không hề tỏ ra bối rối khi bà được biết rằng các đất đai do José Arcadio lấn chiếm trái phép nay sẽ được trả lại cho những người chủ chân chính của chúng.

- Aureliano ạ, hãy để cho người ta làm điều chú đã quyết định. Lúc nào chị cũng nghĩ, và giờ đây chị càng khẳng định ý nghĩ của mình, rằng chú là một thằng đê hèn.

Việc kiểm tra văn tự ruộng đất được kết thúc đồng thời với các phiên tòa khẩn cấp do đại tá Gerineldo Márquez điều khiển và các phiên tòa này đều kết thúc với việc xử bắn toàn bộ số sĩ quan của quân đội chính phủ bị phía cách mạng bắt giữ làm tù binh. Phiên tòa quân sự cuối cùng là phiên tòa xét xử tướng José Raquel Moncada. Úrsula can thiệp.

“Đó là một nhà chức trách tốt nhất trong số các nhà chức trách ở Macondo”, cụ nói với đại tá Aureliano Buendía: “Mẹ cũng không cần thiết phải nói gì về tấm lòng nhân hậu của ông ta và về thái độ cư xử kính nể mà ông ta đã dành cho chúng ta, bởi vì hơn ai hết con hiểu rõ ông ta mà”.

Đại tá Aureliano Buendía dõng vào mắt cụ một cái nhìn dò xét:

- Con không thể vi phạm thể lệ xét xử của tòa án, - chàng cãi lại mẹ - Nếu mẹ thấy cần phải nói điều gì thì xin mẹ cứ ra trước tòa án quân sự mà nói”.

Úrsula không những chỉ một mình mình nói mà còn đi vận động tất cả các bà mẹ sĩ quan quân cách mạng hiện đang sống ở Macondo. Các cụ già vốn là những người sáng lập ra làng Macondo, trong số đó có các cụ bà từng tham gia cuộc mạo hiểm đi xuyên rừng để tìm nơi cư trú, đã lần lượt thay nhau ca tụng công đức của tướng Moncada. Úrsula là người cuối cùng trong số này. Danh dự của cụ, uy tín của cụ, tư chất dũng dạc đầy thuyết phục trong lời tuyên bố của cụ, tất cả những thứ đó trong một lúc nào đó đã làm cho các quan tòa phải lúng túng.

“Các ngài đã chơi cái trò kinh người này rất nghiêm chỉnh và các ngài đã làm đúng vì các ngài đang thực hiện phận sự của mình”, cụ nói với các quan tòa. “Nhưng xin các ngài nhớ cho là trong lúc Thượng đế còn để chúng ta sống, chúng ta vẫn là mẹ đẻ ra các ngài và cho dù các ngài có là những người rất cách mạng đi nữa, chúng ta vẫn có quyền lột quần áo các ngài nện cho mấy roi nếu các ngài không nghe lời”.

Khi những lời ấy còn vang vọng trong cái trường học bị biến thành trại lính, thì tòa lui vào để nghị án. Đến nửa đêm, tướng José Raquel Moncada bị kết án tử hình. Bất chấp nhường lời biện hộ mãnh liệt của Úrsula, đại tá Aureliano Buendía vẫn không chịu giảm mức án cho ngài. Trước lúc trời sáng một ít, chàng đến thăm kẻ tử tù trong xà lim.

- Anh hãy nhớ cho, - chàng nói với ngài, - là tôi không bắn anh. Cách mạng bắn anh đấy.

Tướng Moncada khi nhìn thấy chàng bước vào xà lim cũng không thềm ngồi dậy.

- Cút đi anh bạn ạ, - ngài nói.

Kể từ khi trở về cho đến lúc ấy, đại tá Aureliano Buendía vẫn chưa tìm được cơ hội thăm lại tướng Moncada với cả con tim mình. Chàng ngạc nhiên bao nhiêu khi thấy ngài đã già đi nhiều quá, khi thấy tay ngài run lẩy bẩy, khi thấy ngài an phận chịu chết và do đó lúc này chàng cảm thấy tự khinh bỉ mình đến mức có thể nhảm nó với lòng thương hại:

- Anh hẳn biết hơn tôi, - chàng nói, - rằng tất cả tòa án quân sự là một trò cười, vì rằng trên thực tế anh phải đền tội cho những kẻ khác, bởi vì lần này bằng mọi cách chúng tôi sẽ giành được chiến thắng. Nếu anh ở vào địa vị tôi lúc này, lẽ nào anh lại không làm như vậy?

Tướng Moncada ngồi dậy lấy vạt áo lau cặp kính gọng đồi mồi. “Cũng

có thể”, ngài nói, “nhưng điều tôi phải bận tâm không phải là việc anh bắn tôi, bởi vì dù thế nào đi nữa đối với loại người chúng ta thì cái chết này là hiển nhiên”. Ngài đặt cặp kính lên giường rồi cởi chiếc đồng hồ quả quít. “Điều tôi bận tâm”, ngài nói tiếp, “là từ một người căm thù đám tướng lĩnh nhà nghề, từng đấu tranh không mệt mỏi với chúng, từng trăn trở suy nghĩ về chúng thế mà nay anh lại chẳng khác gì chúng. Trong cuộc đời không có mẫu người nào đại diện cho sự thấp hèn của con người như anh”. Ngài cởi chiếc nhẫn cưới, và chiếc huân chương Thánh bà Đồng trinh Remedios rồi đặt chúng xuống bên chiếc đồng hồ và cặp kính.

- Đến cái nước này, - ngài kết thúc, - anh không chỉ là một tên độc tài khát máu điển hình nhất của lịch sử nước ta, mà rồi anh còn sẽ bắn cả cụ Úrsula để lương tâm mình được yên ổn.

Đại tá Aureliano Buendía cứ đứng thẫn ra như một bức tượng. Tướng Moncada đưa cho chàng kính, huân chương, đồng hồ, nhẫn cưới rồi đổi giọng nói:

- Nhưng thôi, tôi không muốn anh đến để mà xỉ vả anh, - ngài nói. - Tôi muốn nhờ vả anh chuyển những thứ này đến tay vợ tôi.

Đại tá Aureliano Buendía nhận các thứ rồi đút vào túi. - Bà ấy vẫn sống ở Manaure chứ?

- Vẫn ở Manaure? - tướng Moncada xác nhận, - vẫn cái ngôi nhà ở phía sau nhà thờ nơi anh đã đến gửi bức thư ấy.

- Tôi sẵn lòng làm. José Raquel ạ? - đại tá Aureliano Buendía nói.

Khi chàng bước ra ngoài trong ngọn gió xanh ẩm hơi sương, mặt chàng ướt nhòe như trong buổi bình minh trước đây, và chỉ lúc ấy chàng mới hiểu vì sao mình đã quyết định bản án phải được thi hành ngay trong sân nhà tù chứ không thể ở bên cạnh bức tường nghĩa địa được. Đội hành hình xếp hàng ngay trước cửa, bỗng súng chào chàng, vị tư lệnh của họ.

- Các anh đã có thể lôi hấn đi được rồi, - đại tá ra lệnh.

CHƯƠNG 9

Đại tá Gerineldo Márquez là người đầu tiên nhận thấy cái hư vô của chiến tranh. Với tư cách người chỉ huy toàn quyền ở Macondo chàng duy trì đều đặn một tuần hai buổi nói chuyện điện tín với đại tá Aureliano Buendía. Lúc đầu những buổi trao đổi này đã khẳng định được dòng chảy của cuộc chiến đẫm máu mà ở bất kỳ thời điểm nào các đường viền của nó cũng cho phép xác lập điểm đích sẽ đi tới và dự kiến những đường hướng trong tương lai. Dù không bao giờ tự để mình bị sa lầy trong lĩnh vực tình cảm thân tín, ngay cả đối với những người bạn chiến đấu gần gũi nhất, lúc này đại tá Aureliano Buendía đã giữ được cái cách nói quen thuộc cho phép người ở bên kia đầu dây nhận ra mình. Nhiều lần chàng kéo dài các buổi nói chuyện điện tín quá thời gian quy định và để chúng dấy đưa sang các câu chuyện phiếm. Tuy nhiên, trong điều kiện cuộc chiến ngày càng mở rộng và căng thẳng hơn, hình ảnh của chàng dần dần lu mờ đi trong thế giới mộng lung không có thực. Những nốt tạch và nốt tè theo cách ấn cần manip của chàng ngày một xa xưa và mơ hồ hơn, và chúng hợp lại thành những từ ngữ dần dần cũng mất hết ý nghĩa. Lúc này, đại tá Gerineldo Márquez chỉ nghe thôi và chàng cảm thấy khó chịu bởi cảm giác mình đang tiếp xúc qua điện tín với một người xa lạ thuộc thế giới khác.

- Mình đã hiểu, Aureliano ạ! - Chàng ấn cần manip để kết thúc - Đảng Tự do muôn năm!

Đại tá Gerineldo Márquez đã hoàn toàn bị mất liên hệ với chiến tranh. Cái mà trước đây vốn là một hành động thực tế, một đam mê không thể kiềm chế được của tuổi trẻ, giờ đây đối với chàng đã trở thành một câu chuyện xưa, một nỗi trống trải hư vô. Nơi duy nhất để chàng chạy trốn nỗi cô đơn ấy là phòng máy may của Amaranta. Chiều nào chàng cũng đến thăm cô. Chàng thích ngắm đôi bàn tay cô trong lúc gấp nếp vải trên bàn máy do Remedios - Người đẹp quay maniven. Hàng giờ, hàng giờ bọn họ ở bên nhau, không nói lấy một lời. Trong lúc Amaranta tự thỏa mãn với việc duy trì ngọn lửa yêu đương mãnh liệt của chàng, thì chàng hoàn toàn không thể hiểu nổi mục đích ấy của trái tim kia. Khi được biết tin chàng sẽ trở về, Amaranta cảm thấy sung sướng đến ngạt thở. Nhưng khi thấy chàng lẫn trong đội bảo vệ ồn ã của đại tá Aureliano Buendía bước vào nhà, thấy chàng tiêu tụy vì phải lăn lộn nơi hải ngoại, thấy chàng già đi vì tuổi tác và sự lãng quên, thấy chàng nhợt nhạt thứ mồ hôi quện bụi đường, hôi mùi hôi súc vật, thấy chàng xấu trai với cánh tay bị băng bất động ở trước ngực, lúc ấy cô thất vọng quá muốn chết luôn. “Trời ơi, - cô nói - người này không phải là người mình hằng mong đợi”. Tuy nhiên, vào ngày hôm sau, chàng đến nhà trong tư thế bảnh bao hơn: đã cạo râu và tắm rửa, bộ ria mép thơm mùi oải hương, và cánh tay

không đeo băng nữa. Chàng mang cho cô một cuốn kinh cầu nguyện bọc bìa cứng khảm xà cừ.

- Ôi, đàn ông mới lạ làm sao, - cô nói bởi không biết nói gì hơn. - Cả đời đấu tranh chống lại các thầy tu, thế nhưng họ lại đi tặng sách kinh đây.

Kể từ ngày đó, ngay dù trong những ngày chiến sự ác liệt nhất chiều nào chàng cũng đến thăm cô. Rất nhiều lần chàng quay bánh xe quay của chiếc máy khâu khi không có mặt Remedios - Người đẹp. Amaranta cảm thấy lúng túng trước tấm lòng thủy chung son sắt, trước tinh thần tận tụy của người đàn ông được ông anh mình tin cậy ủy thác cho nhiều quyền thế ấy mà khi bước vào phòng máy may vẫn cứ cởi vũ khí để ở ngoài phòng khách. Nhưng, trong bốn năm ròng chàng đã thổ lộ tình yêu của mình với cô và cô đã tìm được cách thoái thác mà không làm chàng đau khổ, bởi vì cô không yêu chàng, nhưng cũng thấy mình không thể sống thiếu chàng. Remedios - Người đẹp, người dường như đứng vững với mọi sự trên đời, bị coi là người kém phát triển trí tuệ, lại tỏ ra không thờ ơ lắm và đã ra về mền đại tá Gerineldo Márquez. Amaranta ngay lập tức phát hiện ra rằng cái cô bé do cô nuôi ấy tuy chưa ở tuổi dậy thì đã là cô gái đẹp nhất ở Macondo rồi. Trong trái tim mình cô cảm thấy đang sống lại mối hận thù cô từng đối xử với Rebeca trước đây, và cầu khẩn Thượng đế hãy đừng để mình phải mong cô bé chết, cô đã tổng khứ nó khỏi phòng máy may của mình. Đó là thời kỳ đại tá Gerineldo Márquez bắt đầu cảm thấy chán ghét chiến tranh. Chàng sử dụng đến sự thận trọng của mình, đến tính nét dịu dàng của mình, sẵn sàng từ bỏ vinh quang từng đổi bằng những năm tháng đẹp nhất của đời mình để chiếm lấy trái tim Amaranta. Nhưng chàng đã không thuyết phục nổi cô.

Vào một chiều tháng tám, đau khổ trước thái độ kiên trì của chàng, Amaranta ở lì trong phòng ngủ để khóc cho nỗi cô đơn của số phận mình, sau khi đã dứt khoát từ chối tấm lòng kiên trinh của chàng:

- Chúng ta hãy mãi mãi quên nhau đi, - cô nói với chàng, - bởi vì chúng ta đã nhớ thì rồi.

Buổi chiều ấy đại tá Gerineldo Márquez vội chạy đến đáp lời cú điện tín của đại tá Aureliano Buendía. Đó là một buổi nói chuyện thường lệ không hề làm xoay chuyển cuộc chiến tranh tri trệ. Vào lúc kết thúc, đại tá Gerineldo Márquez ngắm nhìn những con đường hiu quạnh, những giọt nước long lanh như pha lê trên tán những cây hạnh đào, rồi chàng lạc lối trong nỗi cô đơn.

- Aureliano này, - chàng buồn rầu nói qua cần manip - đang mưa ở Macondo đây!

Im lặng hồi lâu trên đường dây. Bỗng nhiên máy móc vang lên những tiếng tạch tè bực bội của đại tá Aureliano Buendía.

- Đừng có mà lẩn thân thể, Gerineldo ạ, - những tín hiệu nói. - Dĩ nhiên tháng tám thì trời mưa.

Đã lâu lắm hai người không được nhìn mặt nhau, đến mức đại tá Gerineldo Márquez phải ngạc nhiên trước thái độ phản ứng đầy vẻ khiêu khích ấy. Tuy nhiên, sau đó hai tháng, khi đại tá Aureliano Buendía trở về Macondo thì sự ngạc nhiên ấy trở thành một niềm vui đến tận tận thần cả người. Ngay đến cả Úrsula cũng phải ngạc nhiên khi thấy chàng thay đổi nhiều quá. Lân mình trong chiếc áo khoác ngoài mặc dù đang lúc oi bức, chàng lặng lẽ trở về không hề có lính hộ vệ, mang theo ba ả nhân tình. Chàng để họ cùng ở với mình trong một nhà, còn mình thì nằm dài trên võng gần như hết ngày. Hầu như chàng không đọc những bức điện thông báo tình hình chiến sự hàng ngày. Có lần, đại tá Gerineldo Márquez xin chàng cho những lời chỉ dẫn để giải quyết một vấn đề đang có chiều hướng gây nhiều phiền phức trong quan hệ quốc tế ở một địa điểm trên biên giới và được chàng trả lời:

- Đừng làm phiền ta vì những chuyện con con này, - chàng ra lệnh cho đại tá. - Hãy đi hỏi đảng Toàn năng ấy.

Có lẽ đó là giai đoạn căng thẳng nhất của cuộc chiến. Các tay địa chủ thuộc phái Tự do, những người ngay từ lúc đầu ủng hộ cách mạng, đã ngầm liên minh với các tay địa chủ thuộc phái Bảo hoàng để chặn đứng cuộc cải cách ruộng đất. Các chính khách từng tài trợ cho cuộc chiến tranh, ngay từ ở hải ngoại họ đã công khai phản đối những quyết định táo bạo của chàng. Nhưng chàng phớt lờ hết, ngay cả đối với sự phê truất quyền lực này. Chàng không đọc lại những bài thơ của mình giờ đây đã dày tới năm tập và thường xuyên bị bỏ quên dưới đáy rương. Về ban đêm hoặc vào giờ ngủ trưa, như thường lệ, chàng gọi một nhân tình lên võng hú hí với ả rồi sau đó lăn ra ngủ say như trâu chết, chẳng còn biết đến trời đất là gì nữa. Lúc ấy, chỉ có chàng mới hiểu rằng trái tim sôi nổi của mình đã vĩnh viễn bị đày vào cõi hỗn mang. Lúc đầu, say sưa trước thắng lợi trở về trước những thắng lợi quá hiển nhiên, chàng đã bước lên tột đỉnh vinh quang. Chàng hài lòng bám chặt lấy công tước Marlborough, người thầy vĩ đại trong nghệ thuật quân sự của mình, người mặc chiếc áo khoác làm bằng da hổ vẫn giữ nguyên vuốt sắc khiến người lớn phải kính nể và trẻ con phải sợ hãi. Đó là lúc chàng quyết định không một ai, kể cả Úrsula, được đến gần chàng ba mét. Với những mệnh lệnh ngắn gọn và kiên quyết, chàng quyết định vận mệnh thế giới ngay từ trung tâm cái vòng tròn do những kẻ tùy tùng lấy phần trắng vẽ ở bất kỳ nơi nào chàng đến và chỉ một mình chàng bước vào. Lần đầu tiên có mặt ở Manaure, sau khi hành hình tướng Moncada, chàng vội vã thực hiện nguyện vọng cuối cùng của nạn nhân mình. Bà quả phụ nhận lấy kính, huân chương, đồng hồ, nhẫn cưới nhưng không cho phép chàng bước chân qua cửa.

- Đại tá không nên vào nhà, - bà nói. - Ngài điều hành ngoài mặt trận, còn tôi, tôi điều hành trong nhà mình.

Tuy đại tá Aureliano Buendía không để lộ ra mặt nổi căm tức nhưng tâm trí chàng chỉ hết day dứt khi biết đám tùy tùng đã cướp phá và thiêu thành tro ngôi nhà bà quả phụ.

“Xin anh hãy lo giữ gìn trái tim mình, Aureliano ạ”, lúc ấy đại tá Gerineldo Márquez nói với chàng. “Anh đang mục ruỗng trong lúc còn đang sống”.

Lúc này, chàng tổ chức hội nghị lần thứ hai các tướng lĩnh khởi nghĩa chủ chết. Chàng gặp mặt tất cả: các nhà ảo tưởng có, những kẻ nhiều tham vọng có, những tay mạo hiểm có, những kẻ nặng hiềm thù cá nhân có, và ngay cả đến những tên đầu trộm đuôi cướp cũng có. Cũng còn có một quan chức Bảo hoàng đã chạy trốn tòa án vì tội biến thủ công quỹ. Rất nhiều người không biết gì, kể cả vì sao mình chiến đấu họ cũng không biết nốt. Trong khung cảnh lộn xộn của đám đông mà sự khác biệt nhau về chính kiến suýt nữa gây ra vụ bùng nổ trong nội bộ, nổi bật lên một thế lực đáng sợ: đó là tướng Teófilo Vargas. Ngài là một người Anh-điêng thuần gốc, thô bạo, mù chữ, nhưng lại có đức ranh mãnh ngăm và có tài dùng ma thuật vùng Tiểu Á để trói buộc quân lính mình trong một thứ cuồng tín điên rồ. Đại tá Aureliano Buendía triệu tập Hội nghị với mục đích thu tóm quyền chỉ huy quân khởi nghĩa vào tay mình để chống lại các thủ đoạn của đám chính khách. Tướng Teófilo Vargas đã đi trước những dự định của chàng: Trong ít giờ đồng hồ ngài phá vỡ được sự thống nhất của một số viên tư lệnh nổi tiếng nhất và nhảy lên nắm quyền chỉ huy chung.

“Đó là một con mãnh thú cần phải dè chừng”, chàng nói với các sĩ quan thuộc quyền mình. “Đối với chúng ta, con người ấy còn nguy hiểm hơn cả viên Bộ trưởng Bộ quốc phòng đấy”.

Giữa lúc ấy có một viên đại úy trẻ, vốn thường trội hơn người đời bởi tính ủy mị của mình, đã thận trọng giơ tay:

- Thừa đại tá, thật quá dễ dàng, - viên đại úy trẻ nói để thăm dò. - Giết quách hẳn đi là xong thôi mà!

Đại tá Aureliano Buendía không ngạc nhiên trước tính chất giá lạnh của lời đề nghị được đưa ra mà trái lại chàng ngạc nhiên trước cái cách thức trong đó một phần tử thứ yếu đã đi trước chính sự suy nghĩ của mình.

- Các ngài đừng đợi ta ra cái lệnh ấy nhé, - chàng nói.

Quả nhiên, chàng không ra lệnh. Nhưng mười lăm ngày sau đó tướng Teófilo Vargas đã bị dao bằm vằm trong một vụ phức kích bất ngờ và đại tá

Aureliano Buendía bước lên nắm quyền chỉ huy chung. Chính trong cái đêm chức vụ mời của chàng được tất cả các viên tư lệnh quân khởi nghĩa thừa nhận, chàng bỗng hoảng hốt bật thức dậy, gào toáng đòi người ta mang đến cho mình một chiếc áo khoác ngoài. Một cơn lạnh bên trong biết thấu tận xương, làm chàng nhức nhối, ngay lúc mặt trời đứng bóng cũng không đủ cho chàng yên. Tình trạng ấy kéo dài vài tháng cho đến khi chàng bị mất ngủ kinh niên. Con mơ quyền lực bắt đầu đổ vỡ từng mảng. Để tìm cách giải cơn rét bên trong chàng ra lệnh bắn viên sĩ quan trẻ nêu đề nghị giết tướng Teófilo Vargas. Các mệnh lệnh của chàng được thi hành trước lúc được ban bố, nhiều khi ngay cả trước khi chàng dự định và thường thường vượt quá mức chàng dám mong muốn. Lạc lối trong nỗi cô đơn của quyền lực vô biên, chàng bắt đầu mất phương hướng. Chàng khó chịu trước đám dân chúng ở những làng bị chiếm đóng tung hô mình và chàng cảm thấy họ chính là đám dân chúng từng tung hô kẻ thù của mình. Trên khắp các nẻo đường, chàng đều gặp những trang thiếu niên nhìn mình với chính đôi mắt mình, nói chính giọng nói của mình, chào chàng bằng chính sự nghi ngờ mà chàng đã chào chúng và đều nhận chúng là con của chàng. Chàng cảm thấy mình bị phân tán, bị lặp lại, và cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Chàng nhận ra chính đám sĩ quan của mình đã lừa phỉnh mình. Chàng đánh lộn với công tước Marlborough. “Người bạn tốt nhất, - chàng vẫn thường nhủ mình, - là người vừa chết xong”.

Chàng mệt mỏi trước hoàn cảnh mơ hồ, trước vòng luẩn quẩn của cuộc chiến dằng dai ấy mà chàng luôn luôn bắt gặp mình ngay tại một địa điểm, chỉ có điều là chàng ngày một già thêm, ngày một yếu hơn mà không hề biết vì sao, như thế nào và đến bao giờ. Lúc nào cũng có kẻ đứng ở ngoài vòng phân trắng. Đó là kẻ đòi tiền chàng, là kẻ có đứa con đang bị ho gà, hoặc là kẻ muốn đi ngủ mãi mãi vì không thể ngậm mãi trong miệng mình cái mùi vị cứt đá của chiến tranh, và là kẻ tuy nhiên vẫn cố gắng gượng đứng nghiêm để báo cáo: “Thưa đại tá, tất cả đều bình thường ạ”. Và chính sự bình thường ấy, vốn có nghĩa là không có gì xảy ra, lại là cái đáng sợ hơn cả của cuộc chiến tàn bạo. Vì bị điếm báo bỏ rơi và để chạy trốn cơn rét bên trong cơ thể sẽ theo riết chàng cho tới khi chết, chàng tìm đến nơi ẩn nấp duy nhất ở làng Macondo, trong hơi ấm của những kỷ niệm xa xưa ấy. Sự lười biếng của chàng thật là quá đáng đến mức khi người ta báo tin có phái đoàn của đảng đến để thảo luận về việc đình chiến thì chàng chỉ tựa mình trên võng, không hề thức dậy.

- Dẫn bọn nó đến nhà thờ nhé, - chàng nói.

Đó là sáu luật sư mặc áo đuôi tôm đội mũ phớt đang cố chịu đựng cái nóng ngọt ngọt của tháng mười một gay gắt nắng. Úrsula để họ trú chân ngay trong nhà mình. Phần lớn buổi ban ngày bọn họ đóng kín cửa ở lỳ trong

phòng ngủ để lên lút bàn luận. Khi tới đến họ đòi cho một đội lính bảo vệ và một nhóm nhạc công đàn phong cầm rời tự ý đến tiệm bác Catarino. “Đừng làm phiền họ nhé”, đại tá Aureliano Buendía căn dặn. “Ta đã biết tổng bọn chúng muốn gì rồi”. Vào đầu tháng chạp, cuộc thảo luận từng chờ đợi lâu nay, được mọi người dự đoán là một cuộc thảo luận không thể kết thúc đã diễn ra trong không đầy một giờ. Trong phòng khách nực nựa, bên cạnh cây đàn dương cầm tự động được một tấm vải trắng phủ kín, lần này đại tá Aureliano Buendía không ngồi vào chính giữa vòng phấn trắng do đám tùy tùng của mình vạch ra. Chàng ngồi trên một chiếc ghế giữa những cố vấn chính trị của mình. Cuộn mình trong chiếc áo khoác ni, chàng lặng lẽ nghe những đề nghị ngắn gọn của các sứ giả đặc nhiệm. Đầu tiên họ đề nghị bỏ việc kiểm tra văn tự ruộng đất để lấy lại sự ủng hộ của cánh địa chủ Tự do. Sau đó họ đề nghị từ bỏ cuộc đấu tranh chống ảnh hưởng của giáo hội để tranh thủ sự đồng tình của giáo dân. Cuối cùng họ đề nghị từ bỏ lý tưởng bình đẳng về quyền lợi giữa con hoang và con đích để bảo vệ tôn ty trật tự trong gia đình.

- Nghĩa là, - đại tá Aureliano Buendía mỉm cười khi các sứ giả ngừng đọc, - chúng ta đang chiến đấu chỉ để giành chính quyền thôi.

- Đó chỉ là những cải cách tạm thời, - một đại biểu cãi lại. - Lúc này hơn lúc nào hết, điều căn bản là mở rộng cơ sở quần chúng của cuộc chiến. Sau đó chúng ta sẽ xem lại.

Một cố vấn chính trị của đại tá Aureliano Buendía vội vã tham gia tranh luận.

- Thật là nhầm nhí, - ông ta nói, - nếu những cải cách này là đúng đắn thì điều đó muốn nói rằng: chế độ Bảo hoàng là tốt đẹp. Nếu bằng những cải cách này chúng ta mở rộng được cơ sở quần chúng của cuộc chiến thì điều đó muốn nói rằng chế độ Bảo hoàng đang có cơ sở quần chúng rộng lớn. Và nhìn chung, điều đó muốn nói rằng trong gần hai mươi năm nay chúng tôi đã chiến đấu chống lại lương tri dân tộc mình.

Ông ta còn định tiếp tục nói nhưng đại tá Aureliano Buendía ra hiệu cho ông dừng lại. “Xin tiến sĩ đừng làm mất thời giờ”, chàng nói. “Điều có ý nghĩa quan trọng là kể từ bây giờ trở đi chúng ta chiến đấu với mục đích duy nhất là giành lấy chính quyền”. Chàng vẫn mỉm cười, cầm lấy những tờ giấy do các sứ giả đưa cho và sẵn sàng định ký.

- Gặp thời thế thế thời phải thế, - chàng kết thúc, - chúng tôi hoàn toàn chấp nhận mà.

Những người thuộc phe chàng thẳng thốt đưa mắt nhìn nhau.

- Xin đại tá thứ lỗi cho, - đại tá Gerineldo Márquez nhỏ nhẹ nói - Đó là

một sự phản bội ạ?

Đại tá Aureliano Buendía dùng ngọn bút đã chấm mực ở trên không và trút lên đầu đại tá Gerineldo Márquez tất cả sức nặng quyền uy của mình:

- Nộp vũ khí cho ta, - chàng ra lệnh.

Đại tá Gerineldo Márquez đứng dậy, đặt vũ khí lên bàn.

- Hãy trình diện ở trại lính, - đại tá Aureliano Buendía ra lệnh cho chàng.
- Anh sẽ phải chịu sự định đoạt của tòa án cách mạng.

Sau đó chàng ký bản tuyên bố, trao giấy má cho các sứ giả và nói với họ:

- Hỡi các ngài, các ngài đã có giấy tờ của mình ở đây cả rồi. Mong các ngài hãy tận hưởng chúng nhé.

Hai ngày sau đó, đại tá Gerineldo Márquez bị tố cáo là kẻ phản bội, đã bị kết án tử hình. Nằm trên võng mình, đại tá Aureliano Buendía cứ trơ lý trước mọi lời van xin khoan hồng cho đại tá Gerineldo Márquez. Đêm trước ngày hành hình, bất chấp lệnh không được làm phiền chàng, Úrsula đã vào thăm chàng ngay trong phòng ngủ. Mặc bộ đồ đen tuyền phủ từ đầu đến phân, vẻ trịnh trọng khác thường, cụ đứng suốt ba phút trong lúc nói với chàng.

“Ta biết mày sẽ bắn thằng Gerineldo, - cụ đồng dục nói, - và ta không thể làm gì để ngăn chặn vụ hành hình này. Nhưng ta nói cho mày biết ngay sau khi thấy tử thi nó ta sẽ thề trước hài cốt của cha mẹ ta, trước vong linh của José Arcadio Buendía, ta sẽ thề trước Thượng đế rằng dù mày trốn đi bất kỳ đâu ta cũng lôi mày ra và ta sẽ tự tay giết mày”.

Trước khi ra khỏi phòng, không đợi nghe con mình cãi lại, cụ kết thúc:

- Cũng như ta sẽ giết mày nếu mày sinh ra với cái đuôi con lợn.

Trong cái đêm dài đằng đẵng ấy, khi đại tá Gerineldo Márquez nhớ lại những buổi chiều êm đẹp trong phòng máy may của Amaranta thì đại tá Aureliano Buendía bức bối dằn vặt, cố cấu xé cho vỡ nát cái đêm dài đằng đẵng, cái vỏ dai bọc quanh nỗi cô đơn của chàng. Quãng đời hạnh phúc duy nhất của chàng, kể từ buổi chiều xa xưa ấy khi cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá, đã diễn ra trong xưởng kim hoàn, nơi thời gian cứ trôi đi trong lúc chàng miệt mài đúc những con cá vàng. Chàng đã phải khơi dậy ba mươi hai cuộc nội chiến, đã nhiều lần thoát chết, và đã phải tìm kiếm vinh quang như con lợn dũi đồng rác tìm kiếm thức ăn, để gần bốn mươi năm sau mới phát hiện ra ý nghĩa của câu phương ngôn “ngu si hưởng thái bình”, một đức tính vốn có của sự nhẹ dạ cả tin.

Vào lúc trời rạng sáng, người phờ phạc mệt mỏi bởi đêm mất ngủ hành hạ, chàng xuất hiện trong xà lim tử tù trước lúc hành hình một giờ.

“Trò hề đã hết rồi, anh bạn ạ”, chàng nói với đại tá Gerineldo Márquez. “Chúng mình sẽ ra khỏi nơi đây trước khi muỗi kịp hành hình anh”. Đại tá Gerineldo Márquez không thể kìm được sự khinh bỉ của mình trước thái độ ngạo mạn kia.

- Không đi đâu hết, Aureliano ạ, - chàng phản đối. - Tôi thà chết còn hơn phải nhìn thấy anh trở thành con dao đâm máu.

- Anh sẽ không thấy tôi nữa mà, - đại tá Aureliano Buendía nói. - Anh hãy đi giày vào và hãy giúp tôi kết thúc cuộc chiến bẩn thỉu này.

Ngay trong lúc nói chàng vẫn chưa hình dung nổi rằng khởi sự một cuộc chiến bao giờ cũng dễ dàng hơn nhiều so với việc kết thúc nó. Chàng cần tới một năm chiến đấu đâm máu để buộc chính phủ phải đưa ra những đề nghị hòa bình có lợi cho quân khởi nghĩa và một năm nữa để thuyết phục phe cánh mình nhất trí chấp nhận những điều kiện đó. Chàng đã bước tới những thái cực không muốn của tội ác để dim tắt các cuộc khởi nghĩa của chính các sĩ quan dưới quyền mình, những người vẫn ngoan cường chiến đấu chống lại sự bán rẻ thắng Lợi của cuộc khởi nghĩa, để rồi kết thúc bằng việc chính chàng giúp đỡ cho các lực lượng thù địch hoàn toàn thống trị họ. Chưa bao giờ chàng là một chiến binh dũng mãnh như lúc ấy. Sự nhận thức sáng rõ rằng cuối cùng mình chiến đấu vì chính sự giải phóng mình chứ không phải vì những tư tưởng trừu tượng, vì những khẩu hiệu do các chính khách có thể phát phải hoặc phát trái tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể, đã truyền cho chàng một nhiệt tình phấn khích mới. Đại tá Gerineldo Márquez, người chiến đấu cho sự thất bại với tất cả lòng hăng say và trung thành như trước đây từng chiến đấu vì thắng lợi, đã phản đối sự sợ hãi vô tích sự của chàng. “Anh đừng lo”, chàng nói. “Chết đâu có phải là quá dễ dàng như người ta tưởng”. Trong trường hợp của chàng đó là sự thật. Niềm tin vững chắc rằng ngày chết của mình sẽ được báo trước đã phú cho chàng tính bất khả xâm phạm kỳ lạ, một sự bất tử, chắc chắn đến mức khiến chàng không thể bị thương trong những lúc xông trận nguy hiểm và cuối cùng đã cho phép chàng giành được một sự thất bại còn khó khăn hơn nhiều, còn đâm máu và phải trả giá đắt hơn nhiều so với việc giành lấy một thắng lợi.

Trong gần hai mươi năm chiến tranh, đại tá Aureliano Buendía đã nhiều lần có mặt ở nhà, nhưng trạng thái vội vã mỗi lần chàng trở về, cái bộ máy quân sự ồn ã theo chàng đi khắp các miền đất nước cũng như vàng hào quang huyền thoại ôm tỏa hình ảnh chàng và ngay đối với hình ảnh của chàng trong ánh hào quang huyền thoại ấy không ai cảm thấy gần gũi kể cả chính Ursula, tất cả những cái đó đã biến chàng thành một kẻ lạ lẫm. Lần cuối cùng chàng có mặt ở Macondo và đã sử dụng một ngôi nhà cho ba ả nhân tình của mình ở, ngoài ra chỉ thấy chàng ở nhà mình hai hoặc ba lần, khi chàng có thời gian

đề trở về nhà ăn cơm theo lời mời của gia đình. Remedios - Người đẹp và hai cậu bé sinh đôi, những kẻ sinh ra ở giữa thời buổi loạn lạc, hầu như không quen biết chàng. Amaranta không tìm ra mối tương đồng giữa hình ảnh ông anh đã để cả tuổi trẻ của mình trôi đi trong xưởng kim hoàn đúc những con cá vàng với hình ảnh một chiến binh huyền thoại từng cách ly mình với phần còn lại của nhân loại bởi một khoảng cách dài ba mét. Nhưng khi cô biết sắp có đình chiến và nghĩ rằng một lần nữa chàng trở về làm người bình thường, và cuối cùng chàng được tự do trở lại với trái tim của những người thân, thì tình cảm gia đình, bị ngu quên đã khá lâu, nay sống lại mạnh mẽ hơn bao.

- Cuối cùng, - Úrsula nói, - một lần nữa chúng ta lại có người đàn ông trong nhà.

Amaranta là người đầu tiên hồ nghi rằng người ta đã làm cho chàng thất bại vĩnh viễn. Một tuần trước khi đình chiến, khi chàng bước vào nhà không có lính hộ vệ, theo sau là hai lính đồng đi chân đất, những người này đặt xuống hành lang tất cả các đồ thô do la chở, và một hòm đựng thơ, vật còn lại duy nhất trong số tư trang đẹp đẽ của chàng, thì cô thấy chàng đi qua trước phòng máy may và gọi chàng. Đại tá Aureliano Buendía dường như khó nhận ra cô.

- Em là Amaranta đây! - cô nói đùa, vui vẻ vì anh mình trở về và chìa cho chàng xem tấm băng đen. - Hãy nhìn này, anh.

Đại tá Aureliano Buendía nhoẻn một nụ cười y hệt nụ cười chàng nhìn thấy cô băng tay lần đầu tiên, cái lần chàng trở về Macondo bị kết án tử hình.

- Ôi, thật khủng khiếp, - chàng nói, - thời gian trôi đi sao mà nhanh thế!

Quân đội thường trực có nhiệm vụ bảo vệ ngôi nhà. Chàng trở về trong tư thế bị áp giải, bị sỉ nhục, bị buộc tội đã làm cho chiến tranh tái phát với mục đích bán nó đắt hơn. Chàng run lẩy bẩy vì sốt và vì rét và một lần nữa hai nách chàng lại sưng. tấy lên. Sáu tháng trước khi nghe tin sẽ có đình chiến, Úrsula đã mở cửa và quét dọn phòng của vợ chồng chàng rồi xông trầm hương khắp các xó xỉnh mà nghĩ rằng chàng sẽ trở về tỉnh dưỡng tuổi già bên cạnh những con búp bê lâu ngày không dùng đến của Remedios. Nhưng thực ra, trong hai năm cuối cùng chàng đã trả cho cuộc đời những gì mình được hưởng kể cả phần mình hưởng trong tuổi già. Vào lúc đi qua xưởng kim hoàn từng được Úrsula chuẩn bị khéo léo, chàng không nhận ra ngay cả đến chùm chìa khóa đã cài sẵn ở ổ khóa. Chàng không cảm nhận gì hết ngay cả những hư hỏng dù lớn dù nhỏ do thời gian trôi đi đã để lại trong ngôi nhà và rằng sau một thời gian vắng nhà rất lâu ấy nếu một người vẫn giữ sống nguyên những kỉ niệm của mình hẳn phải thấy đó là một tai họa.

Chàng không mấy may đau khổ trước những vết vôi lở trên tường, trước những mạng nhện giăng khắp các xó xỉnh, trước bụi bặm phủ trên các cây thu hải đường, trước những vết mọt lỗ chỗ mắt sàng trên xà nhà, trước rêu bám trên bậc cửa. Chàng ngồi ở ngoài hiên, vẫn đi ủng và cuộn mình trong chiếc áo khoác, như thể đang đợi trời tạnh mưa, và cứ ngồi nguyên như thế suốt buổi chiều ngấm mưa rơi trên những cây thu hải đường. Lúc ấy Úrsula hiểu rằng đã lâu lắm cụ không có chàng ở nhà này. “Nếu không phải là chiến tranh; - cụ nghĩ, - thì chỉ có thể là thần chết”. Đó là một dự đoán hết sức sáng rõ, có sức thuyết phục đến mức cụ đồng nhất nó với một điềm báo. Đêm ấy trong lúc ăn tối, cậu bé mạo danh Aureliano Segundo cầm bánh bằng tay trái và múc súp bằng tay phải. Người anh em sinh đôi với cậu, mạo danh José Arcadio Segundo, cầm bánh bằng tay phải và múc súp bằng tay trái. Bọn chúng cử động thật là nhịp nhàng đến mức không thể nghĩ là hai người ngồi đối diện nhau mà đó dường như là một người ngồi nhìn vào gương. Cảnh tượng hai đứa trẻ sinh đôi đồng cảm với nhau kể từ khi chúng có ý thức rằng chúng giống nhau như đúc được lặp lại để chào đón người mới trở về. Nhưng đại tá Aureliano Buendía cũng không nhận ra nó. Dường như chàng xa lạ với tất cả, ngay đến việc Remedios - Người đẹp khóa thân đi qua để vào phòng ngủ cũng không khiến chàng để ý. Úrsula là người duy nhất đã dám làm khuấy đảo cơn trầm tư mặc tưởng của chàng:

- Nếu con cần phải ra đi nữa, - cụ nói với chàng vào lúc giữa bữa ăn, - thì ít ra con cũng phải làm cái gì để chúng ta còn nhớ đêm nay chúng ta đã sống như thế nào nữa chứ!

Vậy là không một chút ngạc nhiên, đại tá Aureliano Buendía nhận ra rằng Úrsula là người duy nhất đã đoán biết được nỗi đau của lòng mình, và lần đầu tiên trong rất nhiều năm chàng dám nhìn thẳng vào mắt cụ. Da cụ nhăn nheo, răng cụ khấp khiễng, tóc cụ khô héo và cái nhìn trên mắt cụ đầy vẻ thẳng thốt. Chàng so sánh cụ với hình ảnh xa xưa của cụ mà chàng vẫn giữ được, hình ảnh cụ trong buổi chiều chàng đã nói ra điềm báo nói rằng cái nồi canh vừa sôi sẽ đổ khỏi bàn và quả nhiên nó đã đổ xuống đất vỡ tan từng mảnh. Ngay lập tức chàng nhận ra những vết nhăn nheo, những vết sần sùi, những vết chai, những vết sẹo đã để lại trên làn da cụ trong hơn một nửa thế kỷ làm lụng vất vả và chàng nhận thấy rằng những dấu vết ấy không mấy may làm lay động lòng mình. Ngay lập tức chàng cố vội tìm trong trái tim mình cái nơi có những tình cảm đã bị mục ruỗng và chàng đã không thể tìm ra. Chí ít ra, trong lúc khác, chàng cảm thấy xấu hổ khi bỗng nhiên chàng bắt gặp hơi hám của Úrsula trên làn da mình và nhiều lần chàng cảm thấy những suy tư của cụ đã giao thoa vào những suy tư của mình. Song tất cả những cái đó đều bị chiến tranh choán hết chỗ. Ngay trong thời điểm ấy, chính Remedios, vợ chàng, cũng là hình ảnh mờ nhạt của một người nào đó có thể

là con gái chàng. Những cô gái chàng quen biết trong nỗi hiu quạnh của tình yêu và là những người để chàng gieo rắc nỗi giống mình trên khắp miền duyên hải, không một ai để lại dấu ấn trong tình cảm của chàng. Phần lớn các cô ấy đã bước vào phòng chàng ngủ lúc trời tối và đã ra đi trước khi trời sáng, và ngày hôm sau họ chỉ còn là một chút hoài nhớ băng khuâng trong ký ức chàng. Tình cảm duy nhất vẫn trụ lại trước sức tàn phá của thời gian và chiến tranh là tình cảm chàng nhớ thương người anh trai José Arcadio khi cả hai người còn là trẻ thơ, chưa hề biết đến yêu đương mà chỉ cùng nghịch ngợm thôi.

- Xin mẹ thứ lỗi cho, - chàng nói để đáp lại yêu cầu của Úrsula. - Chỉ vì cuộc chiến tranh này đã hủy hoại hết cả.

Những ngày sau đó, chàng loay hoay lo xóa sạch dấu ấn của mình từng hiện hữu trong cõi đời này. Chàng dọn quang quẻ xưởng kim hoàn, chỉ để lại những đồ dùng nào không gợi nhớ mình, phân phát quần áo của mình cho những người lính gác, rồi với chính ý nghĩ hối hận mà cha chàng đã có khi chôn ngọn giáo đâm chết Prudencio Aguilar, chàng chôn vũ khí của mình ở ngoài sân. Chàng chỉ giữ lại một khẩu súng lục với độc một viên đạn. Úrsula không dám can dự vào công việc của chàng. Chỉ có một lần duy nhất cụ khuyến giải chàng, ấy là lúc chàng sắp xé bức ảnh Remedios được giữ gìn cẩn thận ở trong phòng và được một ngọn đèn lúc nào cũng thấp tỏa sáng chiếu vào. “Bức chân dung này đã từ lâu không thuộc về con nữa”, cụ nói với chàng. “Đó là một bảo vật của gia đình”. Đêm trước ngày ký hiệp định đình chiến, khi trong nhà không còn lấy một vật gợi người khác nhớ tới mình, chàng cấp chiếc hòm đựng năm tập thơ mang đến lò nướng bánh trong lúc Santa Sofía de la Piedad đang chuẩn bị nhóm lò.

- Lấy cái này mà nhóm lò, - chàng nói rồi đưa cho cô cuộn giấy đã ố vàng. - Lò sẽ mau bốc lửa hơn bởi vì toàn là của đã lâu ngày rồi.

Santa Sofía de la Piedad, người phụ nữ thâm lặng, người phụ nữ dịu dàng, người không bao giờ cãi lại ai ngay cả với các con mình, nhận ngay ra đó là một hành động đã bị cấm.

- Đó là những giấy tờ quan trọng đấy, - cô nói.

- Chẳng có gì quan trọng đâu, - đại tá nói. - Đó là những trang giấy hoàn toàn riêng tư chỉ để cho ai viết người ấy đọc.

- Vậy thì, xin ông trẻ hãy đốt hộ, - cô nói.

Không những chàng đốt giấy mà còn lấy rìu chẻ thùng ra từng mảnh rồi đưa tất cả vào lò. Trước đó mấy giờ, Pilar Ternera đã đến thăm chàng. Sau nhiều năm không nhìn thấy bà, đại tá Aureliano Buendía vô cùng ngạc nhiên thấy bà đã già đi và béo đầy ra quá nhiều, thấy bà đã đánh mất tiếng cười

vang khanh khách, nhưng chàng cũng ngạc nhiên khôn xiết trước tài bói bài chính xác của bà. “Hãy giữ miệng”, bà đã bảo chàng, và chàng tự hỏi, nếu như lần khác trong tội đình vinh quang mà bà bảo chàng điều đó, thì liệu nó có phải là một cái nhìn đã bất ngờ ảnh hưởng tới số phận chàng không. Sau đó ít lâu, khi viên bác sĩ bảo vệ sức khỏe đã lau xong mũ ở hai nách, không một chút hứng thú đặc biệt, chàng chỉ hỏi ông ta tìm nằm chính xác ở đâu. Viên bác sĩ đã chỉ vào chỗ tìm nằm rồi lấy bông bản thấm thuốc đỏ vẽ lên ngực chàng một vòng tròn.

Ngày thứ tư, cái ngày ký hiệp định đình chiến bùng sáng trong quang cảnh trời mưa và thời tiết âm áp dễ chịu. Đại tá Aureliano Buendía xuất hiện ở nhà bếp trước lúc năm giờ và như thường lệ uống cà phê không đường. “Con đã chào đời vào đúng cái ngày như thế này”, Úrsula bảo chàng. “Tất cả mọi người ai cũng phải ngạc nhiên trước đôi mắt mở thao láo của con”. Chàng không chú ý nghe cụ nói, bởi vì đang lắng nghe quân lính chuẩn bị, lắng nghe những hồi kèn đồng báo thức vang lên lạnh lạnh và những tiếng hô ra lệnh đang làm xôn xang buổi bình minh. Dù sau nhiều năm chiến tranh, những tiếng động ấy dường như đã thân quen với chàng nhưng lần này chúng lại khiến chàng có cảm giác rùng rờ ở nơi đầu gối, có cảm giác rờn rợn nơi làn da từng cảm thấy trong tuổi thanh xuân khi đứng trước một người đàn bà khóa thân. Chàng nghĩ một cách hỗn độn, vào lúc đã bị nhốt trong cạm bẫy của nỗi cô đơn, rằng nếu mình lấy cô gái ấy hẳn mình đã là một người đàn ông không lẫn lộn trong chiến tranh và không mang quang vinh, đã là một thợ thủ công bình thường không tên tuổi, một con đực hạnh phúc. Chính cảm giác buồn muộn màng ấy, vốn không nổi bật lên trong các dự kiến của chàng, khiến chàng ăn sáng mà thấy đắng miệng. Vào lúc bảy giờ sáng, khi đại tá Gerineldo Márquez đến tìm chàng để cùng đi trong nhóm sĩ quan cách mạng, đã bắt gặp chàng lăm lỳ, suy tư, cô đơn hơn bao giờ hết. Úrsula định khoác lên vai chàng chiếc áo khoác mới. “Chính phủ sẽ nghĩ như thế nào”, cụ nói với chàng, “Họ sẽ nghĩ rằng con đầu hàng chẳng qua là vì con đã khánh kiệt tới mức không mua nổi một chiếc áo khoác”. Nhưng chàng vẫn không chịu nhận chiếc áo khoác. Khi đã ra tới cửa, vì nhìn thấy trời vẫn mưa nên chàng đã để cụ đội cho mình chiếc mũ ni cũ của José Arcadio Buendía.

- Aureliano con ạ, - lúc ấy cụ kịp nói với chàng, - hãy hứa với mẹ rằng nếu ở đây con gặp điều rủi ro thì con hãy nghĩ tới mẹ mình. Hứa đi con!

Với cụ chàng mỉm một nụ cười lơ đãng, giơ bàn tay xò rộng năm ngón, rồi không nói lấy một lời chàng ra khỏi nhà mình để chường mặt trước những tiếng gào thét, những lời chửi bới và nguyên rửa theo chàng cho đến tận công làng. Úrsula cài thật chặt then cửa với ý định sẽ không mở trong suốt quãng đời còn lại của cụ. “Chúng ta sẽ chết mục trong. nhà”, cụ nghĩ.

“Chúng ta thà để tro phủ kín người ở trong ngôi nhà không có đàn ông này, chứ nhất định không để cho dân làng khôn nạn này thích thú nhìn chúng ta khóc”... Cả buổi sáng ấy cụ lực khắp các xó kín để tìm một kỉ niệm của con mình nhưng không sao tìm nổi.

Buổi lễ ký kết được tổ chức ở một địa điểm cách Macondo chừng vài chục kilômét, ngay dưới bóng một cây gạo khổng lồ mà sau này thị trấn Neerlandia được thành lập. Đại biểu của chính phủ, của các đảng phái, của đội quân nộ súng đầu hàng được một nhóm ôn ã các cô nữ tu sĩ mặc áo trắng phục vụ, nom các cô giống như đàn bò câu đang hoảng hốt trước trời mưa. Đại tá Aureliano Buendía cười trên lưng một con lừa lấm bê bết bùn đến địa điểm. Chàng không cạo râu, chàng đau đớn bởi con nhức nhối do nách sưng tấy hơn là do sự thất bại khủng khiếp của các mơ ước của chàng, bởi lẽ chàng đã đạt tới điểm tận cùng của mọi niềm tin, nó hơn cả vinh quang và hơn cả nỗi luyến tiếc vinh quang. Theo đúng như điều chàng đề nghị, buổi lễ không có âm nhạc, không có pháo nổ, không có chuông ngân reo vui, không có lời tung hô, không làm theo bất kỳ một kiểu phô trương hình thức nào để có thể làng đảo lộn tính chất tang tóc của lễ ký hiệp định đình chiến. Một bác phó nháy lưu động, vì chụp được ảnh chàng - tấm chân dung này có thể được lưu giữ - đã bị buộc phải hủy ngay toàn bộ số phim mà không cần phải kiểm tra từng cái một.

Buổi lễ hầu như diễn ra trong thời gian vừa đủ để cho chữ ký ráo mực. Các sĩ quan, còn trung thành đến phút chót với đại tá Aureliano Buendía ngồi xung quanh một chiếc bàn mộc thô đặt ở chính giữa rạp xiếc cũ, nơi có các đại biểu ngồi. Trước khi ký văn bản, vị đại diện cho Tổng thống nước cộng hòa định đọc to văn bản đầu hàng, nhưng đại tá Aureliano Buendía đã kịp phản đối. “Không nên mất thời giờ trong các nghi thức”, chàng nói rồi định ký mà không cần đọc lại các văn bản. Một trong số các sĩ quan của chàng lúc đó phá vỡ cái không khí lặng lẽ đến mức nặng nề trong rạp xiếc.

- Thưa đại tá, - người ấy nói, - xin đại tá làm ơn đừng để chúng ta là những người ký trước ạ?

Đại tá Aureliano Buendía dừng lại. Văn kiện đã đi một vòng quanh bàn trong không khí yên tĩnh tuyệt đối đến mức có thể đọc được các chú ký nhờ ngọn bút vẽ nguệch ngoạc trên giấy.

Chỗ ký đầu tiên vẫn còn để trống. Đại tá Aureliano Buendía sẵn sàng đặt bút ký vào.

- Thưa đại tá, - lúc đó một viên sĩ quan khác của chàng nói, - ngài vẫn còn đủ thời gian để ký ạ.

Không hề mất bình tĩnh, đại tá Aureliano Buendía ký bản sao thứ nhất.

Chàng vẫn chưa ký bản sao cuối cùng thì ở ngoài cửa rạp xuất hiện một đại tá quân khởi nghĩa trẻ măng đang nắm cương một con lừa cái thồ hai chiếc hòm. Mặc dù đang lúc còn trẻ măng, người ấy để lộ vẻ điềm tĩnh đầy chua chát. Đó là người giữ công quỹ của lực lượng cách mạng ở quanh vùng Macondo. Chàng trẻ tuổi đó phải trải qua sáu ngày đường cực nhọc, lồi chú lừa lả đi vì đói để đến kịp giờ ký kết hiệp định đình chiến. Với điệu bộ thư thả của người đang thất vọng, chàng trẻ tuổi dỡ hai chiếc hòm, mở tung chúng ra, rồi đặt lên bàn bảy mươi hai viên gạch vàng từng viên từng viên một. Không một ai nhớ số của cái kèch sù ấy vẫn còn. Trong năm chiến tranh cuối cùng đầy biến động khi bộ chỉ huy trung ương bị vỡ từng mảng và cuộc cách mạng biến chất thành một cuộc đánh lộn đẫm máu giữa các viên tư lệnh, thật khó mà xác định được bất kỳ một trách nhiệm nào thuộc về ai. Số vàng của quân khởi nghĩa, vốn bị nung chảy thành từng cục và sau đó được phủ một lớp bùn nung, trên thực tế không được một ai kiểm soát. Đại tá Aureliano Buendía bảo liệt ghi bảy mươi hai viên gạch vàng ấy vào danh sách của cái do phía quân cách mạng đầu hàng giao cho chính phủ rồi kết thúc lễ ký kết mà không cho phép ai đọc diễn văn. Anh thanh niên gầy còm xanh tái ấy vẫn đứng trước mặt chàng với đôi mắt màu hổ phách nhìn thẳng vào mắt chàng.

- Còn gì nữa chàng trẻ tuổi? - đại tá Aureliano Buendía hỏi.

Đại tá trẻ tuổi nghiêng hai hàm răng lại:

- Chứng từ! - chàng trẻ tuổi nói.

Đại tá Aureliano Buendía chìa cho anh chứng từ do chính tay chàng viết. Sau đó, chàng uống một cốc nước chanh và một chiếc bánh biscô do các cô nữ tu sĩ phân phát; rồi chàng đi về một trong những gian lều người ta chuẩn bị sẵn nếu chàng muốn nghỉ ngơi. Tại đây, chàng cởi áo sơ mi, ngồi lên mép chiếc giường một. Vào lúc ba giờ mười lăm chiều, chàng chĩa mũi súng lục vào ngay vòng tròn do viên bác sĩ bảo vệ sức khỏe lấy thuốc đỏ vẽ lên ngực mình rồi bóp cò. Ở Macondo vào đúng cái giờ ấy Úrsula mở vung nồi sữ nấu trên bếp lửa, ngạc nhiên thấy rằng sao nó lâu sôi thế và cụ thấy giò bọ đầy trong nồi sữ.

- Người ta đã giết Aureliano rồi, - cụ thảng thốt kêu lên.

Cụ nhìn ra sân, ngoan ngoãn vâng theo thói quen cô đơn của mình, rồi lập tức cụ nhìn thấy José Arcadio Buendía, người đầm đìa nước mưa về buồn bã vì trời mưa và già đi rất nhiều so với lúc cụ mất. “Người ta đã giết nó vì tội phản bội, - Úrsula bình giá, - và chẳng một ai làm ơn vuốt mắt cho nó”. Đêm xuống, qua làn nước mắt cụ nhìn thấy những cái đĩa tròn vàng óng ánh màu da cam vù vù bay trên trời giống như những tia chớp và cụ nghĩ đó

là dấu hiệu của thân chết. Cụ vẫn ngồi dưới bóng cây dẻ, gục đầu trên đầu gối chống mình mà sụt sùi khóc, trong lúc người ta khiêng đến cho cụ đại tá Aureliano Buendía, với đôi mắt mở trừng trừng đầy giận dữ cuộn mình trong chiếc áo khoác bê bết máu khô.

Chàng không bị nguy hại đến tính mạng. Viên đạn xuyên một đường thẳng tắp qua ngực chàng đến mức viên bác sĩ lấy một sợi dây đã dầm thuốc đỏ luôn từ ngực ra sau lưng. “Đây là tác phẩm tuyệt vời của tôi”, ông ta nói với chàng vẻ sung sướng. Đó là điểm duy nhất mà một viên đạn xuyên qua không hề gây thương tổn cho bất kì bộ máy bên trong nào”. Đại tá Aureliano Buendía thấy xúm quanh mình là các cô nữ tu sĩ khôn khéo đang tụng những bài nhã ca buồn thương cầu cho vong linh chàng được thanh thoi nơi yên nghỉ vĩnh hằng và lập tức chàng hối hận đã không bắn ngay vào hàm ếch miệng mình như chàng đã dự tính và chàng đã không bắn như vậy chỉ là để chế giễu lời phỏng đoán của Pilar Ternera.

- Nếu ta vẫn còn quyền lực, - chàng nói với viên bác sĩ - ta sẽ bắn chết anh mà không cần phải xét hỏi. Không phải vì anh đã cứu sống ta mà vì anh đã biến ta thành trò cười cho thiên hạ.

Việc tự vẫn không thành đã trả lại cho chàng uy danh từng mai một. Chính những người mọc chuyện cho là chàng bán rẻ chiến tranh để lấy ngôi nhà với bốn bức tường xây toàn gạch bằng vàng đã khẳng định sự tự vẫn ấy là một hành động cao thượng và do đó đã tuyên bố chàng là một người tuân tiết. Sau đó, khi chàng từ chối Huân chương Công Huân do ngài Tổng thống nước Cộng hòa tặng thì ngay đến cả những kẻ tử thù cũng đã phải lần lượt đến điều hành qua phòng ngủ của chàng để yêu cầu chàng không công nhận các điểm trong bản hiệp định đình chiến và khơi dậy một cuộc chiến tranh mới. Vì cảm động trước sự ủng hộ rộng lớn của các bạn chiến đấu cũ, đại tá Aureliano Buendía không từ chối khả năng thỏa mãn ý nguyện của họ. Trái lại, đã có lúc dường như chàng quá phân chấn trước ý nghĩ về một cuộc chiến tranh mới mà đại tá Gerineldo Márquez nghĩ rằng chỉ chờ một cái cơ nào đó nó sẽ được tuyên bố ngay. Quả nhiên, nguyên cơ đã xuất hiện khi ngài Tổng thống nước Cộng hòa từ chối việc trợ cấp khoản lương hưu chiến tranh cho các cựu chiến binh kể cả phe Tự do cũng như phe Bảo hoàng một khi mỗi hồ sơ cá nhân chưa được xem xét và luật trợ cấp lương hưu chiến tranh chưa được Quốc hội thông qua. “Đó là một sự lạm dụng”, đại tá Aureliano Buendía nổi cáu, “Rồi người ta sẽ chết già hết trong lúc chờ đợi thư từ phúc đáp”. Lần đầu tiên chàng bỏ trống chiếc ghế xích đu do Úrsula mua để chàng tĩnh dưỡng, đi đi lại lại trong phòng đọc một bức điện dứt khoát gửi ngài Tổng thống nước Cộng hòa. Trong bức điện này chàng tố cáo những vi phạm đầu tiên của phía chính phủ đối với hiệp định đình chiến Neerlandia và đe dọa sẽ tuyên bố chiến tranh nếu như lương hưu không được

giải quyết trong vòng mười lăm ngày. Thái độ của chàng rất đúng đắn đến mức nó cho phép chờ đợi sự ủng hộ của tất cả, ngay cả sự đồng tình của các cựu chiến binh thuộc phái Bảo hoàng. Nhưng lời phúc đáp duy nhất của chính phủ là sự tăng cường lính gác trước cửa nhà với lí do để bảo vệ ngôi nhà và cấm ngặt tất cả các cuộc lui tới thăm viếng. Những biện pháp tương tự cũng đã được áp dụng trong toàn quốc đối với các tướng lĩnh bị quản thúc. Đó là một chiến dịch rất đúng lúc, rất thô bạo và cũng rất hiệu nghiệm đến mức hai tháng sau hiệp định đình chiến, khi đại tá Aureliano Buendía bình phục hoàn toàn, những người bạn chiến đấu gần gũi nhất của chàng đều đã chết hoặc đã bị trục xuất hoặc đã hoàn toàn quy phục trước ách quản thúc công khai.

Vào tháng chạp, đại tá Aureliano Buendía bước ra khỏi phòng ngủ và chỉ cần liếc mắt nhìn hành lang là đủ để chàng không còn nghĩ đến chiến tranh nữa. Với sức sống dường như không thể có ở tuổi mình, Úrsula đã làm tất cả để thanh xuân hóa ngôi nhà. “Giờ thì họ sẽ biết ta là ai”, cụ nói khi biết chắc con mình sẽ sống. “Trong thị trấn này sẽ không có ngôi nhà nào sang trọng hơn, mở rộng cửa đón gió bốn phương hơn là ngôi nhà những người diên này”. Cụ sai lau chùi nhà, quét vôi nhà, thay mới bàn ghế giương tử, sửa lại vườn hoa và trồng thêm hoa mới rồi mở toang mọi cửa: cửa ra vào và cửa sổ, để ánh sáng mùa hè rục rờ tràn vào tận phòng ngủ. Cụ quyết định thôi để tang những người thân chết kế tiếp nhau, và hình cụ cũng mặc lại những bộ váy áo đậm màu xuân trẻ thay cho những bộ váy áo cũ quá xuềnh xoàng. Âm nhạc lại vang lên từ cây đàn dương cầm tự động khiến cho không khí trong nhà thêm vui tươi hơn. Vào lúc nghe âm nhạc ấy, Amaranta lại da diết nhớ Pietro Crespi, nhớ bông hoa dành dành ngà vàng cài trên ve áo, nhớ mùi oải hương lan tỏa từ người chàng. Và tự trong trái tim héo hắt của cô đã bùng nổ một tình cảm trong sáng, được thanh sạch nhờ thời gian. Một buổi chiều dọn dẹp cho gọn gàng phòng khách, Úrsula đã nhờ các chú lính gác ngôi nhà giúp cho một tay. Người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác cho phép cụ. Dần dà, Úrsula nhờ họ làm hộ cả những việc khác. Cụ mời họ ăn cơm, cho họ quần áo và giày tất, dạy họ học đọc học viết. Khi chính phủ bỏ việc canh gác, một trong số những người lính ấy đã ở lại nhà hầu hạ cụ trong nhiều năm.

Ngày tết Năm mới bùng sáng với việc người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác, cuồng điên trước những hành vi vô ý vô tứ của Remedios - Người đẹp, đã chết vì tình ngay bên cạnh cửa sổ phòng cô gái.

CHƯƠNG 10

Những năm sau này, hấp hối trên giường bệnh, Aureliano Segundo đã nhớ lại buổi chiều mưa tháng sáu cái buổi chiều anh bước vào phòng ngủ để nhận mặt đứa con trai đầu lòng của mình. Mặc dù đứa trẻ yếu ớt và hay khóc, không hề giống một người nào trong nhà Buendía, anh chẳng phải suy nghĩ lao lung mới đặt nổi tên cho nó.

- Sẽ gọi nó là José Arcadio, - anh nói.

Fernanda del Carpio, cô vợ kiều diễm anh mới cưới năm ngoái, đã đồng ý gọi tên đứa bé như vậy. Về phần mình, Úrsula đã không thể giấu nổi cảm giác đau đớn băng khuâng. Trong lịch sử lâu dài của gia đình, việc gọi tên trùng nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác cho phép cạy rút ra những kết luận hầu như đã được khẳng định. Trong khi những người mang tên Aureliano là những người âu sầu lại rất thông minh thì những người mang tên José Arcadio là những người nông nổi và táo bạo; nhưng tất cả đều bị số phận bi thảm in dấu. Những trường hợp duy nhất khó phân biệt là trường hợp của José Arcadio Segundo và Aureliano Segundo. Lúc còn ở tuổi ấu thơ cả hai đều quá giống nhau và lại hay nghịch ngợm đến ngay cả Santa Sofía de la Piedad cũng chịu không phân biệt nổi hai anh em sinh đôi này. Trong ngày lễ đặt tên, Amaranta đeo cho mỗi người một tượng thánh có khắc tên và mặc cho họ bộ quần áo khác màu đánh dấu bằng chữ đầu viết tắt tên mỗi người; nhưng khi vào lớp, hai người đã đổi tên, đổi quần áo, đổi tượng thánh cho nhau. Thầy giáo Melchor Escalona, do đã quen nhận mặt José Arcadio Segundo nhờ chiếc áo somi xanh, bỗng nhầm lẫn khi phát hiện ra cậu này đeo tượng thánh mang tên Aureliano Segundo và rằng mặc dù cậu kia tự xưng tên là Aureliano Segundo nhưng lại mặc áo sơ mi trắng và đeo tượng thánh khắc tên José Arcadio Segundo. Bắt đầu từ đấy không còn biết đích xác ai là ai. Ngay cả khi họ đã trưởng thành và cuộc sống đã làm cho họ khác nhau, Úrsula vẫn tiếp tục tự hỏi lòng mình nếu ở một thời điểm nào đó họ không phạm một khuyết điểm trong trò chơi gây nhiều nhầm lẫn phiền phức của mình thì chắc hẳn họ đã thay đổi nhiều. Ngay cả khi bước vào tuổi thanh niên, họ vẫn là hai cỗ máy đồng thời. Họ dậy cùng một lúc, thấy cần phải vào cầu tiêu cùng một giờ, cùng chịu cơn trái nắng trở trời và họ mơ thấy những giấc mơ giống hệt nhau. Ở nhà, ai cũng tin rằng bọn họ thống nhất hành động là do cố ý muốn gây nhầm lẫn cho mọi người chứ không một ai hiểu nổi bản chất của họ; cho đến một hôm Santa Sofía de la Piedad đưa cho người này cốc nước chanh, rồi sau đó bà thấy người kia nói chưa có đường. Thực thế, bà quên không cho đường vào nước chanh. Santa Sofía de la Piedad đem chuyện này kể lại cho Úrsula nghe. “Con cái nhà này đều thế cả”, cụ nói về không hề ngạc nhiên. “Chúng điên rồ ngay từ bé”. Thời gian

trôi đi cũng kết thúc luôn sự đảo lộn các sự vật. Cậu bé trong các trò chơi nhằm lẫn vẫn được gọi tên là Aureliano Segundo đã có thân hình vạm vỡ của ông nội và cậu kia vẫn được gọi là José Arcadio Segundo đã có thân hình mảnh khảnh của ngài đại tá, và điểm duy nhất hai người giống nhau chính là vẻ cô đơn của dòng họ. Có lẽ sự hoán vị hình hài, tên tuổi và đặc tính ấy chính là điều khiến Úrsula phải nghi ngờ rằng: ngay từ tuổi thiếu nhi, họ đã bị xáo trộn như người ta chường quân bài. Sự khác nhau rõ rệt giữa hai người được thể hiện rõ trong thời chiến tranh ác liệt nhất khi José Arcadio Segundo xin đại tá Gerineldo Márquez cho mình cùng đi xem các vụ hành hình.

Ngược với suy nghĩ của Úrsula, nguyện vọng của cậu đã được thỏa mãn. Trái lại, Aureliano Segundo cảm thấy buồn rầu cả người khi nghĩ tới việc mình có mặt trong buổi hành hình. Cậu bé chỉ thích ở nhà. Vào lúc lên mười hai tuổi, cậu hỏi Úrsula có gì trong phòng đóng kín cửa kia. “Giấy má thôi”, cụ trả lời cậu, “đó là sách của Melquíades và những điều quái dị cụ viết trong những năm cuối đời”. Cậu trả lời đáng lẽ sẽ làm cho cậu yên lòng thì lại càng kích thích tính tò mò của cậu. Cậu khẩn khoản đòi vào xem, tha thiết hứa với cụ sẽ không làm hư hại các thứ trong đó, đến mức Úrsula không đành lòng được, buộc phải đưa chìa khóa cho cậu. Không ai bước vào căn buồng nữa kể từ khi người ta khiêng từ thi Melquíades đi; và lắp vào cửa một chiếc khóa sắt lâu ngày han gỉ đã làm liệt các bộ phận của nó. Song, khi Aureliano Segundo mở toang các cửa sổ, thấy một luồng ánh sáng thân thuộc dường như vẫn thường chiếu sáng căn buồng vào tất cả mọi ngày; căn buồng không có bụi bặm phủ, không có mạng nhện giăng, mà trái lại tất cả đều sạch sẽ, có lẽ còn được quét dọn và lau chùi kỹ lưỡng hơn cả ngày đưa đám tang cụ, mực trong lọ vẫn không khô, gỉ sắt vẫn không làm các dụng cụ kim loại mất đi vẻ bóng nhoáng; cả than lửa trong bếp nơi José Arcadio Buendía đun thủy ngân vẫn không tắt. Trên các giá là những cuốn sách được đóng bìa cứng bằng các tông màu nâu nhạt giống như da người thuộc và cả những trang viết tay còn tươi màu mực. Mặc dù phòng bị đóng kín cửa trong nhiều năm, không khí nơi đây dường như vẫn trong sạch hơn các nơi khác trong ngôi nhà. Tất cả đều rất mới đến mức vài tuần sau đó khi Úrsula mang một xô nước và một cái chổi vào phòng để lau quét sàn thì cụ chẳng phải làm gì cả. Aureliano Segundo đang say đắm đọc một cuốn sách. Mặc dù cuốn sách này mất bìa và không có nhan đề, cậu bé thường thức câu chuyện một người phụ nữ ngồi bên bàn lấy dũa gấp từng hạt cơm ăn; câu chuyện về một ngư dân mượn anh hàng xóm một cục chì để gài vào lưới đánh cá và con cá sau này bác trả cho anh hàng xóm mang trong bụng nó một hạt ngọc; chuyện cây đèn thần thỏa mãn mọi ước nguyện và những chiếc thảm bay. Về đây cao hứng, cậu bé hỏi Úrsula rằng có phải những chuyện này đều có thật

không, và cụ đã trả lời cậu rằng phải đây, rằng trước đây lâu lắm rồi, những người digan mang đến làng Macondo những cây đèn thần và cả những tấm thảm bay.- Có điều là, - cụ thở dài, - thế giới ngày một khảnh kiệt và do đó không thấy có các vật ấy nữa.

Khi đọc xong cuốn sách có nhiều truyện bỏ dở vì mất trang, Aureliano Segundo chuyển sang dịch các bản viết tay. Đó là công việc không thể làm được. Các con chữ giống như quần áo móc trên dây thép, và nhìn chung nó giống bản nhạc ghi trên giấy hơn là một áng văn chương. Có một buổi trưa nực nẻ, trong lúc dò đoán các bản chép tay, cậu bé cảm thấy không chỉ có mình mình ở trong phòng. Melquíades ngồi ở đây, quay lưng lại phía cửa sổ, hai tay đặt trên gối. Cụ vẫn mặc chiếc áo khoác ngoài cổ quái và đội chiếc mũ vành cánh quạ cụp, mồ hôi bắt tóc chảy thành giọt qua hai thái dương, y hệt hình ảnh cụ từng được Aureliano và José Arcadio nhìn thấy từ khi họ còn nhỏ tuổi. Ngay lập tức Aureliano Segundo nhận rõ cụ, bởi vì ký ức di truyền ấy được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và nó đến với cậu từ trí nhớ của ông nội cậu.

- Chào cụ, - Aureliano Segundo nói.

- Chào anh bạn trẻ, - Melquíades trả lời.

Kể từ dạo ấy, trong vài năm, hầu như chiều nào họ cũng gặp nhau. Melquíades nói với cậu bé về thế giới, cố truyền lại cho cậu tri thức cổ xưa của mình, nhưng cụ từ chối dịch những trang viết tay.

“Chẳng một ai nên biết ý nghĩa trong khi chúng chưa được trăm năm”, cụ giải thích. Aureliano Segundo mãi mãi giữ kín các cuộc hội ngộ này. Cũng có lúc cậu bé cảm thấy thế giới riêng của mình bị đánh đổ, bởi vì Úrsula đã vào phòng đúng lúc Melquíades đang có mặt. Nhưng cụ đã không nhìn thấy.

- Cháu nói chuyện với ai thế? - cụ hỏi.

- Chẳng nói với ai cả, cố ạ? - Aureliano Segundo trả lời.

- Cố nội mày cũng thế đấy, - Úrsula nói, - Ông ấy cứ nói chuyện một mình thôi.

Trong khi đó, José Arcadio Segundo lại mãi nguyện khi được xem một buổi hành hình. Cả đời mình, cậu sẽ nhớ mãi ánh lửa chớp sáng của sáu viên đạn cùng bắn một lúc và tiếng súng nổ vọng lại từ các ngọn núi xung quanh, rồi nhớ đến nụ cười buồn bã và đôi mắt thẳng thốt của kẻ bị bắn, người vẫn hiên ngang đứng trong lúc máu chảy ra thấm đẫm áo sơ mi, người vẫn mỉm cười ngay cả lúc người ta cởi trói cho mình khỏi cọc xử bắn và nhét mình vào chiếc quan tài đầy vôi bột. “Vẫn còn sống”, cậu nghĩ. “Người ta sẽ chôn

sống anh ta”. Cậu sợ lắm, sợ đến mức từ đạo đó cậu nguyên rửa nghề lính và chiến tranh, không chỉ vì các vụ xử bắn mà chủ yếu vì thói quen kinh tởm chôn sống những người bị hành hình. Vậy là không một ai biết từ lúc nào cậu bắt đầu kéo chuông nhà thờ, bắt đầu giúp cha Antonio Isabel, người được mệnh danh là El Cachorro^[29] đến thay cha xứ, bắt đầu chăm sóc các chú gà chọi được nuôi trong sân tu viện. Khi đại tá Gerineldo Márquez biết chuyện, chàng đã mắng mỏ cậu bé một hồi vì tội học những nghề nghiệp vốn bị những người Tự do lên án.

- Vấn đề là, - cậu bé trả lời, - dường như cháu đã trở thành một người Bảo hoàng.

Cậu tin điều đó như thể đó là một sự khẳng định của nỗi bất hạnh. Đại tá Gerineldo Márquez bực dọc, đã kể lại câu chuyện cho Úrsula nghe.

- Càng tốt, - cụ tán thưởng. - Lạy Chúa, nó sẽ trở thành một nhà tu hành để cuối cùng Thượng đế đến nhà này.

Ngay lập tức mọi người biết rằng cha Antonio Isabel đang chuẩn bị làm lễ ban thánh thể đầu tiên cho cậu. Cha dạy cậu học trong lúc vật lông cổ các chú gà chọi. Cha lấy những ví dụ đơn giản dễ hiểu để giảng giải cho cậu trong lúc cha đặt các cô gà mái ấp vào ổ như đã từng xảy ra với Thượng đế trong ngày Sáng thế thứ hai, ngày những chú gà con được hình thành trong quả trứng. Ngay từ đạo ấy vị mục sư để lộ những triệu chứng lâm cảm đầu tiên của tuổi già mà nhiều năm sau này nó đã dẫn cha đến việc nói rằng có thể quỷ dữ đã chiến thắng cuộc khởi nghĩa trái với ý của Thượng đế, người ngồi trên ngai vàng thượng giới, không để lộ hình hài của mình trước mắt những kẻ ngu khờ. Được tôi rèn bởi lòng dũng cảm của thầy học, ít tháng sau José Arcadio Segundo đã trở thành một người rất am hiểu những thủ thuật tôn giáo để đánh lừa ma quỷ đồng thời cũng là người giàu kinh nghiệm nuôi gà. Amaranta may cho cậu một bộ quần áo vải lanh có cổ còn và cà vạt, mua cho cậu một đôi giày trắng và mạ chữ vàng tên cậu trên những dải lụa buộc vào cây nến. Hai đêm trước ngày lễ ban thánh thể đầu tiên cho cậu, cha xứ Antonio Isabel đóng kín kho đồ thánh để cùng với cậu làm lễ xưng tội, có sự giúp đỡ của cuốn sổ ghi tên các tội lỗi. Đó là một danh mục rất dài đến mức vị mục sư già, vốn quen đi ngủ từ lúc sáu giờ đã ngủ khi trên ghé xích đu trước khi kết thúc.

Những câu hỏi là một điều khải thị đối với José Arcadio Segundo. Cậu không ngạc nhiên thấy cha xứ hỏi mình đã chung đụng với đàn bà chưa, và cậu đã hãnh diện trả lời rằng không, nhưng cậu lại hoang mang khi cha hỏi mình có chung đụng với súc vật không. Tháng năm, vào ngày thứ sáu đầu tiên, cậu chịu lễ ban thánh thể mà lòng quặn đau vì tính tò mò. Sau đó, cậu hỏi Petronio, tu sĩ ốm yếu giữ kho đồ thánh, sống ở trên tháp chuông, và theo

như lời đồn đại gã ăn đom đóm để sống, và Petronio đã trả lời cậu: “Là bởi vì có đạo hữu để mặt đã ngủ với lừa cái đấy”. José Arcadio Segundo vẫn cứ ngạc nhiên hơn bao giờ hết, vẫn cứ đòi phải giải thích nhiều hơn nữa đến mức Petronio mất bình tĩnh.

- Tôi đi vào các tối thứ ba hàng tuần, - gã thú nhận. - Nếu cậu hứa không nói với ai thì ngày thứ ba tới tôi sẽ dẫn cậu đi.

Quả nhiên, ngày thứ ba tới, Petronio vác một chiếc ghế gỗ mà cho đến lúc này không một ai biết nó được dùng làm gì, đi xuống khỏi tháp chuông, dẫn José Arcadio Segundo ra một vườn gần đấy. Cậu bé đam mê với những đêm phiêu lưu ấy, đến mức sau đó rất lâu người ta mới thấy cậu xuất hiện ở tiệm nhảy bác Catarino. Cậu trở thành người chơi gà chọi.

“Hãy mang những con vật ấy đi nơi khác”, Úrsula bảo khi lần đầu tiên cụ nhìn thấy cậu mang những con gà chọi đẹp về nhà. “Những con gà ấy từng mang về nhà này biết bao cay đắng mà bây giờ mày còn mang thêm đau khổ cho chúng ta nữa sao”.

José Arcadio Segundo không cãi lại cố nội mình, lặng lẽ mang những chú gà chọi đi nuôi ở nhà Pilar Ternera, bà nội cậu, người sẵn sàng chiều theo ý cậu để cậu có mặt ở nhà mình. Ngay lập tức cậu đã tỏ rõ kiến thức của cha Antonio Isabel ngay ở sỏi chọi gà, chuẩn bị nhiều tiền không những đủ để làm giàu thêm những con gà mình nuôi mà còn lo thỏa chí tang bồng. Ở thời điểm này, Úrsula đã so sánh cậu với người em cậu và cụ đã không thể hiểu nổi làm sao hai người sinh đôi trong thời thơ ấu giống nhau như đúc mà giờ đây khác nhau hoàn toàn. Cụ cũng chẳng phải ngần ngại gì lâu trong ý nghĩ ấy bởi ngay lập tức Aureliano Segundo đã bắt đầu lười nhác. Lúc ngồi trong phòng Melquíades, cậu là người trầm tư mặc tưởng y hệt đại tá Aureliano Buendía thời trẻ. Nhưng trước khi có hiệp định Neerlandia ít lâu, một cuộc gặp gỡ tình cờ đã lôi cậu ra khỏi thế giới nội tâm, buộc cậu phải đối mặt với cuộc sống thực. Đó là việc một người đàn bà trẻ, vốn làm nghề bán vé xổ số treo giải một chiếc phong cầm, đã niềm nở chào cậu. Aureliano Segundo không hề ngạc nhiên bởi vì vẫn thường xảy ra việc người ta nhầm cậu với người anh mình. Nhưng cậu chẳng cần đính chính ngay cả khi cô ả định dùng tiếng khóc sụt sùi làm mềm nhũn trái tim mình, do đó ả đã dẫn cậu về phòng ngủ. Ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên, ả quý mến cậu lắm đến mức trong khi mở xổ số ả đã gian lận để cậu giành được cây phong cầm. Sau vài tuần, Aureliano Segundo nhận ra rằng người đàn bà này đã xen kẽ ngủ với cậu và anh cậu mà cứ tưởng rằng hai người là một, và lẽ ra phải làm cho rõ nhẽ thì cậu lại lờ đi để kéo dài tình trạng hai anh em cùng chung đụng xác thịt với một người đàn bà. Cậu không trở lại phòng Melquíades. Chiều nào cậu cũng ở ngoài sân mê mải học đàn phong cầm bất chấp lời chửi bới của

Úrsula, người đã cầm chơi nhạc vì trong nhà lúc đó đang có tang, và ngoài ra còn coi khinh đàn phong cầm là đồ chơi của những kẻ giang hồ kế nghiệp cụ Francisco - Con Người. Tuy nhiên, Aureliano Segundo đã trở thành một tay chơi đàn phong cầm nổi tiếng và vẫn cứ nổi tiếng sau khi cưới vợ, có con và trở thành người được kính nể hơn cả trong thị trấn Macondo.

Trong khoảng vài tháng, cậu cùng với anh mình chia sẻ các đêm hoan lạc với người đàn bà ấy. Cậu theo dõi anh mình, làm anh mình nhờ kế hoạch, và khi chắc chắn rằng José Arcadio Segundo đêm ấy sẽ không đến với người đàn bà thì cậu sẽ mò đến ngủ. Có một buổi sáng nọ, cậu phát hiện ông anh mình bị ốm. Hai ngày sau, cậu bắt gặp ông anh mình đang bám chặt vào vỉ kê trong cầu tiêu, người đăm đăm mồ hôi và nước mắt giàn giụa đang khóc lóc, và thế là cậu hiểu. Anh cậu thú nhận rằng người đàn bà đã ruồng bỏ anh ta vì cái tội lây bệnh lậu cho ả. Anh cậu cũng kể lại chuyện Pilar Ternera đã chữa bệnh ấy như thế nào. Aureliano Segundo lén lút ra những bãi rửa nóng bỏng chất permanganato và uống nước lợi tiểu. Cả hai người lành bệnh sau ba tháng âm thầm chịu đựng đau đớn. José Arcadio Segundo không đi lại với người đàn bà nữa. Aureliano Segundo nhận được sự tha thứ của ông anh, và gần bó với người đàn bà cho đến tận đời.

Người đàn bà ấy tên là Petra Cotes. ả với người chồng sống bằng nghề xô số đến Macondo vào giữa lúc chiến tranh đang ác liệt và khi anh chồng chết ả vẫn tiếp tục hành nghề. Đó là một người phụ nữ lai đen sạch sẽ và trẻ trung, đôi mắt hình quả hạnh đào màu hung vàng khiến bộ mặt ả dữ tợn như mặt báo, nhưng ả có trái tim hào hiệp và nghệ thuật mài chài ái tình rất tuyệt vời. Khi Úrsula biết được José Arcadio Segundo đã là người chơi gà chọi và Aureliano Segundo chơi phong cầm trong những đêm vui náo nhiệt ở nhà nhân tình thì cụ tức phát điên lên. Điều đó giống như thể hai người này đã tập trung trong họ tất cả những gì xấu xa, kém cỏi của gia đình và không nói dối được những đức tính quý báu của gia đình. Vậy là cụ quyết định sẽ không một ai được gọi bằng tên José Arcadio và tên Aureliano. Tuy nhiên, khi Aureliano Segundo có con trai đầu lòng và đặt tên cho nó là José Arcadio thì cụ đã không dám trái ý cậu.

- Được thôi ta đồng ý, - Úrsula nói, - nhưng với điều kiện phải để ta nuôi dạy nó.

Dẫu rằng đã là cụ già trăm tuổi và suýt lòa vì màng đã kéo sắp kín con ngươi, nhưng cụ vẫn giữ nguyên thể trạng sức khỏe, không hề trái thối trái nết cũng không hề lẫn cấn. Không ai giỏi bằng cụ trong việc dạy dỗ người đàn ông danh giá có thể khôi phục danh dự của gia đình, một người đàn ông không bao giờ nghe nói đến chiến tranh, đến gà chọi, đến gái điếm đến các nghề nông nổi, đó là bốn thảm họa, mà theo sự suy nghĩ của Úrsula, đã dẫn

tới sự sụp đổ của dòng họ cụ. “Thằng bé này sẽ trở thành thầy tu”, cụ trang trọng hứa. “Và nếu như Thượng đế để ta sống, nó sẽ là Giáo hoàng”. Khi nghe thấy thế tất cả đều phá lên cười, không chỉ ở trong phòng và trong toàn ngôi nhà lúc này đang có mặt những người bạn vui nhộn của Aureliano Segundo. Chiến tranh, vì bị lãng quên bởi chính trí nhớ tồi, bỗng nhiên sống dậy trong tiếng mở nút chai sâm banh.

- Nào, hãy chúc mừng sức khỏe Đức giáo hoàng, - Aureliano Segundo nâng cốc nói.

Các vị khách mời đồng thanh chúc tụng. Sau đó, chủ nhà chơi phong cầm. Pháo nổ rền và trống khua rộn cả làng. Sáng sớm, những vị khách chệnh choáng hơi men sâm banh mở liền sáu con bò cái rồi bày thịt ra đường sẵn sàng mời đám đông cùng dự cuộc vui. Không một ai ngạc nhiên. Kể từ khi Aureliano Segundo đứng lên trông nom gia đình, những cuộc vui tương tự như thế là chuyện thường tình, mặc dù chúng chưa hề có lý do chính đáng như tiệc vui lần này nhằm chúc mừng sự chào đời của một đức Giáo hoàng. Trong ít năm cậu đã tích góp được một gia sản thuộc hàng lớn nhất ở vùng đầm lầy không cần phải công phu gì lắm, mà trái lại chỉ đơn thuần nhờ vận may, đó là sự sinh sôi cực kỳ mau mắn của các đàn gia súc. Bò cái đẻ sinh ba, gà mái một ngày hai lần đẻ trứng, còn lợn thì lớn nhanh như thổi. Không một ai có thể lý giải được sự giàu có dường như là kết quả của phép màu nhiệm. “Bây giờ phải hà tằn hà tiện”, Úrsula nói với thằng chắt ăn tiêu hoang toàng. “Vận may chẳng theo suốt đời mày đâu”. Nhưng Aureliano Segundo không nghe lời cụ. Trong lúc càng mở nút sâm banh thết bạn thì súc vật của anh càng đẻ như điên và anh càng tin rằng cái vận đỏ của mình không khởi sự ở việc làm ăn biết tính toán mà khởi sự ở ảnh hưởng của Petra Cotes, nhân tình của anh, người có tình yêu đủ sức làm mủi lòng con tạo. Anh rất yên lòng rằng đó là cội nguồn của cải của mình và do đó không bao giờ anh để cho Petra Cotes ở xa đàn gia súc, và ngay cả khi đã cưới vợ và có con, anh vẫn sống với ả trong sự đồng lõa của Fernanda. Với thân xác rần rỏi và vâm váp như thân xác của cô nội và ông nội mình, nhưng hơn họ ở tính tình vui vẻ và hồn nhiên, Aureliano Segundo hầu như không có đủ thời gian để chăm nom đàn gia súc của mình. Chỉ cần anh mang Petra Cotes đến các chuồng trại, để ả ngồi trên ngựa dẫn ả đi chơi các trang trại là đủ cho súc vật của anh phải sinh con đẻ cái rất nhanh.

Như tất cả các sự vật tốt đẹp từng xảy ra trong cuộc đời dài của mình, số của cải bất kham ấy dường như được con tạo định trước. Ngay trong thời kỳ cuối của chiến tranh, Petra Cotes vẫn phát hành vé xổ số và đôi lúc Aureliano Segundo vẫn phải ăn cắp tiền của Úrsula để trang trải mọi tốn kém. Bọn họ thoải mái chung sống với nhau, không hề bận tâm ngoài việc lo lắng để đêm nào cũng ngủ với nhau, ngay cả trong những ngày cần kiêng cử,

đề hú hí với nhau cho tới khi trời sáng. “Cái con đàn bà ấy sẽ làm cho mày phải điêu đứng đấy”, Úrsula mắng mỏ thằng chắt anh mỗi khi thấy nó bước vào nhà như một kẻ mắc chứng mộng du. “Nó đã làm cho mày ngớ ngẩn, rồi một ngày nào đó ta sẽ thấy mày quần quai vì đau đớn với con cóc ôm trong bụng đấy”. José Arcadio Segundo, vốn phải mất rất nhiều thời gian mới phát hiện ra việc thằng em trai xỏ mũi mình, không thể hiểu được nỗi đam mê của em trai. Anh nhớ Petra Cotes như một người đàn bà dễ dãi, đúng hơn là người ươn lười trên giường và hoàn toàn nhạt nhẽo đối với tình yêu.

Làm ngơ trước những lời mắng mỏ của Úrsula, và trước những lời chế giễu của anh mình, Aureliano Segundo chỉ nghĩ sẽ gặp được một nghề cho phép anh duy trì ngôi nhà cho Fernanda và để chết với nàng, trên nàng và dưới nàng trong một đêm xả láng cuồng nhiệt. Khi đại tá Aureliano Buendía mở lại xưởng kim hoàn, do niềm vui thanh thản của tuổi già lồi cuốn ngài, thì Aureliano Segundo nghĩ rằng nếu theo nghề chế tạo những con cá vàng cũng là một điều tốt. Anh ở trong căn phòng nhỏ nực nua nhiều giờ liền xem những tấm kim loại cứng được ngài đại tá kiên trì rèn đục đã dần trở thành những cái vẩy óng ánh.

Anh thấy công việc rất tỉ mỉ trong khi đó nỗi nhớ Petra Cotes lại hết sức thôi thúc và da diết đến mức chỉ ba tuần sau anh biến khỏi xưởng. Đó là thời kỳ Petra Cotes đang phát tài bằng việc lấy thỏ treo giải để mở xổ số. Những con thỏ này sinh ra và lớn nhanh như thổi. Chúng nhiều vô kể. Dù có tăng vé và số lần quay số lên nhiều lần ả vẫn không dùng hết thỏ vào việc trả thưởng. Thoạt đầu, Aureliano Segundo không nhận ra những con thỏ này đã sinh sản như thế nào. Nhưng có một đêm, khi không một ai trong làng muốn bàn tán về các cuộc xổ số lấy thỏ, anh cảm thấy có tiếng sấm động ngay bên tường. “Anh đừng có mà giật mình nhé!”, Petra Cotes nói, “đó là những con thỏ đấy!”. Bọn họ không thể ngủ thêm được nữa, bản khoản trán trở vì nỗi lo cho đàn gia súc. Vào lúc trời hửng sáng, Aureliano Segundo mở cửa và nhìn thấy ở sân lúc nhúc những thỏ là thỏ, lông xanh mượt trong ánh bình minh. Petra Cotes cười ngật nghễo, không hề kìm được ý muốn chòng ghẹo anh:

- Những con thỏ này là những con vừa sinh ra đêm qua lấy - ả nói.

- Eo ơi, sợ quá? - anh nói - Vì sao mình không thử với bò cái xem?

Ít ngày sau đó, dọn dẹp lại sân nhà, Petra Cotes nuôi ở sân một con bò cái thay cho đàn thỏ. Vài tháng sau, con bò cái đẻ đĩnh ba. Mọi sự đều bắt đầu từ đấy. Nhanh như chớp, Aureliano Segundo đã trở thành ông chủ, nắm trong tay nhiều ruộng đất và nhiều đàn gia súc và hầu như anh không có đủ thời gian để mở rộng hơn nữa các chuồng gia súc và bãi thả gia súc. Đó là một sự giàu có ngậy ngát mà ngay chính anh cũng phải buồn đời và không thể tự kiềm chế nỗi thái độ quá trớn để bộc lộ nỗi niềm vui sướng của mình.

“Hỡi những con bò cái, hãy dạng háng ra kéo cuộc đời quá ư ngắn ngủi”, anh gào lên.

Úrsula tự hỏi không biết anh đã phạm tội gì, nếu không ăn cắp thì cũng một tên ăn trộm gia súc và cứ mỗi bận nhìn thấy anh mở nút chai sâm banh chỉ để xịt bọt nó lên đầu mình một cách thích thú thì cụ chửi bới anh vì tội phá gia chi tử. Cụ không để cho anh yên thân lấy một lúc, do đó có một ngày Aureliano Segundo lúc dậy với niềm vui điềm tĩnh, cầm một sọt tiền giấy, một xô hồ và một chổi phết hồ, hát trong họng những bài hát cũ của cụ. Francisco - Con Người, rồi dán những tờ bạc một đồng peso lên tường nhà, dán từ trên xuống dưới, cả bên trong lẫn bên ngoài. Ngôi nhà cũ, vốn được quét vôi trắng từ hồi mua cây đàn dương cầm tự động, nay có vẻ mặt lạ lẫm dễ lầm với giáo đường của đạo Hồi. Trong khung cảnh lộn xộn của gia đình, trong lúc Úrsula bực tức, trong niềm vui của dân làng đổ ra đường để chứng kiến cảnh hợm mình của kẻ vén tay đốt nhà táng, Aureliano Segundo cũng vừa dán xong những đồng tiền giấy lên nhà, kể từ bức tường mặt tiền đến tận nhà bếp, kể cả cầu tiêu và phòng ngủ, rồi ném số tiền thừa xuống sân.

- Bây giờ thì, - anh nói, - ta mong rằng không một ai trong nhà này sẽ xỉ vả ta về tiền bạc nữa.

Chuyện xảy ra là như thế. Úrsula sai bóc các tờ bạc bê bết dính các mảng vôi tường, và quét vôi trắng tường nhà.

“Hỡi Thượng đế lòng lành của con”, cụ cầu khẩn, “hãy làm cho chúng con lại nghèo như cái thưở mới thành lập làng này, để ở cuộc đời khác ngài khỏi bắt tội chúng con vì đã hoang phí tiền của”.

Những lời cầu khẩn của cụ được nghe theo nghĩa ngược lại. Quả có thể. Một người làm công lột những tờ bạc khỏi tường đã vô ý đụng phải bức tượng thánh José, một bức tượng thạch cao khổng lồ do một người nào đó đã đem đến nhà vào lúc chiến tranh sắp kết thúc, và nó vỡ tiếng ra khi chạm phải mặt đất. Bên trong nó đựng toàn tiền vàng. Không một ai còn nhớ người nào đã mang tới nhà bức tượng to bằng cỡ người thực. “Ba người đàn ông đã mang nó tới”, Amaranta nói. “Người ta nhờ tôi nói lại với nhà ta sẽ trông bức tượng này cho đến khi nào mùa mưa qua đi, và tôi đã bảo họ là hãy đặt ở đây, ở trong xó kia, để không ai va chạm phải, và bọn họ đã cẩn thận để nó ở đấy và cũng từ dạo ấy nó vẫn nguyên ở đấy, vì chẳng bao giờ thấy họ trở lại tìm nó”. Gần đây, Úrsula đã thấp nển và quỳ lạy trước bức tượng thánh José mà vẫn không nghi ngờ rằng: bên trong bức tượng thánh ấy lại có gần hai trăm ki lô vàng. Sự hiển linh muôn màng của lòng tin đa thần giáo trong cụ càng khoét sâu thêm nỗi lo lắng của cụ. Cụ nguyện rửa đồng tiền vàng đáng giá này, nhét chúng vào bao tải gai, rồi chôn chúng ở một địa điểm kín đáo, để chờ đợi ba người lạ mặt sẽ đến đòi nó. Mãi về sau này, trong những năm

tháng vất vả của tuổi già, Úrsula vẫn thường xen vào các buổi nói chuyện của các vị khách lạ lúc ấy đến nhà để hỏi rằng trong lúc loạn lạc họ có để ở đây một bức tượng thánh José bằng thạch cao nhờ gia đình trông hộ trong thời kỳ mưa gió không? Những sự kiện ấy, vốn thường làm cho Úrsula lo lắng nhiều, lại là chuyện thường tình trong thời kỳ này.

Macondo bị chìm ngập trong sự tàn phá màu nhiệm. Những ngôi nhà tranh vách đất của các bậc sáng nghiệp giờ đây được thay thế bằng những ngôi nhà gạch, sàn lát xi măng và có rèm chắn nắng đan bằng những phiến gỗ nhỏ. Những ngôi nhà này càng làm cho không khí vốn đã nóng càng oi nóng hơn vào lúc hai giờ chiều. Cái làng cũ của cụ José Arcadio Buendía lúc này chỉ còn lại những cây hạnh đào phủ đầy bụi sắt sàng chịu đựng những hoàn cảnh còn khó khăn hơn nhiều, và con sông nước trong như pha lê mà những tảng đá thời tiền sử của nó đã bị đập vỡ thành từng mảnh vụn dưới sức nện điên cuồng những cú búa quai xuống của José Arcadio Segundo, khi anh khởi sự công việc nạo vét lòng sông để thiết lập đường thủy trên con sông này. Đó là một giấc mơ khủng khiếp điên điên có thể so sánh với những ước mơ của các vị tiên bồi mình, bởi vì lòng sông ngổn ngang đá tảng cũng như các thác ghềnh trên nó đã ngăn cản sự đi lại bằng tàu thuyền từ Macondo ra biển. Nhưng José Arcadio Segundo, trong quyết tâm táo bạo thiếu tính toán, đã say sưa lao vào công việc. Cho đến lúc này anh vẫn chưa hề bộc lộ khả năng tính toán của mình. Ngoại trừ môi tình gắn ngủi với Petra Cotes, chưa bao giờ anh quen biết phụ nữ. Úrsula coi anh là một điển hình cho sự kém thông minh mà gia đình mình, trong lịch sử trường tồn của nó, đã sản sinh ra. Anh hầu như không có khả năng tự làm nổi bật mình ngay cả khi anh là người sành sỏi chơi gà chọi. Khi đại tá Aureliano Buendía kể cho anh nghe về chiếc tàu Tây Ban Nha nằm cách biển mười hai kilômét, mà mạn tàu của nó bị hóa thành than đã được chính mắt ngài nhìn thấy trong lúc còn chiến tranh, thì câu chuyện này đối với những người khác trong thời gian dài có vẻ ma quái nhưng đối với anh là một điều dễ hiểu. Anh bán hết gà chọi với giá cao nhất, tập hợp trai làng và bỏ tiền ra mua cua đực rồi khởi sự công việc to lớn gồm việc phá đá, khoét lòng sông bạt ghềnh, vượt thác...

“Cái đó thì ta biết tổng”, Úrsula nói. “Cứ như thể thời gian chạy vòng tròn và giờ đây chúng ta trở lại từ đầu”.

Khi anh tin chắc rằng có thể cho tàu bè đi lại trên sông được, José Arcadio Segundo liền trình bày thật tỉ mỉ các kế hoạch của mình và người em đã cho anh đủ số tiền chi dùng cho công việc. Anh vắng mặt một thời gian dài. Người ta đang bàn tán rằng kế hoạch mua một chiếc tàu thủy của anh chỉ là một thủ đoạn để lấy tiền của ông em thôi, cũng là lúc một tin được lan truyền rộng rãi: một chiến thuyền đang tiến về gần thị trấn. Dân Macondo, vốn đã quên khuấy những kỳ tích của cụ José Arcadio Buendía,

ồn ào kéo nhau ra bờ sông và với con mắt nghi ngờ họ đã nhìn thấy một con tàu đầu tiên đang từ từ tiến đến. Đó là con tàu đầu tiên và cũng là con tàu cuối cùng đã cập bến ở đây. Thực ra nó chỉ là một bè gỗ được hai mươi người đàn ông đi bộ dùng dây chèo to cùng hò nhau kéo đi. Đứng ở cuối thuyền, với ánh mắt sáng đầy hào hứng, José Arcadio Segundo điều khiển chuyến đi tôn kém này. Cùng về với anh còn có một tốp gái làng chơi diêm dúa đội những chiếc ô lộng lẫy để che ánh nắng gay gắt, trên vai quàng những tấm khăn lụa quý giá mặt trét bột son phấn, đầu gài hoa, những con rắn vàng cuốn lấy cánh tay và hàm răng cây hạt ngọc. Cái bè gỗ ấy là phương tiện giao thông duy nhất mà José Arcadio Segundo đã có thêm đây ngược dòng về tới Macondo và cũng chỉ một lần ấy thôi. Nhưng sẽ không bao giờ anh chịu thừa nhận đó là sự thất bại của mình trong công việc khởi đầu, mà trái lại, lúc nào anh cũng tuyên bố đó là chiến tích của mình, là “một thắng lợi của ý nguyện”. Anh trút lên vai em mình tất cả những tôn kém của chuyến đi được tính toán chi li. Cái duy nhất còn lại trong chuyến khởi đầu bất lợi này là luồng gió mới do những gái làng chơi theo một Pháp mang đến thị trấn. Nghệ thuật chiều đàn ông tuyệt vời của họ đã làm thay đổi lối chơi gái truyền thống, và ý nghĩa phúc lợi xã hội của nó đã đánh đổ tiệm bác Catarino, biến đường phố thành một cái chợ chung với những ngọn đèn pha kiểu Nhật Bản và những chiếc máy hát phát ra những bản nhạc buồn nhớ. Họ là động lực cổ vũ ngày hội Carnival dầm máu từng đêm Macondo trong sự hãi liên ba ngày và kết quả duy nhất còn lại mãi mãi của nó là việc nó tạo điều kiện cho Aureliano Segundo làm quen với Fernanda del Carpio.

Remedios - Người đẹp, được chọn làm hoa hậu. Úrsula, từng run sợ trước sắc đẹp mê hồn của cô chất gái, không thể làm gì để ngăn cản việc tuyển chọn này. Cho đến tận lúc ấy cụ vẫn tìm mọi cách để không cho cô ra đường, nếu như không phải đi lễ mixa cùng với Amaranta, nhưng cụ buộc cô phải dùng tấm mạng đen che kín mặt. Những người đàn ông ít thành kính, những kẻ giả danh thầy tu để làm lễ mixa bất kính ở tiệm bác Catarino, đã đi nhà thờ với mục đích duy nhất để xem, dù chỉ một thoáng thôi, khuôn mặt của Remedios - Người đẹp, mà sắc đẹp huyền thoại của nàng từng được bàn tán sôi nổi khắp vùng đầm lầy. Chuyện ấy xảy ra khá lâu trước khi họ tìm được dịp là đôi với họ cái dịp này còn quan trọng hơn, bởi vì rất nhiều người trong số họ sau khi chiêm ngưỡng nhan sắc của Remedios - Người đẹp, đã không bao giờ lấy lại được giấc ngủ bình an. Con người đã có thể tạo nên dịp ấy là một kẻ lạ mặt, đã vĩnh viễn đánh mất cái thanh thần của tâm hồn mình, đã rơi vào tâm thế trầm tư mặc tưởng và đau khổ dễ bị kích động, và mấy năm sau đã bị tàu hỏa nghiền nát vì ngủ quên trên đường ray. Ngay từ lúc người ta thấy mặt chàng tại nhà thờ mặc bộ quần áo ni trắng xanh thì không một ai nghi ngờ rằng chàng là người lạ mặt đã từ phương xa, có thể là một

thành phố cổ xưa nào đó ở tít trong nội địa, tới đây do bị cám dỗ bởi sắc đẹp của Remedios - Người đẹp. Chàng là một người rất đẹp trai, hào hoa và nhã nhặn, thân thể cân xứng hài hòa đến mức nếu Pietro Crespi ở bên cạnh chàng thì chỉ là một kẻ ốm yếu hom hem. Rất nhiều phụ nữ thì thầm với nhau trong lúc mỉm cười buồn bã rằng chàng là người xứng đáng với cô gái. Chàng không đi lại với ai ở Macondo. Chàng có mặt vào lúc sáng sớm ngày chủ nhật, giống như một hoàng tử trong truyện cổ tích cưỡi trên lưng chú ngựa trắng bộ yên ni và bàn đạp. Đó là tư thế hiện hữu của chàng, vì với tư thế đó ngay từ hồi đầu tiên thấy chàng trong nhà thờ tất cả mọi người đều đồng ý với nhau rằng đó là một đám tang thâm lặng và nặng nề, một cú giao kèo bí mật, một nỗi thất vọng ê chề mà kết quả của nó không thể là tình yêu giữa chàng và Remedios - Người đẹp, mà phải là cõi chết. Đến lần thứ sáu có mặt ở nhà thờ vào các ngày chủ nhật chàng công tử xuất hiện tay cầm một bông hồng vàng. Chàng đứng nghe kinh mixa, như lâu nay chàng vẫn đứng như thế, rồi khi kết thúc lễ mixa chàng tiến lên chặn bước Remedios - Người đẹp và tặng cô bông hồng đơn lẻ. Với vẻ tự nhiên cô nhận bông hoa, như thể cô đã được chuẩn bị sẵn để đón nhận sự dâng tặng ấy, rồi ngay lập tức, trong chớp mắt cô vén mạng để lộ khuôn mặt và mỉm cười cảm ơn chàng. Đó là tất cả những gì cô gái làm. Nhưng cái phút chớp nhoáng ấy là một khoảnh khắc bất tử không những đối với chàng công tử mà còn đối với tất cả những người đàn ông có vinh hạnh được sống cái khoảnh khắc nhưc nhồi ấy. Từ lúc đó, công tử lập ban nhạc ngay cạnh cửa sổ phòng Remedios - Người đẹp, và đôi lúc ban nhạc chơi cho đến sáng hôm sau. Aureliano Segundo là người duy nhất đồng cảm với chàng, và định làm cho chàng tỉnh mộng. “Không nên mất thời gian thêm nữa”, anh nói với chàng vào một đêm nọ. “Con gái nhà này còn ngu hơn cả lừa đấy”. Anh kết thân với chàng, mời chàng cùng tắm trong sâm banh, cố làm cho chàng hiểu rằng con gái nhà mình có “lòng dạ sắt đá” nhưng vẫn không lay chuyển được quyết tâm của chàng. Khó chịu trước những đêm nhạc kéo dài không dứt, ngài đại tá Aureliano Buendía đã đe dọa dùng súng lục để chữa cho chàng cái bệnh tương tư.

Không gì có thể buộc chàng phải từ bỏ môi tình si ấy, ngoại trừ tình trạng loạn trí đáng thương của chính mình. Từ một người đàn ông hào hoa và đứng đắn, chàng trở nên xấu tính và rách rưới. Người ta đồn rằng chàng đã từ bỏ quyền lực và của cải ở quê hương xa xôi của mình, mặc dù trên thực tế không một ai biết đích xác nguồn gốc của chàng. Chàng trở nên người hay cãi vã người chạy bàn trong cái quán giải khát, và rồi một hôm thức dậy người đâm dĩa cứt dái của chính mình ngay trong tiệm bác Catarino. Điều đáng buồn nhất trong tâm thảm kịch của chàng là Remedios - Người đẹp không bao giờ để ý đến chàng ngay cả khi chàng xuất hiện trong tư thế một hoàng tử ở nhà cô. Cô thản nhiên nhận bông hồng vàng không hề có ý xấu

mà đúng hơn còn thích thú trước cử chỉ quá ư hào phóng của chàng, và cô vén tấm mạng lên cốt để nhìn rõ mặt chàng chứ đâu phải để chàng nhìn thấy mặt mình.

Thực ra, Remedios - Người đẹp không phải là một người thuộc cõi thế tục này. Cho đến ngay khi cô đã quá tuổi dậy thì khá lâu rồi, Santa Sofía de la Piedad vẫn còn phải tắm và mặc quần áo hầu cô, và ngay cả khi cô đã có ý thức về mình rồi bà vẫn cứ phải để mắt canh chừng kéo cô lấy cút mình về những con vật lên tường nhà. Hai mươi tuổi đầu rồi mà cô vẫn chưa học đọc và học viết, vẫn chưa ngồi vào bàn ăn và tự dùng lấy thìa nĩa, vẫn cứ để trường thốn thện đi lại trong nhà, bởi vì bản thể con người cô không chịu được bất cứ hình thức lễ nghi nào. Khi người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác thô lộ tình yêu với cô thì cô đã đơn giản cự tuyệt anh vì những lời nói nông nổi của anh khiến cô quá đỗi ngạc nhiên.

“Bà thấy chưa, sao mà anh chàng ấy ngốc thế”, cô nói với Amaranta. “Anh chàng bảo cháu là anh chàng đang chết vì cháu, làm như thể cháu là thứ bệnh thô tả không bằng”.

Khi thấy anh ta quả nhiên chết bên cửa sổ phòng mình, Remedios - Người đẹp đã khẳng định lại cảm giác lúc ban đầu của mình:

- Bà thấy chưa? - cô nói về bình phẩm, - anh chàng quả là ngốc!

Dường như có một sự thông minh sắc bén nào đó đã cho phép cô gái nhìn ra bản chất các sự vật ẩn sau bất kỳ hiện tượng nào. Theo cách nhìn của đại tá Aureliano Buendía thì Remedios - Người đẹp không phải là người chậm phát triển trí tuệ như người ta vẫn tưởng, mà hoàn toàn ngược lại. “Nó cứ như người vừa trở về sau hai mươi năm lặn lội trong chiến tranh”, ngài vẫn thường nói như vậy. Về phần mình, Úrsula cảm tạ Thượng đế vì Ngài đã thưởng cho gia đình cụ một cô gái cực kỳ trong trắng, nhưng đồng thời cụ lại lo âu trước sắc đẹp của nó, bởi vì cụ cho đó như là một lực lượng siêu nhiên đầy mâu thuẫn, một cạm bẫy của quỷ dữ nằm ngay giữa cái thiện chân. Vì thế mà cụ quyết chí tách cô ra khỏi cuộc sống, bảo vệ cô trước mọi ý muốn thế tục mà không hay rằng Remedios - Người đẹp, đã được miễn dịch trước mọi thói xấu của con người ngay từ trong bụng mẹ. Chưa bao giờ cụ nghĩ rằng người ta sẽ chọn cô chất gái của mình làm hoa hậu ngự trị nơi trung tâm vũ hội Carnival. Nhưng Aureliano Segundo, rất thích thú được trá hình con hổ, đã mời cha Antonio Isabel về nhà để thuyết phục cố nội mình rằng vũ hội Carnival không phải là một ngày hội đa thần giáo mà là ngày hội truyền thống của đạo Thiên Chúa. Cuối cùng tuy vẫn còn hậm hực cụ phải nghe theo lời cha xú đồng ý để người ta phong hoa hậu cho cô chất gái.

Tin đồn rằng Remedios Buendía sẽ làm chủ ngày hội đã lan đi khắp vùng đồng lầy, bay tới tận những hang cùng ngõ hẻm vốn là nơi sắc đẹp lừng danh

của cô vẫn chưa được biết tới và nó gây nên nỗi lo lắng cho những ai đến lúc này còn nghĩ rằng tên họ của cô là biểu tượng cho sự bại hoại. Đó là một nỗi lo không có cơ sở. Nếu có ai trong lúc đó không còn đáng lo ngại nữa thì người đó là ngài đại tá Aureliano Buendía, một cụ già buồn bã, ngày một để mất dần mối liên hệ giữa mình với thực tại đất nước. Giam mình trong xưởng kim hoàn, mối liên hệ duy nhất của ngài với bên ngoài chính là việc buôn bán những chú cá vàng. Một trong số những người lính từng canh gác ngôi nhà đại tá khi hòa bình mới lập lại, ngày ngày đi tới các làng lân cận bán cá vàng và trở về nhà khuôn theo tiền vàng và tin tức.

Có tin nói rằng chính phái Bảo hoàng được sự giúp đỡ của phái Tự do đã làm lại luật pháp để mỗi vị Tổng thống có quyền ở ngôi trong khoảng trăm năm. Có tin nói rằng một bản thỏa ước với tòa thánh Vatican đã được ký kết và nói rằng một vị Hồng y Giáo chủ đội vương miện lấp lánh kim cương, cưỡi trên một ngai bằng vàng cũng đã từ thành Roma đến và các vị bộ trưởng thuộc phái Tự do đã cho chụp ảnh buổi lễ họ quỳ gối hôn lên chiếc nhẫn của ngài. Có tin nói rằng cô đào cảnh của một gánh hát Tây Ban Nha, trong đêm nghỉ lại ở thủ đô, đã bị một toán người đeo mặt nạ bắt cóc ngay trong phòng ngủ và ngay ngày chủ nhật cô ta đã khóa thân khiêu vũ ở nhà nghỉ mát của ngài Tổng thống nước Cộng hòa. “Chớ có nói chuyện chính trị với ta?”, ngài đại tá nói với người lính. “Vấn đề của chúng ta là bán cá vàng”. Lời đồn đại nói rằng sở dĩ ngài đại tá không muốn hay biết gì về hoàn cảnh đất nước là vì ngài đã làm giàu nhờ xưởng kim hoàn của mình, khi đến tai Úrsula đã khiến cụ phải bật cười với cảm quan thực tế rất sắc nhạy của mình, cụ không thể hiểu được công việc kinh doanh của ngài đại tá hết đời những con cá vàng lấy những đồng tiền vàng, để rồi sau đó lại biến những đồng tiền vàng thành những con cá vàng và cứ như thế luân hồi mãi theo cách thức: càng phải lao động nhiều hơn khi bán được nhiều hơn để thỏa mãn cái vòng luân quần vô vọng.

Quả thế thực, đối với ngài đại tá điều khiến ngài thích thú không phải là kinh doanh mà là lao động. Ngài phải tập trung tâm tưởng đến cao độ để xếp các vảy, để khảm con người vàng bé tí hìn vào đôi mắt, để dát mỏng các vảy trước vảy sau, để cắm đuôi cho con cá, mà do đó trong tâm tưởng ngài không có chỗ trống để cho nỗi thất vọng vì chiến tranh lẫn vào. Cái nghề nghiệp kỳ khu tỉ mỉ đòi hỏi ngài phải dốc hết trí lực đã làm cho ngài già khom đi rất nhanh, nhanh hơn tất cả những năm tháng chinh chiến gian lao cộng lại, tư thế ngồi làm việc đã vặn cong sống lưng ngài và con người mắt ngài đã mờ đi mất hết sức nhìn, nhưng sự tập trung tư tưởng cao độ trong công việc đã trọng thưởng ngài, cho ngài một tinh thần thanh thản. Lần cuối cùng người ta thấy ngài quan tâm tới một vài vấn đề có liên quan đến chiến tranh, ấy là khi các cựu chiến binh của cả hai chính đảng đã cầu viện sự giúp

đờ của ngài để đòi chính phủ phải thông qua lương hưu chiến tranh, một thứ lương luôn luôn được hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn ở tình trạng mới khởi sự công việc. “Các ngài hãy quên quách nó đi”, ngài nói với họ. “Các ngài thấy đây, ta đã từ chối nó để tránh phải đau khổ trong mỗi mòn trông đợi cho đến chết”. Lúc đầu, đại tá Gerineldo Márquez đến thăm ngài vào tất cả các buổi chiều, cả hai ngồi ở cửa nhìn ra đường để cùng nhớ lại quá khứ của mình.

Nhưng Amaranta lại đau khổ không thể ghim được những kỷ niệm xưa được gọi lại do chính người đàn ông mệt mỏi mà cái đầu hói của ông ta đã đẩy ông ta vào vực sâu của sự già trước tuổi, và do đó bà đã làm khổ ngài bằng những cái không đâu, cho đến khi ngài chỉ đến chơi nhà vào những dịp đặc biệt rồi thì không đến nữa vì bệnh bại liệt buộc ngài phải nằm yên một chỗ. Lầm lỳ, lặng lẽ, không hề nhận ra luồng gió mới đầy sinh khí đang lộng thổi trong nhà mình, ngài đại tá Aureliano Buendía hầu như mới chỉ hiểu được rằng cái bí mật của một tuổi già bình yên không phải là cái gì khác mà chính là sự gắn bó sâu sắc với cái cô đơn. Ngài thức dậy vào lúc năm giờ sáng sau khi ngủ giấc ngủ chập chờn, uống tách cà phê không đường vốn gắn với cả đời ngài, sau đó tự giam mình trong xưởng kim hoàn, rồi đến bốn giờ chiều, ngài kéo lê chiếc ghế đầu đi dọc theo hành lang mà không hề nhìn vườn hồng đỏ rực hoa, không hề để ý tới vẻ kiên nhẫn đầy nghị lực của Amaranta mà mỗi buồn của bà đang dõi theo một tiếng động kêu u u được cảm nhận vào lúc chiều xuống, rồi ngài ngồi ở trước cửa nhìn ra đường cho tới khi muỗi đốt dữ dội mới thôi. Đôi lúc có người nào đó dám làm khuấy động nỗi cô đơn của ngài.

- Có khỏe không, ngài đại tá? - họ hỏi ngài khi đi qua.

- Vẫn thế, - ngài trả lời. - Tôi đang đợi đám tang của mình đến.

Vậy là nỗi lo ngại được gây nên bởi sự xuất hiện lại một cách công khai của họ Buendía qua việc phong hoa hậu cho Remedios - Người đẹp đã mất đi những cơ sở thực tiễn của nó. Tuy nhiên, rất nhiều người không tin như vậy. Ngay thơ trước thảm họa đe dọa mình, dân chúng đổ xô về quảng trường lớn trong niềm tin ồn ào khôn xiết. Vũ hội Carnaval đã đạt tới đỉnh cao cuồng nhiệt, còn Aureliano Segundo thỏa chí với việc mình giả dạng con hổ, và anh sung sướng đi giữa đám đông tự buông thả, mà gào mà hát tới khản cả cổ họng. Ngay khi đó, trên con đường từ đầm lầy dẫn vào thị trấn xuất hiện một đoàn người giả trang đủ màu đủ vẻ, rước cỗ kiệu thếp vàng trên đó có một cô gái đẹp lộng lẫy đến mức người ta không dám nghĩ tới. Những cư dân hiền lành của thị trấn Macondo cùng một lúc gỡ bỏ mặt nạ để có thể nhìn rõ hơn cô gái lộng lẫy trong chiếc vương miện gài ngọc bích và chiếc áo khoác bằng lông điểu thứ^[30], dường như cô là một hoàng hậu đích

thực chứ không phải là một hoa hậu trong vũ hội giả trang Carnaval. Không thiếu người có lý trí sáng suốt đủ để nghi ngờ rằng đoàn người đó đang định khiêu khích. Nhưng Aureliano Segundo đã ngay lập tức vượt qua được tình trạng rắc rối phức tạp này, và anh tuyên bố rằng những kẻ mới đến là khách mời danh dự, rồi anh trình trọng đặt Remedios - Người đẹp và hoàng hậu đóng giả cùng ngồi trên đài cao. Đến nửa đêm, những người lạ mặt giả trang người Bedouin^[31] tham gia các trò vui ngây ngất của đêm hội và họ đã khiến trò vui thêm phong phú hơn với thuật ảo công rục rờ và cả các trò ảo thuật leo dây khiến mọi người nghĩ đến các trò chơi màu nhiệm của người digan. Bỗng nhiên, trong lúc đêm hội đang náo nhiệt nhất, có một người nào đó đã phá vỡ không khí hội hè đầm ấm.

- Đảng Tự do muôn năm! - anh ta hô. - Đại tá Aureliano Buendía muôn năm!

Những tràng súng nổ đã dập tắt ánh sáng rục rờ muôn màu của pháo hoa, những tiếng kêu thất thanh đầy hoảng sợ đã bóp nghẹt âm nhạc rộn ràng, và nỗi sợ hãi đã xua tan niềm vui.

Nhiều năm sau này dư luận vẫn tiếp tục khẳng định rằng đội lính hoàng gia bảo vệ hoàng hậu đóng giả là một trung đội lính thường trực từng giấu vũ khí thông thường bên dưới bộ áo đẹp đẽ của người Bedouin. Trong một thông cáo đặc biệt chính phủ phản đối dư luận trên và hứa sẽ tiến hành điều tra dứt khoát vụ đổ máu này. Nhưng sự thật chẳng bao giờ được làm sáng tỏ, còn lời giải thích rằng đội cận vệ hoàng gia không hề có biểu hiện khiêu khích nào, đã tác chiến theo mệnh lệnh của viên chỉ huy và đã nổ súng không thương tiếc vào đám đông thì vẫn dai dẳng tồn tại mãi. Khi trật tự được lập lại, cả thị trấn này không còn bóng dáng một người Bedouin giả dạng nào, trên quảng trường còn lại những kẻ bị thương và những xác chết, trong đó có ba thằng hề, bốn người đóng vai Columbine, mười bảy hoàng đế, một con quỷ, ba nhạc công, ba hoàng hậu Nhật Bản. Trong lúc hỗn độn đầy hoảng sợ, José Arcadio Segundo đã kịp cứu thoát Remedios - Người đẹp, và Aureliano Segundo kịp ôm lấy cô gái đóng giả hoàng hậu với quần áo xộc xệch, chiếc áo khoác lông điều thủ đẫm máu để chạy trốn. Cô gái tên là Fernanda del Carpio. Người ta đã chọn cô trong số năm ngàn cô gái đẹp nhất nước và mang cô đến Macondo với lời hứa sẽ phong cô là hoàng hậu xứ Madagascar. Úrsula chăm sóc cô như chăm sóc con gái mình. Dân làng, đáng lẽ sẽ hoài nghi về ngây thơ của cô thì lại thương hại đức tính chân thực của cô gái. Sáu tháng sau vụ thảm sát, khi những người bị thương đã bình phục hẳn và những bông hoa cuối cùng để ở mộ chung đã héo, Aureliano Segundo đã đi tìm cô ở một thành phố xa xăm, nơi cô đang sống với cha mình, rồi sau đó cưới cô ở thị trấn Macondo trong một tiệc vui ồn ã kéo suốt

hai mươi ngày.

CHƯƠNG 11

Sau hai tháng, vợ chồng họ xuýt nữa bỏ nhau vì Aureliano Segundo chụp cho Petra Cotes một bức chân dung vận xiêm y hoàng hậu xứ Madagascar để an ủi ả. Khi biết chuyện, Fernanda đã thu xếp quần áo cô dâu và bỏ Macondo ra đi không một lời từ biệt anh. Aureliano Segundo theo kịp nàng ở trên đường đồng lầy. Sau khi van xin và hứa hẹn sẽ tu tỉnh, anh đưa được nàng trở lại nhà mình và không lui tới nhà nhân tình nữa. Petra Cotes tin tưởng ở sức hấp dẫn của mình, không hề bối rối. ả đã làm cho anh thành người đàn ông. Ngay từ lúc anh còn là một cậu bé choai choai, trong đầu chứa chất toàn những ý nghĩ viển vông và không hề hiểu biết cuộc sống, ả đã lôi anh ra khỏi phòng Melquíades, cho anh một chỗ đứng trong cuộc đời thực. Tạo hóa cho anh bản tính trầm lặng và kiêu ngạo, hay suy tư cô đơn, còn ả đã rèn cho anh tính cách quật khởi, mạnh mẽ, cởi mở và hoang toàng, đã truyền cho anh niềm vui cuộc sống, niềm vui hội hè và xài phí; do đó đã biến anh từ tâm hồn đến diện mạo bên ngoài thành một người đàn ông đúng như ả từng mơ ước khi còn là con gái đang thì. Anh đã cưới vợ, bởi vì cũng như con cái, sớm hay muộn rồi chúng nó cũng phải lấy vợ, lấy chồng. Anh không dám sớm cho thị biết tin. Anh cố giữ thái độ ngây thơ trước việc tự mình nổi giận vô cớ hay vờ ra vẻ đau khổ cốt làm sao cho Petra Cotes sẽ là kẻ gây ra sự ly tán giữa hai người. Có một ngày Aureliano Segundo mắng mỏ ả một cách vô lý. Hiểu ngay mưu đồ của anh, ả lập tức nói toạc móng heo: - Chẳng qua là anh muốn lấy cô hoa hậu ấy mà. Aureliano Segundo, xấu hổ lắm, giả vờ giận dữ một hồi, nói toáng lên rằng mình bị hiểu lầm và bị làm nhục, rồi từ đó không lui tới với ả nữa. Lúc nào cũng làm chủ bản thân, một sự tự chủ tuyệt vời, Petra Cotes lắng nghe âm nhạc, và pháo mừng đám cưới, lắng nghe tiếng ồn ào, cuồng nhiệt trong cuộc vui chung, như thể tất cả những thứ đó chỉ là một trò ma mãnh mới của Aureliano Segundo. Đối với những kẻ tỏ vẻ thương hại cho số phận của ả, ả trấn an họ bằng nụ cười: “Các bác đừng ngại”, ả nói với họ, “Ngữ hoa hậu ấy chỉ là thứ để tôi sai vặt thôi”. Với cô hàng xóm mang đến cho ả những cặp nến kép để soi tỏ bức chân dung người tình đã bỏ mình, thì ả nói một cách chắc nịch đầy bí hiểm: - Cây nến duy nhất khiến anh ấy trở lại sẽ luôn luôn cháy sáng.

Như ả đã thấy trước, Aureliano Segundo trở lại nhà ả ngay sau khi tuần trăng mật kết thúc. Anh kéo theo những người bạn cố tri của mình và một bác phó nháy mang theo bộ quần áo và chiếc áo khoác lông điếu thử mà Fernanda đã mặc trong vũ hội Carnaval. Trong không khí vui vẻ như ngày hội kéo suốt buổi chiều ấy, anh khoác cho Petra Cotes xiêm y hoàng hậu, đội cho ả chiếc vương miện hoàng hậu xứ Madagascar, chụp ảnh rồi phân phát chân dung ả cho các bạn hữu. ả không chỉ phụ họa vào trò chơi mà còn

động lòng thương hại anh vì nghĩ rằng chắc hẳn anh đã phải hốt hoảng lắm nên mới nghĩ ra thủ đoạn làm lạnh lẽo lòng này. Vào lúc bảy giờ tối, tuy vẫn còn mặc xiêm y hoàng hậu, ả đã tiếp anh trên giường. Anh mới cưới vợ chưa đầy vài tháng, nhưng ả đã nhận thấy ngay rằng vợ chồng họ không được hòa thuận ngay ở trên giường cưới và ả sượng như điên vì thấy sự trả thù của mình đã được thực hiện trọn vẹn. Tuy nhiên, hai ngày sau, khi anh không những không dám trở lại nhà ả mà còn nhờ một người trung gian đến giải quyết nốt các điều khoản chia ly, thì ả hiểu rằng sẽ cần phải điềm tĩnh hơn và rằng dường như anh đã sẵn sàng quyết chí chạy theo cái mẽ hào nhoáng bên ngoài ấy. ả cũng không bực dọc. ả lại thuận theo mọi đòi hỏi của anh, làm cho mọi người thực lòng tin rằng ả là người đàn bà đau khổ. Vật kỷ niệm duy nhất của Aureliano Segundo ả còn giữ được là đôi ủng màu be mà theo đúng như lời anh nói, anh sẽ mang chúng khi được liệt vào quan tài. ả cuộn chúng trong tấm vải và giấu kĩ ở dưới đáy rương, rồi lại chờ đợi, chờ đợi một cách đầy hy vọng. - Sớm hay muộn thế nào anh ấy cũng phải trở lại, - ả nói với chính mình, - dù chỉ để đi đôi ủng này. ả không cần phải đợi lâu như từng dự đoán trước. Thực ra, Aureliano Segundo, ngay từ đêm tân hôn, đã hiểu rằng mình sẽ trở lại nhà Petra Cotes sớm hơn rất nhiều trước khi cần phải đi đôi ủng màu be, vì Fernanda là một người đàn bà lạc loài trong cuộc đời này. Nàng đã sinh ra và lớn lên ở một nơi xa biển hàng ngàn kilômét, một thành phố buồn thê lương với những đêm đầy sợ hãi vang lên tiếng bánh xe lộc cộc của các bậc phó vương trên những con đường đá gồ ghề. Ba mươi hai tháp chuông cùng đổ hồi vào lúc sáu giờ chiều một cách thê lương, chết chóc. Không bao giờ nắng chiếu vào ngôi nhà cổ kính lát đá. Gió tắt lịm trên đỉnh những cây bá ở ngoài sân, trên những tấm màn gió đã úa màu trong các phòng, trên mái vòm giao nhau của những cây cam tùng ở ngoài vườn. Ngay khi đã ở tuổi dậy thì, Fernanda vẫn không hay biết gì về cuộc đời ngoài những bản nhạc tập dương cầm buồn bã nhớ nhung, do một người nào đó được phép không ngủ trưa chơi bên nhà hàng xóm. Ngôi trong căn phòng của bà mẹ ốm yếu da xanh má đi trong ánh sáng lọc qua những tấm kính mờ bụi; nàng nghe những cung bậc thứ tự, rền rĩ, buồn bã và nghĩ rằng âm nhạc ấy hiện hữu trong cuộc đời, trong lúc nàng mãi mê tết những chiếc mũ tang bằng lá cây palma. Mẹ nàng, sốt đỏ mồ hôi vào lúc năm giờ chiều, kể cho nàng nghe thời huy hoàng đã qua. Có một đêm trăng, khi còn nhỏ tuổi, Fernanda nhìn thấy bóng một người đàn bà vận đồ trắng đi từ vườn hoa vào phòng cầu kính. Cái bóng vừa lướt qua quá nhanh ấy đã làm nàng lo lắng chính là vì nàng cảm thấy nó giống hệt mình, cứ như thể đó là bóng dáng mình trong khoảng hai mươi năm sau. “Đó là bà hoàng hậu cố nội con đấy”, mẹ nàng nói trong lúc cơn ho dịu đi, “Cụ chết vì ngộ gió khi chặt một cành cam tùng”. Rất nhiều năm sau, khi cảm thấy mình giống hệt cụ cố nội mình, Fernanda đâm ra nghi ngờ bóng ma mình nhìn thấy hồi còn nhỏ, nhưng mẹ

nàng đã mắng nàng về tội thiếu đức tin.

- Chúng ta vốn giàu có và có thể lực mạnh mẽ vô cùng, bà nói với nàng.
- Rồi con sẽ là hoàng hậu mà.

Nàng tin điều đó mặc dù gia đình nàng hiện chỉ làm chủ một chiếc bàn ăn dài có đủ khăn và đồ dùng ăn uống bằng bạc, và cái bàn này chỉ được dùng để ăn bánh ngọt và uống nước sô-cô-la. Ngay đến ngày làm lễ thành hôn, nàng vẫn mơ thời làm vua. Huyền thoại ấy dẫu rằng cha nàng, đông Fernando đã buộc phải cầm cố ngôi nhà để lấy tiền may sắm đồ cưới cho nàng. Không quá ngây thơ cũng chẳng hợm mình về danh giá gia đình, người ta đã giáo dục nàng như thế đấy. Ngay từ thuở mới hiểu biết chút ít, nàng còn nhớ mình vẫn được ngồi trên chiếc bô bằng vàng có khắc gia huy dòng họ mình để ì đái. Lần đầu tiên bước ra khỏi nhà là lúc nàng đã mười hai tuổi, trên một chiếc xe ngựa chỉ cần chạy qua hai ô phố để đến tu viện. Những cô bạn cùng lớp đều ngạc nhiên rằng người ta tách riêng nàng ra, cho nàng ngồi trên một chiếc ghế dựa rất cao, và rằng ngay cả trong lúc vui chơi nàng cũng không chơi chung với họ. “Cô ấy rất khác đây”, các nữ tu sĩ giải thích cho họ, “Cô ấy sẽ là hoàng hậu đấy”. Các bạn gái của nàng tin điều đó, bởi vì ngay từ lúc ấy nàng đã là một cô gái xinh đẹp, khác thường và kín đáo nhất. Tám năm sau, sau khi đã học làm thơ bằng chữ Latinh, đã học chơi đàn cla-vơ-xanh^[32] học đàm đạo với các công tử về nghề nuôi chim ưng, với các đức Giám mục về môn thần học chuyên biện giải cho tôn giáo, học tranh luận với các chính khách ngoại quốc về các vấn đề nhà nước và với Giáo hoàng về các vấn đề của Thượng đế, nàng trở về nhà cha mẹ mình để lại tét những chiếc mũ tang bằng lá cây palma. Nàng thấy nhà mình quang sạch đồ đạc. Hầu như chỉ còn những giường tủ không có giá trị, các ngọn đèn chùm, và bộ đồ ăn bằng bạc, bởi vì những đồ dùng có giá trị đều bị bán dần bán mòn để lấy tiền trang trải các khoản chi phí cho việc dạy dỗ nàng. Mẹ nàng đã từ trần vì cơn sốt lúc năm giờ chiều. Cha nàng, đông Fernando, mặc đồ đen, với áo cổ cùn và một chiếc xà tích vàng vắt chéo ngang ngực, vào các ngày thứ hai đưa cho nàng một đồng tiền bạc để chi dùng ăn uống, rồi cụ mang đi những chiếc mũ tang tét lá cây palma vừa làm xong tuần trước. Phần lớn buổi ban ngày cụ ở lì trong phòng riêng, và trong những dịp hiếm hoi cụ mới đi ra ngoài đường cái nhưng lại vội trở về nhà trước lúc sáu giờ tối để cùng nàng đọc kinh Rosario. Không bao giờ chơi thân với một ai. Không bao giờ nghe nói về những cuộc nội chiến đang làm tổn thương đất nước. Không bao giờ bỏ nghe các buổi tập đàn dương cầm vào lúc ba giờ chiều. Vào lúc nàng bắt đầu vỡ mộng mình sẽ là hoàng hậu thì ở ngoài cửa chính vang lên tiếng gõ gọi cửa nện khẩn cấp, nàng vội mở cửa cho một quân nhân bánh bao, điệu bộ khoan thai, trên má mang một vết sẹo và trên ngực gài tám huy chương vàng. Ông ta vào đàm đạo ở phòng riêng với cha

nàng. Hai giờ sau, cha nàng đến phòng máy may tìm nàng. “Con hãy chuẩn bị đồ đạc của mình đi”, cụ nói với nàng “Con cần phải đi xa”. Nàng bị mang đến Macondo như thế đấy. Chỉ trong một ngày thôi, cuộc đời đã trút xuống đầu nàng tất cả sức nặng của một thực tế mà trong nhiều năm cha mẹ cố tình tránh cho nàng.

Từ khi trở về nhà, nàng đóng kín cửa, ở trong phòng khóc, bất chấp những lời van xin và giải thích của ông Fernando, để xóa đi vết nhục cháy bỏng thành sẹo trên da mình. Nàng vừa tự nhủ lòng sẽ không ra khỏi phòng cho đến khi chết thì cũng vừa hay Aureliano Segundo đến nhà tìm nàng. Đó là một vận may không thể dự tính trước được, bởi vì trong lúc hoang mang vì tức giận, trong lúc điên tiết vì xấu hổ, nàng đã nói dối anh để không bao giờ anh lần ra được tông tích đích thực của mình. Nhưng dấu vết thực tế duy nhất để Aureliano Segundo lần mò theo khi đi tìm nàng là lời nói vuông vằng nguyên không trộn lẫn được và nghề tết mũ tang bằng lá cây palma của nàng. Anh nhận nài tìm nàng với quyết tâm lớn mà cụ José Arcadio Buendía đã sử dụng để vượt núi thành lập làng Macondo, với lòng tự hào mù quáng mà đại tá Aureliano Buendía sử dụng để khơi dậy các cuộc chiến tranh vô bổ, với lòng kiên trì rồ dại mà Úrsula dùng để khẳng định sự trường tồn của dòng họ mình. Aureliano Segundo đã đi tìm Fernanda như thế đấy mà không lúc nào anh tỏ ra chán nản. Khi anh hỏi ở đâu có bán mũ tang tết bằng lá cây palma thì mọi người dẫn anh về nhà họ để chọn những chiếc mũ đẹp nhất. Khi anh hỏi cô gái đẹp nhất trên mặt đất này ở đâu thì các bà mẹ lập tức đưa anh đi xem mặt con gái mình. Anh lạc lối trên những ngọn đèo mây phủ, trong những vùng bị lãng quên, và trong mớ bòng bong của sự thất vọng. Anh đã vượt qua một cao nguyên vàng úa nơi chỉ có tiếng vọng o o lấp lại những suy tưởng và chỉ có cơn khát làm mờ mắt. Sau nhiều tuần kham khổ, anh đã tới được một thành phố xa lạ mà ở đây tất cả các tháp chuông đều đổ hội thê thảm. Dù chưa từng nhìn thấy, cũng chưa từng nghe ai miêu tả, anh đã nhận ra ngay những bức tường thành lở lói vì gió sương mang hơi mặn của xương người tấp vào, nhận ra ngay những ban công gỗ ọp ẹp vì một đục khoét lâu ngày, nhận ra ngay tấm biển quảng cáo ở đây bán mũ tang, mà chữ viết của nó đã nhom đi trên tấm bìa các tông cũ. Kể từ lúc anh đến cho tới buổi sáng Fernanda để lại ngôi nhà cho Đức mẹ Toàn năng trông nom, lúc nào anh và nàng cũng tất bật đến mức hầu như không đủ thời gian cho các cô nữ tu sĩ kịp may bộ đồ cô dâu. Họ bận rộn lo nhét những ngọn đèn chùm, những bộ đồ ăn bằng bạc, và những thứ vô dụng nhiều vô kể của cái gia đình quý tộc đã khánh kiệt từng tồn tại hai thế kỷ này vào sáu chiếc thùng lớn. Ông Fernando từ chối lời mời cùng đi với họ. Cụ hứa sẽ đi khi nào đã hoàn thành các lời hứa của mình. Kể từ lúc cúi mình làm dấu ban phước cho con gái, cụ lại đóng kín cửa để ở lỳ trong phòng, viết thư bằng thơ có kèm theo

những hình trang trí bi thương và con dấu gia huy, vốn là những thứ qua đó Fernanda và cha nàng có quan hệ trực tiếp với đời thường. Đối với Fernanda, ngày ấy là ngày sinh đích thực của nàng. Đối với Aureliano Segundo, ngày ấy là ngày mở đầu đồng thời là ngày kết thúc hạnh phúc của anh. Fernanda mang theo mình một cuốn lịch quý và một chùm chìa khóa mạ vàng trong đó vị cha cô làm thầy giáo của nàng đã dùng mực luôn tươi màu đánh dấu những ngày kiêng nhập phòng. Nếu không kể tuần lễ Thánh, những ngày chủ nhật, những ngày buộc phải nghe kinh mixa, những ngày thứ sáu đầu tiên của một tháng, những ngày tế thần và những ngày hành kinh, là những ngày nhất thiết phải kiêng cử, cuốn lịch bổ ích của nàng chỉ còn lại bốn mươi hai ngày được tự do nằm rải rác trong tám mạng nhện những dấu gạch chữ thập còn tươi màu mực. Aureliano Segundo cho rằng thời gian sẽ quật đổ bức rào trở ngại đó, đã kéo dài tiệc cưới quá thời gian quy định. Một mồi vì còn phải sai đồ vỏ chai rượu Brandy và rượu sâm banh ra thùng rác để ngôi nhà được gọn gàng, và đồng thời tò mò thấy rằng cô dâu chú rể đã không đi ngủ cùng một giờ lại còn ngủ tại hai phòng biệt lập trong lúc pháo vẫn nổ, nhạc vẫn cử, gia súc vẫn bị giết, Úrsula nhớ lại kinh nghiệm sống của chính mình và tự hỏi không biết có phải Fernanda cũng thất chí thất lung trình tiết mà sớm hay muộn sẽ gây nên những lời bình phẩm độc địa của dân làng và là cội nguồn của tấn bi kịch hay không. Nhưng Fernanda đã thú nhận với cụ rằng nàng chỉ phải đợi qua hai tuần trước khi được phép ăn nằm lần đầu tiên với chồng mình. Quả nhiên hai tuần qua đi, nàng mở cửa phòng mình trong sự nhượng bộ bắt buộc của một nạn nhân bị trừng phạt, và Aureliano Segundo đã nhìn thấy người đàn bà đẹp nhất trần gian với đôi mắt rục rịch vẻ kiêu hãnh của con vật hoảng sợ và những mớ tóc vàng màu đồng xõa trên gôi. Anh sung sướng quá trước hình ảnh ấy đến mức một lúc sau mới nhận ra rằng Fernanda đã vận chiếc áo ngủ trắng muốt, che kín mắt cá chân và chùm cả mu bàn tay, ở ngang bụng mở một cửa mở to và tròn, được thêu viền cẩn thận. Aureliano Segundo không thể kìm được một chuỗi cười giòn giã. - Ôi, cái này còn khêu gợi hơn cả những cảnh anh từng nhìn thấy - anh gào, với tiếng cười khanh khách rền vang cả nhà. - Anh đã cưới một nữ tu dòng St. Vincent de Paul.

Một tháng sau, vì không làm sao thuyết phục được vợ mình cởi chiếc áo ngủ ấy, anh đã mò đến nhà Petra Cotes để chụp cho ả bức ảnh vận xiêm y của nữ hoàng. Sau đó, khi anh thuyết phục được Fernanda thôi không bỏ về quê nữa để trở lại nhà mình, nàng đã nhượng bộ trước những yêu cầu làm lành tha thiết của anh, nhưng anh vẫn không biết cách sắp đặt việc nghỉ ngơi theo đúng như điều anh mơ ước khi đến thành phố ba mươi hai tháp chuông để tìm nàng. Aureliano Segundo chỉ tìm thấy ở nàng một ý vị chán nản. Có một đêm, trước khi sinh cậu con trai đầu lòng ít bữa, Fernanda biết rằng

chồng mình đã bí mật trở lại nằm cùng giường với Petra Cotes. - Đúng thế đấy, - anh thú nhận. Rồi bằng một giọng nhượng bộ, anh giải thích: - Anh cần phải hành động như vậy để cho đàn gia súc của ta tiếp tục sinh sôi nảy nở nhiều hơn nữa. Anh không mất nhiều thời gian để thuyết phục nàng về biện pháp lạ lùng ấy, nhưng khi anh đã thuyết phục được nàng bằng những chứng cứ dường như không thể bác bỏ thì điều kiện duy nhất mà Fernanda buộc anh phải hứa là không được để cho thân chết tím được mình ngay trên giường của tình nhân. Ba người sống với nhau như thế, không ai đá động đến ai. Aureliano Segundo âu yếm và đúng hẹn với cả hai, Petra Cotes hả lòng hả dạ với sự hòa thuận, còn Fernanda giả vờ không biết sự thật. Tuy nhiên, sự hòa thuận lại không đạt được trong gia đình: Fernanda không sống hòa mình với mọi người. Úrsula cố sức la mắng để nàng ném đi cái khăn ni mà nàng dùng lót giường mỗi khi chung đụng với chồng rồi sau đó lại quàng lên vai và chính chiếc khăn này đã gây nên bao lời nhỏ to bàn tán của dân làng nhưng nàng vẫn không chịu ném nó đi. Cụ không tài nào thuyết phục nổi nàng khi nào cần ị đái thì đi vào cầu tiêu và bán quách chiếc bô bằng vàng cho đại tá Aureliano Buendía để ngài làm những con cá vàng. Amaranta khó chịu trước cách nói năng thô bạo và thói quen gọi sai tên sự vật của nàng nên bà cũng thường xuyên nói lóng trước mặt nàng. Có một ngày, cáu tiết trước lời báng bổ, Fernanda muốn biết Amaranta nói gì và bà này không dùng lối nói văn hoa bóng gió, đã trả lời nàng: - Tao bảo, - bà nói, - rằng cháu là một trong những cô gái tằm đội cứt lên đầu. Kể từ ngày đó hai người không nói chuyện với nhau. Khi bắt buộc dĩ phải nói với nhau điều gì thì họ nhắn qua người khác hoặc nói một cách gián tiếp. Phớt lờ trước nỗi khó chịu của người nhà, Fernanda vẫn không từ bỏ ý định sắp đặt thói quen cho các bậc bề trên. Nàng đã quyết định bỏ lệ ăn cơm ở nhà bếp mà ai đối cứ việc đi ăn như trước đây, buộc mọi người phải ăn cơm vào đúng giờ quy định tại phòng ăn, phải ngồi vào bàn ăn lớn đã dọn dẹp tinh tươm có khăn lau, đèn chum, đồ ăn bằng bạc. Tính chất nghiêm trang của cái việc vốn vẫn được Úrsula coi là một việc giản dị nhất của đời thường, đã tạo nên một không khí căng thẳng khiến José Arcadio Segundo làm lì đã là người đầu tiên chống lại nó. Nhưng thói quen vẫn cứ được thiết lập, chẳng hạn như thói quen cầu kinh Rosario trước khi ăn bữa tối và chính nó đã làm cho hàng xóm phải để ý và gây nên lời đồn rằng: nhà Buendía không ngồi vào bàn ăn như mọi gia đình mà trái lại đã biến bữa ăn tối thành một buổi lễ mixa trang trọng. Ngay đến những niềm tin tôn giáo của Úrsula, nảy sinh từ hy vọng chóc lát của cụ hơn là từ truyền thống, cũng bắt đầu mâu thuẫn với những tín điều mà Fernanda đã thừa hưởng của cha mẹ. Trong lúc Úrsula còn chắc chắn chân mạnh tay, thì một số tục lệ cổ vẫn còn được duy trì và cuộc sống gia đình vẫn tuân theo những cảm nhận tinh tế của cụ, nhưng từ khi cụ bị lừa và sức nặng tuổi già buộc cụ phải ngồi yên một xó, thì cái vòng cương tỏa được

Fernanda khởi xướng ngay từ khi nàng mới về nhà chồng đã hoàn toàn khép kín lại và không một ai ngoài nàng quyết định vận mệnh của gia đình. Nghề làm kẹo bánh từng được Santa Sofia de la Piedad duy trì theo ý nguyện của Úrsula đã bị Fernanda coi là một nghề hèn mọn và chẳng bao lâu bị đình chỉ. Cửa nhà, vốn được mở toang từ sáng sớm cho đến khi đi ngủ, đã bị đóng lại trong giờ nghỉ trưa với cái cố để tránh ánh nắng nung nóng các phòng ngủ và sau đó im ỉm đóng suốt ngày. Cành lá lô hội và chiếc bánh vốn được treo ở trước cửa nhà ngay từ thuở mới lập làng Macondo nay đã bị thay thế bằng một cái hộc để thờ tượng Chúa Giêsu. Đại tá Aureliano Buendía cũng đã biết được những thay đổi ấy và đã nhận ra lý do của chúng.

“Chúng ta đang quay trở lại để làm người quý phái”, ngài phản đối, “Đến cái bước này thì một lần nữa chúng ta lại phải chiến đấu chống chế độ Bảo hoàng, nhưng lần này là để đưa một ông vua khác lên ngai vàng”.

Fernanda vốn rất tinh tế, tự giữ gìn ý tứ để khỏi phải va chạm với ngài. Tinh thần tự do của ngài, cái sức phản kháng của ngài trước mọi nghi thức xã hội cứng rắn khiến nàng rất khó chịu. Những tách cà phê không đường uống vào lúc năm giờ sáng, sự bừa bộn trong xưởng kim hoàn, chiếc áo khoác sứt chỉ đường tà cũng như thói quen ngồi trước cửa nhìn ra đường vào lúc chiều tà của ngài, tất cả những thứ đó đều như những chiếc gai nhức nhối đâm vào mắt nàng. Nhưng Fernanda cần phải nhượng bộ ngài, phải coi ngài như một bộ phận ở ngoài cái cỗ máy gia đình bởi vì nàng hiểu rất rõ ràng rằng ngài đại tá già này là một người đã bị tuổi tác và nỗi thất vọng làm cho hiền lành đi; chứ nếu không chỉ với một hành động quật khởi đầy sức mạnh, ngài hoàn toàn có thể làm lay chuyển nền móng của cả ngôi nhà. Khi chồng nàng quyết định gọi tên đứa con trai đầu lòng bằng tên của ông nội nó thì nàng không dám cãi lại, bởi vì nàng mới về nhà chồng vẹn vẹn một năm trời. Nhưng khi sinh đến trưởng nữ, nàng một mực đòi đặt tên cho nó là Renata như tên của mẹ mình. Úrsula đã quyết định gọi tên nó là Remedios. Sau một cuộc tranh luận gay gắt trong đó Aureliano Segundo đóng vai một nhà hiền triết vui vẻ, họ đặt tên cho nó là Renata Remedios, nhưng Fernanda vẫn cứ gọi nó là Renata chọc lỏn, trong khi đó cả nhà và dân làng gọi nó là Meme, một tên gọi thân mật của Remedios. Thoạt đầu, Fernanda không nói chuyện về gia đình mình, nhưng rồi dần dần nàng bắt đầu lý tưởng hóa người cha mình. Ngay tại bàn ăn, nàng ca ngợi cụ như một con người đặc biệt từng từ bỏ mọi nghi lễ trống rỗng và đã trở thành một vị thánh sống. Aureliano Segundo ngạc nhiên trước sự tán tụng không phải lúc về ông bố vợ, đã không dừng được, đành phải giễu nhẹ sau lưng vợ mình. Cả nhà đều theo gương anh. Ngay chính Úrsula, đang hết sức tự hào về gia đình êm ấm và ngược lại phải lặng lẽ chịu đựng nhưng mỗi bất hòa trong nhà, đã có lần tự mình nói rằng thằng chít còn oắt con của mình chắc chắn sẽ là một Hồng y

Giáo chủ bởi vì hắn là “cháu ngoại của một vị thánh, là con của một hoàng hậu và một thằng ăn trộm gia súc”. Bất kể nụ cười mỉa ấy, bọn nhóc quen nghĩ về ông ngoại mình như nghĩ về một nhân vật huyền thoại, người vẫn thường gửi cho chúng những vần thơ âu yếm trong các bức thư và cứ mỗi bận lễ Noel đến lại gửi cho chúng một thùng quà to đùng gần như không mang lọt cửa chính. Thực ra đó là những đồ vật vãn cuối cùng còn lại của gia tài quyền quý xưa. Ngay tại phòng ngủ của bọn trẻ, bằng những thứ này người ta dựng một bàn thờ với những tượng thánh to bằng cỡ người thực mà đôi mắt thủy tinh của các vị này đã gây cho chúng ấn tượng sâu sắc như người thật; còn những bộ áo quần được thêu thùa thật đẹp của các vị thì theo con mắt chúng là những bộ quần áo đẹp nhất chưa một người dân Macondo nào trong được mặc. Dần dần, vẻ huy hoàng tẻ nhạt của ngôi nhà cổ kính và lạnh lẽo nọ đã được chuyển về ngôi nhà sáng sủa của gia đình Buendía. “Giờ đây, họ đã gửi cho chúng ta một nghĩa địa gia đình rồi”, có lần nào đó Aureliano Segundo đã bình luận, “chỉ còn thiếu những cây liễu gió và đá xây mồ thôi”. Mặc dù trong các thùng này không bao giờ đựng các đồ chơi cho bọn trẻ, nhưng chúng vẫn cứ mong đợi cho chóng hết năm để đến tháng chạp, bởi vì dù thế nào đi nữa thì các đồ cổ lỗ sĩ và luôn luôn không được biết trước ấy cũng vẫn là một sự kiện mới lạ trong nhà. Trong dịp lễ Noel lần thứ mười kể từ khi Fernanda về nhà chồng, khi cậu bé José Arcadio đã chuẩn bị đi thi, một chiếc hòm gỗ không lò của ông ngoại được đóng đinh quét xi thật cẩn thận và được gửi đến cho bà Fernanda del Carpio de Buendía rất tôn kính viết bằng thứ chữ gô-tích quen thuộc, đã đến khá sớm hơn mọi năm. Trong lúc nàng ở trong phòng đọc thư, những đứa trẻ nôn nóng vội mở chiếc hòm. Như thường lệ, được sự giúp sức của Aureliano Segundo, bọn chúng cậy các mảng xi gấn, mở nắp chiếc hòm, moi hết mùn cưa ở bên trong ra, và chúng thấy ở bên trong một chiếc hòm chì đựng các vít đồng vít lại rất chắc chắn. Trước mặt những đứa trẻ đang háo hức, Aureliano Segundo tháo tám chiếc vít đồng, và khi mở nắp hòm ra hầu như anh không kịp kêu lên và đẩy bọn trẻ sang một bên, vì đã nhìn thấy Don Fernando vận đồ đen, trên ngực đeo một cây thánh giá, da dẻ nứt bung ra trong những nốt lở khản mùi hôi và cái tử thi này đã được chunga trong một thứ nước thịt trai nuôi lấy ngọc đặt trên bếp lửa cháy âm ỉ. Sau ngày sinh bé gái ít lâu, lễ thượng thọ không hề mong đợi của đại tá Aureliano Buendía được công khai loan báo. Chính phủ ra lệnh tổ chức nó để kỷ niệm ngày ký hiệp định Neerlandia. Đó là một quyết định trái với đường lối chính trị chính thống đến mức đại tá đã mạnh mẽ tuyên bố chống lại và ngài đã từ chối lễ mừng. “Đây là lần đầu tiên ta nghe nói đến lễ thượng thọ”, ngài nói, “Nhưng muốn nói gì thì nói, điều đó chỉ có thể là một lời báng bổ mà thôi”.

Cái xưởng kim hoàn vốn đã hẹp rồi giờ đây lại đông nghịt các vị sứ giả.

Những luật gia mặc đồ sẫm trước đây như những con quạ lượn lơ quanh đại tá nay trở lại với dáng vẻ già nua và trang trọng hơn rất nhiều. Khi thấy bọn họ xuất hiện như trước đây họ từng đến để ngăn cản cuộc chiến, ngài đã không thể chịu nổi những lời tán tụng quá ư trơ trẽn của họ. Ngài ra lệnh cho họ hãy để mình yên, không chịu nhận mình là một yếu nhân của dân tộc, như lời bọn họ nói, mà chỉ là một anh thợ thủ công tâm thường với ước muốn duy nhất là được chết vì một mối trong lãng quên và trong cảnh nghèo túng làm những con cá vàng của mình. Điều khiến ngài phần nộ hơn cả là tin tức nói rằng chính ngài Tổng thống nước Cộng hòa đã dự định sẽ đích thân tham gia các hoạt động quần chúng ở Macondo để gắn Huân chương Công huân cho đại tá. Đại tá Aureliano Buendía đã nhờ nói lại chính xác từng từ một với ngài Tổng thống rằng mình thật lòng khao khát đợi cái dịp tuy là muộn màng nhưng rất quý này để cho ngài Tổng thống một phát súng, không phải để ngài chuộc tội vì những bất công và không hợp thời của chế độ mà để ngài chuộc lấy cái tội dám hỗn xược đối với một cụ già vốn không làm hại ai cả. Đó là lời cảnh cáo đanh thép mà đại tá đã nói ra miệng, do đó ngài Tổng thống nước Cộng hòa đến phút chót đã hoãn chuyến đi và để cho lễ mừng thêm long trọng, ngài đã phái một đặc phái viên đi thay mình. Đại tá Gerineldo Márquez, hoàn toàn ở yên một chỗ, đã rời bỏ giường bệnh bại liệt, đến an ủi người bạn chiến đấu cũ của mình. Khi thấy xuất hiện một chiếc ghế xích đu được bốn người đàn ông khiêng, và thấy người bạn từng chia sẻ với mình mọi nỗi vinh nhục ngay từ thời trai trẻ ngồi trên nó bên những chiếc gối, thì đại tá Aureliano Buendía nhận ra ngay rằng đại tá Gerineldo Márquez gắng gượng đến để bày tỏ tình đoàn kết của mình. Nhưng khi đã biết ý định thực của chuyến viếng thăm này, ngài đã ra lệnh đuổi người bạn cố tri của mình ra khỏi xưởng kim hoàn. - Thật là quá muộn ta mới hiểu rằng, - ngài nói với bạn mình, - nếu để chúng bắn anh thì ta đã làm phúc cho anh nhiều đấy. Thế là ngày lễ thượng thọ của ngài đại tá được tiến hành không có sự tham gia của bất kỳ thành viên nào trong gia đình Buendía. Lễ mừng này đã ngẫu nhiên trùng với tuần lễ hội giả trang Carnival nhưng không một ai có thể coi bỏ cho đại tá Aureliano Buendía cái ý nghĩ dai dẳng cho rằng sự trùng hợp ấy cũng đã được chính phủ dự tính trước để làm cho lời báng bổ đó càng thêm thô bạo. Từ xưởng kim hoàn vắng lặng, ngài nghe các bản hành khúc hùng dũng, nghe hăm một loạt đại bác nổ, nghe những hồi chuông vang lên bản thánh ca tạ ân, và nghe một vài câu trong cái bài diễn văn đọc trước nhà mình khi họ lấy tên ngài đặt cho một đường phố. Khi mắt ngài nhòe nước mắt, thứ nước mắt tủi hờn, thứ nước mắt căm giận và lần đầu tiên kể từ khi chịu thất bại đến nay, ngài cảm thấy đau khổ vì không còn chí cái thể và sức bạt núi thời trai trẻ để mở một cuộc chiến đẫm máu đặng quét sạch chế độ Bảo hoàng. Giữa lúc những tiếng ồn vui vang vọng của ngày hội chưa dứt thì Úrsula gõ cửa xưởng kim hoàn.

- Đừng làm phiền nữa, - ngài nói. - Ta đang bận.

- Mở cửa mau, - với giọng nói thường ngày, cụ đòi mở. - Việc này chẳng can dự gì với ngày hội đâu.

Thế là đại tá Aureliano Buendía mở then cửa và ngài thấy ở trước cửa mười bảy người đàn ông hoàn toàn khác nhau, từ vóc dáng đến màu da, nhưng tất cả đều mang vẻ cô đơn mà qua đó ở bất cứ xó xỉnh nào trên mặt đất này người ta đều có thể nhận ra họ là anh em. Đó là những người con trai của ngài. Không hề bảo nhau, cũng không hề quen nhau, họ đã đến đây từ những xó xỉnh hẻo lánh nhất của vùng duyên hải đang rộn ràng trong ngày hội náo nhiệt. Tất cả đều tự hào mang tên Aureliano kèm với tên họ của mẹ mình. Trong ba ngày ở lại nhà đại tá, để làm hài lòng Úrsula và khiến Fernanda phải ngạc nhiên, đôi lúc họ gây ra những vụ ẩu đả. Amaranta lục tìm trong đồng giấy tờ cũ cuốn sổ tay trong đó Úrsula đã tự tay ghi lại tên, ngày tháng năm sinh, ngày đặt tên của tất cả và bà chỉ cho từng người phòng ở hiện tại thuộc về mình. Danh sách ấy cho phép nhớ lại hai mươi năm chiến tranh. Với danh sách này người ta có thể dựng lại những hành trình ban đêm của đại tá, kể từ buổi sáng sớm chàng đi khỏi làng Macondo dẫn đầu hai mươi một chàng thanh niên để gia nhập một cuộc khởi nghĩa đầy ảo tưởng, cho đến lần cuối cùng trở về mình lấm trong chiếc áo khoác bê bết máu khô. Aureliano Segundo không bỏ lỡ dịp chúc mừng các ông chú mình bằng việc ồn ã mở tiệc vui gồm rượu sâm banh và đàn phong cầm và tiệc vui này ồn ã vui nhộn đến mức được liệt hạng hay hơn cả vũ hội Carnival không thành vì trùng với lễ thượng thọ của đại tá do chính phủ tổ chức. Họ đập vỡ một nửa số cốc tách, xéo nát cả các vườn hoa để đuổi theo một chú bê non. Họ bắn súng để giết gà, buộc Amaranta phải nhảy những điệu van buồn của Pietro Crespi, đồ ngon đồ ngọt Remedios - Người đẹp để cô mặc quần đàn ông leo cột mỡ, rồi thả một chú lợn bơi dày mỡ chạy trên hành lang và con lợn này đã húc ngã Fernanda. Nhưng không một ai ca thán những trò nghịch ngợm quá trớn ấy, bởi vì ngôi nhà rung lên như một trận động đất trước trò vui trong đó sức khỏe cường tráng của con người được tràn ra. Đại tá Aureliano Buendía, vốn lúc đầu tiếp họ hồ hững và thậm chí còn hồ nghi một số người có quan hệ máu thịt với mình, đã cùng vui với niềm vui sôi nổi của họ và trước khi họ ra đi ngài đã tặng mỗi người một con cá vàng. Ngay đến cả José Arcadio Segundo vốn ngạo đời, cũng hiến cho bọn họ một buổi chiều chơi gà chọi mà tí nữa gây ra tai nạn, vì một số trong số mười bảy anh em Aureliano này vốn là những tay sành sỏi trong các sỏi thi gà chọi, do đó mới thoáng nhìn cú đá đầu tiên họ đã lập tức phát hiện ra những thủ đoạn ma quái của cha Antonio Isabel. Aureliano Segundo, đứng xem những người anh em cùng chung một bát máu sôi nổi chơi những trò vui vô tận đầy lý thú, đã quyết định mời mọi người ở lại làm việc với mình. Người duy nhất chấp

nhận lời mời là Aureliano Triste, một thanh niên lai đen lực lưỡng vốn kế thừa được nhiệt tình hăng say và lòng ham tìm tòi khám phá của ông nội, người từng ném trái đủ mọi gian truân ở khắp nơi, do đó anh cho rằng mình sống ở đâu cũng vậy. Những người khác mặc dù vẫn còn chưa vợ, đã tự quyết định lấy vận mệnh của mình. Tất cả đều là thợ thủ công thạo nghề, đều là trụ cột của gia đình, đều là dân hiền lành.

Ngày thứ tư Lễ tro, trước khi mỗi người một ngả đi khắp vùng duyên hải, Amaranta tìm mọi cách để họ mặc quần áo đẹp ngày chủ nhật và đưa bà đi nhà thờ. Thích thú hơn là sùng tín, họ đã để cho mình bị cuốn vào tận nơi làm lễ kiên tin. Chính tại đây cha Antonio Isabel đã lấy tro vạch một chữ thập lên trán từng người. Về đến nhà, người nhỏ tuổi nhất muốn lau trán đã phát hiện ra vết tro không thể rửa sạch được, rồi ngay sau đó, cậu phát hiện ra vết tro của các anh cậu cũng không thể rửa sạch được. Họ thử lấy nước xà phòng, rồi lấy đất và bã cọ, rồi lấy đá kỳ và dung dịch kiềm, vẫn không tài nào xóa được chữ thập trên trán mình. Trái lại, Amaranta và những người khác đi dự lễ mixa đều dễ dàng chùi sạch chữ thập ấy trên trán mình. “Chúng ta đi như vậy càng tốt”, - Úrsula nói, - “Từ đây trở đi không một ai có thể nhầm lẫn chúng”. Họ ồn ã ra đi trong tiếng pháo và âm nhạc đưa tiễn, và để lại cảm giác rằng dòng họ Buendía đã gieo giống ở khắp mọi nơi cho muôn đời. Aureliano Triste, với chữ thập xám màu tro trên trán, đã lập ở ngoài bia làng một nhà máy làm nước đá mà José Arcadio Buendía từng mơ thấy trong những đam mê sáng tạo của cụ. Ở được mấy tháng, nghĩa là khi đã là người quen thuộc và được mọi người trọng nể, Aureliano Triste đi tìm một ngôi nhà để đưa mẹ và cô em gái chưa chồng (vốn không phải là con gái ngài đại tá) đến ở với mình và anh thích ngôi nhà cổ lỗ dường như bỏ hoang ở phố gần quảng trường. Anh hỏi ai là chủ ngôi nhà ấy. Có người bảo anh rằng đó là nhà vô chủ, rằng trước đây có một bà góa cô đơn chuyên ăn đất và vôi tường để sống đã ở ngôi nhà này và rằng trong những năm cuối đời, người ta chỉ hai lần nhìn thấy bà ra đường đội một chiếc mũ gài nhiều bông hoa giả nhỏ li ti và đi đôi giày cũ màu bạc khi bà đi ngang qua quảng trường để đến bưu điện gửi thư cho đức Giám mục. Người ta bảo anh rằng người bạn gái duy nhất của bà là một người ở gái rất ác vẫn thường giết chó, giết mèo và bất kỳ con vật nào dám bén mảng vào nhà, rồi vất xác chúng ra giữa đường cái khiến cả làng ngột ngạt trong tù hời xác con vật thối rữa. Kể từ độ mặt trời sấy khô bộ da con vật cuối cùng bị ném ra giữa đường cái đến nay đã trải qua một thời gian rất dài, đến mức cả làng thống nhất cho rằng bà chủ và người ở gái đã chết từ trước khi chiến tranh kết thúc rất lâu, và nói rằng ngôi nhà vẫn còn đứng vững được là vì trong nhiều năm gần đây chưa hề có một cơn lốc cũng như chưa có mùa đông ác nghiệt nào, các bản lề cửa đã rời rã hết vì gỉ; những cánh cửa hầu như vẫn đứng yên được là nhờ mạng nhện

giăng chẳng chặt, các cửa sổ vẫn bám vào nhau nhờ có hơi ẩm; nên nhà nứt nẻ hết bởi cỏ và hoa dại mọc um tùm, và những kẽ nứt này là nơi để thằn lằn và đủ loại con vật ghê tởm làm tổ, tất cả những thứ đó dường như cùng phụ họa nói lên rằng tại ngôi nhà này ít nhất là từ nửa thế kỷ nay không có ai sinh sống. Aureliano Triste, vốn thích mạo hiểm, không cần thêm nhiều bằng chứng. Anh lấy vai khẽ đẩy cửa chính, thế là cái khung cửa gỗ đã một bỗng đổ xuống không hề gây tiếng động trong một trận mưa bụi và cút mọt. Aureliano Triste đứng yên ở bậc cửa đợi cho đến khi luồng bụi mù mịt bay đi hết, và lập tức anh nhìn thấy ngay ở giữa phòng khách có một người đàn bà gầy guộc, vẫn ăn mặc theo một thế kỷ trước, trên cái đầu trọc vẫn còn vương một vài mớ tóc hung, đôi mắt to vừa tắt đi những tia sáng hy vọng vẫn còn đẹp, và da mặt nhăn nhúm lại bởi nỗi cô đơn chua xót. Đang hoảng hốt trước hình ảnh của con người đã thuộc về một thế giới khác, Aureliano Triste hầu như vẫn chưa hay rằng người đàn bà ấy đang chĩa nòng khẩu súng lục cũ về phía mình ngấm bản. - Bà thứ lỗi cho, - anh khẽ nói. Bà ta đứng yên ngay giữa phòng khách mù mịt bụi, chăm chú quan sát người đàn ông to lớn có tấm lưng vuông vức, trên trán xăm bức hình cây Thánh giá màu xám tro, và qua làn bụi mù mịt này bà lại thấy. anh trong một làn sương mờ thuộc một thời khác, khoác chéo ngực một khẩu súng săn hai nòng và tay xách một xâu thỏ. - Trời ơi? Vì tình yêu thương của Thượng đế, - bà ta khẽ thốt lên, - có lẽ nào giờ đây anh lại trở về với em bằng ký ức này? - Thưa bà, cháu muốn thuê ngôi nhà này ạ, - Aureliano Triste nói. Thế là người đàn bà giương khẩu súng lên, nhắm thẳng vào chữ thập màu tro ở trán anh, rồi lên đạn một cách kiên quyết. - Xéo ngay? - bà ra lệnh. Đêm ấy, trong lúc ăn tối, Aureliano Triste kể lại câu chuyện này cho cả nhà nghe, Úrsula bật khóc nức nở. “Lạy Thượng đế thánh thần?”, hai tay ôm lấy đầu, cụ thốt lên, “Nó vẫn sống ư”. Thời gian, chiến tranh, những nỗi bất hạnh thường ngày nhiều vô kể đã khiến cụ quên khuấy Rebeca. Người duy nhất không lúc nào không ý thức rằng Rebeca vẫn còn sống là Amaranta già nua và ương bướng. Amaranta nghĩ đến Rebeca vào lúc trời sáng khi cơn băng giá của trái tim đánh thức bà dậy trên chiếc giường cô đơn, rồi nghĩ đến Rebeca khi bà xoa xà phòng lên bộ vú teo và cái bụng nhăn nheo, khi bà mặc đồ lót của tuổi già, và khi bà thay tấm băng đen trên bàn tay mà bà đã tự mình nhúng vào bếp đang rục than hồng để trừng trị mình.

Amaranta nghĩ tới Rebeca vào tất cả mọi giờ, dù ngủ hay thức, dù vui hay buồn, bởi vì nỗi cô đơn đã buộc bà phải lựa chọn những kỉ niệm, phải dặt bỏ hàng đống rác rưởi buồn nhớ của cuộc đời đã dồn tụ lại trong trái tim mình, và mặt khác đã thanh lọc, đã nâng cao, đã vĩnh hằng hóa những kỉ niệm khác, những kỉ niệm chua chát nhất của đời mình. Qua bà, Remedios - Người đẹp biết được sự tồn tại của Rebeca. Cứ mỗi bận họ đi qua ngôi nhà

rách nát, bà kể cho cô cháu nghe về một sự kiện nhằm chán, hay một câu chuyện ngụ ngôn tục tĩu, rồi thông qua hình thức này cô làm cho cô cháu chia sẻ với mình nỗi hận thù đã nguội đi và do đó cô kéo dài nó cho đến khi chết. Nhưng bà đã không thực hiện được các mục đích của mình, bởi vì Remedios - Người đẹp hoàn toàn ngây thơ trước mọi thứ tình cảm dễ xúc động và hơn nữa cũng đứng vững trước những tình cảm quá ư xa xôi đối với mình. Trái lại, Úrsula, người từng chịu đựng sự dằn vặt khác hẳn với sự dằn vặt của Amaranta, đã nhớ tới Rebeca trong một kí ức thanh sạch hơn, bởi vì hình ảnh một con bé đáng thương được người ta mang đến nhà cùng với tải hài cốt của cha mẹ nó đã chiến thắng đòn trừng phạt mà cụ thực hiện để không công nhận nó là thành viên của gia đình mình. Aureliano Segundo quyết định cần phải đưa bà về nhà để chăm nom, nhưng thiện chí của anh bị thất bại vì tính cố chấp của Rebeca, người đã đòi bao năm tháng đau thương và nghèo túng để giành lấy quyền an hưởng trong cô đơn, và đã không sẵn lòng từ bỏ nó để đổi lấy một tuổi già vui vẻ trong những niềm vui giả tạo của cuộc đời lảm than hàng ngày.

Tháng hai, khi mười sáu người con trai của đại tá Aureliano Buendía trở lại nhà và trong lúc cuộc vui đang náo nhiệt Aureliano Triste đã nói với họ về Rebeca và chỉ trong nửa ngày, bọn họ đã khôi phục lại diện mạo ngôi nhà, thay cửa và cửa sổ, quét vôi bức tường mặt tiền, chống đỡ các bức tường khác và lán xi măng lại nền nhà. Họ làm tất cả ở nhà ngoài nhưng không được phép sửa sang ở nhà trong. Rebeca không hề lộ mặt ra đến cửa. Bà để cho họ làm xong công việc sửa sang nhà cửa ôn ì ấy, sau đó bà tính công và bảo Argénida, bà hầu già vẫn ở với bà, mang ra cho họ một năm tiền, thứ tiền đã bị cầm lưu hành từ cuộc chiến tranh cuối cùng nhưng Rebeca cứ đinh mình tin rằng chúng vẫn còn tiêu được. Đó là lúc bà biết được sự xa lánh cuộc đời thực của mình đã đi đến đâu và bà hiểu rằng trong lúc mình còn một hơi thở thì thật khó có thể tách mình ra khỏi sự tự giam hãm một cách cố chấp trong ngôi nhà cô đơn này. Trong chuyến viếng thăm Macondo lần thứ hai của các con trai đại tá Aureliano Buendía, có một người đã ở lại làm việc với Aureliano Triste. Anh ta tên là Aureliano Centeno. Đó là một trong số những người đầu tiên tìm đến nhà để được đặt tên. Úrsula và Amaranta nhận ra anh ngay vì chỉ trong ít giờ anh đã làm vỡ không biết bao nhiêu đồ dễ vỡ khi anh đụng vào. Thời gian đã làm giảm đi sức phát triển cơ thể lúc ban đầu của anh và giờ đây anh là người có tâm vóc trung bình, người đầy sẹo đậu lào, nhưng khả năng đập phá của anh vẫn nguyên như cũ. Nhiều bát đĩa đã vỡ, ngay cả khi anh chưa đụng phải chúng. Fernanda phải vội vàng chọn mua cho anh một bộ đồ ăn bằng hợp kim để anh khỏi đập vỡ nốt những bộ đồ sứ đắt tiền của nàng. Ngay cả những bát đĩa bằng kim loại này chỉ trong ít ngày cũng đã cái thì sứt mẻ, cái thì méo mó. Nhưng ngoài tật hay

làm vỡ bát đĩa vô phương khắc phục ấy ra, anh là người chân thành rất mực đến mức ngay lập tức anh được mọi người tin yêu và là người làm việc rất khỏe. Chỉ trong thời gian ngắn, bằng sức lực của mình anh đã làm cho việc sản xuất nước đá phát triển vượt quá nhu cầu thị trường địa phương. Và do đó Aureliano Triste nghĩ đến khả năng phải mở rộng kinh doanh nước đá sang các làng khác thuộc vùng đầm lầy. Đó là lúc anh thai nghén bước ngoặt quyết định không chỉ có ý nghĩa đối với việc hiện đại hóa nhà máy của mình mà còn có ý nghĩa đối với sự nghiệp làm cho Macondo gắn bó với phần còn lại của thế giới. - Cần phải mở đường xe lửa đến tận đây, - anh nói. Đó là lần đầu tiên ở Macondo được nghe cái từ ấy. Đứng trước bản vẽ do Aureliano Triste vạch ra, và nó là bản vẽ thừa kế trực tiếp những sơ đồ mà cụ José Arcadio Buendía đã minh họa cho kế hoạch sử dụng năng lượng mặt trời trong chiến tranh, Úrsula càng khẳng định cảm giác của mình về thời gian đang quay vòng tròn. Nhưng khác hẳn với ông nội mình, Aureliano Triste không mất ngủ, không biếng ăn, không hay cáu giận thất thường khiến người khác phải khổ tâm, mà trái lại anh hình dung rõ ràng các kế hoạch, thấy chúng hiện ra như những khả năng trực tiếp, anh đặt những con tính rành mạch về những tổn kém và những thời hạn xây dựng rồi cứ thế anh tính kỹ càng không hề để lọt một khe hở đáng tiếc nào. Aureliano Segundo, người dường như có thói không biết lo xa vốn thừa kế được từ cụ cố nội và tính nết này lại không có ở đại tá Aureliano Buendía, đã tung tiền ra một cách nông nổi để làm đường xe lửa như trước đây đã tung tiền cho người anh mình làm đường thủy thất bại. Aureliano Triste xem lịch rồi ngày thứ tư tiếp đó đã lên đường để kịp trở về sau mùa mưa. Từ dạo anh đi không hề có tin tức gì hơn. Aureliano Centeno, sau khi đã làm cho sản phẩm nước đá quá ư thừa mùa bắt đầu thử làm nước đá trên cơ sở nước hoa quả thay cho nước lã, và thế là do không biết và không có ý định anh đã tìm được nguyên tắc cơ bản để làm kem và bằng hình thức này anh nghĩ đến việc thay đổi phương thức sản xuất của một nhà máy mà anh đoán rằng sẽ thuộc về mình, bởi vì người anh vẫn chưa để lộ dấu hiệu sẽ trở về sau khi đã qua đi một mùa mưa, lại qua đi tiếp một mùa hè. Tuy nhiên, vào đầu một mùa đông nữa, có một bà giặt rũ quần áo ở ngoài sông đang lúc oi bức nhất, đã chạy ngang qua con đường trung tâm, vừa chạy vừa hót hải kê toáng lên trong trạng thái tâm hồn hoàn toàn bị kích động: - Làng nước ơi! - bà ta kêu. - Một con quái vật khủng khiếp giống như cái nhà bếp kéo theo cả một làng đang đến kia kìa? Trong lúc ấy, cả làng rùng mình trước tiếng còi huýt dài vang động và tiếng thở xình xịch nặng nhọc của đầu máy xe lửa. Những tuần lễ trước đây, dân làng đã nhìn thấy các đội công nhân đang đặt tà vẹt và kéo đường ray nhưng không một ai để ý, bởi vì họ nghĩ rằng đó chẳng qua là một trò ảo thuật mới của những người digan trở lại với kèn và lục lạc thi nhau thổi và gõ để quảng cáo cho những phát minh kỳ tài của các bậc thông thái người Jerusalem. Nhưng khi

đã hoàn hồn trước tiếng còi và tiếng xình xịch của đầu máy xe lửa, toàn thể dân cư thị trấn Macondo đổ ra đường và họ nhìn thấy Aureliano Triste từ trên đầu máy xe lửa vẫy chào mình, họ hào hứng nhìn con tàu cắm đầy hoa trên các thành cửa sổ, lần đầu tiên đến được thị trấn Macondo sau tám tháng chậm trễ. Con tàu màu vàng thơ ngây có lẽ sẽ mang đến cho Macondo biết bao điều không chắc chắn và những điều sáng tỏ, biết bao lời phỉnịnh và nỗi bất hạnh, biết bao biến động, đau khổ và nhớ mong.

CHƯƠNG 12

Ngõ ngang trước bao nhiêu là phát minh diệu kỳ, dân Macondo chẳng còn biết khởi sự thán phục từ đâu. Người ta thức cả đêm ngắm nhìn những bóng đèn điện được thắp sáng nhờ chiếc máy phát do Aureliano Triste mang về sau chuyến du hành bằng tàu hỏa lần thứ hai, và phải mất nhiều ngày người ta mới quen được với cái tiếng âm âm của nó. Người ta phần nộ trước những hình ảnh sống động mà tay lái buôn giàu có Don Bruno Crespi đem chiếu ở rạp hát có cái cửa tò vò bán vé, bởi lẽ một nhân vật đã chết và bị đem chôn trong một bộ phim và có kẻ nhỏ nước mắt xót thương, lại sống lại và trở thành người Á-rập trong một bộ phim khác. Đám đông dân chúng đã bỏ ra hai xen-ta-vô để chia sẻ nỗi trầm luân của các nhân vật không thể chịu được cái trò dối trá chưa từng có ấy và bỏ ra về. Theo yêu cầu của Don Bruno Crespi, thị trưởng bèn ra cáo thị giải thích rằng phim ảnh là một thứ sản phẩm tưởng tượng mà công chúng không đáng phải bực mình như vậy. Trước những lời giải thích ngán ngẩm đó, nhiều người cho rằng họ đã là nạn nhân của cái trò quỷ quái mới của bọn di gan, và quyết định không trở lại rạp chiếu bóng nữa, vì nghĩ rằng mình đã có quá nhiều nỗi đau khổ rồi do đó chẳng phải hoài hơi đi thương khóc cho những nỗi bất hạnh vờ vĩnh của những nhân vật tưởng tượng. Chuyện cũng xảy ra như vậy đối với những chiếc máy hát mà các cô gái làng chơi thường mang theo thay cho chiếc đàn cổ lỗ sĩ, và có một thời đã làm thiệt hại ghê gớm đến quyền lợi của các ban nhạc. Thoạt đầu, sự tò mò đã làm tăng thêm đám khách hàng ở khu phố cấm, đến mức các bà quyền quý cũng cải trang thành dân thường để đến nhìn tận mắt cái tân kỳ của chiếc máy hát. Nhưng càng quan sát kỹ, người ta càng nhanh chóng đi đến kết luận rằng đây chẳng phải là trò ma thuật gì như người ta tưởng và như các cô gái làng chơi vẫn nói, mà chỉ là một thứ thủ thuật máy móc không thể so sánh được với một ban nhạc là thứ gây xúc động, giàu tính người và chứa đựng biết bao sự thật hàng ngày. Sự võ mộng thật là ghê gớm đến nỗi khi máy hát trở nên phổ biến ở từng nhà nó vẫn không phải là công cụ giải trí của người lớn, mà chỉ để cho trẻ con tháo lắp nghịch chơi. Trái lại khi có người được dịp chứng kiến cái kỳ diệu có thực của chiếc máy điện thoại đặt ở ngoài ga xe lửa, vì nó cũng có chiếc tay quay nên trông như một chiếc máy hát thô sơ, thì ngay cả đến những người mạnh bạo nhất cũng phải run sợ. Dường như Thượng đế đã quyết định thử thách mọi khả năng kinh ngạc của con người và giữ dân chúng Macondo trong tâm trạng nghiêng ngả giữa vui và buồn, tin và ngờ, thậm chí đến mức không ai biết được đích xác đâu là giới hạn của thực tế. Đó là một mớ bòng bong trộn lẫn giữa sự thật và ảo ảnh từng làm cho cái bóng ma José Arcadio Buendía phải sống lại đứng ngòai không yên dưới bóng cây dẻ và buộc cụ phải đi đi lại

lại trong nhà ngay cả khi trời đã sáng bạch. Từ ngày con đường sắt được chính thức khánh thành và tàu bắt đầu đi lại đều đặn vào lúc mười một giờ trưa thứ tư hàng tuần, và một nhà ga thô sơ bằng gỗ trong phòng có bàn viết có máy điện thoại và một cái cửa tò vò làm nơi bán vé được dựng lên, khi ấy người ta thấy ở Macondo có những đám đàn ông và đàn bà đi đi lại lại ngoài đường cố làm ra vẻ bình thường, nhưng thực ra họ có vẻ như những người làm xiếc. Ở một làng đã từng biết rõ những mảnh khoé của bọn digan thì tương lai chẳng tốt đẹp gì đối với những anh làm xiếc bán thuốc dẫu có bẻm mép đầy nhưng đến cuối tuần cũng chỉ trông vào chiếc nồi kê boong boong và những bữa ăn chỉ đủ cứu vớt linh hồn, nhưng họ lại được lợi to khi loè những kẻ cả tin vì mệt mỏi hay vì ngây thơ. Trong số những anh chàng hề xiếc quần chèn, ủng cao, mũ cao su, kính gọng sắt, mắt màu nâu trông như những chú gà trống tốt mã, có một người trong số những người thứ tư nào cũng đến Macondo và ăn trưa ở nhà Buendía, đó là ngài Herbert béo lùn luôn luôn tươi cười. Chẳng ai nhận ra ông ta ngồi ở bàn ăn khi ông ta còn chưa chén sạch cả nải chuối. Aureliano Segundo ngẫu nhiên gặp ông ta đang còn cầu nhàu chửi bới bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha ngượng nghịu vì không kiếm được một phòng riêng ở khách sạn Jacob, và thế là anh đã dẫn vị khách về nhà như vẫn thường làm đối với nhiều người lạ khác. Ông ta có một gánh hàng bán bóng thám không từng mang đi khắp nơi thu những món lãi kèch xù, nhưng lại không câu được khách ở Macondo, bởi vì dân ở đây coi đó là một trò lạc hậu sau khi họ từng nhìn thấy và đi thử những chiếc thám bay của dân gian. Vì vậy ông ta sẽ ra đi vào chuyến tàu sắp tới. Khi gia chủ cho người mang đến nải chuối chín trụng nước sôi đầu tiên vẫn thường được treo lủng lẳng ở phòng ăn, người khách hồ hững bẻ một quả. Ông ta cứ vừa ăn vừa nói, vừa nhấm nháp vừa nhai tóp tép, giống như điệu bộ của một nhà thông thái đáng trí hơn là của kẻ phàm ăn, và khi chén xong nải thứ nhất, ông ta bèn gọi thêm nải nữa. Lúc đó, ông ta mở túi đồ nghề luôn mang bên người lấy ra một bọc đựng dụng cụ quang học. Rồi với vẻ thận trọng của một tay buôn kim cương, ông ta xem xét tỉ mỉ quả chuối, cắt ra từng miếng bằng một con dao đặc biệt rồi đem cân bằng cân tiểu ly, xong lại tính đường kính của từng miếng bằng chiếc máy đo của những người lái súng. Tiếp đó ông ta lại lục ra hết dụng cụ này đến dụng cụ khác, chiếc thì đo nhiệt độ, chiếc thì đo độ ẩm không khí, chiếc thì đo cường độ ánh sáng. Thật là một nghi thức kỳ quái, làm cho cũng phải vừa ăn vừa thấp thỏm trông đợi ngài Herbert nói mấy lời gì đó, nhưng ông ta không nói gì khả dĩ cho thấy ý đồ của mình. Vào những ngày sau đó, người ta thấy ngài Herbert mang theo vợt và giỏ đi bắt bướm ở các vùng xung quanh thị trấn. Đến thứ tư, một nhóm gồm các kỹ sư nông nghiệp, thủy lợi, các nhà đồ bản và đo đạc đến khảo sát hàng tuần liền ở chính những khu vực mà Herbert từng đến bắt bướm. Sau đó ngài Jack Brown đến trên một toa tàu riêng nối thêm vào đoàn tàu hỏa màu vàng; và

nó là toa đặc biệt vì sàn và thành dát bạc, ghế đệm bọc nhung, trần lợp thủy tinh màu xanh. Cũng trên chuyến tàu đặc biệt này, lăng xăng xung quanh ngài Jack Brown còn có các vị trạng sư long trọng trong những chiếc áo thụng đen, một thời đã bám theo đại tá Aureliano Buendía ở khắp nơi. Việc này làm cho dân làng nghĩ rằng các kỹ sư nông nghiệp, thủy lợi, các nhà đồ bản và đo đạc, cũng như ngài Herbert với những quả bóng thám không và những chú bướm sặc sỡ sặc màu, cùng ngài Brown với toa tàu di động và những con chó béc-giê dữ tợn hình như báo hiệu một cuộc chiến tranh. Tuy nhiên người ta không có nhiều thời gian để suy nghĩ, bởi vì những người dân nhậy cảm ở Macondo chỉ vừa kịp hỏi nhau xem trò quái quỷ gì đang xảy ra thì cả thị trấn đã biến thành cái trại gồm những căn nhà bằng gỗ, mái lợp tôn của những người lạ mặt chẳng biết từ đâu đến trên những chuyến tàu hỏa chật ních, người ta không chỉ ngồi trên các hàng ghế, dưới sàn mà cả trên nóc toa. Đám dân Gringo^[33] này, về sau đem theo cả những bà vợ gầy gò thường hay mặc đồ van mỏng và đội những chiếc mũ vải rộng vành, đã xây dựng khu dân cư riêng ở phía bên kia đường tàu, dọc đường trồng cây pan-ma, nhà nào cũng làm cửa sổ bằng lưới sắt, ngoài hiên kê những chiếc bàn màu trắng, trên sân thượng cắm những con quay gió hình chữ X và xung quanh nhà là những bãi cỏ rộng thả gà ri và gà tây. Cả khu làng được rào lại bằng những tấm lưới sắt, giống như một trại gà khổng lồ có mắc điện mà vào những tháng đầu hè mát mẻ, sáng ra những đàn chim én bay đen cả bầu trời. Không ai biết rõ họ tìm kiếm cái gì, hoặc giả trên thực tế họ chỉ là những người từ thiện và họ đã gây nên một sự rối loạn ghê gớm, còn hơn cả những gì do những người digan gây nên trước đây, nhưng lại qua nhanh và có thể hiểu được. Do được phú những khả năng mà xưa kia chỉ Chúa trời mới có, họ thay đổi cung cách mưa, rút ngắn mùa thu hoạch, dời dòng sông sang phía đầu làng bên kia, đằng sau khu nghĩa địa. Cũng vào dịp đó họ xây hẳn một chiếc lăng bằng bê tông thay cho nấm mồ cũ của José Arcadio, để cho cái mùi thuốc súng của thi hài không làm ô nhiễm dòng nước. Để phục vụ cho những người lạ mặt không gia đình, họ biến khu phố nhỏ của các cô gái làng chơi thành một thị trấn rộng và đông đúc hơn. Rồi một ngày thứ tư rực rỡ kia, họ mang đến một chuyến tàu chở đầy những gái làng chơi tuyệt mỹ, những cô gái diêm dúa được huấn luyện với tài nghệ không thể tưởng tượng nổi, và được chuẩn bị trước đủ các loại phấn sáp và dụng cụ để khêu gợi những anh chàng chưa có kinh nghiệm hãy còn nhút nhát, e dè, thỏa mãn những kẻ đầy dục vọng, và mua vui cho đủ loại người, cho những chàng trai độc thân. Khu phố Thổ Nhĩ Kỳ sang trọng hơn với những cửa hàng dành cho thủy thủ viễn dương thay thế những tiệm nhỏ cũ nát, cứ đến tối thứ bảy lại ồn ào những đám đông hiếu động và mạo hiểm chen lấn xô đẩy nhau bên những bàn cờ bạc, bên những bàn bắn súng ăn tiền, trong cái ngõ cụt nơi

người ta đoán hậu vận và giải điềm báo, bên những chiếc bàn đầy thức ăn thức uống, và đến sáng chủ nhật những chiếc bàn này gây đổ ngổ ngang dưới đất, giữa những đám người nằm lộn xộn, đôi khi là những kẻ say bí tỉ sau những giờ hoan lạc, nhưng hầu hết là những kẻ ngã gục vì bị bắn, bị đâm, bị chém hay bị đập bằng chai lọ trong các cuộc ẩu đả. Quả là một sự xâm nhập quá ư âm ỉ và không đúng lúc, đến nỗi trong thời gian đầu người ta không thể nào đi lại trong phố đầy những đồ đạc, hòm xiềng, và những gỗ ván, tre nứa của những người nghiêm nhiên dựng nhà ở bất cứ miếng đất trống nào mà chẳng cần xin phép ai, và cả những trò bê bối của những đôi trai gái mắc võng bừa bãi dưới các gốc cây và làm tình với nhau ngay giữa ban ngày ban mặt chẳng kể gì kẻ qua người lại. Góc phố yên tĩnh duy nhất là của những người da đen vùng Antidat^[34] với những căn nhà gỗ ọp ẹp, và cứ vào lúc hoàng hôn thì họ ngồi trước hiên nhà hát những bài ca não ruột bằng thứ thổ ngữ của mình. Biết bao biến đổi đã diễn ra trong một thời gian quá ngắn, nghĩa là chỉ tám tháng sau khi ngài Herbert đến thăm, và những người dân vốn sinh sống ở Macondo gọi nhau dậy sớm để xem chính cái làng của mình.

- Hãy xem chúng ta đã gặp những đồ ma quỷ gì nào, - ngài đại tá Aureliano Buendía thường nói, - đừng có mà mời bọn Gringo đến xơi chuối ngự nữa nhé!

Trái lại, Aureliano Segundo không để đâu hết vui mừng trước làn sóng dân tứ xứ đổ về. Không mấy chốc nhà anh đầy những người khách lạ, những thực khách nổi tiếng thế giới, và thế là phải làm thêm phòng ngủ ở ngoài sân, mở rộng thêm nhà ăn, thay chiếc bàn ăn cũ bằng một chiếc mới mười sáu chỗ ngồi, bát đĩa, dao đĩa đều phải mới hết, mặc dù thế vẫn phải bố trí ăn trưa thành từng đợt. Fernanda đã phải ra sức chịu đựng và phục vụ như đối với các ông hoàng cái đám khách đủ mọi loại người, những kẻ ngang nhiên tha cả ửng đầy đất, cát vào phòng ăn, tiểu tiện bừa cả ra vườn, trải bạt ra bất cứ chỗ nào để ngủ trưa và tuôn cả đủ mọi chuyện chẳng kể gì đến sự ngưng ngừng của đàn bà con gái cũng như sự bất bình của những người đàn ông đứng đắn. Trước sự lộn xộn của đám người hạ đẳng ấy, Amaranta tỏ rõ nỗi bực dọc bằng cách đến bữa lại bỏ vào ăn cơm trong nhà bếp như ngày trước. Đại tá Aureliano Buendía biết rằng hầu hết những kẻ vào trong xưởng chào ngài chẳng phải vì họ quý trọng gì ngài, mà chỉ là do tò mò muốn biết thêm một thứ di vật lịch sử, một bộ xương của Viện bảo tàng, nên đã quyết định đóng cửa cài then suốt ngày, và hãn hữu mới thấy ngài ngồi ở phía cửa quay ra đường. Úrsula thì khác hẳn, ngay cả lúc chỉ còn lết được đôi chân, bám vào tường mà đi, cụ vẫn cảm thấy cái háo hức của tuổi trẻ mỗi khi đoàn tàu sắp đến.

“Cần phải kiểm thịt và cá”, cụ ra lệnh cho bốn chị nấu bếp, lúc nào cũng tất tưởi có mặt đứng giờ dưới sự điều khiển nghiêm khắc của Santa Sofia de la Piedad.

“Cần phải chuẩn bị sẵn đủ mọi thứ, - cụ nhất quyết nhắc lại, bởi vì chẳng bao giờ biết được khách khứa thích ăn những món gì”.

Chuyến tàu đến vào giờ nóng bức nhất. Đến bữa ăn trưa, căn nhà ồn ào như chợ, và đám thực khách mồ hôi nhễ nhại, chẳng cần biết những ai là chủ nhà cứ chen bừa vào chiếm lấy những chỗ tốt nhất trên bàn ăn, trong khi các bà nấu bếp vội vã va cả vào nhau bê những nồi xúp tướng, những nồi thịt ninh, những xoong canh rau, những liễn cơm và múc hết gạo này đến gạo khác cạn sạch cả thùng đại nước chanh. Tình trạng lộn xộn quá đến nỗi Fernanda tức tối điên người vì đình ninh rằng rất nhiều người đã vào ăn tới hai lần và nhiều lúc muốn tuôn ra những lời lẽ thô tục bởi có một vài anh chàng dờ hơi tưởng đây là quán trọ hay sao mà lại gọi đem hóa đơn ra thanh toán.

Đã hơn một năm kể từ ngày ngài Herbert tới thăm và điều duy nhất người ta được biết là việc bọn Gringo định trồng chuối ở vùng đất mê người mà José Arcadio Buendía và người của cụ đã vượt qua trên đường đi tìm những phát kiến lớn. Hai người con trai khác của đại tá Arcadio Buendía với những chữ thập đánh dấu trên trán cũng đến do bị lôi cuốn bởi sự bùng nổ đó, và họ giải thích lý do dẫn tới quyết định ấy bằng một câu có lẽ cũng là chung của mọi người. - Chúng tôi đến đây, - họ nói, - vì tất cả mọi người đều đến. Remedios - Người đẹp, là người duy nhất thoát khỏi nạn dịch trồng chuối. Nàng cứ giữ mãi cái tuổi niên thiếu tuyệt đẹp, ngày càng đứng đưng trước mọi sự chải chuốt, càng không lưu tâm gì đến những trò ma mãnh giảo hoạt, luôn luôn sung sướng trong cái thế giới hiện thực giản đơn của chính mình. Nàng không hiểu vì sao mà các bà các chị lại cứ phải làm cho cuộc đời thêm phức tạp với những xu chiêng và xi líp, và thế là nàng tự may một chiếc váy đầm bằng vải gai để chỉ phải chui đầu vào là giải quyết xong mọi chuyện không phải phiền phức gì nữa. Như vậy nàng cảm thấy mình vẫn được tự do thoải mái, mà theo nàng hiểu thì đó là cách tốt nhất khi ở trong nhà. Mọi người cứ mè nheo bảo nàng cắt bớt mớ tóc dài như suối chảy mãi tới bắp chân để búi lên và dùng dây xanh đỏ buộc lưng lẳng sau gáy, thế là nàng bèn cạo trọc luôn và lấy tóc mình làm bộ tóc giả chừ pho tượng thánh. Điều đáng ngạc nhiên ở cái bản năng giản đơn của nàng là càng vứt bỏ kiểu cách để tìm kiếm sự thoải mái, càng bỏ qua những qui phạm để tuân theo cái bột phát tự nhiên, thì nàng càng trở nên đẹp ghê gớm và càng làm cho cánh đàn ông thềm muốn tợn. Khi những người con của đại tá Arcadio Buendía đến Macondo lần đầu tiên, Úrsula nhớ rằng họ mang trong người dòng máu của Remedios, đưa chất gái của cụ và cụ cảm thấy một nỗi hoảng sợ chưa

từng có. “Hãy nhìn cho kỹ”, cụ đe trước, “Nếu mày ăn nằm với bất kỳ đứa nào trong số đó, thì mày sẽ đẻ con có cái đuôi lợn”. Nàng chẳng để tâm đến lời răn đe mấy, vẫn mặc quần áo con trai, lăn lê bò toài trên bãi cát để trò cọt mỡ và suýt nữa thì gây nên một thảm thảm kịch giữa mười bảy người chú họ của mình đang bàng hoàng trước cảnh tượng không sao chịu đựng nổi. Cũng vì vậy mà không ai trong số họ ngủ lại nhà khi đến thăm làng và bốn người còn lại từ trước thì sống riêng ở mấy phòng thuê theo sự xếp đặt của Úrsula. Tuy vậy, Remedios - Người đẹp, chắc là sẽ chết cười nếu mà biết được sự đề phòng đó. Cho tới giây phút cuối cùng còn ở trần gian, nàng không hề biết rằng cái số phận làm đàn bà có sức quyến rũ không cưỡng lại nổi của mình lại là một mối thảm họa hàng ngày. Mỗi lần nàng xuất hiện ở nhà ăn, cãi lại lệnh của Úrsula là một lần làm cho đám khách lạ hết hoảng sợ hãi. Hai năm rưỡi mười là nàng thốn thẹn trong chiếc váy đầm thùng thùng trớ trêu kia, và không ai có thể hiểu rằng cái đầu tròn lóc tròn quay của nàng lại không phải là một sự thách thức, và rằng việc nàng chẳng ngưng ngừng phơi đùi ra cho mát cũng như việc nàng cứ mút ngón tay chùn chụt sau khi dùng tay bốc thức ăn lại không phải là một sự khiêu khích đầy tội ác điều chẳng bao giờ những người trong gia đình biết được là đám khách lạ nhanh chóng nhận ra rằng Remedios - Người đẹp thường gây ra nỗi kinh hoàng và sự giày vò nội tâm cho họ ngay cả sau khi nàng đã đi qua hàng giờ rồi. Những trang nam nhi lợc lỏi trước những đau khổ vì tình, được thử thách khắp đó đây đều khẳng định rằng họ chưa từng bao giờ lại có cảm giác thèm khát đến như vậy trước làn hơi tự nhiên của Remedios - Người đẹp. Ở hành lang đặt những chậu cây thu hải đường, ở phòng khách, ở bất cứ góc nào trong nhà, người ta có thể chỉ đích vào nơi nàng đã đứng và thời gian chính xác lúc nàng rời đi. Cái dấu vết ấy rõ ràng, không lẫn lộn được, nhưng không ai trong gia đình nhận ra vì từ lâu nó đã hòa nhập vào cái mùi hàng ngày trong nhà, còn những khách lạ thì dễ dàng nhận ra ngay. Vì vậy duy chỉ có bọn họ hiểu được rằng viên chỉ huy trẻ tuổi của đội gác có lẽ đã chết vì tình, và một chàng công tử từ xa đến có lẽ đã tuyệt vọng. Không biết gì tới khung cảnh xao động và trạng thái tai ương nghiệt ngã do mỗi cử chỉ, mỗi bước đi của mình gây ra, Remedios - Người đẹp luôn cư xử với mọi người không chút tà tâm và vẫn làm cho họ sầu não trước sự hoan hỉ ngây thơ của nàng. Khi Úrsula bắt nàng phải vào ăn cơm trong bếp cùng với Amaranta để cho đám khách lạ khỏi trông thấy, thì nàng lại cảm thấy dễ chịu hơn, bởi vì rốt cuộc nàng càng được tự do thoải mái. Thực ra nàng ăn cơm ở đâu cũng vậy thôi, và không phải vào giờ qui định mà hề thích lúc nào thì nàng ăn lúc ấy. Khoảng ba giờ sáng nàng đã dậy ăn, rồi ngủ suốt cả ngày, và suốt mấy tháng trời nàng ăn uống chẳng theo giờ giấc nào, cho đến khi một sự tình cờ nào đó đưa nàng trở lại trật tự cũ. Khi mọi việc đều suôn sẻ thì mười một giờ trưa nàng mới dậy và chui vào trong nhà tắm khóa cửa lại và cứ thế trần truồng

dâm mình trong bồn tắm hàng vài giờ liền, vừa giết những con bọ cạp vừa rũ đi cơn buồn ngủ kéo dài. Sau đó nàng lấy chiếc gáo bằng quả bầu khô múc nước trong vại dội ào ào lên người. Buổi tắm cứ kéo dài, tỉ mỉ, thích thú trong cái khung cảnh tịch mịch trang nghiêm, mà nếu ai không biết rõ nàng thì chắc hẳn sẽ nghĩ rằng nàng đang say mê chăm chút cơ thể mình. Nhưng đối với nàng, cái nghi thức đơn điệu kia chẳng có gì là khêu gợi, và đó chỉ là cách tiêu khiển thì giờ trong lúc nàng đói. Có hôm khi nàng bắt đầu tắm, một người khách lạ dỡ một viên ngói trên nóc nhìn xuống, và chàng ta như nghệt thở trước tấm thân ngà ngọc ấy. Nàng nhìn thấy đôi mắt trôn trôn kia qua lỗ trống trên mái ngói và phản ứng của nàng không phải là cảm giác xấu hổ, mà là sự lo sợ cho tính mạng của chàng trai.

- Cần thận kéo ngã, - nàng hét lên.

- Anh chỉ muốn được chiêm ngưỡng em thôi mà. - Chàng khách lạ thì thào.

- Ô, thế à nhưng hãy cẩn thận, mái ngói đã bục rồi đấy.

Nét mặt của chàng trai thoáng vẻ đau đớn kinh hoàng và như đang âm thầm cưỡng lại sự hồi hộp đầu tiên để không làm ảo mộng tiêu tan. Remedios - Người đẹp những tưởng chàng đau khổ vì sợ mái ngói vỡ, và nàng tắm nhanh hơn thường lệ để chàng khỏi gặp nguy hiểm. Vừa múc nước ở vại dội lên người, nàng vừa nói với chàng rằng cái mái nhà ọp ẹp đến thế sẽ gây chuyện khốn khổ, và rằng lá mục vì mưa dột là nguyên nhân khiến cái bồn tắm lúc nào cũng đầy những bọ cạp. Chàng trai những tưởng câu chuyện tầm phào kia là cách mà nàng che giấu sự bằng lòng, cho nên khi nàng bắt đầu xoa xà phòng thì chàng bèn dấn thêm bước nữa:

- Để anh xoa xà phòng cho em.

- Cảm ơn lòng tốt của anh, - nàng nói, - nhưng chỉ cần hai bàn tay em cũng đủ.

- Cho anh xoa đằng lưng thôi mà, - chàng van nài.

- Chẳng cần như vậy. Em chả thấy ai lại xoa xà phòng sau lưng bao giờ.

Sau đó, trong khi nàng lau mình, chàng trai nước mắt đầm đìa khăn khăn được cầu hôn với nàng. Nàng thực thà trả lời rằng chẳng bao giờ nàng lại đi lấy một người con trai xoàng tới mức bỏ phí cả hàng tiếng đồng hồ, thậm chí bỏ cả bữa cơm, để chỉ làm cái việc là xem một cô gái tắm. Cuối cùng, khi nàng mặc chiếc váy đầm vào, chàng trai không thể nào chịu đựng được trước sự thực là nàng không mặc đồ lót gì cả, như mọi người vẫn đoán như vậy và cảm thấy điều bí mật ấy như một thanh sắt nung đỏ ấn dấu mãi mãi vào da, thịt lênh. Lúc đó chàng trai bèn dỡ thêm hai viên ngói nữa để

trèo vào bên trong nhà tắm.

- Mái nhà cao lắm? - nàng gọi, giọng kinh hoàng, - khéo ngã chết đấy!

Tiếng những viên gạch vỡ rơi loảng xoảng như báo hiệu một thảm họa, và anh chàng khách lạ kia chỉ kịp rú lên một tiếng khủng khiếp, sọ vỡ tan và chết không kịp ngáp trên nền xi măng. Những người khách lạ từ trong nhà ăn nghe thấy tiếng đổ ầm ầm đã vội chạy ra khiêng xác chàng trai trẻ, cảm thấy từ làn da của anh ta tỏa ra cái mùi nồng nặc đến khó thở của Remedios - Người đẹp, và cái mùi này vẫn tiếp tục hành hạ đám đàn ông cả sau khi chết, cả khi họ chỉ còn là nắm xương tàn. Mặc dù vậy, họ không liên hệ tai nạn khủng khiếp đó với cái chết của hai người đàn ông khác cũng vì Remedios - Người đẹp. Phải đợi đến khi có một nạn nhân nữa thì những người khách lạ và rất nhiều người sinh trưởng ở Macondo mới tin vào câu chuyện huyền thoại nói rằng hơi thở của Remedios - Người đẹp không phải là làn hơi tình ái mà là luồng khí giết người.

Câu chuyện xảy ra vài tháng sau đó, vào một buổi chiều khi Remedios - Người đẹp cùng với mấy bạn gái đi xem những đèn điện mới. Dân Macondo gần đây có thói quen tiêu khiển mới bằng cách đi dạo dọc những con đường âm uớt và dài như vô tận trồng chuối kín cả hai bên, là nơi sự im lặng dường như được bắt nguồn từ một xứ sở hoang vu nào đó, và do đó âm thanh thật khó lan xa. Có khi chỉ cách nhau có nửa mét mà không nghe thấy tiếng nhau, nhưng tiếng nói từ tí phía bên kia cánh đồng vọng tới lại rất rõ. Trò chơi mới mẻ đó làm cho các cô gái ở Macondo được những mẻ cười thoải mái hoặc những trận hồi hộp hù dọa và trêu đùa nhau. Tối đến các cô thường kể lại các cuộc dạo chơi đó như kể lại những giấc mơ. Sự im lặng kia được coi trọng tới mức Úrsula không dám ngăn cản cuộc tiêu khiển của Remedios - Người đẹp, và một buổi chiều đã cho phép nàng đi chơi với điều kiện phải đội chiếc mũ rộng vành và diện bộ cánh thật đẹp. Từ lúc các cô gái vào tới đèn điện, bầu không khí như đượm một mùi thơm chết chóc. Những người đàn ông làm việc trên cánh đồng như cảm thấy bị mê hoặc, bị đe dọa bởi một hiểm họa vô hình, và rất nhiều người như chìm đắm trong cơn khủng khiếp đắm nước mắt. Remedios - Người đẹp và các cô bạn hốt hoảng của cô vừa kịp ẩn vào một ngôi nhà gần đó khi bọn họ suýt bị một đám đàn ông cuồng nhiệt làm nhục. Sau đó các cô được cứu thoát nhờ có bốn anh em Aureliano, mà những chữ thập tro thánh trên trán họ in đậm một sự tôn kính, dường như chúng là một dấu ấn của đẳng cấp, của sự bất khả xâm phạm. Remedios - Người đẹp không kể với ai câu chuyện một kẻ trong số đó lợi dụng lúc ồn ào sờ tay vào bụng dưới của nàng, cái bàn tay ấy có vẻ như những chiếc móng chim ưng bám vào bờ vực thẳm. Trong tích tắc nàng gạt tay chàng trai trẻ ngông cuồng và nhìn thấy một đôi mắt rầu rĩ làm cho trái tim nàng nhói lên một cảm giác thương cảm. Đêm ấy, chàng trai đến phố Thổ Nhĩ Kỳ khoe

khoang về sự liều lĩnh và số may của mình. Vài phút sau anh chàng bị một con ngựa đá một phát giập ngực và đám đông khách tứ phương chứng kiến cảnh anh ta giãy giụa trong vũng máu, chết gục giữa đường. Thế là điều phỏng đoán về chuyện Remedios - Người đẹp mang trong người uy quyền của thần chết đã được chứng minh bằng bốn trường hợp không gì bác bỏ được. Mặc dù một số người hay tán gẫu thường nói cho sướng miệng rằng nếu được ngủ một đêm với người đàn bà quyến rũ như vậy thì có chết cũng đành nhưng thực ra chẳng anh nào cố sức để làm việc đó cả. Có lẽ chỉ cần một thứ tình cảm nguyên thủy và giản dị như tình yêu là đủ để không chỉ chinh phục nàng mà còn để tránh mọi nguy hiểm, nhưng đó chính là điều duy nhất không ai nghĩ tới.

Úrsula không chú ý gì đến nàng nữa. Trước kia, khi cụ còn chưa từ bỏ ý định cứu vớt nàng thành người hữu ích cho cuộc đời, cụ thường cố làm cho nàng quan tâm đến những công việc chính ở trong nhà. “Đàn ông họ thường đòi hỏi nhiều hơn là may mắn”, cụ thường nói mập mờ như vậy, “Nào nấu nướng, nào quét dọn, rồi biết bao nhiêu điều lật vật phải lo toan, ngoài những điều may mắn”. Thực ra cụ đã tự lừa dối mình bằng cách dạy cho nàng hưởng hạnh phúc gia đình, bởi vì chính cụ cũng tin rằng một khi dục vọng được thỏa mãn thì không một người đàn ông trên trái đất này có thể chịu đựng được, dù chỉ trong một ngày, sự lơ đãng không thể hiểu được ấy... Khi người đàn ông cuối cùng^[35] của nhà José Arcadio ra đời, cụ dứt khoát muốn nuôi dạy cho nó trở thành Giáo hoàng, cho nên cụ chẳng còn tâm lực đâu mà lo lắng đến cô cháu gái. Cụ để mặc nàng, nghĩ rằng sớm muộn gì thì cũng có điều kỳ diệu xảy ra, và trong cái thế giới mọi sự đều có thể này hẳn là cũng sẽ phải có một người đàn ông đủ nhẫn nại để rước lấy nàng. Từ lâu rồi, Amaranta đã dứt bỏ mọi ý định cố dạy nàng thành một cô gái hữu ích. Ngay từ những buổi chiều khau vá chẳng còn nhớ rõ nữa ấy, khi cô cháu gái chỉ thích có mỗi việc quay maniven chiếc máy khau, bà đã kết luận dứt khoát nó là đũa ngọc ngà. “Đến phải mang đầu giá may đi thôi”, bà nói, và rất ngạc nhiên trước thái độ tỉnh bơ của nàng đối với những lời tán tỉnh của đám đàn ông. Về sau khi Úrsula cứ nhất quyết bắt Remedios - Người đẹp phải phủ mạng che mặt lúc đi lễ nhà thờ, Amaranta nghĩ rằng cái trò bí ẩn kia có lẽ lại trở thành khêu gợi tới mức mà chẳng mấy chốc sẽ có một người đàn ông đủ sức hiếu kỳ và nhẫn nại để đi tìm chỗ yếu của trái tim nàng. Nhưng khi trông thấy cung cách ngờ nghệch mà nàng khước từ một kẻ cầu thân có nhiều điếm còn ăn đứt cả vương tôn công tử, thì bà không còn hy vọng gì nữa. Fernanda thậm chí không muốn hiểu nàng nữa. Khi thấy Remedios - Người đẹp vận đồ xiêm áo Hoàng hậu trong ngày hội Carnaval đẫm máu, Fernanda nghĩ rằng đó là một cô gái dị thường. Nhưng khi thấy nàng dùng tay ăn bốc, và trả lời bằng những câu ngớ ngẩn thì Fernanda chỉ cảm thấy

tiếc là những kẻ đàn độn trong gia đình lại có cuộc sống lâu dài thế. Mặc dù rằng đại tá Aureliano Buendía vẫn tin và thường nhắc đi nhắc lại rằng thực ra thì Remedios - Người đẹp là đứa thông minh sáng suốt chưa từng thấy, và mặc dù rằng nàng vẫn thường tỏ ra khéo léo lạ kỳ trong việc bốn cọt mọi người khác, cả nhà đã phó mặc nàng cho Thượng đế lòng lạnh.

Remedios - Người đẹp một mình bơi trong sa mạc cô đơn, chẳng có cây thánh giá trên vai, chìm đắm trong những giấc mơ tươi đẹp, trong những buổi tắm triền miên, trong những bữa ăn không giờ giấc, trong chuỗi lặng im sâu thẳm không hồi tưởng, cho đến một buổi chiều tháng ba khi Fernanda ở trong vườn muốn gấp những chiếc chăn thô trải giường và gọi các bà các chị ra giúp mình một tay. Họ vừa mới bắt đầu, thì Fernanda phát hiện thấy Remedios - Người đẹp toàn thân xanh tái.

- Chị ốm hay sao vậy? - Fernanda hỏi. Remedios - Người đẹp đang cầm một đầu mép chăn bên kia mỉm cười như nuôi tiếc.

- Không phải đâu, - nàng nói, - chị thấy mình khỏe hơn lúc nào hết.

Nàng vừa nói đến đây thì Fernanda cảm thấy một làn gió dễ chịu đầy ánh sáng làm bật chiếc chăn khỏi tay mình và hất tung nó lên trời. Amaranta cảm thấy lạnh xương sống và cố bám lấy chiếc chăn cho khỏi ngã, đúng vào lúc Remedios - Người đẹp bay lên. Úrsula, lúc ấy gần như loà mắt, là người duy nhất bình tĩnh nhận ra thực chất của làn gió không gì cưỡng lại kia và cứ để mặc cho những chiếc chăn bay như vậy mà nhìn Remedios - Người đẹp đang vẫy tay vĩnh biệt mình. Giữa luồng sáng phập phồng của những chiếc chăn cùng bay lên theo nàng, có cả mùi những con bọ cạp và hoa mẫu đơn, tất cả cùng đi theo nàng trong cái bầu không khí kết thúc lúc bốn giờ chiều, và tất cả cùng theo nàng vĩnh viễn biến mất ở trên tầng cao không khí nơi những con chim bay cao nhất cũng chẳng vỗ cánh tới bao giờ. Đám khách lạ tất nhiên nghĩ rằng Remedios - Người đẹp cuối cùng đã hóa thân theo cái số mệnh tiên định của nàng là con ong chúa, và gia đình nàng đã ra sức cứu vãn danh dự bằng cái huyền thoại nàng tự bay lên. Fernanda ghen tức vô cùng, cuối cùng cũng chấp nhận câu chuyện ly kỳ, và rất lâu sau đó vẫn tiếp tục cầu trời đem trả lại những chiếc chăn. Mọi người đều tin vào câu chuyện kỳ diệu và họ đều hương khói khẩn khứa.

Có lẽ sẽ không ai nói chuyện gì khác trong một thời gian lâu nữa, nếu như không có chuyện tàn sát man rợ đám con trai của đại tá Aureliano Buendía, làm cho sự ngạc nhiên biến thành sự hãi hùng! Mặc dù chưa bao giờ nói ra miệng lời tiên đoán của mình, nhưng đại tá Aureliano Buendía đã dự cảm trước trong chừng mực nào đó cái kết cục bi thảm của các con mình. Khi Aureliano Serrador và Aureliano Arcaya tỏ ý muốn ở lại Macondo, ông bố đã cố ngăn cản. Ông không hiểu chúng sẽ làm gì ở cái làng mà chỉ từ đêm

đền sáng đã biến thành một nơi nguy hiểm. Nhưng Aureliano Centeno và Aureliano Triste được Aureliano Segundo ủng hộ đã nhận hai người vào làm trong xí nghiệp của mình. Đại tá Aureliano Buendía có nhiều lý do đúng sai lẫn lộn để không tán đồng quyết định ấy. Kể từ khi trông thấy ngài Brown trên chiếc ô tô đầu tiên đến Macondo - một chiếc xe màu da cam có chiếc còi làm khiếp vía những con chó cứ chạy theo mà sủa âm ỉ - người lính già bực mình với sự xun xoe khúm núm của dân làng, và nhận ra rằng có cái gì thay đổi trong phẩm cách con người kể từ hồi ngài từ bỏ vợ con, vác khẩu súng lên vai ra đi chiến trận. Các nhà chức trách địa phương, sau Hiệp định đình chiến Neerlandia, đều trở thành những thị trưởng chẳng có sáng kiến gì, những thẩm phán làm vì, được chọn trong số những người bảo thủ mệt mỏi và hiền lành ở Macondo. “Đây là một chế độ của những con quỉ đói”; đại tá Aureliano Buendía bình phẩm khi trông thấy những viên cảnh sát đi chân đất mang dùi cui đi ngang qua, “Chúng ta đã bao lần nổi dậy làm chiến tranh cốt để cho chúng nó không bắt chúng ta phải quét vôi xanh nhà mình”. Tuy vậy khi Công ty chuối đến, các viên chức địa phương bị thay thế bằng đám chức dịch lạ mặt mà ngài Brown đưa đến sinh sống ở khu nhà chung cư, khu “trại gà mắc điện”, để cho họ được hưởng - theo lời ngài giải thích - vinh dự hợp với chức vị của mình, và không phải chịu cảnh nóng bức, muỗi và vô số sự thiếu thốn khổ ải của dân chúng. Những viên cảnh sát cũ bị thay thế bằng bọn giết người bằng dao chặt mía. Chúi đầu trong xưởng, đại tá Aureliano Buendía nghĩ ngợi về những đổi thay đó, và lần đầu tiên trong những năm cô đơn thâm lặng của mình, ngài trần trọc mãi với điều khẳng định dứt khoát rằng không tiếp tục cuộc chiến tranh tới cùng là một sai lầm. Vào những ngày ấy, một người anh em của đại tá Magnífico Visbal bị quên lãng dẫn đứa cháu bảy tuổi đi uống nước ngọt ở một hàng rong ngoài quảng trường. Chẳng may đứa trẻ va phải viên đội xếp cảnh sát và đánh đổ cốc nước ngọt vào quần áo của y. Tên man rợ này liền rút dao chém đứa bé làm mấy khúc, người ông chạy tới ngăn cản liền bị y chém phăng đầu. Cả làng đều trông thấy ông già bị chém cụt đầu khi một số người khiêng ông về nhà, và một người phụ nữ túm tóc xách chiếc đầu lâu chạy theo cùng với chiếc bao tải đầm máu đựng xác đứa trẻ. Đối với đại tá Aureliano Buendía thì đây là giới hạn của sự trừng phạt. Ngay lập tức, ngài cảm thấy phần nộ giống như hồi còn trai trẻ ngài đã phần nộ khi đứng trước xác người đàn bà bị lính đánh chết chỉ vì tội bị chó dại cắn. Nhìn những đám người tò mò đứng trước cửa nhà, bằng cái giọng căm thù không thể chịu đựng được nữa ngài quát tướng lên: - Một ngày kia ta sẽ trang bị vũ khí cho các con ta để chúng nó kết liễu đời cái bọn Gringo chết tiệt này! Trong tuần lễ ấy, ở những địa điểm khác nhau thuộc vùng duyên hải, mười bảy người con của ngài đã bị những tên giết người vô hình nhăm vào đầu thánh trên trán mà bắn như bắn thỏ. Aureliano Triste ra khỏi nhà mẹ đẻ vào lúc bảy giờ tối thì một phát súng từ

trong bóng tối xuyên giữa trán. Aureliano Centeno chết cứng trên chiếc võng vẫn thường buộc trong nhà máy vì bị một chiếc dùi đâm ngập đến tận cán ở chính giữa hai lông mày. Aureliano Serrador từ rạp chiếu bóng đưa người yêu về nhà, trên đường trở về đến phố Thổ Nhĩ Kỳ thì có kẻ trà trộn trong đám đông bắn một phát súng lục làm anh ta đổ gục vào nôt chảo bơ đang sôi. Mấy phút sau, có người gõ cửa căn phòng nơi Aureliano Arcaya đang ngủ với một người đàn bà và gọi: “Nhanh lên, chúng nó giết anh em mày ngoài kia”. Người đàn bà cùng ở trong phòng với anh ta về sau kể rằng Aureliano Arcaya nhảy ra khỏi giường và mở cửa chạy ra thì bị một loạt đạn mô-de bắn vỡ sọ.

Cái đêm chết chóc ấy, khi cả nhà chuẩn bị đèn nến khâm liệm bốn xác chết thì Fernanda chạy như điên khắp làng để tìm Aureliano Segundo, lúc đó được Petra Cotes ẩn vào trong chiếc tủ áo vì tin chắc rằng mật lệnh tàn sát nhằm rào tất cả những ai mang tên ngài đại tá. Mãi đến bốn ngày sau, khi các bức điện nhận được từ nhiều nơi thuộc vùng duyên hải cho phép hiểu rằng sự điên cuồng của kẻ thù vô hình chỉ nhắm vào những anh em Aureliano có dấu chữ thập ở trán, Petra Cotes mới cho anh ta ra ngoài. Amaranta lục cuốn sổ nhỏ ghi chép về những đứa cháu, và cứ nhận được bức điện báo tử nào thì gạch tên đứa đó, cho tới khi chỉ còn lại đứa cháu lớn. Bà nhớ rõ đứa cháu này vì cậu ta có nước da đen tương phản với lôì mắt xanh to tướng. Đó là Aureliano Amador vốn là thợ mộc, sinh sống ở một làng nhỏ tí trong bìa rừng. Sau hai tuần đợi không thấy có điện báo của anh, Aureliano Segundo cho người đi báo để anh đề phòng, sợ rằng anh không biết gì về mối nguy hiểm đang treo trên đầu. Người đưa tin trở về nói là Aureliano Amador đã thoát nạn. Có hai người đàn ông đến lũng anh ở nhà vào cái đêm tàn sát ấy. Chúng đã nã súng vào anh, nhưng không trúng được vào chỗ có dấu chữ thập trên trán. Aureliano Amador nhảy qua hàng rào ở sân, và chạy tuột vào triền rừng mà anh thuộc như lòng bàn tay do có quan hệ buôn bán gỗ với những người thổ dân. Từ đó không có tin tức gì thêm về anh.

Thật là những ngày đen tối đối với đại tá Aureliano Buendía. Tổng thống nước cộng hòa gửi tới ngài bức điện chia buồn, hứa ra lệnh điều tra đến nơi đến chốn và tỏ lòng tưởng nhớ những người đã khuất. Theo lệnh của Tổng thống, thị trưởng đem bốn vòng hoa tới dự lễ tang và định đặt lên các quan tài, nhưng ngài đại tá cho đem để ra ngoài đường. Sau đám tang, đại tá thảo một bức điện lời lẽ gay gắt và tự tay đem đi điện cho Tổng thống, nhưng điện báo viên không chịu phát. Thế là ngài viết thêm mấy dòng lời lẽ cay cú hơn nữa và cho vào phong bì gửi đi. Cũng giống như khi xảy ra cái chết của cô vợ, và bao nhiêu cái chết của những người bạn quý trong thời kỳ chiến tranh, ngài đại tá không cảm thấy đau buồn, mà chỉ thấy một nỗi mệt mỏi bất lực và sự điên dại mù quáng. Thậm chí ngài còn tố cáo cả cha Antonio Isabel

đồng lửa với bọn giết người vì đã làm dấu chữ thập cho các con mình bằng một thứ tro không phai màu để kẻ thù dễ nhận ra chúng. Vị cô đạo lụ khu này không còn minh mẫn là mấy và khi lên bực đã bắt đầu làm cho con chiêm kinh hãi với những lời rao giảng lung tung, một chiều nọ đã đến nhà đại tá mang theo cả một bát tro hòa sẵn dùng làm dấu thánh vào thứ tư hàng tuần, và cô gọi đủ cả gia đình đến để lấy thứ nước tro ấy làm dấu chữ thập lên trán họ nhằm thanh minh rằng nó có thể lấy nước lã rửa sạch được. Nhưng sự hãi hùng của nỗi bất hạnh ăn sâu đến mức ngay cả Fernanda cũng chẳng để ý tới việc làm đó và từ bấy trở đi không bao giờ thấy một ai trong dòng họ Buendía đến quì trước bàn chịu lễ vào dịp lễ Tro thứ tư hàng tuần. Trong một thời gian dài đại tá Aureliano Buendía không bình tĩnh lại được. Ngài bỏ việc làm những con cá vàng, ăn uống khó khăn, và đi lại khắp nhà như một kẻ mộng du, kéo lê sệt chiếc áo choàng và hậm hực nhất nỗi giận dữ ngấm ngấm. Sau ba tháng tóc ngài bạc trắng, hàng ria cũ chải chuốt nay đâm tua tua phủ kín đôi môi nhợt nhạt, nhưng trái lại, đôi mắt ngài một lần nữa lại rực sáng giống như hai hòn than, từng làm khiếp đảm những ai trông thấy ngài lúc mới sinh và một thời chúng đã làm cho những chiếc ghế xoay tít khi ngài nhìn vào. Trong sự giằng xé điên cuồng ấy đại tá Aureliano Buendía ra sức tìm kiếm một cách vô ích những điếm báo từng đưa tuổi trẻ của ngài theo những con đường nguy hiểm tới sa mạc bi thảm của vinh quang. Ngài như mất phương hướng, chơi vui trong ngôi nhà xa lạ mà ở đây không còn ai và chẳng có cái gì còn gọi cho ngài chút tình cảm thân thương nào. Một lần nữa ngài mở cửa căn buồng của Melquíades để tìm kiếm dấu vết cuộc chiến tranh đã qua, nhưng chỉ thấy những đồng đồ nát, rác rưởi và những đồ vứt đi chất đóng lại đây sau bao năm không ai nhòm ngó tới. Trên bìa những quyển sách gáy da chẳng còn ai giở tới nay đã ảm mốc và lên rêu xanh, trên khoảng không vốn là nơi sáng sủa và trong lành nhất nhà cứ bập bênh cái mùi không thể chịu được của những kỷ niệm đã thối rữa. Một buổi sáng nọ ngài thấy Úrsula ngồi khóc dưới gốc cây dẻ, dưới chân người chồng đã chết. Ngài đại tá Aureliano Buendía là người duy nhất trong nhà, không tiếp tục nhìn thấy cụ bà cường tráng tàn tạ đi trong nửa thế kỷ sương gió.

“Hãy chào cha đi” - Úrsula nói với ngài.

Ngài dừng lại chốc lát trước cây dẻ và một lần nữa nghiệm thấy rằng khoảng trống kia cũng không gây ấn tượng gì đối với ngài cả.

- Mẹ bảo gì? - ngài hỏi.

- Trông ông ấy rất buồn, - Úrsula trả lời, - chắc ông ấy nghĩ rằng con sẽ chết.

- Hãy nói với cha rằng, - ngài đại tá mỉm cười nói, - người ta không chết khi phải chết, mà sẽ chết khi nào có thể chết.

Lời tiên đoán của người cha đã khuất khơi dậy chút ngạo nghễ cuối cùng còn lại trong tim, nhưng ngài lại tưởng nhầm đây là một cuồng sức mạnh đột ngột. Vì vậy mà ngài cứ gạn hỏi Úrsula xem những đồng tiền vàng tìm thấy trong bức tượng thánh José bằng thạch cao đã được chôn ở chỗ nào trong sân.

“Không bao giờ con biết được”, - cụ nói chắc như đinh đóng cột, và thêm: “Một ngày kia chủ nhân của chỗ của cái ấy hẳn sẽ xuất hiện, và chỉ có người ấy mới đào bới lên được”.

Không ai hiểu vì sao một người luôn luôn hào hiệp đến thế mà lại tỏ ra khao khát tiền bạc nhường ấy, và không chỉ là số tiền đủ để có thể giải quyết một việc khẩn cấp, mà là một số của cải khổng lồ đến nỗi Aureliano Segundo chỉ nghe nói đã phát khiếp lên. Những người cùng cánh mà ngài tìm đến nhờ giúp đỡ đều trốn biệt không tiếp. Chính vào lúc ấy người ta nghe ngài nói: “Điểm khác nhau duy nhất hiện nay giữa phái Tự do và phái Bảo hoàng là ở chỗ những người Tự do đi lễ nhà thờ vào lúc năm giờ và những người Bảo hoàng thì đi vào lúc tám giờ”. Tuy nhiên, ngài cứ một mực thiết tha, cầu khẩn, vứt bỏ tất cả mọi nguyên tắc danh dự mà ngài vốn tuân thủ, chạy vạy chỗ này một ít chỗ kia một ít với một sự kiên nhẫn thâm lặng, chỉ trong vòng tám tháng ngài đã hùn được một món tiền lớn hơn cả số tiền Úrsula đã chôn giấu. Lúc bấy giờ ngài đến thăm đại tá Gerineldo Márquez nhờ giúp đỡ để mở cuộc chiến tranh tổng lực. Đã có một thời đại tá Gerineldo Márquez đúng là người duy nhất có thể giật dây các cuộc bạo động mặc dù vẫn nằm trên chiếc ghế xích đu của người bại liệt. Sau Hiệp định đình chiến Neerlandia, trong khi đại tá Aureliano Buendía lẩn tránh ở xưởng kim hoàn sản xuất những con cá vàng thì Gerineldo Márquez tiếp xúc với đám sĩ quan khởi nghĩa trung thành với ngài cho tới thất bại. Cùng với họ ngài tiến hành cuộc chiến tranh của sự nhục nhã hàng ngày, của sự cầu khẩn và van xin, nào là xin trở lại vào ngày mai”, nào là “cũng sắp sửa”, rồi lại “chúng tôi đang chú ý xem xét trường hợp của ngài”; một cuộc chiến tranh thua thật vô phương cứu chữa chống những kẻ phục vụ tận tụy và chắc chắn đáng phải được nhưng lại không bao giờ được hưởng khoản trợ cấp suốt đời. Cuộc chiến tranh khác cuộc chiến tranh đẫm máu hai mươi năm, không gây nhiều thiệt hại như cuộc chiến tranh găm nhám của sự áp đặt vĩnh viễn. Chính đại tá Gerineldo Márquez từng thoát khỏi ba vụ mưu sát, sống sót với năm vết thương và bình yên vô sự qua biết bao trận khác, đã chết ngộp trong sự vây hãm tàn bạo của hy vọng và ném mùi thất bại nhục nhã của tuổi già, trong khi nghĩ tới Amaranta giữa những chiếc đèn hình thoi trong căn nhà ở nhờ. Những cựu chiến binh, mà người ta còn biết tin, đã xuất hiện trên một tờ báo qua những tấm ảnh, mặt căng căng, cùng chụp chung với ngài Tổng thống vô danh của nước Cộng hòa, người đã tặng bọn họ

những chiếc cúc có in ảnh ngài để dùng đơm ở cổ áo, và trả cho họ một lá cờ bản thủ, vấy máu và ám khói thuốc súng để phủ lên những chiếc quan tài của chính họ. Còn những người khác, những người biết tự trọng hơn, vẫn chờ đợi một bức thư trước cảnh tranh tối tranh sáng của lòng thương thiên hạ, chết dần chết mòn vì đói khát, sống dở chết dở vì điên dại, thối rữa tàn lụi đi vì già cỗi giữa cái đồng cút đá thom tho của sự vinh quang. Vì vậy mà khi đại tá Aureliano Buendía mời tham gia vào việc tổ chức một cuộc chiến tranh một mất một còn nhằm kết liễu mọi vết tích của một chế độ tham nhũng và bê bối do xâm lược nước ngoài dựng lên, ngài đại tá Gerineldo Márquez không thể kìm lại được sự xúc động vì thương hại:

- Trời ơi, Aureliano, - ngài thở dài. - Tôi biết là ông bạn già rồi, nhưng đến giờ tôi mới nhận thấy ông đã già hơn rất nhiều so với chính hình hài già nua của ông đây...

CHƯƠNG 13

Trong những năm đầy náo loạn gần đây, Úrsula có rất ít thì giờ rảnh rỗi chăm lo cho José Arcadio học để trở thành Giáo hoàng. Khi cậu cần chuẩn bị gấp để đi thi, Meme, em gái cậu, lớn lên giữa tính nét hà khắc của Fernanda và tính tình chua ngoa của Amaranta, lúc đó cũng đã đến tuổi vào trường nữ tu để được rèn giũa thành một nghệ sĩ tiểu phong cầm. Úrsula rất băn khoăn nghi ngờ hiệu quả của các phương pháp dùng để rèn giũa tinh thần học hành trể nải của vị Giáo hoàng tương lai, nhưng cụ không đổ lỗi cho tuổi già lẩn cẩn của mình hay cho con mắt mờ những đám mây phủ hầu như không để cho cụ nhận rõ được hình thù của sự vật, mà lại quy tội cho cái mà cụ cũng không xác định được chính xác nhưng hiểu nhầm nó với một sự tiêu phí thời gian ngày càng tăng. “Năm tháng bây giờ không còn giống như năm tháng trước kia”, cụ thường hay nói như vậy mà cảm thấy công việc hàng ngày như tuột khỏi tầm tay mình. Cụ nghĩ: trước kia trẻ em chậm lớn hơn nhiều. Chỉ cần cụ nhớ lại quãng thời gian đủ để José Arcadio, đứa con cả của cụ, đi theo đám digan và mọi chuyện xảy ra trước khi cậu trở về người xăm loang lổ như một con rắn và nói năng như một nhà chiêm tinh học, và cả những chuyện xảy ra trong nhà trước khi Amaranta và Arcadio bỏ nói thổ ngữ của người Anh-điêng để học nói tiếng Tây Ban Nha; chỉ cần cụ nhớ lại những buổi chiều thanh thản rực rỡ nắng trong đó José Arcadio Buendía đáng thương phải chịu đựng dưới bóng cây dẻ, và tất cả những gì cần phải bày tỏ sự tiếc thương trước cái chết của chồng mình trước khi người ta đưa về cho cụ một ngài đại tá Aureliano Buendía đang hấp hối, mặc dù cụ đã qua bao nhiêu cuộc chiến tranh và bao nhiêu đau khổ vì ngài, thế mà cụ vẫn chưa tới năm mươi tuổi. Hồi trước, sau khi cả ngày ngồi làm những chiếc kẹo nặn hình con giống, cụ vẫn còn thời gian chăm sóc các con để nhìn vào tròng mắt những đứa trẻ mà biết chúng ốm đang cần có một lọ dầu. Trái lại bây giờ khi không có việc gì làm và với José Arcadio cười trên lưng, cụ lang thang từ mờ sáng đến tận đêm khuya, cái loại thời giờ xấu này đã buộc cụ phải bỏ dở công việc. Thực ra là Úrsula cưỡng lại tuổi già ngay cả khi không còn nhớ được tuổi của mình và tập tễnh đi lại khắp nơi, và việc gì cụ cũng cố dự phần, rồi trêu chọc đám khách lạ bằng những câu hỏi đại loại như hồi chiến tranh có gửi ở nhà này một bức tượng thánh José bằng thạch cao để gia đình trông nom hộ trong mùa mưa hay không. Không ai biết đích xác cụ bị mù từ khi nào. Ngay cả những năm cuối đời khi cụ đã phải nằm liệt giường thì ai cũng tưởng cụ nằm liệt giường là vì già lão thôi, chứ không ai phát hiện được cụ đã bị mù. Cụ đã nhận thấy điều đó từ trước khi sinh José Arcadio. Thoạt tiên cụ tưởng đâu là mắt chỉ đau qua loa, bèn uống vụng rượu hồ cất và lấy mật ong nhỏ vào mắt, nhưng chẳng bao lâu cụ nhận thấy rằng mắt

mình ngày càng mờ đi một cách vô phương cứu chữa đến nỗi cụ không bao giờ có được khái niệm rõ ràng về đèn điện, vì khi những bóng điện đầu tiên được mắc lên thì cụ chỉ còn cảm thấy một luồng sáng lơ mờ. Cụ không nói với ai bởi vì như vậy có nghĩa là công khai thừa nhận sự bất lực của mình. Cụ lặng lẽ học phân biệt khoảng cách các vật thể, giọng nói của từng người, để tiếp tục nhìn bằng trí nhớ khi mắt đã mờ hẳn. Về sau cụ đã bất ngờ phát hiện ra tác dụng của mùi vị giúp mình xác định các vật thể trong cảnh tối tăm mờ ảo còn tốt hơn cả hình khối và màu sắc, và chúng đã giúp cụ vĩnh viễn thoát khỏi mối nhục ăn báo cô. Trong bóng tối của căn phòng cụ có thể khâu kim và thùa được khuyết áo, và biết được khi nào thì xong sữa sắp sôi. Cụ nhớ rõ ràng vị trí của từng đồ vật trong nhà tới mức chính cụ có lúc cũng quên rằng mình đã bị mù. Có một lần, Fernanda làm âm ỉ cả nhà vì chiếc nhẫn cưới biến đâu mất, thế mà Úrsula lại tìm thấy trên một chiếc giá để đồ vật trong phòng ngủ của đám trẻ. Chẳng là trong khi mọi người đi lại lung tung khắp nhà, cụ căng bốn giác quan của mình lặng lẽ theo dõi họ để khỏi bị bất ngờ, nên sau một thời gian cụ phát hiện ra rằng mỗi người trong gia đình này ngày nào cũng giống như ngày nào, đều lặp đi lặp lại chính những lời đi ấy, chính những công việc ấy, thậm chí còn lặp lại những câu nói giống nhau vào cùng một giờ nhất định mà không hay biết gì. Chỉ khi nào họ không tuân theo cái đường mòn chi lý ấy thì mới có thể mất cái gì đó. Vậy nên khi nghe Fernanda hét hoảng la lối là bị mất chiếc nhẫn thì Úrsula nhớ ra rằng việc khác thường duy nhất mà Fernanda làm hôm đó là đem những chiếc chiếu của lũ trẻ ra phơi vì Meme đêm trước bắt được một con rệp. Vì bọn trẻ cũng tham gia vào việc dọn dẹp, nên Úrsula nghĩ rằng Fernanda đã để chiếc nhẫn trên chiếc giá cao, nơi duy nhất chúng không với tới được. Trái lại, Fernanda chỉ quanh quẩn tìm kiếm theo những chỗ hàng ngày quen đi lại, mà không biết rằng việc tìm kiếm vật bị mất đã bị thói quen thường ngày cản trở, cho nên mới phải mất công đến thế. Việc nuôi dạy José Arcadio đã giúp Úrsula theo sát những thay đổi nhỏ nhất trong nhà vốn là công việc nặng nhọc đối với cụ. Khi nhận biết là Amaranta đang mặc quần áo cho các thánh bày ở trong phòng ngủ, cụ bèn giả vờ như đang dạy cho chú bé học phân biệt các màu sắc khác nhau. - Nào, xem nào, - cụ nói, - chút thử nói cho cụ xem Thánh Raphael Archangel mặc quần áo màu gì nào? Bằng cách đó, chú bé sẽ nói cho cụ biết điều mà mắt cụ không nhìn thấy, và từ rất sớm trước khi chú bé đi học Úrsula đã có thể phân biệt được màu sắc khác nhau của y phục các thánh đặt ở trong phòng ngủ. Thịnh thoảng cũng xảy ra những điều bất ngờ. Một buổi chiều Amaranta đang ngồi thêu ở hành lang bày những chậu thu hải đường, thì Úrsula đụng phải.

- Cha mẹ ơi, - Amaranta phản đối, - bà đi đứng ra làm sao thế.

- Chính cô, - Úrsula nói, - mới là người ngồi không phải chỗ.

Cụ nói đúng. Từ hôm đó cụ bắt đầu nhận thấy một điều chưa ai nhận ra, đó là việc mặt trời dần dần chuyển chỗ theo từng mùa trong một năm, do vậy những người thường ngồi ở hành lang cũng dần dần thay đổi chỗ ngồi mà chính họ không hề biết. Từ bữa đó, Ursula chỉ cần nhớ ngày tháng để biết chính xác chỗ ngồi của Amaranta. Mặc dù tay cụ ngày càng run và chân cụ ngày càng như không nhắc lên được, nhưng chưa bao giờ người ta lại thấy hình bóng quen thuộc của cụ có mặt ở nhiều nơi trong cùng một lúc đến thế. Hầu như cụ còn nhanh nhẹn như lúc cai quản mọi công việc trong nhà. Tuy nhiên, trong nỗi cô đơn không dò thấu được của tuổi già, cụ vẫn minh mẫn để ý tới mọi sự thay đổi nhỏ nhất nhất trong gia đình, vậy nên lần đầu tiên cụ nhận rõ những sự thật mà trước đây công việc đã không cho phép nhìn thấy. Vào thời gian cụ chuẩn bị cho José Arcadio đi thi, cụ đã tóm lược lại cuộc sống của gia đình từ ngày thành lập làng Macondo, và đã hoàn toàn thay đổi ý kiến về đám con cháu của mình. Cụ nhận thấy không phải như mình tưởng vì cuộc chiến tàn bạo mà đại tá Aureliano Buendía đã đánh mất tình cảm gia đình, mà thực ra ngài chưa hề yêu mến ai, ngay cả Remedios - người vợ của ngài, hoặc vô khối các cô gái từng một đêm chăn gối với ngài, lại càng không thể nói ngài yêu các con ngài. Cụ nhận thấy rằng ngài đã tham gia nhiều cuộc chiến tranh như vậy không phải vì sự say mê lý tưởng như mọi người nghĩ, và ngài đã từ bỏ thắng lợi trông thấy cũng không phải chỉ vì mệt mỏi như thiên hạ nghĩ, mà chính là ngài đã thắng hoặc bại đều do một nguyên nhân: đích thị là thói kiêu ngạo đầy tội lỗi. Cụ đi đến kết luận rằng đứa con mà mình đẻ ra kia là một chàng trai bất lực trước tình yêu. Một đêm, khi còn hoài thai cụ đã nghe thấy nó khóc. Đó là một tiếng than não nuột nghe thật rõ ràng đã làm José Arcadio Buendía thức giấc bên cạnh và bỗng thấy vui vui khi nảy ra ý nghĩ rằng nó sẽ là người có tài nói giọng bụng. Những người khác đoán rằng nó sẽ là nhà tiên tri, trái lại, cụ rùng mình trước ý nghĩ sáng tỏ rằng cái tiếng gầm sâu lắng kia là dấu hiệu đầu tiên của cái đuôi lợn khủng khiếp, và cầu trời hãy để cho nó chết luôn từ trong bụng. Nhưng sự minh mẫn của tuổi già lại giúp cụ nhận ra rằng tiếng khóc của đứa trẻ trong bụng mẹ không phải là dấu hiệu của tài nói giọng bụng hay khả năng tiên tri, mà là dấu hiệu không làm lần được của sự bất lực đối với tình yêu, và điều này cụ cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cái điều đánh giá không tốt đẹp gì về đứa con trai bỗng gọi nên trong lòng cụ tất cả lòng thương cảm. Trái lại, Amaranta, mà sự cứng rắn trong tình cảm của bà làm cụ cảm thấy kinh hãi, mà sự chua ngoa được dồn tụ lại trong tình cảm của bà làm cụ cảm thấy chua xót, qua sự thử thách cuối cùng đã làm cho cụ thấy rõ bà là một phụ nữ hiền dịu chưa từng thấy. Cụ hiểu ra với một sự rõ ràng đáng tiếc rằng những sự dẫn vật vô lý đối với Pietro Crespi không phải là do ý muốn trả thù như mọi người vẫn nghĩ, ngay cả sự giày vò dai dẳng làm thất vọng cuộc đời đại tá Gerineldo Márquez cũng không phải là do nỗi đắng cay đau buồn của

bà như thiên hạ vẫn tưởng, đúng ra cả hai việc đó đều là sự đấu tranh sống còn giữa một bên là tình yêu vô hạn độ và một bên là sự hèn yếu không gì thắng nổi, và cuối cùng thì nỗi sợ hãi vô lý mà Amaranta vốn có đã thắng chính trái tim bị vò xé của mình. Đúng vào lúc ấy Úrsula bắt đầu gọi đến Rebeca, nhắc đến bà với tình cảm thấm thiết vốn có nay được tăng thêm bởi sự hồi hận muộn màng và sự khâm phục bất ngờ do hiểu rằng chỉ có bà Rebeca, đứa con không bú sữa cụ mà trái lại lớn lên nhờ ăn đất, đất và vôi của bốn bức tường, là đứa con trong huyết quản không mang dòng máu của cụ nhưng lại mang một dòng máu của những người xa lạ mà nắm xương tàn của họ còn rên rĩ dưới mồ, chỉ có Rebeca, người con gái có trái tim xao động, có cái dạ dày to, người duy nhất có lòng can đảm khôn cùng là người mà Úrsula từng mong mỏi cho dòng dõi nhà mình.

- Rebeca, - cụ nói, lần lần tay trên tường, - cả nhà đối với con bất công biết bao! Mọi người trong nhà cứ tưởng cụ lắm cảm, nhất là từ khi cụ đi lại lúc nào cũng giơ tay phải lên trời như là thánh Gabriel. Tuy nhiên, Fernanda nhận thấy một sự minh mẫn sáng suốt ẩn trong cái bóng đen của sự lắm cảm kia, chẳng hạn Úrsula có thể nói ngay không chút ngập ngừng số tiền cả nhà tiêu pha trong năm vừa qua. Amaranta đã có ý nghĩ như vậy vào một ngày nọ khi bà mẹ đang bung nồi xúp trong bếp và mặc dù không hề biết là mọi người đang lắng nghe, cụ nói rằng chiếc cối xay ngô mua của những người digan đầu tiên, chiếc cối đã từng biến mất trước khi José Arcadio sáu mươi lăm lần lang thang vòng quanh khắp thế giới vẫn còn ở nhà Pilar Ternera, người cũng đã sống ngọt nhét trăm tuổi, nhưng còn khỏe và nhanh nhẹn. Mặc dù thân xác béo quá cỡ làm lũ trẻ phát khiếp cũng như xưa kia tiếng cười từng làm kinh hoàng đàn bò câu, Pilar Ternera không ngạc nhiên trước sự minh mẫn của Úrsula, bởi vì kinh nghiệm của chính bà lão bắt đầu cho thấy tuổi già có đầu óc sáng láng có thể còn đáng tin cậy hơn cả phép bói bài.

Tuy nhiên, khi Úrsula nhận thấy không đủ thời gian để củng cố lòng ham thích của José Arcadio, cụ đâm ra hốt hoảng sợ hãi. Cụ bắt đầu mắc sai lầm khi cố sức nhìn bằng mắt những gì bản năng vẫn cho phép mình nhìn kỹ hơn. Một buổi sáng cụ hắt cả lọ mực vào đầu cậu bé, nghĩ rằng đó là lọ nước thánh. Vì cứ muốn nhúng tay vào hết mọi chuyện nên cụ đã gây nên nhiều sự va chạm đến nỗi cái gắt lưng tung, và cố sức thoát ra khỏi đám mây đen bao quanh mình như một chiếc áo thun bằng mạng nhện. Chính lúc đó là khi cụ nghĩ rằng sự vụng về thô kệch của mình không phải là chiến thắng đầu tiên của tuổi già và bóng tối, mà là sự thất bại của thời gian. Cụ nghĩ rằng trước đây, khi Thượng đế với tháng năm chưa đặt chính những cái bẫy mà những người Thổ Nhĩ Kỳ đã dùng vào lúc đo một thước vải lụa, thì mọi việc khác xa thế này. Ngày nay không những trẻ con lớn nhanh hơn, mà ngay cả tình

cảm cũng biến chuyển một cách khác. Ngay sau khi Remedios - Người đẹp về trời thì Fernanda chẳng ý tứ gì cứ làu bàu khắp nơi về chuyện nàng đã mang theo cả những chiếc chăn trải giường. Khi những anh em Aureliano vừa mới mở yên mả đẹp thì Aureliano Segundo lại đã mời đến đây nhà những khách rượu say bí tỉ kéo đàn phong cầm, mở sâm banh lớp lớp bóp như thể không có chuyện những con chiên của Chúa vừa mới lia đời mà là những con chó vừa chết mà thôi, làm như thể ngôi nhà của những kẻ rồ dại từng làm nhức óc biết bao người và từng sản xuất không biết bao kẹo bánh nặn hình con giống kia đã được định sẵn để biến thành bãi rác chứa đầy bọ vò lại. Trong khi xếp đồ đạc vào chiếc rương cho José Arcadio và nhớ lại những điều đó, Úrsula tự hỏi phải chăng là mình nên chọn con đường về yên nghỉ nơi chín suối để người ta lèn chặt đất lên chiếc quan tài, và bấy giờ có thể hỏi Thượng đế mà chẳng sợ hãi gì xem thực sự Ngài có nghĩ rằng con người vốn sinh ra là đã thú để phải chịu bao đau đớn trở trêu như vậy không. Hết câu hỏi này đến câu hỏi khác làm cụ dần dần mù cả người và muốn nhảy ra múa may quay cuồng nói huyền thuyên như người ngoại quốc. Cuối cùng cụ muốn tự cho mình một khoảnh khắc nổi loạn, cái khoảnh khắc bao lần cụ khát khao và bao lần đã cam chịu để phục tùng lý trí, cụ muốn phóng uế vào tất cả và tuôn ra cho hết cái kho từ ngữ thô tục mà cụ đã phải quét nhịn trong cả một thế kỷ luôn luôn đầu dụi.

- Tiên sư cha nhà nó! - cụ rít lên.

Amaranta, bấy giờ đang bắt đầu xếp quần áo vào rương, tưởng rằng có con bọ cạp vừa cắn cụ.

- Nó ở đâu? - bà vội vàng hỏi.

- Cái gì? - Con bọ cạp ấy. - Amaranta nói thêm.

Úrsula lấy ngón tay chỉ vào ngực mình: - Nó ở đây, - cụ trả lời. - ở đây này?

Vào lúc hai giờ chiều một ngày thứ năm, José Arcadio đi thi. Có lẽ Úrsula thường vẫn nhớ đùa chút như cụ tưởng tượng ra khi tiễn nó đi, vẻ bình thản và nghiêm nghị, không bao giờ khóc thút thít, dầu phải chịu ngọt ngọt trong bộ quần áo nhung xanh với những chiếc cúc bằng đồng và sợi dây bạc đeo vào cổ. Cậu bé rời khỏi nhà ăn để lại mùi thơm dịu mát của thứ nước hoa Florida mà cụ vẫn bôi lên đầu nó để có thể lần theo dấu vết của cậu ở trong nhà. Trong lúc cả nhà đang ăn bữa trưa tiễn biệt cậu, ai cũng giấu vẻ bôi rối bằng cách làm ra vẻ vui mừng, và khen ngợi quá lời những chuyện cười về cha Antonio Isabel. Nhưng khi người ta mang chiếc rương bọc nhung có các góc bịt bạc đi thì cảnh đó giống như vừa khiêng ra khỏi nhà một chiếc quan tài. Người duy nhất không chịu tham gia vào cuộc tiễn đưa là

đại tá Aureliano Buendía. - Đây là cái trò vớ vẩn cuối cùng trong nhà còn thiếu, - ngài lâm bẫm. - Một ông cha đạo!

Ba tháng sau, Aureliano Segundo và Fernanda đưa Meme đến trường học và trở về mang theo chim đàn tiêu phong cầm đặt vào chỗ chiếc đàn dương cầm tự động. Hồi ấy, Amaranta bắt đầu khâu khăn liệm cho chính mình. Con sốt xung quanh chuyện trồng chuối đã giảm bớt. Những người dân vốn sinh trưởng ở Macondo bị đám dân ngoại quốc dòn vào một khu, khó nhọc lắm mới giữ được những phương tiện ít ỏi ngày xưa, nhưng lại được khích lệ vì cảm nghĩ là họ đã sống sót sau một nạn đắm tàu. Khách khứa vẫn đến ăn trưa ở nhà, nhưng trên thực tế thì thói quen cũ đã không được lặp lại cho mãi đến khi Công ty chuối cuốn gói đi ít năm sau đó. Tuy nhiên, cũng đã có những thay đổi cơ bản trong truyền thống hiếu khách của gia đình, bởi vì lúc ấy là khi Fernanda ra nắm tay hòm chìa khóa. Úrsula lùi vào bóng tối, còn Amaranta suốt ngày luẩn quẩn với những khăn tang và vải liệm, cho nên cái em gái học làm hoàng hậu nay được quyền tự do lựa chọn thực khách và áp đặt những qui định chặt chẽ học được của cha mẹ mình. Sự nghiêm khắc của Fernanda làm cho cả nhà giữ được những thói quen vốn có trong một làng đã bị xáo trộn bởi những thói hư tật xấu của đám ngoại bang từng bộc lộ trong việc tiêu xài xa lãng những của cải kiếm được một cách dễ dàng. Bà nói không chút úp mở rằng người tốt là những người không có liên quan gì đến Công ty chuối. Ngay cả José Arcadio Segundo, anh chồng bà, cũng không thoát khỏi tính khắc nghiệt đó, bởi vì một buổi mai âm ỉ nọ, ông ta đã giết hết những con gà chọi tuyệt vời của mình và chuẩn bị vào làm đóc công trong Công ty chuối. - Anh đừng có mà bước chân vào nhà này nữa nếu anh mang ghê của bọn ngoại quốc về đây. - Fernanda nói. Kỉ cương trong nhà chặt chẽ đến nỗi Aureliano Segundo chỉ cảm thấy thoải mái khi đến nhà Petra Cotes. Trước hết với lý do để bớt gánh nặng cho bà vợ, ông chuyển những buổi liên hoan, dạ hội tới đó. Sau đấy, lại viện cớ đàn súc vật sinh sản ngày một giảm, ông cho chuyển cả chuồng bò, chuồng ngựa sang đó. Cuối cùng lấy lý do là ở nhà nhân tình mát mẻ hơn, ông chuyển văn phòng nhỏ của mình sang đó để lo việc buôn bán. Khi Fernanda biết rằng mình là một bà góa nhưng chồng mình lại chưa chết thì đã quá muộn để cho mọi chuyện trở lại như cũ. Aureliano Segundo hầu như chẳng ăn cơm ở nhà và những biểu hiện bề ngoài duy nhất mà ông cố giữ, tỉ như cái việc ngủ với vợ ở nhà đã không đủ sức để thuyết phục được ai. Vì sơ ý, một lần nọ ông đã ngủ lại với Petra Cotes cho mãi đến sáng bạch. Khác với điều ông chờ đợi, Fernanda không hề trách móc, cũng không hề than thở gì, nhưng ngay trong ngày hôm đó bà sai người mang hai chiếc rương đựng quần áo của ông sang nhà nhân tình. Bà công khai sai đây tớ khiêng những chiếc rương đi nghênh ngang giữa đường cho mọi người thấy vì nghĩ rằng làm như vậy thì ông chồng làm

lạc sẽ không chịu được xấu hổ và sẽ ăn năn hối hận mà trở về. Nhưng cử chỉ anh hùng đó chỉ là một bằng chứng nữa cho thấy Fernanda đã không hiểu những tính cách của chồng mình mà cả đến những thuần phong mỹ tục của một làng vốn không hề giống như làng của bố mẹ bà, bởi vì mọi người trông thấy đám đầy tớ khiêng những chiếc rương đi đều nói rằng đó là kết cục tất nhiên của một câu chuyện ai cũng rõ. Aureliano Segundo cho mở tiệc tùng, ăn uống ba ngày liền mừng được tự do. Điều bất lợi lớn nhất đối với bà vợ là trong khi bà bắt đầu đi vào tuổi già với những bộ quần áo màu tối, những chiếc vòng hoa kiêu cổ, và sự hãnh diện không phải lỗi, thì ả thân tình hình như lại đang ở vào tuổi hồi xuân, lúc nào cũng ăn vận váy áo lụa mỏng màu sắc sỡ, và đôi mắt lúc nào cũng long lên rưng rục. Aureliano Segundo lại lao vào ả với khí thế hùng hực của thời trẻ, như trước kia, khi Petra Cotes, không phải do yêu ông mà vì nhầm ông với người anh em sinh đôi và hề là đã ngủ với cả hai người cùng một lúc, với ý nghĩ rằng thượng đế đã cho mình cái may mắn được có một người đàn ông đủ sức của hai người khi ăn nằm với mình. Dục tình được khơi ai mạnh mẽ đến nỗi đã hơn một lần họ nhìn vào mắt nhau khi lấp ăn cơm, và họ chẳng nói chẳng rằng chụp lồng bàn lên mâm cơm và kéo nhau vào buồng ngủ mà lịm đi trong cái đói và ái tình. Bất chước những gì đã nhìn thấy trong những chuyến đi vụng trộm với các ả làng chơi theo lối Pháp, Aureliano Segundo sắm cho Petra Cotes một chiếc giường có trướng rủ, treo rèm nhung lên các cửa sổ và lát trần và tường phòng ngủ bằng những tấm gương khổng lồ. Bấy giờ trông ông càng có vẻ nhậu nhẹt bê tha hơn. Từ các chuyến tàu thường đến vào lúc mười một giờ, ngày nào ông cũng nhận được những hòm sâm banh và rượu mạnh Brandy. Trên đường từ nhà ga trở về gặp ai ông cũng chèo kéo nhảy cho bằng được, dù cho đó là người cùng làng hay người nước ngoài, bất kể quen hay lạ, sang trọng hay nghèo hèn. Đến cả ngài Brown, vốn chỉ làm bậm bằng tiếng nước ngoài, cũng còn bị lôi cuốn bởi những điệu bộ hấp dẫn của Aureliano Segundo, và nhiều lần đã rượu say bí tỉ ở nhà Petra Cotes, đến mức những con chó bec-giê Đức dữ tợn thường theo ngài khắp nơi cũng nhảy theo những điệu hát xù Texas mà ngài làm nhảm chẳng ra kiểu cách gì theo kịp cây đàn phong cầm.

- Hỡi những con bò cái hãy dạng háng ra! - Aureliano Segundo gào lên trong cảnh hỗn loạn của đêm hội. - Hãy dạng háng ra kéo cuộc đời thật là ngắn ngủi?

Chưa bao giờ ông có bộ mặt phẫn chấn đến như vậy, và mọi người cũng chẳng cần hơn thế, và đàn gia súc của ông sinh sản cũng chưa bao giờ nhiều đến thế. Bao nhiêu là bò, lợn, gà đem giết trong các buổi tiệc tùng triền miên không dứt, đến nỗi đất trong sân trở nên xám xịt và nhầy nhụa những tiết. Sân nhà trở thành nơi chất đống những xương xấu lòng ruột và đủ thứ cặn

bã, và người ta đã phải đốt từng gói thuốc nỏ suốt cả ngày để những đám diều, quạ khỏi móc cả mắt khách khứa. Aureliano Segundo béo phì ra, lúc nào mặt cũng đỏ tía như gà chọi, đi đứng chậm chạp vì ăn khỏe như José Arcadio sau khi đi lang thang khắp nơi trở về. Tài phàm ăn chưa từng có, sức tiêu xài xả láng ghê gớm và lòng hiếu khách có một không hai đã làm cho uy tín của ông vượt qua mọi bến bờ vùng đầm lầy, hấp dẫn những tay phàm ăn nhất trong vùng duyên hải. Những tay ăn cự phách từ khắp nơi đổ về tham gia những cuộc thi ăn kỳ quặc được tổ chức ở nhà Petra Cotes. Aureliano Segundo luôn luôn là người chiến thắng, cho tới một ngày thứ bảy bất hạnh khi xuất hiện Camila Sagastume, một người đàn bà kỳ lạ nổi danh khắp nước với cái tên “Voi cái”. Cuộc thi ăn kéo dài suốt từ thứ bảy cho đến sáng thứ ba. Trong hăm bốn giờ đầu sau khi đã ngốn hết một con cừu quay cùng với sắn, khoai và chuối rán, nốc một thùng rượu sâm banh, Aureliano Segundo tin chắc mình sẽ thắng. Trông ông có vẻ phàn chán, đầy sức sống so với nữ đối thủ lạng lẽ, có phong thái lão luyện hơn, nhưng vì thế ít xúc động hơn đối với đám công chúng đủ mọi hạng người đứng ngồi chật ních khắp nhà. Trong khi Aureliano Segundo nhai nhồm nhoàm, ngấu nghiến vì háo hức trước thắng lợi thì “Voi cái” xắt những miếng thịt với tài nghệ của một bác sĩ ngoại khoa và ăn chậm rãi, thậm chí còn thưởng thức sự thú vị trong khi ăn. Đó là một người đàn bà cao lớn, béo khỏe, nhưng vẻ dịu dàng của phụ nữ vẫn át đi cái phì nộn không lồ của thân hình. Nàng có bộ mặt đẹp, đôi bàn tay thon thả được chăm chút và một vẻ hấp dẫn ghê gớm làm cho Aureliano Segundo khi trông thấy nàng bước vào đã nói nhỏ rằng ông thích thi đấu với nàng trên giường hơn là trên bàn ăn. Về sau khi thấy nàng lịch sự ăn chiếc đùi cừu, ông bình phẩm một cách nghiêm chỉnh rằng loại “Voi cái” lịch thiệp, hấp dẫn và chơi không biết chán kia có lẽ là một loại đàn bà lý tưởng. Ông đã không làm: cái danh tiếng dữ tợn như chim ưng mà trước đây người ta gán cho “Voi cái” hoàn toàn không có cơ sở. Nàng không phải là cái cối xay thịt, cũng không phải là người đàn bà có râu trong gánh xiếc Hy Lạp như người ta vẫn nói, nàng là giám đốc một trường nhạc. Nàng bắt đầu học ăn khi đã là người mẹ trong gia đình đi tìm phương kế sao cho các con được ăn uống tốt hơn, và không phải bằng cách kích thích giả tạo mà bằng sự bình tĩnh tuyệt đối của tinh thần. Lý thuyết của nàng, được chứng tỏ trong thực tế, dựa trên nguyên tắc cho rằng người nào hoàn toàn thoải mái về mặt ý thức thì có thể ăn không ngừng cho tới khi mệt không sao ăn được nữa. Tức là vì lý do tinh thần, chứ không phải lòng ham mê thể thao đã làm cho nàng bỏ nhà trường và gia đình để đi thi tài với một người đàn ông nổi tiếng khắp nước là người có tài ăn khỏe nhưng không theo một nguyên tắc nào. Ngay từ khi mới gặp, nàng đã nhận thấy rằng Aureliano Segundo sẽ thua vì tính cách của ông chứ không phải vì cái dạ dày. Hết đêm đầu tiên, trong khi nàng thản nhiên như không thì Aureliano Segundo hầu như mệt

mỗi vì cười nói luôn miệng. Họ đi ngủ trong bốn giờ. Khi tỉnh dậy, mỗi người uống bốn mươi quả cam vắt nước, tám lít cà phê và ba mươi quả trứng sống. Hết đêm thứ hai, sau nhiều giờ không ngủ và sau khi đã ăn hết hai con lợn, một buồng chuối, uống bốn thùng sâm banh, nàng cảm thấy hình như Aureliano Segundo cũng đã phát hiện ra phương pháp của mình, nhưng lại đi theo con đường ngu ngốc dưới sự hướng dẫn của một thái độ vô trách nhiệm hoàn toàn. Đó là người đàn ông nguy hiểm hơn là nàng nghĩ. Mặc dù vậy, khi Petra Cotes mang ra thêm hai chú gà tây quay thì Aureliano Segundo cũng sắp sửa đứt mạch máu.

- Nếu ông không thể ăn nữa thì thôi, - nàng nói, - chúng ta sẽ nhận hòa. Nàng nói chân thành và hiểu rằng mình cũng không thể ăn thêm miếng nào nữa và vì lương tâm cắn rứt trước việc làm cho đối thủ đi nhanh tới chỗ chết.

Nhưng Aureliano Segundo lại coi đó là lời thách thức mới và tiếp tục nhai món gà tây cho tới khi vượt quá xa cái khả năng ăn kinh khủng của ông. Ông lảo ra ngất đi. Ông ngã gục mặt xuống đĩa xương, sùi bọt mép, thở phì phì trong cơn hấp hối. Đầu óc tối sầm, ông cảm thấy như mình bị ném từ trên tháp cao xuống một cái vực không đáy, và trong khoảnh khắc mình vẫn còn sót lại, ông nhận ra rằng thân chết đang đến với ông khi kết thúc cú rơi kéo dài vô tận này.

- Hãy đem ta về với Fernanda - ông chỉ còn kịp nói lời trăng trối cuối cùng.

Những người bạn đưa ông về đến nhà, đều nghĩ rằng ông đã giữ lời hứa với vợ là không chết trên giường của nhân tình. Petra Cotes đã đánh xi đôi ủng mà ông muốn mang khi nằm trong quan tài, và đang tìm người mang đi thì có người đến cho hay rằng Aureliano Segundo đã qua khỏi cơn nguy hiểm. Quả nhiên, ông lại bình phục sau gần một tuần, và mười lăm ngày sau đó đã lại tổ chức một bữa tiệc linh đình mừng được cải tử hoàn sinh. Ông tiếp tục đến ở nhà Petra Cotes, nhưng ngày nào ông cũng về thăm Fernanda và thỉnh thoảng ở lại ăn cơm với gia đình, giống như thể định mệnh đã thay đổi tình huống, đặt ông vào vị trí là chồng của nhân tình và là nhân tình của người vợ đích thực vậy. Đó cũng là một điều nhẹ nhõm đối với Fernanda. Trong cảnh chán chường bị bỏ rơi, trò giải trí duy nhất của bà là dạo những bản nhạc trên cây đàn tiêu phong cầm vào giờ nghỉ trưa và đọc thư của các con. Trong những bức thư chi tiết gửi cho chúng đều đặn mười lăm ngày một lần, không có một dòng nào là sự thật. Bà giấu giếm nỗi đau khổ của mình. Bà không cho chúng biết nỗi buồn của một ngôi nhà mà mặc dù có những bóng đèn chiếu trên những chậu thu hải đường, mặc dù có cái ngọt ngào của các buổi chiều, mặc dù có những loạt pháo hội hè từ ngoài đường vọng vào, nó vẫn ngày càng giống với ngôi nhà thời thuộc địa của cha mẹ

bà. Fernanda hững hờ đi lại giữa ba bóng ma sống và một bóng ma đã chết của José Arcadio Buendía, cái bóng ma này thỉnh thoảng lại tới ngồi chăm chú trước cửa phòng trong lúc bà chơi cây đàn tiểu phong cầm. Đại tá Aureliano Buendía là một cái bóng. Từ cái lần cuối cùng ngài ra phố để cùng với đại tá Gerineldo Márquez trừ liệu một cuộc chiến tranh không tương lai, hầu như ngài không ra khỏi buồng ngoại trừ việc đi tiểu tiện dưới gốc cây dẻ. Ngài cũng không tiếp ai ngoài bác phó cạo thường tới ba tuần một lần. Ngài nhăm nháp bất cứ thứ gì mà Úrsula mang cho mỗi ngày một lần, và mặc dù vẫn tiếp tục say sưa làm những con cá vàng như cũ, nhưng ngài không bán nữa khi biết rằng thiên hạ không mua không để làm đồ trang sức mà để làm di vật lịch sử. Ngài cũng đem tất cả những con búp bê của Remedios, mặc dù chúng vẫn được trang trí trong phòng ngủ từ ngày ngài cười vợ, ra ngoài sân chắt thành đồng rồi châm lửa đốt. Úrsula vốn cảnh giác nên nhận ra được những việc làm của con trai, nhưng cũng không ngăn cản được ngài.

- Sao tim mày sắt đá thế? - cụ hỏi.

- Đây không phải là chuyện trái tim? - ngài nói. - Trong phòng đầy những gián là gián.

Amaranta vẫn khâu đồ liệm của mình. Fernanda không hiểu vì sao bà trẻ vẫn thường viết thư cho Meme, còn gửi cả quà cho nó, trái lại thậm chí không hề nói tới José Arcadio. “Đến chết không cũng chẳng hiểu tại sao”, Amaranta trả lời khi Fernanda hỏi qua Úrsula, và câu trả lời ấy đã để lại trong tim bà một ấn số không bao giờ được làm sáng tỏ. Amaranta người cao dong dỏng, vẻ đĩnh đạc, lúc nào cũng ăn mặc đường hoàng, với một thái độ cao nhã trước thời gian và những kỷ niệm đắng cay. Amaranta dường như mang trên trán dấu chữ thập tro trinh tiết. Thực ra thì bà mang dấu thánh trên tay, trên dải băng đen mà cả khi đi ngủ bà vẫn mang theo, và đó là dải băng do bà tự giặt và là lấy. Suốt đời bà lúc nào cũng khâu vá khăn tang, vải liệm. Có thể nói rằng ban ngày bà khâu, ban đêm lại tháo ra, và bằng cách ấy không phải bà muốn đánh bại sự cô đơn, mà hoàn toàn ngược lại, bà muốn duy trì nó. Lo lắng lớn nhất của Fernanda trong những năm bị bỏ rơi là nếu Meme về nghỉ những mùa hè đầu tiên mà lại không gặp Aureliano Segundo ở nhà thì sao? Câu chuyện chết hụt vì ăn no đã kết thúc nỗi lo sợ đó. Khi Meme trở về, bố mẹ cô đã thỏa thuận với nhau không những để cho cô gái tin rằng Aureliano Segundo vẫn là người chồng thuận hậu của mẹ cô mà còn để cho cô gái không cảm thấy nỗi buồn tẻ trong nhà. Năm nào cũng vậy, Aureliano Segundo đóng vai người cha mẫu mực trong vòng hai tháng. Ông bày ra các buổi vui chơi có kem và ánh ngọt cùng với tiếng đàn rộn rã của cô sinh viên hồ hởi và hiếu động. Tính cách của cô từ lúc đó đã rõ ràng không giống mẹ mấy. Có lẽ đó chỉ là hình bóng của Amaranta khi còn chưa giết

mùi cay đắng và lúc nào cũng nhảy nhót múa hát làm ồn nhà cửa vào những năm bà mười hai hay mười bốn tuổi, tức là trước khi những khát khao thầm kín đối với Pietro Crespi đã làm thay đổi hẳn chiều hướng của trái tim. Nhưng khác với Amaranta, khác với tất cả mọi người, Meme chưa thể hiện dấu hiệu cô đơn của gia đình, dường như cô hoàn toàn hòa hợp với thế giới ngay cả khi cô ngồi một mình trong phòng khách luyện đàn một cách hết sức chăm chỉ. Rõ ràng là cô thích thú với ngôi nhà, vì cả năm cô mong ngóng cái hò hời của đám trẻ đón mình về và cô cũng không khác cha ở cái thiên hướng thích vui chơi và lòng hiếu khách lạ thường. Dấu hiệu đầu tiên của sự kế thừa di hại đó được lộ ra vào mùa hè thứ ba, khi Meme trở về với bốn bà xơ và sáu mươi tám cô bạn cùng lớp. Cô tự nhiên nảy ra nghĩ mời họ về nhà chơi một tuần và chẳng báo trước gì hết. - Thế có khổ không - Fernanda than thở. - Cái con bé này cũng gớm ghiếc hết như bố nó ở nhà đã phải đi mượn giường, mượn võng của hàng xóm, áp xếp làm chín đợt ăn cơm, định giờ vào nhà tắm và kiểm cho được bốn mươi chiếc ghế dựa để cho các cô gái mặc đồng phục anh đi giày con trai không nhảy nhót suốt ngày khắp nhà. Lời mời đã biến thành một thất bại, bởi vì các cô học trò ồn ào vừa ăn sáng xong thì lại đã bắt đầu ăn trưa theo từng đợt, và lại tiếp tục ăn bữa tối, và trong suốt cả tuần chỉ đi chơi được có một buổi. Tối đến, các bà xơ mệt phờ, không còn sức đâu mà đi lại, chứ đừng nói gì đến hò hét những mệnh lệnh trong khi đám nữ sinh trẻ không hề biết mệt mỏi vẫn hát âm ỉ ở ngoài sân. Một bận, đám con gái tí nữa thì đập cả lên cụ Úrsula vốn cứ muốn làm một việc gì đó chính ngay ở chỗ cụ không thể làm được. Lại một hôm khác các bà xơ làm um lên về chuyện ngài đại tá Aureliano Buendía đứng đái ngay dưới gốc dẻ chẳng thèm để ý đến các cô gái đang tụ tập ở sân. Amaranta suýt nữa thì làm mọi người phát hoảng, vì một bà xơ bước vào bếp lúc bà đang tra muối vào nồi súp, và câu hỏi duy nhất mà người nữ tu sĩ kia bật ra là cái nắm bột trắng đó là thứ gì. “Thạch tín đấy”, Amaranta trả lời. Cái đêm mới đến, các cô gái đã làm ồn ào lên vì chuyện đi vào nhà vệ sinh trước lúc đi ngủ, thế mà mãi đến một giờ sáng vẫn còn có người đứng chờ ngoài nhà tiêu. Fernanda bèn mua bảy mươi hai chiếc xô, nhưng việc đó chỉ làm cho câu chuyện phức tạp vào ban đêm được chuyển sang buổi sáng, bởi vì từ lúc rạng đông các cô gái đã xếp hàng trước nhà vệ sinh mỗi người cầm xô của mình để đến lượt rửa xô. Mặc dù có vài cô bị sốt và mấy cô bị muỗi đốt mẩn ngứa, hầu hết các cô gái đều tỏ rõ sức chịu đựng vững vàng trước những khó khăn ghê gớm nhất, và ngay cả vào những giờ nóng bức nhất, các cô vẫn ríu rít ngoài vườn. Cuối cùng khi các cô đã ra đi thì các bồn hoa đều tan hoang, đồ đạc gãy vỡ lung tung và tường nhà đầy những hình vẽ và chữ viết, nhưng Fernanda tha thứ cho mọi sự đổ vỡ để đổi lấy cái nhẹ nhõm khi họ ra đi. Bà đem trả giường, ghế và đem cất bảy mươi hai chiếc xô vào phòng của Melquíades. Căn phòng bỏ không vốn trước đây là của con người mang cuộc sống tinh thần

của cả nhà, từ đó trở đi được gọi là phòng để bê. Đối với đại tá Aureliano Buendía, đó là cái tên đúng nhất, bởi vì trong khi mọi người vẫn thán phục trước việc căn buồng của Melquíades không bị hư hại và chẳng có bụi bặm gì thì ngài lại thấy nó biến thành một cái chuồng phân. Dù sao vấn đề ai đúng ai sai đối với ngài cũng không quan trọng. Sở dĩ ngài biết được số phận của căn buồng là vì Fernanda cứ đi lại làm cản trở công việc của ngài suốt cả một buổi chiều để xếp mấy chục chiếc bê vào đó. Vào những ngày ấy, lại thấy José Arcadio Segundo có mặt ở nhà. Ông ta bước đi vội vã ngoài hành lang, chẳng chào hỏi ai, và ngồi lì trong xưởng nói chuyện với đại tá. Dù không nhìn thấy ông, nhưng Úrsula chỉ nghe tiếng gót giày nện của thầy cai là đủ để cụ ngạc nhiên nhận thấy cái khoảng cách không gì cứu vãn được đã ngăn chia giữa ông và gia đình, ngay cả với người anh em sinh đôi ngày bé vẫn cùng chơi trò trốn tìm ngây thơ và nay thì chẳng còn lại nét nào giống nhau. Ông dong dỏng cao, trịnh trọng, vẻ trầm tư, buồn buồn và trên gương mặt xanh xao để lộ một tia sáng thâm trầm. Đó là người đàn ông giống Santa Sofía de la Piedad, bà mẹ ông hơn cả. Úrsula đã đổ tội cho ý hướng muốn quên ông đi khi bàn chuyện nhà chuyện cửa, nhưng khi cụ cảm thấy ông một lần nữa lại có mặt ở nhà và nhận ra rằng ngài đại tá tiếp ông trong nhiều giờ ngay tại xưởng kim hoàn của ngài, thì cụ lập tức kiểm lại những ký ức xa xưa của mình rồi càng khẳng định hơn nữa niềm tin cho rằng vào một thời điểm nào đó của tuổi thơ ông đã đổi tên mình cho người anh em sinh đôi, bởi vì ông chứ không phải người kia đã là người được gọi là Aureliano. Không một ai hay biết những chi tiết nhỏ nhặt trong đời riêng của ông. Có những thời kỳ người ta được biết ông không ở một chỗ nào cho thực cụ thể, có lúc ông nuôi gà chọi ở nhà Pilar Ternera, và thỉnh thoảng ông ngủ lại đây, nhưng hầu hết các đêm ông ngủ lại tại các phòng ngủ của bọn gái làng chơi. Ông sống lang bạt kỳ hồ, không mấy may xúc cảm, không mấy may ham muốn, như thể một ngôi sao rực sáng trong vũ trụ của Úrsula. Thực ra, José Arcadio Segundo không phải là người của gia đình này và cũng sẽ chẳng bao giờ là người của một gia đình nào khác, kể từ buổi sáng sớm xa xưa kia, cái buổi sáng sớm đại tá Gerineldo Márquez dẫn ông vào trại lính không phải để xem buổi hành hình mà là để cho đến chết ông sẽ không bao giờ quên cái nụ cười buồn thảm có pha chút mai mỉa của kẻ bị hành hình. Đó không chỉ là kỷ niệm xưa nhất mà còn là kỷ niệm duy nhất thời niên thiếu của ông. Còn kỷ niệm khác, kỷ niệm về một cụ già mặc chiếc áo khoác cổ lỗ, đội chiếc mũ cánh quạ ngồi ngay trước cửa sổ rực sáng kể những điều kỳ diệu, ông vẫn không xác định được nó thuộc về thời kỳ nào. Đó là một kỷ niệm mờ ảo, hoàn toàn không cần thiết cho những sự dạy dỗ hay cho nỗi hoài nhớ, nó trái với kỷ niệm của kẻ bị hành hình mà trên thực tế kỷ niệm này đã định hướng cho đời ông, và nó trở về trong trí nhớ của ông ngày một trong sáng hơn giữa lúc ông đã già dặn, cứ như thể sự diễn tiến của thời gian đưa ông từ từ tới đó

Úrsula định lợi dụng ông để ông khiến cho đại tá Aureliano Buendía từ bỏ xưởng kim hoàn, nơi ngài tự giam hãm mình. “Chắc hẳn thuyết phục ông trẻ đi xem phim đi”, cụ nói với ông. “Dẫu rằng nó không thích phim ảnh thì ít ra nó cũng có dịp được thở hít không khí trong lành chứ”. Song cũng chẳng bao lâu cụ nhận ra rằng ông cũng y hệt như ngài đại tá, chẳng đếm xỉa gì đến những lời van nài của mình, và nhận ra rằng ông cũng đã bị bọc kín bởi sự chai lì trước mọi tình cảm âu yếm. Mặc dù cụ không biết và không một ai biết hai người bàn bạc cái gì trong những lúc trò chuyện rất lâu tại xưởng kim hoàn, cụ đã hiểu rằng đó là hai thành viên duy nhất của gia đình dường như gắn bó với nhau bởi những mối đồng cảm sâu sắc. Thực ra, ngay cả José Arcadio Segundo càng không thể lôi được ngài đại tá ra khỏi nơi ngài tự giam hãm mình. Việc các cô nữ sinh, bạn của Meme, ồn ã kéo đến nhà đã vượt qua những giới hạn của sự bình tâm của ngài đại tá. Viện có phòng ngủ của hai vợ chồng mình hiện có quá nhiều gián đã cắn nát những con búp bê đẹp mắt của Remedios- ngài bèn mắc võng ngay tại xưởng kim hoàn, rồi từ đó ngài ở lì trong xưởng, chỉ ra ngài khi cần phải ra. Úrsula không tìm được dịp nói chuyện với ngài. Cụ biết rõ rằng ngài không nhìn mâm cơm mà chỉ đề nó ở đầu bàn lớn trong lúc ngài làm xong con cá vàng và cũng chẳng để ý đến bát xúp đã đóng váng và thịt sào đã nguội lạnh. Ngài ngày một khó tính hơn kể từ dạo đại tá Gerineldo Márquez từ chối không giúp ngài một tay để khơi dậy một cuộc chiến đẫm máu không tương lai. Ngài tự giam mình kỹ hơn, dường như ngài còn cài then lòng mình lại và do đó gia đình nghĩ về ngài như một người đã chết. Người ta không thấy bóng dáng ngài nữa mãi cho tới khi ngài bước ra cửa chính để xem đám xiếc đang đi qua, đó là ngày mười một tháng mười. Đối với đại tá Aureliano Buendía, đó là một ngày như tất cả những ngày trong những năm cuối cùng của đời mình. Vào lúc năm giờ sáng, tiếng kêu loạn xạ của cóc nhái cũng như tiếng trùng rền rĩ ở ngoài bốn bức tường làm ngài thức dậy. Cơn mưa dầm kéo suốt từ ngày thứ bảy, và ngài không cần phải nghe tiếng mưa rơi rả rích trên những tàu lá ngoài vườn hoa, bởi vì bằng mọi cách ngài cảm nhận ra cơn mưa ngay từ trong cái rét thấu xương mình. Như mọi bận, ngài đã mặc chiếc áo khoác ni với chiếc quần lót ống dài dệt bằng sợi bông thô và dẫu nó bám đầy bụi cũ kỹ chính ngài vẫn gọi nó là “chiếc quần lót của kẻ mạnh”. Ngài mặc quần dài ống hẹp nhưng không đóng cúc quần và cũng không dùng chiếc cúc vàng vốn thường dùng để đóng kín cổ áo sơ mi lại, bởi vì ngài vẫn có ý đi vào nhà tắm. Sau đó ngài đội chiếc áo khoác ni lên đầu như một chiếc mũ chùm đầu, lấy ngón tay chải bộ râu rậm chảy xuống, rồi đi tiểu tiện ngay ở ngoài sân. Còn lâu mát trời mới dậy và do đó José Arcadio Buendía vẫn đang ngủ vật vờ trong túp lều lá cọ mục vì mưa dầm. Ngài không nhìn thấy cụ như chẳng bao giờ ngài nhìn thấy và cũng không nghe thấy câu nói không thể hiểu được mà bóng ma cha ngài nói với ngài khi cụ giặt mình thức dậy vì dòng nước

đái nóng bỏng rơi lộp bộp trên đôi giày cụ. Ngài chui vào nhà tắm vội không phải vì lạnh và vì ẩm mà vì sương mù dày đặc của tháng mười. Khi trở về xưởng kim hoàn ngài nghĩ thấy mùi nồng khét của các bếp nấu do Santa Sofia de la Piedad đang nhóm, và ngài đứng ở nhà bếp đợi cho đến khi cà phê sôi để mang một tách cà phê không pha đường về phòng mình.

Như tất cả mọi buổi sáng, Santa Sofia de la Piedad hỏi ngài hôm nay là ngày thứ mấy, ngài trả lời rằng hôm nay là thứ tư ngày mười một tháng mười. Vì nhìn người đàn bà bạo dạn rạng rỡ trong ánh lửa, mà ngay cả trong lúc ấy cũng như bất cứ thời điểm nào khác trong đời mình ngài thấy bà hiện hiện một cách trọn vẹn, và do đó ngay lập tức ngài nhớ lại một ngày mười một tháng mười, đang lúc chiến tranh ác liệt, một niềm tin chắc khá thô bạo nói rằng người con gái ngủ với ngài đã chết khiến ngài thức dậy. Thực thể, cô gái đã chết và ngài không bao giờ quên cái ngày ấy bởi vì chính cô ta trước đó một giờ đã hỏi ngài hôm nay là thứ mấy. Mặc dù đã có sự gợi nhớ ấy, ngay lần này ngài cũng chưa ý thức đầy đủ về các điềm báo đã từ bỏ ngài đến mức độ nào, rồi trong lúc cà phê sôi, hoàn toàn vì tò mò chứ không vẫn một chút hoài nhớ nhỏ nhất nào, ngài vẫn tiếp tục nghĩ về người đàn bà, mà tên của cô ta ngài không bao giờ biết, mà gương mặt cô ta ngài chưa từng nhìn rõ, bởi vì người đàn bà ấy đã va vấp trong bóng tối để lần mò cho tới chiếc võng ngài nằm. Tuy nhiên, trong nỗi trông trãi của biết bao cô gái đã đến với cuộc đời ngài bằng chính hình thức ấy, ngài đã không nhớ rằng cô ta chính là người trong phút giây gặp gỡ lần đầu đây cảm kích ấy đã suýt chết chìm trong nước mắt, và chưa đầy một giờ trước khi chết còn hứa sẽ yêu ngài mãi mãi, yêu ngài cho đến khi chết. Ngài không nghĩ đến cô ta nữa, cũng sẽ không nghĩ đến bất kỳ ai ở nơi nào, sau khi ngài đã bước vào xưởng kim hoàn, châm đèn sáng để đếm những con cá vàng trong hộp sắt tây. Mười con cả thấy, kể từ độ quyết định sẽ không bán chúng nữa, ngài chỉ làm hai con mỗi ngày, và khi nào đủ số hai mươi năm con ngài lại đem nung chảy ra để làm lại từ đầu. Ngài cặm cụi làm việc suốt buổi sáng, hoàn toàn tập trung tư tưởng vào công việc không hề nghĩ ngợi gì hết, không hề hay biết rằng vào lúc mười giờ trời bắt đầu đổ mưa, rồi có ai đó đi qua trước cửa xưởng kim hoàn gào mọi người đóng các cửa lại kéo nước ngập nhà, và ngài hoàn toàn không còn biết đến chính mình nữa, cho tới khi Úrsula bước vào xưởng mang theo suất cơm trưa cho ngài và tắt đèn. - Trời ơi, mưa chi mà dữ thế, - Úrsula nói. - Mưa tháng mười mà! - ngài nói. Lúc nói câu ấy, ngài vẫn không rời mắt khỏi con cá vàng đầu tiên làm trong ngày, bởi vì ngài cô khám con người vàng vào đôi mắt nó. Chỉ khi làm xong, và đặt nó vào thùng sắt tây lúc ấy ngài mới xì xụp húp xúp. Sau đó ngài ăn, rất chậm rãi, miếng thịt xào với hành, cơm trắng cùng với những lát chuối rán, tất cả những món ăn này đều để chung trong một cái đĩa to. Cái lồi ăn ngon miệng của ngài không

bị đảo lộn trong hoàn cảnh tất đẹp nhất cũng như trong những hoàn cảnh khó khăn ác liệt nhất. Khi sắp ăn xong, ngài cảm thấy muốn được nghỉ ngơi. Theo một quan niệm khoa học, ngài không bao giờ làm việc, đọc sách, tắm tấp và kê cả nhập phòng nếu chưa được hai giờ cho bộ máy tiêu hóa làm việc và đó là một niềm tin rất bền vững đến mức đôi lúc ngài để chậm việc thực hiện các trận đánh nhằm tránh cho quân sĩ khỏi mắc bệnh sung huyết. Vậy là ngài lên võng nằm, dùng con dao nhíp gỡ cục sáp đút nút tai, rồi sau đó mấy phút ngài đã ngủ khi. Ngài mơ thấy mình đi vào một ngôi nhà trống, tường trắng và nổi lo lắng mình là người đầu tiên bước vào ngôi nhà này khiến ngài bần khoăn. Trong giấc mơ ấy, ngài nhớ là đêm trước mình đã mơ thấy như thế và không chỉ đêm trước đó mà tất cả các đêm trong những năm cuối cùng của đời mình ngài từng mơ thấy như vậy rồi. Ngài biết rằng hình ảnh ấy bị xóa nhòa khỏi trí nhớ khi mình thức dậy, bởi vì giấc mơ lặp đi lặp lại ấy có đặc tính chỉ được nhớ lại trong chính giấc mơ. Quả nhiên, sau đó một lát, khi bác phó cạo gõ cửa xưởng kim hoàn, đại tá Aureliano Buendía đã thức dậy với cảm giác mình vô tình ngủ thiếp đi trong mấy phút ngắn ngủi và rằng mình chưa kịp mơ thấy gì hết. - Hôm nay không cắt tóc đâu, - ngài nói với bác phó cạo. - Xin hẹn bác vào ngày thứ sáu nhé. Bộ râu lồm đồm những sợi trắng của ngài đã ba ngày chưa cạo, nhưng ngài cảm thấy chưa cần thiết phải cạo, nếu như ngày thứ sáu tới ngài sẽ cắt tóc thì sẽ làm luôn một thể. Mồ hôi nhớp nhúa của giấc ngủ trưa không hề mong muốn đã làm tẩy đỏ những vết sẹo bị mò cắn ở nách ngài. Trời đã tạnh mưa nhưng mặt trời vẫn chưa hiện ra. Đại tá Aureliano Buendía nấc một cú ợ hơi đến to và cú ợ hơi này đã trả lại nơi đầu lưỡi ngài cái vị chua của bát xúp vừa ăn. Và nó như một mệnh lệnh của cơ thể buộc ngài phải khoác chiếc áo khoác lên vai và đi ra cầu tiêu ngay. Ngài ngồi trong cầu tiêu quá thời gian cần thiết, ngồi chồm hổm trên đám phân lầy nhầy trào ra khỏi miệng chiếc thùng gỗ hứng ở dưới, cho đến khi thói quen nhắc ngài nhớ là đã đến giờ làm việc buổi chiều. Trong lúc ngồi đợi, ngài lại nhớ rằng hôm nay là ngày thứ tư và rằng José Arcadio Segundo chưa có mặt ở xưởng kim hoàn vì hôm nay là ngày trả lương tại các đồn điền của Công ty chuối. Cái kỷ niệm này như tất cả các kỷ niệm khác trong những năm cuối đời, ngài mang theo nó không phải để nhớ lại những năm tháng chiến tranh. Ngài nhớ rằng đại tá Gerineldo Márquez có một lần đã hứa với mình rằng sẽ tìm cho mình một con ngựa có ngôi sao trắng ở ngay trán và rằng đã lâu rồi vẫn không thấy đại tá nhắc lại chuyện này. Sau đó ngài lại nghĩ đến những câu chuyện tản mạn khác, nhưng ngài nhớ lại chúng không theo một trình tự nào. Vì để khỏi nghĩ đến những chuyện khác, ngài đã học để suy nghĩ về chúng trong nỗi giá lạnh của đời mình, để những kỷ niệm không thể tránh được ấy có trở lại vẫn không khiến ngài phải tủi lòng. Khi trở về xưởng kim hoàn, do thấy bầu trời đã khô ráo, ngài quyết định lúc này mà đi tắm thì tuyệt, nhưng Amaranta đã cản trở ngài. Vậy là

ngài bắt tay vào làm con cá vàng thứ hai trong ngày. Trong lúc ngài đang móc đuôi vào con cá thì mặt trời ló ra rất mạnh đến mức ánh sáng gầm lên thành tiếng như tiếng một chiếc tàu đánh cá. Bầu trời được trận mưa kéo dài ba ngày làm cho thanh sạch nay lại đông đặc kiến cánh bay. Lập tức ngài lại thấy mình buồn đái, rồi ngài cố nhịn cho đến khi làm xong con cá vàng. Ngài bước ra sân vào lúc bốn giờ mười lăm, nghe thấy từ xa vọng đến tiếng kèn đồng, tiếng trống inh ỏi và tiếng reo vui đùa của trẻ nhỏ, và lần đầu tiên kể từ ngày còn là một chàng thanh niên tới nay, ngài đã giẫm lên cạm bẫy của nỗi hoài nhớ một cách có ý thức, rồi ngài sống lại buổi chiều kỳ diệu của những người digan mà cha ngài đã dẫn ngài đi xem nước đá. Santa Sofía de la Piedad bỏ dở những công việc đang làm trong nhà bếp, chạy ra cửa chính: - Xiếc! - bà gào lên. Đáng lẽ đi ra gốc cây dẻ, đại tá Aureliano Buendía lại đi ra công cánh, rồi lẫn vào đám người tò mò đang đứng xem gánh xiếc diễu hành qua. Ngài nhìn thấy một người đàn bà mặc quần áo màu vàng cười trên bành một con voi. Ngài nhìn thấy một chú lạc đà một bướu buồn bã. Ngài nhìn thấy một chú gấu cầm chiếc muối gõ vào một cái xoong theo nhịp phách của âm nhạc. Ngài nhìn thấy những anh hề đang làm xiếc leo dây đi sau cùng. Một lần nữa người ta lại nhìn thấy trên gương mặt ngài nỗi cô đơn đáng thương của ngài khi đoàn xiếc đã đi qua và trên đường cái chỉ còn lại khoảng không rực sáng, bầu không khí lại đen đặc những con kiến cánh bay và nhột số kẻ tò mò thò đầu rúc vào vực thẳm không cùng của sự mơ hồ. Lúc ấy ngài mới đi trở lại gốc cây dẻ, rồi trong lúc đái, ngài cố tiếp tục nghĩ đến gánh xiếc, nhưng ngài không bắt gặp kí ức nữa. Ngài giơ hai cánh tay lên ôm lấy đầu mình, giống như một chú gà con, rồi ngài đứng yên, trán tì vào thân cây dẻ. Gia đình không hay biết chuyện đó. Mãi đến ngày hôm sau, vào lúc mười một giờ sáng, khi Santa Sofía de la Piedad đi vào sân sau để đổ rác, bà rợn tóc gáy thấy đám diều hâu đang sà xuống, sà xuống.

CHƯƠNG 14

Kỳ nghỉ hè cuối cùng của Meme trùng đúng vào thời gian để tang ngài đại tá Aureliano Buendía. Trong ngôi nhà cửa đóng im ỉm suốt ngày này không có chỗ cho các cuộc vui. Người ta thì thầm nói chuyện, lặng lẽ ăn, cầu kinh một ngày ba buổi và ngay đến các buổi chơi đàn tiểu phong cầm cũng mang âm điệu tang tóc. Mặc dù thầm ghét ngài đại tá, nhưng do cảm kích trước lòng thành kính trang trọng mà chính phủ đã bày tỏ để tưởng niệm kẻ tử thù của mình, Fernanda là người đã tổ chức thật chu đáo đám tang đó. Như thường lệ Aureliano Segundo lại ngủ ở nhà trong lúc con gái ông nghỉ hè, và Fernanda cần phải làm một việc gì đó ngõ hầu lấy lại danh dự một người vợ chính thức, vì năm sau, Meme đón nhận đứa em gái vừa mới sinh, được đặt tên là Amaranta Úrsula, một cái tên do mọi người đặt bất chấp nguyện vọng của bà mẹ. Meme đã học xong. Văn bằng chứng thực cô là một nghệ sĩ đàn tiểu dương cầm đã được công nhận nhờ trình độ điêu luyện mà cô đã sử dụng để chơi các bản nhạc dân gian thế kỷ XVII trong buổi lễ mừng kết quả học tập và với buổi lễ ấy người ta cũng làm lễ đoạn tang cho ngài đại tá. Các vị khách mời khâm phục cô không chỉ ở nghệ thuật biểu diễn mà hơn nữa còn ở tính cách nhị nguyên của cô... Tính nét bông lông và có khi nhõng nhẽo trẻ con của cô dường như không phù hợp với bất kỳ một hoạt động nghiêm chỉnh nào nhưng khi ngồi xuống bên cạnh cây đàn tiểu dương cầm lập tức cô trở nên một cô gái khác hẳn. Nét chín chắn không lộ trước đã đem đến cho cô dáng vẻ người lớn. Cô luôn luôn như thế. Thực ra Meme không có thiên hướng nào rõ rệt, nhưng cô đã giành được những kết quả cao nhất nhờ luôn luôn làm việc với một kỷ luật nghiêm khắc cẩn để tránh mâu thuẫn với mẹ mình. Giá có buộc cô học bất kỳ nghề nào khác thì chắc chắn cô cũng sẽ giành được kết quả tương tự. Ngay từ khi còn rất nhỏ tuổi, tính cách nghiêm khắc của Fernanda đã làm cô khó chịu, nhưng cô vốn có thói quen hy sinh vì người khác, và nhiều lúc thói quen này còn lớn hơn cả việc học tiểu dương cầm mà cô theo đuổi chỉ để khỏi va chạm với bà mẹ cố chấp của mình. Trong buổi lễ bế giảng, cô có cảm giác hân hoan rằng tám bằng được viết với những con chữ gô-tích và những chữ viết hoa có hình trang trí kèm theo sẽ giải thoát cô khỏi lời cam kết mà cô đã chấp nhận không phải chỉ để vâng lời, cũng chẳng phải để yên thân, và cô tin rằng kể từ phút giây này, ngay cả Fernanda cố chấp cũng sẽ khỏi phải bận tâm đến cây đàn đã bị các cô nữ tu sĩ coi là vật lỗi thời trong viện bảo tàng. Trong những năm đầu tiên, cô tin rằng những tính toán của mình sai bét bởi vì sau khi một nửa thị trấn đã ngủ rồi, thì không chỉ trong phòng khách nhà cô, mà trong không biết bao nhiêu buổi vui chung, các buổi họp mặt ở nhà trường và các buổi lễ kỷ niệm được tổ chức ở Macondo, mẹ cô vẫn tiếp tục mời đến những thính giả

mới mà bà biết chắc họ có khả năng đánh giá những phẩm chất của cô con gái. Sau khi Amaranta mất và chỉ đến khi ấy thôi, khi mà mọi người đều không bước chân ra khỏi nhà trong thời gian để tang, Meme mới có thể hoàn toàn không bị lệ thuộc vào cây đàn tiểu dương cầm và có thể bỏ quên chùm chìa khóa ở bất kỳ tủ quần áo nào mà không còn phải lo Fernanda sẽ khó chịu lục soát xem lúc nào và ai đã làm mất chìa khóa. Meme chịu đựng những sự phôi trương của mẹ với lòng nhẫn nại mà cô đã có trong lúc học. Đó là cái giá cô phải trả cho tự do của mình. Fernanda quá đỗi sung sướng trước thái độ hiền lành của con gái, quá đỗi tự hào trước lòng thần phục của mọi người đối với tài năng của cô, đến mức bà không ngăn cản việc các cô bạn gái đến chơi chạt cả nhà, việc cô đi chơi cả buổi chiều ở ngoài đồng chuôi và đi xem những bộ phim luôn được cha Antonio Isabel công khai cho phép chiếu cùng với Aureliano Segundo hoặc với các bà bạn tin cậy của gia đình. Trong những lúc vui vẻ ấy, những sở thích đích thực của Meme được bộc lộ rõ nét. Hạnh phúc của cô ở đâu bên kia của kỷ cương nề nếp, trong các cuộc vui ồn ã, trong các cuộc nói chuyện tâm phào về tình yêu, trong những buổi các cô gái khóa trái cửa buồng để cùng nhau tập hút thuốc lá và nói về bọn con trai, và đã có lần họ chuyền tay nhau tu hết ba chai rượu trắng rồi cuối cùng họ khóa thân để so đo các bộ phận trên cơ thể mình. Sẽ chẳng bao giờ Meme quên được cái đêm cô bước vào nhà miệng nhai rễ cam thảo và vì không ai phát hiện ra mình đang bị rượu vật đồ, cô ngồi xuống bên chiếc bàn Fernanda và Amaranta đang lặng lẽ ăn cơm tối. Trước đó cô đã trải qua hai giờ khủng khiếp ở trong phòng một người bạn gái, khóc lóc hoài vì buồn và vì sợ hãi, và ở bờ bên kia cuộc khủng hoảng tâm trạng ấy cô bắt gặp một cảm giác dạn dĩ rất lạ lùng mà mình vẫn còn thiếu để trốn khỏi trường học, để nói với mẹ mình bằng những lời này lời nọ khiến bà phải nổi cáu về cây đàn tiểu dương cầm. Ngồi ở ngay đầu bàn ăn, đang húp bát nước canh gà mà khi vào tới dạ dày nó giống như một thứ thuốc tiên làm sống lại người chết, Meme nhìn thấy Fernanda và Amaranta chìm trong vắng ánh sáng khắc nghiệt của thực tại. Cô phải cố gắng tự kìm mình để khỏi nói thẳng vào mặt họ về những sự giả tạo, về trí tuệ nghèo nàn và những thèm khát danh dự hão của họ. Kể từ kỳ nghỉ hè thứ hai trở đi, cô biết rằng cha mình chỉ sống ở nhà để giữ thể diện và nhờ hiểu Fernanda như đã hiểu bà và nhờ đã giúp bà để sau đó hiểu Petra Cotes, cô đã tán thành cha mình. Cũng có lúc cô muốn làm con gái của người tình của cha mình. Trong hơi men chéng choáng, Meme đã nghĩ rằng nếu như thời điểm ấy cô bày tỏ những suy tư của mình thì chắc mọi người không khỏi ngạc nhiên và niềm vui thầm lặng của trò ranh mãnh lộ ra quá ư mạnh mẽ đến mức Fernanda đã nhận ra:

- Con làm sao vậy? - bà hỏi.

- Chẳng làm sao cả, - Meme trả lời. - Hầu như đến tận bây giờ con mới

phát hiện ra là con yêu bà trẻ và mẹ biết nhường nào.

Amaranta giật mình nhận thấy rất rõ trong câu trả lời ấy có hàm chứa ý tứ căm giận. Trái lại Fernanda rất cảm động đến nỗi bà thấy mình lại phát điên khi Meme thức dậy vào lúc nửa đêm đầu cứ ngọ nguy vì đau đớn và cứ nghẹn thở vì những cứ nồn ra mặt. Bà đưa cô một lọ dầu hải ly, đắp lên bụng cô một lá cao mù tạc và chườm lên đầu cô một túi nước đá, rồi bà bắt cô ăn kiêng và ở trong nhà kín gió suốt năm ngày liền theo đơn thuốc của viên bác sĩ nông cuồng người Pháp mới đến, người sau hai giờ khám bệnh đã đi đến kết luận quái gở: cô gái bị rối loạn kinh nguyệt. Trong trạng thái tinh thần suy sụp, Meme không còn cách nào hơn là nín lặng. Ursula lúc này tuy đã mù hẵn nhưng vẫn hoạt bát và sáng láng, là người duy nhất đã chẩn đoán chính xác. “Đối với ta, - cụ nghĩ, - những triệu chứng này là những triệu chứng biểu hiện rõ ở bọn say rượu. Nhưng không những cụ bác bỏ ý nghĩ ấy mà cụ còn tự trách sự hời hợt trong suy nghĩ của mình. Aureliano Segundo cảm thấy nhức nhối lương tâm khi nhìn thấy tình trạng kiệt sức của Meme do đó ông hứa trong tương lai sẽ quan tâm đến cô nhiều hơn. Quan hệ thân mật và vui vẻ giữa người cha và cô con gái đã nảy sinh như thế đấy, và quan hệ này trong một thời gian đã giải thoát ông khỏi những cuộc vui cô đơn và nó cũng giải thoát Meme khỏi sự quản thúc của Fernanda mà không gây ra những cuộc cãi vã không thể tránh khỏi trong gia đình. Thế là lúc ấy, Aureliano Segundo phớt lờ mọi lời cam kết để ở bên cạnh. Meme, dành cho cô phần lớn thời gian rảnh rỗi của mình để dẫn cô đi xem phim hay xem xiếc. Trong những ngày gần đây, thân xác ục ịch chậm chạp không cho phép ông cúi xuống buộc nút giày, và sự sung mãn đã khiến cho ông bắt đầu kim hồ hởi. Sự phát hiện về cô con gái đã làm sống lại trong ông tâm tính hồ hởi của thời trẻ, và nỗi thích thú được ở gần con gái đã dần dần tách ông khỏi sự ăn chơi phung phí. Meme nở rộ trong tuổi trưởng thành. Cô không đẹp cũng như Amaranta không bao giờ đẹp, nhưng cô cởi mở, dễ gần và ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên đã cho ta cảm giác dễ mến. Cô có đầu óc tân tiến. Và cái đầu óc tân tiến này thương hại cho tính kiêu ngạo lỗi thời và trái tim chai sạn của Fernanda, và được Aureliano Segundo rất hài lòng ủng hộ. Ông chính là người đã quyết định lôi cô ra khỏi phòng ngủ từ lúc còn bé, nơi những con mắt hãi hùng của các vị thánh vẫn tiếp tục làm cô sợ hãi ngay khi cô đã ở tuổi thành niên, và ông đã sắp đặt cho cô một phòng có giường đệm, một phòng trang điểm rộng rãi và những tấm rèm cửa bằng nỉ mà ông không biết rằng đó chính là hình ảnh thứ hai của căn phòng Petra Cotes. Ông quá ư hào phóng đối với cô đến nỗi ngay cả số tiền ông có bao nhiêu ông cũng không biết, vì rằng chính cô đã móc chúng từ các túi ra, và ông đã cung cấp cho cô biết bao đồ trang sức mới mỗi khi cô đến các đại lý của Công ty chuỗi. Căn phòng của Meme đầy những túi đựng đá bọt đánh bóng móng tay, những lô

uốn tóc, những cái đánh bóng răng, những hộp thuốc tô cho xanh mi mắt, rồi cơ man nào là thuốc mỹ phẩm và các đồ trang sức lạ lẫm đến nỗi cứ mỗi bận bước vào phòng Fernanda lại đâm lo lắng với ý nghĩ rằng phòng trang điểm của cô con gái chẳng khác gì phòng trang điểm của bọn điếm tân thời. Tuy nhiên, trong thời kỳ ấy, Fernanda hoạt động theo một thời gian biểu được chia sẻ giữa nhiệm vụ chăm sóc bé Amaranta Úrsula lúc này hãy còn làm nũng và hay bệnh tật với việc viết những bức thư đầy cảm động cho các vị thầy thuốc không thể nhìn thấy. Vậy là, khi phát hiện ra sự đồng lõa giữa chồng với con gái, thì lời hứa duy nhất bà đòi hỏi ở Aureliano Segundo là ông sẽ không dẫn Meme tới nhà Petra Cotes. Đó là một sự đòi hỏi vô nghĩa vì ả nhân tình đang lộn ruột trước tình thân mật giữa cha con Aureliano Segundo, đến mức ả chẳng thiết làm quen với Meme nữa. Một nỗi lo chưa hề biết tới làm cho ả đau đớn khắc khoải như thể bản năng đã mách cho ả hay rằng Meme chỉ cần yêu ông ta thôi là đã có thể giành lấy cái điều mà Fernanda không thể giành được: chiếm mất của ả một thứ tình yêu vốn được coi là tình yêu bền chặt gắn bó với nhau cho đến chết. Lần đầu tiên Aureliano Segundo phải chịu đựng cảnh mặt sưng mày sía và những cú đá thủng đụng nia khủng khiếp của nhân tình đến nỗi ông đâm sợ rằng những chiếc hòm từng mang đi mang lại của mình lại lên đường trở về nhà vợ. Nhưng điều này không xảy ra. Không một người đàn bà nào hiểu kỹ một người đàn ông như Petra Cotes hiểu nhân tình của mình, và ả biết rằng những chiếc hòm ấy sẽ ở nguyên vị trí từ khi chúng được mang đến, bởi vì nếu có cái gì mà Aureliano Segundo ghê tởm thì đó chính là việc phải đảo lộn cuộc đời vì những sự tu tĩm và thay đổi nếp sống. Vậy những chiếc hòm đã ở đâu thì cứ ở nguyên đấy, và Petra Cotes lao vào việc giành lại người đàn ông ấy bằng cánh mài sắc thứ vũ khí duy nhất mà cô con gái không thể nào địch nổi. Đó cũng là một cố gắng không cần thiết, vì rằng Meme không bao giờ có ý định tham dự vào những vấn đề riêng của cha mình. Cô không có thừa thời gian để mà làm phiền ai. Chính cô tự quét lấy phòng và sửa sang giường chiếu đúng như các nữ tu sĩ đã dạy bảo cô. Buổi sáng cô lo thêu may váy áo của mình, lúc thì ngồi thêu ở ngoài hành lang, lúc thì ngồi may bên chiếc máy may quay tay của Amaranta. Trong lúc mọi người ngủ trưa, cô ngồi luyện đàn tiểu dương cầm trong hai giờ liền vì biết rằng sự cần mẫn hàng ngày sẽ giữ yên lòng Fernanda. Cũng chính vì lý do đó, cô vẫn tiếp tục trình diễn các bản giao hưởng trong các buổi bán hàng từ thiện và các buổi vui trong trường học mặc dù những lời mời ngày một thưa hơn. Chiều đến, cô chải chuốt, mặc bộ quần áo giản dị nhất, đi đôi giày cao cổ và nếu như không cần phải đi theo Aureliano Segundo, cô sẽ đến nhà các bạn gái là nơi cô sẽ ở chơi cho đến giờ cơm tối. Hãn hữu lắm Aureliano Segundo mới không đến tìm cô để dẫn đi xem phim. Trong đám bạn của Meme có ba cô gái Mỹ đã phá bỏ cái hàng rào của khu nhà chung cư giống “khu chuồng gà

mắc điện” và có quan hệ bạn bè với các cô gái làng Macondo. Một trong ba cô ấy là cô Patricia Brown. Do cảm kích trước tấm lòng hào hiệp của Aureliano Segundo, ngài Brown đã mở cửa nhà mình cho Meme và mời cô tham dự các buổi khiêu vũ ngày thứ bảy vốn là những dịp duy nhất người Mỹ cùng vui chơi với người bản xứ. Khi Fernanda biết chuyện, bà tạm thời gác chuyện chăm sóc bé Amaranta Úrsula và việc viết thư cho các thầy thuốc không thể nhìn thấy của bà, để làm cho to chuyện thêm. “Con hãy nghĩ mà xem, - bà nói với Meme, - ngài đại tá nằm dưới mồ sẽ nghĩ gì nào?”. Bà tìm sự đồng tình ủng hộ của Úrsula. Nhưng cụ già mù loà này, trái với điều mọi người chờ đợi đã cho rằng chẳng có gì đáng phải lo ngại trong việc Meme tham dự các buổi khiêu vũ cũng như chăm chút các quan hệ bạn bè với những người Mỹ cùng lứa tuổi, miễn sao cô chắt gái lúc nào cũng biết giữ vững quan điểm của mình và đừng để mình trở thành đồ đệ của đạo Tin lành là được rồi. Meme lĩnh hội rất đúng tư tưởng của cụ cố nội, và vào ngày hôm sau các buổi khiêu vũ cô dậy sớm hơn thường lệ để đi lễ mixa. Sự phản đối của Fernanda được duy trì cho đến ngày Meme báo tin người Mỹ muốn nghe cô chơi đàn tiêu dương cầm và điều này đã làm bà thay đổi lập trường. Lại một lần nữa cây đàn được đưa ra khỏi nhà và được đưa đến nhà ngài Brown, nơi cô nghệ sĩ đàn tiêu dương cầm trẻ tuổi đã nhận những tràng vỗ tay chân thành nhất và những lời chúc mừng nhiệt liệt nhất. Kể từ dạo ấy, cô được mời đến nhà không chỉ vào các buổi khiêu vũ chiều thứ bảy mà còn vào các buổi tắm ngày chủ nhật ở bể bơi, và mỗi tuần một bữa cơm trưa. Meme tập bơi như một vận động viên chuyên nghiệp, chơi tennis và tập ăn xúc xích xứ Virginia với dưa lát. Cô học tiếng Anh rất nhanh trong các buổi khiêu vũ, tập bơi và tập tennis. Aureliano Segundo phẫn chấn quá đỗi trước những bước tiến của cô con gái đến mức ông đã mua một cuốn từ điển bách khoa tiếng Anh dày sáu tập gồm nhiều tranh ảnh màu của một người bán sách rong, để cô đọc vào những lúc rỗi rãi. Việc đọc sách lôi cuốn hết tâm trí mà trước đây cô vẫn dành cho cô bạn gái đáng yêu hoặc cho các buổi đóng kín phòng để ở trong đó với các bạn gái, đó không phải vì người ta buộc cô phải đọc như một thứ kỷ luật mà vì cô không có thú tán nhảm vốn là một thứ bệnh chung của mọi người. Cô nhớ lại lần bị say rượu như một cú mạo hiểm ngây thơ mà cô cảm thấy hết sức ngộ nghĩnh, đến mức cô kể lại cho Aureliano Segundo nghe, và khi nghe, cha cô còn cảm thấy thích thú hơn cả cô. “Nếu mẹ con mà biết được”, ông nói với con gái trong lúc sặc sụa cười. Như vẫn thường nói với cô rằng hãy tin ở mình, ông cũng đã nói với cô rằng với chính lòng tin ấy cô có thể lộ cho ông biết mọi tình đầu của cô. Và do đó Meme đã kể cho ông biết cô thân với một chàng thanh niên Mỹ tóc đỏ, người đã đến đây nghỉ hè với bố mẹ anh ta. “Bọm nhỉ?”, Aureliano Segundo cười: “Nếu mẹ con mà biết được”. Nhưng Meme còn kể cho ông biết chàng trẻ tuổi người Mỹ ấy đã trở về nước và cô vẫn chưa được biết tin tức gì của

anh ta. Vậy là sự chín chắn trong cách suy nghĩ của cô đã bảo đảm cho gia đình được êm ấm yên vui. Lúc này Aureliano Segundo dành nhiều thời gian hơn cho Petra Cotes, và dẫu rằng thể xác và tâm hồn ông không cho phép ông lao vào các cuộc vui chơi bạt mạng như trước đây, ông vẫn không để lỡ dịp tổ chức chúng và không để yên cho cây phong cầm lúc này đã có nhiều phím phải buộc lại bằng dây giầy. Ở nhà, Amaranta khâu khăn liệm cho mình mà không biết đến bao giờ thì xong, còn Úrsula cứ để mặc cho tuổi già lôi kéo mình đến đáy sâu của sự mù loà, là nơi cái hình ảnh duy nhất có thể nhìn thấy được là hình ảnh cụ José Arcadio Buendía ở dưới gốc cây dẻ. Fernanda củng cố quyền lực của mình. Những bức thư đều đặn gửi hàng tháng cho con trai bà là José Arcadio lúc này không hề có lấy một dòng nói dối, ngoại trừ quan hệ thư từ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, những người đã chuẩn đoán rằng bà có một chỗ viêm tấy ở ruột già và họ đang chuẩn bị cho bà được thực nghiệm một cách chữa bệnh bằng điều khiển từ xa. Người ta đồn rằng trong ngôi nhà mệt mỏi của dòng họ Buendía sẽ êm ấm và hạnh phúc đời đời nếu như cái chết đột ngột của Amaranta không làm cho cả thị trấn lại một lần nữa nhón nháo lên. Đó là một sự kiện không ngờ. Dẫu rằng bà đã già và sống hoàn toàn cách biệt mọi người nhưng người ta vẫn thấy bà chắc chân mạnh tay, đi đứng ngay ngắn với cái sức khỏe bền chắc như đá mà xưa nay bà vốn có. Không một ai biết được ý nghĩ của bà kể từ khi bà dứt khoát từ chối đại tá Gerineldo Márquez và đóng chặt cửa buồng để một mình ở trong nhà mà khóc lóc. Khi ra khỏi phòng bà đã cạo sạch nước mắt. Người ta không thấy bà khóc trước việc Remedios - Người đẹp bay lên trời, trước việc trong một thời gian ngắn cả mười bảy người con trai của đại tá Aureliano Buendía bị tàn sát, trước cái chết của chính ngài đại tá, vốn là người bà yêu mến nhất trần đời. Tuy bà đã biểu lộ lòng thương của mình khi mọi người bắt gặp thi hài ngài ở dưới gốc cây dẻ, nhưng tuyệt nhiên bà không nhỏ một giọt nước mắt. Bà đã giúp một tay dựng tử thi dậy. Bà mặc cho ngài bộ trang phục chiến binh, cạo râu, chải tóc cho ngài và bà trang điểm bộ râu cho ngài còn đẹp hơn cả ngài trang điểm nó trong những năm tháng vinh quang của mình. Không một ai nghĩ rằng trong cử chỉ ấy, bà đã để lộ tình yêu vì mọi người đã quen với sự thông thạo tang lễ của Amaranta. Fernanda đùng đùng nổi cáu cho rằng Amaranta không hiểu những mối quan hệ của đạo Cơ đốc với cuộc sống mà chỉ duy nhất hiểu những quan hệ của nó với cái chết, như thể nó không phải là một tôn giáo mà chỉ là một tờ giấy quảng cáo cho thói câu nệ hình thức ma chay. Amaranta chìm đắm quá sâu trong những kí ức bề bộn của mình để hiểu cho được những lời nói ngụ ý sâu xa ấy. Bà đã bước tới tuổi già với tất cả nỗi hoài nhớ tươi roi rói. Khi nghe những bản nhạc valse của Pietro Crespi, bà vẫn có những khao khát muốn khóc như cái thuở mới lớn, như thể thời gian và sự trừng phạt mình chẳng có nghĩa lý gì. Những băng nhạc mà chính bà từng

ném vào sọt rác với cái cối chúng bị hơi ẩm làm cho mục hết, cứ tiếp tục quay và gõ nhịp trong kí ức bà. Bà đã định nhấn chìm những khao khát ấy trong nỗi đam mê tội lỗi ở giới hạn được phép với người cháu của mình là Aureliano José và bà đã định ẩn nấp dưới sự che chở lạnh mạnh và cao thượng của đại tá Gerineldo Márquez, nhưng bà đã không tìm được cách đánh đổ hoàn toàn những khát vọng ấy ngay cả trong hành động tuyệt vọng nhất của tuổi già; ấy là lúc tắm cho thằng bé José Arcadio ba năm trước khi gửi nó đi học và bà đã mê mê nó không như một người bà đối với đứa cháu mà lại như một người đàn bà đối với người đàn ông, như chính cô điếm tân thời đã làm theo lời đồn của thiên hạ và như chính bà ở tuổi mười hai, mười bốn từng muốn làm đôi với Pietro Crespi, khi thấy chàng vận quần áo khiêu vũ và tay cầm cây gậy chỉ huy huyền diệu để lấy nhịp từ chiếc máy đo nhịp. Đôi lúc cái vết sẹo trên tay kia khiến bà đau khổ vì đã để nó theo mình và đôi lúc nó khiến bà giận dữ quá đỗi đến mức phải lấy kim châm vào các ngón tay, nhưng cái vườn ối chín rộ thơm lựng của tình yêu đang tiến dần tới cõi chết làm bà đau khổ hơn cả, khiến bà giận dữ hơn cả và cay đắng hơn cả. Như đại tá Aureliano Buendía nghĩ đến chiến tranh, Amaranta nghĩ tới Rebeca, nghĩa là không thể dừng được. Nhưng trong lúc anh trai bà đã tìm được cách làm cho những kỷ niệm ấy khô cạn đi thì bà chỉ tìm cách khiến chúng nóng bỏng thêm. Điều duy nhất bà cầu khẩn Thượng đế trong rất nhiều năm là ngài đừng để bà chết trước Rebeca. Cứ mỗi bận bà đi qua nhà Rebeca và nhận thấy ngôi nhà đang ngày một đổ nát thì bà cảm thấy sung sướng với ý nghĩ Thượng đế đang nghe lời cầu khẩn của mình.

Có một buổi chiều, khi đang may vá ở ngoài hành lang, một ý nghĩ sáng tỏ bỗng nảy sinh trong tâm trí bà và bà thấy rằng bà sẽ ngồi ở ngay chính cái chỗ ấy, trong chính tư thế ấy và cũng trong chính ánh sáng ấy, khi người ta mang tin Rebeca đến cho mình. Bà ngồi đợi tin ấy như ai đó đợi một bức thư, và rõ ràng là có thời kỳ bà dứt hết cúc để rồi đơm lại, chả là vì ngồi rồi không thể dịch nổi với ngồi chờ vốn dài lê thê và đau khổ hơn nhiều. Trong gia đình không một ai biết rằng Amaranta lúc này dệt một tấm khăn liệm quý giá cho Rebeca. Sau đó, khi Aureliano Triste kể chuyện rằng anh đã thấy bà ta biến thành một bóng ma da dẻ nhăn nheo và trên đầu lơ thơ còn lại mấy mớ tóc vàng thì bà chẳng ngạc nhiên tí nào bởi vì hình ảnh được miêu tả ấy đúng y hệt với hình ảnh Rebeca mà bà đã mừng tượng thấy từ rất lâu. Bà đã quyết định dựng lại thi hài Rebeca, lấy sáp đánh cho da mặt Rebeca căng mọng lên và lấy tóc của các bức tượng thánh để làm cho Rebeca một bộ tóc giả. Bà sẽ chế tạo ra một thi hài đẹp với khăn liệm bằng vải lanh và một chiếc quan tài bọc nỉ có những tua dải đỏ và bà sẽ đặt quan tài này trong sự túc trực của những kẻ hầu người hạ vốn thường thấy ở những đám tang lộng lẫy. Bà xây dựng kế hoạch này với biết bao hận thù đến mức bà phải rùng

mình trước ý nghĩ rằng bà đã làm đám tang này như thể với tất cả lòng yêu của mình, nhưng bà đã không thể để cho sự nhầm lẫn làm cho mình lúng túng mà trái lại bà tiếp tục hoàn thiện những chi tiết hết sức nhỏ nhặt đến mức bà trở thành một người còn tinh thông hơn cả một nhà chuyên môn trong các lễ tang. Điều duy nhất bà không nhận ra trong kế hoạch dày công xây dựng này là bà có thể chết trước Rebeca, mặc dù bà đã tha thiết khẩn cầu Thượng đế Quả nhiên điều đó đã xảy ra. Nhưng trong những ngày cuối cùng của đời mình, Amaranta không cảm thấy đau khổ, trái lại bà cảm thấy mình được giải thoát khỏi mọi nỗi đắng cay, bởi vì thần chết đã đem lại cho bà vinh dự được báo trước về cái chết sẽ xảy ra sớm hơn dự định của mình vài năm. Có một buổi trưa trời oi ả sau khi Meme đến trường được ít bữa, trong lúc đang ngồi khâu ở hành lang bà đã nhìn thấy thần chết. Bà nhận ra ngay nó, và nó chẳng có gì là đáng sợ cả, bởi vì nó là một phụ nữ vận đồ xanh màu thanh thiên với mái tóc dài như suối, nom nó có vẻ lỗi thời một tí, tựa tựa như hình ảnh Pilar Ternera trong cái thời ả vẫn đến nấu nướng giúp gia đình mình. Đôi lúc Fernanda đứng ngay trước mặt bà nhưng bà không nhận ra mặc dù Fernanda hiển hiện một cách rất đích thực, rất con người, ngay cả lúc nhờ bà khâu kim. Thần chết không báo cho bà biết khi nào bà chết và cũng không nói cho bà biết giờ chết của mình có phải xảy ra trước giờ chết của Rebeca không, mà chỉ bảo bà hãy bắt đầu khâu khăn liệm cho chính mình vào ngày mùng sáu tháng tư tới. Thần chết đã cho phép bà làm khăn liệm thật cầu kỳ và thật đẹp mắt như bà mong muốn, nhưng cũng hết sức danh giá như bà đã làm khăn liệm cho Rebeca. Và thần chết còn cho bà biết rằng bà sẽ chết không đau đớn, không sợ sệt, không cay đắng vào ngày đêm may xong tám vải liệm cho chính mình. Vì cố ý kéo dài thời gian, Amaranta tự mình kéo lấy sợi lanh, rồi tự tay dệt lấy tám vải. Bà làm rất cẩn thận đến mức chỉ với công việc này bà đã tốn mất bốn năm. Sau đó bà bắt đầu công việc khâu thừa trên tám khăn liệm. Vậy là ngày kết thúc công việc không thể tránh được ấy cứ ngày một nhích gần đến và do đó bà ngày càng hiểu rõ rằng chỉ có phép màu mới cho phép bà kéo dài công việc đến sau ngày chết của Rebeca, nhưng chính sự tập trung sức làm việc lại trả lại cho bà lòng thanh thản bà vốn còn thiếu để chấp nhận ý nghĩ bất hạnh. Đó là lúc bà hiểu được cái vòng luẩn quẩn có phần bệnh hoạn trong việc sản xuất - tiêu thụ để rồi sản xuất - tiêu thụ những chú cá vàng của đại tá Aureliano Buendía. Thế giới bên ngoài thu lại trên mặt làn da của ngài, còn nội tâm ngài ở ngoài mọi nỗi đắng cay. Bà lấy làm đau đớn trước việc đã không hiểu điều đó trong rất nhiều năm trước đây, khi mà bà vẫn còn có thể thanh lọc những kỷ niệm và dựng lại một thế giới mới dưới một ánh sáng mới và nhớ lại mình oải hương của Piêtro Crespi vào lúc chiều xuống mà không rùng mình, và giải thoát Rebeca khỏi sự thù hận của mình, không hề căm giận cũng chẳng hề yêu thương mà chỉ bởi lòng cảm thông với nỗi cô đơn. Lòng căm thù mà bà nhận

ra trong những lời nói của Meme một đêm nọ làm cho bà bị kích động không phải bởi nó xúc phạm tới bà, mà vì bà cảm thấy mình được lặp lại trong một tuổi dậy thì khác dường như cũng rất trong sáng như cái tuổi dậy thì bà nên có, và rằng rất đáng tiếc nó đã bị sự hằn học cá nhân làm cho vắn đục đi. Nhưng đó chính là lúc sự cam chịu với số phận mình cũng rất sâu sắc đến mức nó không làm cho bà dao động trước sự thật hiển nhiên rằng những cánh cửa mở lối cho việc cải hối đã bị đóng kín hết cả. Mục đích duy nhất của bà lúc này là hoàn thành chiếc khăn liệm. Đáng lẽ phải làm chậm hơn nữa như lúc đầu đã làm, nay bà vội vã làm cho mau xong. Một quán trước bà đã tính rằng vào đêm ngày mồng bốn tháng hai bà sẽ may mũi khâu cuối cùng. Và không hề để lộ lý do, bà yêu cầu Meme biểu diễn sớm hơn buổi hòa nhạc đàn tiêu dương cầm đã dự định vào ngay ngày hôm sau, nhưng cô cháu không chịu. Thế là Amaranta tìm cách kéo dài công việc thêm bốn mươi tám giờ nữa và bà nghĩ thân chết đã đồng tình với mình vì đêm ngày mồng bốn tháng hai một cơn bão đã làm đổ cột điện. Nhưng sang ngày hôm sau, vào lúc tám giờ sáng bà đã khâu mũi chỉ cuối cùng cho chiếc khăn liệm cực kỳ đẹp đẽ mà không một người đàn bà nào đã làm được, rồi không hề đau khổ bà báo tin rằng mình sẽ chết vào buổi chiều. Bà không chỉ báo trước cho gia đình mình mà còn bác cho cả làng biết. Bởi vì Amaranta nghĩ rằng một cuộc đời nhỏ mọn đã có thể dừng lại với việc giúp đỡ cho cả bàn dân thiên hạ, và bà cho rằng không có một ân huệ nào lại hay hơn việc mang hộ thư cho những người chết. Tin tức nói rằng vào lúc hoàng hôn Amaranta Buendía sẽ ra đi khỏi cõi đời này có nhận mang thư từ cho người chết được truyền đi khắp thị trấn Macondo và đến ba giờ chiều tại phòng khách đã có một thùng đầy ắp thư. Những ai không muốn viết thì nhờ Amaranta nhắn miệng hộ và bà đã ghi lại trong một cuốn sổ lời nhắn cùng với tên và ngày chết của người được nhận lời nhắn. “Đừng lo”, bà an ủi những người nhắn tin, “Điều tôi làm trước tiên khi đến nơi sẽ là việc hỏi thăm ông ta và tôi sẽ nhắn lại giùm bác”. Dường như đó là một trò hề. Amaranta không hề để lộ một nỗi lo lắng nào, cũng không hề nhăn nhó vì đau đớn, hơn nữa nhiệm vụ được thực hiện còn làm cho bà trẻ ra chút ít. Như mọi bữa, bà vẫn son sẻ và hoạt bát. Nếu như đôi má không nhăn nhúm, và cái miệng không bị rụng mất vài chiếc răng thì chắc hẳn nom bà sẽ bớt già hơn cái hình hài già nua hiện tại. Chính bà đã ra lệnh rằng cần phải để thư vào một cái hòm sơn và chỉ dẫn cách đặt cái hòm ấy trong ngôi mộ như thế nào để bảo quản nó tốt hơn trước sức phá hoại của hơi ẩm. Ngay buổi sáng bà đã cho gọi một bác phó mộc tới và bà đứng ở phòng khách để bác ta đo kích thước đóng chiếc quan tài như thể bác phó may vẫn làm để cắt một bộ quần áo vậy. Cái sức lực ấy bỗng sống dậy trong bà ở những phút chót của cuộc đời khiến cho Fernanda nghĩ rằng bà đang trêu chọc, đùa giỡn tất cả mọi người. Úrsula, với kinh nghiệm của bản thân cho thấy những người thuộc dòng họ Buendía này sẽ chết vô

bệnh tật đã không nghi ngờ rằng Amaranta nhận được diem báo của thân chết, nhưng trước hết cụ lại sợ rằng trong cái việc chuyển thư cho người chết và sự nôn nóng muốn cho thư mau đến tay người nhận, người ta sẽ chôn sống Amaranta mất. Thế là cụ đích thân đi đuổi bắt người ta ra khỏi nhà, có lúc cụ phải gào lên để cãi nhau với những kẻ quá ư mặt dạn mày dày, cuối cùng đến bốn giờ chiều cụ cũng đã làm cho ngôi nhà vắng khách đi nhiều. Cũng vào giờ ấy, Amaranta phân phát xong đồ dùng cá nhân của mình cho những người nghèo và bà chỉ để lại trên chiếc quan tài mộc mạc được làm bằng những tấm ván không bào một bộ quần áo sẽ thay và một đôi hài nhưng kẻ mà bà sẽ đi trong cõi chết. Cái sự thận trọng ấy không vô ích khi bà nhớ lại rằng lúc đại tá Aureliano Buendía chết, bà đã phải sắm cho ngài một đôi giày mới vì ngài chỉ còn lại có đôi dép lê dùng trong xưởng kim hoàn. Trước lúc năm giờ một ít, Aureliano Segundo về tìm Meme để cùng đi dự một buổi hòa nhạc và ông ngạc nhiên thấy ngôi nhà đã được chuẩn bị cho đám tang. Nếu có ai đang sống vào giờ này chính lại là Amaranta khỏe mạnh, người mà thời gian vẫn còn đủ cho bà cắt đi những nốt sần chai trên da dẻ. Aureliano Segundo và Meme tạm biệt bà bằng những lời chào chế giễu và hứa với bà rằng ngày thứ bảy tới cha con mình sẽ tổ chức một cuộc vui của ngày phục sinh. Bị lôi cuốn bởi những lời đồn của dân chúng nói rằng Amaranta Buendía đang nhận thư để chuyển đến tay người chết, cha Antonio Isabel mang bánh thánh ban cho người hấp hối tới nhà vào lúc năm giờ và cha buộc phải chờ mười lăm phút để đợi người sắp chết từ nhà tắm đi ra. Khi thấy bà xuất hiện với chiếc áo ngủ bằng vải bông và mái tóc buông xõa ngang lưng thì vị cha cố già lão tin rằng đó là một trò cười rồi lập tức bãi bỏ việc làm lễ sám hối. Tuy nhiên, cha nghĩ rằng cần tranh thủ dịp này để buộc Amaranta xưng tội vì sao hai mươi năm hay không hề đi nhà thờ. Amaranta đã trả lời cha một cách thật giản dị rằng bà thấy chẳng cần phải tham dự bất kỳ một buổi lễ nhà thờ nào vì lương tri mình lúc nào cũng rất trong sạch. Fernanda đâm bực bội không cần phải giữ mồm giữ miệng, đã hỏi thật to rằng Amaranta sẽ còn phạm một tội kinh tởm nào hơn khi bà ta mong muốn một cái chết phạm thánh không chịu xưng tội vì xấu hổ. Thế là Amaranta đi nằm, và buộc Úrsula công khai chứng thực con người trinh tiết của mình. - Đừng có mà tưởng nhé, - bà gào thật to cốt để Fernanda nghe rõ, - Amaranta Buendía sẽ đi khỏi thế gian này như đã sinh ra trên thế gian này. Bà không ngồi dậy nữa. Bà nằm dựa trên gối như thể ốm thực, tết những bím tóc đuôi sam dài rồi cuộn lại ngang tai, như thân chết đã bảo bà rằng nên nằm vào quan tài. Sau đó bà đòi Úrsula mang cho mình chiếc gương, và lần đầu tiên trong bốn mươi năm nay bà nhìn gương mặt xương xẩu đi vì tuổi già và đau khổ, và ngạc nhiên thấy nó giống y hệt gương mặt tượng tợng mà bà tự nghĩ ra cho mình. Qua cái lạng lẽ ngoài hành lang, Úrsula hiểu rằng trời bắt đầu tối. - Con hãy từ biệt Fernanda đi, - cụ khuyên - Một phút làm lạnh còn

hơn cả đời chơi thân với nhau, con ạ. - Bây giờ thì không cần nữa rồi, mẹ ạ. Meme không thể không nghĩ đến Amaranta khi đèn báo kết thúc phần một đã bật sáng và phần hai đêm biểu diễn sắp bắt đầu. Khi cô chơi được một nửa bản nhạc thì có người nói nhỏ vào tai cho biết tin Amaranta đã từ trần và thế là cuộc vui bị bỏ dở. Khi về tới nhà, Aureliano Segundo buộc phải lấy cùi tay hích đám đông để lấy lối vào nhìn mặt tử thi của bà già trinh nguyên, một gương mặt xấu và xám ngoét, bàn tay vẫn mang dải băng đen và cả người được cuốn trong tấm khăn liệm đẹp đẽ. Quan tài được quản ở phòng khách bên cạnh hòm thư.

Úrsula nằm liệt giường từ sau chín giờ đêm ngày Amaranta chết. Santa Sofía de la Piedad lo chăm nom cụ. Bà mang vào phòng cho cụ nào cơm ăn từng bữa, nào nước rửa hàng ngày và tất cả tin tức xảy ra ở thị trấn Macondo. Aureliano Segundo thường xuyên vào thăm cụ, mang cho cụ áo quần. Cụ để chúng ở đầu giường cùng với những đồ thiết dụng hàng ngày. Vậy là chẳng bao lâu một thế giới các đồ vật được thiết lập trong tám tay cụ. Cụ đã đánh thức được tình cảm kính trọng sâu sắc trong cô bé Amaranta Úrsula, người giống cụ y hệt và là người được cụ dạy học đọc. Cái sáng suốt của cụ, sự hoạt bát đủ để cụ tự phục vụ lấy mình khiến mọi người không nghĩ rằng cụ đã hoàn toàn bị sức nặng của tuổi già một trăm năm đánh bại, và ngay cả việc cụ đi lại phải quờ quạng cũng không một ai nghĩ rằng cụ đã hoàn toàn mù mắt. Vậy là cụ dành tất cả thời gian, tất cả sự lặng lẽ bên trong tâm hồn để theo dõi cuộc sống trong gia đình và vì vậy cụ là người đầu tiên nhận ra nỗi đau khổ thâm lặng của Meme. - Lại đây chặt, - cụ nói - Bây giờ chỉ có hai chúng ta với nhau thôi, chặt hãy tâm sự cho bà già đáng thương này nghe chuyện gì đã xảy ra với chặt nào. Với tiếng cười đứt quãng, Meme đã lảng tránh buổi nói chuyện. Úrsula không nài nỉ nhưng cụ đã đi đến khẳng định những nghi ngờ của mình khi không thấy Meme đến thăm nữa. Cụ biết rằng cô trang điểm quá sớm, rằng cô không lúc nào được thư thả tâm hồn trong lúc đợi tới giờ đi chơi, rằng suốt đêm cô quần quai trên giường ở căn phòng bên cạnh, và rằng cánh bay của một thứ bướm làm day dứt tâm hồn cô. Có lần cụ đã nghe thấy người ta bảo mình rằng cô đi xem phim cùng với Aureliano Segundo và Úrsula ngạc nhiên thấy rằng Fernanda quá ư nghèo nàn trí tưởng tượng đến mức không nghi ngờ gì khi chồng bà về nhà hỏi con gái đâu. Rõ ràng là Meme đang đắm mê trong những chuyện bí mật, trong những lời hẹn hò khẩn cấp trong những khát vọng bị dồn nén, ngay từ đã lâu rồi trước cái đêm Fernanda làm ồn cả nhà về việc bà bắt gặp cô cùng một gã đàn ông đang hôn nhau trong rạp phim... Lúc này chính Meme lại hết sức lo ngại đến mức cô đổ tội cho Úrsula là người đã tố cáo mình. Thực ra chính cô đã tự tố cáo mình. Từ lâu cô đã để lại sau lưng mình một vệt dài những dấu ấn có thể làm thức tỉnh kẻ say ngủ nhất, và nếu Fernanda quá ư

chậm chạp trong việc phát hiện ra những dấu ấn ấy chỉ là vì bà cũng đang tối mảy tối mặt vào những chuyện riêng tư với các thầy thuốc không thể nhìn thấy. Tuy vậy bà cũng vừa nhận ra sự im lặng thâm kín, những cú nhảy cẫng không đúng lúc những lúc thay đổi tính tình bất thường và cả những lời cãi cọ của cô con gái. Bà lao mình vào một cuộc dò la tuy không gay gắt nhưng rất kiên trì. Bà để cho cô đi chơi với nhau người bạn gái quen biết xưa nay, giúp cô diện quần áo để đi dự cáo buổi vui ngày thứ bảy, và chẳng bao giờ hỏi cô một câu hỏi không đúng lúc có thể làm cô giật thót. Bà đã có rất nhiều bằng chứng chứng tỏ rằng Meme nói một đấng làm một nẻo và bà vẫn nghi ngờ và chờ dịp tốt đến. Có một đêm, Meme bảo bà rằng cô đi xem phim cùng với cha. Sau đó ít lâu, Fernanda nghe thấy tiếng pháo tiệc tùng và tiếng đàn phong cầm không thể nhầm lẫn của Aureliano Segundo ở phía nhà Petra Cotes. Thế là bà vội vàng mặc quần áo để ra đi, bà buồm vào rạp phim và ở phía sau các hàng ghế bà nhận ra ngay con gái mình. Vì quá ư xúc động trước sự thực hiển nhiên nên bà không kịp nhìn gã đàn ông đang cùng con gái mình hôn nhau. Nhưng bà nghe rõ giọng nói run run nổi bật lên trên những tiếng huýt gió và tiếng cười âm ỉ của công chúng: “Em yêu, anh buồn lắm”. Bà nghe thấy gã nói thế và bà kéo Meme đứng dậy, lôi ra khỏi rạp phim mà không nói một lời. Bà làm cho cô ngỡ ngàng chết người khi dẫn cô đi qua đường Thổ Nhĩ Kỳ vốn ồn ỉ. Rồi bà giam cô trong phòng ngủ. Vào lúc sáu giờ chiều ngày hôm sau, Fernanda nhận ra giọng nói của kẻ đến thăm Meme. Đó là một thanh niên trẻ, da xanh xao vàng vọt, đôi mắt sẫm tối và mơ màng không làm bà ngạc nhiên nhiều như thể bà quen thấy ở những người digan, và cái vẻ mơ màng này đã khiến cho người đàn bà có trái tim ít khe khắt biết ngay những lý do làm thay đổi tính tình con gái mình.

Anh ta vận quần áo vải lanh thông dụng, đi đôi giày ánh xi trắng nom đến thảm hại, tay cầm chiếc mũ rơm mua ngày thứ bảy gần đây. Trong đời mình, anh chưa từng hoảng hốt như trong lúc này, nhưng anh lại có lòng tự trọng và tự chủ, những đức tính quý giá đã cứu anh khỏi rơi vào thế phải quy lụy và anh có một cơ thể cân đối, nhưng chỉ phải đôi tay sần tù và móng tay long tróc vì công việc nặng nhọc. Đối với Fernanda, chỉ thoáng nhìn một lần, cũng đã đủ để bà nhận ra nghề thợ máy của anh. Bà nhận ra rằng anh vẫn mặc bộ quần áo duy nhất ngày chủ nhật và bên trong áo sơ mi hiện ra một lớp da bị bệnh ngứa của Công ty chuối làm cho loang lổ, bong vảy. Bà không cho phép anh nói, không cho phép anh bước chân qua cửa mà sau đó bà phải đóng lại ngay vì nhà đã đầy buồm vàng...

- Xéo ngay, - bà đuổi anh, - không việc gì đến anh mà phải tới đây tìm người nào cả. Ở đây toàn là người đứng đần thôi.

Anh ta tên là Mauricio Babilonia. Anh đã sinh ra và lớn lên thị trấn Macondo và là thợ học nghề cơ khí trong các xưởng ủa Công ty chuối. Chỉ

nhờ có một buổi chiều cùng với Patricia Brown đi tìm ô tô để dạo chơi quanh các đồng chuối mà Meme quen biết anh một cách ngẫu nhiên. Vì người tài xế ốm nên người ta giao cho anh lái xe đưa các cô đi chơi, và Meme đã thỏa ước ao ước của mình là ngồi gần tay lái để được tận mắt nhìn anh lái ô tô. Khác với người tài xế thực thụ, Mauricio Babilonia biểu diễn cho cô xem. Đó là thời kỳ Meme thường có mặt ở nhà ngài Brown và cũng là thời người ta còn khinh thị đàn bà lái ô tô. Vậy mà Meme chỉ bằng lòng với việc học lý thuyết và trong vài tháng liền cô không tới thăm Mauricio Babilonia. Nhưng sau đó ít lâu có thể cô đã nhớ rằng trong lúc đi chơi cái thân thể cường tráng rất đẹp ngoại trừ đôi bàn tay thô kệch của anh đã làm cô phải chú ý, nhưng sau đó cô lại bình phẩm với Patricia Brown về sự khó chịu của mình do lòng tự tin có phần kiêu hãnh của anh gây ra. Ngày thứ bảy đầu tiên đi xem phim cùng cha mình, cô lại thấy Mauricio Babilonia vẫn mặc bộ quần áo lạnh ngòi cách không xa họ lắm, và cô cảm thấy anh không hào hứng theo dõi phim để quay đầu lại nhìn mình, không chỉ để nhìn cô mà còn để cho cô biết rằng anh đang nhìn cô. Meme khó chịu trước kiểu chơi thô lỗ ấy. Đến cuối buổi xem phim, Mauricio Babilonia đến gần để chào Aureliano Segundo và chỉ đến lúc này Meme mới biết rằng họ quen nhau, bởi vì anh từng làm việc trong nhà máy phát điện đầu tiên ở thị trấn Macondo của Aureliano Triste và anh cư xử với cha cô với thái độ của kẻ bề dưới. Chính việc mắt thấy tai nghe này đã xoa dịu nỗi khó chịu mà thái độ tự kiêu của anh đã gây ra cho cô. Họ đã không gặp riêng nhau, cũng chẳng trao đổi với nhau lời nào ngoài những lời chào hỏi xã giao, nhưng cái đêm cô mơ thấy anh cứu mình thoát khỏi chết đuối thì cô không biết ơn mà còn nổi cáu với anh. Vì giấc mơ ấy cho thấy cứ như là cô đã cho anh cơ hội mà anh hằng ao ước, trong khi Meme ao ước điều ngược lại, không chỉ với Mauricio Babilonia mà còn với bất kỳ người con trai nào yêu mến cô. Vì vậy mà cô giận anh quá tới mức sau giấc mơ đáng lẽ ghét bỏ anh thì cô lại thấy cần phải đi gặp anh ngay. Sự háo hức muốn gặp lại anh ngày một da diết hơn trong suốt tuần lễ. Và ngày thứ bảy đã đến quá ư gấp gáp tới mức cô phải cố gắng lắm để cho Mauricio Babilonia, vào lúc chào mình ở rạp phim, không nhận thấy trái tim như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực cô. Do mất bình tĩnh trước cảm giác lẫn lộn giữa vui và giận, lần đầu tiên cô chìa bàn tay cho anh và chỉ lúc này Mauricio Babilonia mới tự cho phép xiết chặt tay cô. Trong một tích tắc Meme bắt đầu cảm thấy ân hận vì sự dấn thân của mình, nhưng nỗi ân hận ngay lập tức chuyển thành một tình cảm mãnh liệt khi biết rằng bàn tay anh cũng nhom nhóp mồ hôi và lạnh buốt. Đêm ấy cô hiểu rằng mình sẽ chẳng có lấy một phút thanh thản nếu như chưa chứng tỏ cho Mauricio Babilonia sự trống trải của tâm hồn mình và thế là suốt tuần cô cứ quần quanh vợ vẫn trong nỗi khát khao ấy. Cô tìm mọi thủ đoạn để nhờ Patricia Brown đưa mình đi tìm chiếc ô tô nhưng vô ích. Cuối cùng cô phải

nhờ đến chàng thanh niên người Mỹ tóc đỏ, người tới Macondo nghỉ hè cùng gia đình, và lấy cớ xem những kiểu ô tô mới cô buộc anh chàng dẫn mình tới xưởng cơ khí. Kể từ lúc nhìn thấy anh, Meme không còn tự lừa dối mình nữa và hiểu rằng trong thực tế cô không thể ghìm nổi nhưng ao ước được ở một mình bên cạnh Mauricio Babilonia, nhưng cái điều chắc tin rằng anh đã hiểu được lòng mình khi vừa nhìn thấy mình đã làm cho cô nổi cáu.

- Tôi đến để xem các kiểu ô tô mới, - Meme nói.

- Đó cũng là một lý do nghe được đấy, - anh nói.

Meme biết rằng mình đang bị rang nóng lên trong ngọn lửa kiêu hãnh của anh và cô vội tìm cách làm nhục anh. Nhưng anh đã không để cho cô có thời gian.

“Cô đừng giật thót nhé”, anh nói nhỏ nhẹ: “Chẳng phải là lần đầu tiên một người đàn bà phát điên lên vì một người đàn ông đâu”.

Cô cảm thấy bị xúc phạm quá mức đến nỗi cô bỏ xưởng cơ khí ra đi không thèm xem các kiểu ô tô mới và đêm ấy cô cứ trần trọc giở mình trên giường để mà khóc vì nỗi tằm tức trong lòng. Chàng thanh niên Mỹ tóc đỏ, mà thực ra lúc này đã bắt đầu thích cô, cảm thấy cô là một đứa con nít. Đó là thời kỳ cô bắt đầu nhận ra những con bướm vàng báo hiệu sự có mặt của Mauricio Babilonia. Trước đó cô đã nhìn thấy chúng, đặc biệt là ở xưởng cơ khí, và cô nghĩ rằng chúng bị mùi sơn kích thích mà bay tới. Có một vài lần cô cảm thấy chúng bay lượn ngay trên đầu mình ở trong rạp phim. Nhưng khi Mauricio Babilonia bắt đầu theo đuổi cô giống như một bóng ma mà chỉ một mình cô nhận ra giữa đám đông, thì cô hiểu rằng những con bướm vàng này có mối liên hệ mật thiết với anh. Mauricio Babilonia luôn luôn có mặt ở giữa đám đông trong các buổi hòa nhạc, trong rạp phim, trong lễ mixa và cô chẳng cần phải nhìn thấy anh mới phát hiện ra anh vì những con bướm vàng đã chỉ chỗ anh đứng. Có một lần, Aureliano Segundo cảm thấy khó chịu lắm trước cánh bay rộn ràng đến ngạt thở của những con bướm vàng, do đó cô cảm thấy náo nức muốn bộc lộ với ông chuyện thầm kín của mình như đã hứa, nhưng bản năng lại mách cho cô biết rằng lần này- ông sẽ không cười như mọi bận. “Mẹ con sẽ nói gì khi bà ấy biết mặt hấn”. Có một buổi sáng, trong lúc hai mẹ con đang tỉa cành các khóm hồng, Fernanda bỗng hoảng hốt gào toáng lên và vội vàng kéo Meme đi khỏi chỗ đang đứng vì đó chính là vườn hoa mà Remedios - Người đẹp đã bay lên trời. Bà thoáng có cảm giác rằng phép màu nhiệm lại sẽ xảy ra với con mình vì tiếng bay vù vù bỗng chốc xuất hiện làm bà giật thót. Đó là tiếng bay của những con bướm vàng. Meme nhìn thấy chúng như thể kháng vừa sinh ra trong ánh sáng, và trái tim cô đập rộn ràng. Vừa lúc đó Mauricio Babilonia xuất hiện, tay bung một cái hộp, mà theo lời anh nói, là quà tặng của cô Patriciacá Brown. Meme cố lấy

vẻ tự nhiên, kìm bót cho mặt mình khỏi đỏ ửng, nén bót cơn bão lòng, cho đến khi nhoén được một nụ cười đằm nhiên để nhờ anh làm ơn đặt hộ nó lên bao lơn hiên nhà vì tay mình lấm đất. Điều duy nhất Fernanda ghi nhận người đàn ông mà mấy tháng sau này bà không cho bước vào nhà, và không hề nhận ra đã có lần nhìn thấy anh ta rồi, là nước da xanh xao vàng vọt của anh. - Đó là một người đàn ông quái dị, - bà nói. Nhìn mặt là biết ngay anh ta sẽ chết. Meme nghĩ rằng mẹ mình thích thú những con bướm ấy. Khi hai mẹ con tĩa hồng xong, cô đi rửa tay rồi mang hộp quà vào phòng riêng để mở. Đó là một thứ đồ chơi của Tàu, gồm năm cái hộp đồng tâm, và ở hộp trong cùng có một thiệp được một người hầu như vừa biết viết vẽ chữ rất nắn nót: “Chúng ta sẽ gặp nhau vào ngày thứ bảy ở rạp phim”. Meme cảm thấy mình thật ngớ ngẩn đã để hộp quà quá lâu ở bao lơn ngay trước con mắt tò mò của Fernanda, dù cho lúc này cô đang mẫn nguyện trước đức tính khôn khéo và mạnh bạo của Mauricio Babilonia, trước tính ngây thơ của anh đang khích lệ cô thực hiện lời hẹn hò. Kể từ đó Meme biết rằng Aureliano Segundo đã có lời hẹn hò với nhân tình vào đêm ngày thứ bảy. Tuy nhiên, ngọn lửa thèm khát đang như nung đốt cô suốt cả tuần lễ và do đó ngày thứ bảy cô đã thuyết phục được cha mình hãy để cô một mình ở rạp phim và sẽ đến đón cô khi buổi chiếu kết thúc. Một con bướm bay bay trên đầu cô trong lúc đèn đang chiếu sáng. Thế là câu chuyện bắt đầu từ đây. Khi đèn tắt hết, Mauricio Babilonia ngồi xuống bên cạnh cô. Meme cảm thấy mình đang lặn ngụp trong một đầm lầy đau khổ và chỉ một người đàn ông nồng nặc mùi dầu máy mới có thể giải thoát cô khỏi nó.

- Nếu em không đến, - anh nói, - sẽ chẳng bao giờ em còn được thấy anh nữa.

Meme cảm nhận sức nặng của bàn tay anh đặt lên đầu gối mình và cô biết rằng trong lúc ấy cả hai cùng đi đến bờ bên kia của nỗi trống trải.

- Ghét anh lắm cơ, - cô mỉm cười, - vì lúc nào anh cũng nói điều không nên nói.

Cô lại phát điên phát cuồng vì anh. Cô mất ngủ, mất ăn và ngày một chìm sâu trong nỗi cô đơn đến mức cha cô đã trở thành một vật chướng ngại cho cô. Cô bày đặt cả một mạng nhện chằng chịt những lời hứa suông để đánh lừa Fernanda, không đến thăm các bạn gái, vượt qua mọi lệ tục để đến gặp Mauricio Babilonia vào bất cứ lúc nào và bất kỳ ở đâu. Thoạt đầu vẻ thô thiển của anh làm cô khó chịu. Lần đầu tiên gặp riêng nhau, ngay ở ngoài bãi trống ở sau xưởng cơ khí, anh đã vờ cho cô một lử mà không chút thương hại. Phải mất một thời gian cô mới vỡ lẽ rằng đó cũng là một hình thức môn trớn, và vì nó mà cô nôn nóng được gặp anh. Cô sống chỉ vì anh, chỉ vì nỗi khát khao muốn đắm mình trong hơi thở nồng nặc mùi dầu của anh.

Trước khi Amaranta chết ít lâu, trong lúc đang yêu cuồng say, cô bỗng bắt gặp một tia sáng trí tuệ và cô đâm run sợ trước tương lai của mình. Lúc ấy cô nghe nói về một người đàn bà có tài bói bài và cô đã bí mật tìm đến người ấy. Đó là Pilar Ternera. Ngay từ lúc nhìn thấy cô bước vào nhà, bà lão này đã biết ngay lý do xem bói của Meme. “Nào, ngồi xuống nào”, bà lão nói: “Ta chẳng cần đến các quân bài mới xem được tương lai của một người thuộc dòng họ Buendía”. Meme không biết, và mãi mãi không biết, rằng cái cô đồng một trăm tuổi kia lại chính là cụ cố của mình. Cô cũng đã không tin vào thực tế khủng khiếp mà cô đồng đã chứng minh cho cô biết: nỗi thèm khát yêu đương chỉ được giải quyết ở trên giường. Đó chính là quan điểm của Mauricio Babilonia, nhưng Meme cố không cho phép anh, bởi trong thâm tâm cô đoán rằng nỗi thèm khát của mình đã được nảy nở bởi ý nghĩ tội tộ của người công nhân cơ khí ấy. Lúc này cô nghĩ rằng một tình yêu kiểu này sẽ đánh đổ tình yêu kiểu kia, bởi vì cô biết tổng tư chất của những người đàn ông sẽ hết đời một khi được ăn thỏa mãn. Pilar Ternera không những chỉ an ủi cô mà còn cho cô mượn chiếc giường cũ nơi bà lão hoài thai Arcadio, người ông nội của Meme, và sau đó hoài thai Aureliano José. Ngoài ra bà lão còn dạy cô tránh thụ thai bằng cách ngửi hơi thuốc cao lá mù tạc như thế nào và cho cô những bài thuốc uống mà trong những trường hợp gay cấn nhất chúng cũng tổng ra “cả những nỗi dằn vặt của lương tri”. Cuộc trao đổi tâm tình ấy đã truyền cho Meme chính tình cảm mạnh bạo mà cô đã thể hiện trong đêm say rượu. Tuy nhiên, cái chết của Amaranta đã buộc cô phải trì hoãn thực hiện quyết định táo bạo của mình. Trong khi lễ tang kéo dài suốt chín ngày, cô không phút nào chịu rời khỏi Mauricio Babilonia, người thường trà trộn trong đám đông ủa vào nhà. Sau đó vì thời gian để tang kéo dài và vì bắt buộc phải ở nhà, hai người không gặp nhau ít lâu. Đó là những ngày của lòng nôn nao, của những thèm khát không thể tìm được, của những ước muốn bị dồn nén quá mức đến nỗi ngay buổi chiều mà Meme được phép ra khỏi nhà cô đã đến thẳng nhà Pilar Ternera. Cô đã hiến thân cho Mauricio Babilonia, hiến thân mà không hề kháng cự, không xấu hổ, không kiêu cách và hiến thân với một thiên hướng quá dễ dãi và một trực giác quá thông hiểu đến mức một người đàn ông đa nghi như người của cô hẳn sẽ phải nhầm lẫn chúng với một kinh nghiệm từng trải. Bọn họ làm tình với nhau mỗi tuần hai buổi trong hơn ba tháng trời. Các cuộc mây mưa vụng trộm này đã được Aureliano Segundo đồng tình che chở cốt để được thấy cô con gái thoát khỏi sự quản thúc ngặt nghèo của bà mẹ. Cái đêm Fernanda bắt quả tang bọn họ đang hôn nhau trong rạp thiếu phim, Aureliano Segundo cảm thấy ngọt ngào vì sức đề của lương tri mình và ông đã vào thăm Meme trong phòng, nơi cô bị Fernanda nhốt, và hy vọng rằng cô sẽ chia sẻ niềm tin mà ông đang còn chịu ơn cô. Nhưng Meme đã từ chối tất cả. Cô quá tin tưởng ở bản thân, quá bám chặt vào nỗi cô đơn của mình đến mức Aureliano Segundo có cảm giác

giữa họ chẳng còn một mối liên hệ nào, rằng tình thân cha con cũng như sự đồng lõa của họ chỉ còn là một ảo ảnh của quá khứ. Ông nghĩ sẽ nói chuyện với Mauricio Babilonia và định ninh rằng quyền lực ông chủ cũ của mình sẽ buộc anh ta phải từ bỏ mọi ý định, nhưng Petra Cotes lại thuyết phục ông rằng đó là chuyện của bọn đàn bà con gái. Vì thế mà ông đâm ra lưỡng lự không biết sẽ quyết định như thế nào và hầu như ông chỉ còn hy vọng rằng việc nhốt kín Meme trong phòng sẽ chấm dứt được những nỗi khổ tâm của cô con gái. Meme không hề để lộ nỗi đau khổ của mình. Trái lại, từ phòng bên cạnh Úrsula cảm nhận hơi thở nhịp nhàng của cô trong khi ngủ, sự bình thản trong những công việc thường ngày cô làm, cái trật tự đều đặn của những bữa cô ăn và sức tiêu hóa khỏe mạnh của cô. Việc duy nhất khiến Úrsula băn khoăn sau gần hai tháng cô bị phạt giam, là việc Meme không tắm vào buổi sáng như trước đây cô vẫn thường tắm mà cô lại tắm vào lúc bảy giờ tối. Có lần cụ nghĩ sẽ phải nhắc nhở Meme đề phòng bọn cướp, nhưng vì cô rất khó chịu với cụ bởi tự nghĩ rằng cụ đã tố cáo cô nên cụ không muốn làm cho cô chắt phải suy nghĩ lao lung trước những lời nói không đúng lúc của mình. Ngay từ chiều, bướm vàng lại vào đây nhà. Tối nào cũng vậy, cứ ra khỏi nhà tắm, Meme lại bắt gặp Fernanda đang hoảng hốt giết bướm vàng bằng ống bơm thuốc muối.

“Đây là một nỗi bất hạnh”, bà nói, “Cả đời ta chỉ nghe thấy người ta bảo bướm đêm gọi vận rủi tới nhà”.

Một tối nọ, trong lúc Meme đang ở trong nhà tắm, Fernanda ngẫu nhiên bước vào phòng cô và bà thấy trong phòng đông đặc bướm vàng đến mức hầu như không còn không khí để thở nữa. Thế là bà vớ quàng lấy bất cứ tấm quần áo nào để xua đuổi chúng và trái tim bà bỗng nhói lạnh khi liên hệ những buổi tắm tối của con gái mình với những lá cao mù tạc nằm lăn lóc trên sàn nhà. Bà không đợi dịp tốt như trước đây bà đã đợi. Ngày hôm sau, bà tức tối mời ngài thị trưởng mới đến nhà dùng cơm trưa với gia đình. cũng như bà, ông ta vừa từ vùng cao xuống sống ở miền duyên hải. Bà nhờ ngài cho lính đến gác đêm ở sân sau, bởi vì ít lâu nay kẻ trộm đang rình ăn trộm gà. Ngay đêm ấy, lính gác đã bắn trúng Mauricio Babilonia khi anh lật ngói để chui vào nhà tắm nơi Meme đang đợi anh. Nàng khỏa thân và đang run lên vì tình giữa những con bọn cướp và đàn bướm vàng như nàng vẫn làm vào hầu hết các buổi tối trong những tháng gần đây. Một viên đạn găm vào cột sống buộc anh suốt đời nằm liệt trên giường. Anh chết già trong nỗi cô đơn, không một tiếng rên rỉ, không một lời chửi bới, không một âm mưu bội phản. Anh mòn mỏi sống trong hoàn cảnh bị những kỷ niệm dần vật và đàn bướm vàng không để cho anh có lấy một phút yên tĩnh. Anh bị xã hội bỏ rơi vì là một tên ăn trộm gà.

CHƯƠNG 15

Những sự kiện từng đánh đòn chí tử vào thị trấn Macondo đã bắt đầu lộ rõ khi người ta mang đứa con trai của Meme Buendía tới nhà. Hoàn cảnh chung lúc ấy hết sức mơ hồ đến mức chẳng một ai quan tâm tới những chuyện rắc rối của riêng từng gia đình, vì thế mà Fernanda có điều kiện thuận lợi để giấu kín thằng bé đi, làm như thể chẳng bao giờ có nó cả. Bà phải nhận nó bởi khi người ta mang nó về nhà hoàn cảnh không cho phép bà từ chối. Bà đành phải chịu đựng việc nuôi nấng nó trong suốt những năm còn lại của đời mình bởi vì vào lúc cần phải ra tay thì bà đã không có đủ dũng cảm để thực hiện ý định thầm kín là sẽ dìm ngập nó ngay trong bể nước nhà tắm. Bà nhốt nó ở trong xưởng kim hoàn cũ của đại tá Aureliano Buendía. Bà làm cho Santa Sofía de la Piedad tin rằng bà đã bắt được thằng bé nằm trong chiếc làn bèo nổi trên mặt nước. Có lẽ Úrsula đến khi chết vẫn không biết được gốc gác của thằng bé. Cô bé Amaranta Úrsula có lần vào xưởng đúng lúc Fernanda đang cho cháu ăn, và cũng tin vào câu chuyện chiếc làn trôi trên sông kia. Do hoàn toàn xa lánh vợ nhằm phản đối cái lối vô lí mà bà đã áp dụng để xử lí tấn bi kịch của Meme, tận ba năm sau khi người ta mang nó đến nhà, Aureliano Segundo mới biết có sự tồn tại của thằng cháu ngoại. Ông biết được do có một hôm Fernanda sơ suất, để thằng bé thoát khỏi sự giam cầm, bước ra ngoài hành lang trong khoảnh khắc thôi. Nó để truồng, với mái tóc xoắn và “con chim” có cái mỏ như mỏ gà tây, như thể nó không phải là trẻ em mà là một kẻ ăn thịt đồng loại theo đúng như bộ từ điển bách khoa toàn thư đã miêu tả. Fernanda không dám xia đến số phận phũ phàng không cách nào sửa đổi của mình. Thằng nhỏ cứ như là sự trở về của một nỗi nhục nhã mà bà ta muốn mãi mãi tống khứ nó khỏi nhà mình. Hầu như người ta vừa khiêng Mauricio Babilonia bị gãy cột sống đi khỏi nhà thì Fernanda đã thai nghén đến từng chi tiết nhỏ một kế hoạch nhằm xóa sạch mọi dấu vết nhục nhã này. Không hỏi ý kiến chồng, ngay ngày hôm sau bà bắt tay chuẩn bị hành lí, nhét vào va-li nhỏ ba bộ quần áo mà cô con gái cần dùng để thay đổi rồi trước khi tàu tới ga độ nửa giờ bà đến phòng ngủ tìm con gái: - Đi thôi, Renata, - bà bảo cô con gái. Bà không hề giải thích cho cô gái. Về phần mình Meme không đợi và cũng không muốn có lời giải thích. Không những cô không biết mình và mẹ mình đi đâu mà nếu người ta dẫn mình đến lò sát sinh cô cũng chẳng phản đối. Cô câm bặt và cũng sẽ không mở miệng trong phần đời còn lại của mình kể từ lúc nghe thấy tiếng súng nổ ở sân sau, đồng thời tiếp đó là tiếng kêu đau đớn của Mauricio Babilonia. Khi mẹ cô ra lệnh cho cô ra khỏi giường ngủ, cô không chải đầu cũng không rửa mặt và cô vọt vờ bước lên tàu hỏa như một kẻ mộng du mà không hề biết đến cả đàn bướm vàng vẫn bay theo cô.

Fernanda không bao giờ hiểu, và cũng không chịu tìm hiểu xem sự im lặng như đá của cô có phải là do cô tự nguyện quyết định như vậy hay là cô bị ám do ảnh hưởng tai hại của tấn bi kịch. Meme dường như không hay biết con tàu đang chạy qua cái vùng mình thích thú nhất trước đây. Cô không nhìn những đồng chuối um tùm và ngút ngàn ở hai bên đường ray. Cô không nhìn những ngôi nhà sơn trắng của người Mỹ, cũng không nhìn những vườn hoa héo úa vì bụi và hơi nóng, cũng không nhìn những người đàn bà mặc quần đùi và áo sơ mi kẻ sọc xanh đang đánh bài ở ngoài cửa. Cô không nhìn những chiếc xe bò chở chuối trên những con đường lầy lội. Cô không nhìn những cô gái trẻ như những chú cá măng nhảy tung tăng trong dòng sông trong vắt đã khiến du khách trên tàu tê tái lòng trước những bộ ngực căng mọng lộng lẫy của họ, cũng không nhìn những túp lều tồi tàn của người lao động nơi những con bướm vàng của Mauricio Babilonia đang bay lượn, cũng không nhìn những em nhỏ xanh tái và bần thiu, cả những người đàn bà chưa đang gào lên những lời tục tĩu mỗi khi đoàn tàu chạy qua. Cái quang cảnh thoáng qua ấy đối với cô là quang cảnh vui như hội mỗi bận từ trường về nhà thì nay nó không hề làm cô rung động. Cô không thèm nhìn ra cửa sổ ngay cả khi con tàu đang qua vùng đồng bằng trồng thuốc phiện nơi vẫn còn mạn chiếc tàu thủy Tây Ban Nha đã hóa thành than, để rồi ngay sau đó nó chạy tới vùng không khí thoáng đãng kề ngay bên cái biển ngâu bọt và bần tươi, nơi cách đây gần đúng một thế kỉ những ý tưởng đẹp đẽ của cụ José Arcadio Buendía đã phá sản. Vào lúc năm giờ chiều, khi con tàu đến ga cuối cùng thuộc miền đầm lầy, cô theo mẹ xuống tàu hỏa. Hai mẹ con trèo lên một chiếc xe giống như một con dơi khổng lồ, được một chú ngựa hen kéo, và bọn họ đi qua một thành phố hiu quạnh, nơi trên những con đường dài vô tận, nứt nẻ vì hơi diêm sinh, vẫn vang lên bản nhạc tập đàn dương cầm y hệt bản nhạc tập mà Fernanda từng nghe vào giờ ngủ trưa trong thời xuân trẻ. Họ lại lên một chiếc tàu thủy chạy trên sông có chiếc bánh lái bằng gỗ kêu ầm ầm như tiếng động một đám cháy lớn, và những tấm sắt bị gỉ thủng lỗ chỗ phản chiếu ánh mặt trời như miệng những chiếc lò nấu. Meme tự giam mình trong một phòng ngủ riêng trên tàu. Một ngày hai lần, Fernanda đặt ở cạnh giường cô một khay thức ăn và một ngày hai lần bà lại mang nguyên xi nó ra, không phải vì Meme đã quyết chí chết đói mà chỉ hơi cơm thôi cũng đã đủ làm cô phát sợ và khiến cho cái dạ dày của cô cứ thất lại nôn ra những nước là nước. Chính bản thân cô cũng không biết rằng mùi thuốc cao lá mù tạc không còn tác dụng ngừa thai nữa và Fernanda không biết điều này mãi cho đến một năm sau khi người ta mang đến cho bà một thằng bé. Vì ở trong phòng ngủ riêng ngột ngạt, lại bị tiếng rung của thành tàu và mùi bùn nồng nặc khó chịu do bánh lái khuấy lên, Meme nằm mê man không còn biết đến ngày giờ đang trôi đi. Đã qua đi lâu rồi khi Meme nhìn thấy con bướm vàng cuối cùng bị cánh quạt nghiền nát và cô cảm thấy nó như một sự thật hiển

nhiên: Mauricio Babilonia đã chết rồi. Tuy nhiên cô không chịu để cho sự cam chịu thắng mình. Cô vẫn nghĩ tới anh trong suốt cuộc hành trình qua thảo nguyên mênh mông nơi trước đây Aureliano Segundo bị lạc khi ông đi tìm người con gái đẹp nhất trần gian, và khi họ trèo lên đỉnh đèo men theo những lối mòn của người Anh-điêng để rồi vào một thành phố buồn tẻ, nơi trên những con đường đá chật hẹp của nó vẫn vang lên tiếng chuông đồng rè rè buồn bã của ba mươi hai nhà thờ. Đêm ấy mẹ con cô ngủ lại trong một ngôi nhà thờ thời thuộc địa bị bỏ hoang, nằm trên những tấm ván mà Fernanda bắc trên sàn một căn buồng bị cỏ dại mọc um tùm, và họ đắp lên người những mẩu rèm cửa sổ mà cứ mỗi bận cựa mình chúng rách toạc toạc. Meme biết rõ cô đang ở đâu rồi bởi vì trong cơn mất ngủ đầy sợ hãi cô đã nhìn thấy đi qua đây một công tử vận đồ đen mà trong đêm trước lễ Noel xa xưa người ta mang ngài tới nhà trong một chiếc hòm bằng chì. Sang ngày hôm sau, sau khi làm lễ mixa, Fernanda dẫn cô tới một tòa lâu đài rợp bóng cây và Meme nhận ra nó ngay lập tức nhờ những hồi ức mẹ cô thường kể về tu viện nơi bà được giáo dưỡng để trở thành hoàng hậu và thế là Meme hiểu mình đã đi hết cuộc hành trình. Trong lúc Fernanda nói chuyện với một người nào đó ở trong phòng bên, cô ở lại trong phòng khách treo những bức tranh sơn dầu vẽ các đức giám mục thời thuộc địa, mà người cứ run lên vì rét, bởi vì cô vẫn chỉ mặc một bộ quần áo bằng vải da thêu hoa đen, và đi đôi ủng ướt trưng lên vì ngấm băng tuyết vùng thảo nguyên. Cô đứng ngay ở giữa phòng khách dưới luồng ánh sáng vàng lọt qua những tấm kính màu để mà nghĩ tới Mauricio Babilonia, cho đến khi một nữ tu trẻ rất đẹp mang theo chiếc va-li nhỏ của cô cùng ba bộ quần áo từ trong phòng bên bước ra. Khi đi qua trước mặt Meme, không dừng bước, cô ta chia tay cho cô. - Chúng ta đi thôi, Renata, - cô nữ tu nói. Meme cầm lấy tay cô ta và để cô ta đưa mình đi. Lần cuối cùng Fernanda nhìn thấy cô đang lúc cô sánh bước với người nữ tu, ấy là lúc phía sau cô cánh cửa sắt của nhà tu kín cũng vừa từ từ đóng lại. Cô vẫn nghĩ tới Mauricio Babilonia, tới mùi dầu mỡ và những con bướm vàng hóa thân, nghĩ tới anh trong suốt cả cuộc đời cô, một cuộc đời với những tên luôn luôn bị thay đổi và không hề hé răng nói lấy một lời cho đến buổi sáng sớm một mùa thu cô chết già trong một bệnh viện ở Cracovia^[36]. Fernanda trở về Macondo trên một chuyến tàu được lính cảnh sát có vũ trang bảo vệ: Trong suốt chuyến đi bà nhận ra nỗi lo lắng căng thẳng của hành khách, nhận ra những biện pháp quân sự được áp dụng ở các làng dọc đường xe lửa và cái không khí sợ hãi do tin rằng sẽ xảy ra một sự kiện nghiêm trọng, nhưng bà hoàn toàn không được biết tin tức gì trong lúc chưa về đến Macondo. Về tới nhà, bà được người ta kể cho biết rằng José Arcadio Segundo đang xúi giục những người lao động thuộc Công ty chuối biểu tình.

“Ôi, đây là cái duy nhất mà chúng ta còn thiếu, Fernanda nói với cánh

minh, “Một tên vô chính phủ ở ngay trong nhà”.

Hai tuần lễ sau đó, cuộc đình công đã nổ ra và không gây ra những hậu quả bi thương như người ta đã sợ. Những người lao động chỉ đòi không phải chặt chuối và chở chuối vào ngày chủ nhật, và yêu sách này rất hợp tình hợp lí đến mức ngay cả cha Antonio Isabel cũng đã tham gia vì cha thấy nó hợp với luật lệ của Thượng đế. Thắng lợi của cuộc đình công này cũng như một số hoạt động khác xảy ra trong những tháng sau đã khiến cho José Arcadio Segundo, một người vô danh tiểu tốt mà thiên hạ vẫn thường bảo rằng chẳng được tích sự gì ngoài việc làm cho làng đông nghịt bọn gái điếm tân thời, trở nên nổi tiếng. Cũng với chính cái quyết tâm dứt khoát mà ông đã có để giết hết bầy gà chọi của mình nhằm xây dựng một kế hoạch mở đường thủy từ Macondo ăn thông với thế giới, ông đã cáo từ chức đốc công của Công ty chuối để đứng về phía những người lao động. Ngay lập tức ông bị tình nghi là phần tử thuộc một tổ chức quốc tế chống lại trật tự công cộng. Trong cái tuần lễ buồn bã trước những lời đồn bi quan, có một đêm ông đã thoát chết một cách tài tình trước bốn viên đạn súng lục do một kẻ lạ mặt nhắm bắn vào ông lúc ông vừa từ một cuộc họp kín bước ra. Không khí chính trị những tháng sau đó rất căng thẳng, đến mức Úrsula ngồi trong bóng tối cũng cảm nhận được nó và cụ có cảm giác mình đang sống lại những ngày tháng bất hạnh trong đó con trai cụ, đại tá Aureliano Buendía luôn luôn mang trong túi áo những viên thuốc vi lượng đồng căn của một tổ chức nổi loạn. Cụ muốn nói chuyện với José Arcadio Segundo để hiểu chuyện xảy ra trước đây nhưng Aureliano Segundo báo cho cụ biết rằng kẻ từ đêm bị bắn chết hụt ấy không ai biết ông ngụ lại ở đâu. Nó y hệt cái thằng Aureliano Buendía, - cụ thốt lên. - Cứ như thể thời gian đang quay vòng ấy. Trong những ngày mơ hồ ấy, Fernanda thường xuyên sống cách ly với cuộc đời bên ngoài. Bà để mất liên hệ với thế giới bên ngoài kể từ vụ cãi lộn kịch liệt với ông chồng vì đã tự ý quyết định số phận của Meme mà không có sự đồng tình của ông. Aureliano Segundo đã sẵn sàng đi tìm cho được cô con gái, nếu cần phải nhờ đến cảnh sát ông cũng sẵn sàng nhờ, nhưng Fernanda cho ông xem những giấy tờ xác nhận rằng con gái ông đã tự nguyện vào tu trong nhà tu kín. Quả là như thế, Meme đã kí vào những tờ giấy ấy khi cô đã ở bên trong cửa sắt của tu viện và cô đã kí với chính sự hững hờ mà cô để cho bà đưa mình đi. Trong thâm tâm, Aureliano Segundo không tin rằng những giấy tờ này hợp pháp cũng như không bao giờ ông tin rằng Mauricio Babilonia đã lên vào sân sau để ăn trộm gà, nhưng những giấy tờ này đã giúp ông yên lòng và do đó lúc này ông có thể thành thoi trở lại núp dưới bóng Petra Cotes. Ông lại tổ chức các cuộc vui ồn ã và ăn nhậu xả láng. Vì sống xa lạ với nỗi lo lắng của dân chúng, và cố tình không nghe những lời tiên đoán khủng khiếp của Úrsula, Fernanda xiết lại lần cuối cùng các ốc vít của kế hoạch đã được mình

hoàn chỉnh. Bà viết một bức thư dài cho cậu con trai José Arcadio, người lúc này sẽ nhận phẩm trật nhỏ mọn, và trong bức thư này bà còn báo cho cậu biết cô em gái Meme của cậu đã về hầu Chúa do bị thổ ra máu đen. Sau đó, bà để bé Amaranta Úrsula cho Santa Sofía de la Piedad chăm nom và quyết tâm nói lại quan hệ thư từ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy được, mà lòng tự dẫn vật trước nỗi bất hạnh của Meme. Việc đầu tiên mà bà làm là định ngày chắc chắn cho việc điều trị bằng thần giao cách cảm. Nhưng các thầy thuốc không thể nhìn thấy ấy đã trả lời bà rằng trong lúc Macondo đang loạn thì việc làm đó là không phải lúc. Bà đang quá bối rối và không nắm được tình hình thực tế nên trong một bức thư khác bà giải thích cho họ rằng ở Macondo không hề có tình trạng mất ổn định xã hội, rằng tất cả những việc ấy là kết quả của công việc điên rồ do người anh chồng mình gây nên, cũng như trước đây ông ấy đã dùng dùng giết hết lũ gà chọi và học tốc đi mở đường sông từ Macondo ra thế giới. Thế là họ vẫn chưa thỏa thuận được với nhau. Ngày thứ tư nóng nực, có một nữ tu sĩ già tay khoác một chiếc làn đã đến nhà gọi cửa. Vào lúc mở cửa, Santa Sofía de la Piedad đã nghĩ rằng đó là một món quà và bà định ôm lấy chiếc làn có phủ một chiếc khăn lụa quý giá. Nhưng nữ tu sĩ đã kịp ngăn bà lại bởi vì bà ta đã được dặn trước là phải trao nó tận tay cho người nhận là bà Fernanda del Carpio de Buendía. Đó là đứa con trai của Meme. Vị cha linh hồn cũ của Fernanda trong một bức thư dài đã giải thích cho bà rằng thằng bé đã chào đời hai tháng trước đây và rằng nó được đặt tên là Aureliano như tên gọi của ông ngoại nó vì bà mẹ không chịu hé môi nói nguyện vọng cuối cùng của mình. Fernanda bực mình lắm trước sự nhạo báng ấy của số phận nhưng bà vẫn còn đủ sức lực để chống chế trước mặt nữ tu sĩ:

- Chúng ta sẽ loan tin rằng chúng ta bắt được thằng bé này nằm trong một chiếc làn trôi trên sông nhé.

- Chẳng ai tin điều đó đâu, bà ạ, - nữ tu sĩ nói.

- Nếu đã tin vào Kinh thánh, - Fernanda cãi lại, - thì tại sao lại không tin tôi nói điều đó nhỉ!

Nữ tu sĩ ăn cơm trưa tại nhà trong lúc đợi con tàu trở lại và đồng ý giữ một lời hứa mà mọi người đòi hỏi ở bà ta là sẽ không bao giờ nhắc đến thằng nhỏ nữa, nhưng Fernanda đã khẳng định rằng nữ tu sĩ là một nhân chứng không mong đợi của nỗi tủi hổ của bà và lấy làm tiếc tục lệ thời Trung cổ thường treo cổ những người đưa tin dữ đã bị bãi bỏ. Đó cũng là lúc bà quyết định sẽ dìu thằng bé vào bể nước trong nhà tắm ngay sau khi nữ tu sĩ ra khỏi nhà mình, nhưng trái tim đã không cho phép bà làm và bà đành phải kiên nhẫn đợi cho đến lúc lòng lạnh vô biên của Thượng đế sẽ giải thoát bà khỏi cái tai ách này. Cậu nhóc Aureliano vừa đầy tuổi tôi, tình hình xã hội bỗng

trở nên căng thẳng. José Arcadio Segundo và một số cán bộ công đoàn, thường vẫn hoạt động bí mật cho đến tận lúc này, đã xuất đầu lộ diện một cách không đúng lúc, để tổ chức nhiều cuộc biểu tình tại các làng thuộc Công ty chuối. Cảnh sát tuân lệnh trên, ngày ngày theo dõi chặt chẽ bọn họ. Nhưng đêm hôm thứ hai các cán bộ công đoàn đã bị bắt ngay tại nhà mình, bị cùm chân bằng chiếc cùm nặng năm ki lô, rồi bị tống giam trong nhà lao của tỉnh. Trong số những người bị bắt có José Arcadio Segundo và Lorenzo Gavilán, một đại tá của cuộc cách mạng Mêhicô hiện đang lưu vong ở Macondo, người vẫn thường tự hào nói rằng ông là chứng nhân của chủ nghĩa anh hùng của Artemio Cruz, một người bạn thân của ông. Tuy vậy, trong khoảng thời gian chưa đầy ba tháng, bọn họ đã được tự do; bởi chính phủ và Công ty chuối đã không thể thống nhất với nhau xem ai là người phải nuôi bọn họ trong nhà tù. Lần này sự phản đối của những người lao động đã dựa trên những yếu tố sau đây: nhà ở không bảo đảm sức khỏe cho công nhân, ngành phục vụ y tế thì giả nhân giả nghĩa, điều kiện lao động thì rất bất công. Ngoài ra những người công nhân còn khẳng định rằng Công ty đã không trả lương cho họ bằng tiền mặt mà trả bằng bông (tem phiếu) chỉ dùng để mua giảm-bông Virginia trong những cửa hàng ủy thác của Công ty. José Arcadio Segundo bị bắt vì anh đã chứng minh được rằng chế độ trả lương bằng bông chẳng qua chỉ là một thủ đoạn kinh tế của Công ty nhằm nuôi những con tàu chở hoa quả của nó. Giả sử không có hàng cho các cửa hàng ủy thác, những con tàu ấy đã phải chạy không tải từ New Orleans đến các cảng để nhận chuối. Còn những tội trạng khác mọi người đều biết. Thầy thuốc của công ty không khám bệnh cho người ốm mà chỉ bắt họ xếp hàng một ngay trước bệnh xá và một nữ y tá đặt vào lưỡi họ một viên thuốc có màu sun phát đồng bất kể họ bị bệnh sốt rét, bệnh lậu hay mắc chứng táo bón. Đó là phương pháp trị bệnh hết sức phổ biến đến mức bọn trẻ con có khi xếp hàng vài ba lượt và đáng lẽ phải uống những viên thuốc ấy thì chúng lại mang về nhà để chơi. Công nhân sống chui rúc trong những căn lán tồi tàn. Lẽ ra phải làm cầu tiêu công cộng thì vào những dịp lễ chúa giáng sinh bọn kỹ thuật của Công ty mang tới đây những chiếc cầu tiêu di động dùng cho năm mươi người và còn hướng dẫn cách sử dụng như thế nào để dùng được lâu.

Những luật sư già lụ khụ mặc đồ đen, những kẻ trong thời gian trước đây cứ bám lấy đại tá Aureliano Buendía để làm phiền ngài giờ đây là đại diện cho Công ty chuối, bằng những lời phán xử đôi trắng thay đen y như trò ảo thuật đang tìm cách gỡ bí cho Công ty chuối. Khi những người lao động thống nhất chỉ thảo ra một lá đơn gồm những yêu sách chung thì trong suốt thời gian dài những yêu sách này vẫn không được chính thức đệ trình lên Công ty chuối. Khi ngài Brown biết tin có lá đơn mới của công nhân, lập tức

ngài mặc ngay toa xe lộng lẫy mái lợp thủy tinh của mình vào đoàn tàu rồi cùng với các vị đại diện thường trực của Công ty vôi vàng biến mất tăm khỏi Macondo. Tuy vậy, công nhân đã tóm được một trong số những vị đại diện ấy ngay tại một nhà thổ nọ và buộc ông ta phải kí vào tờ sao của lá đơn khi ông này còn đang trần như nhộng với một phụ nữ. Người này tự nguyện làm mĩ nhân kế để dẫn ông ta vào bẫy. Trong một buổi phán xử, các luật sư buồn thảm nọ liền cãi rằng cái con người ấy không hề có liên quan gì với Công ty chuối, và để cho mọi người không nghi ngờ luận điệu của mình, bọn luật sư liền ra lệnh tổng giam hãm vì tội mạo nhận. Sau đó ít lâu, ngài Brown đã bị thộp ngực trong một chuyến vi hành trên toa xe loại ba, và những người công nhân bắt ngài kí vào một tờ sao khác của lá đơn. Ngày hôm sau, ngài xuất hiện trước các vị quan tòa với mái tóc nhuộm đen và nói tiếng Tây Ban Nha rất lưu loát. Các luật sư liền giải thích rằng người này không phải là ngài Jack Brown, Tổng quản trị của Công ty chuối, sinh tại Prattville, bang Alabama mà chỉ là một người bán thuốc hiện lạnh, sinh tại Macondo, và cũng hành tại đây ông được đặt tên là Dagoberto Fonseca. Sau đó ít lâu để đối phó với những hành động mới của công nhân, tại các địa điểm công cộng, các luật sư đã trưng lên một tờ cáo phó được viên lãnh sự và các nhà ngoại giao Mỹ chứng thực nói rằng ngài Brown đã bị xe cứu hỏa cán chết trên một đường phố ở Chicago vào ngày mùng chín tháng sáu vừa qua. Vì ngán ngẩm trước những trò giải thích quàng xiên ấy, những người lao động phớt lờ các nhà chức trách ở Macondo, và họ kiện lên tòa án tối cao. Chính tại đây, các quan tòa giỏi múa ba tấc lưỡi và biến báo pháp luật cứ như những kẻ làm xiếc đã tuyên bố rằng những lời khiếu tố của công nhân là hoàn toàn không có giá trị, bởi rất đơn giản rằng Công ty chuối không có, chưa bao giờ có, cũng chẳng bao giờ sẽ có công nhân mà chỉ thuê người làm với tính cách tạm bợ thôi. Vậy là bằng cách đó, bọn luật sư đã đánh đổ lá đơn của công nhân tố giác cái trò lừa phỉnh về giảm-bông Virginia, về những viên thuốc quái quỷ và những chuồng tiêu di động chỉ xuất hiện vào dịp lễ Chúa giáng sinh, còn Tòa án thì đã phán quyết và công bố trong những thông báo trang trọng khẳng định sự không tồn tại của những người lao động. Tổng bãi công bùng nổ. Việc trồng chuối bị bỏ dở, chuối quả nằm ngay tại gốc và những đoàn xe lửa dài một trăm hai mươi toa dừng lại ngay giữa đường... Công nhân nghỉ việc tràn ra thị trấn. Phố Thổ Nhĩ Kỳ trở nên nhộn nhịp khác thường. Phòng chơi bi-a trong khách sạn Jacob mở cửa suốt hơn bốn giờ liên tục để đón khách.

José Arcadio Segundo có mặt tại đây vào đúng cái ngày có tin nói rằng quân đội đã được lệnh lập lại trật tự công cộng. Dầu không phải là người có linh cảm nhưng cái tin đó đối với ông là điềm báo trước của cái chết mà ông từng chờ đợi từ cái buổi sáng xa xưa khi đại tá Gerineldo Márquez cho đi

xem một cuộc hành hình. Tuy nhiên cái điềm gỡ ấy đã không làm ông lúng túng. Ông chơi bi-a và không hề bắn chệch một cú bắn trúng nhiều viên. Sau đó, tiếng trống cà rinh, tiếng kèn đồng, tiếng la hét và sự náo động của đám đông báo cho ông biết rằng cuối cùng mọi chuyện đã kết thúc, kể cả trò chơi bi-a lẫn cái trò chơi đơn độc và thâm lặng mà ông từng chơi với chính mình, kể từ buổi mai có cuộc hành hình. Ông bước ra đường và nhìn thấy bọn lính. Đó là một đoàn quân gồm ba trung đoàn, theo nhịp trống cà rinh, đang hành tiến làm rung chuyển cả mặt đất. Luồng xú khí toát ra từ đoàn quân ấy giống như hơi thở của con rồng nhiều khúc đã làm vẩn đục cả bầu trời trong sáng lúc đang trưa. Cả đám lính ấy, đứa nào cũng thấp lùn, ục ịch và thô lỗ. Chúng nhể nhại mồ hôi ngựa, hôi hám như mùi thịt ôi phơi ngoài nắng, và dữ tợn như những người vùng thảo nguyên. Dù đã điểu hành qua đây mất hơn một giờ, song người ta vẫn nghĩ rằng cái đoàn quân ấy chỉ vền vện vài đại đội đi theo kiểu đèn cù, bởi bọn lính giống nhau như tạc, chúng như những đứa con cùng một mẹ, với một vẻ ngu dại như nhau. Chúng mang ba lô và bị đông nặng trĩu, mang những khẩu súng cầm lê trần trơ tráo, mang nỗi bực dọc chỉ biết có tuân lệnh một cách mù quáng và cái mặc cảm về lòng danh dự. Từ trên chiếc giường tối mù mịt của mình, Úrsula nghe thấy bọn lính điểu qua và cụ giờ tay làm dấu thánh. Bà Santa Sofía de la Piedad đứng im hồi lâu, cúi mình xuống chiếc khăn vừa là, bà nghĩ tới con trai bà, José Arcadio Segundo, người mà bà vừa nhìn thấy đi qua cửa khách sạn Jacob không hề run sợ trước những tên lính cuối cùng của đoàn quân ấy...

Lệnh thiết quân luật đã trao quyền cho quân đội thực hiện chức năng trọng tài trong vụ tranh chấp này, nhưng quân đội vẫn không hề tỏ ra có ý định giải hòa. Quân đội nhanh chóng triển khai khắp Macondo. Bọn lính đặt súng xuống một chỗ, rồi tỏa đi chặt chuối, xếp chuối lên toa và xê dịch các đoàn tàu. Những người lao động, mà cho đến tận lúc này vẫn yên lặng chờ đợi, đã ào lên núi không mang theo một thứ vũ khí nào khác ngoài con dao rựa, công cụ lao động của họ, và họ bắt đầu cướp lại những cái họ đã bị cướp. Họ đốt cháy các dãy nhà kho, các cửa hàng ủy thác của Công ty, phá các đường ray để chặn đứng việc qua lại của những đoàn tàu đã bắt đầu mở đường bằng hỏa lực súng máy, họ chặt đứt tung các đường dây điện và dây điện thoại. Các nương rãnh của đồng chuối đã thấm máu. Ngài Brown vốn sống trong một khu chung cư giống trại nuôi gà có mắc điện, cùng với gia quyến và một số đồng bào của ngài đã được bí mật đưa đi khỏi Macondo để đến nơi an toàn dưới sự che chở của quân đội. Tình hình chung căng thẳng đang đe dọa sẽ phát triển thành một cuộc chiến tranh không cân sức và đẫm máu, nhất là khi các nhà cầm quyền ra một lời kêu gọi những người lao động tập trung tại Macondo. Lời kêu gọi cho biết rằng Quan tỉnh trưởng sẽ tới đây vào ngày thứ sáu, sẵn sàng giải quyết vụ xung đột này. José Arcadio

Segundo đứng trong đám đông đã tụ tập trên sân ga ngay từ sáng ngày thứ sáu. Ông đã tham dự cuộc họp của cán bộ công đoàn và được phân công cùng với đại tá Gavilán trà trộn vào khối quân chúng đông đảo để lãnh đạo họ tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Ông không được khỏe lắm và hơn nữa, miệng ông đắng như ngậm bồ hòn khi biết rằng quân đội đã đặt những ụ súng máy ở chung quanh sân ga, và ông còn biết rằng khu nhà lầu có rào thép gai của công ty cũng đã được các khẩu pháo bảo vệ. Đã gần mười hai giờ trưa, do phải chờ đoàn xe lửa không tới, hơn ba nghìn người, bên cạnh những người lao động còn có cả trẻ em và phụ nữ, đã đứng chật ních cả sân ga và đám đông ấy còn tràn xuống cả những con đường kế cận bị súng máy bịt mắt lối ra. Quang cảnh ấy giống một hội chợ đông vui hơn là một đám tiệc tùng. Các quầy hàng ăn cũng như các quán giải khát trên đường phố Thổ Nhĩ Kỳ đã được chuyển đi nơi khác và đám công chúng vẫn nhẫn nại và vui vẻ chịu đựng nỗi phiền toái do phải chầu chực dưới trời nắng như đổ lửa. Lúc ba giờ kém một chút, có tin đồn rằng cho đến tận ngày mai chuyến xe lửa chính thức vẫn chưa chắc tới. Đám đông mệt mỏi thở dài ngao ngán. Giữa lúc ấy, có một trung úy quân đội trèo lên nóc nhà ga là nơi đã đặt bốn khẩu súng máy xếp thành hàng hướng nòng ra phía đám đông. Một hồi kèn đồng rúc lên báo cho đám đông yên lặng. Đứng bên cạnh José Arcadio Segundo là một bà béo phì đi chân đất, mang theo hai đứa trẻ, một lên bốn và một lên bảy. Bà ta bế đứa nhỏ và mặc dù không quen biết, bà nhờ ông bế đứa lớn để nó có thể nghe được cái điều người ta sắp nói. José Arcadio Segundo công kênh cậu bé trên vai. Qua nhiều năm sau này, cậu bé ấy đã kể đi kể lại, dù không ai tin, rằng cậu đã nhìn thấy một trung úy qua chiếc loa máy tăng âm đọc bản Sắc lệnh số bốn của Quan Tỉnh trưởng do tướng Carlos Cortes Vargas và Thiếu tá Enrique García Isaza, thư ký của ngài, đã cùng ngài ký. Với ba điều khoản gồm khoảng tám mươi từ, bản Sắc lệnh số bốn đã gọi những người đình công là một ổ cướp và do đó đã ra lệnh cho quân đội bắn giết họ. Bản sắc lệnh đã được đọc xong. Giữa tiếng huýt sáo và la ó phản đối của đám đông, một đại úy bước ra thay thế trung úy nọ. Hắn đứng trên nóc nhà ga, cầm lấy loa máy tăng âm ra hiệu muốn nói. Đám đông trở lại im lặng.

- Thưa các ông, các bà, - viên đại úy nói với một giọng trầm trầm, chậm chạp, có vẻ hơi mệt mỏi.

- Tôi ra lệnh cho các người phải giải tán sau năm phút.

Tiếng huýt sáo, tiếng la hét lại nổi lên inh ỏi chìm ngay tiếng kèn đồng được dùng để tính khoảng thời gian năm phút ấy. Tuy nhiên không một ai động đậy.

- Đã quá năm phút. - hắn nói với chính cái giọng ban nãy.

Gia hạn thêm một phút nữa, và nếu các người không giải tán quân đội sẽ xả súng. José Arcadio Segundo toát mồ hôi lạnh. Ông thôi không kiêu cậu bé trên vai nữa và đưa trả nó cho bà mẹ, “Cái đám dê cụ này dám bắn làm chứ chả chơi”, bà mẹ nói nhỏ”. José Arcadio Segundo không kịp nói gì, vì vào lúc ấy ông nhận ra tiếng nói của đại tá Gavilán đang khích lệ mọi người đồng thanh hô phản đối với chính những lời mà người phụ nữ vừa thốt ra xong. Vì xúc động mạnh trước tình huống căng thẳng, trước cái sâu lắng kì diệu của sự im lặng và nhất là khi thấy rằng không một sức mạnh nào có thể lay chuyển được cái khối quần chúng đông đảo sẵn sàng đón nhận cái chết này, José Arcadio Segundo đã kiễng chân đứng cao hơn hẳn những cái đầu ở phía trước, và lần đầu tiên trong đời ông cất tiếng:

- Bớ bọn dê cụ! Chúng ta cóc cần cái phút ấy đâu!

Vào lúc ông thét xong, một sự kiện đã xảy ra và cái sự kiện này đã không làm ông sợ mà chỉ mang đến cho ông một ảo giác. Tên đại úy ra lệnh phát hỏa và thế là cả mười bốn ụ súng máy nổ súng đáp lời ông. Song ông cảm thấy tất cả những cái ấy chỉ là một trò hề. Hình như những khẩu súng kia đều bắn ra những viên đạn pháo hoa, bởi mặc dù những tiếng nổ rền vang nghe đến đứt hơi đã được mọi người nghe thấy, mặc dù những viên đạn nóng bỏng đỏ lừ tới tấp bay ra đã được mọi người trông thấy, ấy thế mà vẫn không thấy đám đông có lấy một phản ứng dù chỉ là hơi thở dài hay tiếng kêu la, đám đông cứ trơ ra như đá. Bỗng nhiên, ở bên cạnh nhà ga có một tiếng kêu tắt thở “Ồi, mẹ ơi” đã làm mất đi cái hào khí ấy. Một sức sục sôi của trận động đất, một hơi thở hùng hục của núi lửa, một tiếng gầm rú của bão tố đã bùng nổ ngay ở trung tâm đám đông với sức triển khai nhanh chóng thần kì. José Arcadio Segundo hầu như chỉ còn kịp bế phốc cậu bé, trong khi đó bà mẹ và em nó đã bị đám đông nhón nhào chạy nuốt chửng mất. Nhiều năm sau, dù cho những người hàng xóm vẫn tin cậu chỉ là một thằng hề, cậu bé ấy vẫn cứ tiếp tục kể rằng José Arcadio Segundo đã nâng bổng cậu trên đầu và cứ thế cho cậu lướt đi, như thế trên không trung ấy, trên nổi kinh hoàng của đám đông đổ về phía một trong những đường phố cạnh đó. Với cái vị trí cao ấy, cậu bé đã nhìn thấy đám công chúng nhón nhào bắt đầu ủa về một góc phố và chính ở phố này, vào đúng cái thời điểm này, hàng súng máy cũng bắt đầu phát hỏa. Rồi những người đứng ở hàng đầu cùng ngã gục xuống trước làn đạn liên thanh quét. Những người sống sót, đáng lẽ phải nằm xuống thì họ lại vội vàng xô đẩy nhau chạy trở lại sân ga. Lúc ấy nổi khùng khiếp đã chụp lên đầu họ bằng những làn đạn súng máy giống như đuôi con rồng đang quất vào họ, dòn họ vào một dòng người đông nghịt đối nghịch với dòng người đông nghịt khác cũng đang xô đẩy nhau về một con đường ở hướng khác. Cái dòng người này cũng đang bị súng máy đặt đối diện nhả đạn lại như mưa y như một cú quất đuôi khác của con rồng. Những

người đình công bị vây tròn lại, cứ xoay tít mù như con lóc không lồ đang ngày một thu hẹp chân tâm lại bởi những vòng người ở ngoài của con lóc này đang bị lưỡi dao sắc ngọt của nghệ thuật bắn súng máy gọt chung quanh như thể bóc củ hành vậy. Cậu bé nhìn thấy một người đàn bà quỳ gối, chấp hai cánh tay lại theo hình cây thánh giá đứng trong một bãi đất sạch được giữ gìn một cách kì ảo không cho đám người tràn vào. Trước khi đám đông lấp bằng cái bãi đất trống ấy, José Arcadio Segundo đã đặt cậu bé xuống đất và cũng ngay tại nơi ấy, với khuôn mặt đầm đìa máu ông ngã xuống bên cạnh người đàn bà đang quỳ gối, dưới ánh sáng chói chang từ trên vòm trời cao đang mùa nắng rơi xuống, với thế giới huyền bí nơi Úrsula Iguarán từng bán những chiếc kẹo tuyệt vời nặn hình con giông.

Khi tỉnh dậy, José Arcadio Segundo đang nằm ngửa trong bóng tối. Ông nhận ra rằng mình đang nằm trên một đoàn tàu dài dằng dặc và im lìm, rằng tóc mình bê bết máu khô và khắp mình ông, xương hóc đau như dằm. Ông cảm thấy buồn ngủ không chịu được. Định bụng ngủ một giấc rõ dài để cho qua nỗi kinh hoàng và khủng khiếp, ông liền xoay người về bên ít đau hơn, và chỉ lúc ấy ông mới phát hiện ra là mình đang nằm trên những người chết. Trong toa không có lấy một chỗ hở, ngoài lối đi chính giữa. Có thể vụ thảm sát đã xảy ra cách đây được vài giờ rồi, bởi những thi thể này đều đã lạnh cóng như cao lanh mùa thu, và những ai xếp những tử thi này lên toa xe hẳn đã có thời gian để xếp chúng theo thứ tự chẳng khác gì những buồng chuối được chở trên xe lửa. Vốn định chạy trốn cái âm khí nặng nề đó, José Arcadio Segundo bò lết hết toa này sang toa khác theo hướng con tàu đang chạy, và nhờ ánh đèn lọt qua các khe hở giữa những tấm ván ghép khi con tàu vượt những xóm làng đang ngủ rọi vào, ông đã nhìn thấy những thi thể của đàn ông, những thi thể của đàn bà, những thi thể của trẻ em mà rồi đây sẽ bị người ta đổ xuống biển như chuối bị vứt đi, ông chỉ nhận ra một người đàn bà bán giải khát ở sân ga và đại tá Gavilán, người này còn mang trong tay chiếc thắt lưng có khóa bằng bạc xứ Morelia được cuộn lại, nó là cái mà đại tá dùng để mở đường vượt qua nỗi khủng khiếp. Khi đến toa thứ nhất, ông liền nhảy một cú từ trên tàu xuống đất, lăn vào bóng tối, rồi nằm im hồi lâu dưới mương nước đợi cho đoàn tàu đi khỏi. Đó là một đoàn tàu dài chưa từng thấy gồm khoảng hai trăm toa hàng, mỗi đầu móc một đầu máy và ở chính giữa móc thêm một chiếc nữa. Nó không thấp đèn, ngay cả đèn hiệu xanh đỏ cũng không thấp nốt, và cứ vun vút lao đi trong đêm khuya vắng lặng. Trên nóc toa nổi lên những hình thù tối sẫm của bọn lính với những khẩu súng máy sẵn sàng nhả đạn. Nửa đêm về sáng một trận mưa rào đổ xuống. José Arcadio Segundo không biết mình nhảy xuống ở nơi nào nhưng ông biết chắc rằng cứ đi ngược hướng đi của đoàn tàu là sẽ về tới Macondo. Sau hơn ba giờ đi bộ, nhờ ánh bình minh ông nhận ra những mái nhà đầu

tiên, khi ấy ông đã bị ngấm nước mưa tới tận xương và đau đầu kinh khủng. Bị hương cà phê lôi cuốn ông bước vào một căn bếp; ông thấy có một người đàn bà tay bế con khom lưng bên bếp lửa.

- Chào bà, - ông nói. - Tôi là José Arcadio Segundo Buendía đây ạ? Ông xưng tên họ đầy đủ, rõ ràng từng chữ một để người nghe nhận ra rằng ông vẫn sống. Ông đã làm một việc rất phải lúc bởi bà mẹ suýt nữa thì tưởng ông là ma khi nhìn thấy ngay trước cửa nhà mình một thân hình tiều tụy, đầu tóc và áo quần bê bết những máu và chắc rằng cái thân hình ấy vừa chạm phải oai phong của thần chết. Bà mẹ nhận ra ông, mang cho ông một tấm áo khoác để ông mặc tạm trong khi đợi cho quần áo ướt hong trên bếp khô hẳn. Rồi bà đưa nước nóng cho ông rửa vết thương, và cái vết thương ấy thực ra chỉ là một vết sây sát ngoài da, và còn cho ông một mảnh vải để ông băng đầu. Sau đó bà cho ông uống một tách cà phê đen không đường, như người ta vẫn thường nói với bà: những người thuộc dòng họ Buendía chỉ uống thứ cà phê đó. José Arcadio Segundo lặng lẽ uống hết cà phê.

- Có lẽ đến ba nghìn người chứ không ít, - ông nói lầm nhảm.

- Cái gì vậy? - Những người chết, - ông nói. - Có lẽ tất cả những ai có mặt tại sân ga đều bị bắn chết hết.

Với ánh mắt thương hại bà mẹ nhìn ông vẻ dò hỏi.

“Ồ đây, không có nhiều người chết như thế”, bà nói, “Kể từ thời mỗ ma ngài đại tá, cái ông trẻ của ông ấy mà, ở Macondo không có chuyện gì xảy ra cả”.

Trước khi về tới nhà mình, José Arcadio Segundo đã ghé thăm ba gia đình, gia đình nào cũng nói với ông một điều duy nhất: “Không có nhiều người chết như thế”. Ông vượt qua sân ga, nhìn thấy những bàn bán thức ăn chồng chất lên nhau và ngay tại đây ông cũng không thấy một dấu vết nào của vụ thảm sát. Dưới trời mưa nặng hạt, phố xá im lìm vắng ngắt, các nhà đều đóng cửa im ỉm, không hề có một biểu hiện nhỏ của cuộc sống ở bên trong. Chỉ có tiếng chuông nhà thờ gọi con chiên đi lễ là hoạt động duy nhất của con người. Dừng ngay ở cửa nhà đại tá Gavilán, ông gọi. Một phụ nữ có thai, người ông từng gặp gỡ nhiều lần, khi nhìn thấy ông liền đóng sập ngay cửa lại. “Đi vắng”, bà ta trả lời với vẻ đầy sợ hãi: “về quê rồi”. Cửa chính dẫn vào khu nhà hộp được rào dây thép gai xung quanh, như thường lệ, đã được những tên dân vệ mặc áo khoác đội mũ cối lợp vải nhựa, như những tượng đá đứng gác dưới trời mưa. Trên những phố nhỏ của mình, bọn người da đen vùng Antidat đang đồng thanh hát thánh ca. José Arcadio Segundo nhảy qua hàng rào trước sân nhà rồi theo lối nhà bếp vào nhà. Bà Santa Sofía de la Piedad chỉ kịp thốt lên “Chớ để Fernanda nhìn thấy con”. Bà bảo: “Nó

vừa mới dậy xong”. Như một thỏa thuận hiển nhiên, bà đưa con trai mình vào phòng để những cái bô, sửa lại chiếc giường khấp khểnh của cụ Melquíades để cho con mình dùng rồi vào lúc hai giờ chiều trong khi Fernanda đang ngủ trưa bà đưa qua cửa sổ vào cho con trai mình một đĩa cơm. Aureliano Segundo ngủ lại ở nhà vì cơn mưa bất thành linh đổ xuống đã giữ ông lại, và đến tận ba giờ chiều ông vẫn đợi trời tạnh. Vì được Santa Sofía de la Piedad bí mật báo cho biết nên cũng vào giờ này ông đến thăm người anh em sinh đôi của mình ở phòng cụ Melquíades. Ông cũng không tin vào câu chuyện về vụ thảm sát cũng như con tàu chở người chết nặng nề bò về phía biển. Đêm trước người ta đã đọc một bản thông cáo đặc biệt để báo cho mọi người biết rằng những người công nhân đã tuân lệnh giải tán khỏi nhà ga và họ đã lập thành từng đoàn người hiền lành rồi đi về nhà mình. Bản thông cáo còn cho biết rằng các nhà lãnh đạo công đoàn, với một tinh thần yêu nước cao, đã rút bớt các yêu sách của mình lại thành hai điểm: cải tiến cách phục vụ y tế và xây dựng chuồng tiêu ở các khu lán trại cho công nhân. Sau đó người ta còn thông báo thêm rằng khi các quan chức quân đội nhận được lá đơn của những người lao động bèn vội vàng cấp báo cho ngài Brown biết, và rằng ngài không chỉ chấp thuận những yêu sách mới mà còn xuất tiền chi ba ngày hội để mừng cuộc xung đột đã được giải quyết ôn hoà... Chỉ phiên nổi rằng khi các quân nhân hỏi ngài liệu ngày nào có thể thông báo việc lá đơn đã được ký thì ngài nhìn bầu trời nhì nhằng những tia chớp hiện qua khung cửa sổ, và ngài làm một động tác không dứt khoát: - Khi nào trời tạnh đã, - ngài nói. - Chúng tôi sẽ đình chỉ mọi hoạt động khi trời còn mưa.

Đã ba tháng trời không mưa và lúc này đang ở mùa khô. Nhưng khi ngài Brown tuyên bố quyết định của mình thì trận mưa rào đã đổ xuống khắp vùng Công ty chuối và José Arcadio Segundo đã bị mưa trên đường trở về Macondo. Một tuần lễ sau trời vẫn mưa. Lời giải thích chính thức, vốn được lặp đi lặp lại hàng ngàn lần và được lan truyền nằm trong tay chính phủ, đã làm cho mọi người tin rằng không có người chết, những người lao động thỏa lòng thỏa dạ đã trở về với gia đình mình và Công ty chuối đã ngừng mọi hoạt động trong lúc trời mưa. Luật giới nghiêm vẫn tiếp tục được thi hành để đề phòng khi cần phải áp dụng những biện pháp khẩn cấp nhằm tránh những thiệt hại chung do mưa dai dẳng không dứt cơn gây ra, quân đội vẫn đóng đồn ở Macondo. Ban ngày bọn lính, quần xắn tới bẹn, đi lại ngoài đường nước chảy như thác để chơi trò vớt người chết đuối với trẻ em. Ban đêm, sau khi lệnh báo giới nghiêm vang lên, chúng sục sạo mọi nhà, dùng báng súng nện tung cửa, bắt những người bị tình nghi đang nằm trên giường rồi lôi họ đi biệt tích. Đó là thời kì truy lùng và tiêu diệt nốt “những tên gây rắc rối”, “những tên giết người, đốt nhà”, bị Sắc luật số bốn trừng trị, nhưng bọn quân

nhân lại chối phắt những hành động bất bớ, giết chóc của chính mình trước những thân nhân của những người bị nạn, khi những người này tới văn phòng các sở chỉ huy để hỏi tin tức. “Chắc chắn đó chỉ là một giấc mơ thôi”, các sĩ quan nói. “Ở Macondo đã không xảy ra, hiện thời không xảy ra và sẽ không bao giờ xảy ra những chuyện giết chóc bất bớ khủng khiếp cả. Đây là một thị trấn hạnh phúc mà”. Họ đã kết thúc việc tiêu diệt các nhà lãnh đạo công đoàn như thế đấy.

Người sống sót duy nhất là José Arcadio Segundo. Có một đêm tháng hai, tiếng báng súng nện vào cửa không thể nhầm lẫn được bỗng vang lên ở ngoài hiên. Aureliano Segundo, người vẫn đợi cho trời tạnh để ra đi, đã mở cửa cho sáu tên lính dưới sự chỉ huy của một sĩ quan. Người ướt sũng nước mưa, lầm lì không nói lấy một lời, chúng lục soát rất kỹ ngôi nhà: lần lượt từng phòng một, lần lượt từng chiếc tủ một, lục từ các phòng khách đến tận kho lương thực. Úrsula thức dậy khi đèn phòng bật sáng, và cụ không thở dài nào nuốt trong khi bọn lính lục soát, nhưng cụ vẫn giữ những ngón tay làm dầu thánh giá hướng nó về phía bọn lính đang làm việc. Santa Sofía de la Piedad đã kịp báo trước cho José Aureliano Segundo đang ngủ trong phòng cụ Melquíades, nhưng ông hiểu rằng nếu định chạy trốn lúc này thì quá chậm mất rồi. Vậy là Santa Sofía de la Piedad lại khóa cửa phòng lại, và ông mặc áo, đi giày, ngồi trên giường đợi chúng đến. Trong lúc ấy, bọn lính đang lục soát ở xưởng kim hoàn. Viên sĩ quan ra lệnh mở then cài và với luồng sáng ngọn đèn pin lia nhanh loang loáng y đã nhìn thấy chiếc bàn làm việc, chiếc tủ kính với các chai lọ đựng a-xít cùng những dụng cụ làm việc vẫn nguyên chỗ do chủ chúng đã sắp đặt, và hình như y hiểu rằng ở phòng ấy không có ai ở. Tuy nhiên, y ranh mãnh hỏi Aureliano Segundo rằng có phải ông là thợ kim hoàn không, và ông này đã trả lời y rằng phòng ấy từng là xưởng kim hoàn của đại tá Aureliano Buendía. “A há” viên sĩ quan đặng háng, rồi y bật đèn và ra lệnh lục soát thật cẩn thận căn phòng đến mức mười tám chú cá vàng chưa tôi và được đựng trong một hộp sắt tây giấu ở đằng sau các chai a-xít không thể thoát khỏi mắt chúng. Viên sĩ quan kiểm tra kỹ từng con một ở trên chiếc bàn làm việc, và lúc này y hoàn toàn nhân hậu. “Tôi muốn lấy một con, nếu ông đồng ý cho”, y nói: “Có một thời những con cá vàng này là ám hiệu của những kẻ nổi loạn, nhưng giờ đây chúng là một di tích đấy”. Y trẻ măng, gầy như hầy còn trong tuổi thiếu niên, hồn nhiên với cái vẻ thân mật tự nhiên cho đến lúc này mới lộ rõ. Aureliano Segundo tặng y một con cá vàng. Viên sĩ quan cất nó vào túi áo sơ mi, còn những con khác y lại để vào hộp sắt tây rồi cất hộp vào đúng chỗ cũ. - Đó là một kỉ vật vô giá, - y nói. Đại tá Aureliano Buendía là một trong những vĩ nhân của chúng ta. Tuy nhiên, cái tia chớp nhân bản vừa lóe sáng ấy không làm thay đổi cách xử sự vốn có của y. Trước cửa buồng cụ Melquíades, vừa

mới được cài then lại, Santa Sofía de la Piedad lại cầu cứu tới niềm hi vọng cuối cùng. “Thưa, gần một thế kỉ nay, không ai sống trong phòng này cả ạ”, bà nói. Viên sĩ quan vẫn ra lệnh mở cửa, y lia đèn pin khắp phòng, Aureliano Segundo và Santa Sofía de la Piedad nhìn thấy đôi mắt Ả-rập của José Arcadio Segundo vào lúc ánh đèn pin rọi thẳng vào mặt ông và họ hiểu rằng đó là điểm kết thúc của một nỗi đau khổ, đồng thời là điểm mở đầu của một nỗi đau khổ khác mà chỉ có thể được an ủi trong sự nhẫn nhục chịu đựng. Nhưng viên sĩ quan vẫn tiếp tục chiếu đèn pin lục tìm khắp phòng và không để lộ một dấu hiệu thích thú nào cho đến khi nhìn thấy bảy mươi hai cái bô úp trên các giá kệ. Thế là y bật đèn. José Arcadio Segundo đã ngồi ở mép giường, sẵn sàng ra đi với vẻ nghiêm trang và suy tư hơn bao giờ hết. Ở phía trong nữa là các, kệ sách với những cuốn sách bong gáy, những cuộn giấy da thuộc, và chiếc bàn viết vẫn gọn gàng và sạch sẽ, mực trong lọ vẫn tươi màu. Căn phòng vẫn giữ nguyên không khí trong lành và thoáng đãng, vẫn giữ nguyên vinh dự chống trả bụi bặm và sự phá phách mà Aureliano Segundo từng nhìn thấy ở tuổi thiếu thời và chỉ một mình đại tá Aureliano Buendía là người không thể nhìn thấy. Nhưng viên sĩ quan chỉ để ý tới những cái bô.

- Có bao nhiêu người sống ở trong ngôi nhà này? - y hỏi.

- Năm người.

Rõ ràng viên sĩ quan không hiểu được. Y dừng mắt ở nơi mà lúc này Aureliano Segundo và Santa Sofía de la Piedad đang chăm chú nhìn vào. Đó là nơi José Arcadio Segundo đang ngồi và ông này cũng hiểu rằng viên sĩ quan đang nhìn mình mà không thấy mình. Sau đó y tắt đèn và khép cửa buồng lại. Khi y nói chuyện với bọn lính, Aureliano Segundo hiểu rằng viên sĩ quan đã nhìn căn buồng với chính đôi mắt mà đại tá Aureliano Buendía từng nhìn.

- Quả là không có ai sống trong căn phòng ấy ít ra cũng đã một thế kỉ này - viên sĩ quan nói với bọn lính. - Trong đó có lẽ chỉ có rắn độc ở thôi.

Vào lúc cánh cửa buồng đóng lại, José Arcadio Segundo nhận thức rõ ràng rằng cuộc chiến tranh của ông đã kết thúc. Những năm trước đây, đại tá Aureliano Buendía đã nói với ông về niềm vui chiến tranh và ngài định chứng minh nó bằng những ví dụ nhiều vô kể được rút từ chính kinh nghiệm sống của ngài. Ông đã tin ngài. Nhưng cái đêm bọn lính nhìn ông mà không thấy ông, trong lúc nghĩ đến tình hình căng thẳng những tháng gần đây, đến nỗi cực khổ trong nhà tù, đến nỗi kinh hoàng ở ngoài sân ga, đến con tàu chở người chết, José Arcadio Segundo đã đi đến kết luận rằng đại tá Aureliano Buendía chỉ là một thằng hề hoặc một thằng hèn không hơn không kém. Ngài đã không hiểu rằng ngài đã phải dùng quá nhiều lời lẽ để diễn tả cái ngài cảm nhận được trong chiến tranh mà không biết rằng chỉ cần một từ

thôi đã đủ để diễn đạt nó rồi. Từ đó là nỗi sợ hãi. Trái lại, trong căn phòng của Melquíades, được bảo vệ bởi ánh sáng siêu tự nhiên, bởi tiếng mưa rơi rầm rì và bởi cảm giác mình là người không thể bị nhìn thấy, José Arcadio Segundo đã được sống trong sự nghỉ ngơi mà ông không có nơi trong quãng đời trước đây với một nỗi sợ hãi lớn hơn đây đó trong ông, đó là nỗi sợ bị người ta chôn sống mình. Ông đem điều đó nói lại với Santa Sofía de la Piedad, người vẫn mang cơm đều đặn một ngày hai lần vào cho ông, và bà hứa với ông rằng bà sẽ cố sống cho tới khi sức tàn lực kiệt để đảm bảo chắc chắn rằng ông sẽ được chôn khi đã chết thật rồi. Nhờ thoát khỏi mọi sợ hãi, José Arcadio Segundo lại chú ý đọc những tờ giấy da thuộc của cụ Melquíades, và càng hào hứng đọc bao nhiêu thì ông hiểu chúng càng ít hơn. Do đã quen với tiếng mưa rả rích mà khi kéo dài được hai tháng nó đã trở thành một hình thức yên tĩnh mới, cái duy nhất khuấy động nỗi cô đơn của ông lại là việc ra vào của Santa Sofía de la Piedad. Bởi vậy ông đã xin bà hãy để cơm cho mình ở ngoài bậu cửa sổ và hãy khóa trái cửa buồng lại. Những người khác trong gia đình đã quên ông, kể cả Fernanda vốn không tán thành để ông sống ở trong ấy khi bà ta biết rằng bọn lính đã nhìn ông mà không thấy ông. Khi José Arcadio Segundo tự giam mình ở trong phòng được sáu tháng rồi, và bây giờ là lúc bọn lính đã rút khỏi Macondo, Aureliano Segundo tháo then cửa buồng để tìm người nói chuyện trong lúc đợi trời tạnh mưa. Kể từ khi mở cửa, ông cảm thấy ngọt ngào bởi mùi hôi bốc lên từ những chiếc bô đầy ựa phân và nước giải đặt ở dưới sàn nhà. José Arcadio Segundo bị nước ăn da, không hề biết đến cái khung cảnh buồn bã do mưa gây nên, vẫn mãi mê đọc đi đọc lại thứ văn chương khó hiểu viết trên những tấm da thuộc. Ông được một luồng ánh sáng thiên thần soi sáng. Hầu như ông vừa ngược mắt lên khi nghe thấy cánh cửa mở thì ánh mắt ấy cũng đã đủ để người anh em sinh đôi của ông nhìn thấy số phận cố hữu của cụ cô nội đã được lặp lại trong nó.

- Hơn ba ngàn người, - đó là tất cả những gì José Arcadio Segundo nói. -
Bây giờ thì tôi đã hiểu chắc như đinh đóng cột rằng đó là tất cả những người có mặt ở ngoài sân ga.

CHƯƠNG 16

Mưa suốt bốn năm mười một tháng hai ngày. Có dạo mưa phùn rả rích đến nỗi hết thấy mọi người ai ai cũng mặc đồ tề tễ và làm ra mặt nghiêm trang để cầu khẩn cho trời tạnh, nhưng chẳng bao lâu người ta đã làm quen với cảnh tạnh ráo tạm bợ báo trước những trận mưa dai dẳng hơn sẽ tới. Bầu trời như vỡ ra trong cơn bão táp sầm sập và từ phương Bắc, những trận cuồng phong ập tới lật tung các mái nhà, quật đổ các bức tường và cuốn phăng những dây nho cuối cùng còn lại trên các cánh đồng. Giống như hồi xảy ra dịch mất ngủ mà lúc này Úrsula đang nhớ lại, dường như tai họa này xảy ra là để trừng phạt họ bằng lối sống nhàm chán. Aureliano Segundo là một trong số những người chịu làm việc hơn cả để không chịu rơi vào cảnh ăn không ngồi rồi. Ông đã trở về nhà nhận một vài việc vặt trong cái đêm ngài Brown hô phong hoán vũ gây ra cảnh mưa gió và Fernanda đã tìm giúp cho ông chiếc ô cũ trong một chiếc tủ. “Không cần”, ông nói: “Anh ở lại đây cho đến khi tạnh mưa”. Tất nhiên đó không phải là một lời hứa chắc như đinh đóng cột, nhưng ông đã thực hiện đúng như vậy. Vì quần áo ông để cả ở nhà Petra Cotes, nên cứ ba ngày ông thay quần áo ngoài một lần, và mặc quần đùi cho đến khi quần áo giặt khô. Để khỏi buồn chán, ông lao vào việc sửa chữa vô số những thứ hư hỏng trong nhà: lúc thì gắn lại cái bản lề, tra dầu vào ổ khóa, lúc thì vặn lại những chiếc đinh ốc, nắn lại những chiếc đinh khuy. Trong vài tháng liền, người ta thấy ông lượn lờ đây đó khắp nhà với bộ đồ nghề của người digan bỏ quên từ lúc sinh thời cụ cố José Arcadio Buendía, và không một ai biết rằng ông làm như vậy là do miễn cưỡng phải hoạt động hay vì mùa đông khiến ông buồn chán, hoặc vì ông tự buộc mình phải ăn chơi có điều độ. Ông đam mê làm việc tới mức cái bụng phệ của ông ngày một teo tóp đi, nó cứ nhăn nhúm lại như một tấm da, và khuôn mặt bầu bĩnh rất đẹp như mu rùa của ông dần dần kém sắc, cái cằm sệ của ông cũng ngày một bớt sệ xuống cho đến khi ông đỡ phì nộn hơn và lại có thể cúi xuống buộc được giày giày. Trong lúc nhìn ông gắn lại các bản lề, tháo những chiếc đồng hồ, Fernanda tự hỏi lòng phải chăng ông chồng mình cũng đang mắc cái bệnh làm để rồi phá như đại tá Aureliano Buendía làm những con cá vàng, như Amaranta đơm cúc và may tấm vải liệm, như José Arcadio Segundo đọc những chữ ghi trên tấm da thuộc và như Úrsula nhớ lại những kí ức đời mình. Nhưng không hẳn là như vậy. Điều tệ hại hơn cả là mưa đã làm thay đổi tất cả, ngay đến những chiếc máy vôn khô là thế cũng lên meo lôm đôm nếu ba ngày không tra dầu, những sợi dây thép và những tấm lưới đồng han rỉ hết, quần áo ướt mốc rêu xanh. Không khí quá ư ẩm ướt đến mức cá có thể bơi lội trong đó để qua cửa chính vào nhà và khi ra thì qua các cửa sổ. Có một buổi sáng nọ, Úrsula thức dậy cảm thấy mình đang xiêu đi, đã

đòi đưa cụ đến cha xứ Antonio Isabel dù phải đi bằng cang cũng được, thì cũng lúc ấy Santa Sofía de la Piedad thấy trên lưng cụ đầy những đĩa bám. Người ta phải lấy những mẫu con chấy đỏ than chằm vào chúng để gỡ từng con một trước khi chúng hút hết máu cụ. Phải đào nhiều mương rãnh để tiêu nước trong nhà và quét cho sạch những con cóc, những con ốc, để có thể lau khô sàn nhà, vứt bỏ những viên gạch kê dưới chân giường và một lần nữa được đi giày trong nhà. Mãi mê vui thú với biết bao nhiêu công việc nhỏ nhặt đang hấp dẫn mình, Aureliano Segundo không biết rằng mình đang già đi cho đến một chiều nọ, ông đã nhận ra mình trong lúc ngồi trên chiếc ghế xích đu ngắm nhìn buổi chiều đến sớm mà lòng dửng dưng nhớ tới Petra Cotes. Không hề có gì cản trở ông trong việc trở về với tình yêu nhạt nhẽo của Fernanda, mà sắc đẹp của bà lúc này đã lần đi sau vẻ chín chắn của tuổi tác, nhưng mưa đã giải thoát ông khỏi tất cả những cơn hứng tình đột ngột và nó đã truyền cho ông tình yêu điềm tĩnh không háo hức. Ông vui với cơn mưa dầm dề đã gần được một nạm mà nghĩ đến các việc ông có thể làm trong những ngày tháng trước đây ông từng là một trong số những người đầu tiên mang tôn lá về Macondo, trước khi Công ty chuối biến việc dùng tôn lá thành một cái mốt, và ông chỉ dùng chúng để lợp phòng ngủ cho Petra Cotes và thích thú nằm nghỉ dưới mái tôn trong cảm hứng thân thiết sâu sắc mà thời kì đó mưa rơi gõ lanh canh lên chúng đã gọi cho ông. Nhưng ngay cả đến những kỉ niệm điên rồ của thời thanh niên thác loạn ấy cũng không làm cho ông vui lên được. Trong bữa chè chén gần đây nhất, ông đã để mất đi cái hứng thú dâm bôn của mình. Ở ông chỉ còn lại niềm vui duy nhất là với một thái độ dửng dưng, tổ chức các bữa ăn nhậu. Có thể nghĩ rằng mưa lụt đã tạo điều kiện cho ông ngồi mà ngắm nghĩ, và công việc lật vật với kim và lọ dầu nhờn đã đánh thức những nuôi tiếc muộn màng trong ông về các nghề nghiệp thiết thực ông có thể làm nhưng đã không hề làm trong cuộc đời mình, tiếc rằng không một nghề nào là cụ thể, bởi vì nguyện vọng muốn được ngồi yên và công việc gia đình từng kích thích ông không phải là kết quả của một sự suy nghĩ cũng chẳng phải là một bài học kinh nghiệm đã được ông rút ra. Nỗi hoài nhớ ấy được đào lên bởi mùa mưa đến với ông từ rất xa, từ những ngày ông ngồi đọc ở trong phòng cụ Melquíades những câu chuyện huyền thoại về chiếc thảm bay và chú cá voi khổng lồ nuốt chửng cả tàu thuyền. Đó cũng là những ngày thằng bé Aureliano xuất hiện ở ngoài hành lang do một sự sơ suất của Fernanda và nhờ đó ông ngoại đã biết được nguồn gốc của nó. Ông cắt tóc, mặc quần áo cho nó, dạy nó làm quen với đám đông, rồi chẳng bao lâu thằng bé đã có diện mạo của một Aureliano Buendía đích thực: cũng hai gò má cao, cũng ánh mắt nhìn thẳng thốt, cũng vẻ cô đơn của mình. Đối với Fernanda đó là một sự nghỉ ngơi. Đã có lần bà suy tính tới danh dự to lớn của mình nhưng bà vẫn chưa tìm được cách nên lí giải như thế nào, bởi vì càng nghĩ tới các giải pháp bà càng cảm thấy chúng

ít thuyết phục hơn. Do biết rằng Aureliano Segundo sẽ xử mọi việc như đã xử sự, nghĩa là với tất cả sự thích thú của người ông ngoại, bà đã không theo dõi và ngăn cấm cậu bé khất khe như trước nữa mà trái lại kể từ năm ngoái bà đã giải thoát nó khỏi nỗi nhục nhã. Đối với Amaranta Úrsula lúc này đã thay răng sữa, thằng cháu như một thứ đồ chơi biết chạy nhảy sẽ mua vui cho mình trước cảnh mưa dầm dề buồn bã. Lúc này Aureliano Segundo nhớ tới bộ bách khoa bằng tiếng Anh để trong phòng ngủ của Meme. Trước tiên ông cho bọn nhóc xem tranh ảnh, đặc biệt là tranh ảnh vẽ con vật, sau đó cho chúng xem các bản đồ và ảnh các nước xa xôi và cổ xưa, các vĩ nhân. Vì ông không biết tiếng Anh và vì hầu như ông chỉ biết các thành phố quen thuộc nhất và các nhân vật hay được nói đến nhiều nhất, ông liền phịa ra các tên và chuyện huyền thoại để thỏa trí tò mò của đám trẻ. Fernanda thật dạ tin rằng chồng bà đợi cho trời tạnh để rồi trở về nhà nhân tình. Trong những tháng mưa đầu tiên bà sợ rằng ông ta sẽ lần mò tới phòng ngủ của mình và rằng bà sẽ xấu hổ chết được khi phải cho ông biết rằng mình hoàn toàn không còn khả năng để chiều theo ý ông ngay từ khi sinh bé Amaranta Úrsula. Đó là nguyên nhân của mối quan hệ thư từ tha thiết với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, một quan hệ đã bị đường thư thường xuyên thất thường làm cho gián đoạn. Trong những tháng đầu, khi được biết rằng tàu hỏa bị lật bánh vì mưa bão, một bức thư của các thầy thuốc không thể nhìn thấy đã báo cho bà biết rằng thư của bà bị thất lạc hết đã không đến tay họ. Sau đó, khi các quan hệ với những người nhận thư xa lạ bị gián đoạn hoàn toàn, bà nghiêm chỉnh nghĩ đến cách phải đeo tấm mặt nạ con hổ mà chồng mình đã đeo trong vũ hội Carnival đêm máu ấy, với một cái tên mạo xưng để nhờ các thầy thuốc Công ty chuỗi khám bệnh cho. Nhưng một trong số những người vẫn thường mang đến nhà này đủ mọi tin tức bất hạnh về trận mưa lụt đã báo cho bà biết rằng Công ty chuỗi bãi bỏ mọi hoạt động của các cơ sở phúc lợi của nó ở Macondo để chuyển tới vùng đất tạnh ráo. Thế là bà mất hết mọi hi vọng. Bà quyết chí ngồi chờ cho đến khi tạnh ráo và đường thư được lập lại bình thường, và trong lúc đó bằng cách an ủi, bà xoa dịu những cơn đau thâm lặng của mình, bởi vì bà đã thề rằng thà chết chứ không chịu rơi vào tay viên thầy thuốc duy nhất hành nghề ở Macondo, một người Pháp quái dị chuyên sống bằng các thứ rau cỏ vốn dùng để nuôi lừa. Bà lân la đến gần Úrsula vì tin rằng cụ già trăm tuổi này có thể biết phương thuốc nào đó ngõ hầu làm giảm những cơn đau đến lả người của mình. Nhưng thói quen không gọi tên sự vật bằng chính tên nó đã đưa bà đến việc dùng tráo các khái niệm để đỡ thẹn thò hơn; đáng lẽ nói đằng trước bà lại nói đằng sau, đáng lẽ nói về việc chữa đẽ bà lại nói về việc bài tiết, đáng lẽ nói đến cảm giác choáng váng bà lại nói đến cảm giác nóng rát. Vậy là việc đánh tráo khái niệm trong lúc miêu tả các triệu chứng lâm sàng của bà đã làm cho Úrsula đi đến kết luận đáng tin rằng những cơn đau ấy không phải là đau tử cung mà là đau đường

ruột và cụ khuyên bà nhìn ăn để dùng thuốc tây. Nếu không phải là thứ bệnh chẳng có gì đáng phải xấu hổ ấy và nếu thư từ của bà không bị thất lạc, thì mưa đối với Fernanda chẳng có ý nghĩa quan trọng gì vì rằng cuối cùng cuộc đời đối với bà cũng buồn bã chẳng khác gì trời đang dầm dề mưa. Bà không thay đổi giờ giấc cũng không bỏ bê các buổi cầu kinh. Khi chiếc bàn ăn còn phải kê chân trên những viên gạch xếp chồng lên nhau, và những chiếc ghế ngồi vẫn phải đặt trên những tấm ván để khách ăn khỏi ướt chân, bà vẫn trải những tấm vải lanh và đặt lên bàn bộ đồ ăn bằng sứ Tàu và đến bữa ăn tối bà vẫn thắp sáng những cây đèn cắm nến, bởi vì bà cho rằng không thể lấy tai họa để làm cớ cho việc buông lỏng các tập quán. Không một ai thò mặt nhìn ra đường. Nếu bị phụ thuộc vào Fernanda thì họ sẽ chẳng bao giờ thò đầu nhìn ra đường, không chỉ từ khi trời bắt đầu mưa mà từ trước đó rất lâu, bởi bà ta cho rằng cửa ra được làm ra là để đóng kín nhà lại, và thói tò mò về những chuyện xảy ra ngoài đường là thói xấu của bọn ở điếm. Tuy nhiên, chính bà lại là người đầu tiên trong gia đình đã thò đầu nhìn ra đường khi người ta loan báo đám tang của đại tá Gerineldo Márquez đang đi qua, dấu rằng cái điều bà nhìn thấy qua cửa sổ hé mở đã đưa bà đến tình trạng xấu hổ mà đã từ lâu bà ân hận vì sự hèn yếu của mình. Chưa hề thấy một đám tang nào buồn bã hơn đám tang này. Người ta đặt cỗ quan tài trong túp lều lá chuối dựng trên một chiếc xe bò, nhưng vì mưa quá nặng hạt và đường sá lầy lội bùn, đến mức cứ mỗi bước đi các bánh xe lại bị sa lầy và cái túp lều ấy xiêu vẹo suýt nữa thì đổ. Những giọt nước buồn bã rơi trên cỗ quan tài dần dần làm ướt sũng lá cờ phủ bên trên, và thực tế đó là lá cờ vấy bẩn máu và bụi trường chinh, và nó đã từng bị các cụ chiến binh danh dự nhất từ chối. Trên nắp cỗ quan người ta còn đặt cả thanh kiếm với các tua ngù bằng lụa, chính là thanh kiếm mà đại tá Gerineldo Márquez treo lên giá mắc áo ở phòng khách để bước vào phòng máy may của Amaranta. Đằng sau chiếc xe bò là những người sống sót cuối cùng sau khi ký hiệp định Neerlandia, có một số đi chân đất còn tất cả mọi người đều xắn quần ngang bẹn, bì bõm lội trong bùn, một tay mang chiếc ba-toong, tay kia mang vòng hoa giấy bị nước mưa làm cho phai màu. Bọn họ xuất hiện như hình ảnh không có thực trên con đường vẫn mang tên đại tá Aureliano Buendía và tất cả đều nhìn vào nhà Buendía khi họ đi qua, rồi họ rẽ ngoặt qua quảng trường, ở đây họ phải cầu cứu mọi người giúp tay vì xe bị sa lầy. Úrsula đã được Santa Sofía de la Piedad dìu ra tới cửa. Cụ chăm chú theo dõi mọi diễn biến của đám tang đến mức không một ai nghi ngờ rằng cụ đang nhìn, nhất là vì cái cánh tay thánh của cụ cứ chỉ trở theo đám tang.

- Tạm biệt nhé, Gerineldo con trai ta, - cụ gào. - Hãy thay ta chào những người thân của ta và bảo với họ rằng chúng ta sẽ gặp nhau khi trời tạnh ráo.

Aureliano Segundo giúp cụ đi về giường và với thái độ trêu chọc thường

có, ông hỏi cụ ý nghĩa của lời từ biệt ban nãy.

- Thật đấy cụ nói. - Ta chỉ đợi cho trời tạnh ráo để chết mà.

Quang cảnh trên các đường phố khiến Aureliano Segundo phải tỉnh ngộ. Vì lo lắng quá muộn màng cho số phận của đàn gia súc, nên ông đã đội tấm vải sơn và vôi vàng đi đến nhà Petra Cotes. Ông gặp ả ở ngoài sân, ngâm nước tới ngang lưng đang cố đẩy xác chết một con ngựa đi nơi khác. Aureliano Segundo cầm lấy một cái thang chèn cửa giúp ả đẩy xác con vật và cái xác chết trương không lồ này xoay trong một vòng rồi bị dòng nước ngẫu bùn cuốn phăng đi. Kể từ khi trời bắt đầu mưa, Petra Cotes không làm việc gì khác hơn là lừa xác những con vật chết cho nước cuốn đi khỏi sân nhà mình. Trong các tuần đầu, ả nhắn tin cho Aureliano Segundo để ông lấy làm trọng mà về, và ông đã trả lời rằng chưa vội gì, rằng tình huống chưa đáng phải lo lắng lắm, rằng khi nào trời tạnh sẽ nghĩ cách khác. ả nhắn đến tai ông rằng các ruộng cỏ cho ngựa ăn đã bị ngập nước, rằng đàn gia súc đã chạy ráo lên các miền đất cao, và ở đấy chúng đang không có cái ăn và phải làm môi cho hổ và dịch bệnh. “Không cần phải làm gì cả”, Aureliano Segundo trả lời ả: “Khi nào trời tạnh ráo chúng lại đẻ ra vô khối, lo gì”. Petra Cotes đã nhìn thấy gia súc chết hàng đàn hàng đàn và hầu như ả không đủ sức để xả xác những con còn mắc cạn. Với thái độ bất lực, ả hậm hực nhìn nạn lụt đã phá không thương tiếc cả một gia sản như thế nào, một gia sản từng có thời được coi là lớn nhất và đảm bảo nhất ở Macondo và giờ đây nó chỉ còn lại một mùi thối khăng khăng. Khi Aureliano Segundo quyết định trở về để xem điều gì đã xảy ra, ông chỉ còn thấy xác chết một con ngựa đực và một con lừa cái gầy còm còn sống đang bị nhốt trong cái chuồng ngựa đổ nát. Petra Cotes nhìn ông trở về mà không hề thảng thốt, không hề mừng vui, cũng chẳng rầu rĩ, và hơn nữa, hầu như ả còn nhoẻn một nụ cười khẩy: - Về đúng lúc nhỉ, - ả nói. ả đã già khòm đi, xương hóc bày ra, đôi mắt xanh như mắt mèo, vì nhìn mưa mà trở nên ủ dột và hiền lành hơn. Aureliano Segundo ở lại nhà ả ba tháng liền, không phải vì ở đấy ông thấy dễ chịu hơn ở nhà mình mà vì ông phải cần tới ngàn ấy tháng mới quyết định đội lại tấm vải sơn để trở về nhà. “Không có gì phải vội vã”, ông nói như trước đây đã nói khi ở nhà mình, “chúng ta đợi trời tạnh trong những giờ tới”. Trong suốt tuần đầu ông dần dần làm quen với cái vẻ tàn tạ mà thời gian và cơn mưa dầm dề đã gây nên cho sức khỏe của người tình và dần dần ông lại thấy ả như xưa, qua cách nhớ lại những mềm vui buông thả của ả cũng như tính chất mẫn đẽ như điên mà tình yêu của ả đã kích thích đàn gia súc, rồi một tối nọ trong tuần lễ thứ hai, phần vì tình, phần vì thích thú, ông đã cò kè để đánh thức ả dậy. Petra Cotes vẫn thờ ơ, không hào hứng. “Hãy ngủ yên nào”, ả nói thảm thùi, “Những ngày này chẳng phải là lúc để chúng ta hú hí nữa đâu”. Aureliano Segundo nhìn mình trong tấm gương gắn trên trần nhà, nhìn sống

lung Petra Cotes giờ những chiếc xương sườn thiếu não, ông hiểu rằng ả có lí, và không phải vì thời gian mà chính vì họ lúc này đã quá thì rồi. Aureliano Segundo xách hòm xiềng của mình trở về nhà mà lòng đinh ninh tin chắc rằng không chỉ một mình Úrsula, mà tất cả dân chúng Macondo, đang đợi cho trời tạnh ráo để chết. Khi đi ngang qua nhà ông đã nhìn thấy họ ngồi trong các phòng khách với ánh mắt đờ đẫn, hai tay ôm lấy đầu mà lắng nghe thời gian đang qua đi, đó là một thời gian trọn vẹn, một thời gian không hề hao phí, bởi vì thật là vô ích việc chia nó thành năm, tháng và chia ngày thành giờ khi người ta không thể làm gì khác hơn là ngồi ngắm mưa rơi. Bọn trẻ reo mừng đón Aureliano Segundo vì ông sẽ chơi cây đàn phong cầm đã long phím cho chúng nghe. Nhưng buổi hòa nhạc không lôi cuốn bọn trẻ như các buổi xem từ điển bách khoa, vậy là cha con, ông cháu họ lại kéo nhau tụ họp tại phòng ngủ của Meme, và ở đây trí tưởng tượng của Aureliano Segundo đã biến khinh khí cầu thành con voi bay đang tìm chỗ ngủ giữa các đám mây. Có lần ông bắt gặp hình ảnh một người đàn ông cưỡi ngựa mà bất chấp bộ quần áo rất lạ ông ta mặc, ông vẫn nhận thấy cái dáng vẻ thân thuộc và sau khi kiểm tra kĩ ông đã đi đến kết luận đó là chân dung của đại tá Aureliano Buendía. Ông đem nó cho Fernanda xem, và bà ta cũng nhận thấy dáng vẻ bên ngoài của chàng kĩ sĩ không những chỉ giống đại tá mà còn giống tất cả các thành viên của gia đình này, mặc dù đây thực ra là chân dung một chiến binh người Tác-ta. Rồi cứ thế ông để cho thời gian trôi đi trong lúc xem tượng đài Roda^[37] và những bức tranh kì thú về loài rắn, cho đến khi bà vợ báo cho ông hay rằng trong kho lương thực chỉ còn lại sáu kilô thịt ướp và một tải gạo.

- Bây giờ em muốn anh làm gì nào? - ông hỏi.

- Em không biết, - bà trả lời. - Cái đó là chuyện của đàn ông.

- Thôi được, - Aureliano Segundo nói. - Sẽ làm một cái gì đó khi nào trời tạnh.

Ông vẫn mãi mê xem từ điển bách khoa hơn là lo lắng cho cái ăn hàng ngày, ngay cả khi buộc phải bằng lòng ăn thịt cày và một ít cơm vào bữa trưa. “Quả thật là lúc này không thể làm gì được”, ông nói: “Nhưng mưa không thể mưa suốt cả đời được”. Và trong lúc ông càng chậm trễ lo lắng cái ăn đang thức bách bao nhiêu thì Fernanda càng nổi cơn tam bành kịch liệt hơn, kể cả những lời chửi bới, những câu văng tục ít thấy của bà cứ tuôn ra trong một cái thác không thể nào kìm được, nó bắt đầu từ sáng sớm như một khúc dạo đầu đơn điệu của một cây đàn ghita, và nó tiến triển theo kiểu ngày cứ trôi đi thì nó càng cao giọng hơn, mỗi lúc một du dương hơn và hấp dẫn hơn. Aureliano Segundo vẫn chưa ý thức được những lời chửi bới như hát hay ấy mãi cho đến ngày hôm sau, sau bữa điếm tâm, khi ông cảm thấy khó

chịu bởi tiếng vo ve mà lúc này nghe át cả tiếng mưa rơi và đó là Fernanda, người đang đi lại khắp nhà để ta thán rằng cha mẹ bà đã nuôi dạy bà như một bà hoàng để đến nỗi giờ đây bà là con ở trong một cái nhà toàn những người điên, với một ông chồng lười chầy thây, lại trai lơ và buông tuồng, rằng ông ta lúc nào cũng nằm ngửa há miệng chờ sung rơi trong lúc bà phải thẳng da lưng trụng da bụng làm lưng để duy trì một gia đình sắp khánh kiệt, nơi phải làm việc nhiều, phải chịu đựng và phải chĩnh đôn lại kể từ khi trời sáng cho đến khi đi nằm mà lúc lên giường mắt đã cộm lên nhức nhối, thế mà chẳng một ai hỏi đêm qua có ngủ ngon không Fernanda lấy một lời, cũng chẳng ai hỏi bà dù chỉ là xã giao thôi vì sao dạo này lại xanh xao thế, vì sao đôi mắt lại thâm quầng thế mặc dù rằng bà không đợi, dĩ nhiên rồi, rằng điều đó lại được thốt lên từ miệng một người nào trong cái gia đình vốn lúc nào cũng coi bà là một trở ngại, là một cái bã lau, là một con khỉ vẽ trên tường, và rằng cả nhà họ thi nhau lên tiếng nói xấu bà ở khắp nơi khắp chốn, để mà gọi bà nào là kẻ làm ra vẻ mộ đạo, là kẻ giả dối, là con thạch sùng, và ngay đến Amaranta, mà lúc này đã yên nghỉ, gay gắt bảo bà là kẻ tằm đội cút lên đầu, lạy Chúa tha tội cho, ôi ngôn từ gì mà quá thể thế, và bà đã cố gắng chịu đựng hết với sự nhẫn nhục vì ý định của Cha thánh thần, nhưng bà đã không thể chịu đựng được hơn khi José Arcadio Segundo đều cáng nói rằng gia đình này khánh kiệt là do đã mở cửa rước mù gián điệp về, hãy tưởng tượng mà xem, ôi lạy Chúa, một mù gián điệp độc đoán, ôi lạy Chúa, một mù gián điệp mang dòng máu hạ đẳng, cùng một bản chất với những tên mật vụ được chính phủ phái tới để bắn giết những người lao động, hãy nói cho bà biết, và điều đó ám chỉ ai nếu không phải là ám chỉ bà, con gái nuôi của nữ công tước Alba, một mệnh phụ trâm anh thế phiệt từng để ra các phu nhân tổng thống, một tiểu thư quý tộc đích thực như bà có quyền kí với mười một tên họ lưng lẩy ở Tây Ban Nha, và rằng bà là người duy nhất ở cái làng của những đứa con hoang cảm thấy hãnh diện trước mười sáu bộ đồ ăn bày trên bàn để cho ngay sau đó con ở thông dâm với chồng bà cười như nắc nẻ nói rằng nhiều thìa đĩa, dao ăn thế. kia chẳng phải là đồ ăn của các con chiên của Chúa mà là đồ ăn của loài rắn, và bà là người duy nhất nhắm mắt lại đã có thể khẳng định được khi nào thì phục vụ rượu màu, róc ở phía nào, vào cốc nào, chứ không như thói quen mùa của Amaranta, người đã yên nghỉ, lại cứ tưởng rằng rượu trắng uống vào buổi ban ngày còn rượu màu vào ban đêm, và bà là người duy nhất ở cả vùng duyên hải này khi ỉa đá thì ngồi vào bô vàng chứ không ngồi chồm hồm như những kẻ khác, để đến nỗi sau này đại tá Aureliano Buendía, người đã ngủ giấc ngàn thu, với buồng mật tẻ hại của bọn Tam điểm đã dám hỏi bà thói kiêu kì ấy khởi sự từ đâu, làm như thể bà không ỉa ra cứt mà ỉa ra hoa Astromelia^[38], các ông các bà hãy nghĩ mà xem, ngài lại nói những từ như thế đấy, và để cho Renata, chính con gái bà, mà do vô tình đã nhìn thấy phân của bà ở ngay trong phòng ngủ, đã trả lời rằng sự

thật cái bô ấy bằng vàng có khảm gia huy nhưng cái có ở bên trong lại là cứt thật, nhưng còn tồi tệ hơn các thứ cứt đá khác, đó là cứt của con mụ gián điệp, các ngài hãy tưởng tượng mà xem, chính là con gái bà đấy, vậy là bà sẽ chẳng bao giờ còn trông mong vào một người nào của cái gia đình này, nhưng dù sao bà vẫn có quyền chờ đợi một chút coi trọng nào đó của chồng mình, bởi vì dù tất dù xấu thế nào đi nữa, ông là chồng bà, là tác giả của bà, là người phán định hợp pháp của bà, là người đã tự nguyện quàng lên cổ mình cái trọng trách dẫn bà ra khỏi nhà bố mẹ bà, vốn là nơi bà đan những chiếc mũ tang bằng lá cây palma, bởi vì cha đỡ đầu của bà đã gửi cho Aureliano Segundo một bức thư tự tay người viết có in dấu chiếc nhẫn, chỉ để bảo ông rằng đôi tay cô con nuôi của người được tạo ra không phải để làm những công việc tầm thường ở cõi thế tục này, mà chỉ để đánh đàn tiêu phong cầm thôi, nhưng tuy nhiên, ông chồng gàn dở đã lôi bà ra khỏi nhà cùng với những lời dăn dò ấy nhưng đã đẩy ả bà vào xứ sở địa ngục nơi không thể thở được vì nóng bức, và trước khi bà làm xong việc kiêng kị trong lễ Hạ trần thì ông chồng đã xách va li và cây đàn phong cầm của những kẻ bợm nghịch đến chung chạ với một ả bất hạnh, người mà người ta đã nói chỉ cần nhìn bộ móng, đúng thôi, chỉ cần nhìn ả ngoáy bộ móng ngựa cái non là đã đoán được rằng ả là một, là một người đàn bà hoàn toàn trái ngược với bà - vốn là một mệnh phụ, - dù ở trong dinh phủ hay trong chuồng ngựa, dù ở trên bàn hay trên giường, ở đâu cũng vậy vẫn cứ là một mệnh phụ quốc gia, vốn kính nể Thượng đế và là nô lệ của Người và vâng theo Người, và là người không thể đem so sánh, dĩ nhiên rồi, với các vũ nữ leo dây và cái bọn đàn bà lang thang lêu lổng hiến thân cho người khác, dĩ nhiên, đã hiến thân cho tất cả đàn ông, như những mụ tú bà hành nghề theo mắt Pháp, hoặc giả lại còn tồi tệ hơn, xin các ngài hãy nghĩ kĩ mà xem, bởi vì những con điếm theo một Pháp này còn chút danh giá đã biết thấp ngọn đèn hồng ngay trước cửa để rước khách, ít ra là như thế, bọn đàn bà ấy không còn thiếu một thứ xấu xa nào, xin hãy tưởng tượng xem, và không thể đem họ so sánh với bà, vốn là người con gái duy nhất và được cưng chiều của Doña Renata Argote và Don Fernando del Carpio, trước hết là cụ bởi vì cụ là một ông thánh, một con chiên của những con chiên vĩ đại, là công tử được tặng Huân chương Mộ chúa Giêsu, cụ thuộc vào lớp người trực tiếp nhận từ tay Thượng đế đặc ân khi chết thì thi hài được bảo tồn nguyên vẹn trong phần mộ với nước da mịn màng như nước da mỡ màng của cô gái đang thì yêu đương và đôi mắt tươi và sáng như màu ngọc lục bảo. - Điều đó không đúng, - Aureliano Segundo cắt ngang lời bà, - Khi được mang tới đây cụ đã thối ra rồi. Ông đã đủ kiên tâm nghe bà chửi suốt một ngày cho tới khi tùm được một chỗ nói sai làm bà giật mình. Fernanda không nghe lời ông, nhưng cũng phải chịu hạ giọng. Đêm ấy, trong lúc ăn tối, tiếng chửi đĩnh tai nhức óc của Fernanda đã bị tiếng mưa rơi át đi. Aureliano Segundo ăn rất ít, đầu cúi gằm

xuống và ông đứng dậy lui về phòng ngủ rõ sớm. Trong bữa điếm tâm ngày hôm sau, Fernanda run lẩy bẩy với dáng vẻ mệt mỏi vì đêm qua kém ngủ và dường như bà hoàn toàn lơ đãng vì bức tức. Tuy nhiên, khi chồng bà hỏi liệu có thể được ăn trứng nóng không, thì bà không đơn giản trả lời rằng kể từ tuần trước nhà đã hết trứng rồi, mà lại nói rằng bà đã làm một bài văn tế đả kích kịch liệt đám đàn ông suốt ngày chỉ biết ngắm vuốt cái bụng thể mà lại dám đòi ăn gan chim chiên chiên đấy. Như thường lệ, Aureliano Segundo dẫn bọn trẻ đi xem từ điển bách khoa, và Fernanda vờ vịt vào phòng Meme dọn dẹp đồ đạc để chỉ thăm thì nói cho một mình ông nghe thôi: rõ đơ cái mặt thốt đảm bảo bọn trẻ là đại tá Aureliano Buendía được in ảnh trong từ điển bách khoa đấy. Buổi chiều ngày hôm đó, trong lúc bọn trẻ ngủ, Aureliano Segundo ngồi ở ngoài hành lang thì Fernanda đã theo ông ra tận đấy, bằng lời chửi bới làm rầm rầm như tiếng nhặng xanh để mà khiêu khích ông, để mà xỉ vả ông, bảo ông rằng trong lúc nhà chẳng còn gì ngay đến cả đá để mà ăn thì chồng bà ngồi như một ông vua Ba Tư để ngắm mưa rơi, chỉ quen sống bám bọn đàn bà và sẵn lòng cưới vợ của thánh Jonah, người ngồi lặng yên nghe câu chuyện cá voi. Aureliano Segundo không nhúc nhích, cứ như một thằng điếc nghe bà chửi liên trong hai giờ. Ông không ngắt lời bà, cứ để bà chửi cho đến chiều tà, khi ông không thể chịu đựng hơn nữa cái tiếng kêu bong bong làm nhức nhối đầu ông.

- Làm ơn, có im đi không nào?

Ngược lại Fernanda càng cao giọng hơn. “Tôi chẳng việc gì phải im mồm cả”, bà nói: “Ai không muốn nghe tôi thì cứ việc cút đi”.

Thế là Aureliano Segundo không tự chủ được nữa. Ông từ từ đứng dậy, làm như thể để giãn gân giãn cốt thôi, rồi với con giạn dũa nhưng lại rất bình tĩnh và có phương pháp, ông đã bung hết chậu thu hải đường này đến chậu khác, hết chậu dương xỉ này đến chậu khác, rồi hết chậu kinh giới ô này đến chậu khác, cứ thế ông ném từng chậu một xuống sàn nhà. Fernanda hoảng hốt; bởi vì thực ra bà vẫn chưa ý thức được sức mạnh bên trong của những lời chửi bới ấy, nhưng khi nhận ra thì đã muộn, không thể nào sửa đổi được tình huống nữa. Vì diên tiết trước lời chửi bới không ngớt ấy, Aureliano Segundo đập vỡ tấm gương của chiếc tủ kính, rồi ông thông thả gỡ từng bộ phận tủ một đập vụn ra, sau đó theo thứ tự, vẫn với vẻ điềm tĩnh và hài hòa mà trước đây ông đã có khi dán những đồng tiền giấy lên tường, ông đập vỡ bộ đồ thủy tinh Bohemia, những bông hoa giả, những bức tranh vẽ các cô gái đồng trinh đứng trên những con thuyền chở đầy hoa hồng, những tấm gương ghép trong khung thép vàng, ông đập hết cả những gì có thể đập được từ trong nhà cho đến kho lương thực, cuối cùng ông kết thúc với việc đập vỡ chum nước trong tiếng nổ vang vọng sâu lắng. Sau đó ông lau tay, quàng tấm vải sơn rồi ra đi, và trước lúc nửa đêm ông mang về một số vại thịt ướp,

vài tải gạo và ngô cùng mấy buồng chuối. Kể từ lúc ấy, nhà lại không thiếu cái ăn. Có lẽ Amaranta Úrsula và chú bé Aureliano sẽ nhớ trận mưa lụt này như một thời kì đầy hạnh phúc. Mặc dù Fernanda luôn khắt khe đe nẹt, bọn trẻ vẫn bị bõm lội ở ngoài sân, sẵn bắt những chú thằn lằn để mổ bụng chúng và chơi trò đầu độc nòi xúp bằng cách bỏ vào đó phần cánh bướm nếu Santa Sofía de la Piedad không trông nom cẩn thận. Úrsula là một thứ đồ chơi lí thú hơn cả của bọn trẻ. Chúng nó coi cụ như một con búp bê cũ kĩ để trang điểm cho cụ: lấy nhọ nôi và phẩm đỏ bôi lên mặt cụ, buộc các mảnh vải đủ màu sắc lên người cụ rồi khiêng cụ đi lại khắp các xó xỉnh trong phòng, và suýt nữa chúng lấy mũi kéo làm vườn để móc mắt cụ như từng móc mắt những con cóc. Không có gì làm cho chúng thích thú bằng những câu nói lảm nhảm của cụ. Quả thế thật, kể từ năm thứ ba của trận mưa lụt này đã có cái gì đó không bình thường xảy ra trong tâm trí cụ, bởi vì cụ đã dần dần đánh mất ý niệm về thực tại đang sống, và nhàm lẫn thời đang sống với các thời kì xa xưa của cuộc đời mình, cho đến lúc cụ khóc lóc thảm thiết ba ngày liền cho cái chết của Petronila Iguarán, bà cố nội của cụ, từng được chôn cất gần một thế kỉ nay. Cụ chìm sâu trong trạng thái nhàm lẫn hết sức kì quặc đến mức cụ tin rằng chú bé Aureliano này là con trai mình, ngài đại tá ấy, vào lúc chàng được cha dẫn đi xem nước đá và anh chàng José Arcadio đang theo học chuyên đề để trở thành Giáo hoàng ấy là đứa con trai đầu lòng của cụ, kẻ đã bỏ nhà để đi theo bọn digan. Cụ nói đi nói lại về gia đình mình quá nhiều đến mức bọn trẻ thuộc lòng tên người để tổ chức cho cụ những chuyến du chơi tưởng tượng với những người không những là những người đã chết từ lâu rồi mà còn là những người sống ở các thời kì khác nhau. Ngồi trên giường với mái tóc đã xám như tro và một chiếc khăn đỏ che lấy mặt, Úrsula thật là hạnh phúc sống giữa những người thân trong gia đình được bọn trẻ tưởng tượng và miêu tả lại không thiếu một chi tiết, làm như thể chúng thực sự có quen biết họ. Úrsula nói chuyện với các bậc bề trên của mình về những sự kiện từng xảy ra trước khi cụ chào đời, cụ vui sướng trước những tin tức họ cho cụ biết rồi cụ cùng họ khóc lóc cho những người chết gần đây hơn so với những người chết đang nói chuyện với cụ. Không lâu bọn trẻ biết được rằng trong suốt các buổi đi chơi tưởng tượng ấy, Úrsula luôn luôn nêu một câu hỏi nhằm xác định xem ai là người trong lúc chiến tranh đã mang tới nhà này một bức tượng thánh José bằng thạch cao to bằng người thực để gia đình trông nom hộ cho qua mùa mưa bão. Nhờ thế Aureliano Segundo nhớ lại kho của được chôn ở một nơi nào đó mà chỉ một mình Úrsula biết, nhưng tất cả các câu hỏi cũng như mọi thủ đoạn ranh ma mà ông nghĩ ra được đề dò hỏi Úrsula đều trở nên vô ích, bởi vì trong lúc lang thang trong các ngõ ngách bí hiểm của cơn mê muội, lúc nào Úrsula cũng giữ một điểm sáng trí tuệ để bảo vệ điều bí mật mà cụ vốn rắp tâm sẽ chỉ nói cho một ai đó biết nếu người này chứng minh được rằng mình là người chủ đích thực của số

vàng được chôn giấu kỹ càng. Cụ quá ư lanh lợi và khôn khéo đến mức khi Aureliano Segundo đạo diễn cho một trong số những người bạn nhậu nhẹt của mình đóng vai người chủ của số của cải bị chôn giấu ấy và đưa y tới gặp cụ cố mình, thì y đã phải thất bại trước hàng loạt câu hỏi tỉ mỉ có gai bẫy sẵn của cụ. Do đã tin rằng Úrsula sẽ mang điều bí mật này xuống mồ nên Aureliano Segundo thuê một đội thợ đào với lí do để đào các mương rãnh thoát nước cho sân trước và sân sau và chính bản thân ông dùng cuộc chim và các dụng cụ dò tìm kim loại đã đào bới khắp nơi mà vẫn không thấy gì chứng tỏ có vàng trong ba tháng khai quật vô vọng. Sau đó, tin rằng quân bài nhìn rõ hơn mắt những người thợ đào, ông vội tìm đến Pilar Ternera; nhưng bà lão lại cũng báo trước cho ông biết rằng sẽ không tìm thấy nó trước khi trời tạnh mưa và hạn hán liên tục ba năm liền biến bùn lầy thành bụi đất. Những số liệu có vẻ thâm thúy và không xác thực của lời tiên đoán ấy đã khiến cho Aureliano Segundo có cảm giác nó giống như truyện ngụ ngôn có tính chất thông minh muốn buộc ông dừng công việc của mình lại và phải chờ ít nhất là ba năm nữa để thỏa mãn những dữ kiện của lời đoán. Điều đầu tiên khiến ông ngạc nhiên đồng thời khiến ông càng thêm bối rối là sự thực này: từ giường Úrsula đến hàng rào ở sân sau rộng một trăm hai mươi hai mét, đúng hệt như lời đoán của Pilar Ternera. Fernanda sợ rằng ông chồng mình lại điên rồ như người anh em sinh đôi khi bà nhìn ông đắm chiêu tính toán, và còn tệ hại hơn thế nữa, khi ông ra lệnh cho bọn thợ đào đào sâu thêm một mét nữa ở những lòng mương đã đào. Vì đam mê trong các cuộc đào bới đầy hào hứng - sự đam mê này hoàn toàn có thể so sánh với sự đam mê của cụ cố nội khi cụ đi tìm con đường của những phát minh lớn - Aureliano Segundo gầy tọp đi và do đó sự giống nhau như đúc với người anh em sinh đôi trước đây lại càng thêm đậm nét hơn, không chỉ do hình hài ông hao gầy đi mà còn do cái vẻ xa lạ và thái độ trầm tư của ông nữa. Ông không lo lắng quan tâm đến bọn trẻ. Ông ăn vào bất cứ lúc nào, ngay cả khi người ông lâm lem bùn đất từ chân lên tận đầu, ông ngồi ăn ngay trong xó bếp và hầu như không trả lời những câu hỏi băng quơ của Santa Sofía de la Piedad. Vì thấy ông làm lụng trong hình thức khổ cực ấy, mà chưa bao giờ bà dám mơ rằng ông sẽ làm việc hăng say như vậy Fernanda tin rằng sự rụt rè của ông lại là sự cẩn thận, rằng tính hám của của ông lại là đức hy sinh, rằng tính ương ngạnh của ông lại là đức kiên trì và tự đáy lòng mình bà ân hận Á-rập thuộc thế hệ thứ ba vẫn ngồi ở chính nơi đây và với thái độ của cha ông mình, nghĩa là vẫn trầm tư, hiên ngang, không hề đau đớn trước thời gian và hoạn nạn, vẫn sống và chết như họ đã từng trải qua dịch mất ngủ và ba mươi hai cuộc nội chiến của đại tá Aureliano Buendía. Tâm hồn khỏe mạnh và kiên trì của họ trước sự đổ nát của những bàn cờ, những quán ăn, những quán chơi trò bắn súng, và cái ngõ hẻm nơi người ta vẫn đến để xem số và đoán mộng, là hết sức đáng ngạc nhiên đến mức Aureliano Segundo với thái

độ bông lơn vốn có đã phải hỏi rằng bằng những thủ thuật thần bí nào mà họ không bị chết đuối trong trận mưa lụt vừa qua, cứ y như có bàn tay ma quỷ nào đã giúp cho họ không bị chết chìm, và hết người này đến người khác, từ cửa nhà này sang cửa nhà khác họ đều trả lời ông bằng cái nhìn mơ màng và một nụ cười ranh mãnh, và tất cả không ai bảo ai, đều nói với ông một câu trả lời như sau: Bằng cách bơi. - Có lẽ Petra Cotes là người địa phương duy nhất có trái tim Ả-rập. Ả tận mắt nhìn thấy những mảnh gỗ cuối cùng của các chuồng gia súc của mình bị nước lụt cuốn đi, nhưng chính ả đã giữ cho ngôi nhà của mình vẫn đứng vững trước mưa sa bão táp Trong năm cuối cùng của thời kì mưa lụt, ả đã nhắc Aureliano Segundo phải mau mau trở về, và ông này đã trả lời rằng sẽ không trở về nhà ả đâu, rằng ả hãy quên câu hỏi đến bao giờ ông sẽ trở về nhà ả đi, nhưng thế nào ông cũng mang một hòm tiền vàng về để lát nền buồng ngủ của ả. Thế là ả trần trọc suy nghĩ tự đào bới lòng mình để tìm một sức mạnh ngõ hầu giúp ả sống qua cái nạn khó khăn này, và ả đã tìm thấy một tình cảm hờn giận được nung nấu suy nghĩ kĩ, vừa là thứ hờn giận chân chính và với chính tình cảm hờn giận này ả đã thề với lòng mình là sẽ giành lấy bằng được số tài sản đã bị người tình xài phí và bị mưa lụt làm cho khánh kiệt. Đó là một quyết tâm không gì phá vỡ nổi đến mức tám tháng sau khi ả nhận lời cuối cùng, Aureliano Segundo trở về nhà và thấy ả xanh rớt, tóc tai bù xù, mắt sâu trũng và da mẩn đỏ loang lổ vì ngứa, thế mà vẫn đang cặm cụi ngồi viết số trên những tờ giấy nhỏ để mở xổ số. Aureliano Segundo đứng chết lặng, và vì lúc này ông cũng gầy nhom với dáng vẻ trang nghiêm nên Petra Cotes không thể tưởng được rằng người trở lại tìm ả là người tình suốt đời mà lại tưởng rằng người ấy là người anh em sinh đôi của ông. - Mình điên rồi sao, - ông nói. - Mình định lấy xương trắng ra mà trả thưởng sao? Ả vội bảo ông nhìn vào buồng ngủ và Aureliano Segundo nhìn thấy một con la cái. Nó gầy guộc, chỉ còn da bọc xương như chủ nhân của nó, nhưng nó linh lợi và kiên quyết như bà chủ. Petra Cotes đã nuôi nó bằng chính nổi hờn giận của mình và khi hết nhẫn cỏ, ngô, rế cây, ả đã mất nó vào buồng ngủ của mình, cho nó ăn những tấm ga trải giường bằng phin nỡn, những tấm thảm Ba Tư, những chiếc chăn dạ, những tấm rêm nỉ, tấm áo thụng thêu chỉ kim tuyến rồi đến cả những chiếc tua bằng lụa trang trí quanh chiếc giường đức Giáo chủ của ả.

CHƯƠNG 17

Úrsula phải cố gắng lắm để thực hiện lời thề nguyện là sẽ chết khi nào trời tạnh ráo. Những tia chớp minh mẫn vốn rất hiếm thấy ở cụ trong những ngày mưa lụt, bắt đầu từ tháng tám lại thường xuyên xuất hiện, đó là khi những cơn gió khô thổi tới làm những khóm hoa hồng nghệt thờ và bùn lầy đông cứng lại, gió tung bụi nóng trên vùng Macondo, báo phủ mãi những mái tôn hoen gỉ và những cây hạnh đào trăm tuổi. Úrsula khóc vì buồn tủi khi biết rằng đã hơn ba năm qua mình chỉ là trò đùa của lũ trẻ nhỏ. Cụ rửa bộ mặt bôi bác nhòe nhoẹt, vứt bỏ những sợi dây sặc sỡ, những xác thằn lằn và cóc nhái ướp khô cùng những chiếc dây chuyền Á-rập giả và cổ xưa mà người ta đã đeo quán trên mình cụ; và lần đầu tiên từ khi Amaranta chết, cụ ra khỏi chiếc giường mà không cần người giúp đỡ, để lại một lần nữa hòa nhập với cuộc sống gia đình. Ý chí của trái tim bất khuất đã dẫn dắt Úrsula trong cảnh mịt mù. Những ai đã từng dừng lại nhường cho cụ chệnh choạng bước đi và chạm phải cánh tay như tay thánh của cụ thường giơ cao ngang tầm đầu, đều nghĩ rằng cụ khó mà gượng nổi tấm thân nặng nhọc, nhưng vẫn chưa tin rằng cụ đã bị mù. Chẳng cần nhìn, Úrsula cũng biết những bồn hoa được trồng rất cẩn thận từ lần đầu tiên xây dựng lại ngôi nhà đã bị mưa và các cuộc đào bới tìm vàng của Aureliano Segundo hủy hoại hết, các bức tường và sàn xi măng đã rạn nứt, đồ dùng trong nhà đã bạc màu và rêu rã, các cửa đã lung lay và cả gia đình bị đe dọa bởi một tinh thần yếu đuối mang tính khuất phục và nỗi buồn chán không thể nào có trong những ngày cụ còn chắc chắn mạnh tay: Dò dẫm trong những phòng ngủ trống trơn, Úrsula nhận ra tiếng một kèn kẹt nghiêng gỗ liên tục, tiếng mỗi rào rào xông hòm quần áo và tiếng âm âm khùng khiếp của những con kiến đỏ to sụ, từng sinh sôi nảy nở rất nhanh trong nạn hồng thủy, đang đào bới nền móng của ngôi nhà. Một hôm Úrsula mở chiếc hòm đựng đồ lễ thánh và cụ đã phải nhờ Santa Sofía de la Piedad đuổi những con gián vừa từ trong hòm nhảy tung lên khắp người, những con gián ấy đã cắn nát vụn quần áo trong hòm. “Không thể sống trong tình trạng đê hoang tàn như thế này được”, Úrsula nói: “Cứ đà này thì chúng ta đến bị những con vật kia nhai sống nuốt tươi mất thôi”. Từ dạo ấy Úrsula chẳng có phút nào được nghỉ ngơi yên tĩnh. Cụ dậy từ sớm tinh mơ, đòi một người nào đó giúp đỡ, kể cả trẻ nhỏ. Cụ đem so xống áo còn rất ít ỏi nhưng có thể dùng được ra phơi nắng, dùng thuốc trừ sâu để xua đuổi lũ gián, miết chặt những lô mọt ở cửa ra vào và cửa sổ, dùng vôi sống làm nghệt thờ lũ kiến ở trong hang. Cái bệnh muốn sửa sang nhà cửa khiến Úrsula tìm đến những căn phòng nơi cụ José Arcadio Buendía đã vất óc để chế tạo đá giả kim, sắp xếp lại xưởng kim hoàn đã bị bọn lính xáo trộn lung tung và sau cùng cụ đòi lấy chìa khóa phòng của Melquíades để vào xem

tình hình ở đó ra sao. Trung thành với ý muốn của José Arcadio Segundo là không để ai vào phòng một khi chưa có dấu hiệu là mình đã chết, Santa Sofía de la Piedad đã dùng mọi mưu mẹo để đánh lừa Úrsula. Nhưng quyết định của Úrsula không buông tha lũ sâu mọt ngay cả ở những xó kín và những phần vô dụng của ngôi nhà là quyết định không thể thay đổi, nó chiến thắng mọi sự ngăn trở. Và, sau ba ngày kiên quyết đòi hỏi, Úrsula đã buộc mọi người phải mở cửa phòng cho mình. Úrsula phải vịn vào khung cửa để khỏi bị ngã vì mùi tanh hôi, nhưng chưa đầy hai giây sau cụ đã lại nhớ rằng ở đó người ta còn giữ bảy mươi hai cái bô của các nữ sinh, và nhớ rằng vào một trong những đêm mưa đầu tiên một toán lính tuần đã sục sạo ngôi nhà tìm kiếm José Arcadio Segundo mà chẳng thấy đâu. - Cầu chúa phù hộ! - Úrsula nói oang oang như thể cụ nhìn thấy tất cả ấy. - Anh cứ khư khư giữ những thói quen tốt đẹp của mình để đến nỗi sống chẳng khác gì một con lợn. José Arcadio Segundo tiếp tục xem lại những thứ được ghi chép trên các tấm da thuộc. Chỉ có thể nhìn thấy ở cái đám râu tóc bù xù kia của ông những chiếc răng đầy những vết mồm rêu xanh và đôi mắt đờ đẫn. Nhận ra tiếng cụ cố nội của mình, José Arcadio Segundo quay đầu về phía cửa sổ, cố mỉm cười và vô tình nhắc lại câu nói xa xưa của Úrsula :

- Cần quái gì kia chứ, - José Arcadio Segundo lẩm bẩm, - thời gian qua đi mà!

- Đúng thế đấy, - Úrsula nói, - nhưng không đến mức như vậy đâu?

Khi nói thế, Úrsula nhận ra rằng mình đang nhắc lại lời đối đáp của đại tá Aureliano Buendía trong xà lim tử tù, và một lần nữa cụ run lên bởi điều mình cảm nhận được là thời gian không qua đi mà nó quay vòng. Nhưng ngay lúc đó cụ cũng không chịu nhường. Úrsula gắt gỏng với José Arcadio Segundo như với một đứa trẻ và khăng khăng bắt ông phải tắm gội, cạo mặt và góp sức mình vào việc sửa sang nhà cửa. José Arcadio Segundo bị giày vò. Cái ý nghĩ giản đơn về việc phải rời bỏ căn phòng từng đem lại cho mình sự yên tĩnh làm cho José Arcadio Segundo sợ hãi. Ông gào lên rằng chẳng ai có thể làm cho ông ra khỏi căn phòng này, vì ông không muốn nhìn thấy đoàn xe lửa hai trăm toa chở người chết mà cứ chiều đến lại chạy từ Macondo về phía biển. “Đó là tất cả những người ở ngoài nhà ga”, José Arcadio Segundo gào lên như vậy, “ba ngàn bốn trăm lẻ tám người”. Đến lúc ấy Úrsula mới biết rằng José Arcadio Segundo ở trong một thế giới mờ mịt sương mù còn khó hiểu hơn cả thế giới của cụ, nó đơn độc và khó phá vỡ như cái thế giới của José Arcadio Buendía, cụ cố nội ông. Úrsula để José Arcadio Segundo ở lại căn phòng đó, nhưng không cho những người khác chọt cửa lại như trước, bắt phải dọn dẹp hàng ngày, vứt những chiếc bô kia vào đồng rác, chỉ để lại một chiếc mà thôi, và phải giữ cho José Arcadio Segundo luôn luôn sạch sẽ, đàng hoàng như cụ cố nội trong lúc bị trói dưới

gốc cây dẻ. Thoạt tiên, Fernanda coi trạng thái hung phấn đó là sự lảm cẩm do tuổi già đưa lại, và vất vả lảm bà mới kiềm chế nỗi sự cáu bẳn. Nhưng giữa lúc ấy, từ Roma, José Arcadio báo cho bà biết là anh ta dự định về Macondo trước khi phát lời thề nguyện tu hành trọn kiếp, và tin vui đó đã khiến Fernanda phấn chấn quá nhiều đến mức hàng ngày, từ tối đến sáng bà tưới hoa bốn lần để con trai mình không có ấn tượng xấu về ngôi nhà. Chính sự kích thích đó đã khiến Fernanda vội vàng viết thư liên hệ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, bày lại các chậu cảnh trồng cây dương xỉ, cây kinh giới dại và cây thu hải đường ở ngoài hành lang, trước khi Úrsula biết rằng tất cả những thứ đó đã bị Aureliano Segundo đập phá tan tành trong một cơn giận dữ khủng khiếp. Sau đó Fernanda bán những bộ đồ ăn bằng bạc rồi mua cốc chén bằng hợp kim; thế là với những đồ dùng này bà đã khiến cho những chiếc tủ vốn đựng đồ sứ của Công ty Ấn Độ và đồ thủy tinh Bohemia mỗi ngày một trở nên nghèo nàn. Úrsula luôn luôn cố đi thật xa.

“Hãy mở tất cả các cửa ra!”, cụ gào lên như vậy. “Hãy làm các món ăn bằng thịt và cá, hãy mua những con rùa to nhất; hỡi các vị khách lạ, hãy tới đây bày biện hành lí của mình ở các xó xỉnh, và cứ việc đái vào những bồn hồng, hãy ngồi vào bàn ăn và ăn bao nhiêu bữa tùy ý, xin cứ nôn mửa và nói năng không ngớt lời, cứ việc đi ủng làm bần tất cả, muốn làm gì chúng ta thì cứ làm, bởi vì đó là cách duy nhất để tránh khỏi sự khảnh kiệt”.

Nhưng đây chỉ là một ảo tưởng. Cụ đã quá già rồi, và đã sống một cách quá thừa để nhắc lại những chuyện thần kì về những chiếc kẹo nặn hình con giống, và chẳng có người nào trong đám con cháu kế thừa được nghị lực của cụ. Ngôi nhà tiếp tục đóng kín cửa theo lệnh của Fernanda. Sau khi chuyển các hòm xiềng của mình tới nhà Petra Cotes, Aureliano Segundo tìm ngay cách cứu gia đình khỏi chết đói. Với kết quả của việc mang con la ra để đánh bạc, họ đã mua được một số con vật khác và từ đó họ lập được một sòng xổ số đơn giản. Aureliano Segundo đi hết nhà này đến nhà khác để bán những chiếc vé xổ số do chính tay mình vẽ bằng cái loại mực màu để có sức hấp dẫn và thuyết phục, và không hay biết rằng rất nhiều người mua những chiếc vé đó là để cho không mà thôi, và phần lớn mua là vì thương hại. Nhưng cũng có những người mua vé để hòng được cơ may: chỉ mất có hai mươi xu mà được một con lợn hoặc ba mươi hai xu mà được một con bê, những người này phấn chấn với niềm hi vọng, và vào đêm hôm thứ ba họ xúm đông xúm đò trong sân nhà Petra Cotes chờ đợi cái giây phút một đứa trẻ nào đó được chỉ định một cách ngẫu nhiên, rút từ trong túi ra con số trúng thưởng. Chẳng bao lâu sau, trò xổ số đó trở thành một chợ phiên hàng tuần, vì ngay từ buổi chiều những chỗ ăn nhậu đã được tổ chức trong sân và nhiều người trong số những người may mắn trúng giải lại mất những con vật được thưởng đó để được nghe nhạc và uống rượu, vì thế, mặc dù bản thân chẳng

muôn, Aureliano Segundo lại một lần nữa chơi phong cầm và tham gia những cuộc chè chén nho nhỏ. Những bữa ăn nhậu xoàng xĩnh này so với những ngày hội hè trước đây khiến cho Aureliano Segundo nhận ra rằng tinh thần của mình đã suy sụp khá nhiều và cái tài nhảy nhót hát hò xuất chúng của mình cũng đã giảm sút biết bao. Ông là người đã thay đổi hoàn toàn. Cái hồi mà Aureliano Segundo bị “Voi cái” đánh bại, ông nặng đến một trăm hai chục ki lô, bây giờ chỉ còn bảy mươi tám kí thôi; khuôn mặt ông trước đây đầy đặn như mu rùa bây giờ trông hốc hác như mặt kì nhông, và ông luôn luôn có vẻ chán chường mệt mỏi. Nhưng Petra Cotes lại thấy chưa bao giờ Aureliano Segundo khá được như lúc này, có thể là bà lẫn lộn giữa tình yêu và lòng thương đối với ông, và cảnh khốn khó đã làm nảy sinh tình cảm gắn bó giữa hai người. Lúc này chiếc giường mát rèm che không còn là nơi diễn ra các cuộc truy hoan nữa, mà là nơi họ bàn bạc, tâm sự. Chẳng còn những tấm gương phản chiếu vì chúng đã bị bán đi để lấy tiền mua các con vật treo giải xổ số, và cũng hết những thứ lụa là khơi gợi sắc dục vì đã bị con la ăn hết, họ thức rất khuya với sự trong sáng của hai ông bà già mất ngủ để tính toán tiền nong, khoảng thời gian ấy trước đây thường bị họ phung phí vào việc tiêu hao sức lực. Đôi khi, tiếng gà gáy canh một làm họ giật mình giữa lúc đang bỏ vào bót ra những chồng tiền nho nhỏ, họ lấy ở chỗ này ra một ít rồi đập vào chỗ kia một ít sao cho khoản này đủ làm vui lòng Fernanda, khoản kia để mua giày cho Amaranta Úrsula, khoản khác dành cho Santa Sofía de la Piedad vì từ ngày bị phá sản đến nay bà chưa hề có một bộ quần áo mới, khoản nữa để đóng quan tài cho Úrsula khi cụ chết, khoản này để mua cà phê với giá mỗi libra^[39] cứ ba tháng lại tặng một xu, khoản kia để mua thứ đường mỗi ngày một kém ngọt, khoản khác để mua củi vẫn còn dầm nước lụt, khoản nợ để mua giấy mực làm vé xổ số, khoản nữa thừa đủ để bù lỗ về cái chết của con bò hồi tháng tư bởi vì nó mắc dịch khi tất cả các vé xổ số đã được bán hết, mà thật may mắn làm sao là họ vẫn còn gờ lại được bộ da. Những buổi “tụng niệm” ấy thật trong sạch, ở đó luôn luôn dành cho Fernanda phần ưu tiên số một, và họ làm như vậy không phải vì sự ăn năn hối hận hay vì lòng bác ái, mà vì tài sản của Fernanda đối với họ còn quan trọng hơn tài sản của chính họ nữa kia. Điều có thật xảy ra với hai người mặc dù chẳng ai trong số họ hay biết là cả hai đều nghĩ về Fernanda như nghĩ về đứa con gái mà họ hằng ao ước mà không có được, đến nỗi một lần họ đã đành chịu ăn bánh ngô ba ngày liền để có tiền cho Fernanda mua một chiếc khăn phủ bàn của Hà Lan. Nhưng, mặc dù họ làm việc cật lực, xoay xở lừa lọc được nhiều tiền và có lắm mưu mô, các vị thần hộ mệnh đã ngủ thiếp đi vì mệt mỏi, trong khi đó họ đang thêm vào bót ra các khoản tiền ấy, cố gắng tính sao để chí ít cũng có đủ tiền mà sống. Trong lúc mất ngủ vì những tính toán khổ sở, họ tự hỏi rằng điều gì đã xảy ra trên thế gian khiến

cho các loài gia súc không miễn đề như trước đây, tại sao đồng tiền trong tay cứ mất dần đi, tại sao cách đây không lâu người ta đốt hàng năm tiền trong cuộc khiêu vũ dân gian còn bây giờ thì lại coi việc mua mười hai xu một chiếc vé xổ số hồng được thưởng sáu con gà mái là một sự bạt mạng. Aureliano Segundo thậm nghĩ rằng nổi bất hạnh chẳng phải ở nơi nào khác trên thế gian này mà ở một nơi sâu kín trong trái tim bí ẩn của Petra Cotes, nơi đã xảy ra chuyện gì đó trong những ngày mưa lụt khiến cho gia súc không sinh đẻ được và tiền cứ cạn dần đi. Bản khoản về điều bí hiểm này, Aureliano Segundo thâm nhập quá sâu vào tình cảm của Petra Cotes đến mức độ vì đi tìm lợi lộc mà lại gặp tình yêu, vì trong khi cố gắng làm cho Petra Cotes yêu mình thì chính Aureliano Segundo lại yêu người đàn bà đó. Về phía Petra Cotes, bà ta yêu Aureliano Segundo vì càng ngày càng thấy ông ta âu yếm mình hơn, và thế là giữa mùa thu của cuộc đời, Petra Cotes lại tin vào điều mê tín của thời trẻ cho rằng sự nghèo khó chính là kẻ hỗ trợ cho tình yêu. Lúc ấy họ coi những cuộc hội hè thác loạn, coi sự giàu có xa hoa phù phiếm và sự dâm bôn vô độ là một chương ngại của cuộc đời, và họ tiếc rằng đã bỏ phí mất bao nhiêu phần đời rồi mới tìm thấy thiên đường của nỗi cô đơn được chia sẻ. Họ yêu nhau như điên như dại sau bao nhiêu năm chung đụng mà không sinh đẻ, họ hưởng thụ tình yêu một cách lạ kì: yêu nhau trong khi ăn cũng như trong khi ngủ, và họ thật hạnh phúc, cho đến khi già nua kiệt sức họ vẫn đùa giỡn như bầy thỏ và trêu chọc nhau như lũ chó. Các cuộc xổ số không bao giờ làm cho họ khá hơn. Thoạt đầu, Aureliano Segundo để ra ba ngày trong tuần giam mình trong căn phòng trước đây là nơi làm việc của người chăn nuôi gia súc để vẽ hết tờ phiếu này đến tờ phiếu khác, tô cẩn thận một con bò màu đỏ, một con lợn màu xanh lá cây hoặc một đàn gà màu xanh nước biển, đó là những con vật được treo làm giải thưởng, và bắt chước rất khéo những con chữ của nhà in để làm khuôn in tên vé xổ số, cái tên mà Petra Cotes rất thích “Xổ số của đấng Toàn năng thiêng liêng”... Nhưng rồi Aureliano Segundo cảm thấy quá mệt mỏi sau khi đã vẽ hai ngàn vé số trong một tuần lễ nên đã làm khuôn bằng cao su để in hình các con vật, tên vé xổ số và các con số, và từ ấy chỉ còn phải làm mỗi một việc nhuộm màu nữa thôi. Trong những năm cuối, họ nghĩ ra cách thay thế các con số bằng những câu đố và như vậy là giải thưởng được đem chia cho tất cả những người đoán đúng, nhưng cách làm đó rất phức tạp và gây nhiều ngờ vực nên sau đó bị họ bỏ đi. Aureliano Segundo mãi lo củng cố tín nhiệm cho xổ số của mình, nên không còn thời gian để quan tâm đến lũ trẻ. Fernanda đưa Amaranta Úrsula đến một trường tư nhỏ, nơi người ta không nhận quá sáu học trò, nhưng lại không cho Aureliano đi học trường công. Fernanda cho rằng để Aureliano ra khỏi phòng đã là nhân nhượng lắm rồi. Hơn nữa, thời ấy các trường học chỉ nhận những em bé là con hợp pháp của các cặp vợ chồng theo đạo Cơ đốc, mà trên tờ giấy khai sinh được buộc ở áo

của Aureliano khi người tá mang chú về nhà có xác nhận rõ ràng chú là đứa trẻ vô thừa nhận. Vậy là chú bé chỉ sống quần quanh ở trong phòng. Do sự chăm sóc nhân hậu của Santa Sofía de la Piedad và do sự mất thăng bằng về thần kinh của Úrsula, Aureliano nhận thức thế giới nhỏ hẹp của ngôi nhà này theo sự giảng giải của những cụ cô này.

Aureliano là một chú bé mảnh mai, kiêu kì, tò mò, một thứ tò mò dễ làm người lớn nổi giận nhưng ánh mắt chú long lanh mà lại lơ đãng chứ không như ánh mắt dữ dằn và nhiều khi rực sáng của đại tá khi ngài ở độ tuổi chú. Trong khi Amaranta ở nhà trẻ thì Aureliano tìm bắt giun và hành hạ lũ sâu bọ ngoài vườn. Nhưng có một lần Fernanda bắt gặp chú đang nhét bọ cạp vào hộp để bỏ vào chiếu của Úrsula, bà liền bắt chú về phòng ngủ cũ của Meme. Ở đó, để rút ngắn những giờ phút đơn độc, chú xem đi xem lại các tờ tranh ảnh minh họa trong cuốn bách khoa toàn thư. Một buổi chiều, khi Úrsula cầm bó cây tầm ma rảy nước mát cho căn nhà thì gặp Aureliano ở đây, và mặc dù đã ở bên cạnh chú nhiều lần, cụ vẫn hỏi chú là ai.

- Cháu là Aureliano Buendía, - chú nói.

- Ở phải rồi, - cụ nói, - đã đến lúc cháu bắt đầu học nghề kim hoàn rồi đây.

Úrsula lại lần chú với con trai mình bởi vì những cơn gió nóng tiếp theo những ngày mưa lụt từng đem lại cho cụ những tia chớp minh mẫn bất ngờ, nay đã thôi không thổi nữa. Lý tính của cụ không hồi phục được. Khi vào phòng ngủ, Úrsula gặp Petronila Iguarán mặc chiếc váy xòe vương vীর và đeo chiếc túi nhỏ đang chờ khách đến chơi theo lời hẹn, gặp bà của mình là Tranquilina Maria Miniata Alacoque Buendía đang ngồi trên chiếc ghế dành cho người bại liệt và quạt bằng một chiếc lông công, gặp cụ ông của mình là Aureliano Arcadio Buendía với chiếc áo khoác bắt chước theo kiểu áo của những người lính gác của Phó vương, gặp cha mình là Aureliano Iguarán, người đã nghĩ ra câu niệm chú khiến cho các loại sâu bọ hại bò bị chết thiêu, gặp bà mẹ nhút nhát của mình, gặp người anh họ có đuôi lợn, gặp José Arcadio Buendía với những người con đã chết của ông, tất cả đều ngồi trên những chiếc ghế đặt dựa vào tường, cứ như họ đang ở trong một đám viếng người chết chứ không phải trong một cuộc gặp gỡ thăm hỏi. Úrsula vừa khâu vợi khâu vàng chiếc áo màu sặc sỡ vừa bàn luận về các sự kiện xảy ra ở những nơi khác nhau và ở những thời điểm khác nhau; vậy là khi Amaranta Úrsula từ trường về và Aureliano đã mệt mỏi với bộ bách khoa toàn thư, thì họ thấy cụ đang ngồi nói chuyện một mình trên giường và chìm đắm trong một trận đồ bát quái của những người đã chết. “Cháy!”, có một lần Úrsula hét lên khùng khiếp khiến cả nhà được một phen hoảng hồn, nhưng đó là cụ đang nói về đám cháy ở một trại ngựa bốn mươi năm về trước. Cứ như vậy,

Úrsula lẫn lộn giữa quá khứ và hiện tại, cho đến trước lúc chết tuy hai hoặc ba lần những tia chớp minh mẫn xuất hiện ở cụ, nhưng những lúc đó cũng chẳng ai biết chắc chắn rằng cụ nói về điều mình đang cảm nhận hay là nói về điều mình đang nhớ lại. Mỗi ngày Úrsula một choắt lại, một gày nhom, một khô đét thêm đến mức vài tháng trước khi chết cụ chỉ như một trái mận lọt thỏm trong chiếc áo rộng, và cánh tay trước kia thường giơ cao lúc đó chỉ giống như tay khi. Úrsula không động đậy trong vài ngày. Santa Sofía de la Piedad phải đến tận nơi để xem cụ còn sống hay không và đặt cụ lên đùi để cho uống vài thìa nhỏ nước đường. Lúc ấy Úrsula giống như một bà lão vừa mới chào đời. Amaranta Úrsula và Aureliano ẵm cụ từ chỗ này đến chỗ khác trường phòng ngủ và đặt cụ lên bàn thờ để xem cụ có lớn hơn Chúa hài đồng hay không, và một buổi chiều chúng đem giấu cụ vào trong một chiếc hòm đựng thóc, nơi lũ chuột có thể ăn thịt cụ. Một ngày chủ nhật, trong khi Fernanda đang cầu kinh, Amaranta Úrsula và Aureliano vào phòng ngủ, túm lấy gáy và cổ chân Úrsula, khiêng cụ đi.

- Cụ cố thật tội nghiệp, - Amaranta Úrsula nói, - cụ đã chết vì tuổi già!

Úrsula giãy lên: - Ta còn sống đây! - Thấy chưa,

Amaranta Úrsula nín cười và nói, - ngay cả hơi thở cũng chẳng còn.

- Ta đang nói đây! - Úrsula gào lên.

- Nói đâu mà nói, - Aureliano bảo - Cụ cố chết như một con dế nhỏ ấy.

Lúc đó Úrsula đành chịu. “Trời ơi!”, Úrsula thảm kêu: “VẬY RA ĐÂY LÀ CÁI CHẾT”.

Úrsula bắt đầu đọc lời cầu nguyện không dứt, vội vã và sâu sắc, lời nguyện cầu kéo dài tới hơn hai ngày, và hôm thứ ba thì biến thành sít pha tạp giữa lời cầu Chúa với những lời chỉ bảo thiết thực để cho những con kiến đỏ không làm đổ ngôi nhà, để ngọn đèn ở trước tấm ảnh của Remedios không bao giờ tắt, để mọi người hãy giữ gìn không để bất kì người nào trong dòng họ Buendía lấy người cùng chung huyết thống, bởi vì những cuộc hôn nhân như vậy sẽ cho ra đời những đứa con có đuôi lợn. Aureliano Segundo cố lợi dụng tình trạng mê sảng của Úrsula để cụ nói cho biết nơi chôn cất vàng, nhưng lại một lần nữa những lời van nài ấy không có kết quả. “Khi nào chủ của số vàng ấy xuất hiện, - Úrsula nói, - thì trời sẽ chiếu sáng để người ấy nhìn thấy”. Santa Sofía de la Piedad thì tin chắc rằng chỉ một sớm một chiều là Úrsula sẽ chết thôi, vì trong những ngày đó bà đã nhìn thấy điềm gở của trời đất: những bông hồng lại có mùi hương của loài rau muối, một quả bí đựng hạt đậu xanh rơi xuống đầu bà và những hạt đậu ở trên nền nhà nằm theo một trật tự hình học hoàn chỉnh và có hình con sao biển, rồi một đêm bà thấy có một hàng đĩa màu da cam rực sáng bay ngang trời. Úrsula chết vào

sáng sớm ngày thứ năm lễ thánh. Lần cuối cùng mà người ta giúp cụ tính tuổi thọ, dựa vào những năm tháng của Công ty chuối, đã ước tính rằng cụ đã sống khoảng từ một trăm mười lăm đến một trăm hai mươi hai năm. Người ta đặt Úrsula trong một chiếc hộp nhỏ để đưa đi chôn cất, cái hộp ấy có lẽ không lớn hơn cái làn mà người ta đã xách Aureliano về nhà thờ chú mới sinh; và có rất ít người đưa đám Úrsula, một phần vì chẳng mấy ai nhớ đến cụ, phần nữa vì trưa hôm ấy trời nóng quá, nóng đến mức những con chim lạc đường bay bổ nhào cả vào tường, làm rách các tấm lưới kim loại ở cửa sổ, chui tọt vào phòng ngủ và chết trong đó. Thoạt tiên, người ta tin rằng đó là một nạn dịch hạch. Những bà nội trợ mệt mỏi vì phải quét dọn xác chim, nhất là vào lúc giữa trưa, còn đàn ông thì đem hàng xe bò những xác chim ấy quăng xuống sông. Trong ngày chủ nhật lễ phục sinh, từ trên bục lễ vị cha cố trăm tuổi Antonio Isabel quả quyết rằng những con chim kia chết do ảnh hưởng xấu xa của quỷ dữ Judío Errante⁽¹⁴⁰⁾ mà chính cha đã nhìn thấy đêm hôm trước. Vị cha cố ấy miêu tả nó như là đứa con lai giữa một con dê đực với một người đàn bà phản đạo, đó là một con quỷ sứ mà hơi thở của nó thiêu đốt không khí, nó đi đến nơi nào thì những cô gái mới lấy chồng ở nơi ấy sẽ mất khả năng thai nghén. Chẳng mấy ai chú ý đến bài thuyết giảng về ngày khai huyền của cha, vì dân làng tin rằng tuổi tác già nua đã khiến cha nói năng nhầm nhứ. Nhưng sáng sớm hôm thứ tư một phụ nữ đã đánh thức mọi người dậy, vì bà ta đã thấy những dấu vết của một con vật hai chân có móng guốc. Những dấu vết quá ư rõ ràng và không thể nhầm lẫn được, đến mức những người tới xem chúng không nghi ngờ gì về sự tồn tại của một con vật đáng sợ giống hệt như vị cha cố miêu tả, và họ cùng nhau đặt bẫy trong các sân vườn nhà mình. Thế rồi họ bắt được nó.

Hai tuần lễ sau khi Úrsula chết, Petra Cotes và Aureliano Segundo giật mình tỉnh thức khi nghe thấy tiếng gào khóc của một con bê từ gần đó văng lại. Khi họ dậy thì đã thấy một đám người đang gỡ con quái vật khỏi những chiếc chông nhọn cắm dưới đáy một cái hố được phủ lá khô ở trên. Con vật không còn kêu được nữa rồi. Tuy nó không cao hơn một đứa trẻ, nhưng nặng như một con bò, và từ các vết thương, một chất máu nhòe màu xanh chảy ra. Trên mình con vật ấy phủ kín một lớp lông thô cứng mà rậm rạp, da nó đã hỏa đá bởi một lớp vảy cá ép; nhưng khác với sự miêu tả của cha cố, các bộ phận của cơ thể con vật ấy giống các bộ phận cơ thể của một vị thần gầy yếu hơn là của con người, vì đôi tay nó ngắn nhụi và khéo léo, đôi mắt mở to và mờ ảo, và trên bả vai có những vết chai sọ là dấu vết của một đôi cánh to khỏe đã bị rìu chặt đi. Người ta cột chân nó vào một cây hạnh đào ở bãi đất rộng để mọi người đều được nhìn thấy, và đến khi nó bắt đầu thối rữa thì họ đem thiêu trên giàn lửa bởi lẽ không thể xác định được bản chất của nó thuộc loài vật hay thuộc một con chiên của đạo Cơ đốc, để có cách xử lý thích hợp:

quảng xác nó xuống sông hay là đem mai táng. Chẳng bao giờ biết chắc rằng có phải đúng nó đã làm những con chim kia chết hay không, nhưng số người đàn bà vừa mới lấy chồng đã không có thai và cái nóng cũng chẳng giảm đi. Cuối năm đó Rebeca chết. Argénida, người suốt đời ở cho Rebeca, nhờ nhà đương cục giúp đỡ để phá cửa phòng ngủ, nơi thấy Rebeca nằm trên một chiếc giường đơn độc, mình co quắp trong miệng. Aureliano Segundo mai táng cho Rebeca và cố gắng tu sửa nhà cửa để bán đi, nhưng ngôi nhà đã bị hư hại quá nặng đến mức các bức tường đã hi lờ vỡ ngay sau khi sơn những cây vụn niên thanh làm hỏng các cột trụ. Tất cả sự phá sản đã diễn ra như vậy từ khi mưa lại. Sự lười biếng của mọi người được chứng nghiệm bằng sự lãng quên gặm nhấm dần những kỉ niệm một cách không thương tiếc, đến mức độ cao nhất là trong thời gian ấy, vào dịp kỉ niệm ngày kí hiệp định Neerlandia, mấy vị đại diện của Tổng thống nước cộng hòa đến Macondo để trao tặng tám huân chương từng nhiều lần bị đại tá Aureliano Buendía khước từ đã phải mất trọn một buổi chiều kiếm người chỉ cho biết nơi có thể tìm thấy một người nào đó thuộc dòng dõi của đại tá. Aureliano Segundo háo hức nhận tám huân chương đó vì tin rằng nó bằng vàng, nhưng trong khi các vị đại diện của Tổng thống chuẩn bị dàn nhạc và diễn văn cho buổi lễ, Petra Cotes đã thuyết phục ông rằng làm như vậy là nhục nhã. Cũng vào thời gian ấy, những người digan trở lại, đó là những người cuối cùng kế thừa được khoa học của Melquíades, họ thấy thôn xóm quá xơ xác và dân làng quá biệt lập với thế giới bên ngoài, đến mức họ lại vào từng nhà và kéo theo những thỏi sắt đã nhiễm từ, cứ như thể những thỏi sắt ấy thật sự là phát hiện mới nhất của các nhà thông thái xứ Babilon, họ lại dùng thấu kính hội tụ khổng lồ để tập trung ánh sáng mặt trời; và chẳng phải là không có người há hốc mồm nhìn những chiếc xoong bị đổ và những chiếc chảo lăn lông lốc, cũng chẳng thiếu gì kẻ bỏ ra năm mươi xu để kinh ngạc trước việc một cô gái digan tháo hàm răng giả ra rồi lại lắp vào. Một đoàn xe lửa xộc xệch màu vàng chẳng chờ ai đến cũng chẳng chờ ai đi và hầu như không dừng lại ở một nhà ga vắng vẻ, đó là hình ảnh duy nhất còn lại của một đoàn tàu đông người - ở đó, ngài Brown giữ một toa có mái che bằng kính và những chiếc ghế bành như ghế của Giáo chủ - và của những đoàn tàu chở hoa quả gồm một trăm hai chục toa mà chiều nào cũng chậm chạp chạy qua đây hết đúng một buổi chiều. Các vị đại diện của tòa án đi xác minh tin tức về cái chết lạ lùng của những con chim và cái chết của con quỷ Judío Errante đã gặp cha cô Antonio Isabel đang chơi trò bịt mắt bắt dê với lũ trẻ nhỏ, họ cho rằng thông báo của cha là sản phẩm của sự lảm cẩm của tuổi già, nên đã đưa cha về một trại an dưỡng. Sau đó không lâu người ta phái cha Augusto Angel về. Đó là một người lính thập tự chinh mới được đào luyện, một người kiên quyết, dũng cảm và liêu lĩnh, mỗi ngày tự tay kéo chuông vài lần để tinh thần khỏi trì trệ, đi từ nhà này qua nhà khác để đánh thức những kẻ ngủ quá

nhieu dậy đi lễ; nhưng chưa được một năm thì cha cũng bị gục vì đã hít thở phải những uế tạp trong không khí, vì bụi nóng đã làm cha già xạm và đi đứng khó khăn, vì món thịt bằm viên của những bữa cơm trưa trong cái nóng không thể chịu nổi đã làm cha mắc chứng ngủ gà ngủ gật.

Từ khi Úrsula chết, ngôi nhà lại rơi vào tình trạng bị bỏ hoang không gì có thể khắc phục được, kể cả một ý chí rất kiên trì và mạnh mẽ như của Amaranta Úrsula, người mà nhiều năm sau đó, vì là một phụ nữ cởi mở, vui tươi, và thời thượng, gắn bó với xã hội bên ngoài, đã mở rộng cửa để tránh sự suy sụp, sửa sang lại vườn hoa, diệt lũ kiến đỏ giữa ban ngày ban mặt dám bò ra tận hành lang, và cố gắng làm thức dậy tinh thần hồ hởi hiếu khách đã bị lãng quên. Nỗi đam mê mang màu sắc tu viện của Fernanda đã dưng cả một con dê vừng chắc trước cuộc đời trăm năm sôi động ào ạt như thác nước của Úrsula. Fernanda chẳng những không mở cửa ra vào khi cơn gió nóng đã qua mà còn lấy then gỗ cài chặt cửa sổ lại, làm theo lời dặn của cha thánh thần, tức là bà đã tự chôn mình giữa cuộc đời. Việc thư từ liên lạc đầy tốn kém với các thầy thuốc không thể nhìn thấy đã thất bại. Sau rất nhiều lần trì hoãn, vào một ngày giờ thích hợp, Fernanda đã tự giam mình trong phòng ngủ, chỉ đắp một chiếc khăn trắng, quay đầu về hướng bắc, và lúc một giờ sáng bà cảm thấy người ta phủ lên mặt mình một chiếc khăn thấm nước lạnh. Khi Fernanda thức dậy mặt trời đã chiếu sáng cửa sổ, và trên mình bà có một đường khâu chạy suốt từ bẹn lên đến chỗ xương mỏ ác. Nhưng trước khi thực hiện sự yên nghỉ theo dự kiến, Fernanda đã nhận được một bức thư khó hiểu của các thầy thuốc không thể nhìn thấy, trong thư họ nói rằng đã khám nghiệm bà trong suốt sáu giờ đồng hồ nhưng chẳng thấy những triệu chứng mà nhiều lần bà đã miêu tả tỉ mỉ. Quả thật, thói quen không gọi sự vật bằng cái tên của nó của Fernanda là một thói quen có hại, nó chính là nguồn gốc của một sự lầm lẫn mới, bởi vì các nhà giải phẫu viên cảm chỉ thấy bà bị sa tử cung thôi và có thể chữa bằng một chiếc vòng treo. Fernanda muốn có một thông báo cụ thể, nhưng những người viết thư không quen biết kia không viết thêm cho bà nữa. Quá băn khoăn về một từ lạ, Fernanda đã vượt qua sự ngỡ ngàng, đánh bạo hỏi xem vòng treo tử cung là cái gì, nhưng cho đến lúc ấy bà mới biết rằng ba tháng về trước ông thầy thuốc người Pháp đã treo cổ trên xà nhà và được một chiến hữu cũ của đại tá Aureliano Buendía mai táng, trái với ý muốn của dân làng. Fernanda đành phải trông cậy anh con trai mình, José Arcadio, và anh ta đã gửi từ Roma về cho bà những chiếc vòng kèm tờ chỉ dẫn mà bà đã giấu biệt sau khi học thuộc lòng để không ai biết thực trạng bệnh tật của mình. Cẩn thận như vậy là vô ích, bởi vì những người sống trong ngôi nhà này hình như chẳng hề quan tâm đến điều ấy. Santa Sofía de la Piedad sống trong tuổi già cô quạnh, bà nấu nướng thức ăn cho cả nhà, và dường như dành tất cả sức lực cho việc chăm sóc José

Arcadio Segundo. Amaranta Úrsula, người thừa kế những vẻ quyến rũ của Remedios - Người đẹp lo dành toàn bộ thời gian cho việc học hành mà trước đây cô thường lãng phí vào việc trêu chọc Úrsula, bắt đầu tỏ ra có ý thức tốt và cố gắng trong học tập, điều đó làm hồi sinh những hi vọng tốt đẹp mà Meme đã khơi gợi lên ở Aureliano Segundo. Aureliano Segundo đã hứa là sẽ gửi cô sang Brussels để học tiếp, theo tập quán của thời kì Công ty chuối, và mộng ước đó đã khiến ông cố công phục hóa số ruộng đất từng bị mưa lụt tàn phá. Hồi ấy, rất ít khi người ta thấy Aureliano Segundo ở nhà. Ông đi làm việc vì Amaranta Úrsula, vậy nên đối với Fernanda ông đã trở thành một người khác lạ. Còn Aureliano càng đến tuổi phát dục càng xa lánh mọi người và đắm chiêu suy tư hơn. Aureliano Segundo tin rằng tuổi già sẽ làm mềm dịu trái tim của Fernanda, để Aureliano có thể hòa mình vào cuộc sống của một làng mà ở đó chắc chắn sẽ không có ai mất công tìm hiểu gốc gác của chú. Nhưng chính Aureliano lại thích sống tự giam mình trong nỗi cô đơn và chẳng tỏ ra có một chút thích thú nào với việc làm quen thế giới bên ngoài khung cửa. Khi Úrsula mở cửa phòng Melquíades, Aureliano cứ lượn lơ xung quanh, tò mò nhìn cánh cửa khép hờ, và chẳng ai biết rằng quan hệ thân mật qua lại giữa chú và José Arcadio Segundo đã nảy sinh từ lúc nào. Mãi về sau, khi nghe Aureliano nói về vụ thảm sát ở nhà ga xe lửa, Aureliano Segundo mới phát hiện ra quan hệ đó. Số là, một hôm trong bữa ăn, có người nào đó than vãn về sự suy sụp và chìm đắm của làng xóm khi bị Công ty chuối bỏ rơi, và Aureliano đã bác bỏ ý kiến đó với sự chín chắn và cách nói năng của người lớn. Theo quan điểm của chú đối lập với cách hiểu của mọi người nói chung, thì trước khi bị Công ty chuối làm cho điêu đứng, suy thoái và sau đó bị áp bức, Macondo là một vùng giàu có và đang đi lên, và chính các kĩ sư của Công ty chuối đã gây nên nạn lụt để lấy cơ hủy bỏ hợp đồng với những người lao động. Khi miêu tả với những chi tiết chính xác và có tính thuyết phục việc quân đội bắn chết hơn ba ngàn người bị vây chặt ở nhà ga rồi dùng một đoàn xe lửa hai trăm toa chở xác họ xuống biển, Aureliano đã nói rõ ràng đến mức làm cho Fernanda có cảm tưởng như chú đang bắt chước Chúa Giêsu một cách vô lễ khi Chúa nói với các tông đồ của mình. Cũng như phần lớn những người khác, tin vào lẽ phải chính thống cho rằng không có chuyện ấy, Fernanda dùng dùng nỗi giận và bắt Aureliano phải ngừng lời vì nghĩ rằng chú đã kế thừa những thói xấu vô chính phủ của đại tá Aureliano Buendía. Ngược lại, Aureliano Segundo chấp nhận ý kiến của người anh em sinh đôi José Arcadio Segundo. Trên thực tế, mặc dù bị coi là điên dại, José Arcadio Segundo là người sáng láng nhất nhà. José Arcadio Segundo đã dạy chú bé Aureliano biết đọc biết viết, hướng dẫn chú bắt đầu nghiên cứu những thứ được ghi chép trên các tấm da thuộc và in sâu vào chú những cách lí giải rất riêng về ý nghĩa của Công ty chuối đối với Macondo mà nhiều năm sau này, khi đã hòa mình vào cuộc sống chung,

Aureliano vẫn còn nghĩ rằng José Arcadio Segundo đã kể chuyện huyền thoại, bởi vì nó khác hẳn với sự giảng giải lừa bịp mà các nhà sử học đã thừa nhận và đưa vào các bài giảng ở trường học. Trong căn phòng nhỏ hẹp, nơi không bao giờ có gió khô, bụi đỏ và sự nóng nực, Aureliano và José Arcadio Segundo nhớ lại hình ảnh cha truyền con nối về một ông già đội chiếc mũ cánh quạ đang nói về thế giới ở đằng sau cánh cửa có từ rất nhiều năm trước khi họ ra đời. Cả hai cùng nhận ra rằng ở đó luôn luôn là tháng ba và luôn luôn là ngày thứ hai, cũng khi đó, họ hiểu rằng cụ cố José Arcadio Buendía không phải điên dại như những người trong gia đình kể lại, mà là người duy nhất trong gia đình, với trí tuệ khá minh mẫn, đã thấy mơ hồ một chân lí là thời gian cũng bị vấp vấp và bị tai nạn, bởi vậy nó có thể tự tan vỡ ra, và để lại trong phòng một mảnh đã được vĩnh cửu hóa. Ngoài ra, José Arcadio Segundo còn phân loại được những mã chữ ghi trên các tấm da thuộc. José Arcadio Segundo quả quyết rằng những mã chữ đó thuộc một loại hình văn tự có từ bốn mươi bảy đến năm mươi hai nét chữ cái, khi tách rời ra chúng như những con nhện và những con bọ, và với cách viết nắn nót của Melquíades chúng lại giống như những mảnh quần áo phơi trên dây. Aureliano nhớ lại rằng chú đã thấy một bảng chữ như vậy trong bộ bách khoa toàn thư của Anh, và thế là chú mang bảng của mình đến phòng để đối chiếu giới bảng của José Arcadio Segundo. Hai bảng ấy hoàn toàn giống nhau. Trong thời kì mở sổ số với các câu đố, Aureliano Segundo thường thức dậy khi bị nghẹn cứng ở cổ họng như thể phải cố nín khóc vậy. Petra Cotes coi đó như là một trong những sự trắc trở do hoàn cảnh xấu đưa lại, và trong suốt thời gian hơn một năm, sáng nào cũng bôi vào vòm họng Aureliano Segundo một ít mật ong và cho uống nước củ cải. Khi cái cổ họng sưng tấy lên đến mức gây khó thở, Aureliano Segundo tìm đến Pilar Ternera xem bà lão có biết dùng thứ cỏ gì để chữa hay không. Người bà nội có tính cách cứng rắn ấy, người đã sống đến trăm tuổi ngay trước một nhà chứa bí mật, không tin ở thuốc thang, mà chữa bằng cách bói bài tây. Bà lão thấy một con ngựa vàng bị thương ở cổ họng vì mũi gươm của con “J” và bói rằng Fernanda đang cố lôi chồng trở về nhà bằng một thuật chẳng linh nghiệm gì là đóng đinh ghim lên ảnh chồng, nhưng do một sự hiểu biết ngu dốt về cái thuật xấu xa ấy mà làm cho chồng bị mọc mụn nhọt ở bên trong. Vì không có tấm chân dung nào khác ngoài những tấm hình chụp ngày cưới mà tất cả vẫn nằm trong tập ảnh gia đình, nên nhân những lúc vợ không để ý, Aureliano Segundo tiếp tục lục lọi khắp nơi trong nhà, cuối cùng ông tìm thấy ở dưới đáy hòm quần áo nửa tá vòng treo tử cung vẫn còn nằm nguyên trong hộp. Tin rằng những chiếc vòng đó là bùa chú, Aureliano Segundo bỏ một chiếc vào túi rồi mang đến cho Pilar Ternera xem. Pilar Ternera không thể xác định được bản chất của nó, nhưng đầy nghi ngờ, bà lão bảo Aureliano Segundo đưa cả nửa tá vòng ấy đến, rồi đem đốt trên một đồng

lửa nhóm ở trong sân. Để giải bùa của Fernanda, bà lão bảo Aureliano Segundo đem con gà mái đang ấp nhúng ướm rồi chôn ở dưới gốc cây dẻ; Aureliano Segundo làm theo lời bà lão với lòng đầy tin tưởng, đến mức ngay sau khi lấy lá khô che phủ chỗ đất mới đào, ông đã cảm thấy dễ thở rồi. Fernanda thì coi việc những chiếc vòng treo tử cung kia bị biến mất là sự báo thù của các thầy thuốc không thể nhìn thấy bởi vậy bà khâu một chiếc túi nhỏ ở bên trong chiếc áo khoác để đựng những chiếc vòng mới mà con trai bà gửi về. Sáu tháng sau khi chôn con gà, một hôm giữa đêm Aureliano Segundo thức dậy vì một cơn ho và cảm thấy như có những chiếc còng cua đang kẹp xé ở bên trong. Lúc đó Aureliano Segundo hiểu rằng dù có đất nhiều vòng cao su và nhúng ướm nhiều gà mái đang ấp để giải bùa thì vẫn không tránh khỏi cái sự thật đau buồn cuối cùng là ông đang chết dần. Aureliano Segundo không nói điều ấy với ai. Day dứt vì lo rằng chết mà vẫn không kịp gửi Amaranta Úrsula sang học ở Brussels, Aureliano Segundo làm việc nhiều hơn bao giờ hết, và nếu trước đây mỗi tuần ông chỉ mở một kì xổ số thì bây giờ mở đến ba kì. Mới sáng sớm đã thấy Aureliano Segundo đi khắp nơi trong làng, và còn đến tận những xóm hẻo lánh và nghèo nàn nhất, cố gắng bán các vé xổ số, với một khát vọng mà chỉ có thể thấy ở một người hấp hối: “Vé số Đấng Toàn năng linh thiêng đây!”, Aureliano Segundo rao, “đừng bỏ qua vận may trăm năm có một”. Aureliano Segundo cố gắng một cách đầy cảm động, làm ra vẻ vui tươi, hồ hởi và cởi mở, nhưng chỉ nhìn mồ hôi và sắc mặt tái nhợt của ông, cũng biết rằng ông không thể thực hiện được điều mong muốn. Đôi khi Aureliano Segundo rẽ vào các khu ruộng hoang, ở đó không ai nhìn thấy, ông nghỉ ngơi chốc lát để giảm bớt cơn đau như kim bóp kẹp ở bên trong. Đến nửa đêm, Aureliano Segundo vẫn còn ở trong khu gái điếm, cố an ủi những người đàn bà cô đơn đang sùi sụt khóc bên cạnh những chiếc máy hát quay tay, bằng những lời diễn thuyết về vận may: “Số này bốn tháng nay chưa về đây!”. Aureliano Segundo nói và chia các vé số ra: “Đừng để vận may đi mất, vì cuộc đời còn ngắn hơn là người ta tưởng!”. Aureliano Segundo không còn được coi trọng nữa, người ta nhạo báng ông, và những tháng sau cùng người ta không gọi ông là Ngài Aureliano nữa mà gọi thẳng vào mặt ông là “Đấng Toàn năng linh thiêng”. Giọng nói của Aureliano Segundo ngày một lạc đi và cuối cùng, sau một cơn rống lên như tiếng chó, thì mất hẳn giọng, nhưng Aureliano Segundo vẫn mong rằng niềm hi vọng của ông không bị tiêu tan trong cuộc mở xổ số ở sân nhà Petra Cotes. Nhưng vì mất tiếng nói nên Aureliano Segundo biết rằng chẳng bao lâu nữa ông sẽ không còn chịu đựng nổi cơn đau, và ông thấy không thể bằng cách mở xổ số với những con lợn, con dê mà con gái ông có thể đi Brussels, vậy nên ông nảy ra ý định mở xổ số với giải thưởng là miền đất đã bị nạn lụt lội tàn phá, đất đai ấy sẽ được phục hồi do người bỏ nhiều vốn. Đó là một sáng kiến đầy hấp dẫn, đến mức khiến cho ông thị trưởng đả địch thân

cùng với một dàn nhạc đi quảng cáo, và người ta đã vào hội với nhau để mua xổ số với giá mỗi vé một trăm peso, do đó vé đã được bán hết trong thời gian chưa đầy một tuần. Trong đêm mở xổ số những người trúng thưởng tổ chức một cuộc vui linh đình có thể so sánh với những cuộc hội hè trong thời kì tốt đẹp nhất của Công ty chuối, và đêm ấy là lần cuối cùng Aureliano Segundo biểu diễn những bài hát bị lãng quên của cụ Francisco - Con Người bằng đàn phong cầm, ông không thể hát được nữa rồi.

Hai tháng sau đó, Amaranta Úrsula sang Brussels, Aureliano Segundo chẳng những đưa cho con gái số tiền thu được trong cuộc xổ số đặc biệt mà còn đưa cả tiền tiết kiệm trong mấy tháng trước đó cùng một ít tiền bán đàn dương cầm tự động, đàn tiêu phong cầm, và một vài đồ vật cũ. Theo Aureliano Segundo tính toán thì số vốn đó đủ để Amaranta Úrsula ăn học, vậy là chỉ còn thiếu tiền mua vé trở về nữa thôi. Fernanda chống lại chuyến đi đó, bà bực bội vì nghĩ rằng Brussels ở quá gần cái thành phố Pariss đòi trụ, nhưng cuối cùng, bà đã yên lòng khi xem bức thư của cha Angel gửi một nhà trọ dành cho những thanh niên theo đạo Thiên chúa, nhà trọ ấy do những người phụ nữ có đạo trông nom, và Amaranta Úrsula đã hứa là sẽ ở đó cho đến khi học xong. Hơn nữa, vị cha cố còn tạo cơ hội cho Amaranta Úrsula đi cùng một nhóm nữ tu sĩ dòng Francisco, những người này đến Tôlêđô, ở đó họ hi vọng gặp được người có thể tin tưởng để gửi gắm cô ta sang Bỉ. Trong khi sự liên hệ được gấp rút thực hiện để có thể phối hợp được như vậy thì Aureliano Segundo, với sự giúp đỡ của Petra Cotes, lo sắp xếp hành trang cho Amaranta Úrsula. Vào buổi tối mà họ sắp xếp một trong những chiếc rương đựng đồ cưới của Fernanda, mọi chuyện đã được chuẩn bị kĩ càng đến mức cô học sinh Amaranta Úrsula nhớ như in chỗ nào để bỏ lễ phục và đôi dép nhung dùng khi qua Đại Tây Dương, chỗ nào để chiếc áo khoác bằng len dày màu xanh có khuy đồng cùng đôi giày da dê dùng khi cập bến. Amaranta Úrsula còn biết cách đi như thế nào để khỏi ngã xuống nước khi leo lên bờ, rằng không lúc nào được rời các nữ tu sĩ hoặc ra khỏi phòng ngủ trên tàu nếu không phải là đi ăn, rằng khi ở ngoài biển khơi không được trả lời bất kì câu hỏi nào của bất kì ai, kể cả đàn ông và đàn bà. Cô mang theo một lọ thuốc để chống say sóng và một cuốn sổ có sáu câu cầu nguyện để tránh bão tố, do chính cha Angel viết. Fernanda may cho cô một chiếc thắt lưng bằng vải bạt để đựng tiền và chỉ dẫn cho cô cách dùng, dặn cô luôn luôn buộc nó vào người, không lúc nào được tháo ra, kể cả khi ngủ cũng vậy. Fernanda còn định cho cô một chiếc bô nhỏ bằng vàng đã được tráng kiem và tẩy rửa bằng côn, nhưng Amaranta Úrsula không nhận vì sợ rằng các bạn gái ở trường sẽ chế nhạo. Vài tháng sau, vào lúc sắp qua đời, Aureliano Segundo còn nhớ lại lần cuối cùng ông nhìn thấy Amaranta Úrsula khi cô đang cố hạ tấm kính cửa sổ bám đầy bụi ở một toa hạng hai để

nghe những lời căn dặn cuối cùng của Fernanda, nhưng không hạ được. Hôm đi, Amaranta Úrsula mặc bộ lễ phục bằng lụa hồng với một chùm hoa giả nhỏ nhỏ cài trên cầu vai bên trái, đi đôi giày da dê gót thấp có dây thắt, đôi bít tất với những dây nịt bằng cao su nổi bật trên bắp chân. Amaranta Úrsula có thân hình thon thả, mái tóc dài buông tỏa và đôi mắt linh lợi như mắt Úrsula khi bà ở tuổi cô. Lúc từ biệt, Amaranta Úrsula không khóc cũng không cười, điều đó cũng biểu lộ tính vững vàng như tính cách của Úrsula. Đi bên cạnh toa lúc tàu chuyên bánh, vịn vào cánh tay Fernanda để khỏi vấp ngã, Aureliano Segundo vẫn còn có thể giơ một tay lên chào lại khi con gái ông đưa ngón tay lên miệng gửi cha chiếc hôn già từ. Vợ chồng Aureliano Segundo ngồi yên dưới ánh nắng gay gắt và nhìn theo đoàn tàu cho đến khi nó chỉ còn như một chấm nhỏ ở phía chân trời, và lúc ấy, lần đầu tiên kể từ ngày cưới, họ ôm lấy cánh tay nhau. Ngày mùng chín tháng tám, trước khi có thư từ Brussels gửi về, José Arcadio Segundo trò chuyện với Aureliano trong phòng của Melquíades và bỗng nói bâng quơ:

- Hãy luôn luôn nhớ rằng họ, hơn ba ngàn người, đã bị quăng xuống biển đây!

Sau đó José Arcadio Segundo gục xuống những tấm da thuộc đầy chữ và chết với đôi mắt vẫn mở to. Cùng lúc đó, trên giường của Fernanda, người anh em sinh đôi của ông đã không còn phải chịu đựng nỗi đau kéo dài như thể do những chiếc càng cua bằng thép kẹp chặt một cách khủng khiếp trong cổ họng gây nên nữa. Một tuần trước đó, để thực hiện lời nguyện là sẽ chết bên cạnh vợ, Aureliano Segundo đã trở về nhà, nói không được, thở không được, dường như chỉ còn da bọc xương, mang theo về những chiếc hòm của kẻ lang thang nay đây mai đó và chiếc phong cầm cũ kĩ. Petra Cotes đã giúp ông thu dọn quần áo để mang về, và đã đưa tiễn ông mà không hề nhỏ một giọt nước mắt, nhưng lại quên không đưa cho Aureliano Segundo đôi ủng da mà ông muốn được bỏ vào quan tài của mình. Đến khi biết rằng Aureliano Segundo đã chết, Petra Cotes liền mặc một bộ đồ đen và lấy báo gói đôi ủng lại, đến xin phép Fernanda vào viếng người quá cố. Fernanda không cho Petra Cotes bước qua cửa.

- Bà hãy đặt mình vào địa vị tôi, - Petra Cotes nói, - và bà hãy tưởng tượng xem tôi yêu ông ấy như thế nào để đến nỗi phải chịu sự khổ nhục này.

- Chẳng có sự khổ nhục nào mà lại không xứng với một con ở, - Fernanda nói. - Hãy chờ đến khi có một kẻ nào khác trong đám đàn ông ấy chết đi, để mà đặt đôi ủng đó vào quan tài!

Thực hiện lời hứa của mình, Santa Sofía de la Piedad dùng một con dao làm bết cắt cổ họng José Arcadio Segundo để đảm bảo chắc chắn rằng ông ta không bị chôn khi vẫn còn sống. Hai tử thi được đặt trong hai chiếc quan

tài giống nhau, và ở đó người ta thấy họ trở lại giống nhau như đúc cũng như họ từng giống nhau từ thuở lọt lòng đến khi thành niên. Những người trong đám bạn ăn chơi ngày trước của Aureliano Segundo đặt lên quan tài của ông một vòng hoa đính một dải băng đen mang dòng chữ: “Những con bò cái hãy dạng háng ra, kéo cuộc đời ngắn lắm!”. Fernanda rất bực bội với sự bất kính đó và sai quăng vòng hoa vào đồng rác. Trong sự lộn xộn của những giờ phút cuối cùng, khi đưa thi hài hai người ra khỏi nhà, đám thanh niên say rượu và buồn bã đã làm lẫn quan tài và do đó chôn quan tài người nọ vào huyệt người kia.

CHƯƠNG 18

Trong suốt một thời gian dài Aureliano không ra khỏi phòng của Melquíades. Chú học thuộc lòng các truyện cổ hoang đường trong cuốn sách đã rách rời, các bản tóm tắt những công trình nghiên cứu của Hermann, một người bại liệt, các chỉ dẫn về khoa qui thần học, các điểm máu chất của loại đá giả kim, và cuốn Những lời sấm truyền... của Nostradamus và những nghiên cứu của ông về bệnh dịch hạch, bởi vậy, khi đến tuổi trưởng thành chú không hề hiểu biết gì về thời đại mình, nhưng lại có những kiến thức cơ bản của người thời Trung cổ. Lúc nào bước vào căn phòng đó, Santa Sofia de la Piedad cũng thấy chú vùi đầu vào sách vở. Cụ mang cho chú một tách cà phê không đường vào buổi sáng và một đĩa cơm với vài lát chuối rán vào buổi trưa, đó là món ăn duy nhất ở nhà này kể từ khi Aureliano Segundo mất. Santa Sofia de la Piedad lo việc cắt tóc bắt chấy rận cho Aureliano, sửa quần áo cũ trong những chiếc rương đã bị lãng quên cho chú mặc, khi thấy râu ria chú nhú ra, cụ mang dao cạo và chổi bôi xà phòng của đại tá Aureliano Buendía đến cho chú. Chẳng ai trong số những người con của đại tá, kể cả Aureliano José, lại giống ngài đến như Aureliano, nhất là ở đôi gò má cao và đường nét cương nghị có chút vẻ tàn nhẫn của khoe miệng. Trước đây Úrsula tin rằng Aureliano Segundo thường nói một mình trong khi ngồi học ở trong phòng, bây giờ Santa Sofia de la Piedad cũng nghĩ như vậy. Thực ra, Aureliano nói chuyện với Melquíades. Sau cái chết của hai anh em sinh đôi kia, vào một buổi trưa oi ả, qua sự phản chiếu của cánh cửa sổ, Aureliano nhìn thấy ông già tang thương với cái mũ cánh quạ, như đó là sự hiện hình cụ thể của một ký ức đã hình thành trong đầu óc chú từ rất lâu trước khi chú ra đời. Trước đó Aureliano đã hoàn thành việc phân loại thứ chữ cái viết trên các tấm da thuộc. Khi Melquíades hỏi Aureliano rằng chú đã biết người ta ghi thứ ngôn ngữ nào trên đó chưa, chú trả lời không chút do dự: - Tiếng Phạn. Melquíades hé cho Aureliano biết rằng mình chẳng còn nhiều dịp trở lại căn phòng này. Nhưng Melquíades bình tâm đi đến cái chết vĩnh hằng, bởi vì Aureliano có thời gian để học tiếng Phạn trong những năm tháng trước khi các tấm da thuộc kia tròn trăm tuổi và người ta có thể đọc được chúng. Chính Melquíades đã chỉ cho Aureliano biết rằng ở trên con đường chạy đến bờ sông, nơi ở thời kỳ Công ty chuối người ta thường xem hậu vận và đoán mộng, trong cửa hàng sách của một nhà thông thái người xứ Catalunya có cuốn Sanskrit Primer^[41] mà nếu Aureliano không mua vội thì chỉ sáu năm sau sẽ bị gián nhám hết. Lần đầu tiên trong rất nhiều năm tháng đã qua của đời mình, Santa Sofia de la Piedad để lộ một tình cảm, và đó là một tình cảm sững sờ, khi Aureliano đòi hỏi cụ mang về cho chú cái cuốn sách nằm giữa tập Jerusalem giải phóng^[42] và tập thơ của Milton^[43], phía

bên phải cùng thuộc hàng thứ hai của giá sách. Vì không biết chữ nên Santa Sofía de la Piedad học thuộc lòng những lời hướng dẫn đó và cụ chạy tiền bằng cách đem bán một trong mười bảy con cá vàng còn lại ở xưởng kim hoàn mà chỉ có cụ và Aureliano biết chúng đã được cất giấu ở chỗ nào trong đêm bọn lính lục soát ngôi nhà. Aureliano tiến bộ trong việc học tiếng Phạn, trong khi đó Melquíades ngày một thưa nhạt và xa vời, lần dần vào ánh sáng ban trưa rực rỡ. Lần cuối cùng Aureliano cảm thấy cụ là lúc Melquíades dường như chỉ còn là một cái bóng không thể nhìn thấy đang lầm rầm “Ta đã chết vì bị siết trên những cồn cát ở bờ biển Singapore”. Căn phòng lúc đó bỗng trở nên thiếu sức đề kháng trước sự tấn công của bụi bặm và nóng bức, của mọt và kiến, của mối và gián, những con vật từng biến kiến thức trong sách vở và các tấm da thuộc kia thành bụi. Trong nhà không thiếu thức ăn, Aureliano Segundo chết hôm trước thì hôm sau một trong những người bạn của ông từng đem tới chiếc vòng hoa với dòng chữ bất kính kia đã trả cho Fernanda một khoản tiền mà ông ta nợ chồng bà. Cũng từ hôm ấy một người làm nghề chuyên hàng cứ vào ngày thứ tư lại mang tới một làn thức ăn đủ cho cả một tuần lễ. Chẳng bao giờ có ai biết rằng những thức ăn đó là do Petra Cotes gửi tới với ý nghĩ: bằng cách tỏ lòng thương hại kéo dài, bà sẽ làm khổ nhục người đã từng làm mình khổ nhục. Nhưng sự thù hận đã tan biến nhanh hơn cả chính Petra Cotes tưởng, và khi ấy bà vẫn tiếp tục gửi thực phẩm tới vì kiêu hãnh, và sau đó vì cảm thương. Có những lần khi Petra Cotes không muốn đi bán vé xổ số nữa và dân chúng cũng đã mất hứng thú với trò cờ bạc ấy, bà đã nhịn để nhường thức ăn cho Fernanda, và Petra Cotes luôn luôn thực hiện trách nhiệm gửi thực phẩm chừng nào Fernanda chưa qua đời. Đối với Santa Sofía de la Piedad, việc giảm số người trong nhà có lẽ cho cụ một sự nghỉ ngơi mà cụ được quyền hưởng sau hơn nửa thế kỷ làm việc. Không bao giờ người ta nghe thấy một tiếng thở than của người đàn bà kín đáo và khó hiểu ấy, người đã gieo vào gia đình này những mầm mống thần thánh của Remedios - Người đẹp và sự trinh trọng bí ẩn của José Arcadio Segundo, người đã dành cả cuộc đời cô đơn và thâm lặng của mình vào việc nuôi nấng lũ trẻ mà chúng không nhớ rõ bằng mình là con hay cháu của cụ. Cụ chăm sóc Aureliano như thể chú ra đời từ sự mang nặng đẻ đau của mình, và chính cụ cũng không biết rằng mình là cố của chú nữa. Phải ở trong một gia đình như vậy mới có thể nghĩ được rằng Santa Sofía de la Piedad thường ngủ trên một tấm thảm dệt bằng lá cọ trải trên nền nhà kho chứa ngũ cốc, giữa tiếng ếch nhái kêu đêm, và cụ cũng không kể với ai rằng có một đêm cụ đã thức dậy bởi một cảm giác hãi hùng là có ai đó đang nhìn mình trong bóng tối, thì ra đó là một con rắn độc trườn trên bụng cụ. Santa Sofía de la Piedad biết rằng nếu thở trước cụ kể với Úrsula chuyện đó thì thế nào Úrsula cũng bắt cụ phải ngủ trên giường của mình, nhưng ở thời buổi này chẳng ai để ý đến điều gì nếu cụ không kêu lên ở ngoài hành lang, bởi vì

công việc chân tay ở lò bánh, những nỗi hãi hùng về chiến tranh, việc chăm sóc con cháu khiến cho người ta không còn thời gian để nghĩ đến hạnh phúc của người khác nữa. Chỉ có Petra Cotes, người mà Santa Sofía de la Piedad chưa từng biết mặt, là nhớ đến cụ thôi. Sắm cho cụ một đôi giày đẹp và một bộ lễ phục, đó là món nợ mà Petra Cotes vẫn chưa trả được ngay cả trong những ngày tháng tuyệt vời với khoản tiền do các cuộc xổ số đưa lại. Thuở mới đặt chân đến nhà này Fernanda có nhiều lý do để tin rằng Santa Sofía de la Piedad là một người làm đầy tớ suốt đời, và nếu có một vài lần Fernanda nghe nói đó là mẹ chồng mình thì đó cũng là điều rất khó tin, đến mức bà phải mất rất nhiều thời gian mới biết rằng quả đúng như vậy, nhưng chẳng bao lâu bà lại quên đi. Santa Sofía de la Piedad không bao giờ thấy khó chịu với cái vị trí thấp kém đó. Ngược lại, cụ cảm thấy thích thú với việc đi hết từ xó xỉnh này đến xó xỉnh khác, không kêu ca một lời, luôn chân luôn tay sắp xếp và dọn dẹp lại ngôi nhà rộng thênh thang nơi mình đã sống từ khi còn trẻ, và riêng trong thời kỳ còn Công ty chuối ngôi nhà ấy giống một trại lính hơn là một cư xá. Nhưng khi Úrsula qua đời, tính cẩn thận đến mức khắc nghiệt và khả năng làm việc phi thường của Santa Sofía de la Piedad cũng bắt đầu suy giảm. Không phải chỉ vì cụ đã tuổi cao sức kiệt, mà còn vì ngôi nhà đã nhanh chóng rơi vào tình trạng ọp ẹp. Một lớp rêu non xanh rờn phủ các bức tường. Khi ngoài vườn không còn chỗ đất nào trống, các loại cỏ dại liền đội võ nên xi măng ở hành lang như thể đội võ một tấm kính, và từ các kẽ nứt đã mọc lên chính những bông hoa nhỏ màu vàng mà trước đó đến gần một thế kỷ Úrsula từng nhìn thấy trong chiếc cốc đựng hàm răng giả của Melquíades. Chẳng có thời giờ và cũng chẳng có cách gì ngăn chặn những cuộc tấn công tàn bạo đó của thiên nhiên, suốt ngày Santa Sofía de la Piedad xua đuổi những con thằn lằn đã chui vào phòng hồi đêm. Một buổi sáng cụ trông thấy những con kiến đỏ rời bỏ những chỗ xi măng đã bị đào thủng, bò qua vườn, leo lên những bờ thành của thang gác, nơi có những cây thu hải đường đã úa màu đất, và vào đến tận chỗ trong cùng của ngôi nhà. Thoạt đầu cụ dùng chổi, sau đó dùng thuốc sâu và cuối cùng dùng vôi để giết lũ kiến ấy, nhưng ngày hôm sau chúng lại xuất hiện ở đúng chỗ cũ, thường xuyên qua lại, bền bỉ và bất khả chiến thắng. Lúc đó, vì đang viết thư cho các con mình nên Fernanda không hay biết gì về cuộc tấn công không thể ngăn chặn ấy của đám cỏ dại và lũ sâu bọ đang phá hoại. Một mình Santa Sofía de la Piedad tiếp tục chiến đấu, chống chọi với cỏ dại để không thể tràn vào nhà bếp, xua những bọ mạng nhện sinh sôi nảy nở rất nhanh ở trên tường và miết xát lũ mọt. Nhưng khi thấy căn phòng của Melquíades cũng bị mạng nhện chằng và bụi phủ, thì Santa Sofía de la Piedad bèn mỗi ngày quét dọn ba lần và khi thấy rằng, bất chấp sự dọn dẹp cần mẫn của mình, căn phòng vẫn bị đe dọa bởi những đồng gạch ngói đỏ vỡ và bầu không khí hôi hám mà chỉ có đại tá Aureliano Buendía và viên sĩ quan trẻ xưa kia tiên đoán được

thì cụ hiểu rằng mình đã thất bại. Lúc ấy Santa Sofía de la Piedad mặc bộ lễ phục ngày chủ nhật đã sờn, đi đôi giày cũ của Úrsula và một đôi tất sợi bông mà Amaranta Úrsula đã tặng mình, rồi gói hai hoặc ba bộ quần áo còn lại thành một bọc. - Ta chịu rồi, - cụ bảo Aureliano, - cái nhà này thật là quá rộng, và cái thân còm này không thể nào kham nổi việc thu dọn cho nó tươm tất được. Aureliano hỏi Santa Sofía de la Piedad định đi đâu thì cụ trả lời bằng một cử chỉ mập mờ như thể chẳng hề có một chút ý thức nào về số phận của mình. Tuy vậy, cụ cũng cố xác định rằng sẽ sống những ngày cuối của đời mình với một bà em họ ở Riohacha. Điều ấy cũng không lấy gì làm chắc. Vì từ khi các vị thân sinh của Santa Sofía de la Piedad qua đời, cụ không có quan hệ với ai trong làng, không hề có thư từ hoặc lời nhắn hẹn, và cũng chẳng ai nghe thấy cụ nói về một người họ hàng nào cả. Aureliano đưa cho Santa Sofía de la Piedad mười bốn con cá vàng, bởi vì cụ đã quyết ra đi khi trong túi chỉ còn một peso và hai mươi lăm xu. Qua cửa sổ, Aureliano nhìn thấy Santa Sofía de la Piedad, với tấm thân còm vì tuổi tác, lê bước qua vườn mang theo một gói nhỏ quần áo, và nhìn thấy cụ thò tay vào lỗ cửa để cài then lại sau khi đã ra khỏi nhà. Từ ấy không ai hay biết gì về cụ nữa.

Sau khi biết rằng Santa Sofía de la Piedad đã bỏ chạy, Fernanda nói làm nhảm suốt một ngày rờn trong khi xem lại từng chiếc rương một, từng chiếc tủ một để yên tâm rằng cụ đã không lấy một thứ gì mang đi. Lần đầu tiên trong đời Fernanda nhóm bếp và bà bị bỏng tay, rồi bà phải nhờ Aureliano bày cho cách thức pha cà phê. Từ đó về sau, chính Aureliano là người làm việc bếp núc. Khi Fernanda thức dậy thì thức ăn đã được Aureliano chuẩn bị sẵn và ủ trong tro nóng, bà chỉ cần ra khỏi phòng ngủ mang về ăn trên một chiếc bàn phủ khăn bằng vải gai, bên trên có đặt những cây đèn nến; khi ăn, bà ngồi trên chiếc ghế trong cùng của mười lăm chiếc ghế trống. Trong khung cảnh đó Aureliano và Fernanda không chia sẻ với nhau nổi cô đơn, mà ai lo việc người nấy. Họ quét dọn phòng mình; trong khi mạng nhện giăng trên các khóm hồng, phủ trên xà nhà và dẹt trên các bức tường. Đó là thời kỳ Fernanda có ấn tượng rằng ngôi nhà này đầy ma quái. Chẳng thế mà các đồ vật, nhất là những thứ hàng ngày thường dùng, luôn luôn tự nó thay đổi vị trí. Fernanda mất thời gian tìm kiếm chiếc kéo mà bà cứ đinh ninh rằng mình để trên giường, và sau khi lục lọi khắp nơi lại thấy nó trong chiếc tủ ở nhà bếp, nơi bà tin rằng đã bốn ngày rồi mình không đặt chân đến. Đột nhiên trong tủ đựng các bộ đồ ăn không còn lấy một chiếc đĩa, thế rồi lại thấy sáu chiếc trên bàn thờ và ba chiếc ở chậu rửa bát. Khi Fernanda ngồi viết lại càng thấy các đồ vật di chuyển bất ngờ hơn. Lọ mực đặt ở bên phải sau lại thấy ở bên trái, bàn thảm giấy biến mất và hai ngày sau bà lại thấy nằm ở dưới gối, những trang viết cho José Arcadio lẫn với những trang viết cho Amaranta Úrsula, và bà luôn luôn băn khoăn là đã bỏ thư nọ vào bì kia

như nhiều lần từng xảy ra trên thực tế. Có lần bà mất bút. Mười lăm ngày sau người đưa thư mang trả lại. Ông ta thấy ở trong túi của mình và đã đi khắp các nhà hỏi xem ai có cây bút đó. Thoạt đầu, Fernanda tin rằng những chuyện đó là do các thầy thuốc không thể nhìn thấy gây ra, giống như việc mất những chiếc vòng treo tử cung dạo trước, và bà bắt đầu viết một bức thư cầu xin họ để cho mình yên, nhưng rồi bà phải ngừng lại để làm một việc khác, và khi trở về phòng chẳng những bà không thấy lá thư bắt đầu viết ấy đâu, mà ngay cả mục đích của việc viết thư là gì bà cũng quên nốt. Có một dạo bà nghĩ là tại Aureliano. Bà theo dõi Aureliano, đặt các đồ vật ở lối đi với ý định sẽ bắt quả tang khi chú đang mang chúng từ chỗ nọ bỏ vào chỗ kia, nhưng ngay sau đó bà lại yên trí rằng Aureliano không ra khỏi phòng của Melquíades nếu không cần đến nhà bếp hoặc nhà vệ sinh, và chú còn không phải là người thích đùa nữa. Thế rồi cuối cùng Fernanda tin rằng đó là sự quấy nhiễu của ma quái và bà chọn cách đối phó là để vật nào cần sử dụng vào đúng chỗ ấy thật chắc chắn. Bà buộc chiếc kéo vào đầu giường bằng một sợi dây dài, buộc ống bút và bàn thắm giấy vào chân bàn; dùng keo gắn lọ mực vào mặt bàn, ở phía bên phải chỗ bà thường ngồi viết. Nhưng rồi chẳng phải mọi chuyện êm đẹp ngay, bởi vì vừa ngồi may được một lúc lại không thể lôi cái kéo ra chỗ cần phải cắt, vì sợi dây buộc ngăn quá như thể ma quỷ đã cắt bớt đi. Sợi dây buộc ống bút cũng vậy và đến cả cánh tay Fernanda cũng ngăn đi, vì vừa ngồi viết một lúc bà đã không với tới lọ mực nữa rồi. Cả Amaranta Úrsula ở Brussels và José Arcadio ở Roma, cả hai chẳng bao giờ biết những điều bất hạnh này. Fernanda viết cho các con rằng bà sống hạnh phúc, và quả có thể thực, chính là vì bà thấy mình thoát khỏi mọi sự ràng buộc, như thể một lần nữa cuộc đời đang kéo bà về thế giới của cha mẹ mình, ở đó bà sẽ không phải khổ sở về những chuyện hàng ngày bởi vì chúng đã được giải quyết ngay trong tưởng tượng. Việc trao đổi thư từ với con cái làm cho Fernanda quên mất khái niệm về thời gian, nhất là từ khi Santa Sofía de la Piedad bỏ đi. Trước kia bà có thói quen tính ngày, tính tháng và tính năm xem còn bao lâu nữa thì các con bà trở về theo dự định. Nhưng khi hết lần này đến lần khác họ báo thay đổi thời hạn thì bà thấy ngày tháng lẫn lộn, và thời gian dường như không trôi đi. Lẽ ra phải sốt ruột lắm thì bà lại thấy hài lòng với sự chậm trễ. Fernanda không nóng lòng với chuyện nhiều năm sau khi José Arcadio thông báo với bà rằng sắp làm lễ tuyên thệ tu hành suốt đời, rồi sau đó lại nói rằng anh ta đang chờ kết thúc chương trình thần học cao cấp để học về ngoại giao, bởi vì bà nghĩ rằng có biết bao khó khăn trắc trở trên chiếc thang ốc rất dài dẫn đến chiếc ghế của Thánh Peter^[44]. Ngược lại, bà xôn xang bởi những tin tức mà đối với người khác chẳng có nghĩa gì, ví dụ như chuyện con trai bà đã nhìn thấy Giáo hoàng. Bà cũng sung sướng như vậy khi Amaranta Úrsula cho biết rằng

chương trình học của cô sẽ kéo dài thêm, vì cô được xếp loại ưu nên được ưu đãi, đó là điều cha cô không nghĩ đến trong khi tính toán. Ba năm đã trôi qua kể từ khi Santa Sofia de la Piedad mang về cho Aureliano cuốn sách ngữ pháp tới khi chú dịch được trang đầu tiên. Việc làm của chú chẳng phải vô ích, nhưng cũng mới chỉ là bước đầu trên con đường dài như chẳng thể nào lường hết, bởi vì văn bản bằng tiếng Tây Ban Nha chẳng có ý nghĩa gì: đó chỉ là những bài thơ được mã hóa, Aureliano không còn các phương tiện để tạo cơ sở cho mình đi sâu vào các bài thơ đó, nhưng vì Melquíades đã từng nói với chú rằng ở cửa hàng sách của nhà thông thái xứ Catalunya có những cuốn sách sẽ giúp chú hiểu hết các tấm da thuộc nên chú quyết định xin phép Fernanda đi kiếm những cuốn sách đó. Trong căn phòng đầy gạch ngói đồ vỡ - mà sự gia tăng của những mảnh gạch ngói này sẽ dẫn đến cái kết cục là làm đổ căn phòng - Aureliano suy nghĩ tìm kiếm cách trình bày thích đáng yêu cầu của mình, chú dự đoán khung cảnh và cơ hội thích hợp, nhưng khi thấy Fernanda lấy thức ăn ủ trong tro nóng - cơ hội duy nhất để nói với bà - thì những lời yêu cầu đã chuẩn bị rất kỹ càng bị ứ lại trong cổ, không thể nói thành lời. Đó là lần duy nhất mà Aureliano theo dõi Fernanda. Chú lắng nghe tiếng chân Fernanda đi lại trong phòng ngủ. Chú nghe thấy tiếng bà bước ra cửa để nhận thư của con cái và gửi người đưa thư những lá thư bà viết cho họ; đến rất khuya chú còn nghe thấy tiếng bút dằn mạnh trên mặt giấy trước khi nghe thấy tiếng tắt đèn và tiếng cầu kinh làm râm trong bóng tối. Cho đến tận lúc ấy Aureliano mới ngủ và chú tin rằng ngày mai cơ hội mình mong mỏi sẽ đến. Aureliano có ảo tưởng rằng điều yêu cầu của mình sẽ không bị chối từ, nên một buổi sáng chú đã cắt đi mái tóc dài chấm vai, cạo đi bộ râu tua tủa, mặc chiếc quần chèn và chiếc áo có cổ giả mà chẳng biết là đã được thừa hưởng của ai, rồi chú đến nhà bếp chờ Fernanda đi ăn. Nhưng không đến người đàn bà ngày ngày vẫn sống ở đây, người đàn bà đầu ngẩng cao, người đàn bà đi lại rắn rỏi ấy, mà chỉ đến một bà lão đẹp tuyệt vời mặc chiếc áo khoác lông điếu thử màu vàng, đội chiếc miện bằng bìa cứng mạ vàng và có dáng vẻ yếu đuối của một người thường khóc thầm. Thực ra, từ khi thấy bộ trang phục hoa hậu đã bị gián nhảm ở trong rương của Aureliano Segundo, Fernanda đã mặc nó nhiều lần. Nếu có ai đó thấy bà đứng trước gương làm dáng với cử chỉ có vẻ đài các đế vương chắc hẳn sẽ cho rằng bà bị điên. Nhưng không phải thế. Fernanda chỉ biến bộ áo hoa hậu ấy thành một cái máy nhớ mà thôi. lần đầu tiên mặc nó vào người, Fernanda đã không tránh khỏi cảm giác ứ nghẹn trong tim và mắt bà đầm lệ, vì lúc ấy Fernanda như cảm thấy mùi xi trên đôi ủng của một quân nhân đã đến tận nhà tìm mình để cho mình làm hoa hậu, và tâm hồn bà trở nên trong suốt với sự tiếc nuối những giấc mơ đã qua. Bà cảm thấy mình đã già yếu và cằn cõi lắm rồi, đã khác xa biết bao nhiêu với Fernanda của những giờ phút đẹp đẽ nhất trong đời, đến mức bà cũng nhớ tiếc cả những giờ phút mà bà coi là tồi

tệ nhất, và chỉ khi đó Fernanda mới thấy rằng những chùm hoa kinh giới ở ngoài hành lang và hơi nước bốc lên từ những khóm hồng vào lúc chiều về, thậm chí cả bản chất hung dữ của những kẻ đến từ nơi xa lạ, là cần thiết biết bao đối với mình. Trái tim nguội lạnh của bà, từng chống đỡ vững vàng với những miếng đòn rất chính xác của đời sống thường ngày, giờ đây bị rạn vỡ bởi cuộc tấn công đầu tiên của nỗi hoài nhớ. Cảm giác đau buồn đã trở thành một nhu cầu của bà, nó tăng lên theo năm tháng và dần dần trở thành một thói xấu. Bà làm cho mình trở thành một người nhân từ trong nỗi cô đơn. Nhưng buổi sớm ấy khi bà vào bếp và thấy tách cà phê mà chàng trai trẻ gầy gò, xanh xao và có ánh mắt mơ màng kia pha cho mình, thì bà cảm thấy như bị một cái gì đó rất kỳ quặc đập vào mình. Chẳng những Fernanda đã không cho phép Aureliano đi, mà từ đó bà còn cất kỹ chìa khóa nhà trong chiếc túi đựng những chiếc vòng treo tử cung không dùng đến. Sự cẩn thận ấy là vô ích, bởi vì nếu như Aureliano muốn thì chú có thể ra đi rồi lại trở về mà bà không thể nhìn thấy. Nhưng sự giam hãm lâu ngày, sự mơ hồ về thế giới bên ngoài và thói quen phục tùng đã làm khô héo những mầm mống bướng bỉnh trong Aureliano. Thế là chú trở về phòng mình, xem đi xem lại những tấm da thuộc và đến tận đêm khuya vẫn nghe tiếng khóc sụt sùi của Fernanda ở phòng ngủ của bà. Một buổi sáng, như thường lệ, Aureliano đi nhóm bếp, chú thấy trong đồng tro lạnh vẫn còn nguyên những thức ăn để cho Fernanda từ hôm trước. Aureliano vội ngó vào phòng và thấy Fernanda nằm trên giường, đắp chiếc áo khoác lông điếu thủ, bà đẹp hơn bao giờ hết, và da bà trắng như ngà. Bốn tháng sau đó, khi José Arcadio trở về thì đã thấy bà bất động. Không thể thấy ai giống mẹ hơn José Arcadio. Anh chàng mặc một bộ lễ phục bằng lụa màu đen, chiếc áo cổ tròn và cứng, và thắt một dải lụa mềm thay cà vạt. Đó là một chàng trai xanh xao, suy nhược, ánh mắt mệt mỏi và khóe miệng yếu đuối. Mái tóc đen, bóng và mượt, được phân đôi bởi một đường ngôi thẳng tắp và trắng bệch chạy giữa đầu, giống như tóc của các thánh mà người ta thường thấy qua tranh tượng. Bóng mờ của bộ râu đã được cạo trên khuôn mặt như được làm bằng nện là dấu hiệu của người đã trưởng thành. Đôi tay trắng nhợt với những đường gân xanh, những ngón tay như những con giun, trên ngón trỏ ở bàn tay trái có một chiếc nhẫn to bằng vàng gắn mặt đá quý. Khi mở cổng cho José Arcadio, Aureliano chẳng cần đoán xem là ai cũng biết rằng đây là người từ xa đến. Khi José Arcadio vào, ngôi nhà ngào ngạt mùi nước hoa mà Úrsula đã rải lên đầu khi anh chàng còn nhỏ để bà cụ trong cảnh mịt mù có thể nhận ra thẳng chụt. Không thể hiểu được vì sao mà sau rất nhiều năm đi xa, José Arcadio vẫn là một chú bé già trước tuổi, buồn và cô đơn ghê gớm. José Arcadio đến thẳng phòng của mẹ anh, ở đó Aureliano đã làm theo cách của Melquíades: cho thủy ngân bốc hơi bốn tháng trong cái ống của cụ tổ sáu đời, để giữ gìn thi thể. José Arcadio không hỏi một điều gì. Anh chàng hôn lên trán tử thi, rồi lấy từ dưới

váy ra một chiếc túi nhỏ trong có ba chiếc vòng treo tử cung chưa dùng và chiếc khóa hòm quần áo Anh ta làm tất cả những việc đó một cách dứt khoát, khác hẳn với sự mềm yếu của mình. José Arcadio lấy từ hòm quần áo ra một chiếc hộp nhỏ có nạm gia huy và trong chiếc hộp ngào ngạt hương gỗ trắc bá ấy, anh ta thấy một bức thư rất dài, ở đó Fernanda như rút ruột rút gan kể biết bao nhiêu sự thật mà bà đã giấu kín. Anh chàng đứng đọc lá thư ấy một cách đầy khao khát nhưng không hề bần khoản, đến trang thứ ba thì dừng lại nhìn Aureliano với vẻ hơi hờ hững.

- Vậy ra, - José Arcadio nói với giọng sắc ngọt như dao cạo, - Mà là một đứa con hoang.

- Cháu là Aureliano Buendía mà!

- Cút về phòng của mày đi - José Arcadio nói.

Aureliano về phòng và không ra khỏi đấy nữa, kể cả khi nghe thấy tiếng ồn ào của đám tang cô đơn chú cũng không vì tò mò mà bước ra. Tỉnh thoảng, từ nhà bếp Aureliano nhìn thấy José Arcadio đi đi lại lại quanh nhà để mà lịm đi trong nhịp thở đầy khao khát dục vọng của mình, và đến quá nửa đêm chú vẫn còn dõi theo tiếng bước của José Arcadio trong các phòng ngủ đồ nát. Trong nhiều tháng Aureliano không nghe thấy tiếng nói của José Arcadio, chẳng phải chỉ vì anh ta không nói với chú, mà còn vì chú chẳng muốn có chuyện gì xảy ra và chẳng muốn mất thời gian suy nghĩ về bất cứ việc gì ngoài những tấm da thuộc kia. Khi Fernanda chết, Aureliano đã lấy đến con cá vàng gần như là con cuối cùng và đã đến hiệu sách của nhà thông thái xứ Catalunya để mua những cuốn sách mà chú cần. Trên đường đi, Aureliano chẳng hề quan tâm tới những gì mà mắt mình nhìn thấy, có lẽ vì chú không có những ký ức về chúng để so sánh, và những con đường vắng vẻ, những ngôi nhà buồn tẻ cũng chẳng khác gì những con đường và những ngôi nhà chú đã từng tưởng tượng thấy trước đây, khi chú còn khao khát làm quen với chúng. Aureliano đã tự cho phép mình làm điều mà Fernanda cấm, đó là lần duy nhất với mục đích duy nhất và trong một khoảng thời gian vô cùng ngắn ngủi, chú đi một mạch qua mười một ô phố ngăn cách nhà mình với con đường mà ở đó trước đây người ta thường đoán mộng, rồi khó khăn lắm mới vào đến một nơi nhem nhốc, tối tăm và chật chội đến mức dường như không thể xoay trở được thân mình. Ngôi nhà chẳng giống một hiệu sách mà giống như một nơi chứa rác với những cuốn sách cũ để lộn xộn trên những chiếc giá đã bị mọt, trong các xó xỉnh đầy mạng nhện, và ngay cả ở những chỗ lẽ ra là lối đi. Trên một chiếc bàn dài cũng chật đầy sách, chủ nhà đang viết một bài văn dài dằng dặc với những chữ bay bướm và hơi rối rắm trên những tờ giấy rời xé từ cuốn vở học trò. Ông ta có một mái tóc bạc rất đẹp và nhô ra trước trán, trông giống chiếc mào của con chim đẻ cùi; đôi mắt

màu xanh, linh lợi và hẹp toát ra sự nhân từ của một người đã từng đọc tất cả các thứ sách. Ông ta mặc một quần cộc đấm mồ hôi, và không ngừng viết để xem ai đến. Aureliano dễ dàng thấy năm cuốn sách mình cần giữa đống sách hỗn độn đó, bởi vì nó nằm đúng ở chỗ Melquíades đã bảo cho chú biết. Không nói một lời nào, Aureliano đưa cho ông già thông thái người xứ Catalunya năm cuốn ấy và con cá vàng; ông già ngắm nghía những thứ đó, đôi lông mày ông nhíu lại như hai con sâu róm.

“Có lẽ mày điên chắc”, ông già vừa nói bằng ngôn ngữ địa phương của mình vừa nhún vai, rồi đưa lại cho Aureliano năm cuốn sách và con cá vàng. - Hãy mang chúng đi, - ông già nói tiếng Catalan^[45] - Người duy nhất đọc những cuốn sách này là cụ Isaac, Người MÙ^[46]. Vậy chú mày hãy nghĩ kỹ về việc mình làm. José Arcadio sửa chữa lại phòng ngủ của Meme, anh sai quét dọn, sửa lại các tấm rèm cửa bằng nhung và tấm trướng gấm trước chiếc giường phó vương, và sử dụng lại phòng tắm đã bị bỏ mà cái bồn chứa nước bằng xi măng ở đó bị văng nước đặc và bắn làm cho đen lại. Trong hai căn phòng ấy, sự cao ngạo của các loại vật dụng, của những thứ hàng ngoại lai, của các thứ nước hoa rơm và của các loại đá trang sức rẻ tiền đã giảm hẳn đi. Thứ duy nhất ở trong phần còn lại của ngôi nhà cản trở José Arcadio là những bức tượng thánh trên bàn thờ, do đó một buổi chiều anh ta đem chúng đất thành tro trên một đống lửa nhóm ở sân. José Arcadio ngủ đến quá mười một giờ. Anh chàng vào nhà tắm với một chiếc áo rộng mặc trong nhà được trang điểm bằng cách rút chỉ và thêu hình con rồng màu đỏ, đi đôi dép có đường viền màu vàng; và ở đó, vừa cầu kinh chậm rãi và kéo dài, anh ta vừa nhớ đến Remedios - Người đẹp. Trước khi tắm, José Arcadio dùng các chất muối đựng trong ba chiếc lọ bằng đá vân vẩy thơm bồn đựng nước. Anh chàng không lấy gáo làm bằng vỏ quả bí để dội nước lên người mà lại ngâm mình trong nước thơm ngát, nằm ngửa ở đó đến hai giờ đồng hồ mơ màng với sự mát mẻ và với nỗi hoài nhớ Amaranta. Vài ngày sau khi trở về, José Arcadio đã bỏ bộ quần áo bằng lụa đen, không những vì nóng mà còn vì ở đây bộ đồ ấy chỉ mình anh ta có thôi thay vào đó anh ta mặc quần chèn, rất giống quần của Pietro Crespi mặc trong những buổi dạy khiêu vũ và chiếc áo bằng lụa tơ tằm có thêu những chữ viết tắt tên mình trên ngực. Mỗi tuần hai lần anh chàng giặt tất cả những quần áo thay ra, và trong khi chờ quần áo ấy kịp khi anh ta mặc bộ đồ rộng dùng trong nhà, vì chẳng còn bộ nào khác. Không bao giờ José Arcadio ăn ở nhà. Anh chàng đi khỏi nhà từ lúc cái nóng ban trưa bắt đầu dịu đi và khuya mới trở về. Khi ấy anh chàng tiếp tục đi đi lại lại buồn bã, thở hít như một con mèo, và nghĩ tới Amaranta. Bà ta và cái nhìn hết hoảng của cái vị thánh trong ánh sáng của ngọn đèn đêm là hai kỷ niệm còn lại trong anh chàng về ngôi nhà này. Rất nhiều lần, vào cái tháng tám kỳ lạ ở Roma, giữa giấc mơ José Arcadio mở mắt trừng trừng và nhìn

thấy Amaranta từ trong bể nước xây bằng đá vôi chui lên, với chiếc váy mỏng và chiếc băng đen băng trên tay, bà đã được lý tưởng hóa bởi nỗi buồn khổ của kẻ sống biệt xứ. Nếu như Aureliano José cố gắng tìm nghệt hình ảnh đó trong bùn máu của chiến tranh, thì ngược lại, José Arcadio lại cố gắng lưu giữ nó sống động trong bùn lầy của đục vọng, trong khi làm vui lòng bà mẹ với sự dối trá về lòng ước muốn trở thành Giáo hoàng. Cả José Arcadio và Fernanda đều không bao giờ nghĩ rằng những thư từ họ viết cho nhau là sự trao đổi về những điều bịa đặt hoang đường. José Arcadio, từng bỏ lớp học chuyên đề ngay sau khi đến Roma, vẫn tiếp tục đọc sách về thần học và luật tu hành để tránh nguy hiểm cho việc thừa kế tài sản lớn lao mà mẹ anh ta thường nói đến trong những bức thư đầy cảm dỗ, và nó có thể giải thoát cho anh ta khỏi cảnh sống nghèo khó và bản thủ mà anh ta đang chung đụng với hai người bạn trên một chiếc gác xép ở Trastevere. Khi José Arcadio nhận được lá thư cuối cùng của Fernanda, lá thư được viết theo dự cảm về cái chết đang đến gần, anh chàng liền nhặt những mảnh cuối cùng của đồ trang sức giả của mình bỏ vào va-li, rồi chui vào hầm một chiếc tàu thủy để vượt biển, tại đó những người di cư chen chúc như một lũ bò ở lò sát sinh, họ ăn mì ống và pho mát đã có giới.

Trước khi đọc bản chúc thư của Fernanda - bản chúc thư chỉ là một bản tóm tắt vụn vặt và muộn màng những sự bất hạnh - thì những thứ đồ đạc đã rêu rã và những đám cỏ dại ở hành lang đã chỉ cho José Arcadio biết rằng anh ta đã rơi vào một cạm bẫy không bao giờ có thể thoát ra được, đã bị đẩy ra khỏi cái vầng sáng của kim cương và bầu không khí cổ kính của mùa xuân xứ Roma. Những lúc mất ngủ đầy mệt mỏi vì bệnh hen, José Arcadio đo đi đo lại chiều sâu nỗi bất hạnh của mình, và lục lọi ngôi nhà u tối, ở đó tiếng la hét già nua của Úrsula đã từng khiến cho José Arcadio khiếp sợ thế giới bên ngoài. Để chắc chắn là chú bé José Arcadio không lạc trong sự mịt mù, xưa kia cụ đã bắt chú phải ở cố định trong một góc phòng ngủ, đó là nơi duy nhất của chú, còn những người chết thì thường đi đi lại lại trong nhà từ lúc trời về chiều. “Bất cứ một việc làm xấu gì của mày các thánh cũng sẽ nói với ta”, Úrsula bảo chú thế. Những đêm hãi hùng thuở ấu thơ của José Arcadio đã thu lại trong góc nhà, ở đó chú bé phải ngồi yên như bất động trên một chiếc ghế cho đến giờ đi ngủ, toát mồ hôi vì khiếp sợ, dưới cái nhìn cảnh giác và lạnh lùng của các vị thánh mách lẻo. Cái hình phạt ấy thật là vô ích, bởi vì thuở ấy José Arcadio đã sợ hãi tất cả những gì ở quanh mình và đã được chuẩn bị sẵn sàng để giật mình kinh sợ trước bất cứ cái gì sẽ gặp trong cuộc đời: những người đàn bà ngoài xã hội nếu không nghe lời cha mẹ sẽ bị băng huyết; những người đàn bà trong gia đình này nếu không cẩn thận sẽ đẻ ra những đứa con có đuôi lợn, những con gà chọi đưa lại cái chết cho những người đàn ông và sự giày vò lương tâm cho những người khác; những khẩu

súng mà chỉ sờ vào thoi cũng bị người ta kết án ra trận hai mươi năm; những công trình sai lệch chỉ đưa đến nỗi thất vọng và sự điên loạn, tất cả, tất cả những thứ mà Chúa trời đã sáng tạo nên với lòng từ thiện vô biên thì quỷ sứ đã làm cho hư hại. Ánh sáng nơi cửa sổ cùng tiếng kỳ cọ của Amaranta ở trong bồn tắm và cảm giác thú vị do “củ khoai bằng lụa” đưa lại cứ lan lan trên đôi chân, tất cả đều đã giải thoát José Arcadio khỏi nỗi kinh hoàng từng khiến chú thần thờ sợ sệt khi thức dậy. Khi ấy, đến cả Úrsula cũng khác hẳn đi dưới ánh sáng rực rỡ rạng tỏa trên vườn, bởi vì ở đó cụ không nói với chú những chuyện khủng khiếp mà lại dùng bột than đánh bóng hàm răng cho chú để chú có nụ cười rạng rỡ của một Giáo hoàng, cắt và mài nhẵn móng tay cho chú để cho những người hành hương đến Roma từ mọi nơi trên trái đất sẽ phải kinh ngạc trước sự thanh khiết của đôi tay Giáo hoàng khi ngài ban phước lành cho họ, và chải cho chú kiểu tóc của một Giáo hoàng, phun nước hoa vào chú để thân thể và quần áo chú tỏa hương thơm của một Giáo hoàng. Ở sân Castel Gandolfo, José Arcadio đã nhìn thấy Giáo hoàng trên ban công khi ngài đọc một bài diễn văn bằng bảy thứ tiếng trước một đám đông khách hành hương, và quả thật là José Arcadio chỉ chú ý đến màu trắng ngần trên đôi tay như được nhúng bột của Giáo hoàng, sự rực sáng của bộ áo quần mùa hè ngài mặc và mùi hương bí ẩn của thứ nước thơm ngài dùng. Khoảng một năm sau khi trở về nhà, để có tiền ăn, José Arcadio đã bán hết những cây đèn nến bằng bạc và chiếc bô vàng có khảm gia huy mà đến phút cuối cùng anh chàng mới biết rằng thật ra chỉ có những đường khảm mới bằng vàng thôi, thì sự giải trí duy nhất của José Arcadio là tụ tập bọn trẻ trong làng lại để chơi đùa ở nhà mình. Anh chàng chơi với chúng từ trưa, bảo chúng nhảy dây ở vườn, hát ở hành lang và nhào lộn trên những chiếc ghế ở phòng khách, trong khi đó anh chàng đi đến từng nhóm dạy chung những bài học về cách cư xử tốt đẹp. Khi ấy, những chiếc quần chèn và áo lụa chẳng còn, José Arcadio vận bộ đồ cũ xoàng xĩnh mua ở một kho của những người Á-rập, nhưng anh chàng vẫn giữ vẻ trịnh trọng yếu đuối và phong thái giáo hoàng của mình. Bọn trẻ con xâm chiếm ngôi nhà giống như trước đây đám bạn gái của Meme từng làm. Đến tận đêm khuya vẫn còn thấy tiếng chúng hò reo nhảy múa, khiến cho ngôi nhà giống như một nhà trẻ không có kỷ luật. Aureliano không bận tâm về sự xâm lấn ấy khi bọn trẻ con chưa quấy rầy đến chú ở trong phòng của Melquíades. Một buổi sáng hai đứa nhỏ đẩy cửa và chúng kinh ngạc khi nhìn thấy một người đàn ông bản thủ, râu tóc bù xù đang dịch những tấm da thuộc trên bàn làm việc. Chúng không dám vào nhưng vẫn tiếp tục lượn quanh căn phòng, chúng lấp ló và xì xào qua những kẽ hở, ném sâu bọ vào những ô cửa sổ tròn, và có lần chúng đóng đinh vít cửa ra vào và cửa sổ, khiến cho Aureliano tốn nửa ngày mới mở được. Khoái trá vì những trò nghịch ngợm của mình không bị trừng trị, một buổi sáng khác bốn đứa nhỏ đã vào phòng trong khi Aureliano đang ở

bếp, chúng quyết định phá hủy những tấm da thuộc. Nhưng ngay khi chúng vừa mới túm lấy những tấm da ngả màu vàng ấy thì một sức mạnh thần linh đã nâng chúng lên khỏi mặt đất, giữ chúng lơ lửng trong không trung cho đến khi Aureliano quay trở về và giăng lại những tấm da thuộc đó. Từ ấy, bọn trẻ không còn đến quấy rầy Aureliano nữa. Bọn đứa trẻ lớn nhất, những đứa vẫn còn mặc quần cộc mặc dù đã chớm bước vào tuổi thành niên, quan tâm đến dáng vẻ bên ngoài của José Arcadio. Chúng đến sớm hơn những đứa khác, dành cả buổi sáng để cạo râu, dùng khăn nóng xoa bóp, sửa sang móng tay móng chân và xúc nước hoa cho anh ta. Có vài lần chúng vào bồn tắm, xát xà phòng từ chân tới đầu José Arcadio, trong khi đó anh chàng nằm ngửa trong nước nghĩ đến Amaranta. Sau đó chúng lau người, thoa phấn khắp người và mặc quần áo cho anh chàng. Trong đám trẻ ấy có một đứa tóc nâu và quăn, đôi mắt như thủy tinh nâu hồng giống mắt thói thường ngủ trong nhà. Nó gắn bó rất chặt chẽ với José Arcadio, thường ở bên cạnh anh chàng trong những đêm mất ngủ vì bệnh hen, im lặng và theo anh chàng đi đi lại lại trong ngôi nhà u tối. Một đêm, qua lớp xi măng trong, José Arcadio và đứa bé kia nhìn thấy trong phòng ngủ của Úrsula một thứ ánh sáng màu vàng, như thể mặt trời vừa từ trong lòng đất chiếu hắt ánh sáng lên đã biến nền nhà thành một tấm kính mờ. Họ không cần phải tìm tâm điểm nguồn sáng đó. Chỉ cần nâng những tấm kính vẽ hình đã vỡ ở góc nhà, nơi thường xuyên đặt chiếc giường của Úrsula và là nơi ánh sáng tập trung nhất, là thấy ngay cái hầm bí mật mà Aureliano Segundo đã tìm kiếm khổ sở trong những cuộc đào bới phát sốt lên mà không thấy. Trong hầm có ba chiếc túi tải được chằng buộc bằng dây đồng đựng bảy ngàn hai trăm mười bốn đồng Doblón và mỗi đồng Doblón trị giá bốn đồng Dobra^[47], những đồng tiền vàng ấy đang tiếp tục phát sáng như than hồng. Việc tìm thấy kho báu giống như một cú bùng cháy vậy. Đáng lẽ trở lại Roma với vận may trái mùa - đó là giấc mơ ấp ủ từ lâu trong cảnh nghèo khó - thì José Arcadio lại biến ngôi nhà thành thiên đường ở mặt đất. Anh chàng thay các rèm cửa sổ và tấm trướng ở phòng ngủ bằng nhung mới, sai lát gạch nền nhà tắm và ốp gạch men màu lên các bức tường. Chiếc tủ ở phòng ăn chất đầy các loại quả ngọt, giâm-bông và hoa quả ướp vang nho; căn nhà kho chứa ngũ cốc bấy lâu nay bỏ không, nay lại được mở cửa để chứa các loại rượu mà chính José Arcadio lấy ở nhà ga xe lửa, đựng trong những chiếc hộp có ghi tên anh ta. Một đêm, José Arcadio và bốn đứa trẻ lớn nhất kia mở một cuộc liên hoan kéo dài đến tận sáng. Ngay từ sáu giờ sáng chúng trần truồng ra khỏi phòng ngủ, trút hết nước trong bồn tắm và đổ đầy rượu sâm banh vào đấy. Chúng đàn đúm lặn ngụp bơi lội trong đó giống như những con chim bay trên một bầu trời màu vàng đầy những bọt bong bóng thơm ngát, trong khi José Arcadio không đùa vui với chúng mà nằm ngửa thả nổi mình, đôi mắt mở to, đang tưởng nhớ tới

Amaranta. José Arcadio nằm như vậy, suy tư và nhăm nháp lại vị đắng của những thú vui lầm lỗi của thành, cho đến khi bọn trẻ đã mệt và nháo nhác ùa vào trong phòng ngủ, ở đó chúng giật những tấm rèm nhung để lau người, trong cảnh nhón nháo chúng làm tấm gương rạn vỡ làm bốn, chen nhau ngủ làm rách cả khăn trải giường. José Arcadio từ phòng tắm trở về thì thấy chúng đang trần truồng nằm ngủ chen chúc trong căn phòng ngột ngạt. Anh ta bực bội, vì sự phá hoại của chúng thì ít mà vì cảm giác ghê tởm và thương hại đối với chính bản thân mình trong cảnh trống rỗng buồn tẻ do cuộc trác táng gây nên thì nhiều, liền túm vội lấy chiếc gậy đuôi chó của linh mục vẫn để ở dưới đáy hòm cùng những công cụ trừng phạt khoe mà giáo hội vẫn dùng, rồi đuôi chúng ra khỏi nhà, anh ta la hét như điên và quất vào chúng không thương xót. José Arcadio suy sụp vì một cơn hen kéo dài hàng mấy ngày, và trông như người hấp hối. Đến đêm thứ ba, vì không chịu nổi sự tức thở, José Arcadio đành tới phòng Aureliano nhờ đến một hiệu thuốc gần đây mua giúp một ít thuốc bột để về xông đường hô hấp. Thế là Aureliano ra khỏi nhà lần thứ hai. Chú chỉ cần qua hai ô phố là đã đến một hiệu thuốc có những tủ kính đầy bụi bặm đựng những lọ sành nhãn ghi tên thuốc bằng tiếng Latinh; ở đó, một cô gái có sắc đẹp bí ẩn của một con rắn vùng sông Nil, bán cho chú thứ thuốc mà José Arcadio đã ghi trên giấy. Lần thứ hai nhìn thấy phố xá hoang vắng, lúc này đang nằm trong ánh sáng vàng vọt của những ngọn đèn đường, Aureliano cũng chẳng tò mò hơn lần trước. Khi José Arcadio tưởng rằng Aureliano đã trốn đi mất rồi thì thấy chú trở về, lúc ấy Aureliano hơi tức thở một chút vì vội vàng, vì cổ lê đôi chân mềm yếu và chậm chạp do bị tù túng và thiếu hoạt động. Thái độ dửng dưng với thế giới bên ngoài của chú được thể hiện quá rõ ràng cho nên sau đó vài ngày, khi José Arcadio không thực hiện lời hứa với mẹ mình, đã cho phép Aureliano tự do đi đến nơi mà chú muốn, Aureliano đã trả lời: - Cháu chẳng có việc gì làm ở ngoài đường cả.

Aureliano tiếp tục tự giam mình trong phòng và vùi đầu vào những tấm da thuộc, dần dần chú đọc được những điều ghi trên đó nhưng vẫn chưa diễn giải được nội dung của chúng. José Arcadio mang đến phòng cho Aureliano những lát giấm-bông và những hoa trái ngọt ngào để lại trên miệng dư vị của mùa xuân, và có hai lần còn cho cả rượu ngon nữa. José Arcadio không quan tâm đến những tấm da thuộc mà anh ta coi là một trò tiêu khiển bí ẩn, nhưng lại chú ý đến sự thông thái kỳ lạ và kiến thức về thế giới không hiểu vì sao có được ở thằng cháu ưu sầu ấy của mình. Anh ta biết rằng Aureliano có khả năng đọc được tiếng Anh và trong khi nghiên cứu những tấm da thuộc Aureliano còn đọc từ đầu chí cuối sáu tập bách khoa toàn thư như đọc tiểu thuyết. Thoạt đầu anh ta cho là như vậy khi thấy Aureliano có thể nói về Roma như là đã từng sống ở đó nhiều năm, nhưng ngay sau đó anh ta biết

rằng Aureliano còn biết nhiều thứ không có trong bách khoa toàn thư, ví dụ như giá hàng chẳng hạn. “Người ta biết tất”, đó là câu trả lời duy nhất của Aureliano khi José Arcadio hỏi chú rằng làm thế nào mà có được hiểu biết đó. Về phần mình, Aureliano ngạc nhiên vì thấy khi nhìn gần José Arcadio rất khác với hình ảnh mà mình ghi nhận khi nhìn anh ta đi đi lại lại trong nhà: José Arcadio là người có thể cười, thỉnh thoảng có thể tự cho phép mình nuối tiếc quá khứ của gia đình, và có thể bắn khoản về cảnh nghèo nàn trong căn phòng của Melquíades. Việc nhích lại gần nhau ấy giữa hai người cô đơn cùng dòng máu còn xa mới đạt đến một tình hữu nghị, nhưng nó cho phép họ chịu đựng được nỗi cô đơn sâu lắng không thể nào đo, nỗi cô đơn ấy vừa làm cho họ xa nhau vừa làm cho họ gần nhau. Khi ấy, José Arcadio có thể nhờ Aureliano giải quyết giúp những khó khăn nhất định trong những việc nhà mỗi ngày một nặng nề thêm. Aureliano thì đã có thể ngồi đọc ở ngoài hành lang, nhận những bức thư thường xuyên đến đúng hạn của Amaranta Úrsula và có thể sử dụng cái phòng tắm mà khi mới về José Arcadio đã không cho chú bén mảng tới.

Một sớm nóng nực cả hai người bị đánh thức bởi những tiếng gõ công khẩn cấp. Người đến nhà là một ông già đen đui có đôi mắt to và xanh đem lại cho gương mặt ông ta một thứ ánh lân tinh ma quái, trên trán in hình chữ thập tro thánh. Bộ quần áo mạt hạng, đôi giày rách, chiếc ba lô cũ đeo trên vai là hành trang duy nhất, những thứ đó khiến ông ta có vẻ một người hành khất, nhưng tư thế của ông ta lại đĩnh đạc khác hẳn với cái vẻ ngoài ấy. Chỉ cần nhìn qua ông ta một lần, dù là ở trong phòng khách tối mờ, cũng đủ nhận biết rằng sức mạnh huyền bí đã cho phép ông ta sống được không phải là bản năng sinh tồn mà là thói quen sợ sệt. Đó là Aureliano Buendía Amador, người duy nhất trong số mười bảy người con của đại tá Aureliano Buendía còn sống sót, đang đi tìm một chút nghỉ ngơi trong cuộc sống trốn tránh rất dài và đầy mạo hiểm của mình. Ông ta tự giới thiệu rồi cầu xin cho phép ẩn náu trong ngôi nhà này, ngôi nhà mà trong những đêm khôn khở ông ta vẫn hằng nghĩ tới và coi là nơi trú ẩn an toàn cuối cùng còn lại trong đời mình. Nhưng José Arcadio và Aureliano không nhận ra ông ta. Họ nghĩ rằng ông ta là một kẻ du thủ du thực nên đã đẩy ông ta ra đường. Đến lúc ấy, từ công hai người chứng kiến cái cảnh chót của tấn thảm kịch mở màn từ trước khi José Arcadio biết nhận xét. Hai nhân viên cảnh sát, từng truy nã Aureliano Amador trong nhiều năm và như chó bám theo ông khắp nửa trái đất, bỗng nhô lên giữa đám những cây hạnh đào phía hàng rào đôi diện, bắn ông hai phát súng mô-de, đạn xuyên thẳng vào đầu chú thập tro thánh.

Thực ra, từ khi đuôi bọn trẻ con khỏi nhà, José Arcadio thường đợi tin tức về một con tàu vượt Đại Tây Dương sẽ rời bến trước lễ Noel để đi Napoli. José Arcadio đã nói với Aureliano điều đó, anh ta còn vạch kế hoạch

để Aureliano tiến hành một cuộc kinh doanh lấy tiền sinh sống, vì từ sau đám tang Fernanda những chiếc làn thực phẩm không được chuyên tới nữa. Nhưng, cái giấc mơ cuối cùng ấy của José Arcadio cũng không được thực hiện. Một buổi sáng tháng chín, sau khi uống cà phê với Aureliano ở nhà bếp, José Arcadio đi tắm theo lệ thường và khi anh ta sắp tắm xong, thì bốn đứa trẻ đã bị đuổi ra khỏi nhà bỗng ập vào theo lối những lỗ hổng trên mái ngói. Không để cho José Arcadio có thời gian tự vệ, chúng mặc nguyên cả quần áo nhảy vào bồn tắm, túm tóc và dìm đầu anh ta xuống nước, cho tới khi trên mặt nước không còn nổi lên một chút bọt nào của hơi thở hấp hối nữa, tắm thân như cá heo của José Arcadio bất động và tái nhợt nằm duỗi dài dưới đáy nước thom. Sau đó chúng mang đi ba túi tiền vàng mà chỉ có chúng và nạn nhân của chúng mới biết nơi cất giấu. Đó là một việc làm nhanh chóng, có phương pháp và tàn bạo, giống như một cuộc tấn công của những nhà quân sự. Aureliano ở trong phòng kín nên không hay biết gì. Buổi chiều hôm ấy, khi ở bếp, Aureliano nhớ José Arcadio nên đi tìm anh ta khắp nhà và thấy anh ta nổi trên mặt nước thom trong bồn tắm, đã trương phình, nhưng lòng vẫn còn nghĩ đến Amaranta. Đến lúc ấy Aureliano mới biết mình đã bắt đầu yêu mến anh ta như thế nào.

CHƯƠNG 19

Amaranta Úrsula trở về vào đầu tháng mười hai, vui tươi và hớn hờ, dắt theo một anh chồng ngoan ngoãn bằng sợi thừng tơ buộc ở cổ. Cô trở về đột ngột, không hề báo trước mặc bộ đồ trắng ngà, đeo chuỗi ngọc dài đến tận đầu gối, cùng những chiếc nhẫn bằng ngọc bích và đá quý, mái tóc uốn tròn mượt mà, hai bên tóc mai uốn cong được cài mỏ chim én. Người đàn ông đã kết hôn với cô sáu tháng trước là một người Phần Lan, đã cứng tuổi, khỏe đẹp và có dáng dấp của một thủy thủ. Chưa cần đẩy cửa phòng ngoài, Amaranta Úrsula đã nhận ngay ra rằng so với dự định, mình vắng mặt đã quá lâu và trở về quá chậm. - Trời đất ơi, - cô kêu lên với vẻ vui sướng nhiều hơn là sợ hãi, - sao lại chẳng có một người đàn bà nào ở đây thế này! Hành lý của Amaranta Úrsula xếp ở hành lang không xuể. Ngoài chiếc rương cũ của Fernanda mà cha mẹ đã gửi tới trường cho, Amaranta Úrsula còn mang về hai tủ đựng quần áo bốn va li lớn, một bao tải đầy những chiếc ô che nắng, tám thùng mũ nan với chiếc lông to dùng nhốt năm chục chim yến, chiếc xe đạp ấy chân của chồng đã được tháo rời và dựng trong một bọc có thể xách như xách một cây đàn vi-ô-lông-xen. Sau chuyến đi dài, cô không nghỉ ngơi dù chỉ một ngày. Amaranta Úrsula vận chiếc quần bảo hộ lao động bằng vải dày đã sờn mà chồng mang về cùng một vài thứ áo quần của các tay đua mô tô, rồi bắt tay vào việc sửa sang ngôi nhà. Cô xua đuổi lũ kiến đỏ đã ngự trị hành lang, chăm sóc cho các khóm hồng tươi lại, nhổ sạch đến tận rễ các loại cỏ dại, trồng lại các chậu cây dương xỉ, kính giới và thu hải đường ở cạnh cầu thang. Amaranta Úrsula chỉ huy một đội thợ mộc, thợ khóa và thợ nề tiến hành việc trát lại những chỗ nứt nẻ trên nền nhà, chữa lại các cửa, sửa các loại bàn ghế, giường tủ và quét vôi trắng các bức tường cả bên trong lẫn bên ngoài, cho nên chỉ ba tháng sau khi cô trở về, không khí tươi trẻ và hội hè của thời kỳ có chiếc đàn dương cầm tự động xưa kia đã trở lại với ngôi nhà. Ở nhà này chưa hề có ai luôn luôn vui vẻ, vào bất kỳ lúc nào và bất kỳ hoàn cảnh nào như Amaranta Úrsula, chưa có ai sẵn sàng nhảy múa, ca hát và sẵn sàng vứt bỏ mọi đồ vật và các tập tục khô khan vào đồng rác như cô. Amaranta Úrsula chỉ quét một nhát chổi là hết sạch các kỷ mềm tang thương cùng các vật vô dụng và các thứ đồ tế lễ mê tín dị đoan xếp đống trong góc nhà, và cô chỉ giữ lại - để tỏ lòng biết ơn Úrsula - tấm hình của Remedios ở phòng ngoài: “Đẹp quá này” - cô kêu lên và cười ngặt nghẽo - “Một bà cụ mười bốn tuổi!”. Khi một người thợ nề bảo rằng trong nhà này có rất nhiều ma quái và chỉ có thể đuổi chúng đi bằng cách tìm ra những báu vật mà người ta đã chôn cất, thì Amaranta Úrsula cười khanh khách và nói rằng cô không tin vào những chuyện dị đoan. Amaranta Úrsula rất tự nhiên, thoải mái, có tinh thần mới mẻ và phóng khoáng đến mức khi nhìn thấy cô

Aureliano đâm ra lúng túng. “Thật tuyệt vời”, - Amaranta Úrsula reo lên sung sướng, với đôi tay rộng mở. - “Người ăn thịt đồng loại đáng kính của tôi đã trưởng thành biết bao”! Trước khi Aureliano kịp phản ứng, Amaranta Úrsula đã đặt đĩa hát vào chiếc máy hát xách tay mà cô mang theo và dạy anh những điệu nhảy tân thời. Cô bắt Aureliano bỏ những chiếc quần bản thiu thừa kế của đại tá Aureliano Buendía, cô tặng Aureliano những chiếc áo kiểu trẻ trung và đôi giày hai màu, rồi bắt anh ra đường mỗi khi anh ở quá lâu trong căn phòng của Melquíades. Amaranta Úrsula hoạt bát, mảnh mai và bướng bỉnh như Úrsula, xinh đẹp và kêu gọi như Remedios - Người đẹp, cô có một bản năng bẩm sinh rất lạ lùng về khả năng đi trước thời thượng. Khi qua đường bu rục nhận hình vẽ các mô-tơ mới nhất, ngay lập tức Amaranta Úrsula biết rằng cô đã không nhầm khi nghĩ ra những kiểu mẫu đó, và đó chính là những mẫu được cô may trên chiếc máy quay tay thô sơ của Amaranta. Cô đã đặt mua nhiều tạp chí về mô-tơ trang và tờ thông tin về nghệ thuật và âm nhạc dân gian xuất bản ở châu Âu, và chỉ thoáng qua Amaranta Úrsula đã biết ngay rằng mọi chuyện diễn ra đúng như cô mừng tượng từ trước. Không thể hiểu nổi vì sao một người đàn bà có đời sống tinh thần như vậy lại trở về lệt tệt trần lạng như chết và chìm đắm trong bụi bặm và nóng nực này, nhất là lại về với một người chồng có thừa tiền để sống ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới và yêu vợ đến mức để cho vợ dùng thùng tơ buộc cổ lòi đi. Nhưng, càng ngày càng thấy rõ rằng Amaranta Úrsula có ý định ở hẳn lại đây bởi vì cô chỉ chấp nhận những chương trình lâu dài, và chỉ làm những gì phục vụ việc chuẩn bị cho một cuộc sống thuận tiện và một tuổi già yên tĩnh ở Macondo. Chiếc lồng chim yếm cho thấy những ý định ấy không phải là ngẫu nhiên. Khi Amaranta Úrsula nhớ lại rằng mẹ cô có viết trong một bức thư về chuyện chim chóc bị hủy diệt, cô liền hoãn ngay lại một vài tháng chờ đến khi có một chiếc tàu từng ghé qua vùng đảo Fortunate và trên chiếc tàu đó cô đã chọn được hai mươi lăm đôi chim yếm đẹp nhất để mang về gây lại giống trên bầu trời Macondo. Trong rất nhiều sáng kiến không thực hiện được của Amaranta Úrsula, đây là điều đáng tiếc nhất. Cô đã thả từng đôi chim yếm ra với ý định để cho chúng sinh sôi nảy nở, nhưng chúng đã vụt bay khỏi Macondo trước khi nhận ra rằng chúng được tự do. Cô đã cố gắng giữ chúng lại một cách vô ích bằng chiếc lồng mà Úrsula đóng trong lần sửa sang nhà cửa đầu tiên. Cô đã làm những chiếc tổ giả bằng cối ở trên cây hạnh đào, rắc hạt kê lên mái ngói và dùng tiếng hót của những con chim trong lồng để gọi những con chim kia quay lại, nhưng tất cả đều vô ích, vì chúng càng có ý định bỏ đi, chúng chỉ bay một vòng trên trời để tìm đường trở về vùng đảo Fortunate.

Một năm sau khi trở về, mặc dù chưa có một quan hệ bạn bè thân mật và chưa mở một hội vui nào, nhưng Amaranta Úrsula vẫn tin rằng có thể khôi

phục được cái cộng đồng đang ở trong tình trạng bất hạnh đó. Gaston, chồng cô, luôn luôn giữ ý để không va chạm với vợ, mặc dù ngay từ buổi trưa nhớ đời ấy khi từ tàu hỏa bước xuống, ông ta đã cho rằng quyết định của vợ mình là do ảo giác của sự nhớ nhung quê hương gây nên. Tin chắc rằng quyết định đó sẽ bị thực tế làm thay đổi, nên ngay cả việc lắp lại chiếc xe đạp ông ta cũng chẳng làm, mà chỉ đi kiếm những trứng nhện đẹp nhất trong các mạng nhện mà đám thợ nề hất xuống, lấy móng tay xé ra rồi để hàng giờ dùng kính lúp xem những con nhện bé li ti từ trong đó chui ra. Sau đó, cho rằng Amaranta Úrsula tiếp tục làm các công việc cải tạo kia vì không muốn cánh tay trở nên vụng về và biến dạng, Gaston liền lắp lại chiếc xe đạp bánh trước lớn gấp bội bánh sau, rồi lại tìm bắt và mổ xẻ những con sâu bọ lạ mà ông ta thấy ở quanh nhà bỏ vào các lọ đựng mút hoa quả rồi gửi cho người thầy cũ dạy lịch sử tự nhiên ở trường đại học Liège, ở đó ông đã học rất tốt môn sinh vật mặc dù luôn luôn có ý muốn trở thành người lái máy bay. Khi đi xe đạp, Gaston mặc loại quần của người làm xiếc trên dây, đi đôi tất sắc sỡ và đội chiếc mũ kiểu thám tử, nhưng khi đi bộ ông lại mặc một bộ đồ đẹp hết ý bằng vải gai thô, đi giày trắng, thắt cà vạt nhỏ bằng lụa, đội mũ nan vành phẳng và tay cầm gậy song. Gaston có đôi mắt màu xám nhạt làm nổi thêm phong độ của một thủy thủ, bộ ria hung hung màu lông sóc. Mặc dù Gaston hơn vợ chỉ ít là mười lăm tuổi, nhưng ông có những ý thích rất trẻ trung, luôn luôn muốn làm cho vợ được hạnh phúc và có những phẩm chất của một người tình tốt tất cả những điều đó bù đắp cho sự cách biệt về tuổi tác giữa hai người. Thực ra những ai nhìn thấy người đàn ông ngoại tứ tuần, có những thói quen rất thận trọng, luôn luôn phục tùng vợ ấy và thấy chiếc xe đạp ấy chân - kiểu xe trong rạp xiếc - của ông ta, đều không thể nghĩ rằng giữa ông ta và người vợ trẻ có sự hòa hợp trong một tình yêu phóng túng, rằng ở những nơi không thuận tiện nhất, bất ngờ nhất, họ luôn luôn thỏa mãn với nhau như thuở ban đầu gặp gỡ và có một cảm hứng yêu đương mỗi ngày một sâu sắc hơn, phong phú hơn. Gaston không chỉ là một người tình mãnh liệt, có sự hiểu biết và trí tưởng tượng không bao giờ cạn, mà có lẽ là người đầu tiên trong lịch sử yêu đương đã làm một cuộc hạ cánh khẩn cấp để đến nỗi suýt nữa thì toi mạng cùng với người yêu, chỉ bởi vì muốn làm chuyện ái ân bên trên một cánh đồng hoa violet.

Gaston và Amaranta Úrsula quen nhau từ ba năm trước ngày cưới, khi chiếc máy bay thể thao cánh kép có vỏ bằng vải dày và nhôm dát mỏng của Gaston đã bay một đường bay dừng cảm để tránh đâm vào cột cờ và phần đuôi của nó bị mắc chặt vào dây điện nên Gaston đã phải nhảy xuống sân trường của Amaranta Úrsula. Thế là từ đấy, mặc dù chân bị nẹp, cứ cuối tuần Gaston lại đến nhà trọ của những người phụ nữ theo đạo, nơi Amaranta cư trú thường xuyên - ở đó nội qui cũng chẳng ngặt nghèo lắm như Fernanda

mong muốn - để đón cô đến câu lạc bộ thể thao của anh. Họ bắt đầu yêu nhau trên độ cao năm trăm mét, trong ngày chủ nhật khi bay trên những cánh đồng hoang, và họ càng thấy gắn bó với nhau hơn khi thấy mình là những con người quá nhỏ bé trên trái đất. Amaranta Úrsula nói về Macondo như thể đó là một xóm làng rục rờ và thanh bình nhất trên thế giới, nói về ngôi nhà lớn luôn ngào ngạt mùi hoa kinh giới, cô muốn sống ở đó đến già với người chồng chung thủy và hai đứa con trai bướng bỉnh mà sẽ có tên là Rodrigo và Gonzalo chứ không bao giờ chúng là Aureliano hoặc José Arcadio và một đứa con gái sẽ có tên là Virginia chứ nhất định không là Remedios. Amaranta Úrsula nhắc nhở thường xuyên đến làng quê đã được lý tưởng hóa bằng nỗi nhớ nhung, khiến cho Gaston hiểu rằng cô sẽ không lấy chồng nếu như không được đưa về sống ở Macondo. Gaston chấp thuận cũng như sau này chấp thuận theo ý thích của vợ, bởi vì tin rằng đó chỉ là một khát vọng nhất thời mà rồi nó sẽ bị thời gian xóa đi. Nhưng khi đã qua hai năm sống ở Macondo mà thấy Amaranta Úrsula vẫn hoan hỷ như ngày mới về thì Gaston bắt đầu thấy dấu hiệu báo động. Cho đến lúc ấy, ông đã mở xẻ biết bao nhiêu sâu bọ ở vùng này, đã nói tiếng Tây Ban Nha như người địa phương và đã điền kín các ô đồ chữ trên những tờ tạp chí mà họ nhận được qua đường bưu điện. Gaston không thể lấy cớ về khí hậu để sớm trở về, vì thiên nhiên đã phú cho ông một buồng gan có thể thích nghi dễ dàng với những miền đất xa lạ, có thể chịu đựng được cái nóng ngọt ngào ban trưa và thứ nước có bọt gậy ở bên trong. Anh rất thích món ăn đặc sản của địa phương, có lần đã ăn hết tám mươi hai quả trứng thần lẩn. Ngược lại, Amaranta Úrsula mang theo cá và các loại hải sản ướp trong các thùng nước đá, thịt hộp và mứt hoa quả, vì cô chỉ ăn được những thứ đó thôi; cô vẫn mặc theo kiểu châu Âu và nhận hình vẽ các loại mốt ăn vận qua đường bưu điện dù chẳng đi đâu và chẳng thăm ai, và mặc dù anh chồng đã chẳng còn hào hứng lắm với việc khen ngợi những bộ đồ ngắn, những chiếc mũ len đội lệch và những dây trang sức quần đến bảy vòng mới hết của cô. Có lẽ điều bí ẩn của Amaranta Úrsula là ở việc cô luôn luôn tìm cách để bận rộn, cô làm những việc trong nhà do mình nghĩ ra, làm ầu một số việc để rồi ngày hôm sau lại sửa chữa, với một sự vội vàng nguy hiểm từng khiến Fernanda nghĩ đến cái tật xấu di truyền ở trong cái nhà này là làm để rồi phá. Amaranta Úrsula vẫn giữ tính vui nhộn, cho nên khi nhận được đĩa hát mới cô lại bảo Gaston ở lại trong phòng ngoài rất lâu để tập những điệu nhảy mà các bạn học của cô đã minh họa bằng hình vẽ, và sau đó họ thường kết thúc bằng những cuộc mây mưa trên những chiếc ghế xích đu sản xuất ở thành phố Wien hoặc trên nền nhà không trải thảm. Chỉ cần có con nũa thôi là Amaranta Úrsula hạnh phúc hoàn toàn, nhưng cô tôn trọng điều đã cam kết với chồng là chưa sinh đẻ trước khi chung sống được đủ năm năm. Để khỏi trống trải trong những giờ nhàn rỗi, Gaston đến phòng Melquíades với anh chàng Aureliano lánh đời. Gaston rất

thích thú kể với Aureliano về những nơi thân thuộc nhất trên quê hương mình mà Aureliano hiểu biết tường tận như thể từng sống ở đó nhiều năm. Khi Gaston hỏi làm thế nào để biết được những điều không ghi trong bộ bách khoa toàn thư, ông nhận được chính câu mà Aureliano đã trả lời José Arcadio: “Người ta biết tất cả”. Ngoài tiếng Phạn, Aureliano đã biết tiếng Anh, tiếng Pháp, chút ít tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp. Vì trong thời gian đó Aureliano ra khỏi nhà vào các buổi chiều và được Amaranta Úrsula dành cho khoản tiền chi tiêu hàng tuần lên phòng anh giống một bộ phận của hiệu sách ông già thông thái xứ Catalunya. Aureliano đọc một cách tham lam cho đến tận khuya, mặc dù qua cách đọc của Aureliano, Gaston nghĩ rằng không phải Aureliano mua sách để tìm các thông tin mà là để kiểm nghiệm xem những kiến thức của mình có chính xác không, và chẳng thích cuốn sách nào hơn những bản viết trên tấm da thuộc mà anh đã dành cho chúng những khoảng thời gian tốt nhất của buổi sớm mai. Cả Gaston và vợ đều muốn hòa mình vào cuộc sống gia đình, nhưng Aureliano là một người thâm kín, trong anh có một lớp mây mù bí ẩn mỗi ngày một dày đặc thêm. Gaston không thể nào thân mật với Aureliano được, và ông phải tìm trò tiêu khiển khác để giải buồn trong những lúc rỗi rãi. Lúc ấy ông nảy ra ý định lập một đường bưu điện hàng không. Đó không phải là một đề án mới mẻ. Thực ra, Gaston đã có ý định ấy ngay từ khi quen biết Amaranta Úrsula, có điều là khi xưa không phải ông định thiết lập cho Macondo mà cho xứ Congo thuộc Bỉ, nơi gia đình ông có những khoản vốn đầu tư vào việc sản xuất dầu cọ. Đến khi lấy Amaranta Úrsula rồi, ông quyết định sẽ sống ở Macondo một vài tháng để chiều lòng vợ nên đành hủy bỏ dự kiến trên. Nhưng khi Gaston thấy Amaranta Úrsula kiên trì tổ chức những cải cách công cộng và thậm chí còn cười khi ông nói bóng nói gió đến khả năng trở về quê hương, khi ông hiểu rằng mọi chuyện đã đi quá xa, và thế là Gaston lại nối đường liên hệ với những người bạn thân ở Brussels mà lâu nay ông quên lãng, và ông nghĩ rằng để trở thành một người hướng đạo thì vùng Ca-ri-bê hay là châu Phi cũng như nhau mà thôi. Trong khi mọi việc đang tiến triển, Gaston chuẩn bị một bãi hạ cánh trên khu đất rộng hoang vu giống như một cánh đồng khô cứng nứt nẻ, và ông nghiên cứu hướng gió, nghiên cứu địa lý vùng duyên hải và những đường bay thích hợp, mà không hề biết rằng việc làm cẩn thận của mình - rất giống với việc làm của ngài Herbert đã gây nên một sự nghi ngờ rất nguy hiểm trong dân làng, họ nghĩ rằng mục đích của ông không phải là mở đường mà là trồng chuối. Phấn khởi với cái điều bất chợt nghĩ ra mà cuối cùng dẫu sao cũng xác định lý do của việc ông dứt khoát ở lại Macondo, Gaston đã đến tỉnh lỵ vài lần, gặp các nhà chức trách, lấy được giấy phép và ký được những hợp đồng độc quyền. Trong khi đó, ông tiếp tục trao đổi thư từ với những người bạn thân ở Brussels, giống như quan hệ thư tín giữa Fernanda và các thầy thuốc không nhìn thấy được, thuyết phục họ rằng hãy

gửi chiếc máy bay đầu tiên đến cùng với một tổ thợ máy lão luyện để lắp ráp nó ở hải cảng gần nhất rồi từ đó bay đến Macondo. Một năm sau khi bắt đầu đo lường và tính toán về khí tượng, tin tưởng vào những lời hứa hẹn được nhắc đi nhắc lại của những người trao đổi thư từ với mình, Gaston đã có thói quen vừa đi đường vừa nhìn lên trời, lắng nghe tiếng gió, chờ mong máy bay xuất hiện.

Việc Amaranta Úrsula trở về đã đưa đến sự thay đổi căn bản trong cuộc sống của Aureliano mặc dù cô không để ý thấy điều đó. Sau khi José Arcadio chết, Aureliano trở thành một khách hàng thường xuyên của ông già thông thái người xứ Catalunya. Hơn nữa, lúc này Aureliano được tự do và có thời gian. Những điều ấy khơi dậy trong anh một sự tò mò nhất định đối với cái thị trấn mà anh chẳng hề lạ lẫm. Trên những con đường vắng vẻ và bụi mù, với sự quan tâm mang tính khoa học hơn là tính nhân đạo, Aureliano vừa đi vừa xem xét phía bên trong của những ngôi nhà đổ nát, những tấm lưới sắt ở các cửa sổ đã bị gỉ, và các bầy chim hấp hối cùng những con người đã bị kỷ niệm làm cho nhu nhược đi. Với trí tưởng tượng, anh định khôi phục lại vẻ rực rỡ đã bị hủy hoại của thành phố thời Công ty chuối mà lúc này chiếc bể bơi ở đó đã khô cạn, chất đầy giày đàn ông và dép đàn bà, trong những ngôi nhà hoang tàn Aureliano thấy bộ xương của một con chó Đức còn bị cột vào một chiếc vòng bằng sợi xích sắt, và một máy điện thoại chuông cứ réo liên hồi, khi Aureliano nhắc ông nghe lên, anh hiểu được điều mà một người đàn bà đau khổ và cổ xưa hỏi bằng tiếng Anh trong máy, anh trả lời rằng đúng như vậy, cuộc đình công đã kết thúc, ba ngàn xác người chết đã bị đổ xuống biển, Công ty chuối đã bỏ đi và đã từ nhiều năm nay Macondo trở lại thanh bình. Những cuộc đi dạo đó đã đưa Aureliano đến xóm lâu xanh điêu tàn, ở đó xưa kia người ta đốt hàng năm tiền để mua vui cho các cuộc sống nhảy nhót, bây giờ đó là khu vực của những đường phố tang thương nhất, với một vài ngọn đèn đỏ còn đang thấp, những phòng nhảy vắng tanh được trang trí bằng những chiếc miện bỏ đi, ở đó những người vợ góa chẳng của ai cả, xanh rớt và béo ị, những bà lão người Pháp và những chủ chứa người Babilon vẫn tiếp tục đợi chờ bên cạnh những chiếc máy hát quay tay. Aureliano không thấy ai nhớ gì đến gia đình anh, ngay cả đến đại tá Aureliano Buendía cũng không được nhớ tới nữa, trừ một người đàn ông già nhất trong số những người da đen ở vùng Antidat, một ông già có mái tóc trắng như bông trông giống hình người trong tấm phim âm bản, đang tiếp tục hát ở dưới mái hiên những khúc ca thê thảm về buổi chiều tàn. Aureliano nói chuyện với ông già bằng thứ thổ ngữ của vùng Curaçao anh đã học được trong có vài tuần, và thỉnh thoảng cùng ăn với ông món canh đầu gà do cô gái gọi ông ta bằng cố nấu cho. Đó là một cô gái da đen to lớn, xương cốt cứng cỏi, háng như háng ngựa, cặp vú như hai quả dưa tươi, mái đầu tròn và

đẹp có chụp một chiếc lưới giữ tóc bằng dây đồng trông giống như chiếc mũ bịt đầu của một chiến binh thời Trung cổ. Cô ta tên là Nigromanta. Đạo ấy Aureliano bán những bộ đồ ăn, giá đắt nên và những thứ đồ cũ khác của nhà để lấy tiền ăn. Khi không có một xu dính túi, và thường là như vậy, Aureliano đến các quán ăn trong chợ, ở đó người ta cho anh những đầu gà lẽ ra vứt vào đồng rác, Aureliano mang về cho Nigromanta nấu canh, cô ta còn bỏ rau thơm vào cho thêm ngon lành. Khi ông cụ chết rồi, Aureliano không năng lui tới nhà Nigromanta như trước nữa, nhưng vẫn gặp cô ta dưới bóng tối những cây hạnh đào ở ngoài quảng trường khi cô ta đang gạ gẫm những khách chơi đêm hiếm hoi bằng tiếng huýt gió như tiếng thú rừng. Nhiều lần Aureliano cặp kè bên cạnh Nigromanta và nói với cô, bằng thứ tiếng của xứ Curaçao về món canh đầu gà và những thứ ngon lành thú vị khác của cảnh nghèo hèn, và chắc là Aureliano cứ tiếp tục như vậy nếu như Nigromanta không bảo cho anh biết rằng việc anh đi với cô sẽ làm cho cô mất khách. Mặc dù có những lần Aureliano cảm thấy thèm khát và chính Nigromanta cũng đồng cảm và muốn chia sẻ với anh, nhưng hai người vẫn chưa ăn nằm với nhau. Bởi vậy cho đến khi Amaranta Úrsula trở về Macondo và ôm hôn anh một cách thân tình khiến anh lạng người đi, thì Aureliano vẫn còn là một chàng trai chưa biết mùi đời. Mỗi lần Aureliano nhìn thấy Amaranta Úrsula, và tệ nhất là những lúc cô dạy anh những điệu nhảy mới mẻ, Aureliano lại có cảm giác đê mê trong xương cốt, đó chính là cái cảm giác đã từng làm cho cụ tổ năm đời của anh mù người đi khi Pilar Ternera kiếm cớ xem bói bài cho cụ ở kho ngô. Cố nén nỗi đau khổ trong lòng, Aureliano vùi đầu vào những dòng chữ trên tấm da thuộc và tránh sự khêu gợi ngây thơ của người đàn bà đã từng làm anh mất ngủ nhiều đêm vì bị sự thèm khát không được thỏa mãn giày vò; nhưng càng tránh Amaranta Úrsula thì anh lại càng khao khát chờ nghe tiếng cười khanh khách, tiếng rên như tiếng mèo gừ của cô cất lên trong khi đang sung sướng thỏa mãn tình dục vào bất kỳ lúc nào và ở những chỗ bất ngờ nhất trong nhà. Một đêm, trên chiếc bàn lớn ở xưởng kim hoàn, chỉ cách giường của Aureliano mười mét, vợ chồng Amaranta Úrsula đã diễn các trò ái ân một cách cuồng nhiệt, không còn biết trời đất là gì nữa. Đêm ấy, chẳng những Aureliano không thể chợp mắt, mà ngay hôm sau anh vẫn còn hàm hập như sốt và bực tức đến phát khóc lên. Với Aureliano, sẽ chẳng bao giờ mất đi cái đêm đầu tiên anh chờ đợi Nigromanta trong bóng tối những cây hạnh đào, cố vượt lên nỗi lo lắng, do dự, tay nắm chặt một đồng rưỡi peso mà anh đã xin của Amaranta Úrsula, không phải anh xin tiền vì cần tiêu, mà là để trả thù Amaranta Úrsula, làm nhục cô bằng việc dùng số tiền đó đi mua dâm ở người con gái khác. Nigromanta dẫn Aureliano vào căn buồng có ánh sáng mờ ảo của những ngọn nến tắt hạm, đến chiếc giường ngủ là tấm ván kê trên đôi mễ và có trải tấm vải đã nhàu bần sau những cuộc truy hoan, tiếp đón Aureliano bằng tấm thân đã dày dặn, trơ trẽn và không hề

bộc lộ một chút tình cảm, cô chuẩn bị tư thế để vắt cổ Aureliano như vắt cổ một chú bé còn nhút nhát, nhưng ngay lập tức Nigromanta đã nhận thấy ở anh ta một người đàn ông dữ dội khiến cô phải quặn quại toàn thân. Aureliano và Nigromanta cặp bồ với nhau.

Aureliano dành buổi sáng để đọc các ký hiệu trên những tấm da thuộc, buổi trưa anh đến cái phòng ngủ đầy kích thích kia, ở đó Nigromanta chờ đợi để bày cho anh hết ngón chơi này đến ngón chơi khác, cho đến khi cô ta phải rời Aureliano ra để đi rình bắt những “con bò lạc” khác. Cứ như vậy đến vài tuần sau Aureliano mới phát hiện ra rằng ở thắt lưng Nigromanta có một sợi dây nhỏ như được làm bằng dây đàn vi-ô-lông-xen nhưng rắn như thép và không có chỗ nối vì nó sinh ra và lớn lên cùng với cô ta. Gần như lần nào cũng vậy, giữa các đợt mây mưa, họ trần truồng và ăn ngay trên giường, trong cái nóng khủng khiếp và dưới những ngôi sao ban ngày có thể nhìn thấy qua các lỗ thủng trên mái tôn bị gỉ. Lần đầu tiên Nigromanta có một người đàn ông thường trực, một “cái cọc” như chính cô gọi trong khi cười ngất, điều đó khiến cho Nigromanta đã bắt đầu có ảo tưởng ở tình yêu và ảo tưởng đó chỉ chấm dứt khi Aureliano thú thật nỗi khát khao không được thỏa mãn với Amaranta Úrsula mà sự thay thế của Nigromanta không thể làm nguôi đi, ngược lại, lòng anh lại càng bị giày vò hơn khi kinh nghiệm khiến cho chân trời tình ái rộng mở thêm. Thế là, tuy vẫn tiếp Aureliano nồng nàn như trước, nhưng Nigromanta đòi thù lao một cách gay gắt, đến mức khi Aureliano không có tiền trả, cô đã ghi nợ, không phải ghi bằng chữ số mà bằng những vạch móng tay ở mặt sau cánh cửa. Tối đến, khi Nigromanta đi lang thang trong bóng tối ở quảng trường thì Aureliano đi đi lại lại ở hành lang như một người khách lạ trong nhà, anh chào hỏi qua loa Amaranta Úrsula và Gaston - hàng ngày vợ chồng họ ăn tối vào giờ này - rồi quay về phòng, đóng cửa lại, anh không thể đọc, không thể viết và thậm chí không thể nghĩ ngợi được gì, cứ nôn nao vì những tiếng cười đùa bốn cột dạo đầu và sự bùng nổ sau đó của việc tận hưởng lạc thú diễn ra suốt đêm của đôi vợ chồng kia. Đó là cuộc sống của Aureliano trong hai năm trước khi Gaston bắt đầu chờ máy bay đến, và cứ như vậy cho tới một buổi chiều Aureliano đến quán sách của ông già thông thái người xứ Catalunya và gặp bốn chàng trai lăm lăm đang cãi nhau gay gắt về các biện pháp diệt gián ở thời Trung cổ. Ông chủ quán sách biết rằng Aureliano thích những chón mà trước kia chỉ có thánh Beda Đáng chí tôn^[48] đọc thôi, đã khôn khéo mời anh tham gia cuộc tranh luận, và Aureliano nói một thôi một hồi rằng gián, theo sách Cựu ước là loài vật cánh xuất hiện sớm nhất trên trái đất đã chết nhiều nhất do bị đập bằng dép, nhưng là loài vật hoàn toàn bất trị với bất cứ biện pháp tiêu diệt nào, từ cà chua trộn muối bô-rắc đến bột mì trộn đường, bởi vì ngay từ thời rất xa xưa một ngàn sáu trăm lẻ ba loại gián đã chống đỡ lại sự truy đuổi

rất bền bỉ và không thương xót của loài người đối với bất kỳ loài vật nào, kể cả đối với chính bản thân loài người nữa, đến mức độ cùng với việc có bản năng sinh đẻ, loài người còn có bản năng giết gián, và nếu như loài gián thoát khỏi sự cuồng nộ của loài người thì chính là vì chúng đã ẩn nấp trong bóng tối, ở đó chúng không bị tổn thất, bởi loài người có nỗi sợ hãi bẩm sinh đối với bóng tối, nhưng ngược lại, chúng lại rất sợ ánh sáng giữa trưa, do vậy ở thời kỳ Trung cổ, hiện nay và mãi mãi sau này, biện pháp hữu hiệu duy nhất để diệt gián là dùng ánh sáng mặt trời. Cái thuyết định mệnh mang tính chất bách khoa ấy là cơ sở cho một quan hệ thân hữu sâu sắc giữa những người trẻ tuổi này. Từ ấy, chiều nào Aureliano cũng gặp bốn chàng trai hay tranh biện kia, đó là Álvaro, Germán, Alfonso và Gabriel, những người bạn đầu tiên và cũng là cuối cùng trong cuộc đời anh. Đối với một người đàn ông từng giam mình trong sách vở như Aureliano, những buổi học bão táp, bắt đầu ở hiệu sách từ lúc sáu giờ chiều và kết thúc ở các nhà chữa vào lúc sớm mai, là một sự khám phá. Cho đến lúc ấy, Aureliano vẫn chưa nghĩ rằng văn chương là một trò chơi được bày đặt ra để bỡn chọc người khác, như Álvaro đã cho anh thấy trong một đêm chè chén. Phải một thời gian sau Aureliano mới nhận ra rằng rất nhiều sự kỳ cục đã bắt nguồn từ tấm gương của ông già thông thái người xứ Catalunya. Đối với ông ta, sự hiểu biết chẳng có giá trị gì nếu như nó không được sử dụng để phát minh ra một phương pháp thổi làm sữa đậu. Buổi chiều mà Aureliano giảng giải về loài gián, cuộc tranh luận được kết thúc ở ngôi nhà của những cô gái bán thân nuôi miệng, đó là một nhà chứa ma quái ở ngoại ô Macondo. Chủ nhà là một người đàn bà tươi cười, luôn lo lắng về chuyện đóng cửa và mở cửa. Nụ cười vĩnh cửu của nụ cười như được tạo nên bởi sự nhẹ dạ của khách chơi, những người này cứ tin chắc rằng cái nhà chứa này là có thật, là chắc chắn, mặc dù thực ra nó chỉ tồn tại trong tưởng tượng mà thôi, bởi vì ở đây ngay cả những đồ vật có thể sờ thấy được cũng là không có thực: những chiếc ghế sẽ rời ra khi người ta ngồi xuống, tròng chiếc máy hát quay tay có con gà mái đang ấp trứng, vườn hoa gồm những bông hoa bằng giấy, lịch là lịch của những năm xa xưa, thuở Công ty chuối mới đến, những bức tranh là tranh cắt từ những tạp chí chưa in bao giờ. Đến cả những cô gái làm tiền nhút nhát từ những nhà bên chạy đến khi nụ cười thông báo là có khách đến cũng hoàn toàn không phải là người thật. Những cô gái ấy xuất hiện không chào hỏi ai, họ mặc những chiếc áo hoa của cái thuở lên năm tuổi hoặc ít hơn, họ cười ra với cử chỉ ngây thơ như khi mặc vào, và trong lúc sự ân ái lên đến đỉnh cao thì họ lại kêu lên một cách kinh ngạc rằng sao mà dữ dội thế, rằng hãy nhìn xem trần nhà đang sập xuống kia kìa, và ngày sau khi nhận một đồng rưỡi peso họ liền đem tất cả số tiền đó mua một chiếc bánh và một mẫu pho-mát mà nụ cười bán cho, lúc đó nụ cười vui vẻ hơn bất kỳ lúc nào khác vì chỉ có nụ cười mới biết rằng ngay cả những thứ đó cũng chẳng phải là thức ăn thật. Aureliano, mà lúc đó thế giới

của anh chỉ bắt đầu ở những tấm da thuộc chi chít chữ và kết thúc ở chiếc phản của Nigromanta, tìm thấy ở cái nhà chứa ma quái ấy một phương thuốc ngọc ngà cho sự nhút nhát của mình. Thoạt đầu Aureliano không dám đến một căn phòng mà mục chủ thường bước vào giữa những thời điểm tốt nhất của việc ân ái, ở đó mục ta bình luận mọi kiểu về sự khoái lạc của những người trong cuộc mây mưa. Nhưng dần dần anh ta trở nên quen thuộc với những bóng lờ mờ của trái đất, đến mức một đêm buông tuồng nhất anh ta đã trút bỏ quần áo ở ngoài phòng tiếp đón, vừa đi khắp nơi trong nhà vừa giữ thăng bằng một chai bia đặt trên các bộ phận thuộc giống đực rất khác thường của mình. Chính Aureliano là người đã bày đặt ra những kiểu chơi kỳ quái mà mục chủ hưởng ứng với nụ cười không biết tất trên môi, mục không phản đối cũng phòng tin những trò đó là có thật, cũng như thái độ của mục khi Germán định đốt ngôi nhà này để chứng minh rằng nó không tồn tại, hay là khi Alfonso vặn cổ con vẹt và ném nó vào cái chảo nước đang sôi bắt đầu luộc gà. Dù Aureliano thấy gắn bó với cả nhóm bằng những tình thân thiện và yêu mến duy nhất, đến mức anh nghĩ rằng bốn người kia chỉ là một, anh vẫn gần gũi với Gabriel hơn với ba người kia. Sự gắn bó ấy nảy sinh trong cái đêm mà vô tình Aureliano nhắc tới đại tá Aureliano Buendía, và Gabriel là người duy nhất không tin rằng Aureliano đang giễu cợt ai. Đến cả mục chủ, thường không xen vào những cuộc chuyện trò, lúc ấy cũng gân cổ lên mà cãi rằng đại tá Aureliano Buendía, người mà quả thật mục có nghe nói tới một vài lần, chỉ là một nhân vật mà chính phủ bịa ra để kiếm có giết những người Tự do. Ngược lại, Gabriel không hề tỏ ra nghi ngờ đối với sự thật về đại tá Aureliano Buendía, vì đại tá là chiến hữu và là người bạn nối khố của cụ tổ anh ta, đại tá Gerineldo Márquez. Những sự gợi nhớ không hẳn là có ý càng sâu sắc hơn khi họ nói về vụ tàn sát những người lao động. Mỗi khi Aureliano đụng đến chuyện đó, không chỉ mục chủ mà cả một số người lớn tuổi hơn mục đều phủ nhận những lời đồn đại về những người lao động bị vây chặt ở nhà ga, về đoàn tàu hai trăm toa chở xác chết, thậm chí họ còn khẳng định vào những điều đã được ghi trong những hồ sơ pháp lý và trong sách của trường tiểu học là Công ty chuối không hề tồn tại bao giờ cả. Aureliano và Gabriel gắn bó với nhau bằng một sự đồng cảm được xây dựng trên những sự kiện có thật mà chẳng ai tin, những sự kiện tác động đến cuộc sống của hai người tới mức họ thấy mình lưu lạc trong sự chao đảo của một thế giới đã bị tàn phá, ở đó chỉ còn lại một sự nhớ nhung mà thôi. Gabriel ngủ ở bất kỳ chỗ nào khi anh ta buồn ngủ. Một vài lần Aureliano để anh ta ngủ ở xưởng kim hoàn, nhưng ở đó anh ta thức trắng đêm vì bị văng đầu nhức óc bởi những tiếng động mà những người chết đi lại suốt đêm ở trong các phòng ngủ gây nên. Sau đó Aureliano gửi gắm Gabriel cho Nigromanta. Những lúc rỗi rãi cô ta đưa Gabriel về căn phòng tiếp khách làng chơi của mình và cô lại ghi nợ bằng những vạch dọc trên mặt sau cánh

cửa, ở những chỗ trống còn lại rất ít ỏi sau khi đã ghi nợ của Aureliano. Mặc dù sống rất bừa bãi, cả nhóm cũng cố gắng làm một việc gì đó có ý nghĩa lâu bền, theo yêu cầu của nhà thông thái xứ Catalunya. Với kinh nghiệm của một cựu giáo viên văn học cổ điển và với kho sách lạ lùng, cụ là người đã tạo điều kiện cho họ dành cả một đêm để tìm tình huống kịch thứ ba mươi bảy, ở một nơi mà chẳng một ai có ý muốn và có điều kiện để học quá bậc tiểu học. Bị quyến rũ bởi việc phát hiện ra tình bạn, mê mẩn bởi sự thôi miên của một thế giới mà trước đó bị tính hẹp hòi của Fernanda che lấp, Aureliano từ bỏ việc khám phá những chữ ghi trên tấm da thuộc, ngay giữa lúc những câu thơ bí ẩn đã bắt đầu hiện ra với anh. Nhưng sau khi biết chắc rằng vẫn còn đủ thời gian để làm tất cả mà vẫn không cần phải dứt bỏ những nhà chứa kia, Aureliano lại có ý chí để quay lại căn phòng của Melquíades, anh quyết định không nản lòng cho đến khi khám phá ra những khóa mã cuối cùng. Những điều đó xảy ra trong thời gian Gaston bắt đầu chờ đợi máy bay đến, và Amaranta Úrsula sống rất cô đơn. Một buổi sớm cô ta vào phòng của Melquíades: - Xin chào người ăn thịt đồng loại, - cô ta nói, - anh lại ở trong hang của mình rồi. Amaranta Úrsula đẹp không chịu được, cô mặc bộ đồ do cô may và đeo một trong những sợi dây chuyền dài cũng do chính cô làm bằng những đốt xương sống cá chăng. Amaranta Úrsula đã thả lỏng anh chồng, tin rằng chồng chung thủy, và đây là lần đầu tiên từ ngày về cô ta có vẻ thành thoi một chút. Aureliano chẳng cần nhìn cũng biết rằng cô ta đến. Amaranta Úrsula chống khuỷu tay lên mặt bàn, rất gần và rất dịu dàng khiến Aureliano như cảm nhận được những tiếng lao xao trong xương cốt của cô, và Amaranta Úrsula hỏi về những tấm da thuộc có viết chữ. Aureliano cố gắng chế ngự sự bối rối, lấy lại tiếng nói, sức sống và trí nhớ như đã biến đâu mất và nói với cô về số phận của tiếng Phạn, về khả năng khoa học có thể nhìn thấy tương lai hiện rõ trong thời gian như có thể đọc được chữ viết qua mặt sau của tờ giấy khi giờ mặt trước có chữ viết về phía ánh sáng, về sự cần thiết phải giải mã được những lời tiên đoán để không tự mình làm mình thất bại, về Những lời sấm truyền của Nostradamus và về sự hủy diệt của xứ Cantabria mà thánh Milanus^[49] đã báo trước. Đột nhiên, trong khi vẫn tiếp tục nói, như bị kích thích bởi một sự thôi thúc im ngủ từ lâu trong mình, Aureliano đặt tay mình lên tay Amaranta Úrsula và tin rằng cái quyết định cuối cùng kia sẽ chấm dứt cơn sóng gió. Nhưng Amaranta Úrsula nắm lấy ngón tay trở của anh với một cử chỉ âu yếm thơ ngây mà cô từng đối xử với anh nhiều lần thuở thơ bé, và cô cứ giữ như vậy trong khi Aureliano tiếp tục trả lời các câu hỏi của mình. Cứ như vậy, họ liên hệ với nhau qua một ngón tay trở giá lạnh chẳng truyền cảm gì cả, cho đến khi Amaranta Úrsula như sự tỉnh khỏi một giấc mơ thoáng qua và vỗ tay lên trán. “Lũ kiến!”, cô ta kêu lên như vậy. Thế là Amaranta Úrsula quên những bản chữ viết trên tấm

da thuộc và bước một bước nhẹ nhàng uyển chuyển ra đến cửa, và từ chỗ đó cô đưa ngón tay lên miệng gửi Aureliano một chiếc hôn gió, như chiếc hôn cô gửi cha mình trong buổi chiều xưa khi cô lên đường đi Brussels. - Anh sẽ giảng giải cho tôi sau nhé, - cô ta nói. - Tôi quên mất rằng hôm nay là ngày phải bỏ vôi vào các tổ kiến. Những khi có việc gì đó cần làm ở gần phòng Melquíades, Amaranta Úrsula vẫn vào phòng đó một cách ngẫu nhiên và ở lại một lát, trong khi chồng cô vẫn tiếp tục quan sát bầu trời. Sự thay đổi này làm nảy sinh ảo tưởng trong Aureliano, từ ấy anh ta cùng ăn với gia đình, đó là điều khác so với những tháng Amaranta Úrsula mới về. Anh làm cho Gaston thấy dễ chịu. Trong những câu chuyện quanh bàn sau bữa ăn, thường kéo dài đến hơn một giờ đồng hồ, Gaston tỏ ra đau khổ vì những người bạn thân đã lừa dối ông. Họ đã báo cho Gaston biết rằng chiếc máy bay đã được chuyển xuống một chiếc tàu thủy chưa đến đây và mặc dù những người làm việc đường biển quen ông đã khẳng định rằng chẳng bao giờ chiếc tàu ấy tới vì nó không có tên trong danh sách những con tàu ở vùng biển Ca-ri-bê, nhưng người bạn thân của ông vẫn cứ khẳng khẳng rằng tin của họ chính xác, thậm chí họ còn nói bóng nói gió là Gaston đã lừa dối họ qua những bức thư của ông. Thư từ qua lại đã khiến họ nghi ngờ lẫn nhau tới mức Gaston quyết định không viết nữa và ông đã bắt đầu nghĩ đến khả năng đi ngay về Brussels để làm rõ mọi chuyện rồi sau đó sẽ quay lại đây với chiếc máy bay. Nhưng dự kiến ấy bị xẹp ngay, khi Amaranta Úrsula nhắc lại quyết định của mình là sẽ không đi khỏi Macondo cho dù phải sống không chồng. Những ngày đầu Aureliano cũng nghĩ như những người khác rằng Gaston là một thằng ngốc trên chiếc xe làm xiếc, và điều đó khiến cho Aureliano thoáng có chút thương hại đối với ông ta. Sau đó, khi qua các nhà chứa, anh có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất của những người đàn ông, thì anh nghĩ rằng tính hiền từ của Gaston bắt nguồn từ một sự đam mê ương bướng. Nhưng khi hiểu Gaston sâu sắc hơn, và khi biết rằng tính cách thực sự của Gaston đối lập với cách cư xử nhũn nhặn của ông, thì Aureliano ngờ rằng đến cả việc Gaston chờ máy bay cũng là chuyện dối trá. Từ ấy, Aureliano cho rằng Gaston chẳng ngờ nghịch như ông ta thể hiện, mà ngược lại đó là một người đàn ông cực kỳ kiên nhẫn, khôn khéo và bình tĩnh, người dự tính sẽ chiến thắng vợ mình bằng cách làm cho vợ mệt mỏi với sự mãn nguyện hoàn toàn, với việc mình luôn luôn đồng tình tuyệt đối, để mặc cho vợ bối rối trong đám mạng nhện của cô ta, đến một ngày nào đó khi không chịu đựng nổi sự chán ngán của những ảo tưởng trong tâm tay nữa thì chính cô ta sẽ thu xếp va-li để quay lại châu Âu. Lòng thương hại trước đây của Aureliano chuyển thành một lòng căm ghét sâu sắc. Aureliano thấy những dự tính và việc làm của Gaston thật tội tệ nhưng đồng thời cũng rất có hiệu quả, bởi vậy anh đã liêu lĩnh nói điều đó cho Amaranta Úrsula biết. Nhưng Amaranta Úrsula đã cười giấu sự đa nghi của Aureliano, cô ta không hề bộc lộ một sự rạn nứt

nhỏ của tình yêu, một chút dao động hoặc ghen tuông trong lòng. Amaranta Úrsula không hề nghĩ rằng cô ta đã làm nảy sinh ở Aureliano một điều gì đó ngoài tình cảm chân thành, cho đến một hôm cô ta bị đứt tay vì cố mở nắp hộp mứt đào, và Aureliano vội chạy lại hút máu ở chỗ ngón tay rớm máu ấy với một sự khao khát và thèm thuồng đến mức cô gai người lên. - Aureliano - cô ta cười, hồi hộp, - anh thật quá xấu, đến độ trở thành một con dơi ranh mãnh. Lúc ấy, Aureliano đầy sung sướng. Anh đặt những chiếc hôn tội nghiệp lên bàn tay bị thương, anh bộc lộ những điều thầm kín nhất của trái tim, những nỗi niềm đau khổ và dằn vặt trong lòng mình. Aureliano kể với Amaranta Úrsula rằng nửa đêm anh đã thức dậy để khóc với sự cô đơn và thèm khát điên cuồng trên những chiếc quần áo lót mà cô phơi trong nhà tắm như thế nào. Anh kể rằng mình đã đòi hỏi da diết như thế nào để Nigromanta kêu lên những tiếng kêu gừ gừ như tiếng một con mèo cái và rên rỉ bên tai những tiếng “Gaston, Gaston, Gaston”, và cả chuyện anh đã ma lạnh cuồn nhẹ những lọ nước hoa của cô như thế nào để xoa lên cổ những cô gái trẻ ăn nằm vì tiền với anh. Hoảng sợ trước dự vọng của anh chàng phóng đảng nọ, Amaranta Úrsula từ từ nắm tay lại, những ngón tay co dãn như chú ốc thu mình, cho đến khi bàn tay bị thương của cô không còn thấy đau đớn, và mọi dấu vết của lòng thương hại biến thành một khối ngọc bích và thạch anh, biến thành những chiếc xương cứng vô tri vô giác.

- Đồ ngu! - cô gái nói như thể đang nhô cái gì đó... - Tôi sẽ đi Bỉ trên chuyến tàu đầu tiên rời bến.

Một buổi chiều nọ Álvaro đã đến hiệu sách của nhà thông thái xứ Catalunya rao tương lên điều phát hiện mới nhất của anh ta: một nhà thổ bách thú gọi là Cậu bé vàng, đây là căn phòng rộng không có mái, có đến vài trăm chú diệc nhờn nhờn cứ lâu lâu lại kêu quàng quạc âm ỉ. Trong những chiếc lồng lưới thép đặt xung quanh sàn nháy, giữa những bụi hoa trà lớn gốc vùng Amazon là những đàn cò lửa, những con cá sấu sùng sục rúc mõm vào chậu thức ăn như đàn lợn, những chú rắn mười hai chuông, và một con rùa mai vàng đang ngụp lặn dưới cái biển nhân tạo nho nhỏ. Có một con chó cái trắng, thuần, vừa làm nhiệm vụ của con đực chuyên đi tơ với những con chó cái khác, vừa phải làm cái việc của một con chó cái nuôi con để người ta cho ăn. Không khí dịu nhẹ, như vừa mới được sinh ra, và những cô gái lai xinh đẹp chờ đợi vô vọng giữa những cánh hoa rỉ máu và những đĩa hát lỗi thời, vốn hiểu rõ cái công việc làm tình mà con người đã để quên nơi thiên đường trần gian này. Đêm đầu tiên nhóm đến thăm căn nhà nghỉ đông tượng tượng kia, bà cụ già rục rĩ và trầm lặng ngồi gác lối vào trên một chiếc ghế mây, cảm thấy thời gian như trở lại cội nguồn của nó khi bà lão phát hiện thấy trong số năm người vừa tới có một người đàn ông xương xẩu, vàng bủng, gò má cao như người tác-ta, mang dấu ấn cô đơn vĩnh viễn từ thuở

khai thiên lập địa.

- Trời ơi! - bà lão kêu lên. - Aureliano!

Bà lão lại đang nhìn thấy đại tá Aureliano Buendía như đã nhìn thấy ánh sáng ngọn đèn từ rất lâu trước các cuộc chiến tranh, trước sự tiêu tan của vinh quang và sự tàn lụi của niềm vui, cái buổi đêm về sáng xa xăm kia khi ông bước vào phòng ngủ để ra cái lệnh đầu tiên trong cuộc đời: lệnh ban cho ông sự ân ái. Đây là Pilar Ternera. Từ nhiều năm trước khi vào tuổi một trăm bốn lăm, bà lão đã từ bỏ cái thói quen có hại là tính tuổi của mình, và tiếp tục sống trong cái thời gian tĩnh tại, bên lề của những kỷ niệm, và sống trong một tương lai hoàn toàn được xác định, vượt ra ngoài những tương lai bị xáo trộn bởi sự ràng buộc và những phỏng đoán xúc xiểm từ những quân bài. Từ đêm ấy trở đi, Aureliano ẩn náu trong sự dịu hiền và thông cảm của cụ tổ năm đời chưa bao giờ biết tới. Ngồi trên chiếc ghế xích đu mây, bà lão nghĩ về quá khứ, nhớ lại những gì là vĩ đại và nổi bật hạnh của gia đình và sự huy hoàng đã bị tàn phá của Macondo, trong khi Álvaro làm đám cá sấu hoảng sợ với những chuỗi cười âm ỉ, và Alfonso thì bịa ra những chuyện khủng khiếp về những con diệc đã mổ mắt người khách làng chơi cư xử không tốt vào tuần trước, còn Gabriel thì ngồi trong buồng của cô gái lai tư lự không lấy tiền của khách mà chỉ nhờ viết hộ những bức thư cho anh chàng người yêu buồn lậu đang bị tù ở bên kia sông Orinoco vì bị đám lính biên phòng tóm được và bắt ngồi trên một chiếc bô buộc phải ỉa ra đầy cứt và kim cương. Cái nhà thổ thực sự với bà chủ như một người mẹ già, chính là cái thế giới mà Aureliano hằng mơ ước trong sự kìm hãm kéo dài. Anh cảm thấy sung sướng, cảm thấy gần đạt tới sự gặp gỡ hoàn hảo, đến mức chẳng nghĩ đến sự trốn tránh nào khác vào cái buổi chiều mà Amaranta Úrsula làm tan vỡ ảo mộng của mình. Anh sẵn sàng van nài để ai đó phá bỏ hộ cái sự tức tối như nghẹn lại trong lồng ngực, nhưng anh chỉ có thể bật khóc nức nở trong lòng Pilar Ternera. Bà lão lấy tay xoa đầu anh, để cho anh khóc thỏa thích. Và dấu anh không nói ra là đang khóc vì tình, bà lão đã nhận ra ngay cái tiếng khóc cổ sơ nhất trong lịch sử con người. - Nào thôi, chút bé bỏng của ta! - bà lão dỗ dành, - bây giờ chút hay nói xem người ấy là ai. Khi Aureliano vừa nói, Pilar Ternera bật lên cái cười sâu thẳm, tiếng cười lan tỏa từ xa xưa chấm dứt để rồi sau đó dần dần chuyển thành tiếng cười giống tiếng cù rục cù rục của loài chim bồ câu. Không có điều bí mật nào trong trái tim của người trong dòng họ Buendía mà bà lão không hiểu được, bởi vì một thế kỷ ảo mộng và kinh nghiệm đã dạy cho bà lão biết lịch sử của gia đình giống như một chuỗi dài những điều lặp đi lặp lại không tránh khỏi, như một chiếc đĩa quay có thể cứ quay mãi, quay mãi đến vô tận, nếu không có sự hao mòn dần dà vô phương cứu chữa của chiếc trục. - Đừng lo chút ạ, - bà lão cười. - Dù nó đang ở đâu, lúc này nó cũng đang đợi chút. Vào lúc bốn

giờ rười chiều, Amaranta Úrsula bước ra khỏi nhà tắm. Aureliano nhìn thấy cô bước qua cửa phòng mình trong chiếc váy tắm nếp là phẳng phiu, đầu quấn chiếc khăn. Anh liền nhón chân nhẹ nhẹ bước theo, ngất ngưỡng như người say và anh bước vào phòng tân hôn của vợ chồng Amaranta Úrsula đúng lúc cô mở khuy chiếc váy tắm và bỗng giật mình khép lại. Cô lặng lẽ chỉ tay về phía buồng bên cạnh cửa hé mở. Aureliano biết là Gaston đang bắt đầu viết thư ở đó. - Ra ngay đi, - cô nói rít không thành tiếng. Aureliano mỉm cười, hai tay bế thốc ngang lưng cô, như là bung chậu thu hải đường, đặt ngửa lên giường. Phất một cái, anh kéo tuột chiếc váy tắm trước khi cô kịp ngăn lại, và anh như rơi xuống vực thẳm trước tấm thân trần truồng vừa tắm rửa xong, trắng ngần, nõn nà, mà trong bóng tối của những căn buồng bên cạnh hầu như anh đã tưởng tượng ra hết cả, kể từ những lỗ chân lông đến những nốt ruồi ẩn kín. Amaranta Úrsula chông lại kịch liệt: với sự khôn khéo của giống cái thông minh, cô oằn mình, xoay giở thân hình uyển chuyển và thơm tho như một con chồn, đồng thời thúc hai đầu gối vào bụng còn hai tay thì cào lên mặt chàng trai, nhưng cả hai không ai thở mạnh khác với nhịp thở của người đang ngắm nhìn buổi chiều tà thảng tư qua cửa sổ. Đây là một cuộc vật lộn dữ dội, một cuộc giành giật sống mái, tuy nhiên hầu như không có chút bạo lực nào, bởi vì đó là một cuộc vật lộn của những bóng ma, chậm rãi, thận trọng, trang nghiêm, nghĩa là khoảng thời gian hai bên giằng co nhau đủ để cho cây khiên ngư nở hoa và Gaston ở phòng bên thì quên hết ước mơ trở thành người lái máy bay, và họ như hai người yêu thù địch đang ra sức thỏa hiệp với nhau dưới đáy ao sáng ngời. Trong sự co kéo quyết liệt và trang nghiêm đó, Amaranta Úrsula hiểu rằng sự im lặng thận trọng của cô thật là vô lý, nó có thể làm chồng mình ở buồng bên sinh nghi hơn cả những tiếng động mạnh mà cô đang ra sức tránh. Cô bèn cười nhẹ nhẹ, và vẫn không ngừng chống trả, nhưng cô đang tự vệ bằng những miếng cắn giả tạo và dần dần thôi không oằn mình lẩn tránh nữa, cho đến lúc cả hai đều hiểu rằng họ vừa là địch thủ vừa là kẻ đồng lõa, và cuộc giằng co đã biến thành một trò chơi vượt ve nhau. Bỗng nhiên, như là để thử chơi, thử mạo hiểm một lần nữa, Amaranta Úrsula thôi không chống đỡ, và khi hoảng sợ trước điều mà chính cô đã tạo điều kiện cho nó diễn ra, cô ra sức phản ứng lại nhưng đã quá muộn mất rồi. Một sự rung động kỳ lạ đã chôn chặt cô, giữ chặt lấy cô, và ý chí tự vệ của cô đã bị nghiền nát bởi khát vọng không thể kìm lại được là phát hiện xem những tiếng hú màu vàng và những quả bóng vô hình đang đợi cô ở bên kia cái chết là gì. Cô chỉ còn kịp với tay quờ quạng tìm chiếc khăn nhét vào mồm và cắn chặt lấy để những tiếng gừ gừ của mèo cái đi tở không bật ra từ trong sâu thẳm lòng mình.

CHƯƠNG KẾT

Một đêm vui nọ, trong lúc gác cổng ra vào thiên đường của mình, Pilar Ternera chết trên chiếc ghế xích đu mây. Người ta đã chôn bà lão không có quan tài theo đúng nguyện vọng cuối cùng của người quá cố. Tám người đàn ông lực lưỡng dùng thùng chảo từ từ hạ huyết chiếc ghế xích đu có bà lão ngồi xuống một cái huyết được đào ngay ở giữa sân khiêu vũ. Những cô gái mulata^[50] mặc đồ đen, khóc lóc đến xanh xám cả mặt mày, làm vội lẽ cầu nguyện cho bà lão trong lúc tháo các chuỗi hạt đeo cổ, những dải nơ buộc đầu, những vòng tay, rồi ném chúng xuống huyết, trước lúc người ta lấp kín mồ và dựng lên trên đó một bia mộ không tên tuổi, không năm tháng và phủ kín những vòng hoa trà xứ Amazon. Sau khi đầu độc cho chết hết những con vật cảnh, dùng gạch và vữa bịt kín các cửa ra vào và cửa sổ, bọn họ tản mát mỗi người một ngả đi khắp thế gian mang theo những chiếc hòm gỗ bên trong trang trí ảnh thánh, ảnh họa báo nhiều màu sắc, ảnh người yêu, những người tình chốc lát, những người tình cũ lâu năm, những người tình ma quái, đó là những tay ỉa ra kim cương, những tay ăn thịt đồng loại những tay được phong là vua cờ bạc ở ngoài khơi. Đó là sự phán xử cuối cùng. Trong phần mộ của Pilar Ternera, giữa những bản nhũ ca và vòng hạt của gái điếm, những rác rưởi của quá khứ đang mục rữa, đó là những gì còn lại ít ỏi ở Macondo kể từ sau chuyến ra đi của nhà thương thái xứ Catalunya. Do nỗi nhớ một mùa xuân vĩnh viễn thôi thúc, ông già thông thái xứ Catalunya đã buộc phải đóng cửa hiệu sách và trở về làng quê ở ven bờ Địa Trung Hải. Không một ai cảm nhận được việc cụ quyết định hồi hương. Để chạy trốn các cuộc chiến tranh liên miên cụ đã đến Macondo vào đúng lúc Công ty chuỗi thịnh vượng, và cụ không nghĩ sẽ làm gì khác hơn là mở một hiệu sách chuyên bán sách cổ được in bằng vài ngoại ngữ, mà những khách hàng ngẫu nhiên đến đã sợ hãi lật giở chúng như lật giở những cuốn sách bản tởi trong lúc chờ đến lượt mình vào đoán mộng hoặc xem số ở căn nhà đối diện. Cụ đã bỏ một nửa đời người ngồi ở ngoài sân sau nóng bức, để miệt mài ghi lại thứ văn chương kiểu sức của mình bằng thứ mực màu violet trên những tờ giấy xé ra từ vở học trò mà không một ai biết đích xác cụ viết gì. Khi Aureliano biết cụ thì cụ đã có hai thùng to đựng đầy những trang viết như vẽ mà về một phương diện nào đó chúng khiến ta nghĩ đến những tấm da thuộc ghi chữ của Melquíades, và kể từ dạo ấy cho đến khi ra đi cụ lại viết đầy thùng thứ ba, do đó quả là có lý khi nghĩ rằng trong suốt thời kỳ ở Macondo cụ không làm gì khác ngoài việc chỉ ngồi viết mà thôi. Những người duy nhất cụ có quan hệ là bốn người bạn, những người vẫn đến đây đòi những con quay và điều giấy để lấy sách của cụ và cụ đã cho họ đọc Seneca^[51] và đọc Ovidio^[52] khi bọn họ còn đang theo học bậc tiểu học. Với tình cảm triu

mền thân thương cụ đối xử với các nhà cô điên như đối với những người bạn cùng ngủ một phòng đã có trong đời mình. Và cụ thông hiểu nhiều điều đáng lẽ không nên biết, tở như Thánh Agustin bên trong chiếc áo khoác ngoài còn mặc thêm một chiếc áo gi-lê ni bó sát lấy người cho đến năm mười bốn tuổi và tở như cái ông Arnaldo de Villanova, một thầy đồng, vì bị bọ cạp cắn mà trở nên liệt dương ngay từ khi còn nhỏ tuổi. Nhiệt tình của cụ dành cho các trang viết là một bức tranh đan lẫn những lời kính trọng và những lời đàm tiếu của dân địa phương. Vì phải học tiếng Catalan để dịch chúng ra tiếng Tây Ban Nha, Alfonso đã đút vào túi quần vài trang viết ấy được cuộn lại cùng với những mẫu báo và cả những trang sách giáo khoa, rồi một đêm nọ anh đánh mất tất cả ở nhà một trong những cô điếm làm tình cho qua cái đận đói khát này. Khi cụ già thông thái biết chuyện, đáng lẽ phải mắng chửi anh một trận nên thân, thì cụ đã cả cười mà bình luận rằng đó là số phận hợp lẽ tạo hóa của văn chương. Trái lại, không có một sức mạnh nhân văn nào đủ sức thuyết phục cụ không mang theo ba thùng to đựng đầy các trang viết này khi hồi hương, và cụ đã xô ra hàng tràng tiếng Carthago^[53] để đuổi bọn nhân viên kiểm soát trên tàu hỏa khi bọn này định chuyên các thùng bản thảo xuống toa hàng coi chúng như là hàng hóa, cho đến khi cụ buộc bọn họ phải để cho mình mang chúng đi theo trên toa hành khách. “Thế giới chẳng còn gì nực cười hơn khi mà con người được ngồi ở toa khách còn văn chương phải nằm ở toa hàng”. Đó là điều duy nhất nghe cụ nói thành lời. Cụ đã trải qua một tuần vất vả với những công việc cuối cùng cho chuyến ra đi, bởi vì cứ càng đến gần giờ khởi hành cụ càng kém vui hơn, ý nghĩ thiếu mạch lạc bị xáo trộn lung tung hết, và các đồ vật được để chỗ này lại thấy ở chỗ khác, cụ bị ám ảnh bởi chính đám ma quái từng trêu chọc Fernanda. - Collons^[54] - cụ chửi. - Ta ngồi xôm lên điều luật hai mươi bảy của hội nghị Tôn giáo Luân Đôn. Germán và Aureliano khuân vác giúp cụ. Họ giúp cụ như giúp một đứa trẻ, họ để vé và các giấy tờ di chuyển trong một cái túi rồi lấy ghim băng gài lại cho cụ, họ làm cho cụ cả một danh mục dài, tỉ mỉ ghi lại tất cả những việc làm từ khi rời khỏi Macondo cho tới khi tàu cập bến ở Barcelona, nhưng họ lại vô ý ném vào bãi rác chiếc quần có để một nửa số tiền cụ ki cốp được. Đêm trước ngày khởi hành, sau khi đã đóng đinh các thùng đựng giấy má lại và nhét hết quần áo vào chính cái va-li cụ mang tới đây, nheo đôi mi mắt hình con hén lại, với điệu bộ ban phước tro trên, cụ chỉ vào những đóng sách đã theo mình trong suốt cuộc lưu vong, và nói với các chiến hữu: - Đây ta để lại cho các bạn cái thứ cứt đáí ấy. Ba tháng sau, các bạn nhận được một bì thư to tướng gần hai mươi bức thư và hơn năm mươi bức ảnh, được tích lại trong suốt cuộc hành trình nhàn rỗi trên biển khơi. Mặc dù không đề ngày tháng nhưng thứ tự của chúng đã nói rõ trình tự cụ ngồi viết các bức thư này. Trong những bức thư đầu với giọng điệu hài hước vốn có của mình, cụ kể

cho bọn họ nghe về những chuyện lý thú xảy ra trong chuyến vượt đại dương, về cơn bức tức muốn quật ngã lão áp tải hàng hóa không cho phép cụ đưa ba chiếc thùng đựng bản thảo vào phòng nằm trên hầm tàu, về sự yếu hèn mà thông thái của một mệnh phụ rất sợ hãi con số mười ba, không vì thói mê tín dị đoan mà vì hình như bà ta cảm thấy con số này báo trước bà ta sẽ ở lại mặc dù cuộc hành trình trên biển chưa được kết thúc, và về cuộc thi mà cụ giành được phần thắng ngay trong bữa tối đầu tiên trên tàu thủy, vì cụ nhận ra mùi củ cải mặc ban đêm trong các suối ở vùng Lérida^[55] ngay trong thứ nước ăn mang trên tàu. Tuy nhiên, với ngày tháng tuần tự trôi, thực tại trên tàu ngày một ít khiến cụ phải để ý hơn; ngay cả những sự kiện xảy ra mới nhất, thông thường nhất cũng khiến cho cụ càng cảm thấy chúng xa xưa hơn, vì con tàu càng bỏ xa bờ châu Mỹ bao nhiêu thì ký ức càng trở nên buồn bã bấy nhiêu. Cái quá trình hoài nhớ diễn tiến ấy dường như cũng bộc lộ trên những tấm ảnh. Trong những tấm ảnh đầu tiên, cụ hiện hình trong dáng vẻ hạnh phúc, mặc chiếc áo của thương binh, mái tóc bạc như tuyết trong ánh nắng tháng mười chói chang của vùng biển Ca-ri-bê. Trong những tấm ảnh sau, cụ hiện hình trong tấm áo khoác sẫm màu, cổ quàng một tấm khăn lụa, vẻ người buồn bã và trầm tư bởi sự trống vắng, ngồi trên sàn một chiếc tàu nặng nề đang chệch choạng đi như kẻ mộng du trên mặt biển lúc đang thu. Germán và Aureliano viết thư trả lời cụ. Trong các tháng đầu cụ viết thư rất chăm chỉ đến mức lúc ấy họ cảm thấy gần gũi cụ hơn ngay cả khi cụ còn ở Macondo và họ cảm thấy như bớt đi nỗi bức dọc vì đã để cụ ra đi. Lúc đầu cụ viết thư cho họ, báo cho họ hay rằng tất cả vẫn bình thường, rằng ở ngôi nhà cụ chào đời vẫn còn nguyên con ốc sên màu hồng, rằng những con cá trích khô vẫn thơm nguyên mùi trong thùng bánh, rằng những thác nước của làng vẫn tỏa hương thơm khi chiều buông. Lại một lần nữa cụ gửi đến cho bọn họ những trang vở học trò được viết như vẽ bằng mực màu violet, trong đó cụ tặng cho mỗi người bạn một đoạn thơ đặc biệt. Tuy vậy mặc cho chính cụ đã không nhận ra, những bức thư đầy tâm huyết ấy đã dần dần chuyển thành những bài thơ điền viên mang đầy ý nghĩa của kẻ tỉnh mộng. Trong những đêm đông, trong lúc ngồi trông nồi xúp sô ở lò sưởi, cụ nhớ đến cái không khí oi nóng ở sân sau, nhớ tiếng kêu o o của ánh mặt trời trên những cây hạnh đào phủ đầy bụi, nhớ tiếng còi tàu trong không khí nóng hầm hập lúc đang trưa, chính là nỗi hoài nhớ mà cụ ngồi ở Macondo nhớ nồi xúp sô trong lò sưởi, nhớ những tiếng rao của người bán cà phê và nhớ những con chiến chiến lạnh lện báo mùa xuân đến. Bị dẫn dắt bởi những nỗi hoài nhớ đối diện nhau như những tấm gương soi vào nhau, cụ đánh mất cảm giác diệu kỳ về thực tại phi thực tại, cho đến khi cụ kết thúc bằng việc khuyên tất cả bọn họ hãy chạy khỏi Macondo, hãy quên tất cả những gì cụ đã dạy họ về cuộc đời, về tình người, hãy ỉa vào Horacio và bất kỳ nơi nào

họ tới, hãy nhớ rằng quá khứ là bịp bợm, rằng kí ức con người không có đường trở lại, rằng tất cả mùa xuân cổ kính là không thể khôi phục lại và rằng ái tình phóng đảng và cuồng say là một sự thật chốc lát mà thôi. Álvaro là người đầu tiên quan tâm đến lời khuyên hãy rời bỏ Macondo. Anh bán hết của cải, kể cả con hổ bị nhốt trong sân nhà vẫn thường nhe nanh dọa những khách bộ hành ở ngoài đường, và mua một chiếc vé đi mãi mãi trên một đoàn tàu hỏa không bao giờ ngừng du lịch. Trên những tấm bưu ảnh mà anh gửi từ những nhà ga nghỉ lại dọc đường, anh miêu tả đầy thán phục những hình ảnh chốc lát mình nhìn thấy qua ô cửa sổ toa xe, như thể anh đang xé vụn và ném vào cõi lãng quên một bài thơ dài của sự chạy trốn: những người da đen mơ mộng trên những cánh đồng bông trắng xứ Louisiana, những chú ngựa có cánh trên thảm cỏ xanh xứ Kentucky, những đôi nhân tình Hy Lạp trong buổi hoàng hôn địa ngục xứ Arizona, cô gái mặc áo len đỏ vẽ tranh thủy mặc trên những hồ xứ Michigan đã lấy bút làm điệu bộ chào anh, nhưng đó không phải là lời chào từ biệt mà là lời chào chứa chan hy vọng được gặp lại vì cô không biết rằng mình đang nhìn theo một đoàn tàu một đi không trở lại. Sau đó Alfonso và Germán cùng bỏ đi vào một ngày thứ bảy với ý định sẽ trở về vào ngày thứ hai nhưng chẳng bao giờ người ta được biết tin tức gì về họ. Một năm sau kể từ ngày cụ già thông thái người Catalunya ra đi, người bạn duy nhất còn ở lại Macondo là Gabriel, vẫn lêu lổng, hoàn toàn phụ thuộc vào lòng thương hại của Nigromanta, để trả lời những câu hỏi thi của một tờ tạp chí Pháp, mà phần thưởng lớn nhất của nó là chuyến đi thăm thủ đô Paris. Aureliano, vốn là người nhận đặt báo, đã giúp anh điền các câu hỏi, đôi lúc ở ngay tại nhà anh, còn hầu như lúc nào cũng ở bên những lọ sứ xinh xinh và mùi cây thuốc nữ lang của hiệu thuốc duy nhất ở Macondo, nơi ở của Mercedes, người yêu bí mật của Gabriel. Đó là cái duy nhất sẽ còn lại của một thời quá khứ mà sự hủy diệt của nó không bao giờ trọn vẹn, bởi vì nó cứ tự hủy hoại một cách chậm chạp, tự hao kiệt ngay trong chính nó và từng phút từng phút một nó tự kết liễu mà sẽ không bao giờ chấm dứt sự tự kết liễu. Thị trấn đã bước tới những điểm nút áy của sự đình trệ, do đó khi Gabriel trúng thưởng và đi Paris với hai bọc xống áo, một đôi giày và toàn tập tác phẩm của Rabelais, anh đã buộc phải ra hiệu cho người thợ máy để ông tể dừng tàu lại nhận mình lên. Đường phố Thổ Nhĩ Kỳ cũ lúc bấy giờ là một cái bãi hoang, nơi những người Ả-rập cuối cùng đã chịu để cho thần đói lôi mình đến cõi chết theo tập quán ngàn đời ngồi trước cửa, bởi vì đã nhiều năm nay họ phải bán tới mét vải chéo go cuối cùng và trong những chiếc tú kính tối om om chỉ còn lại những tượng người không đầu. Khu phố của Công ty chuối, mà có lẽ Patricia Brown cố kể lại cho con cháu mình nghe về nó trong những đêm buồn nhớ có dưa gang ngâm giấm xứ Prattville, Alabama, đã là một đồng bằng đầy cỏ dại. Vị cha xứ già, người đến thay cha xứ Angel và tên của cụ chẳng ai thêm biết đến, đang chờ đợi

Thượng đế rủ lòng thương, nằm tênh hênh trên chiếc võng, đau đớn vì bệnh viêm khớp và mất ngủ vì sự hoài nghi, trong khi đó thần lẫn và chuột cãi cọ nhau xem ai sẽ được thừa kế ngôi nhà thờ bên cạnh.

Ở thị trấn Macondo bị lãng quên ấy, nơi ngay tới cả chim chóc cũng lãng quên nó, nơi bụi và hơi nóng đã trở nên rất khó chịu đến mức thở cũng phải vất vả lắm, Aureliano và Amaranta Úrsula là hai người duy nhất hạnh phúc và là những người sung sướng nhất trên trái đất này, mặc dù họ bị vây bọc bởi nỗi cô đơn và tình yêu, đặc biệt là nỗi cô đơn của tình yêu trong một ngôi nhà hầu như không tài nào ngủ được bởi tiếng động âm âm của bày kiến gây nên. Gaston đã trở về Brussels, vì đợi máy bay chán chê mê mỗi vẫn không thấy nó đến nên có một ngày nọ ông đã nhét vào va-li những đồ dùng tùy thân và tài liệu thư tín của mình rồi ra đi với ý định trở về đây bằng máy bay trước khi những đặc ân của ông phải nhượng lại cho một nhóm phi công Đức, vốn đã trình lên các nhà chức trách tỉnh này một kế hoạch nhiều tham vọng hơn so với kế hoạch của ông. Kể từ buổi chiều hai người làm tình với nhau lần đầu tiên, Aureliano và Amaranta Úrsula vẫn tiếp tục tranh thủ những lúc vắng nhà hãn hữu của người chồng để mà yêu nhau cuồng nhiệt trong những phút giây gặp gỡ chốc lát và luôn luôn bị ngắt quãng bởi người chồng bắt đồ trở về. Nhưng khi thấy chỉ còn lại hai người ở nhà thì họ liền mết lử trong những giây phút ngây ngất của ái tình muộn mằn. Đó là một cơn đam mê bùng thả, điên loạn, đến mức khiến cho xương cốt của Fernanda ở trong mô phải run lên vì sợ và ở trong trạng thái nhảy múa liên tục. Những tiếng rền rĩ đầy sướng vui, những bài hát đầy thèm khát của Amaranta Úrsula đã âm vang bùng lên vào lúc hai giờ chiều ngay trên chiếc bàn trong nhà ăn cũng như vào lúc hai giờ sáng ở trong kho lương thực. “Điều làm em đau khổ, - cô cười, - là chúng mình đã để mất quá nhiều thời gian”. Và trong cơn cuồng nhiệt cho thỏa đam mê ấy, cô nhìn thấy đám kiến đang phá trại vườn hoa rồi gặm gỗ nhà cho thỏa cơn đói lâu ngày, và cô nhìn thấy dòng kiến đỏ ấy lại một lần nữa chiếm cứ mất hành lang nhưng cô chỉ bận tâm chiến đấu với kiến đỏ khi nhìn thấy chúng ở trong phòng ngủ của mình. Aureliano bỏ bê các trang văn viết trên những tấm da thuộc, lại ở lý trong nhà, trả lời cho xong chuyện những bức thư của cụ già thông thái xứ Catalunya. Bọn họ đánh mất cảm giác về thực tại, ý niệm về thời gian và nhịp điệu của những thói quen hàng ngày. Bọn họ lại đóng kín cửa ra vào và cửa sổ để khỏi mất thời gian cởi quần áo, và tổng ngồng đi lại ở trong nhà như Remedios - Người đẹp từng thường xuyên mong muốn, và cùng nhau lăn lộn trên những vũng bùn ngoài sân trong khi thân thể không một mảnh vải che, rồi có một buổi chiều nọ bọn họ suýt bị chết ngạt khi làm tình với nhau ngay trong bồn tắm. Trong một thời gian ngắn bọn họ phá tan hoang nhà cửa hơn cả sự phá phách của lũ kiến đỏ: làm gãy hết bàn, ghế, tủ ở

phòng khách, làm rách bươm chiếc võng từng chịu đựng rất tốt những cuộc ái ân buồn tẻ nơi trại lính của đại tá Aureliano Buendía, xô tung ruột chần, lấy bông lõi tung khắp sàn để làm nhau ngạt thở. Mặc dù Aureliano là một người tình cũng đủ ngón chơi dữ dấn như tình địch của anh, nhưng Amaranta Úrsula lại là người đạo diễn anh các trò tiêu khiển trong thiên đường đồ võ ấy và cô làm việc này rất nhiệt tình như thể cô đã tập trung trong tình yêu cái nghị lực cuồng nhiệt mà cụ tổ Úrsula đã hiến dâng cho nghề làm kẹo nặn hình con giống. Ngoài ra, trong lúc cô sung sướng hát và cười ngật nghẻo trước những trò chơi của mình thì Aureliano ngày một trầm tư hơn, bởi nỗi niềm đam mê của anh vốn lặng lẽ và nguội lạnh. Tuy nhiên cả hai người đi tới những đỉnh điểm của nghệ thuật chơi bời, đến mức khi họ mệt lử trong lúc phê phỡn thì họ lại càng nghịch ngợm thú vị hơn trong lúc nghỉ ngơi. Bọn họ lại hiến dâng tâm sức cho sự sùng bái thần tượng đối với cơ thể mình, ấy là lúc họ phát hiện ra rằng những lúc nghỉ ngơi sau cơn hoan lạc có những khả năng không thể khai thác hết được, nó còn thích thú hơn nhiều so với những khả năng của đục tình. Trong lúc anh lấy lòng trắng trứng gà bôi lên bộ vú cứng đờng lên của Amaranta Úrsula để mà bóp, hoặc lấy dầu dừa bôi lên đôi vé sấn chắc và bụng mềm mại của cô để mà mon trớn thì cô coi cơ thể cường tráng của Aureliano như một con búp bê để nghịch ngợm, lấy son bôi môi để vẽ mắt hề cho anh, dùng chì kẻ mày để vẽ cho anh bộ ria Thổ Nhĩ Kỳ, đeo cho anh chiếc cà vạt Organza và đội cho anh chiếc mũ làm bằng giấy bạc. Có một đêm, bọn họ lấy mút đào bôi khắp người từ chân đến đầu rồi như chó họ liếm cho nhau. Rồi như một lũ điên rồ, họ ân ái với nhau ngay ở hành lang và họ bị đánh thức bởi đàn kiến ăn thịt sấp nuốt sống họ.

Trong lúc các cuộc truy hoan ngừng nghỉ, Amaranta Úrsula viết thư trả lời Gaston. Cô cảm thấy ông quá bận rộn và xa lắc đến độ với cô cuộc trở về của ông là không thể có được. Ở một trong những bức thư gửi về trước tiên, ông kể rằng các bạn hữu của mình quả thật có gửi chiếc máy bay đi, nhưng một hãng đường biển ở Brussels, vì nhầm lẫn, đã gửi nó đến Tangandika, và tại hải cảng này nó sẽ được chuyển đến cho cộng đồng của những người Macondo^[56]. Sự nhầm lẫn ấy đã gây ra nhiều phiền phức đến mức chỉ cần thu hồi lại chiếc máy bay cũng phải mất hai năm. Thế là Amaranta Úrsula không phải đề phòng sự trở về bất thành linh của chồng mình. Về phần mình, Aureliano không có liên hệ với thế giới bên ngoài nào khác, ngoài những lá thư của cụ già thông thái xứ Catalunya và những tin tức về Gabriel qua miệng Mercedes, cô gái bán thuốc lặng lẽ. Lúc chầu đó là những liên hệ thực sự. Để ở lại Paris, Gabriel đã trả lại chiếc vé khứ hồi để lấy tiền tiêu và sau đó anh sống bằng cách bán báo cũ và vỏ chai do các cô hầu phòng lôi ra từ trong một khách sạn buồn tẻ trên đường Rue Dauphine. Lúc ấy, Aureliano có

thể mừng tượng thấy anh thường xuyên mặc chiếc áo len cỡ to mà chỉ cởi ra khi các sân hiên Montparnasse đầy những cặp uyên ương mùa xuân đi dạo và trong căn buồng nồng nặc mùi súp lơ sôi, nơi Rocamadour đã chết đói, anh phải ngủ ngày và thức viết về ban đêm để khiến con đói lòng nhằm giờ đỡ hành hạ mình. Tuy nhiên, những tin tức về Gabriel mà anh nhận được ngày một kém chính xác hơn và các bức thư của cụ già thông thái ngày một thưa nhạt, buồn tẻ hơn, đến mức Aureliano đã quen nghĩ về họ như Amaranta Úrsula nghĩ đến chồng mình, và rồi cả hai người bỗng bênh sống trong một thế giới trống trải, nơi ái tình là thực tại duy nhất vừa có tính thường nhật lại vừa có tính vĩnh hằng.

Bỗng nhiên, tin Gaston sẽ trở về đến với họ như một tiếng sét đánh ngang tai ngay trong cái thế giới vô thức đầy hạnh phúc ấy. Aureliano và Amaranta Úrsula mở to hai con mắt, xem lại lòng mình, rồi tay đặt lên trái tim mình họ nhìn thẳng vào mặt nhau và hiểu rằng họ gắn bó với nhau đến mức sẽ nhận cái chết nếu phải xa nhau. Thế là cô viết cho chồng mình một bức thư nói những sự thật trái ngược hẳn nhau, trong đó cô khẩn khoản nói rằng cô vẫn yêu ông và khao khát được gặp lại ông, đồng thời cô cũng nói rõ rằng mình sẽ không thể sống được nếu không có Aureliano và coi đó như một tiên định không thể nào tránh được. Trái với điều bọn họ mong đợi, với thái độ điềm tĩnh, có thể nói là thái độ của người cha, qua một thư dài hai trang kín đặc chữ, Gaston đã trả lời họ, ông lưu ý bọn họ nên đề phòng những ý nguyện bỗng bột nảy sinh từ chỗ bọn họ đang đắm mê và đoạn cuối lá thư ông hoàn toàn đồng ý sẽ không trở lại Macondo bởi vì ông tin rằng bọn họ sẽ hạnh phúc như ông đã hạnh phúc trong cuộc đời vợ chồng ngăn ngủi của mình. Đó là một thái độ hết sức bất ngờ đến mức Amaranta Úrsula cảm thấy mình bị sỉ nhục với ý nghĩ rằng mình đã chuẩn bị cho chồng một cái cơ mà ông ta từng mong đợi để phó mặc cô cho số phận. Sáu tháng sau, sự hận thù càng thêm sâu sắc hơn khi Gaston từ Léopoldville là nơi ông đã nhận lại chiếc máy bay, lại viết thư cho cô chỉ yêu cầu gửi cho mình chiếc xe đạp ấy chân mà theo ông nói nó là cái duy nhất trong số những gì ông để lại ở Macondo còn có giá trị tình cảm. Aureliano bình tĩnh chăm sóc phòng ngủ của Amaranta Úrsula, cố gắng chứng tỏ cho cô biết rằng anh là một người chồng xứng đáng trong lúc thuận lợi cũng như trong lúc khó khăn, và những tưng bán hàng ngày đang vây hãm họ khi những đồng tiền cuối cùng của Gaston để lại bị tiêu hủy đã tạo nên cho họ một sự ràng buộc của tình đoàn kết tuy không rực sáng và kiêu ngạo như nổi đắm mê nhưng đã giúp họ yêu nhau say đắm hơn và khiến họ rất hạnh phúc như đã từng hạnh phúc trong chính cái thời kỳ họ sống cuộc sống đầy sắc dục.

Khi Pilar Ternera mất, bọn họ đang chờ đón đứa con sắp ra đời. Trong lúc có chữa, Amaranta Úrsula định hành nghề sản xuất những cái vòng làm

từ xương sống cá. Nhưng ngoại trừ Mercedes, là người nhận mua của cô một tá, không có ai mua những chiếc vòng này. Lần đầu tiên trong đời, Aureliano ý thức được rằng cái tài ngoại ngữ, sự hiểu biết bách khoa, khả năng nhớ kỹ lạ không cần biết những chi tiết nhỏ nhặt của các sự kiện và địa điểm xa xưa của anh, mọi thứ ấy đều vô dụng như cạnh cái hộp khảm ngọc của vợ anh, mà lúc này có lẽ trị giá bằng toàn bộ số tiền của tất cả những cư dân cuối cùng ở Macondo cộng lại. Họ sống nhờ phép màu. Mặc dù Amaranta Úrsula không để mất tính tình vui vẻ cũng như những mảnh khóc của cô trong các cuộc thác loạn, cô đã làm quen với việc sau bữa cơm trưa ngồi ở hành lang để mà suy tư và mơ màng ngủ. Aureliano ở bên cạnh cô. Đôi lúc họ lặng lẽ ngồi cho đến khi màn đêm buông xuống, người nọ nhìn vào mắt người kia, đê trong im lặng ân ái với nhau bằng tất cả tâm hồn như trước đây họ từng ân ái với nhau trong sự ồn ã. Một tương lai bấp bênh không xác định buộc họ phải hướng tình cảm về quá khứ. Họ nhìn vào nhau mà thấy chính mình trong cái thiên đường thời mưa lụt đã mất, bị bõm lội trong những vũng nước bùn ở ngoài sân, giết những con thằn lằn để đeo lên người Úrsula, chơi trò chôn sống cụ và chính những hình ảnh được hồi tưởng lại ấy đã làm cho họ thấy rõ sự thật là mình hạnh phúc ngay từ khi mới có trí nhớ. Do dỗi sâu vào quá khứ mà Amaranta Úrsula nhớ ra một buổi chiều cô bước vào xưởng kim hoàn và mẹ cô đã kể cho cô biết rằng chú nhóc Aureliano là đứa con vô thừa nhận bởi vì bà đã bắt được nó nằm trong chiếc làn. Mặc dù cảm thấy lời giải thích ấy là không có căn cứ xác thực, nhưng bọn họ cũng không có nguồn tài liệu nào khác để thay lời giải thích này bằng một lời giải thích đúng đắn hơn. Sau khi suy đi tính lại tất cả các khả năng, điều duy nhất mà hai người chắc chắn hơn cả là Fernanda không phải là mẹ đẻ của Aureliano. Amaranta Úrsula thiên về ý nghĩ cho rằng Aureliano là con của Petra Cotes, người mà cô chỉ còn nhớ được những chuyện nhớ nhuốc hoang đường và chính lời đoán định đó đã gây nên trong tâm hồn họ nỗi kinh hoàng. Aureliano đau đớn trước ý nghĩ sáng tỏ rằng mình là em trai vợ mình nên anh đã trốn vào tu viện để tìm một dấu vết đáng tin nào đó về nguồn gốc của mình trong cái đồng tài liệu bừa bộn đã bị gián nhảm. Lời ghi chú lễ đặt tên xa xưa nhất mà anh thấy là lời ghi chú về Amaranta Buendía, người được cha Nicanor làm lễ đặt tên cho ở tuổi thiếu nữ, đó là thời kỳ cha đi lại khắp làng, bằng cách lợi dụng sự kích thích của sô-cô-la, cố chứng minh cho sự hiện tồn của Thượng đế. Sau khi lật hết bốn cuốn danh bạ anh thấy những lời ghi chú và ngày sinh của mười bảy anh em Aureliano thì anh đã tưởng rằng mình là một trong số mười bảy người này nhưng các ngày làm lễ rửa tội ấy lại quá xa xưa so với tuổi của anh. Thấy anh đang lạc lối trong cái mê cung để tìm cho ra gốc gác ruột thịt của mình và run rẩy vì hoang mang, vị cha sứ mặc chứng tê thấp nằm trên võng quan sát anh và với giọng chậm chạp, hỏi anh tên là gì.

- Aureliano Buendía, - anh trả lời.

- Vậy con chớ mất công tìm kiếm. - Với thái độ dứt khoát cha sứ thốt lên.
- Từ lâu rồi, ở đây có một con đường được gọi tên như thế, và bởi thế dân chúng lúc ấy quen đặt tên cho con mình bằng tên đường phố.

Aureliano run lên vì giận dữ: - Trời ơi? - anh nói. - Vậy là cha cũng không tin.

- Tin cái gì kia?

- Cha không tin rằng ngài đại tá Aureliano Buendía đã tiến hành ba mươi hai cuộc nội chiến và đã thất bại hoàn toàn. Cha cũng không tin rằng quân đội đã quây chặt rồi quét liên thanh giết chết ba ngàn người lao động và rằng chúng đã chắt xác chết lên một đoàn tàu dài hai trăm toa để ném xuống biển. Với cái nhìn thương hại, cha sứ nhìn anh:

- Ôi! Con ơi? - cha thở dài, - với cha, chỉ cần biết chắc rằng con và cha đang tồn tại trong lúc này là đủ rồi, đủ lắm rồi!

Vậy là Aureliano và Amaranta Úrsula chấp nhận câu chuyện chiếc làn là một bằng chứng về nguồn gốc của Aureliano, không phải vì họ tin nó mà chỉ vì nó có tác dụng khiến tâm hồn họ thanh thản. Trong lúc cái bào thai ngày càng lớn lên, bọn họ càng khăng khít với nhau đến mức tuy hai mà là một, ngày càng hòa tan mình vào cái cô đơn trong một ngôi nhà ọp ẹp mà chỉ một làn gió thổi cũng sập. Bọn họ tự hạn chế trường hoạt động của mình vào một không gian thực sự cần thiết nghĩa là từ phòng ngủ của Fernanda, nơi bừng sáng những giờ hoan lạc tĩnh tại, cho đến hành lang, nơi Amaranta Úrsula ngồi khâu giày và mũ cho trẻ sơ sinh, và là nơi Aureliano ngồi viết thư phúc đáp thư cụ già thông thái người xứ Catalunya mà thỉnh thoảng anh mới nhận được. Phần còn lại của ngôi nhà đã đầu hàng các lực lượng phá hủy của thiên nhiên đang ngày càng siết chặt vòng vây. Xưởng kim hoàn, căn phòng của Melquíades, những vương quốc nguyên thủy và trầm mặc của Santa Sofía de la Piedad, tất thảy đều chìm trong một khu rừng hoang hiện tồn ngay trong nhà mà chẳng một ai dám bước chân vào. Bị thiên nhiên hung bạo vây chặt, Aureliano và Amaranta Úrsula vẫn tiếp tục trồng các cây kinh giới và bảo vệ thế giới của mình bằng những vạch vôi để dựng lên những chiến lũy cuối cùng của cuộc chiến tranh tự ngàn xưa giữa con người và lũ kiến đỏ. Mái tóc dài không được chải chuốt, gương mặt thâm tím những vết bầm máu, đôi chân xuống máu cứ nê ra vào buổi sáng, cái cơ thể son sè đầy yêu đương như thân con chồn của cô trước đây bây giờ đang xỏ ra, tất cả những thứ đó đã khiến cho Amaranta Úrsula mất đi cái dáng vẻ trẻ trung hồi trở về nhà với lòng chim bạch yến bất hạnh và người chồng ngoan ngoãn, nhưng đã không làm thay đổi được sức mạnh tinh thần của cô.

“Đồ cút đái”, cô vẫn thường cười cợt: “Ai mà dám nghĩ rằng thực ra chúng ta sẽ tự kết liễu mình bằng cách sống như những kẻ ăn thịt đồng loại”.

Sợ chỉ cuối cùng còn ràng buộc họ với thế giới bên ngoài bị đứt nốt vào lúc cái thai vừa được bảy tháng, khi bọn họ nhận được một lá thư, nhưng đó hiển nhiên không phải là thư của cụ già thông thái người xứ Catalunya. Phong thư được gửi đi từ Barcelona bị rách mép, nhưng vì được viết với một nét chữ nắn nót bằng mực xanh nên nom ưa mắt. Nó có diện mạo đơn sơ và không đề tên người gửi, giống như những lá thư của kẻ thù. Aureliano giằng lấy lá thư từ tay Amaranta Úrsula khi cô sắp sửa bóc nó ra.

- Anh không thích lá thư này, - Aureliano nói. - Anh không muốn biết trong thư nói gì.

Quả như điều anh dự cảm, cụ già thông thái người xứ Catalunya không viết thư cho anh. Cái bức thư xa lạ, vốn không một ai đọc, nằm trên chiếc giá kê nơi Fernanda đã có lần bỏ quên chiếc nhẫn cưới, mặc cho gián nhấm và tiếp tục nằm ở đấy để tự thiêu hủy trong ngọn lửa nội tại của tin tức không lành, trong khi đó những người tình cô đơn bơi ngược dòng thời gian của những ngày cuối cùng ấy, những ngày không thay đổi và bất hạnh, trôi nhanh đi trong nỗ lực vô ích nhằm ném họ xuống cõi hư vô buồn chán và lãng quên. Vốn hiểu rõ sự đe dọa ấy, Aureliano và Amaranta Úrsula tay cầm tay cùng sống cho đến những tháng cuối cùng để bằng tình yêu chung thủy hoàn thiện việc hoài hai đứa con trai được bắt đầu bằng những cơn thác loạn gian dâm. Về ban đêm, họ ôm nhau nằm trên giường không hề run sợ trước những tiếng động âm âm của bày kiến đang làm tổ, tiếng bay rào rào của bày gián cũng như tiếng thờ rền rĩ và âm vang của cỏ dại thi nhau mọc tại các phòng bên. Rất nhiều lần bọn họ bị các bóng ma đi lại đánh thức dậy. Họ nghe thấy Úrsula đang chiến đấu với luật lệ của sự sáng thế để duy trì dòng dõi của mình, nghe thấy José Arcadio Buendía đang tìm kiếm chân lý hão huyền của những phát minh vĩ đại, nghe thấy Fernanda đang lầm rầm cầu kinh, nghe thấy đại tá Aureliano Buendía đang ngậy đại đi trước sự lừa phỉnh của chiến tranh và những con cá vàng, nghe thấy Aureliano Segundo đang kiệt sức vì cô đơn trong các cuộc vui nhậu nhẹt điên cuồng, và thế là họ hiểu rằng những ám ảnh chủ yếu ấy có giá trị chống lại cái chết và họ lại hạnh phúc với ý nghĩ sáng tỏ rằng bọn họ sẽ tiếp tục yêu nhau với tư chất của mình khi đã chết, khi ấy một số loại động vật tương lai sẽ giúp họ tiêu diệt những loài sâu bọ đang quét sạch những con người ở cái thiên đường khốn cùng này.

Vào lúc sáu giờ chiều một ngày chủ nhật, Amaranta Úrsula trở dạ đẻ. Bà đỡ vui vẻ của các cô gái làm tình nuôi miệng đã đặt cô nằm trên chiếc bàn ăn, rồi cười trên bụng cô, đâm thùm thụp lên người cô, cho đến khi những

tiếng kêu của cô bị tiếng khóc oe oe của đứa hài nhi bụ bẫm lấn át. Qua làn nước mắt, Amaranta Úrsula nhìn thấy nó là một Buendía của những Buendía vĩ đại, khỏe mạnh và kiên quyết như José Arcadio, với đôi mắt mở to thao láo và rực sáng như mắt của những người có tên Aureliano, và đã sẵn sàng làm lại nòi giống mình từ đầu, sẵn sàng thanh lọc những thói xấu nguy kịch và thiên hướng thích cô đơn của dòng họ mình, bởi đứa hài nhi này là người duy nhất trong một thế kỷ đã được hoài thai bằng tình yêu.

- Nó hoàn toàn là một kẻ ăn thịt đồng loại, - cô nói, - sẽ đặt tên cho nó là Rodrigo.

- Không, - chồng cô phản đối, - sẽ đặt tên cho nó là Aureliano và nó sẽ thắng cả ba mươi hai cuộc chiến tranh.

Sau khi cắt rốn cho nó, bà đỡ liền lấy tấm giẻ lau thứ nước nhờn màu xanh bọc khắp cơ thể nó. Aureliano soi đèn cho bà làm. Chỉ đến khi lật sấp đứa hài nhi xuống, mọi người mới nhận thấy nó còn có một cái gì đó khác hẳn với mọi người đàn ông. Thế là họ cúi xuống nhìn cho kỹ. Đó là một cái đuôi lợn. Họ không hề lo lắng. Aureliano và Amaranta Úrsula không biết rõ lai lịch gia đình mình cũng như không nhớ những lời nhắc nhở tâm huyết của Úrsula, và bà đỡ đã an ủi họ với lời dự đoán rằng cái đuôi vô dụng ấy sẽ có thể rụng đi khi đứa trẻ thay răng sữa. Sau đó bọn họ không có dịp để nghĩ về cái đuôi lợn, bởi vì Amaranta Úrsula bị rong máu không thể nào cầm được. Với việc dùng mạng nhện và tro đã ngào nước người ta định cứu cô nhưng vô hiệu, việc làm này cũng chẳng khác gì lấy tay bịt miệng vòi nước đang phun. Trong những giờ đầu, cô cố lấy sức giữ thái độ vui vẻ. Cô cầm tay Aureliano đang hoảng hốt để van nài anh đừng lo, rồi nói với anh rằng người như cô sinh ra đời không phải để chết trái với ý nguyện, rồi cô cười chế giễu những biện pháp ngô nghê của bà đỡ. Nhưng rồi trong lúc Aureliano ngày một mất hy vọng thì hình bóng cô ngày một nhòe dần như thể người ta đang xóa cô bằng ánh sáng, cho đến khi cô chìm đi trong cơn hôn mê. Buổi sáng ngày thứ hai người ta dẫn một người đàn bà đến bên giường cô nguyện cầu những bài kinh sôi nổi, đọc rõ tên người và tên con vật, nhưng bầu nhiệt huyết của Amaranta Úrsula vẫn lì trơ trước tất cả mọi trò nhân tạo khác với tình yêu. Chiều ngày thứ hai, sau hai mươi bốn giờ lo âu và thất vọng, bọn họ biết rằng cô đã chết bởi vì lượng máu trong cô đã cạn không phương cứu chữa, và gương mặt nhìn nghiêng của cô đanh lại, những nếp nhăn trên mặt biến đi khiến khuôn mặt cô trở thành một vầng mặt trời trắng bệch, và cô lại cười.

Cho đến lúc này Aureliano chưa hiểu được anh yêu các bạn mình đến như thế nào, anh cần có họ đến như thế nào và anh mong được gặp họ đến như thế nào. Anh đặt đứa hài nhi vào chiếc làn do mẹ nó đã chuẩn bị sẵn, lấy

tấm khăn choàng đắp cho tử thi, rồi lang thang không phương hướng trong cái làng hoang vắng để tìm một hẻm núi dẫn về thời quá khứ. Anh gọi cửa hiệu thuốc, là nơi thời gian gần đây anh không đến, và cái mà anh thấy lại là một xưởng mộc. Bà già mở cửa cho anh, tay cầm một ngọn đèn dầu, tỏ lòng thương hại anh lạc đường và khăng khăng bảo anh rằng đây không phải là hiệu thuốc, rằng ở đây chưa bao giờ là hiệu thuốc, cũng không bao giờ quen một cô gái có cổ cao ba ngón với đôi mắt mơ huyền được gọi tên là Mercedes. Anh gục đầu vào cửa hiệu sách cũ của cụ già thông thái người xứ Catalunya để khóc lóc mà tin rằng bằng những tiếng khóc muộn màng, mình đang trả nợ một cái chết mà anh không muốn khóc đúng lúc để khỏi làm đứt quãng sự quyến rũ của tình yêu. Anh nắm tay lại đâm mạnh vào những bức tường gạch của cái nhà chứa Cậu bé vàng, cái tên do Pilar Ternera đặt, không hề để ý tới những chiếc đĩa vàng màu da cam đang rực rỡ bay ngang bầu trời mà trước đây trong một đêm hội, đứng ở sân những chú diệc, anh đã háo hức ngắm nhìn. Một đội đàn phong cầm chơi những bài hát của Raphael Escalona, người cháu của đức giám mục, người kế thừa của cụ Francisco - Con Người ở quán nhậu ngoài trời thuộc xóm cờ bạc đã hoang vắng bóng người. Chủ quán, người có cánh tay khô quắt, như thể bị cháy sẹo vì đã dùng nó để làm hại đời mẹ mình, đã mời Aureliano cùng uống một chai rượu mạnh, rồi sau đó Aureliano lại mời ông ta cùng uống một chai nữa. Chủ quán kể cho Aureliano nghe nỗi bất hạnh của cánh tay mình. Aureliano kể cho ông ta nghe nỗi bất hạnh của trái tim mình, khô quắt và sẹo cháy vì đã dùng nó để làm hại đời chị gái mình. Kể xong bọn họ cùng khóc lóc bên nhau rồi Aureliano bỗng thấy nỗi đau của lòng mình vơi hẳn đi. Nhưng khi đơn độc một mình đứng trong buổi đêm về sáng cuối cùng ở Macondo, anh dang rộng hai cánh tay ngay giữa quảng trường, sẵn sàng đánh thức cả thế gian tỉnh giấc, với tất cả tâm hồn, anh gào: - Bạn bè là một lũ con hoang. Nigromanta lôi anh ra khỏi vũng bùn nhầy nhụa những thứ nôn ra và nước mắt. Cô đưa anh về phòng, lau chùi cho anh và cho anh uống một ca nước mía. Cô lấy than xóa đi những vạch đánh dấu các khoản tiền anh còn nợ sau không biết bao nhiêu lần ngủ với cô mà nghĩ rằng bằng cách này cô sẽ an ủi anh và cô gọi lại những nỗi buồn cô đơn một cách thoải mái để anh khỏi phải khóc một mình. Khi tỉnh dậy, sau một giấc ngủ chập chờn và ngắn ngủi, Aureliano nhận ra mình đang đau đầu. Anh mở mắt và nhớ đến đứa hài nhi. Anh không thấy đứa hài nhi trong chiếc làn. Bỗng anh sững ngây ngất vì tin rằng Amaranta Úrsula từ cõi chết đã tỉnh lại để chăm nom đứa trẻ. Nhưng xác chết như một tảng đá vẫn nằm nguyên dưới tấm khăn choàng. Vì nhớ rõ rằng khi về đến nhà đã thấy cửa buồng ngủ mở toang nên Aureliano liền rảo bước đi qua hành lang sực nức mùi kinh giới mỗi buổi sáng, anh thò đầu vào phòng ăn nơi vẫn còn bừa bãi các thứ rác rưởi sau khi đỡ đẻ xong: cái chảo lớn, những tấm vải trải giường bê bết máu, những giành tro, và cả cái rón

quần của đứa hài nhi nằm trong chiếc tã lót trải rộng trên mặt bàn bên cạnh chiếc kéo và cuộn chỉ. Ý nghĩ bà đỡ đã trở lại ôm ẵm đứa bé trong suốt đêm qua đã mang lại cho anh một chút thanh thản trong lòng để suy nghĩ. Anh gieo mình trên chiếc ghế xích đu mây, vẫn chính là chiếc ghế xích đu mà Rebeca trong buổi đầu của gia đình này đã ngồi để dạy các bạn thêu, sau đó Amaranta ngồi chơi cờ đam với đại tá Gerineldo Márquez, Amaranta Úrsula ngồi may quần áo cho trẻ sơ sinh, và trong ánh chớp rực sáng của trí thông minh anh đã ý thức được rằng mình không thể chịu đựng nỗi sức nặng của quá khứ đang đè lên tâm hồn mình. Vì bị nỗi hoài nhớ của chính mình và của người khác phóng những mũi lao tử thương làm cho mệt mỏi, Aureliano ngạc nhiên nhìn những tấm mạng nhện ương bướng phủ trên vườn hồng chết đứng, nhìn cỏ dại bên bờ mọc lên um tùm ở khắp nơi, nhìn không khí bình lặng ôm trùm trong buổi mai đỏ rực của tháng hai. Thế là anh nhìn ra đứa hài nhi. Lúc này nó chỉ còn là một bộ da phồng khô cứng mà loài kiến ở khắp trái đất đã kéo tới rồi nặng nề khiêng nó đi theo những lối mòn lờm chờm đá về tổ. Aureliano không thể cự quậy được. Không cự quậy được không phải vì nỗi sợ hãi kinh hoàng khiến anh ngồi yên mà vì trong phút giây kỳ ảo đó những khóa mã chính xác của cụ Melquíades đã hiện ra trước mắt anh và thứ văn tự viết trên những tấm da thuộc kia đã được sắp đặt một cách chính xác trong thời gian và không gian của những con người: Người đầu tiên của dòng họ bị trói vào một gốc cây và kiến đang ăn người cuối cùng của dòng họ. Ở bất kỳ một hành động nào trong cuộc đời mình, Aureliano chưa bao giờ minh mẫn như khi anh quên đi những người thân đã chết của mình và quên đi nỗi đau thương cho họ, anh lấy then chắn cửa của Fernanda đóng chặt các cửa lại để ở yên trong nhà vì lúc đó anh hiểu số phận của mình đã được viết trên những tấm da thuộc của cụ Melquíades. Anh thấy chúng mới nguyên nằm bên cạnh những cây cối thời tiền sử và những vũng bùn ẩm ướt cùng những côn trùng rực sáng từng ném ra khỏi phòng tất cả dấu ấn của con người trên mặt đất, rồi anh không còn đủ bình tĩnh để đưa những tấm da thuộc ra chỗ sáng, trái lại anh đứng nguyên ở đấy, vẫn nhìn rất rõ chữ, như thể chúng được viết bằng tiếng Tây Ban Nha dưới ánh sáng rực rỡ lúc đang trưa. Anh bắt đầu đọc thành lời những trang viết đã được mã hóa ấy.

Đó là chuyện về gia đình được cụ Melquíades viết tỉ mỉ đến từng chi tiết nhỏ nhất nhất trước đây một trăm năm. Cụ đã viết nó bằng tiếng Phạn vốn là ngôn ngữ mẹ đẻ của mình, cụ đã mã hóa những bài thơ có vần của hoàng đế Augusto bằng mật mã riêng và những bài thơ không vần bằng mật mã của quân đội Hy Lạp. Ấn ý cuối cùng của cụ mà Aureliano bắt đầu nhận ra khi anh thôi không để cho tình yêu của Amaranta Úrsula làm cho lú lẫn, nằm ở ngay chỗ Melquíades không sắp đặt các sự kiện theo thứ tự thời gian mà tập trung cả một thế kỷ những chuyện hàng ngày lại, làm cho chúng cùng tồn tại

trong một lúc. Hào hứng trước thành tựu đạt được, Aureliano đọc to lên, không hề vấp vấp, những bài nhã ca mà chính cụ Melquíades đọc cho Arcadio nghe và thực ra đó là những lời tiên tri về sự hành hình của ông, rồi anh đọc lời tiên đoán trước về sự ra đời của người con gái đẹp nhất trần gian hoàn toàn bay lên trời, rồi đọc được cội nguồn của hai anh em sinh đôi sau khi đã từ bỏ việc giải mã thứ văn chương khó hiểu được viết trên những tấm da thuộc, họ phải từ bỏ không vì họ thiếu quyết tâm và nhẫn nại mà vì những ý định của họ đến quá sớm trước khi những tấm da thuộc được trăm tuổi. Trong lúc này, vì háo hức muốn biết nguồn gốc của mình, Aureliano liền bỏ cách một đoạn. Lúc đó bắt đầu nổi gió, một thứ gió mới khởi phát, còn yếu ớt, mang theo nó những tiếng nói của quá khứ, những tiếng thì thào của hoa phong lữ cổ xưa, và những tiếng thờ dài náo nuột của những ai đã tỉnh mộng trước những nỗi hoài nhớ da diết nhất. Nhưng Aureliano không nhận ra nó vì cũng trong lúc đó anh đã phát hiện ra những dấu hiệu sẽ nói rõ con người mình ở trong một người ông hám của và cháu gái từng để cho sự nhẹ dạ lời mình đi qua hoang mạc để tìm một người đàn bà và đã không đem lại hạnh phúc cho bà. Aureliano nhận ra ông ngoại mình và tiếp tục dò tìm những con đường lẫn quất của cha mẹ mình, rồi anh bắt gặp cái giây phút hoài thai của mình giữa những con bọ cạp và đàn bướm vàng trong một nhà tắm lúc hoàng hôn, nơi một anh thợ cơ khí đang thỏa cơn thèm khát nhục dục của mình với một người đàn bà nổi loạn đã hiến thân cho anh ta. Anh đang quá sùng siết đến mức không nhận ra sự chuyển mình rùng rùng lần thứ hai của cơn gió mà sức mạnh bão tố của nó đang giật đứt những bản lề cửa, lật tung mái hiên nhà phía đông, và làm rạn nứt sàn xi măng. Chỉ đến lúc ấy anh mới phát hiện ra rằng Amaranta Úrsula không phải là chị gái mình, mà là dì ruột của mình, và rằng tên cướp biển Francis Drake đã tấn công Riohacha nhằm làm cho họ tìm kiếm lẫn nhau hoài trong cái mê cung cùng huyết thống rắc rối nhất mãi cho đến khi đẻ ra một con vật huyền thoại sẽ kết thúc dòng họ mình. Lúc này Macondo chỉ còn là một cơn lốc dữ dội đầy bụi và rác rưởi cứ xoáy tít mù nhờ cơn dông bão từng được nói tới trong Kinh thánh đang vùn vủ, đó cũng là lúc Aureliano lật lướt nhanh mười một trang để khỏi mất thời gian vào những sự kiện đã quá quen biết, và khi bắt đầu giải mã đoạn nói về cái giờ phút mình đang sống, anh giải mã theo cách mình đã sống trong các sự kiện ấy. Và trong lúc giải mã trang cuối cùng, bằng cách đoán trước anh đọc nó như thể anh đang nhìn vào một tấm gương biết nói. Lúc này, anh lại bỏ qua một quãng để đọc trước những lời tiên tri và để xác định ngày và hoàn cảnh xảy ra cái chết của chính mình. Tuy nhiên, trước khi đọc đến bài thơ cuối cùng, anh đã hiểu rằng mình sẽ chẳng bao giờ ra khỏi căn phòng này nữa bởi anh đã thấy trước rằng thành phố những tấm gương (hay đúng hơn thành phố những ảo ảnh) sẽ bị gió cuốn đi và sẽ bị xóa sạch khỏi ký ức con người trong lúc anh, Aureliano Babilonia, giải mã xong các tấm da thuộc, và tất cả những

gì được viết trong những tấm da thuộc này sẽ không được lặp lại và mãi mãi không bao giờ được lặp lại, bởi vì những dòng họ bị kết án trăm năm cô đơn không có dịp may lần thứ hai để trở lại làm người trên mặt đất này.

— Hết —

- [1] Phát biểu của G. García Márquez trong buổi trao giải thưởng Nobel được tổ chức tại Phòng Khán tiết Viện Hàn lâm Thụy Điển.
- [2] Dẫn theo Manuel Maldonado Denis: Tính chất hung bạo của sự chậm phát triển và tính chất chậm phát triển của sự hung bạo, tạp chí Casa số ra tháng 9 năm 1976, trang 24.
- [3] Magadanet: vịnh biển ở Chilê, mang tên nhà thám hiểm Phecnamđô đê Magadanê đã phát hiện ra nó vào năm 1520.
- [4] Magallanes: vịnh biển ở Chile, mang tên nhà thám hiểm Fernando de Magallanes đã phát hiện ra nó vào năm 1520.
- [5] Nostradamus, còn gọi Michel de Nostredame (1503-1566) nhà chiêm tinh và thầy thuốc người Pháp, tác giả của những lời sấm truyền nổi tiếng.
- [6] Nguyên văn: Piedra filosofal (tiếng Pháp là Pierre Philosophale) có học giả dịch là “điểm kim thạch”, một hợp kim mà theo quan niệm của các nhà giả kim thuật có phép màu biến các kim loại thành vàng.
- [7] Nacianceno: dân thành Naciano thuộc Tiểu Á. (???)
- [8] Biển Aegean là một phần của Địa Trung Hải, nằm giữa bán đảo Balkan và Anatolia.
- [9] Cảng Thessaloniki thuộc Hy Lạp trong vịnh cùng tên được biển Aegean tạo nên, là một trung tâm công nghiệp quan trọng.
- [10] Memphis, thuộc Hoa Kỳ, một trung tâm công nghiệp nằm trên bờ sông Mississippi.
- [11] Một vùng phía Tây Bắc nước Tây Ban Nha.
- [12] Tiếng tôn xưng: ngài, ông...
- [13] Pai-cô - một thứ cây thuộc họ rau muống sản ở châu Mỹ, lá có vị chát có thể tẩy được giun.
- [14] Jacques Daguerre (1787-1851): nhà vật lý người Pháp đã phát minh ra thấu kính và buồng tối. Có công hoàn thiện nghề chụp ảnh. Bởi thế người ta lấy tên ông để đặt cho nghề chụp ảnh (Daguerretype).
- [15] Sir Walter Raleigh (1552-1618): nhà hàng hải và chính khách người Anh, được Nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhất ủng hộ, đã chinh phục Guayasca năm 1616.
- [16] Một thứ nước uống làm từ nước mía và men rượu.
- [17] Chỉ thời điểm ngày và đêm bằng nhau, và một năm chỉ có hai lần, đó là ngày xuân phân và thu phân.

[18] Alexander von Humboldt (1769-1859): nhà địa lý người Đức, tác giả cuốn sách nổi tiếng Cuộc du lịch đến những miền ngày và đêm như nhau của châu lục mới.

[19] Tiếng Latinh, nghĩa là: Điều đó thật là đơn giản. Con người là con vật bốn chân tạo ra vật chất.

[20] Tiếng Latinh, nghĩa là: Tôi phản đối. Sự hiện tồn của Thượng đế có hay không còn phải được chứng minh đã.

[21] Cờ vua

[22] Francisco Petrarca (1304-1374) nhà thơ Ý, một trong những nhà nhân văn vĩ đại.

[23] Nghĩa là: bà Thánh Sofia của lòng hiếu thảo.

[24] Nghĩa là Roque - Tên đồ tể.

[25] ???

[26] ???

[27] Ở đây tác giả chơi chữ. Nếu ghép Camino (con đường) với Santiago thì có nghĩa là giải ngân hà. Lễ Noel trong ngày tận thế sẽ xuất hiện ở giải ngân hà (theo Kinh Thánh).

[28] Nguyên tên vở kịch là El punal del go do (Mũi dao găm của kẻ mạnh) nhà cầm quyền buộc phải đổi là El punal del zorro (Mũi dao găm của con cáo). Đó là vở kịch thơ của nhà thơ Tây Ban Nha José Zorrilla y del Moral, 1817-1893).

[29] El Cachorro, tiếng Tây Ban Nha, nghĩa: Cáo con.

[30] Tiếng Anh: Ermine, một giống chồn sống ở Bắc Mỹ và lục địa Á Âu. Không rõ dịch giả chọn từ điều thứ từ đâu [kaufmannh2].

[31] Người Ả-rập du cư thường sống ở nước họ hoặc sống rải rác ở Syria hoặc ở Châu Phi xích đạo.

[32] Một thứ đàn phong cầm cổ xưa.

[33] Dân Bắc Mỹ, cách gọi miệt thị.

[34] Theo bản tiếng Anh là người Negro. [kaufmannh2]

[35] Tức con trai đầu lòng của Aureliano Segundo với Fernanda.

[36] Kraków [kaufmannh2].

[37] Tượng đài bề mặt trắng được dựng ngay ở cửa vào của Roda (thuộc Hy Lạp) là một trong bảy kì quan thế giới, đã bị động đất làm sập đổ.

- [38] Một thứ hoa màu vàng có nhiều ở vùng đất Trung Mỹ quanh biển Ca-ri-bê.
- [39] Đơn vị đo trọng lượng, mỗi libra bằng 0.445kg.
- [40] Nghĩa là: tên Do Thái lang thang.
- [41] Tiếng Anh, “Giáo trình cơ sở về tiếng Phạn”.
- [42] Tập anh hùng ca gồm 20 chương của Torquato Tasso (1544 – 1595).
- [43] John Milton (1608-1674): nhà thơ và nhà viết kịch người Anh. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông là tập anh hùng ca mang nội dung tôn giáo Thiên đường đã mất, viết về sự ra đời và sự suy vong của nhân loại. Ông bị mù từ năm 1652. Tác phẩm trên được ông đọc để vợ và các con gái ghi chép lại.
- [44] Thánh Peter là vị thánh tông đồ số một của Chúa Giêsu. Sinh khoảng năm thứ 10 trước Công nguyên và mất khoảng năm 67 sau Công nguyên, dưới triều đại Nero. Trên khu đất mai táng ông người ta đã xây dựng thánh đường Vatican. Ngày lễ 29 tháng 6.
- [45] Một thứ tiếng địa phương được dùng ở Catalunya, thuộc Tây Ban Nha.
- [46] Nhân vật trong Cựu ước, là con của Abraham và Sarah, và là cha của Jacob.
- [47] Doblón và Dobra: tiền vàng Tây Ban Nha từ thời Trung cổ.
- [48] Nhà sử học và tiến sĩ thần học người Anh, sinh năm 672 hoặc 573 và mất năm 735. Lễ thánh là ngày 27 tháng Năm.
- [49] Người Tây Ban Nha, lễ thánh ngày 12 tháng Mười một.
- [50] Gái lai đen.
- [51] Lucio Anneo Séneca (4 - 65): một triết gia Tây Ban Nha Latinh sinh tại Córdoba.
- [52] Publio Ovidio Nasón: nhà thơ Latinh sinh tại Sulmona (sinh năm 43 trước Công nguyên và chết năm 17 sau Công nguyên), tác giả của Arte de Amor (Nghệ thuật tình yêu) và Metamorfosis (Sự biến hình).
- [53] Tiếng nói của cư dân sống ở thành Cartago, một thành phố cổ xưa của châu Phi.
- [54] Có lẽ là tiếng cartago trong nguyên bản có nghĩa rất tục.
- [55] Một tỉnh thuộc Tây Ban Nha nằm giữa sông Segre và sông Ebro.
- [56] Macondo ở đây thuộc châu Phi.

